MAO MAO

CHA TÔI, ĐẶNG TIỂU BÌNH

THỜI KỲ CÁCH MẠNG VĂN HÓA

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Mục lục

Năm 1966 lắm chuyện

Tai họa từ trong nhà mà ra

Nã pháo vào Bộ Tư lệnh

Phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình

Tổng tiến công vào "kẻ cầm quyền đi theo con đường chủ nghĩa tư bản"

Đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Đào Chú

Một lá thuyền đơn trong sóng cả

Thành lập Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình

Đại hội toàn Trung ương mở rộng lần thứ 12 của khóa VIII

Tháng năm khủng khiếp

Tai họa từ ngang trời giáng xuống

Thanh la não bạt diễn trò Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình

Đại hội 9 và "tiếp tục cách mạng"

Sơ tán, chuẩn bị chiến tranh

Chuyến bay đơn độc về phương Nam

Giang Tây, những ngày đầu

Lao động

Về nhà rồi đây!

Phi Phi về đây rồi

Biến số trong bất biến

Sóng gió ở Hội nghị Lư Sơn

Những ngày bình lặng không yên ổn

Cảnh ngộ Phác Phương

Trời chẳng phụ lòng người

Vật đổi sao dời

Giang Nam, xuân đến sớm

Uốn nắn lại những cung cách cực tả
Giải tỏa giam cầm, lên tỉnh Cương Sơn
Thăm lại đất xưa
Chào nhé trường bộ binh
Trở lại làm việc
Đại hội khóa 10 của Đảng, kiên trì đường lối Cách mạng Văn hóa
Vào Quân ủy, Bộ Chính trị
Sóng gió trong chuyến đi dự Hội nghị đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp Quốc
Cuộc đấu tranh về "tổ chức nội các" trong Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn
Ý vị sâu xa của Đại hội Đại biểu Nhân dân khóa IV
Màn giáo đầu của chỉnh đốn toàn diện
Cuộc đọ sức chỉnh đốn ngành đường sắt
Mao Trạch Đông phê bình "bè lũ bốn tên"
Chỉnh đốn toàn diện
Ba văn kiện chỉnh đốn toàn diện
Thành tựu vĩ đại
"Bình Thủy Hử" và những ngày cuối cùng của Chu Ân Lai
Kẻ ác đi kiện trước
Thời buổi khó khăn
Cuộc tuẫn nạn bi tráng
Phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh lấn át
Phong trào Ngày 5 Tháng 4 vĩ đại
Hai "Nghị quyết" và Đặng Tiểu Bình lại bị đánh đổ một lần nữa
Sóng gió không sờn
Mao Trạch Đông, vĩ nhân một đời, ra đi
Đập tan hoàn toàn lũ bốn tên
Sự phục hồi trong vòng sáng huy hoàng

Lời kết và lời cảm tạ
Lời cảm tạ

Cha tôi, Đặng Tiểu Bình - những năm tháng Cách mạng Văn hóa

Mao Mao

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

Năm 1966 lắm chuyện

Ngày 16/5/1966, hội nghị Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc mở rộng thông qua "Thông cáo của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc", tức là Thông cáo 16/5. Việc này đánh dấu cho sự bùng nổ cuộc Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản chưa từng có trong lịch sử.

Cách mạng Văn hóa bùng nổ, chẳng phải chuyện ngẫu nhiên, mà nó là sản phẩm tất yếu của sai lầm tả khuynh, phát triển tới chỗ cực đoan trong nội bộ đảng.

Sau ngày lập quốc, qua hơn bảy năm thực tiễn xây dựng, cải tạo thành công của xã hội chủ nghĩa, với sự ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố trong nước, ngoài nước, trong nội bộ đảng ta đã bắt đầu lan tràn triền miên một loại siêu thắng lợi và tự mãn, cùng với cái đầu nóng hổi chứa đầy những hớn hở và kiêu ngạo. Đã đánh giá hiện thực và thành tựu quá cao, nóng lòng bước vào chủ nghĩa cộng sản, đã làm nảy sinh, phát triển những biện pháp không thiết thực, nên đã có những hành động mạo hiểm, tai hại, vi phạm quy luật kinh tế. Sau nhiều lần vật vã, lý luận "tả" đã dần dần được nâng cấp, cuối cùng đã chiếm được thượng phong trong nội bộ đảng. Đồng thời với điều đó, trên cơ sở tình hình dân chủ trong nội bộ đảng ngày càng sút kém, sùng bái cá nhân, độc đoán chuyên quyền ngày càng phát triển, sinh hoạt trong nội bộ đảng cũng thất thường. Việc đánh giá sai lầm tình hình quốc tế, quốc nội, đặc biệt là tình hình đấu tranh giai cấp, khiến lúc đó Mao Trạch Đông đã tạo dựng được một uy quyền tuyệt đối, khiến Mao Trạch Đông càng ngày càng gay gắt và không chấp nhận những ý kiến bất đồng, nên đã chọn lựa những hành động vô cùng sai lầm, mà bắt đầu từ mặt chính sách, mặt tổ chức, cuối cùng đặt quyết tâm vào mặt nhân sự, trừ khử tất cả những trở lực và chướng ngại để bảo đảm đường lối cách mạng mà ông ta cho rằng hết sức chính xác được thực thi một cách không thuận và suôn sẻ.

Mở đầu năm 1966, tưởng chừng như chẳng có gì khác năm xưa. Vẫn ngày "Tam Cửu" nghiêm hàn, vẫn gió bấc ào ào quét thổi. Nắng mùa đông chiếu rọi trên mặt đất, làm cho vạn vật sinh sôi nảy nở. Sau khi trải qua thời kỳ vất vả khó khăn, do sự nỗ lực nhiều mặt từ Trung ương đến địa phương, tình hình kinh tế đã có chuyển biến lớn, rất tốt. Những khó khăn khổng lồ do thiên nhiên cũng như những nguyên nhân khác đem tới đã được khắc phục. Gánh nặng nhọc nhằn trong lòng mọi người đã được giảm nhẹ, những cái nhíu mày cau có đã được

giãn ra. Trung ương Đảng cũng đang phóng tầm mắt nhìn vào tương lai, hội họp, bàn bạc về kế hoạch năm năm lần thứ ba. Tuy ăn uống vẫn phải theo định lượng, vật tư hàng hóa thiếu thốn, nhưng dù sao, về cơ bản, mọi người đã được ăn no, có thể sinh sống, làm việc với tâm tình tương đối thanh thản. Mọi người, với trái tim thiện lương của mình, hy vọng vào một năm tới có những ngày tháng yên ấm hơn, cuộc sống càng có thêm ý nghĩa, xây dựng một tổ quốc xã hội chủ nghĩa tốt đẹp hơn. Nhưng sự tiến triển của mọi việc luôn luôn vượt ra ngoài dự liệu của mọi người, hơn thế, nó còn thường vượt ra ngoài ước nguyện của những người lương thiện và chất phác.

Mọi người hình như không chú ý rằng, một năm trước đó, tức là vào cuối năm 1965 đã từng xảy ra mấy sự kiện chẳng ai ngờ tới. Ngày 10/11/1965 trên báo Văn hối xuất bản ở Thượng Hải có in một bài viết của Diêu Văn Nguyên[1]: "Bình vở kịch lịch sử mới viết lại: *Hải Thụy bãi quan*" đã phê bình nhà sử học Ngô Hàm,[2] người đã soạn và sáng tác lại vở kịch *Hải Thụy bãi quan*, đồng thời nhân đó phê phán cung cách gọi là "đòi lật án" của Bành Đức Hoài.[3]

Bài này chính là do Giang Thanh[4] và Trương Xuân Kiều[5] âm mưu bàn bạc vạch ra, rồi do Diêu Văn Nguyên chấp bút.

Tháng 2/1965, Giang Thanh tới Thượng Hải, được sự hỗ trợ của Kha Khánh Thi, Bí thư thứ nhất của thị ủy Thượng Hải cùng với Trương Xuân Kiều bàn tính, rồi do Diêu Văn Nguyên dồn sức viết ra bài báo phê phán trên. Bài đó trước sau đã được Mao Trạch Đông đọc duyệt ba lần, mới cho phép in ra. Bài báo đó nhằm mục đích phê phán chính trị cực kỳ mạnh mẽ, nó đã có ảnh hưởng rất to lớn đối với cuộc bùng nổ Cách mạng Văn hóa sau này. Sự tính toán cho bài báo "xuất chuồng" đã trải qua một quá trình cẩn mật rất dài đồng thời nó được tiến hành trong tình trạng bí mật tuyệt đối đối với tất cả mọi người trong Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Bài báo đó sau khi được tung ra ở Thượng Hải, các vị lãnh đạo Trung ương chủ trì công tác ở Bắc Kinh, vì chẳng hiểu đầu cuối ra sao, nên cũng chẳng ai chú ý. Đối với bài báo này, Ban Bí thư Trung ương giữ thái độ trung dung và thận trọng. Cha tôi là Tổng Bí thư, ông không tán thành việc phê phán Ngô Hàm, khi Bành Chân[6] nói cho ông biết về tâm trạng nặng nề của Ngô Hàm, ông đáp:

- Vở *Hải Thụy bãi quan* do Mã Liên Lương[7] diễn tôi đã xem qua rồi, có gì là sai đâu. Có một số người luôn luôn muốn đạp lên đầu người khác mà bò lên. Đối với mỗi người, họ mới chỉ biết lỗ mỗ, nửa vời mà đã phê phán tung hoăng, tự đề

cao mình. Đối với loại người như thế tôi coi khinh. Ông hãy nói với giáo sư rằng, chẳng có gì ghê gớm lắm đâu, ta cứ đánh bài với nhau như cũ. Chính trị là học thuật cần phải phân định cho rõ ràng ra, đem trộn lại làm một là điều tối nguy hiểm, và sẽ làm tắc đường ngôn luận.

Cha tôi vẫn đánh bài[8] với Ngô Hàm như thường lệ, và nói với Ngô Hàm:

- Giáo sư ạ đừng có thở vắn than dài như thế, việc gì cũng đòi hỏi sự lạc quan. Sợ cái gì, trời có sụp xuống được không? Năm nay tôi đã 60 tuổi rồi, kể từ khi tôi tham gia cách mạng tới nay, kinh nghiệm của tôi đều nằm trong hai điều này: thứ nhất, không biết sợ, thứ hai là lạc quan, nhìn về phía trước, nhìn ra xa, mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn. Có chúng tôi đẩy ông lên phía trước, ông cứ yên tâm!

Cha tôi không tán thành cái kiểu phê phán như thế, nên đã an ủi Ngô Hàm, định bảo vệ Ngô Hàm, nhưng không ngờ rằng, tình thế lại phát triển một cách mau lẹ, thoát hẳn ra khỏi quỹ đạo bình thường. Ban Bí thư Trung ương, sau khi nắm bắt được những ẩn ý nằm sau bài báo của Diêu Văn Nguyên, đành phải để tất cả báo chí ở Bắc Kinh đăng lại. Nhìn bề nổi mà nói, đây chẳng qua chỉ là một việc làm sơ suất, nhưng chính sự kiện này đã là sợi dây cháy chậm, dẫn tới nỗi bất bình của Mao Trạch Đông, rồi dần dần biến thành một cơn giông bão chính trị to lớn.

Cũng vào tháng 11/1965, Dương Thượng Côn, Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng, bí thư dự khuyết Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, bị miễn chức, tội danh là “tự đặt thiết bị nghe trộm lừa dối Trung ương”. Gia đình nhà Dương Thượng Côn và gia đình nhà tôi vốn là chỗ đi lại rất thân thiết. Khi Mao Trạch Đông đưa ra quyết định xử lý Dương Thượng Côn, cha tôi lại nhận định rằng, Dương Thượng Côn chẳng có vấn đề gì lớn cả. Sau này, khi bị bức phải “kiểm điểm”, cha tôi đã từng nói rằng: Ông đã từng có thời kỳ dài không nhận thức được hành vi “đặc vụ” này, là một Tổng Bí thư, sự xử lý của ông đã không kịp thời, lại không thực tế. Kiểu “kiểm điểm” đó chứng tỏ rằng, đối với việc phê phán Dương Thượng Côn, cha tôi không tán thành và cũng chẳng cho chuyện đó là đúng. Dương Thượng Côn từ Trung ương bị điều về công tác ở Quảng Đông, cha tôi còn đưa con gái ông, còn lưu lại Bắc Kinh học tập, về nhà tôi ở một thời gian.

Nếu như nói, việc phê phán Dương Thượng Côn còn có thể tính là một sự kiện tương đối riêng rẽ, thì những sự việc xảy ra sau đó, ý nghĩa của nó đã trở

thành bất thường. Đó là tháng 12 năm ấy, Lâm Bưu, Phó Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương phụ trách công tác quân đội, vốn ôm ấp một mục đích không thể thổ lộ cùng ai, đã vu cáo La Thụy Khanh, bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tổng Tham mưu trưởng Giải phóng quân, có ý đồ lật đổ trong quân đội. Mao Trạch Đông đã tin lời vu cáo đó của Lâm Bưu, nên đã đích thân triệu tập hội nghị mở rộng Ban Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Thượng Hải để vạch tội và phê phán vắng mặt La Thụy Khanh.

Theo hồi ức của mẹ tôi, lần ấy ở Thượng Hải, không khí của hội nghị vô cùng căng thẳng, tất cả những người có mặt ở hội nghị đều đã mất hết sự hòa hợp và cười nói vui vẻ trước kia. Văn kiện của hội nghị ngay đến bí thư cũng không được xem. Mẹ tôi hiểu ngay rằng chắc chắn phải có chuyện gì đấy, nhưng không dám hỏi. Cha tôi lại chẳng nói điều gì, suốt ngày trầm ngâm, nghiêm túc hiếm thấy. Ngày 10/12, sau khi Trung ương dùng chuyên cơ đón vợ chồng La Thụy Khanh tới Thượng Hải, Mao Trạch Đông liền phái Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình đến gặp và nói chuyện với La Thụy Khanh.

Hôm đó, cha tôi nói với mẹ tôi rằng: Hôm nay chúng tôi đi gặp La Thụy Khanh. Bà cũng nên đi thăm Hách Trị Bình, khuyên giải bà ấy.

Trên ô-tô, mẹ tôi thấy nét mặt cha tôi và Chu Ân Lai đầy vẻ âm thầm, chẳng nói năng câu nào, bà chẳng biết lý do vì sao, nhưng trong lòng cũng đầy lo lắng căng thẳng. Đến nơi, La Thụy Khanh đang bị cách ly, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình và La Thụy Khanh nói chuyện với nhau ở tầng dưới, mẹ tôi cùng với Hách Trị Bình lên trên gác.

Mẹ tôi chỉ nói với bà Hách Trị Bình được mỗi một câu:

- Chị cứ bình tĩnh…

Đến đây mẹ tôi không thể giữ mình được nữa, và bắt đầu thút thít. Sau này, khi phê phán Đặng Tiểu Bình, phái tạo phản thường nắm lấy chuyện này, bảo rằng Đặng Tiểu Bình bao che cho La Thụy Khanh và bịa ra rằng: Trác Lâm và Hách Trị Bình ôm đầu khóc rống. Cha tôi đã từng nói, ông xưa nay chẳng có một chút cảm tình nào với Lâm Bưu, về căn bản không bao giờ tin vào những vu cáo ác ý của Lâm Bưu. Nên đối với việc phê phán La Thụy Khanh, ông giữ thái độ tiêu cực và chống đối. Sau này, khi bị kiểm điểm trong Cách mạng Văn hóa, ông nói: “Tính chất nghiêm trọng của cuộc đấu tranh này, tôi vẫn không sao hiểu ra được”, nhưng rồi lại nói: “Trên thực tế là làm cho La Thụy Khanh thoát tội”.

Sau đó, khi quân đội Bắc Kinh mở hội nghị phê phán La Thụy Khanh, Mao Trạch Đông đã chỉ định Đặng Tiểu Bình và một số người khác chủ trì hội nghị. Thái độ của cha tôi vẫn là thứ thái độ tiêu cực đó. Sau này ông nói:

- Tôi bị chỉ định là một trong những người chủ trì hội nghị, nhưng sau khi khai mạc, tôi lập tức đi khảo sát tuyến ba ở Tây Bắc, giao hội nghị cho Bành Chân điều khiển. Điều đó chứng tỏ rằng, tôi đã không tích cực, không nhiệt tình với lần tranh đấu này.

Việc phê phán La Thụy Khanh là do Lâm Bưu chế tạo ra.

Đối với hành động tội ác này của Lâm Bưu, cha tôi tỏ ra căm ghét và ác cảm. Ông thông cảm với La Thụy Khanh, nhưng không đủ sức lực để cứu vãn, nên bỏ đi thị sát công tác ở tỉnh xa, đó là phương thức né tránh duy nhất mà ông có thể lựa chọn lúc bấy giờ.

Phê phán Dương Thượng Côn, phê phán La Thụy Khanh, đã làm cho khá nhiều cán bộ cao cấp trong đảng cảm thấy khó hiểu và kinh sợ. Nhưng khi đó, những người ấy vẫn còn chưa biết rằng, một cuộc phê phán mang đầy tai họa còn to lớn hơn nhiều đang ấp ủ, nung nấu và chuẩn bị, đang gấp gáp, khẩn cấp nổ ra, khiến cho mọi người không kịp suy tính, không kịp né tránh.

Vừa bước vào năm 1966, hàng loạt sự việc, hàng lô sự kiện liên tục diễn ra không ngừng không nghỉ. Tháng Giêng, Lâm Bưu triệu tập Hội nghị Chính trị toàn quân, gào thét "chính trị hàng đầu", coi như một thứ lý luận chuẩn bị cho việc tiếm đoạt quyền lực.

Tháng 2/1966, dưới sự hỗ trợ của Lâm Bưu, Giang Thanh triệu tập "Hội nghị tọa đàm về công tác văn nghệ trong bộ đội" tại Thượng Hải. Tháng 3, "kỷ yếu" của cuộc tọa đàm này được đích thân Mao Trạch Đông sửa chữa, rồi tụng ca mở ra toàn quốc, đặt nền móng ban đầu cho việc dùng lực lượng quân đội tiến hành cuộc Đại Cách mạng Văn hóa.

Tháng 3/1966 La Thụy Khanh bị tước bỏ mọi chức vụ, sau đó bị tống giam vào ngục.

Cũng tháng đó, khu vực Hình Đài tỉnh Hà Bắc xảy ra động đất dữ dội, hơn 300 nghìn người bị tai nạn.

Vẫn tháng ấy, Mao Trạch Đông nhiều lần bàn bạc với Khang Sinh, Giang Thanh và một số người khác, nói rằng: nếu như các cơ quan Trung ương làm hỏng việc, thì cần phải hiệu triệu các địa phương nổi dậy làm tạo phản. Đồng

thời còn nói: cần phải giúp đỡ phái tả, thành lập đội ngũ, tiến hành Đại Cách mạng Văn hóa.

Cho đến hôm nay, hơn 30 năm sau, ngoảnh đầu nhìn lại có lẽ bất cứ một người nào, chỉ qua bản thời gian biểu giản đơn đó, cũng cảm giác hết sức đầy đủ cái không khí nồng nặc mùi thuốc súng ấy. Nhưng khi đó, tuyệt đại bộ phận lãnh đạo trong đảng lại không từ đó ý thức ra được trận cuồng phong sắp tới với đầy trời gió rít. Ngay cả đối với những người không tỏ ra tán thành, hoặc đầy lòng nghi vấn, cũng tuyệt đối không thể tưởng tượng ra được sự tiến triển của nó về sau sẽ dẫn tới một mức độ điên cuồng, hỗn loạn để cuối cùng không làm sao điều khiển nổi nữa.

Đặng Tiểu Bình khi đó là Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng, là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, hầu như hoàn toàn giống với tất cả cán bộ lãnh đạo cao cấp trong đảng. Đối với tất cả những sự kiện đã xảy ra trước đó, tuy bất đồng ý kiến và cách nhìn nhận, nhưng lại thiếu một sự cảnh giác cao, và đối với cục diện sẽ xảy ra mà mình phải đối diện sau này lại càng không có sự chuẩn bị tư tưởng thực đầy đủ để ứng phó.

Ngày 8/4/1966, Khang Sinh[9] gọi điện thoại cho Đặng Tiểu Bình về Bắc Kinh ngay lập tức. Khi đó, Đặng Tiểu Bình cùng với Lý Phú Xuân,[10] Bạc Nhất Ban,[11] một số cán bộ lãnh đạo các bộ của Quốc vụ viện đi thị sát công tác vùng Tây Bắc. Suốt dọc đường, mọi cuộc thảo luận, tính toán của họ chỉ là những vấn đề phát triển kinh tế vùng Tây Bắc ra sao, và xây dựng tuyến ba này như thế nào. Nhận được điện thoại, cha tôi vội vã đi chuyên cơ từ Diên An trở lại Bắc Kinh, đến nhà mới biết rằng: Bành Chân lại gặp chuyện rắc rối.

Nguyên nhân của sự việc là do Bành Chân không tán thành bài báo của Diêu Văn Nguyên đăng trên báo *Văn hối ở* Thượng Hải cùng một số người phê phán mang tính chính trị với Ngô Hàm. Ngô Hàm là một nhà sử học nổi tiếng, lại là Phó Thị trưởng thành phố Bắc Kinh, đối với Bành Chân, là Bí thư thứ nhất của thị ủy Bắc Kinh là Thị trưởng thành phố, đương nhiên cần phải hỏi tại sao khi cho in bài báo của Diêu Văn Nguyên lại không hỏi qua Bắc Kinh tí chút. Giang Thanh, Khang Sinh, Trương Xuân Kiều giấu giếm Trung ương, xuống Thượng Hải báo cáo đầy ác ý với Mao Trạch Đông rằng: “Soi mói đến cả chủ tịch rồi”, làm cho Mao Trạch Đông nổi cơn thịnh nộ, phê phán Bành Chân.

Từ ngày 9 đến ngày 12/4/1966, Ban Bí thư Trung ương họp ròng rã mấy ngày liền. Tại cuộc họp, Khang Sinh truyền đạt ý kiến phê phán Bành Chân của Mao

Trạch Đông tại Thượng Hải, bảo rằng chính Bành Chân là người chủ trì và khởi thảo cái gọi là: “Đề cương báo cáo về thảo luận học thuật hiện nay” (Đề cương Tháng 2), để lộn sòng giới tuyến giai cấp, không phân biệt đúng sai, đó là một sai lầm. Bộ Tuyên truyền của Trung ương Đảng do Lục Định Nhất (ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản, bí thư Ban Bí thư Trung ương, Bộ trưởng Bộ tuyên truyền Trung ương) phụ trách là một “điện Diêm Vương”, đồng thời khiển trách thị ủy Bắc Kinh và Bộ Tuyên truyền bao che cho kẻ xấu (chỉ Ngô Hàm).

Khi ấy chẳng có ai ngờ rằng, cơn thịnh nộ của Mao Trạch Đông không dừng lại ở đó mà còn đi xa hơn.

Từ ngày 16 đến ngày 22/4/1966, tại Hàng Châu, đích thân Mao Trạch Đông triệu tập, chủ trì hội nghị Bộ Chính trị mở rộng để tiến hành phê phán cái gọi là tội phản động của Bành Chân.

Phê phán La Thụy Khanh, cha tôi đã không chấp nhận. Phê phán Bành Chân cha tôi cũng không chấp nhận như cũ. Cha tôi với La Thụy Khanh và Bành Chân không những có quan hệ mật thiết trong công tác, mà trong quan hệ riêng tư cũng rất thân tình. Song cuộc phê phán này lại diễn ra quá mãnh liệt, hung hãn, cơn thịnh nộ của Mao Trạch Đông đã lên tới mức không sao ngăn cản được nữa.

Trong tình trạng sinh hoạt dân chủ trong nội bộ Đảng đã trở thành cực đoan, mất bình thường lúc bấy giờ, những cán bộ cao cấp trong đảng giống như cha tôi, nếu có những ý kiến bất đồng, cũng không có khả năng đề xuất công khai.

Sau này, trong hồi ký của cha tôi, có nói: “Vấn đề của Bành Chân vốn chẳng có gì là to lớn, tôi không phụ họa theo, chỉ gửi biếu Bành Chân nửa giỏ cam để tỏ bày thái độ”.

Không phụ họa theo, biếu cam, với tình thế lúc bấy giờ, cha tôi chỉ có thể dùng cách thức ấy để biểu thị thái độ của mình. Ông nói: “Trong điều kiện như thế, tôi thực tình khó có bề mà phản đối được”.

Từ ngày 4 đến ngày 26/5/1966, hội nghị mở rộng Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc được triệu tập họp ở Bắc Kinh. Hội nghị tiến hành theo sự bố trí của Mao Trạch Đông, đem gom Bành Chân, La Thụy Khanh, Lục Định Nhất, Dương Thượng Côn vào làm một đám, nhất loạt phê phán họ là “hoạt động phản đảng” và “giữa họ có những quan hệ cá nhân không bình thường”. Trong hội nghị, Lâm Bưu, con người này, đã đại ngôn nói về vấn đề chính biến nghe đến rợn người. Hắn tung tin giật gân rằng, có người trong nội bộ

Trung ương Đảng đang âm mưu làm đảo chính. Trong hội nghị này đã thông qua Thông cáo 16/5 do Trần Bá Đạt[12] và một số người nữa khởi thảo và đã được Mao Trạch Đông sửa chữa nhiều lần.

Thông cáo 16/5 đã triệt để phê phán những tư tưởng phản động của giai cấp tư sản nằm trong giới học thuật, giới giáo dục, giới báo chí, giới văn nghệ, giới xuất bản, định cướp đoạt quyền lãnh đạo trong những lĩnh vực văn hóa đó, đồng thời cũng phê phán luôn những nhân vật đại biểu của giai cấp tư sản chui vào trong đảng, trong chính phủ, trong quân đội và trong lĩnh vực văn hóa, cần phải tẩy trừ cho hết những nhân vật này. Bản Thông cáo còn cảnh cáo với đầy tính dự rằng: những "nhân vật đại biểu của giai cấp tư sản" chui vào trong đảng, trong chính phủ, trong quân đội và trong các lĩnh vực văn hóa chính là một đám xét lại phản động, một khi thời cơ đã chín chúng sẽ chiếm đoạt chính quyền, biến nền chuyên chính của giai cấp vô sản thành nền chuyên chính của giai cấp tư sản, đám nhân vật này, có một số đã bị chúng ta vạch mặt, một số vẫn chưa bị vạch mặt, còn một số vẫn được chúng ta tin dùng và được bồi dưỡng thành những người kế tục sự nghiệp, thí dụ như cái nhân vật Khơ-rút-sốp[13] đó, bọn họ hiện nay còn đang nằm ngủ bên mình chúng ta, các cấp đảng ủy phải hết sức chú ý tới điểm này.

Thông cáo 16/5 dùng những lời lẽ nghiêm khắc mạnh mẽ để thức tỉnh lòng người, tuyên bố, một cuộc báo động chính trị to lớn bao trùm đại địa sắp ập tới rồi

Sau khi hoàn thành cả loạt chuẩn bị chính trị và dư luận nói trên, "Cuộc Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản" chính thức vén màn, với thanh thế ào ạt, lấy việc phê phán chính trị, phê phán nổi loạn làm yếu tố cơ bản.

Tai họa từ trong nhà mà ra

Mao Trạch Đông không ở Bắc Kinh, Lưu Thiếu Kỳ là Phó Chủ tịch Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Chủ tịch nhà nước, là người kế cận Mao Trạch Đông, "phụng mệnh" triệu tập và chủ trì hội nghị mở rộng Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Lưu Thiếu Kỳ không thể ngờ được rằng, tất cả những việc làm cho tới nhiều cơn giận dữ, tức tối của Mao Trạch Đông vặn vẹo, buộc tội, nhằm vào Bành Chân, La Thụy Khanh, Lục Định Nhất, Dương Thượng Côn hoàn toàn không phải là chuyện đơn giản.

Năm 1958, sau khi Đại nhảy vọt bị thất bại, đặc biệt là trong những năm 60, sau khi điều chỉnh thành công những hành động "tả" nguy hiểm, Mao Trạch Đông bắt đầu tỏ ra khó chịu đối với những người làm việc ở tuyến một của Trung ương mà lại có những cách nghĩ không phù hợp với ông ta như Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Đương nhiên rằng, người thuộc loại hàng đầu như Lưu Thiếu Kỳ thì sự bực tức càng lớn. Khi đó Mao Trạch Đông cũng đã có quyết định dùng Lâm Bưu, một con người luôn luôn tìm mọi cách "tỏ rõ lòng trung thành" với ông ta, làm người kế cận trong đảng, thay cho Lưu Thiếu Kỳ, cốt để duy trì bảo vệ cái lý luận "cách mạng phải được tiếp tục trong điều kiện chuyên chính của giai cấp vô sản", và để đề phòng, ngăn ngừa nảy sinh "chủ nghĩa xét lại" cùng "tư bản ngóc đầu dậy" ở Trung Quốc. Điều này, Lưu Thiếu Kỳ không nhận biết được gì hết, Đặng Tiểu Bình cũng không nhận biết được gì cả, các cán bộ cao cấp trong đảng cũng chẳng ai nhận biết ra.

Đối với các loại sự kiện như sấm nổ không kịp bịt tai sắp xảy ra, đối với hàng loạt cách làm, cách nghĩ vượt khỏi những quy luật thông thường của Mao Trạch Đông, ban đầu Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình cùng các quan chức cao cấp đều không nhận ra, nhưng khi đã nhận ra rồi, lại không sao mà hiểu được, sự "trì trệ" về chính trị đó đã đẩy họ vào một tình thế "không theo kịp tình hình" ngay từ lúc vừa bắt đầu, dẫn tới những "sai lầm" tất yếu, dồn đẩy họ tới mức bị đánh đổ và chìm nghỉm trong dòng chảy điên cuồng của "cách mạng".

Ngày 25/5/1966 cũng là một ngày trước khi kết thúc hội nghị Bộ Chính trị mở rộng để phê phán Bành Chân, La Thụy Khanh, Lục Định Nhất, Dương Thượng Côn, thì bí thư Đảng bộ khoa triết trường đại học Bắc Kinh là Nhiếp

Nguyên Tử cùng nhóm tất cả là bảy người, lãnh ý và kế sách của Khang Sinh, dán tờ báo chữ to đầu tiên, đả kích đảng ủy trường đại học Bắc Kinh và Thành ủy Bắc Kinh. Đó chính là bài báo chữ to "của chủ nghĩa Mác-Lê" thối tha nổi tiếng nhất của Đại Cách mạng Văn hóa. Bài báo này vừa dán ra, đã làm xao động trong toàn trường đại học Bắc Kinh. Chị hai tôi, Đặng Nam, khi đó đang theo học tại trường đại học Bắc Kinh, đọc xong bài báo, lập tức gọi điện thoại cho mẹ tôi hỏi về chuyện báo chữ to. Lúc đó, mẹ tôi nói:

- Nhiếp Nguyên Tử là một kẻ xấu, hồi ở Diên An đã có những thái độ không tốt. Nhưng con đừng nói với ai đấy.

Thái độ của mẹ tôi chính là đại diện cho cha tôi. Rõ ràng rằng, đối với bài "báo chữ to" xuất hiện hoàn toàn bất ngờ này, cha tôi giữ ý kiến phản đối.

Giông bão ập tới, khó có ai chống chọi lại được. Chỉ trong ngày hôm đó, báo chữ to với các loại ý kiến trong trường đại học Bắc Kinh đã lên tới dư nghìn bài. Cả thành phố Bắc Kinh rung động, lập tức như có một trận cuồng phong thổi tràn vào các trường đại học, trung học ở Bắc Kinh với đủ các kiểu, các loại tạo phản đề xuất ý kiến với Ban lãnh đạo nhà trường, báo chữ to chẳng khác gì tuyết bay, rơi lả tả xuống các vườn trường Bắc Kinh. Một không khí xao động, điên cuồng như một bệnh dịch cấp tính tràn lan, trôi chảy không gì ngăn cản nổi. Tất cả các trường đại học, trung học Bắc Kinh trong nháy mắt đã rơi vào tình trạng hỗn loạn toàn diện. Hành động tạo phản không ngừng mở rộng và được nâng cấp. Một số trường học đã xuất hiện tình trạng phê phán đấu tố Hiệu trưởng, thầy giáo, thậm chí cả hiện tượng đánh đập.

Ngày 28/5/1966, với sự bố trí sắp xếp của Mao Trạch Đông, Tổ Cách mạng Văn hóa Trung ương, tức Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, được tuyên bố thành lập, do Trần Bá Đạt làm tổ trưởng, Khang Sinh làm cố vấn, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều v.v… làm tổ phó, Diêu Văn Nguyên và một số người khác làm tổ viên. Trước đó, Trần Bá Đạt, Khang Sinh, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên v.v… vẫn âm thầm bàn mưu tính kế, đợi sau này sẽ lên sân khấu đóng những vai chính, trọng yếu, nay đã chính thức giáp trụ, mũ mão, tô son trát phấn lên sân khấu.

Xưa nay, Mao Trạch Động vẫn tin chắc vào một nguyên tắc cơ bản là "không phá thì không xây được", lập luận của ông ta là "Thiên hạ đại loạn sẽ dẫn tới thiên hạ đại trị". Khi đó, ông ta đang ở tỉnh ngoài, từ xa xôi vọng nhìn về sự tiến triển tình thế đại phá, đại loạn ở Bắc Kinh lần này, rất lấy làm đắc ý.

Trong khi đó ở Bắc Kinh, những người chủ trì công việc như Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình phải đối diện với sự hỗn loạn nghiêm trọng như bất ngờ rơi từ trên trời xuống, đẩy họ vào một tình thế cực kỳ khó khăn.

Ngày 29/5/1966, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, ba vị Thường vụ của Bộ Chính trị, phụ trách công việc hàng ngày của Trung ương, triệu tập các bộ môn có liên quan với Trung ương đến họp nghiên cứu các vấn đề của cuộc vận động, quyết định thành lập tổ công tác, đến báo Nhân dân, do Trần Bá Đạt lãnh đạo, tổ công tác đến trường đại học Bắc Kinh, do Trương Thừa Tiên, Thứ trưởng Bộ Giáo dục lãnh đạo. Chu Ân Lai báo cáo những quyết định đó bằng điện thoại với Mao Trạch Đông khi đó đang ở Hàng Châu và đã được đồng ý ngay. Ngày 30/5/1966, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, ba người liên danh gửi điện báo tới Mao Trạch Đông xin chỉ thị, ngay trong đêm đó, Mao Trạch Đông trả lời: “Đồng ý làm như thế”.

Trong khi cán bộ lãnh đạo ở tuyến một Trung ương đang bận rộn bàn bạc bố trí cán bộ lãnh đạo phong trào, tình hình bỗng có đột biến. Ngày 1/6/1966, Mao Trạch Đông lại đưa ra lời phê chuẩn, ủng hộ bài báo chữ to của Nhiếp Nguyên Tử, chỉ thị cho Thông tấn xã phát hành toàn văn, in trên báo chí toàn quốc, và nói: Bắc Kinh đại học, các dinh lũy phản động này, từ nay bắt đầu bị phá tan.

Ngày 1/6/1966, báo *Nhân dân (Nhân dân nhật báo)* cho in bài xã luận với tựa đề: “Quét sạch bằng hết lũ đầu trâu mặt ngựa” (nguyên văn: lũ trâu quỷ, rắn thần - N.D), kêu gọi dân chúng vùng lên “quét cho sạch lũ đầu trâu, mặt ngựa, đang chiếm giữ trận địa tư tưởng văn hóa”. Đánh cho tơi bời khói lửa những tên được gọi là “chuyên gia”, “học giả”, “cầm quyền”, “ông tổ sư” của giai cấp tư sản, khiến cho uy phong của bọn chúng quay lơ trên mặt đất. Bài xã luận ấy, do Trần Bá Đạt thức thâu đêm viết ra, trước khi cho in không hề báo cáo với Trung ương. Ngay tối hôm đó, đài phát thanh Nhân dân Trung ương cho đọc những bài báo chữ to của nhóm bảy người Nhiếp Nguyên Tử.

Chỉ trong vòng một ngày mà gió mưa đột biến, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình hoàn toàn không có được một chút chuẩn bị tư tưởng nào, nên vô cùng kinh ngạc. Mấy ngày liền tiếp sau đó, báo *Nhân dân* liên tục đăng những bài xã luận, những bài báo, những tin tức mang tính xúi giục, kích động, tình thế xấu đi mau chóng, phong trào tràn ra toàn quốc như nước vỡ bờ.

Ngày 3/6/1966, Lưu Thiếu Kỳ khẩn cấp triệu tập những người phụ trách cấp ủy có liên quan, tham gia Hội nghị Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng, thảo luận xem nên ứng phó với tình thế như thế nào. Với sự nhận thức nhất trí của đại bộ

phận người tham gia hội nghị đã quy định ra tám điều: trong ngoài có khác nhau, chú ý giữ gìn bí mật, báo chữ to không tràn ra đường phố, không tổ chức diễu hành thị uy, không liên kết xâu chuỗi, không tổ chức những hội nghị vạch tội đại quy mô, không nên bao vây nhà ở của "băng đen", không được phép đánh người, sỉ nhục người v.v… Quyết định: gửi đi những tổ công tác để ngăn chặn tình hình các trường đại học, các học viện lớn ở thủ đô đang rơi vào tình trạng cận kề với sự tê liệt. Đồng thời còn quy định, ở đâu xảy ra chuyện gì phải phái người tới đó, tổ công tác được cử đi phải nhanh chóng, mau lẹ, y như đội phòng cháy chữa cháy đi cứu hỏa. Trong hội nghị này, Đặng Tiểu Bình có nói: Truyền đạt tám điều đó của Trung ương cần phải hết sức nhanh chóng, mở những hội nghị có mười vạn người tham gia, một lần cắm cọc, cọc phải tới đáy.

Sau hội nghị, Thành ủy Bắc Kinh căn cứ vào tinh thần của hội nghị, đã đưa các tổ công tác xuống các trường đại học, trung học. Vì phong trào tạo phản đã có những người đứng đằng sau che chở, ủng hộ, nên khi tổ công tác tới trường, không những không ngăn được sự hỗn loạn phát triển, mà mọi việc vì thế càng ngày càng trở nên khó khăn hơn, khó có thể chế ngự được. Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình v.v… bù đầu lên vì hội họp, nghiên cứu và xử lý hàng loạt những vấn đề nảy sinh trong phong trào ấy.

Mao Trạch Đông không có mặt ở Bắc Kinh, rất nhiều những chính sách lớn không được quyết định, nên ngày 9/9/1966, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình đi Hàng Châu để hội báo tình hình. Từ ngày 10 đến ngày 12/9/1966, Mao Trạch Đông triệu tập, chủ trì hai cuộc họp, thảo luận vấn đề Đại Cách mạng Văn hóa. Trong cuộc họp đã bàn bạc, thảo luận tới hàng loạt, hàng loạt các mặt mà nội dung của nó có liên quan tới Cách mạng Văn hóa. Trong cuộc họp có bàn tới khả năng tiến hành phong trào này phải tới nửa năm, nhưng lại không đề xuất được ý kiến cụ thể để điều hành phong trào ngay trước mắt. Đối với vấn đề cử những tổ công tác tới những nơi xảy ra sự việc, Mao Trạch Đông chỉ bày tỏ trong sự bàn bạc của mình rằng: cử những tổ công tác đi quá nhanh cũng không tốt, bởi chưa được chuẩn bị gì, chi bằng cứ để cho nó hỗn loạn một dạo, hỗn chiến một trận, tình hình rõ ràng ra rồi mới cử người đi.

Sau khi từ Hàng Châu về Bắc Kinh, do Chu Ân Lai phải đi thăm nước ngoài, nên trách nhiệm chỉ đạo thuộc về Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Bắt đầu từ ngày 4/6/1966, Thành ủy Bắc Kinh theo kinh nghiệm của tổ công tác cử tới trường đại học Bắc Kinh, đã cử tiếp những tổ công tác tới một số trường đại học, học viện lớn và trường trung học.

Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình có ý định thông qua việc cử các tổ công tác này vào trường học để giữ vững lấy quyền lãnh đạo phong trào, đồng thời ngăn chặn mọi sự hỗn loạn, lập lại trật tự, họ quan tâm và hỗ trợ các tổ công tác này, còn chia nhau trực tiếp đi gặp nhân viên các tổ công tác để nắm tình hình và chỉ đạo công tác.

Ngày 4/6/1966, Đặng Tiểu Bình gặp gỡ tổ công tác đóng tại trường trung học nữ, trực thuộc đại học Bắc Kinh. Trong khi trò chuyện đã nhắm đúng vào vấn đề mà học sinh phê phán: "Uy quyền học thuật tư sản" của thầy giáo, Đặng Tiểu Bình nói:

- Nếu như (thầy giáo) có học vấn, có kiến thức thật, thì phải đoàn kết với họ, môn toán, môn vật lý của trường nữ trung học này đều rất khá. Một trường học tốt, có khí thế ngất trời, tiếng tăm lừng lẫy, càng hay. Nếu như không có thầy giáo giỏi, làm sao đào tạo ra học sinh giỏi được. Cần phải phân tích cho thỏa đáng. Tổ công tác cần phải giáo dục, giúp đỡ học sinh để nâng cao trình độ. Có đánh người chưa? Đánh người là không có bản lĩnh, là vô lý. Đấu tranh cần phải nói lý, nói lẽ, phê phán cần phải có sự chuẩn bị chu đáo, sự thật phải đối chiếu cho rõ ràng. Có một số người là "băng đen" thật, có một số người không phải là băng đen. Nói sai đi rằng tất cả mọi người đều xấu, vậy lấy ai là người tốt? Tài liệu chứng cứ không đầy đủ, chớ vội vã khinh xuất mở đại hội đấu tranh, không nên dùng nhục hình biến lưỡng, nịnh hót cũng chẳng hay gì. Nếu làm nhiều điều sai trái, sau này có đi tạ tội cũng tạ tội không hết. Vấn đề chính trị cần phải dùng biện pháp chính trị để giải quyết. Trong Đảng bộ cũng có cái tốt của nó chứ, Hiệu trưởng, hiệu phó bao giờ cũng có những người tốt chứ. Đem kéo đổ đảng đi, sao được? Đem kéo đổ đoàn đi sao được? Nếu phong trào này làm đảng sụp đổ, làm đoàn thanh niên sụp đổ mà là thắng lợi sao? Bao giờ chẳng là chuyên chính vô sản do đảng lãnh đạo chứ. Các giáo sư, đại đa số là tốt. Nói tất cả các giáo sư đều hỏng tuốt, tôi không tán thành.

Tôi sao chép tỉ mỉ đoạn nói này, là muốn chứng minh hai điều. Thứ nhất: có thể nhận ra rằng, Đặng Tiểu Bình, về tư tưởng và về nguyên tắc, đều không đồng tình, chấp nhận lý luận của "tạo phản". Thứ hai, có thể nhận ra rằng, đến lúc này đối với ý đồ phát động phong trào chính trị này của Mao Trạch Đông, ông vẫn hoàn toàn chưa ý thức được, và càng không thể nói ông đã theo sát gót được về tư tưởng và về hành động. Là một người lãnh đạo ở tuyến một Trung ương, ông cũng giống như Lưu Thiếu Kỳ, với phong trào mà nói, ông đã lạc đội, đã theo không kịp, đã thoát khỏi những bước đi của Mao Trạch Đông rất xa một cách hoàn toàn không tự giác.

Ngày 14/6/1966, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình triệu tập hội nghị Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở rộng để truyền đạt tinh thần của hội nghị Hàng Châu. Từ đó về sau, hai ông đã nhiều lần nghe báo cáo và nghiên cứu về những vấn đề mới xuất hiện trong phong trào. Ngày 21/6/1966, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình lại thêm một lần nữa triệu tập Hội nghị Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng để nghiên cứu vấn đề này. Trong hội nghị, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra một số ý kiến về vấn đề phương pháp của tổ công tác và một số vấn đề khác. Tinh thần hội nghị được đem thi hành, tình hình hỗn loạn trong các trường học và ngoài xã hội đã có những chuyển biến tốt, những hiện tượng vô chính phủ cũng đã được ngăn chặn. Ngày 28/6, Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình triệu tập Hội nghị Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng, đưa ra ý kiến: phong trào cần tiến hành theo từng bước thứ tự, là cần phải đặt ra những chính sách cụ thể cho dễ hành động.

Trong tình trạng không hề được chuẩn bị về tư tưởng, mà phong trào lại ào ạt, ập đến một cách bất ngờ, hành động của Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình là những quyết định đúng, cần phải làm, đồng thời đó cũng là quyết định chính xác. Họ cũng giống như tuyệt đại đa số cán bộ khác, đều mong khôi phục lại được không khí thường nhật vẫn có, mong học sinh trở lại trường học tập, mong thủ đô có lại được sự yên bình.

Họ không nghĩ tới rằng, cách thức, hành động của họ, về căn bản mà nói, đã lội ngược dòng với tính toán của Mao Trạch Đông. Hơn thế nữa, cả một đám người của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, trong nơi tăm tối, đang dồn hết sức mạnh, với tinh thần đầy hung hăng, đầu têu, xúi giục những hành động tạo phản của học sinh. Đối với bè lũ Giang Thanh mà nói, chỉ trong tình trạng hỗn loạn, mới là cái sân khấu tốt nhất để họ múa may, tỏ vẻ.

Cuộc Cách mạng Văn hóa này, về cơ bản mà nói, nó từ trên dội xuống, do con người bịa ra là điều khiển, thêm vào đó Lâm Bưu, Giang Thanh và một số người Cách mạng Văn hóa khác, lợi dụng nhiệt tình cách mạng cùng sự ngây thơ, ấu trĩ của thanh niên học sinh, xúi giục, kích động và đầu độc họ. Cho nên những tổ công tác cử đi, sau khi vào được nhà trường rồi, cũng không những không xoay chuyển được tình hình hỗn loạn, mà ngay từ đầu đã vấp phải sự phản đối mãnh liệt, thậm chí là xua đuổi của một bộ phận quần chúng cách mạng.

Do có những sự bất đồng về việc đưa tổ công tác vào trường học, nên tổ chức quần chúng trong các học viện, các trường đại học đã nhanh chóng chia thành

hai tác trận lớn, cơ bản là “phái bảo thủ” và “phái tạo phản”. Sở dĩ cục diện đó hình thành được, là do trên thực tế đã hình thành hai phái đối lập nhau mà một bên là những người phụ trách Trung ương ở tuyến một do Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình làm đại diện, còn một bên là phái Cách mạng Văn hóa do Lâm Bưu, Giang Thanh v.v… làm đại diện.

Tháng 7, do sự việc đã trở thành quá khẩn cấp, Trung ương có ba cuộc họp tiến hành vào những ngày 13, 19, 22 để bàn về vấn đề tổ công tác. Trần Bá Đạt là đại diện của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, nói rằng, tổ công tác đàn áp dân chủ, dội nước lạnh vào quần chúng, nên yêu cầu rút hết các tổ công tác về. Lưu Thiếu Kỳ giận dữ bác lại, và đã xảy ra cuộc tranh luận với Khang Sinh. Một người vốn nổi tiếng là trầm tĩnh như Đặng Tiểu Bình cũng không “trầm tĩnh” nổi nữa, đột ngột đứng dậy, chỉ thẳng vào Trần Bá Đạt nói, các ông bảo chúng tôi sợ quần chúng, các ông hãy thử đến tại trận xem sao! Ông dứt khoát tỏ rõ thái độ: “Rút tổ công tác về, tôi không tán thành!” Trong hội nghị, cán bộ lãnh đạo Trung ương ở tuyến một và cán bộ Cách mạng Văn hóa Trung ương, hai bên từ tư tưởng đến ngôn từ đã lên đến đỉnh của đối chọi, cuộc đấu tranh đã nóng dần lên.

Sự hỗn loạn cứ như thế kéo dài tới hơn một tháng. Trong một số trường học đã xuất hiện tổ chức Hồng vệ binh, những hành động phê phán lãnh đạo nhà trường, đấu tố “băng đen” và lũ “đầu trâu mặt ngựa”, không ngừng được nâng cấp, và đã xảy ra việc hành hạ thể xác, đánh đập. Cuộc đấu tranh phản đối tổ công tác và bảo vệ tổ công tác càng ngày càng kịch liệt hơn, những tổ chức mang tính chất và bè phái khác nhau do đó mà được đẻ thêm ra. Các trường đại học và trung học nói chung đều đã nghỉ học, những đại hội tranh luận lớn cũng như nhỏ được tiến hành suốt ngày đêm. Người ngựa của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương tới tấp, rầm rộ tới các trường để thổi gió, châm ngòi, cổ vũ tạo phản. Cán bộ lãnh đạo Trung ương như Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình v.v… bắt buộc phải tới các trường học để đối thoại và thuyết phục học sinh. Tôi nhớ, có một lần, cha tôi tới một trường đại học để tham gia tranh luận, giải đáp những câu chất vấn của học sinh. Có mặt tại đó còn có các cán bộ lãnh đạo Trung ương khác, cùng Giang Thanh và các thành viên Tổ Cách mạng Văn hóa Trung ương. Trên sân vận động chật ních người, khẩu hiệu hô vang trời đất, khí thế hừng hực, sôi sục. Dưới ánh đèn sáng choang, chói mắt, có tiếng the thé của Giang Thanh gào thét: “Học tập tiểu tướng Hồng vệ binh”, “Xin gửi tới Hồng vệ binh lời chào kính trọng”. Cái thứ tiếng Phúc Kiến của Trần Bá Đạt chẳng ai nghe hiểu được, phải có Vương Lực (tổ viên Tổ Cách mạng Văn hóa

Trung ương) đứng bên làm phiên dịch, xem ra đầy vẻ ác ý, ngông cuồng, không thể chung sống. Còn Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình cùng các cán bộ lãnh đạo ở tuyến một Trung ương, lại ra sức giải thích, khuyên can và tỏ ra bó tay, bất lực. Những vị cách mạng tiền bối đã cống hiến cả đời mình cho cuộc cách mạng nhân dân, phải đối diện với đám quần chúng "tạo phản cách mạng" biến dạng, méo mó ấy, thật quả là mù mịt không sao hiểu được.

Mao Trạch Đông là người phát động cuộc Đại Cách mạng Văn hóa ấy, lại là người khuyến khích, duy trì phong trào tạo phản. Khi "thiên hạ đại loạn" ở Bắc Kinh, thì ở Hàng Châu, bên bờ hồ Tây Tử, ánh nước long lanh, Mao Trạch Đông đã đưa ra quan điểm dứt khoát không đồng ý với những người lãnh đạo tuyến một ở Bắc Kinh. Ngày 21/6/1966, Mao nói: Cách mạng Văn hóa là một cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp. Bây giờ không cử các tổ công tác tới các trường học, cứ để cho nó đại loạn lên đã.

Ngày 8/7/1966, Mao viết thư cho Giang Thanh nói, thiên hạ đại loạn sẽ dẫn tới thiên đại trị. Cứ bảy tám năm lại làm lại một lần. Nhiệm vụ hiện nay là phải đánh đổ hết phái hữu trong toàn đảng trên toàn quốc.

Kể từ khi phong trào nổ ra tới đó, Mao Trạch Đông lại thêm một lần phát khẩu lệnh "chiến đấu".

Ngày 18/7/1966, sau khi Mao Trạch Đông sảng khoái rong chơi, bơi lội trên sông Trường Giang ở Vũ Hán, mới trở lại Bắc Kinh. Ông ta mượn cớ cần nghỉ ngơi từ chối không tiếp Lưu Thiếu Kỳ tới thăm viếng, nhưng ngay trong ngày hôm đó, ông ta đã nghe báo cáo của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương.

Bắt đầu từ ngày hôm sau cho đến ngày 23/7/1966, Lưu Thiếu Kỳ căn cứ vào ý kiến của Mao Trạch Đông đứng ra triệu tập và chủ trì "Hội nghị báo cáo về Đại Cách mạng Văn hóa". Sự chia rẽ trong hội nghị vẫn rất lớn, Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương kịch liệt công kích tổ công tác của lãnh đạo tuyến một Trung ương là đàn áp quần chúng. Trong hội nghị này, Mao Trạch Đông có phát biểu ý kiến của mình. Ông ta nói, trở về tới Bắc Kinh, ông ta cảm thấy rất đau lòng, lạnh lẽo, tẻ nhạt, thậm chí lại thấy có người đàn áp phong trào học sinh. Đây là sai lầm phương hướng, cần phải quay trở lại ngay. Ngày 24/7/1966, Mao Trạch Đông triệu tập Ban Thường vụ Trung ương và các thành viên trong Tổ Cách mạng Văn hóa Trung ương, để phê phán Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, họ bảo tổ công tác chỉ có tác dụng xấu, làm trở ngại cho phong trào, chính thức chỉ thị phải ngay lập tức rút các tổ công tác về.

Mao Trạch Đông đã xác định tính chất của tổ công tác, những người đã cử tổ công tác đi như Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, trên một số vấn đề, rõ mười mươi rằng đã "phạm sai lầm".

Ngày 29/7/1966, Thành ủy Bắc Kinh mở đại hội với một vạn người ở hội trường Nhân dân, tuyên bố hủy bỏ tổ công tác.

Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình nói chuyện, nhưng mang tính kiểm thảo tại hội trường. Đặng Tiểu Bình nói:

- Cần phải nói cho rõ ràng rằng, lấy danh nghĩa là Thành ủy mới, cử các tổ công tác tới các trường đại học, trung học, đó là việc làm có căn cứ vào ý kiến của Trung ương… Có đồng chí nói: các đồng chí lão thành cách mạng vấp phải vấn đề mới, rõ ràng là như vậy.

Chu Ân Lai nói:

- Các đồng chí trong tổ công tác, tuyệt đại đa số là người tốt, lão thành cách mạng vấp phải vấn đề mới mà!

Lưu Thiếu Kỳ nói:

- Còn như phải tiến hành Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản như thế nào, các đồng chí không hiểu lắm, không rõ lắm, các đồng chí hỏi tôi, tôi thành thật trả lời các đồng chí rằng, tôi cũng chẳng hiểu ra sao. Tôi nghĩ rằng, rất nhiều đồng chí khác ở Trung ương rồi các thành viên trong tổ công tác, cũng chẳng hiểu được.

Những lời nói của Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình là kiểm điểm, là chịu trách nhiệm và cũng là những lời tâm huyết.

Là đại biểu của Hồng vệ binh nhà trường, tôi cũng tham gia lần đại hội đó. Cho đến hôm nay, tôi vẫn còn ghi nhớ rất rõ ràng rằng, nhìn lên Chủ tịch đài rộng lớn, cả vạn người trong hội trường đều im như thóc. Chúng tôi thuộc phái "bảo vệ tổ công tác", vừa nghe mà vừa rơi nước mắt, từ trong sâu thẳm trái tim, chúng tôi cảm nhận được sự chống đối và bất lực của các bậc tiền bối. Tôi cũng còn nhớ rất rõ ràng, khi đại hội kết thúc, Mao Trạch Đông bất ngờ xuất hiện trên lễ đài hội trường, với phong thái của người khổng lồ không ai sánh kịp, hướng về những người tham gia hội nghị vẫy vẫy tay gửi gắm lời thăm hỏi ân cần. Hội trường lập tức sôi động hẳn lên, những tiểu tướng Hồng vệ binh vì niềm vui bất chợt, nên xúc động hoan hô, ai nấy nước mắt ròng ròng. Muốn được nhìn rõ Mao Chủ tịch, những người phía sau quên hết mọi sự, họ đứng lên ghế, lên bàn

gào đến khản cổ: “Mao Chủ tịch muôn năm!” Hội nghị từ chỗ trầm buồn, dồn nén đến cao độ lúc ban đầu, chỉ trong chốc lát đã biến thành biển lớn trào dâng.

Sau đại hội đó, phong trào Đại Cách mạng Văn hóa, đã được Mao Trạch Đông phát động, từ đó đã phá bỏ được mọi trở ngại, danh chính ngôn thuận tiến vào giai đoạn mới - “tạo phản có lý”.

Nã pháo vào Bộ Tư lệnh

Từ ngày 1 đến ngày 12/8/1966, Đảng Cộng sản Trung Quốc họp phiên toàn thể lần thứ 11 khóa VIII. Ở Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, họp trong những ngày đầu của Hội nghị toàn thể, Mao Trạch Đông chỉ trích nặng nề hơn đối với việc cử các tổ công tác, ông ta nói "là đàn áp, là khủng bố, cuộc khủng bố này là từ Trung ương mà ra", và mập mờ nói thêm: "bọn đầu trâu mặt ngựa hiện đang ngồi ở đây". Mao Trạch Đông còn dùng phương thức điển hình của Cách mạng Văn hóa viết ra bài báo trứ danh: "Bài báo chữ to của tôi - Nã pháo vào Bộ Tư lệnh", trong đó chỉ trích một số đồng chí cán bộ lãnh đạo từ Trung ương tới các địa phương đã đứng trên lập trường giai cấp tư sản phản động, thực hiện chuyên chính của giai cấp tư sản. Bài báo chữ to đó tuy không đích xác chỉ vào ai, nhưng mũi giáo chỉ vào đâu thì đã hai năm rõ mười.

Từ đó, đại hội bắt đầu vạch vòi và phê phán những "sai lầm" của Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Các ông kễnh Cách mạng Văn hóa từ "các lộ" bắt đầu bằng việc cử các tổ công tác đàn áp phong trào học sinh, rồi mới ngược các loại "sai lầm", từng điểm một, từ năm 1962 tới lúc đó của cán bộ lãnh đạo tuyến một Trung ương, buộc tội Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình.

Bài nói chuyện trong hội nghị của Mao Trạch Đông cũng chỉ trích Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình đàn áp phong trào học sinh là vấn đề phương hướng, là vấn đề đường lối, là đường lối sai lầm. Hội nghị phê phán đó đã đi đến được một kết luận, ngoài Trung ương Đảng do Mao Trạch Đông dẫn đầu, còn có thêm một Bộ Tư lệnh của giai cấp tư sản do Lưu Thiếu Kỳ làm đầu đảng.

Cuối cùng, theo đề nghị của Mao Trạch Đông, đại hội tăng thêm một nghị trình, xét tuyển lại Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Bộ Chính trị. Lưu Thiếu Kỳ đang đứng ở hàng thứ hai, nay tụt xuống hàng thứ tám. Còn Lâm Bưu thì lên lách leo lên, được xếp vào hàng thứ hai, trở thành Phó Chủ tịch duy nhất của Trung ương Đảng, được cất nhắc, thay thế cho Lưu Thiếu Kỳ, ở vào địa vị người kế cận.

Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình vốn là những người chủ trì công tác ở tuyến một Trung ương, kể từ sau hội nghị này, trên thực tế là đã rút khỏi công tác lãnh đạo ở Trung ương rồi. Đồng thời với việc tiếp thu phê phán ở hội nghị, cha tôi có lúc vẫn phải đi tham gia phong trào, tham gia các cuộc mít tinh của quần chúng,

và giải đáp các vấn đề ở một số trường học. Đối với Cách mạng Văn hóa, cha tôi đã từng nói: “Lão thành cách mạng gặp vấn đề mới” để biểu thị sự không hiểu nổi của mình. Sau khi bị phê phán, sự không hiểu nổi lại càng sâu đậm hơn. Ông là người trầm lặng, ít nói, nhưng đối với phong trào này, đặc biệt là đối với sự điên cuồng của lũ người trong Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương và sự ngu muội của lũ tạo phản thì nỗi căm ghét càng chất chứa trong lòng. Có khi, đứng trước quần chúng, ông đã mặc xác cái nghịch cảnh của mình, chứng minh sự chính nghĩa của mình và của cả người khác.

Ngày 2/8/1966, ông được thông báo phải đến tham gia tại hội công nhân viên chức của thầy trò trường Đại học nhân dân, có học sinh gửi tới ông một mẩu giấy, hỏi về sự kiện “binh biến tháng 2”. Ông biết rõ rằng đây là một âm mưu có người xúc xiểm, vu cáo, buộc tội thêm Nguyên soái Hạ Long, biết rõ ràng ở hội trường có Trần Bá Đạt v.v… và cả những ông kễnh của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, nhưng ông vẫn thẳng thắn trả lời:

- Đã kiểm tra đầy đủ, không hề có chuyện này.

Và nói thêm:

- Xin nói để các bạn biết, quân đội của ta, Bành Chân không điều động nổi, tôi cũng không điều động được!

Chỉ từ mấy câu giải đáp trên đây, đã có thể hoàn toàn hiểu được sự bực bội, tức tối trong lòng ông ra sao. Ông muốn giải đáp bênh vực những đồng chí cũ, những chiến hữu cũ, nhưng ông, trong lúc đó, đã là người thấp cổ bé họng, có miệng mà chẳng cất được lên lời.

Sau khi đã kết thúc hội nghị toàn thể lần thứ 11, Mao Trạch Đông quyết định, Lâm Bưu đứng ra triệu tập một cuộc họp Ban Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng. Hội nghị vốn định là tiếp tục phê phán Lưu Thiếu Kỳ, nhưng Lâm Bưu, Giang Thanh và một số người khác lại nhận định rằng: về thực tế, Lưu Thiếu Kỳ đã bị đánh đổ rồi. Trước mắt, Đặng Tiểu Bình mới là mối nguy cơ chủ yếu, và là sự trở ngại lớn nhất, bởi thế mà mũi dùi phê phán của hội nghị bèn quay về phía Đặng Tiểu Bình. Bọn họ không những tổ chức chặt chẽ người phê phán Đặng Tiểu Bình, mà Lâm Bưu còn đích thân xuất tướng, biến vấn đề Đặng Tiểu Bình thành mâu thuẫn địch ta.

Ở hội nghị, cha tôi còn bị phê phán không chính đáng, thậm chí còn bị vu cáo. Tâm lý nhất định là mất bình tĩnh rồi. Về nhà tuy ông chẳng nói năng gì, nhưng trằn trọc không ngủ được. Mẹ tôi thấy ánh đèn trong phòng ngủ của ông

suốt đêm không tắt, liền đi vào nói:

- Ba giờ hơn rồi đấy, làm sao ông vẫn chưa ngủ?

Cha tôi nói với mẹ:

- Trong cuộc họp tối hôm nay, việc phê phán Lưu Thiếu Kỳ đã chuyển hướng sang tôi rồi.

Mẹ tôi hỏi:

- Ai phê phán ông?

Cha tôi chỉ nói một câu:

- Anh Bộ đội.

Cha tôi không nói thêm một câu nào nữa, mẹ tôi cũng không dám hỏi nhiều hơn, chỉ an ủi ông:

- Ông ngủ đi thôi, nếu không, sáng mai lại không dậy đi họp được.

Cha tôi biết rằng, sau lần phê phán này, những "cái sai" của ông, không còn dừng ở chuyện cử tổ công tác đi "đàn áp" quần chúng nữa, mà tất cả các món nợ cũ, nợ mới trong lịch sử đều được đem ra thanh toán hết.

Sau hội nghị, cha tôi bị bức phải nghỉ việc. Ông phải bàn giao lại số công việc vốn do ông phụ trách ở các Ban thuộc Văn phòng Trung ương Đảng cho Khang Sinh. Ông nói:

- Công việc của tôi giao cho ông, tôi không thể tiếp tục làm việc được nữa.

Cha tôi là một người xưa nay vốn trầm lặng, ít nói. Khi phong trào bùng nổ, cha tôi quá bận bịu với những công việc đột ngột nảy sinh, sau này lại bị đình chỉ công tác vì mắc sai lầm, nên lại càng ít nói hơn. Khi đó, mọi việc hoạt động, tham gia họp hành cũng càng ngày càng thưa thớt, ngay ở nhà cũng chỉ ngồi đọc những văn kiện được gửi tới.

Công việc ở Trung ương không phải làm nữa, nhưng đối với bọn trẻ con trong nhà ông quản rất chặt. Những đứa trẻ nhỏ chúng tôi, ai nấy đều tham gia phong trào ở các trường đại học, trung học, thường rất ít khi về nhà. Sau khi các tổ công tác bị phê phán, tuy chúng tôi biết về vấn đề này, cha tôi đã mắc sai lầm, nhưng còn cái cảnh trớ trêu mà cha tôi phải đối phó trước mặt, chúng tôi lại chẳng hiểu được, nên ai nấy vẫn cứ bận rộn với phong trào.

Đầu tháng 8, khi đôi câu đối (và bức hoành) của Hồng vệ binh của một số trường trung học được dán ra: “Bố anh hùng, con hảo hán”, “Cha phản động, con thối thây”, “cơ bản như thế” lập tức đã làm trỗi dậy một cuộc tranh luận lớn về “huyết thống”. Tổ chức Hồng vệ binh ở nơi tôi giữ vững lập trường của đôi câu đối này, nhưng tổ chức Hồng vệ binh của chị cả Đặng Lâm tôi ở Học viện Mỹ thuật Trung ương lại giữ thái độ phản đối. Tôi vẫn nhớ rằng, khi ấy để tranh luận với nhau về đôi câu đối này, các tổ chức luôn bận bịu suốt ngày đêm, chạy đây chạy đó, tới các hội trường tranh luận, cãi nhau. Vừa cãi lộn ầm ĩ, tranh luận với nhau xong ở học viện âm nhạc, là đội ngũ lại rầm rập kéo nhau tới Học viện Mỹ thuật. Chính vì quan điểm bất đồng nên tôi và chị tôi, hai người cứ hồ như đối lập với nhau. Hôm đó đêm đã khuya lắm, tôi dùng điện thoại công cộng bên ngoài hội trường, nơi đang tranh luận ỏm tỏi gọi về cho mẹ tôi để tranh thủ ý kiến của bà. Tôi nhớ, mẹ tôi cuống quýt nói với tôi:

- Đôi câu đối ấy sai đấy, con đừng có tranh cãi với chị con làm gì con về nhà ngay đi!

Tiếng nói nặng nhọc của mẹ tôi nhắc lại lần nữa:

- Cha con nói thế đấy!

Khi ấy, tôi thật chẳng thích thú gì khi phải tuân theo sự quyết định của cha mẹ, sau này, khi đã hiểu ra được, tôi mới thấy thật may vì tôi đã nghe lời cha mẹ.

Ngày 18/8/1966, ở đại hội Chúc mừng Đại Cách mạng Văn hóa, Lâm Bưu đã hô hào Hồng vệ binh:

- Đập cho tan nát tư tưởng cũ, văn hóa cũ, phong tục cũ, tập quán cũ của giai cấp bóc lột!

Bắt đầu từ ngày 20/8/1966, Bắc Kinh là nơi đầu tiên được phát động phong trào Đập phá bốn cái cũ của Hồng vệ binh với quy mô vô tiền khoáng hậu, rồi nhanh chóng lan ra bao phủ toàn quốc. Các tiểu tướng Hồng vệ binh vượt cổng trường học, lao vào “đâm chém xã hội”. Chỉ trong chốc lát, cả xã hội đã bao trùm bởi một cuộc “khủng bố đỏ”. Phong trào “cách mạng” hủy hoại xã hội sâu đậm này do đích thân thống soái Lâm Bưu kêu gọi phát động, với sự xúi bẩy, thúc giục trực tiếp của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, càng diễn càng mạnh, phát triển tới những cuộc lục soát lớn, đấu tố lớn, phá hoại lớn, thậm chí đánh chết người. Không biết bao nhiêu tiểu tướng Hồng vệ binh trẻ con, ấu trĩ, vì “bảo vệ đường lối cách mạng của Mao chủ tịch”, đã cuồng nhiệt, mù quáng bị cuốn hút vào hành động cách mạng điên rồ này. Cha mẹ tôi, lúc này cũng cảm

thấy mọi sự hỏng to rồi, đã gọi tôi và em trai tôi từ trường trung học về nhà giữ rịt, không cho thò chân ra ngoài, và nói rõ cho chúng tôi biết, cấm hẳn không được phép tham gia bất cứ một hành động khám nhà, đấu tố nào. Khi ấy mấy anh chị em tôi cũng đã cảm thấy tình thế bất lợi của cha tôi, nên đều nghe lời, đóng cửa ở nhà. Có người ngồi học đan len, có người láp ráp máy thu thanh, cũng có người suốt ngày chỉ ngồi sao chép những ngữ lục của Mao Chủ tịch.

Sự yên tĩnh trong nhà khiến chúng tôi hoàn toàn cách ly với những động loạn bên ngoài. Cho đến tận bây giờ nhớ lại những ngày đó, chúng tôi thấy vô cùng biết ơn cha mẹ đã nghiêm khắc trông giữ chúng tôi trong cái giờ phút gay go ghê gớm ấy.

Cách mạng Văn hóa, một phong trào quần chúng với quy mô chưa từng có đã làm cho toàn thể xã hội bị đảo lộn đến mức trời long đất lở, sau khi đã cách cổ được sự trở ngại của Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, phong trào càng được tăng cường sức mạnh, ào ào phát triển lao đầu về phía trước.

Ngày 18/8/1966, Mao Trạch Đông mặc quân phục, tay đeo băng đỏ Hồng vệ binh, tiếp kiến hàng triệu Hồng vệ binh tại quảng trường Thiên An Môn. Cho đến cuối tháng 11/1966, Mao Trạch Đông, trước sau tất cả tám lần tiếp kiến hơn 11 triệu Hồng vệ binh. Với sự chỉ đạo của đích thân Mao Trạch Đông, phong trào Hồng vệ binh vẫn cuồng điên phát triển như lửa cháy đùng đùng.

Dư âm điên cuồng của phong trào "phá bốn cái cũ" chưa tắt, lại bắt đầu phong trào Đại cách mạng xâu chuỗi trên phạm vi cả nước. Với sự kêu gọi của Mao Trạch Đông, những tiểu tướng Hồng vệ binh mặc quần áo bộ đội cũ, rất được ưa chuộng lúc bấy giờ, đi xe lửa, đi ô-tô không phải mua vé, bắt đầu làm một cuộc xâu chuỗi lớn với hàng chục triệu người trên phạm vi toàn quốc. Cuồng phong bão tố của phong trào ập tới không sót một ngõ ngách nào của xã hội, ngọn lửa bạo liệt của tạo phản bùng bùng bốc cháy khắp đại địa Thần Châu.

Phong trào tạo phản từ trường học đã tràn ra khắp xã hội, làm cho trật tự xã hội bị phá hoại nghiêm trọng, mạnh mẽ đánh vào nông nghiệp cũng như các ngành sản xuất khác, khiến cho đại đa số cán bộ quần chúng bất mãn và chống lại, sự hỗn loạn cũng như mâu thuẫn xã hội sâu sắc thêm một bước. Đồng thời do sự nhận thức và quan điểm của các tổ chức Hồng vệ binh bất đồng, nên đã phân hóa thành các bè phái hết sức nghiêm trọng. Các bè phái, các tổ chức lại không ngừng tiến hành những cuộc tranh luận và tranh chấp đấu đá. Phong trào đến đây đã làm cho cả vùng đất bao la của Trung Quốc sôi lên sùng sục, đúng là đã đạt tới biên giới lý tưởng của nhà tiên tri cách mạng: Thiên hạ đại loạn rồi.

Phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình

Mặc dù tạo phản đương nhiên là "có lý", mặc dù "cách mạng" đã thành tiêu chuẩn của chân lý, nhưng kể từ khi bùng nổ cuộc Cách mạng Văn hóa, thì những trở lực đối với phong trào đó vẫn cứ tồn lại.

Đồng thời với việc phong trào đã dần dần từng bước được mở rộng và sâu thêm, lại càng có nhiều người với thời gian dai dẳng hơn, đã đặt ra nhiều câu hỏi nghi vấn đối với phương hướng, phương thức, cho đến lập luận của phong trào. Phong trào này dù do đích thân Mao Trạch Đông phát động, dù do Lâm Bưu và Giang Thanh hai thế lực ra sức ủng hộ, nhưng vẫn có rất nhiều sức ngăn cản và chống lại, nên những hỗn loạn mới vẫn không ngừng nảy sinh.

Vậy căn cốt của nó là gì, là do bản chất của quyết định phát động phong trào Cách mạng Văn hóa sai lầm tạo ra. Nhưng Mao Trạch Đông lại cho rằng, sở dĩ nảy sinh ra những trở ngại, từ cốt lõi, chính là trong đảng có một nhóm kẻ cầm quyền đi theo con đường tư bản, do Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình cầm đầu. Ông ta cũng cho rằng, đường lối tư bản chủ nghĩa này cũng đã có được địa vị thống trị tương đối rồi, hơn thế, cho đến bây giờ, trong đảng vẫn còn đất sống cho nó. Muốn bảo đảm Cách mạng Văn hóa tiến hành được thuận lợi, nhất định phải quét cho hết những trở ngại trên con đường tiến lên.

Bắt đầu từ ngày 9 đến ngày 28/10/1966, Mao Trạch Đông triệu tập hội nghị công tác Trung ương, thêm một lần nữa phê phán "đường lối phản động của giai cấp tư sản", mà đại biểu là Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Mặc dù rằng hội nghị do đích thân Mao Trạch Đông triệu tập: một số đồng chí ở Trung ương cũng như các địa phương vẫn biểu hiện ra những "trì trệ ", "rất khó hiểu" và theo không kịp phong trào của họ. Đúng như Mao Trạch Đông đã phê bình rằng "phát ngôn ở giai đoạn đầu, rất không bình thường".

Chẳng bao lâu sau, những ông kễnh Cách mạng Văn hóa đã xuất tướng. Trần Bá Đạt, tổ trưởng Tổ Cách mạng Văn hóa Trung ương, kể lể dài dòng tới sáu điều lớn, đo đếm những công to trạng nhỏ của Cách mạng Văn hóa, rồi phê phán đích danh Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, lão nói:

- Đường lối sai lầm của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình có cơ sở xã hội của nó, cái cơ sở xã hội này chủ yếu là giai cấp tư sản. Đường lối sai lầm trong đảng cũng có đất sống nhất định của nó, bởi trong đảng có một nhúm kẻ cầm quyền đi

theo con đường tư bản, cũng lại còn có một nhóm tương đối lớn những kẻ hồ đồ chưa được cải tạo về thế giới quan và chưa được cải tạo đến nơi đến chốn. Lâm Bưu giữ một địa vị hiển hách, trong bài nói mang tính kết luận của mình, ngoài việc cực lực tuyên dương tính tất yếu cũng như ý nghĩa trọng đại của Cách mạng Văn hóa, còn đích danh công kích việc thi hành điều một: đàn áp quần chúng, và đường lối phản cách mạng. Ông ta còn nói:

- Trong một thời gian ngắn, đường lối này của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình cũng đã có được một địa vị thống trị tương đối.

Khang Sinh và những người khác đều nhao nhao phát biểu ý kiến, âm thanh gào thét của cả cái mớ phê phán ấy khiến cho cả hội nghị nồng nặc mùi thuốc súng. Trong hội nghị, người cấp dưới của Đặng Tiểu Bình hồi ở Dã chiến quân thứ 2 là Tạ Phú Trị đã tiên phong xung trận, lên tiếng trước, phê phán Đặng Tiểu Bình. Lão nói:

- Trong vòng 30 năm, cái ấn tượng "luôn luôn chính xác" của Đặng Tiểu Bình trong mọi người đã có ảnh hưởng rất lớn trong đảng, lần phê phán đường lối phản động của giai cấp tư sản này, sở dĩ nó vấp phải trở ngại to đến như vậy, không phải là không liên quan gì tới loại ảnh hưởng này.

Trần Bá Đạt phê phán một trọng điểm của Đặng Tiểu Bình, bảo rằng Đặng Tiểu Bình là kẻ tiên phong trong đường lối sai lầm, đồng thời thanh toán một lần tất cả các món nợ cũ nợ mới tính từ những năm 60. Lâm Bưu nói liều, nói bậy lung tung rằng, Đặng Tiểu Bình đã từng tranh công của Dã chiến quân thứ 4, và nham hiểm vu cáo rằng, trước kia Đặng Tiểu Bình đã từng là lính đào ngũ (ý nói tới thời kỳ ở quân đoàn Hồng quân số 7), với ý đồ làm tăng thêm tội lỗi của Đặng Tiểu Bình trong quá khứ. Ngày 25/10/1966, Mao Trạch Đông nghe báo cáo lại ý kiến của hội nghị cũng tỏ ra bất bình với Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông nói rằng, Đặng Tiểu Bình tai điếc, vậy mà trong các cuộc họp lại cứ chọn chỗ ngồi thật xa chỗ ông ta, nói rằng xưa nay Đặng Tiểu Bình chưa bao giờ tự tìm tới gặp ông ta. Tính từ năm 1959 tới nay, cả sáu năm giời chưa bao giờ báo cáo công tác với ông ta.

Cũng chính ngày 25, khi hội nghị sắp kết thúc, Mao Trạch Đông chính thức nói chuyện với hội nghị. Ông ta nói, lần hội nghị này "tức là phải tổng kết lấy một số kinh nghiệm, để làm công tác tư tưởng chính trị", giải quyết vấn đề "tư tưởng không thông". Ông ta còn nói đến nguyên nhân phát động phong trào: Cách mạng Văn hóa, bởi vì trước kia ông ta đã quá tin người, khi ở Trung ương chia ra làm tuyến một, tuyến hai, nên đã xuất hiện khá nhiều vương quốc độc

lập, ý kiến của ông ta không được thực hiện ở Bắc Kinh, thúc đẩy cũng không được. Đối với bản thân phong trào. Mao Trạch Đông cũng chẳng vui vẻ gì nói:

- Thời gian rất ngắn, cái thế xô tới lại rất mạnh. Tôi cũng chẳng ngờ được, bài báo chữ to (của trường đại học Bắc Kinh) vừa được đài phát đi, đã làm rung động toàn quốc… Hồng vệ binh vừa xông tới đã làm cho các vị táng đởm kinh hồn… Ngọn đuốc của Đại Cách mạng Văn hóa là do tôi đốt cháy lên đấy…

Tuy nhiên để trừ diệt mọi trở lực, Mao Trạch Đông lại tiếp tục phê phán Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, nhưng cũng chính lúc đó ông ta lại nhận định rằng, những vấn đề ở Trung ương đã được giải quyết. Vấn đề của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình và nhiều cán bộ khác vẫn chỉ là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Ông ta còn nói, cần phải cho phép người ta được mắc sai lầm, hai người Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình và họ làm công khai, cần phải cho phép họ làm cách mạng. Ông ta còn nói với những người đến dự hội nghị rằng: "Tôi không đánh đổ các vị đâu, xem ra Hồng vệ binh cũng chẳng đánh đổ các vị làm gì. Các vị không vượt qua được cửa quan, tôi cũng bối rối lắm chứ. Thời gian còn quá ngắn, nên cũng có thể bỏ qua đi được, không phải là sự sai lầm cố ý về đường lối, có người đã nói rằng phạm sai lầm chẳng qua chỉ tại mơ hồ thôi, cũng không thể hoàn toàn trách đồng chí Lưu Thiếu Kỳ, đồng chí Đặng Tiểu Bình, hai đồng chí ấy mắc sai lầm, cũng có nguyên nhân của nó. Ông ta còn dự báo:

- Phong trào này mới được có năm tháng, có thể phải tiến hành trong hai lần năm tháng như thế, cũng có thể là dài hơn thời gian đó một chút…

Như vậy có nghĩa rằng, phong trào này phải làm trong một năm, hoặc hai năm, mới gọi là hoàn thành sứ mạng, và tròn trịa kết thúc. Đối với việc đó, hầu như Mao Trạch Đông rất tự tin. Nhưng có điều bất hạnh là, sự thực cuối cùng đã chứng minh: ông ta sai. Cuộc họp toàn thể trong ngày 23/10/1966, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình làm kiểm điểm. Bản kiểm điểm của Lưu Thiếu Kỳ đã được Mao Trạch Đông thẩm duyệt rồi mới mang ra đọc. Lưu Thiếu Kỳ đã kiểm điểm "những sai lầm" của mình trong 50 ngày Cách mạng Văn hóa và cả trong quá khứ nữa, không hề né tránh, dám chịu trách nhiệm. Nhưng trong tình thế đó, dù có tự phê trái với lòng mình, cũng chẳng được tích sự gì.

Bản kiểm điểm của Đặng Tiểu Bình cũng là tự phê bình. Đồng thời đối với việc tự kiểm điểm sai lầm của mình, Đặng Tiểu Bình cũng gánh lấy trách nhiệm về mình, để khỏi làm vạ lây đến những người khác trong cuộc phê phán này. Ông viết: người chịu trách nhiệm về đường lối phản động của giai cấp tư sản trong cuộc Đại Cách mạng Văn hóa này, trong các đồng chí lãnh đạo Trung

ương, trong phạm vi toàn quốc, chính là đồng chí Lưu Thiếu Kỳ và tôi… Cần phải nói rõ ràng rằng, tuyệt đại đa số những đồng chí trong tổ công tác là người tốt, cá biệt có một số đồng chí mắc sai lầm trong đoạn thời gian công tác này, chịu trách nhiệm chủ yếu không phải là các đồng chí đó, mà phải là tôi và đồng chí Lưu Thiếu Kỳ.

Bản kiểm điểm của Đặng Tiểu Bình cũng đã từng phải đưa cho Mao Trạch Đông thẩm duyệt. Ngày 22/10/1966, Mao Trạch Đông phê son: Đồng chí Tiểu Bình: có thể cứ thế này mà đọc. Nhưng ở trang… sau chữ "làm lại, chuộc lỗi" trong hàng thứ nhất nên chăng có thêm vài lời tích cực hơn nữa, thí dụ như, với sự nỗ lực của bản thân cùng sự tích cực giúp đỡ của các đồng chí, tôi tin tưởng rằng sai lầm sẽ được kịp thời khắc phục, đề nghị các đồng chí cho tôi thời gian, tôi sẽ đứng dậy được. Đã nửa đời người hoạt động cách mạng, nay vấp ngã, làm sao lại không đứng dậy được?

Mọi người đều biết rằng, kể từ khi Cách mạng Văn hóa tới đó, Mao Trạch Đông vốn rất tức tối với Đặng Tiểu Bình. Nhưng xem qua những hàng son phê của ông ta, bất cứ ai, trong lòng đều như được an ủi. Tôi nhớ câu: "Đã nửa đời người hoạt động cách mạng, nay vấp ngã làm sao lại không đứng dậy được" đã từng làm cho cả gia đình tôi được một niềm an ủi rất lớn.

Đến khi đó, chúng tôi đều biết cha tôi mắc sai lầm, nên cũng rất quan tâm đến vận mạng chính trị của cha tôi. Khi ấy chị hai Đặng Nam tôi đang mải miết đi xâu chuỗi ở bên ngoài, mẹ tôi vội vã gọi chị trở về nhà. Sau khi về nhà, Đặng Nam cứ tối tối lẻn vào phòng ngủ của mẹ, rồi chui vào trong chăn, hai mẹ con trùm chăn kín đầu, thì thầm nói chuyện. Mẹ nói cho chị biết tiểu sử của cha, nói về công việc của cha ở Trung ương trước khi phong trào Cách mạng Văn hóa bùng nổ, nói về những quan hệ của cha với Bành Chân, La Thụy Khanh… Mẹ nói cho con gái biết rằng, cha là người trong sạch, không có vấn đề gì. Từ xưa tới nay, cha chưa bao giờ nói về mình, mặc dù chúng tôi rất yêu cha mình, nhưng lại không hề biết tiểu sử của cha, cũng chẳng biết rằng cha lại có nhiều chuyện đến thế trong tiểu sử cũng như trong công tác của mình. Nghe mẹ kể chuyện về cha, chúng tôi cũng như mẹ tôi, tin tưởng vững chắc rằng, cha tôi chẳng có vấn đề gì. Thậm chí chúng tôi còn đơn giản nhận định rằng, Mao Chủ tịch chỉ đối phó với việc chứ không đối phó với người, chỉ là phê phán những sai lầm trong Cách mạng Văn hóa, nếu có bị xử lý, cũng chỉ đến giáng chức là cùng, mà không thể ngờ rằng cha tôi lại bị đánh đổ hoàn toàn.

Hội nghị cũng họp rồi, kiểm điểm cũng đã kiểm điểm rồi, chúng tôi chờ đợi

một kết quả với suy nghĩ đơn giản của mình. Sự kiện Bành Chân, La Thụy Khanh, Lục Định Nhất, Dương Thượng Côn xuất hiện, rồi cục diện hỗn loạn của Cách mạng Văn hóa hình thành, tuy cũng đã đủ để mọi người thấy được sự nghiêm trọng của tình thế, và bàng hoàng về tâm lý, nhưng trong toàn đảng, kể cả cha tôi hoặc cũng có thể nói được rằng: đại đa số các cán bộ cao cấp trong đảng vẫn không có - cũng không có khả năng có - một chuẩn bị tư tưởng nào để đối phó với hàng loạt các vụ nổ mang tính dây chuyền sẽ phát nổ trong nay mai.

Hội nghị đã kết thúc, nhưng cuộc phê phán vẫn không kết thúc như chúng tôi hằng mong mỏi. Ngày 2/11/1966, từ trong nội bộ Ban tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đột ngột xuất hiện báo chữ to, phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Ngày 8/11/1966, ở trường đại học Bắc Kinh, Nhiếp Nguyên Tử cũng dán bài báo "Đặng Tiểu Bình là kẻ cầm quyền trong đảng, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa", kể ra một loạt tội danh của Đặng Tiểu Bình, nào là đầu sỏ chống sùng bái cá nhân, nào là công khai cổ vũ nông thôn khôi phục chế độ làm ăn riêng lẻ, chống đối Cách mạng Văn hóa, tên thứ nhất đứng sau Bành Chân v.v…

Sau khi nghe tin đó, chúng tôi không thể không căng thẳng lo lắng. Hai chị tôi và tôi đạp ba chiếc xe đạp, len lỏi vào các trường, tìm đọc báo chữ to ở khắp nơi. Chúng tôi định rằng, xem xem trong báo chữ to nói những gì, và cha tôi, cuối cùng là có vấn đề gì. Xem đi xem lại, thấy rằng ngoài những "sai lầm" về Cách mạng Văn hóa, thì những "vấn đề" khác hầu như chẳng lấy gì làm nghiêm trọng, nhiều nhất là nắm không vững vàng sâu sắc, không theo kịp "đường lối cách mạng" của Mao chủ tịch. Điều khiến chúng tôi cảm thấy yên lòng nhất là không có "vấn đề quá khứ". Nhưng những chữ nghĩa ác độc của báo chữ to đã được tăng lên rất cao, đọc xong vẫn thấy rợn tóc gáy. Phê phán còn chưa kết thúc, chỉ riêng điểm này cũng thấy quá rõ ràng rồi. Điều duy nhất khiến chúng tôi cảm thấy được một chút yên lòng, là dù họ có gạn tim moi óc, bới gốc đào rễ để soi mói vạch tội, cũng vẫn chẳng có vấn đề gì lớn để đẩy cha tôi vào đất chết được.

Thu đã về, trời dần dần trở lạnh, xào xạc gió thổi, lả tả lá bay, đất trời xơ xác điêu tàn.

Đến lúc đó, cha tôi cũng giống như Lưu Thiếu Kỳ, đã hoàn toàn không còn tham gia bất cứ cuộc họp hành nào nữa, chỉ ngồi nhà đọc một số văn kiện gửi tới. Tất nhiên rằng, những văn kiện này, bất kể là về số lượng hay nội dung, đều không thể so sánh với trước kia được. Đối với số phận chính trị của mình, cha tôi

chỉ còn chọn lựa một thái độ đợi chờ.

Cha tôi mắc sai lầm, đám trẻ chúng tôi đều không hiểu biết được gì hết. Có một lần, chị cả Đặng Lâm hỏi cha tôi:

- Chúng con nên hiểu về phong trào này như thế nào?

Lúc ấy cha tôi còn biết nói gì? Ông chỉ nói một câu:

- Các con hãy tự mình nhận xét lấy.

Cha tôi mắc sai lầm, chúng tôi cũng theo đó mà mắc sai lầm trong các cuộc kiểm điểm. Có người đã bị đem nhốt lại, bị hạn chế tự do nhân thân. Những cuộc phê phán có lúc kết thúc được không? Bao giờ thì kết thúc, và bước tiến sau của nó sẽ phát triển tới mức độ nào? Chúng tôi chẳng có một chút hiểu biết nào hết.

Mao Trạch Đông đã phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, nhưng cho đến tận lúc ấy, ông ta vẫn còn chưa hạ quyết tâm đánh đổ hoàn toàn Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình như đã làm với Bành Chân, La Thụy Khanh, Lục Định Nhất, Dương Thượng Côn. Bởi đối với Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, ông ta còn đang suy tính cách thức xử lý khác nhau.

Đối với Lưu Thiếu Kỳ, Mao Trạch Đông đã thay thế Lâm Bưu vào làm người kế cận, vậy thì Lưu Thiếu Kỳ, người vốn đã được sắp xếp làm người kế cận trước kia, tất nhiên là phải đi toi rồi, vấn đề chỉ còn là mức độ xử lý ra sao thôi.

Đối với Đặng Tiểu Bình, vốn là người mà trước kia Mao Trạch Đông rất tán thưởng, nên vẫn muốn trọng dụng, nhưng sau khi Đại nhảy vọt thất bại, Đặng Tiểu Bình cùng những người lãnh đạo Trung ương khác đã dần dần lảng tránh cách làm của “cánh tả”, khiến cho Mao Trạch Đông sinh ra những tức tối đối với những người lãnh đạo tuyến một ở Trung ương, trong đó có Đặng Tiểu Bình. Sự tức tối đó càng ngày càng sâu thêm, đồng thời cùng với sự phát triển của mọi việc mà diễn biến thành một quyết tâm tiến hành thay thế nhân sự. Hồi mới bắt đầu tiến hành Cách mạng Văn hóa, khi Mao Trạch Đông quyết định dùng Lâm Bưu làm người kế cận, ông ta vẫn chưa nghĩ tới việc cách cổ Đặng Tiểu Bình một cách triệt để, bởi ông ta vẫn muốn tiếp tục dùng, vẫn muốn sắp xếp Đặng Tiểu Bình vào cơ cấu nhân sự mới. Chính vì vậy mà Mao Trạch Đông đã có một lần tìm Đặng Tiểu Bình để chuyện trò trao đổi. Trong hồi ức, cha tôi vẫn nhớ: khi mở màn Cách mạng Văn hóa, Chủ tịch đã tìm tôi nói chuyện, khuyên tôi cần phải có quan hệ tốt với Lâm Bưu. Tôi đồng ý, nhưng chỉ sau một lần trò chuyện với Lâm Bưu, là tan luôn.

Sự tan vỡ với Lâm Bưu đã tiên báo rằng trên con đường thăng tiến của mình, Lâm Bưu quyết không dung tha Đặng Tiểu Bình. Lâm Bưu biết một cách sâu sắc rằng, sự tức tối bực bội của Mao Trạch Đông đối với Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình có mức độ khác nhau, không những mức độ không giống nhau, mà cả tính chất cũng không giống nhau. Sự khác nhau đó, khiến cho việc xử lý Đặng Tiểu Bình như thế nào, trở thành tương đối quan trọng. Sau khi Lưu Thiếu Kỳ bị cách cổ đi rồi, Đặng Tiểu Bình đã thành mối lo canh cánh nhất trong tâm khảm Lâm Bưu. Một con người đầy mưu kế như Lâm Bưu phải biết chắc rằng, muốn trừ diệt được Đặng Tiểu Bình, cần phải trổ hết tài mẫn cán của nịnh, không ngừng tăng cường sức nặng trong việc tấn công, phê phán Đặng Tiểu Bình.

Ngày 6/12/1966, trong một cuộc họp, Lâm Bưu nói chuyện, nói rằng: vấn đề của Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình không chỉ là vấn đề 50 ngày, mà là vấn đề mười năm, hai chục năm, hắn đã tăng vấn đề Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình lên mức cực cao.

Cùng lúc đó, thấy Mao Trạch Đông tuy đã phê phán Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, nhưng lại chưa có động tĩnh gì về việc chuẩn bị đánh đổ hắn, nên Trần Bá Đạt, Khang Sinh, Giang Thanh cùng những ông kễnh khác trong Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương liền liên kết với tập đoàn Lâm Bưu, bàn bạc với nhau trong phòng kín, để gây nên một cơn sóng gió to lớn hơn, đẩy Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình vào đất chết, mà vỗ tay trong bị. Ngày 18/12/1966, Giang Thanh công khai cổ động cho việc đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ. Cũng ngày hôm đó, Trương Xuân Kiều gọi tên cầm đầu phái tạo phản ở trường Đại học Thanh Hoa là Khoái Đại Phú vào Trung Nam Hải bí mật bàn bạc, bố trí thi hành những biện pháp cụ thể đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình.

Ngày 25/12/1966 cũng là ngày chỉ còn dăm hôm nữa sẽ kết thúc năm 1966, thì 5.000 thầy trò trường Đại học Thanh Hoa đội giá, gội rét, tuần hành thị uy tới Thiên An Môn, làm lễ hội sư, quyết triệt để đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình.

Ngày 27/12/1966, các phái tạo phản ở các trường đại học Bắc Kinh mở một đại hội triệt để phê phán “đường lối giai cấp tư sản phản động của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình” tại sân vận động Công nhân. Nhiếp Nguyên Tử và những lên đầu mục của phái tạo phản tha hồ dùng những lời lẽ ác độc để bôi nhọ, vu cáo, đả kích Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình.

Từ đó, các phái tạo phản ở khắp nơi ào ào hưởng ứng, ủng hộ, làm cho toàn quốc lại bùng lên một trận cuồng phong mới, thanh thế rầm rộ, đả đảo Lưu Thiếu

Kỳ và Đặng Tiểu Bình.

Năm 1966 là một năm đặc biệt hoàn toàn khác thường.

Năm ấy sẽ là một trang sách cực kỳ đặc biệt được đưa vào sử sách bởi một phong trào cách mạng tạo phản từ trên dội xuống "vô cùng vĩ đại, chưa từng có trong lịch sử", đột ngột bất ngờ ập tới. Năm đó, với lý tưởng cao cả, không ngừng cách mạng, Mao Trạch Đông, dùng sức tưởng tượng và tinh thần thực tiễn vô biên của mình, làm cho thế giới phải tròn xoe con mắt, hiểu được sức mạnh vĩ đại của "quần chúng cách mạng".

Cách mạng còn chưa tới thời kỳ cuối cùng. Ngày cuối cùng trong năm đó, Mao Trạch Đông dự đoán như một nhà tiên tri: sang năm - tức là năm 1967 - sẽ là một năm triển khai cuộc đấu tranh giai cấp toàn diện trên toàn quốc.

Lời dự báo ấy, như một lá bùa bao phủ lên toàn đại địa Thần Châu.

Tổng tiến công vào “kẻ cầm quyền đi theo con đường chủ nghĩa tư bản”

Ngày 1/1/1967, báo, tạp chí của đảng cho in bài xã luận “Hãy tiến hành cuộc Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản tới cùng”, kêu gọi mở cuộc tấn công vào “một nhúm người cầm quyền trong đảng đi theo đường lối tư bản” và “lũ đầu trâu mặt ngựa” ngoài xã hội.

Với lời kêu gọi “tổng tiến công” đó, lại càng có thêm nhiều cán bộ lãnh đạo từ Trung ương đến các địa phương các ngành bị phê phán và đánh đổ. Ngày 11/1/1967, hội nghị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định bãi bỏ tư cách có mặt tại các hội nghị Bộ Chính trị của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Đào Chú (Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, bí thư Thường vụ Ban Bí thư Trung ương), Trần Vân (Phó Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện), Hạ Long (Nguyên soái nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương). Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đào Chú bị Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương vu cho là “phái bảo hoàng to lớn nhất”; Nguyên soái Hạ Long bị Lâm Bưu chỉ đích danh là “đại thổ phỉ”; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Hồ Bắc, Vương Nhiệm Trọng; Bí thư thứ nhất Thành ủy Thượng Hải, Trần Phi Hiển; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Cát Lâm, Triệu Lâm; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Phúc Kiến, Diệp Phi; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Giang Tô, Giang Vị Thanh; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Sơn Đông, Đàm Khải Long; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy An Huy, Lý Bảo Hoa; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Chiết Giang, Giang Hoa; Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Giang Tây, Phương Chí Thuần; Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị quân Giải phóng, Lưu Chí Kiên, và một số cán bộ lãnh đạo các tỉnh, cùng quân đội tiếp nhau bị hạ bệ. Trong cuộc đấu tố cuồng bạo thảm khốc, Diêm Hồng Ngạn, Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Vân Nam; Vệ Hằng, Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Sơn Tây, bị hành hạ đến chết; Trương Lâm Chi, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp than, bị đánh đến chết; Đào Dũng, Tư lệnh hạm đội hải quân Biển Đông cũng bị chết chẳng rõ ràng gì.

Các cấp chính quyền được thành lập sau khi dựng nước Trung Quốc mới “nhất loạt diệt vong”, lãnh đạo các cấp tiếp tục bị đánh đổ, thật đúng là những năm tháng điên khùng.

Nhưng nếu chỉ riêng đánh đổ lãnh đạo đảng và chính quyền các cấp, vẫn không no nê được dã tâm của bè lũ Lâm Bưu và Cách mạng Văn hóa. Với kế sách của Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên ở Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, bắt đầu từ tháng giêng, phái tạo phản ở Thượng Hải cướp đoạt quyền của đảng và chính quyền thành phố. Thế là bắt đầu từ đấy, được sự khẳng định của Mao Trạch Đông, trong phạm vi toàn quốc dấy lên cả một phong trào cướp đoạt chính quyền. Lấy phái tạo phản của Cách mạng Văn hóa làm cơ sở, tổ chức thành Ủy ban cách mạng, thay thế cho mọi cơ cấu tổ chức của đảng và nhà nước.

Đối với phong trào tiếm quyền, Mao Trạch Đông không những tán thành ủng hộ, mà còn coi đó là một biện pháp thực thi chủ yếu để thực hiện lý tưởng cách mạng liên tục của ông ta. Lý tưởng của ông ta là nhờ vào cuộc "biến đổi cách mạng vĩ đại nhất, chưa từng có trong lịch sử nhân loại" để đập phá cho tan nát cái thế giới cũ trong tay "kẻ cầm quyền đi theo đường lối tư bản", xây dựng một thế giới mới, cách mạng hóa hoàn toàn mới. Hình thức cụ thể của thế giới lý tưởng, tức là xây dựng một chính quyền "cách mạng" hoàn toàn mới, nằm trong tay của phái cách mạng vô sản, giống như công xã Pa-ri, tức là Ủy ban Cách mạng!

Mao Trạch Đông nói: Đại Cách mạng Văn hóa sẽ đi từ "Thiên hạ đại loạn" tới chỗ "Thiên hạ đại trị". Thành lập Ủy ban Cách mạng, phải chăng đó là một loại "đại trị" như trong lòng ông ta hằng mong ước? Nếu quả là như vậy, thì hỏng bét và sai toét rồi. Cái "đại trị" không che đậy nổi sự thật, là tiếp tục đại loạn, là cái sự nghiệp ấy đã hẫng chân, không thể thu vén lại được, càng thêm đại loạn rối ren hơn.

Phải tạo phản tấn công vào trường học, tấn công vào các cấp đảng và chính quyền địa phương, tấn công vào quân đội, những sự kiện hỗn loạn một cách đại quy mô liên tiếp nảy sinh: ở Thành Đô đã xảy ra chuyện "chống đối lẫn nhau" giữa phái tạo phản và quân đội; ở Tây Ninh đã xảy ra chuyện quân đội bắt buộc phải nổ súng phản kích phái tạo phản, và có người bị bắn chết; ở Vũ Hán đã xảy ra chuyện phái tạo phản tấn công vào báo chí, vào quân đội dẫn tới việc quân đội "bắt người"; ở Quảng Đông, Nội Mông Cổ, An Huy, Hà Nam, Hồ Nam, Phúc Kiến, Tây Tạng và nhiều nơi khác đều liên tục xảy ra các sự việc cứ như chào đón, vời gọi nhau.

Sau khi Cách mạng Văn hóa bắt đầu, trước hết là xảy ra chuyện đấu tố và lục soát nhà cửa, tiếp đó là hàng loạt cán bộ bị bức hại và đánh đổ. Tất cả, tất cả

những cái đó khiến cho rất nhiều, rất nhiều người, từ hoang mang lúc đầu biến thành bất an, biến thành chống đối, biến thành phẫn nộ.

Tháng 2, với một bên là Trần Nghị,[14] Diệp Kiếm Anh,[15] Từ Hướng Tiền,[16] Nhiếp Vinh Trăn,[17] Lý Phú Xuân, Lý Tiên Niệm,[18] Đàm Chấn Lâm,[19] Dư Thu Lý,[20] Cốc Mục[21] cùng các cán bộ lão thành khác, gươm đao vào trận đấu tranh với Cách mạng Văn hóa Trung ương mà đại diện là Khang Sinh, Trần Bá Đạt, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên.

Cả lớp các đồng chí lão thành cách mạng này đã từng vì cách mạng mà vào sinh ra tử, vì xây dựng xã hội chủ nghĩa mà đổ bao mồ hôi tâm huyết, trong hội nghị của Bộ Chính trị, hội nghị Quân ủy Trung ương đã tố cáo những hành động bạo ngược và phi pháp xảy ra trong Cách mạng Văn hóa, đã phẫn nộ lên án những âm mưu và hành động ngỗ ngược, lật đổ của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, lời lẽ mạnh mẽ của ngôn từ, thái độ đàng hoàng, hiên ngang, nộ khí bừng bừng, thật đáng gọi là chính khí lẫm liệt, sảng khoái tràn trề.

Song, có điều bất hạnh là, những lời nói chân chính ấy không những không hoán tỉnh được Mao Trạch Đông, mà ngược lại, khiến ông ta cảm thấy rằng đây là những lời gièm pha, sự trở ngại xưa nay chưa từng có đối với phong trào cách mạng do đích thân ông ta đứng ra phát động. Ông ta đã nghiêm khắc phê bình và chụp mũ cho sự phản kháng này là dòng "nước ngược tháng 2", đồng thời hạ quyết tâm phá bỏ hết mọi trở lực, tiếp tục đi sâu, mở rộng phong trào "cách mạng", "chưa từng có trong lịch sử", nhưng lại luôn luôn làm cho mọi người bối rối, không sao hiểu nổi.

Trong tháng 3, đã triệu tập cuộc họp Ban công tác Trung ương, Mao Trạch Đông lại thêm một lần nữa phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, đồng thời trong thời gian đó cho thành lập "Tổ chuyên án Lưu Thiếu Kỳ" chuyên việc điều tra "tội lỗi" của Lưu Thiếu Kỳ.

Trong tình trạng mà sự phê phán càng ngày càng thêm mạnh mẽ, việc công khai chỉ đích danh Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, đặc biệt là đối với Lưu Thiếu Kỳ đã trở thành điều tất nhiên. Ngày 1/1/1967, báo *Nhân dân* và tạp chí *Cờ đỏ* in một bài của Thích Bản Vũ (tổ viên Tổ Cách mạng Văn hóa Trung ương) phê phán Lưu Thiếu Kỳ với tựa đề: "Chủ nghĩa yêu nước hay chủ nghĩa bán nước". Trong bài đó ngoài việc dùng câu "Kẻ cầm quyền lớn nhất trong đảng đi theo đường lối tư bản" để thay thế cho cái tên Lưu Thiếu Kỳ, còn chụp cho Đặng Tiểu Bình danh hiệu "Một kẻ cầm quyền lớn nhất khác trong đảng đi theo đường

lối tư bản", để công khai phê phán. Công khai phê phán, tuy chẳng chỉ rõ họ tên ra, nhưng tất cả bàn dân thiên hạ đều biết đây chính là một cuộc đánh đổ. Trong thời kỳ không bình thường đó, đấu tố không cần thỉnh thị, tóm cổ lôi ra là đấu, ai lôi cổ ai ra, người đó có thể đấu, lúc nào tóm cổ được là lôi ra đấu ngay lúc bấy giờ. Đánh đổ cũng không cần phê chuẩn, chỉ cần cấp trên - đương nhiên là chỉ Lâm Bưu, Giang Thanh và những ông kễnh Cách mạng Văn hóa - có người ra hiệu, hoặc phái tạo phản nhận thấy rằng, cần phải như thế, là lập tức có thể lôi người ta ra. Khi đấu tố vừa bắt đầu, khi khẩu hiệu vừa gào lên, coi như đã bị cách cổ, và cũng coi như đã bị đánh đổ. Nhưng nếu muốn đánh đổ cán bộ cao cấp của đảng, của nhà nước hoặc lãnh đạo tối cao, thì còn cần phải có một "trình tự", "chính thức", đó là còn cần phải có báo chí công khai phê phán. Vạch mặt chỉ tên cũng có những hình thức khác nhau, một loại là vạch mặt chỉ tên công khai, một loại khác của việc vạch mặt chỉ tên nhưng lại phải đội một cái danh hiệu đã được quy định nào đó. Vào thời đó, bị vạch mặt chỉ tên rõ ràng là một sự kiện lớn, có gọi tên thật ra không, gọi tên những ai ra, khi nào gọi tên ra, gọi tên như thế nào, đều là một loại "đãi ngộ".

Cách chỉ tên phê phán của báo chí của đảng, ngày một được nâng cấp nhưng vẫn mang hơi hướng của hai người: Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình là "Kẻ cầm quyền lớn nhất trong đảng đi theo đường lối tư bản".

Ngày 3/4/1967, cha tôi cầm bút viết cho Mao Trạch Đông một lá thư.

Trong thư viết: "Suốt từ ngày 12/1/1967 đến nay, tôi vẫn mong được gặp Chủ tịch để xin chỉ giáo, nhưng lại cảm thấy rằng, trong khi quần chúng đang kịch liệt phê phán đường lối phản động cũng như hậu quả nghiêm trọng đó của tôi, lại đến cầu kiến Chủ tịch, liệu có thật thích đáng không, cho nên tôi vẫn cứ do dự là vậy. Hôm mới rồi, tôi có đọc bài báo của đồng chí Thích Bản Vũ thấy rằng tính chất sai phạm của tôi đã được định rõ. Nên trong tình hình này, lòng mong mỏi diện kiến, xin chỉ giáo của Chủ tịch rõ ràng là rất cần thiết. Nếu như Mao Chủ tịch cho là được, xin thông báo cho tôi biết bất cứ lúc nào".

Thư viết cho Mao Trạch Đông được đưa đi, nhưng chẳng thấy có một hồi âm nào, nên chỉ còn biết đợi chờ, sự đợi chờ vô vọng trong hoàn cảnh đầy hiểm nguy, bất trắc.

Ngày 6/4/1967, phái tạo phản xông vào nhà Lưu Thiếu Kỳ, đấu tố vị Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã được bầu chính thức trong Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Ngày hôm sau, Lưu Thiếu Kỳ viết báo chữ to tranh luận, biện luận, dán ở Trung Nam Hải, nhưng chỉ mấy giờ đồng hồ sau đã bị xé

nát. Ngày 10 cùng tháng, phái tạo phản trường Đại học Thanh Hoa mở một đại hội, có 30 vạn người tham dự đấu tố Vương Quang Mỹ, phu nhân Lưu Thiếu Kỳ.

Việc phê phán Lưu Thiếu Kỳ trở nên điên cuồng, cha tôi và cả gia đình tôi cũng đã chuẩn bị tư tưởng sẵn sàng ứng phó với tình hình càng ngày càng trở nên thảm khốc. Đến tháng 5, có một hôm, Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng là Uông Đông Hưng tìm đến nhà tôi, gặp cha tôi trò chuyện. Uông Đông Hưng nói với Đặng Tiểu Bình: Chủ tịch vừa mới trở về Bắc Kinh, nhờ Uông Đông Hưng đến thăm Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông cho Uông Đông Hưng truyền đạt ba ý kiến của mình: thứ nhất cần nhẫn nại, không nên cuống gấp; thứ hai, Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình là riêng biệt; thứ ba, nếu có việc gì có thể viết thư cho ông (Mao Trạch Đông). Sau khi nghe xong những ý kiến của Mao Trạch Đông đượcc Uông Đông Hưng truyền đạt lại, Đặng Tiểu Bình đã tỏ bày: rất nhiều vấn đề được nêu ra trong báo chữ to không đúng sự thật, ông yêu cầu được gặp Mao Chủ tịch để trình bày. Uông Đông Hưng đã chuyển đề đạt đó tới Mao Trạch Đông. Chẳng bao lâu sau, một hôm trời đã khuya, mọi người trong nhà tôi đều đã ngủ cả, ngoài sân tối om. Cũng chẳng biết lúc đó là mấy giờ, đột nhiên lũ trẻ con chúng tôi nghe thấy máy điện thoại réo chuông liên hồi ở nhà phía tây, tôi mơ mơ màng màng choàng dậy đi nhấc điện thoại, tôi nghe thấy tổng đài nói, thư ký tổ một (nơi Mao Trạch Đông) cần tìm thư ký của cha tôi là Vương Thụy Lâm để nói chuyện, nhưng Vương Thụy Lâm lại không trực ban ở phòng làm việc, nên nhờ tìm Vương Thụy Lâm tới nghe điện thoại. Khi ấy nhà của Vương Thụy Lâm ở cách nhà chúng tôi rất gần, nhưng trong nhà lại không có điện thoại. Sau khi đi tìm được Vương Thụy Lâm tới không lâu, thì thư ký của Mao Trạch Đông là Từ Nghiệp Phu cũng tới nhà tôi ở bên cạnh Hoài Nhân đường, trong Trung Nam Hải.

Vương Thụy Lâm đưa Từ Nghiệp Phu vào phòng ngủ của cha tôi dựng cha tôi dậy, cho biết Chủ tịch muốn gặp cha tôi nói chuyện, cha tôi vội vã trở dậy. Từ Nghiệp Phu không cho mang bảo vệ đi theo, nên cha tôi phải ra đi một mình. Sau khi cha tôi đi rồi, mẹ tôi lo lắng vô cùng. Nên rõ rằng, kể từ sau khi Cách mạng Văn hóa phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình tới đó, Mao Trạch Đông chưa hề cho tìm cha tôi để trò chuyện gì.

Trời sắp sáng, cha tôi mới từ chỗ Chủ tịch trở về. Cha tôi cho mẹ tôi biết rằng, vấn đề chủ yếu mà Chủ tịch hỏi ông là tình hình về giai đoạn những năm 30 khi rời quân đoàn Hồng quân số 7, đến Thượng Hải, đã báo cáo công tác với Trung ương như thế nào, ông đã nói lại với Chủ tịch rất tường tận. Chủ tịch có

phê bình sai lầm của ông trong việc cử các tổ công tác (xuống trường học - N.D).

Cha tôi cũng nói rằng: ông đã tiếp thu lời phê bình ấy. Cha tôi có hỏi Chủ tịch: sau này có việc cần báo cáo với Chủ tịch thì tìm ai. Chủ tịch đáp: Có thể tìm Uông Đông Hưng, cũng có thể trực tiếp viết thư cho Chủ tịch. Thấy thái độ của Chủ tịch rất ôn hòa, phê bình cũng chẳng lấy gì làm gay gắt, khiến cha tôi như có được một niềm an ủi lớn.

Với sự kích động và ủng hộ của Lâm Bưu, Giang Thanh cùng một số người khác, việc điên cuồng phê phán Lưu Thiếu Kỳ càng ngày càng được nâng cấp. Đến tháng 9, những bài báo trên báo lớn báo nhỏ phê phán Lưu Thiếu Kỳ đã lên tới trên 150 bài. Đầu tháng 7, phái tạo phản đòi "tóm cổ" Lưu Thiếu Kỳ nằm bên ngoài Trung Nam Hải, bắt Lưu Thiếu Kỳ phải viết kiểm điểm. Ngày 15/4/1967, phái tạo phản Học viện xây dựng lập doanh hạ trại bên ngoài cửa Tây của Trung Nam Hải, chính thức thành lập "chiến tuyến tóm cổ Lưu Thiếu Kỳ". Với sự kích động của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, chiến tuyến tóm cổ Lưu Thiếu Kỳ nhanh chóng mở rộng cờ xí biểu ngữ như sông như biển, lều trại tăng bạt nhấp nhô bạt ngàn, tiếng loa mở hết âm lượng nhức óc rung trời, hàng nhiều vạn con người bao vây nơi ở của Trung ương Đảng, của Quốc vụ viện: Trung Nam Hải. Các phái tạo phản luân phiên đấu tố "băng đen" và những kẻ "đi theo tư bản" của các bộ, các tỉnh, cùng với sự ủng hộ của các ông kễnh trong Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, thay phiên nhau xông vào các cửa lớn của Trung Nam Hải.

Thanh thế phê phán Lưu Thiếu Kỳ có thể nói là cực kỳ to lớn, như nước sôi lửa bỏng, nhưng phê phán đối với Đặng Tiểu Bình xem ra có vẻ rất ôn hòa. Nguyên nhân là: thứ nhất, vì Lưu Thiếu Kỳ là tên đầu sỏ số một "lớn nhất đi theo tư bản", trước hết cần phải đánh đổ ông đã, nên cần thứ thanh thế khác. Thứ hai là vì cho đến lúc này, trong đầu óc Mao Trạch Đông vẫn còn sự phân biệt trong việc xử lý Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình.

Đối với Mao Trạch Đông mà nói, "sự phẫn nộ giai cấp vô sản" của ông ta đã được nảy sinh ra từ Lưu Thiếu Kỳ, người vốn đã được ông ta chọn lựa làm người kế cận. Còn đối với Đặng Tiểu Bình, tuy sự tức tối đã được nảy sinh từ sau những năm 60, rồi tăng cao dần lên, song cái "khí tức" ấy vẫn không lớn bằng đối với Lưu Thiếu Kỳ. Đồng thời cứ quan sát xem xét những bài nói chuyện và cách làm của Mao Trạch Đông, có thể chứng minh được rằng, đối với Đặng Tiểu Bình, trước sau, trong lòng ông ta vẫn có phần nào ưu ái. Sau khi Lưu Thiếu Kỳ,

Đặng Tiểu Bình mắc sai lầm trong Cách mạng Văn hóa, Mao Trạch Đông phê phán Lưu Thiếu Kỳ và phê phán cả Đặng Tiểu Bình, nhưng mũi dùi của phê phán trước sau vẫn nhằm vào Lưu Thiếu Kỳ. Đối với việc đó, sau này Đặng Tiểu Bình có nói: "Ai không nghe ông ta, (chỉ Mao Trạch Đông), ông ta sẽ chỉnh cho ngay, nhưng chỉnh đốn đến mức độ nào, bao giờ ông ta cũng có suy tính".

Trong hồi ức của Vương Lực, thành viên của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương lúc bấy giờ (có nói), vào ngày 16/7/1967, sau khi Đặng Tiểu Bình đã bị đánh đổ, trong một lần nói chuyện riêng giữa hai người, ông ta có nói một câu mang đầy ý vị sâu xa. Mao Trạch Đông nói rằng: "Nếu sức khỏe của Lâm Bưu không ổn, có khi tôi phải để Đặng Tiểu Bình xuất hiện lại. Chí ít Đặng Tiểu Bình cũng là Thường vụ". Qua câu nói này sẽ thấy được rằng nguyên nhân sự phân biệt đối xử rất có lớp lang của Mao Trạch Đông trong việc phê phán, xử lý Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, đó là sẽ lưu giữ Đặng Tiểu Bình, đến lúc nào đó thấy cần thiết sẽ đem ra dùng lại.

Đối với cách thức suy nghĩ và kiểu cách dùng người như thế của Mao Trạch Đông, cha tôi khó mà biết được. Sau khi bị phê phán, đặc biệt là khi đã bị thủ tiêu mọi tư cách, không được tham gia các cuộc hội họp của Bộ Chính trị Trung ương, ông suốt ngày ngồi nhà, chẳng ai tìm đến để làm việc, bàn bạc gì cả. Khi ấy đám trẻ chúng tôi vẫn còn ở chung một nhà, và cũng còn có thể tùy tiện ra vào Trung Nam Hải, vì thế, qua chúng tôi, cha tôi còn cơ bản nắm được tình hình đại phê phán, đại loạn ở bên ngoài. Ông cũng giống như những lãnh đạo cao cấp bị phê phán khác ở Trung Nam Hải, đều bị bắt buộc phải đọc báo chữ to của phái tạo phản trong Trung Nam Hải dán ra. Nhưng cũng không giống Lưu Thiếu Kỳ ở chỗ phải viết kiểm điểm đem đọc trước quần chúng cách mạng, và cũng không giống như Lưu Thiếu Kỳ bị "quần chúng cách mạng" đấu tố, tấn công. Chỉ có một lần khi ra đọc báo chữ to, bị "quần chúng cách mạng" trong Trung Nam Hải bao vây. Khi ấy nhất định hẳn đã có một ai đó đứng ra giải thích, vì thế mà không bị rơi vào bước hai là đấu tố.

Đối diện với những cơn phê phán hết đợt nọ tới đợt kia, đối diện với báo chí luôn luôn vạch mặt chỉ tên, đối diện với mọi kiểu tấn công, sỉ nhục thậm chí là vu cáo bịa tạc, mà cha tôi vẫn cứ phải nhìn, phải nghe, phải chấp nhận, phải chịu đựng, thử hỏi trong lòng cha tôi bình tĩnh, yên ổn làm sao được? Nhưng có thể rằng ông là một nhà cách mạng triệt để, nên đã từ lâu rèn luyện mình thành một người không biết sợ, không biết hãi, cũng có thể rằng trong hơn 60 năm từng trải của cuộc đời mình, ông đã sớm trải qua những chặng đường khuất khúc, gập ghềnh, bất trắc, nên khi gặp phải những cục diện bất thường, gặp phải sự đối xử

không công bằng, gặp phải những bước đường không đoán trước được trong tương lai, tuy trong lòng ông không thể không nghĩ không lo, những vẫn có thể âm thầm chờ đợi. Cứ mỗi ngày trở dậy, tiếp tục sống, chúng tôi chẳng thấy có thay đổi gì ở cha tôi, trên nét mặt cha tôi cũng chẳng thấy tỏ rõ một thái độ nào, vẫn cứ trầm lặng như thế, vẫn cứ ít lời như thế. Khi ấy chúng tôi vẫn chỉ là những đứa trẻ trên mười tuổi, chúng tôi bàng hoàng, chúng tôi chẳng hiểu gì, chúng tôi tức giận, chúng tôi cảm nhận được sự oan khuất. Nhưng từ trên con người của cha tôi, chúng tôi đều hoặc nhiều hoặc ít, như có như không, nhận được một chút sức mạnh bảo vệ cho mình. Đám trẻ trong nhà chúng tôi, bất kể là con trai hay con gái, đều rất yêu quý cha tôi, tin tưởng chắc chắn rằng cha của chúng tôi không phải là phần tử "băng đen" phản đảng, phản xã hội chủ nghĩa. Phái tạo phản trong Trung Nam Hải thúc giục chúng tôi vạch tội phê phán cha mình, không viết không được, mà viết lại không thể bịa đặt ra, cuối cùng cả ba chị em chúng tôi, chụm đầu lại, tốt xấu viết ra một chút gọi là, viết xong đem dán ra, mặc bọn tạo phản bảo rằng chúng tôi không chịu vạch vòi, hoặc né tránh, bỏ nặng, nhận nhẹ.

Phía bên ngoài nhà chúng tôi, cả một khu Trung Nam Hải đầy ứ những bài báo chữ to và biểu ngữ. Bên ngoài Trung Nam Hải "chiến tuyến tóm cổ Lưu Thiếu Kỳ" đã mở rộng tới "tóm cổ cả lũ Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình" khiến tình thế càng trở nên nguy cấp. Cả gia đình nhà chúng tôi bao gồm: cha mẹ, bà và lũ con gái chúng tôi như một lá thuyền đơn trong sóng to gió lớn quăng quật giữa biển khơi, chỉ còn biết cụm chặt lại với nhau, dùng tình yêu thương, tin tưởng để an ủi và giữ vững cho nhau, tìm lấy một chút yên ổn trong tâm hồn.

Tương lai của cuộc phê phán ra sao, cha tôi cùng cả gia đình chúng tôi không sao tiên đoán nổi. Nhưng tiếng chuông rung trước xe của cuộc phê phán Lưu Thiếu Kỳ càng ngày càng được nâng cấp, khiến chúng tôi có được sự chuẩn bị tư tưởng trước bước phát triển có thể còn gay go hơn của sự việc.

Đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Đào Chú

Phong trào đã tiến hành được hơn một năm, do đích thân Mao Trạch Đông phát động, thúc đẩy cho phong trào phát triển, nuôi dưỡng bọn tạo phản "cánh tả", phê phán và trừ diệt tất cả mọi thế lực "phản động" làm trở ngại đến sự phát triển của phong trào, xây dựng về mọi phương diện chính quyền "cách mạng" mới v.v… đều đã đạt được những thành tích về kết quả đúng như ông ta dự kiến. Nếu như tất cả những cái đó là mục đích khi phát động phong trào "cách mạng" này, thì ông ta phải lấy làm mãn ý mới phải. Mục tiêu của ông ta chẳng là bảo đảm cho Trung Quốc không biến thành xét lại, chẳng là bảo đảm vĩnh viễn tinh thần cách mạng, chẳng là dùng thủ đoạn cách mạng bảo đảm sự thực thi đường lối cách mạng, và dùng thủ đoạn cách mạng để đổi đời, thay thế về tổ chức, về nhân sự, cho đến chính quyền đó sao?

Nhưng, đúng như chính Mao Trạch Đông vẫn thường nói, sự việc luôn luôn đi ngược với mình. Khi phong trào được phát động lên, hơn nữa lại luôn luôn tăng tốc, tiến hành càng ngày càng nhanh chóng, giống như một đoàn tàu chở nặng, dốc sức thẳng tiến về phía trước, với sức mạnh vô bờ, với quán tính cực đại, bất cứ trở lực nào cũng không ngăn cản được. Cả đến Mao Trạch Đông, người đã dấy động phong trào, cũng không thể điều khiển được nhịp độ cũng như hướng đi tới của nó, huống hồ, đây lại do tư tưởng sai hại, tính toán sai lầm đã phát động một phong trào sai lầm. Do tính chất sai lầm quyết định, nó chỉ có thể đi đứng gian nan trên một con đường khúc khuỷu quanh co, chứ không thể lấy ý chí con người mà xoay chuyển được.

Đối với việc phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông vốn cũng đã từng nghĩ rằng có khác với Bành Chân, La Thụy Khanh, Lục Định Nhất, Dương Thượng Côn. Nhưng Lâm Bưu và cả bè phái Cách mạng Văn hóa Trung ương lại cho thế là chưa đủ. Bọn họ cho rằng, vẫn phải tiến hành một cuộc đấu tố với thanh thế cực lớn, lấy thanh thế cực lớn của phong trào quần chúng tạo thành một thế lực đánh đổ mà không thể nào cứu vãn nổi, thúc giục Mao Trạch Đông nhanh chóng hạ quyết tâm. Bọn họ khép chặt đội ngũ, tính toán từng bước tiến hành đấu tố chính thức Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình.

Ngày 15/7/1967, Văn phòng Trung ương gửi một công văn thỉnh thị xin ý kiến Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương đấu tố Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Trưởng Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương Trần Bá Đạt lấy bút gạch

phăng hai chữ “Thiếu Kỳ” và viết thêm vào phía sau: “Vợ chồng Đặng Tiểu Bình, Đào Chú”.

Ngày 18/7/1967, Giang Thanh, Khang Sinh, Trần Bá Đạt v.v… bàn mưu kế tổ chức triệu tập một đại hội “đấu tố Lưu Thiếu Kỳ” để tiến hành đấu tố, lục soát nhà cửa, đồng thời nhân đó được đoạt tự do nhân thân của Lưu Thiếu Kỳ.

Sau khi Lưu Thiếu Kỳ bị lục soát nhà cửa, ông lão phục vụ trong nhà chúng tôi Ngô Hồng Tuấn len lén gọi mẹ tôi ra lối đi sau nhà nói: Hôm nay đã lục soát nhà Lưu Thiếu Kỳ rồi, chở cả một xe các thứ đi, nghe nói ngày mai sẽ lục soát đến nhà này, nên nhanh nhanh thu xếp mọi thứ đi!

Ngày 19/7/1967, phái tạo phản trong Trung Nam Hải gọi cha mẹ tôi tới Hoài Nhân đường ở kề bên, bảo rằng có việc cần hỏi. Sau khi cha mẹ tôi bị đưa đi, phái tạo phản ập vào nhà, bắt đầu lục soát. Đầu tiên bọn họ xộc ngay vào phòng làm việc của cha tôi, rồi đến phòng khách, sau nữa đến phòng ngủ của cha mẹ tôi, họ lục đi, soát lại nhưng chẳng lục ra được thứ gì. Thói quen làm việc của cha tôi là: hội họp không ghi chép, ngày thường không ghi nhật ký, diễn văn, nói chuyện không ghi ra giấy, nhiều nhất chỉ là một mẩu giấy ghi vài số liệu, khi đặt bút viết đều viết trên văn kiện. Xử lý văn kiện đều làm xong ngay trong ngày, đọc xong, phê xong là đưa ngay cho thư ký cầm đi. Trong phòng làm việc không bao giờ có một văn kiện nào. Phòng làm việc của ông thật tinh tươm, đơn giản, ngoài số sách đọc ra, hầu như chẳng có thứ gì. Bọn tạo phản lục lọi chán chê, một “cọng rơm” cũng không mò thấy, nên tức tối nói: “Một mẩu ghi chép cũng không thấy, cái lão Tổng Bí thư này, chẳng biết lão làm ăn ra sao”. Bọn tạo phản không chịu đi không lại về không, bèn chuyển sang phòng của lũ con cái chúng tôi, lục lọi, rà soát từng phòng một, kết quả là tay trắng vẫn hoàn tay trắng. Hôm đó Phi Phi cũng có mặt ở nhà, bọn họ hỏi: Đọc cái gì? Phi Phi đáp: “Tây du ký”, thực ra lúc ấy trong túi Phi Phi có cỗ bài tú-lơ-khơ mà cha tôi thường đánh chơi hàng ngày. May mà bọn tạo phản lại không khám người, nếu không họ sẽ tìm ra một tội chứng duy nhất: cỗ bài tú-lơ-khơ của Đặng Tiểu Bình. Còn nhớ rằng, khi chúng tôi đọc báo chữ to, bọn tạo phản đã liệt kê cho cha tôi một “tội danh” to lớn, đó là “ham đánh kiểu bài, ham chơi”: Lục soát rất kỹ khắp nơi, chẳng vớ được cái gì, bọn tạo phản liền ra lệnh cho tôi phải bỏ hết tiền nong và sổ tiết kiệm ra. Bọn họ cứ tưởng nhà tôi giàu có lắm, nhưng trăm nghìn lần không thể ngờ được rằng, gia đình tôi đông nhân khẩu gánh nặng, nên chẳng có lấy một đồng xu tiết kiệm nào, ngược lại còn nợ nhà nước 200 đồng bạc. Bọn chúng vốn muốn rằng, nhân việc khám nhà sẽ tung tin rằng đời sống gia đình của Đặng Tiểu Bình xa xỉ, hủ bại, nhưng kết quả chỉ làm chúng thất vọng cuốn xéo. Những

người hôm nay có thể không hiểu được rằng, khi ấy việc lục soát nhà cửa đã đem lại cho người ta khủng hoảng tâm lý to lớn nhường nào. Mọi ngày vốn chẳng có chuyện gì, nhưng sau một lần bị lục soát nhà cửa, là có thể dẫn tới tai họa mất mạng như chơi. Chúng tôi, trong Cách mạng Văn hóa vốn đã quá quen thuộc với việc lục soát nhà cửa, tuy chúng tôi chưa từng tham gia, và mắt cũng chưa từng trông thấy, nhưng tai đã nghe đồn thuộc rồi. Khi nhà cửa của Lưu Thiếu Kỳ bị lục soát, chúng tôi không thể không chuẩn bị gì. Chúng tôi đã kiểm tra lại khắp lượt trong nhà rất kỹ càng. Trong cái giờ phút không bình thường ấy, sự hoang mang trong lòng con người thật không bờ không bến, có chuyện gì, hoặc không có chuyện gì cũng cứ phải xem đi xét lại, để đề phòng bất trắc. Gia đình nhà chúng tôi vốn vô cùng giản dị, chẳng có một chút xa xỉ phẩm nào, chỉ có mấy lọ nước hoa khi mẹ tôi đi Liên Xô người ta biếu. Tôi còn nhớ rằng, hai chị tôi với tôi đã đem những lọ nước hoa chưa bao giờ được mở nút, vào trong nhà xí, mở ra, đổ tuột cả vào bồn rửa mặt, vừa đổ vừa mở vòi nước, cho nước cuốn trôi sạch sẽ đi. Cũng chẳng biết rằng chúng có phản ứng hóa học ra làm sao, khi nước và nước hoa hòa với nhau, nó liền ùng ục sủi lên những đám bọt trắng, bây giờ nghĩ lại, còn tức cười vì cái sự quá ư ngu dốt của mình. Chúng tôi đổ nước hoa đi, nhưng lại không đem vứt lọ. Nếu như bọn tạo phản lôi những chiếc lọ đó ra, rồi gây sự, vì nước hoa chưa dùng hết, hay nước hoa đã dùng hết cũng vậy cả thôi, điều đó rõ ràng là “đời sống của giai cấp tư sản”, chứ là gì nữa. May mà bọn tạo phản đã ngu ngơ bỏ qua mấy chiếc lọ nước hoa vớ vẩn đó. Sau đấy nghĩ lại, thật đúng là chuyện vừa đáng cười, vừa đáng khóc. Điều đáng tiếc nhất là chúng tôi đã đem đốt hết một số ảnh mà bọn tạo phản có thể đem ra làm chứng cứ của tội lỗi, trong đó có những tấm ảnh chụp chung giữa gia đình tôi với gia đình Bành Chân, La Thụy Khanh, Dương Thượng Côn, còn có cả những tấm ảnh mẹ tôi chụp chơi khi người còn trẻ đang theo học tại trường đại học Bắc Kinh. Những tấm ảnh ấy, chúng tôi đã đem gửi cho ngọn lửa, không bao giờ còn tìm lại được nữa.

Sau lần lục soát nhà cửa ấy, cha tôi coi như “chính thức” bị đánh đổ. Ngày 29/7/1967, “quần chúng cách mạng” ở Trung Nam Hải lấy danh nghĩa là họp chi bộ, đã đấu tố cha tôi, hẹn nội nhật ba ngày phải có bản “nhận tội“, và tuyên bố: bắt đầu từ hôm đó, hạn chế mọi tự do của vợ chồng Đặng Tiểu Bình. Đối với việc phê phán đấu tố đó, cha tôi không thể nào chấp nhận được, nên lại cầm bút viết thư cho Uông Đông Hưng: “Tình hình tại hội nghị chi bộ sáng nay, chắc ông đã nắm được rồi. Ngoài ra Học viện Ngoại ngữ buộc tôi phải viết bản ‘nhận tội’ trong vòng 30 ngày, còn chi bộ lại ra hạn kỳ trong ba ngày. Việc này nên xử lý thế nào, cần phải xin chỉ thị của Chủ tịch và Trung ương. Vì không tiện gọi điện

thoại nên tôi viết một lá thư xin gặp Chủ tịch. Nhờ ông chuyển giùm".

Trong thư gửi cho Mao Trạch Đông, cha tôi viết:

"Được gặp Chủ tịch hồi tháng 5, Chủ tịch có chỉ thị miệng cho tôi rằng, có việc gì có thể đến gặp Chủ tịch, đồng thời còn dặn dò rằng, nếu muốn gặp Chủ tịch có thể trực tiếp viết thư, nay tôi thêm một lần nữa viết thư xin gặp Chủ tịch, thực rất lấy làm áy náy. Sáng hôm nay (29/7/1967), chi bộ của mấy đơn vị họp, cuộc họp đã tiến hành trực diện vạch trần và đấu tranh với mọi tội lỗi sai lầm của tôi, cuộc họp lại ra lệnh cho tôi, trong vòng ba ngày phải viết xong bản nhận tội, phải nói thật hết, thật triệt để tội phản đảng, phản xã hội chủ nghĩa, phản tư tưởng Mao Trạch Đông, phản Chủ tịch, đồng thời đối với việc sinh hoạt của tôi cũng đưa ra một số điều cấm kị. Rõ ràng rằng, hiện nay trong lòng tôi hoang mang không chủ định, không biết như thế nào là tốt, cho nên tôi vô cùng khẩn thiết hy vọng được gặp mặt Chủ tịch để xin chỉ giáo. Tôi tự thấy rằng, sự thỉnh tấu này là không thỏa đáng, nhưng tôi không còn cách nào khác, nên chỉ đành bày tỏ nỗi lòng với Chủ tịch. Nếu như Chủ tịch quá bận, xin cử đồng chí khác đến gặp tôi cũng được"

Mao Trạch Đông không gặp lại Đặng Tiểu Bình nữa. Đánh đổ Đặng Tiểu Bình đã đi vào tình thế không thể đảo ngược được.

Ngày 1/8/1967, thư ký Vương Thụy Lâm và người bảo vệ Trương Bảo Trung của cha tôi bị điều đi. Ban công tác Trung ương điều đến một "thư ký" mới. Việc đầu tiên của viên thư ký này sau khi nhận trách nhiệm là gọi mẹ tôi vào phòng làm việc của ông ta. Trên tường trong phòng có dán biểu ngữ "thật thà khoan hồng, chống đối nghiêm trị". Viên "thư ký" mới nghiêm khắc bảo mẹ tôi tố cáo cha tôi. Mẹ tôi đàng hoàng đáp:

- Đồng chí Đặng Tiểu Bình chưa từng bao giờ mang chuyện công tác, chuyện của tổ chức nói với người trong nhà, tôi chẳng biết gì hết. Ngay đến văn kiện, hàng ngày xem xong, việc cần giải quyết đều giải quyết xong ngay trong ngày, còn tất cả các văn kiện khác đều đưa hết đến phòng cơ yếu của Văn phòng Trung ương. Muốn cần gì anh tự đến đó mà tìm.

Xem ra cũng chẳng có thể moi được gì ở mẹ tôi, cuộc "thẩm vấn" như thế là kết thúc.

Sau khi lục soát nhà cửa xong, bước tiếp theo sẽ là đại hội đấu tố.

Ngày 5/8/1967, để kỷ niệm chúc mừng một năm ngày bài báo chữ to "Nã

pháo vào Bộ Tư lệnh" của Mao Trạch Đông ra chào đời, Tạ Phú Trị và Thích Bản Vũ thân chinh tới "chiến tuyến tóm cổ Lưu Thiếu Kỳ" để thôi thúc, xúi giục, đề nghị với phái tạo phản, tổ chức triệu tập một cuộc đấu tố, gây thanh thế, với độ một triệu người, trên quảng trường Thiên An Môn. Trong cùng thời gian đó, tại Trung Nam Hải, nơi ở của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện, sẽ chia làm mấy địa điểm khác nhau cùng tiến hành đấu tố vợ chồng Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình và Đào Chú.

Hôm nay, hơn 30 năm sau, tôi vẫn ghi nhớ rõ ràng cảnh tượng ngày hôm ấy. Phái tạo phản, trước hết là thông báo sẽ đấu tố, cả gia đình tôi đều đã có chuẩn bị. Mẹ tôi dặn tất cả lũ trẻ có mặt trong nhà, bất kể là xảy ra chuyện gì, bất luận tình hình ra làm sao, đều không được ra khỏi nhà.

Bọn tạo phản ở Trung Nam Hải xông vào nhà tôi, áp giải cha mẹ tôi từ trong nhà ra, bọn tạo phản đứng chật ních trong sân bao vây cha mẹ tôi. Mấy tên tạo phản tiến lên, ấn đầu cha mẹ tôi xuống, buộc họ phải cúi đầu khom lưng nhận tội. Hàng loạt khẩu hiệu "đả đảo" vang lên đến inh tai nhức óc, bọn tạo phản hùng hùng hổ hổ, gào gào thét thét đấu tố một hồi, rồi sau đó lại năm mồm bảy miệng, nhốn nháo ồn ào chất vấn. Tôi còn ghi nhớ được rõ ràng tiếng gào thét chói tai, eo éo rất đặc biệt của một nữ tạo phản của tổ thư ký Ban công tác Trung ương mới điều từ Thượng Hải lên. Đôi kính của mẹ tôi bị bọn tạo phản giật đi mất, bà cúi đầu định nhìn cha tôi nhưng chẳng nhìn được gì. Cha tôi điếc, gò lưng nghe những tiếng gào thét nhưng cũng chẳng nghe thấy gì hết, vì thế mà cũng chẳng có lời đáp lại. Đến khi ông cất tiếng, nhưng chưa nói hết một câu, đã bị cắt ngang một cách thô bạo. Bọn tạo phản đã cho mắc một chiếc loa to ở sân, truyền cuộc đấu tố cùng lúc ở quảng trường Thiên An Môn vào cho ông bà cùng nghe.

Mẹ tôi cấm không cho chúng tôi ra ngoài, tôi và hai chị ở trong nhà, kéo kín rèm cửa che khuất. Hai chị nghe cuộc đấu tố gào thét điên cuồng, sợ đến thót tim lên cổ, hai chị chẳng đám bất nhẫn nhìn cảnh thê thảm của cha mẹ bị đấu tố, còn tôi, tôi cứ trèo lên bàn, nhìn qua khe rèm ra ngoài đứng xem. Tôi nói, tôi phải xem, phải xem cho đến cùng, tôi muốn ghi nhớ tất cả những cái đó vào thật sâu trong tâm khảm!

Sau khi đấu tố kết thúc, mẹ tôi dìu cha tôi vào trong nhà, nhìn khuôn mặt trắng bợt bạt của cha tôi, tôi vội vã đi rót nước cho ông, rồi lại dìu tiếp ông vào giường nghỉ. Hôm ấy đã kết thúc trong sự nhốn nháo hỗn loạn như vậy. Sau đó, chúng tôi được nghe tin, trong cuộc đấu tố Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình và

Đào Chú sau này, thì cuộc đấu tố Đặng Tiểu Bình là "văn minh" hơn cả. Đối với Lưu Thiếu Kỳ và Đào Chú còn thảm khốc hơn nhiều, đặc biệt là Lưu Thiếu Kỳ, họ còn hành hạ ông cả về thể xác nữa.

Sau khi lục soát, đấu tố, cha tôi coi như chính thức bị đánh đổ đến triệt để.

Trong nhà tôi ở Trung Nam Hải, cha mẹ tôi đã rơi vào tình trạng bị giam lỏng. Lũ con cái chúng tôi, tuy vẫn còn được cư ngụ ở trong nhà, nhưng bị cấm ra vào phòng cha mẹ, song bọn tạo phản lại không "hạ trại" ở sân, nên chúng tôi vẫn cứ lén lút ra vào phòng bố mẹ tôi. Sau khi bị đấu tố, cha tôi trầm lặng, không nói, và cũng chẳng thấy cười nhưng cũng chẳng để lộ ra những bức xúc hoặc tuyệt vọng quá đáng nào. Ảnh hưởng từ sự trấn tĩnh của cha tôi, tình hình trong cả gia đình tôi cũng không bị sa sút nặng nề, chỉ có ít đi ra ngoài hơn, cố hết sức ngồi lì trong nhà. Cần nhớ một điều rằng, trong Cách mạng Văn hóa, ngoài xã hội, trong số những người mà gia đình tôi quen biết, cảnh ngộ của họ, tình cảnh của họ còn thê thảm, be bét hơn chúng tôi nhiều, mà con số đó rất lớn. Cũng thật kỳ lạ, so sánh như thế, chúng tôi cũng chẳng thấy vui vẻ gì. Trong thời gian ấy, trong khi gia đình chúng tôi khó khăn hoạn nạn nhất, có một số việc khiến cho cả gia đình tôi vĩnh viễn không quên. Nhà tôi ở trong một ngõ nhỏ ngay bên cạnh Hoài Nhân Đường, từ nam tới bắc, trước sau có tất cả bốn khu nhà. Khu một là Lý Phú Xuân, khu hai là Đàm Chấn Lâm, khu ba là Đặng Tiểu Bình, khu bốn là Trần Nghị. Đó là bốn hộ gia đình của bốn Phó Thủ tướng, những người lớn, đều là lão chiến hữu, lão đồng chí, quan hệ rất thắm thiết. Lũ trẻ con chúng tôi cũng cùng nhớn nhao lên từ đó, chơi bời đùa nghịch với nhau như anh chị em ruột thịt. Sau khi phát động Cách mạng Văn hóa, chỗ nào cũng hỗn độn những biểu ngữ cùng khẩu hiệu, nhà nào nhà nấy vội vã bận bịu ứng phó với phong trào, lo lấy thân còn chưa xong, nên sau khi cha tôi bị đánh đổ, chúng tôi càng không muốn ra khỏi nhà, chẳng muốn gặp ai. Có một hôm chị cả Đặng Lâm và tôi từ nhà đi ra đến đầu ngõ, nhìn thấy bác Trần Nghị có bảo vệ đi kèm, đang từ phía ngoài đi vào. Nhìn khuôn mặt sa sầm nghiêm túc của bác, biết ngay rằng nhất định là bác bị bức phải đi đọc báo chữ to. Đã lâu không gặp, nay thấy bác gầy còm, nụ cười hớn hở mà chúng tôi đã quen thuộc từ tấm bé của bác nay đã biến mất, chỉ riêng có tấm lưng bác là vẫn thẳng như xưa. Chúng tôi biết rằng trong dòng "nước ngược tháng 2", bác Trần Nghị đã bị phê phán. Để khỏi làm liên lụy tới bác, chúng tôi đã tự động đứng lánh vào một bên tường. Không ngờ bác đã nhìn thấy chúng tôi, sắc mặt bác thay đổi, cặp lông mày hơi dướn lên, từ xa bác đã bước vội mấy bước tới nơi. Bác gọi tên chúng tôi, và đột nhiên lưng hơi còng xuống, như người cúi xuống vái chào, bác hỏi: "Khỏe cả chứ?" Chúng

tôi hơi lặng người đi, nhưng rồi cũng phản ứng lại kịp, biết rằng bác đang hỏi thăm ai, tim nóng ran, không nén nổi giọt lệ tràn ra khóe mắt. Chúng tôi vội vã đáp: “Khỏe cả ạ”. Bác nói liền mấy tiếng: “Thế là tốt, thế là tốt!” Nói xong nét mặt bác lại sa sầm xuống, chậm rãi bước từng bước đi sâu vào trong ngõ. Chuyện đó đã làm chúng tôi xúc động không biết bao nhiêu ngày, nhưng dù thế nào chăng nữa cũng không thể ngờ được rằng. Đó là lần cuối cùng chúng tôi được gặp mặt bác Trần Nghị. Lại có một lần, bác cần vụ Ngô Hồng Tuấn từ ngoài trở về đưa một bao thuốc lá thơm cho mẹ tôi, bác nói, ngoài ngõ gặp Tiểu Khổng bảo vệ của ông Lý Phú Xuân, Tiểu Khổng nhìn xung quanh thấy không có ai, len lén nhét cho ông bao thuốc lá, nói nhỏ:

- Đây là của đồng chí Lý Phú Xuân gửi biếu đồng chí Đặng Tiểu Bình.

Bác Ngô Hồng Tuấn đứng ngây nhìn Tiểu Khổng đi khỏi đó, một lúc lâu mới định thần lại được, vội vàng rảo cẳng về nhà. Cha mẹ tôi nhìn bao thuốc lá thơm, lâu lắm chẳng ai nói câu nào. Song trong lòng ông bà thì đã rõ, trong cái giờ phút khốn khổ khắc nghiệt này, những lão đồng chí, lão chiến hữu vẫn nhớ tới ông bà. Hơn một năm trước Đặng Tiểu Bình gửi cam biếu Bành Chân, hơn một năm sau, Lý Phú Xuân gửi thuốc lá biếu Đặng Tiểu Bình. Thực sự đổi thay, thật đáng để lòng người cảm khái.

Tình hình đó kéo dài được chừng hơn một tháng. Ngày 13/9/1967, bác cần vụ Ngô Hồng Tuấn đột nhiên chạy đến bảo chúng tôi: đám con cái Lưu Thiếu Kỳ bị đuổi ra khỏi nhà rồi, đuổi ra khỏi Trung Nam Hải đấy! Trong ba đứa con của Lưu Thiếu Kỳ mấy cậu lớn lớn học trung học, mỗi cậu ôm một bó chăn đệm, với một chiếc xe đạp, bị cưỡng bức, đưa từng người về trường trung học của mình. Đứa bé nhất đang học tiểu học giao cho cô bảo mẫu rồi cũng bị cưỡng bức đuổi ra khỏi cửa. Bác Ngô Hồng Tuấn cuống quít bảo chúng tôi, các cô cũng phải chuẩn bị đi thôi.

Lúc đó trong nhà chỉ có Đặng Nam với tôi. Chúng tôi bàn với mẹ tôi, bất kể ra làm sao, nhà mình quyết không để bị đuổi ra khỏi nhà như con bác Lưu Thiếu Kỳ, nếu có phải đi, cũng cần có chỗ mới đi. Trong nhà tôi còn có bà tôi, nếu như chúng tôi bị tống về trường học, thì bà tôi sẽ đi đâu. Bà tôi đã ở với chúng tôi mười mấy năm kể từ ngày giải phóng, tuổi cao như thế, không thể để bà tôi không có chỗ trú chân. Con cái bác Lưu Thiếu Kỳ còn bé hơn chúng tôi, mà đã bị họ tống cổ đi, thì thật thê thảm quá. Chúng tôi sẽ tuyệt không thể như thế được, số phận của chúng tôi tuyệt không thể ai muốn sắp đặt như thế nào thì sắp đặt. Sau khi bàn bạc xong, trong lòng chúng tôi cũng đã quyết một bề.

Chả bao lâu sau, quả nhiên, người của phái tạo phản và cả của Ban công tác Trung ương tới thật, hung hăng thét lác, ra lệnh cho chúng tôi về trường học, ra lệnh cho bà tôi phải về quê cũ, và chỉ được phép trong vòng hai giờ đồng sau là phải cút khỏi Trung Nam Hải. Cha mẹ tôi bị giam lỏng không thể ló mặt ra được, hai chị em tôi bắt đầu tranh cãi với bọn tạo phản, bảo rằng đi, cũng được nhưng bắt buộc phải có cho chúng tôi một chỗ ở khá. Chúng tôi kiên quyết không về trường học, bà tôi cũng không thể về quê cũ được, ở đấy không còn ai là người thân cả, lẽ nào để bà chúng tôi đi chuốc lấy cái chết. Trừ khi các người lấy thừng trói chúng tôi lại mang đi, nếu không chúng tôi quyết không đi khỏi đây! Bọn tạo phản gầm lên, chúng tôi cũng gầm lên, bọn tạo phản hùng hổ, chúng tôi cũng chẳng chịu kém nước. Chúng tôi đã quyết, cũng thét lác với bọn chúng, nhưng không làm sao giữ nổi cho những giọt nước mắt khỏi tràn ra trên gò má. Bọn tạo phản ấy thấy chúng tôi làm dữ, nên chúng đành tạm cuốn xéo. Bọn chúng đi rồi, chúng tôi òa lên khóc to. Kể từ khi cha mẹ tôi bị phê phán mãi cho đến hôm nay, tất cả nỗi oan khuất, tất cả nỗi phẫn nộ, cộng với nỗi bi thương sắp phải cùng cha mẹ phân ly, như một cơn hồng thủy, không thể ngăn cản nổi, ào ạt tuôn ra.

Biết không tránh khỏi số phận bị đuổi đi, chúng tôi tìm chị cả từ trường học về, cùng thu xếp quần áo, đồ đạc, mẹ tôi từ trong phòng cũng vội vã lục lọi. Chúng tôi tìm được một góc khuất vụng trộm "giao tiếp" với nhau, mẹ tôi lục được bộ quần áo nào, liền đưa ngay cho chúng tôi bộ đó, mẹ và cha tôi muốn sao cho chúng tôi khuân hết được đồ đạc mang đi.

Cuối cùng, chúng tôi đã thắng lợi. Mấy hôm sau, bọn tạo phản báo cho chúng tôi biết, chúng đã tìm được cho chúng tôi hai gian nhà ở bên ngoài Trung Nam Hải, nhưng trong vòng hai tiếng đồng hồ là phải "cút khỏi" đây ngay. Trước khi ra đi, chúng tôi thay nhau chạy tới căn phòng ở phía bắc, nơi cha mẹ tôi đang ở, lần lượt từ biệt cha mẹ. Nhân lúc chúng tôi ra đi, mẹ tôi vội vã mang một số đồ dùng trong phòng, tống ra cho chúng tôi. Mắt mẹ tôi đẫm lệ, tiếp nhận những vật từ bà, tôi thấy tay bà nóng ran. Cha tôi đang ở hành lang phía sau nhà, tôi chạy tới ôm hôn ông vội vã, rồi lại vội vàng bỏ chạy. Cha tôi là người yêu mến chúng tôi nhất, tôi không dám nhìn lại cha tôi. Tôi biết rằng, xưa nay ông là con người kiên cường, gặp hiểm nguy không hề kinh hãi, vui buồn không để lộ ra ngoài, nay phải phân ly với những đứa con vốn sớm tối bên người, mà có thể rằng, kể từ nay sẽ không còn gặp lại nữa, đối với ông mà nói, đây là nỗi đau thương lớn nhất. Những hiểm nguy ác độc mà ông gặp phải trên trường chính trị cũng không quật ngã nổi ông, nay với người thân phải sinh ly tử biệt, lại là một nỗi đau khó chịu đựng nổi.

Ngày thu thê lương.

Ngày thu tháng 9/1967 ấy, chúng tôi biệt ly cha mẹ, rời khỏi gia đình nơi chúng tôi đã sống 10 năm trong Trung Nam Hải.

Kể từ khi ấy, cha mẹ chúng tôi bắt đầu sống một kiếp sống tù đày, hoàn toàn cách ly với thế giới bên ngoài, trong khi chúng tôi, những đứa con cũng bắt đầu bước vào con đường sống hoàn toàn khác với ngày xưa. Chúng tôi biết rõ ràng, trước mắt chúng tôi là con đường gập ghềnh, chúng tôi sẽ phải đối diện với cõi nhân sinh mênh mang bên ngoài Trung Nam Hải, hải cảng tránh gió yên bình của chúng tôi ngày trước. Cuộc sống vật lộn gian nan ấy, chúng tôi phải đeo đẳng từng giờ từng phút, không chỗ né tránh, không nơi ẩn náu.

Hai năm sau đó hai kẻ "theo tư bản" to đầu nhất là Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình vẫn bị giam cầm trong nhà riêng của mình ở Trung Nam Hải. Do sự xử lý của Mao Trạch Đông với hai người khác nhau, nên hoàn cảnh của Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình cũng chẳng giống nhau.

Lưu Thiếu Kỳ bị giam hãm trong nhà riêng của mình ở Trung Nam Hải, vợ ông, bà Vương Quang Mỹ bị đưa hẳn vào ngục thất, những nhân viên công tác quanh người được đổi thành nhân viên quản giáo. Lưu Thiếu Kỳ, một vị Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, cho đến nay vẫn được hiến pháp công nhận, bệnh tật đầy người, mà vẫn bị trăm chiều hành hạ, cuối cùng bị đưa đi đày đọa, chết thảm ở phủ Khai Phong tỉnh Hà Nam.

Còn Đặng Tiểu Bình tuy cũng bị giam cầm, nhưng trước sau ông chưa bị tách ra khỏi vợ mình. Cần biết rằng, trong những giây phút gian nan, được sống bên cạnh người thân là điều vô cùng quan trọng. Chỉ cần hai ông bà vẫn được sống bên nhau thì dù có bị đánh đổ, bị phê phán hung tợn hơn nữa, mãnh liệt hơn nữa, cũng vẫn có thể dựa dẫm vào nhau, tìm được nguồn an ủi.

Thư ký của cha tôi đã bị điều đi từ lâu rồi, thay vào đó là một người không biết mang cấp hàm gì, nhưng thực tế đây cũng chỉ là một người quản giáo. Nhân viên công tác trong nhà tôi vốn không nhiều, nhân viên và lái xe cũng đã bị điều đi, nhưng ông đầu bếp Dương Duy Nghĩa và người cần vụ Ngô Hồng Tuấn vẫn còn được giữ lại. Hai người ấy làm việc trong nhà chúng tôi cũng đã hơn chục năm. Tuy đối với kẻ "đi theo tư bản" cũng phải phê phán, cũng phải phân rõ giới tuyến, nhưng đối với cả gia đình tôi vẫn còn giữ được rất nhiều tình cảm. Còn có những người đó, thứ nhất là bữa ăn của cha mẹ tôi vẫn có người trông nom, thứ hai là trong nhà ngoài sân cũng chẳng đến nỗi hiu quạnh quá. Đặc biệt là tôi

muốn nhắc tới bác Ngô Hồng Tuấn, bác từ quê hương Tứ Xuyên của chúng tôi tới, vốn chẳng có văn hóa, và cũng chẳng hiểu chính trị là gì, nhưng trong phong trào Cách mạng Văn hóa này, ngay một người như bác cũng hiểu biết được nhiều về chính trị. Có nhiều khi, những điều bác nghe được hoặc những việc mà bác cho là quan trọng, bao giờ cũng nhân lúc vắng người, bác nói vụng lại với mẹ tôi ở lối đi sau nhà, khiến cho cha mẹ tôi phải sống trong hoàn cảnh hoàn toàn cầm cố cũng biết được một vài tin tức.

Trong lúc bị giam hãm, cha mẹ tôi vẫn phải đối mặt với những cuộc phê phán mình điên cuồng, có những lúc vẫn bị tổ chức phái tạo phản bắt buộc phải viết những tài liệu chứng minh tội lỗi của người khác theo yêu cầu của họ. Khi thấy những đồng chí của mình, chiến hữu của mình bị oan khuất, vu cáo, cha tôi bất bình nhưng đành chịu bó tay. Ông chỉ còn cách dùng những lời nói thẳng trong tâm can mình để chứng minh sự trong sạch của đồng chí mình. Ba tên tạo phản ở Bộ Y tế yêu cầu cha tôi phải khai báo, tại sao lại trọng dụng Bộ trưởng Y tế, Tiền Tín Trung, bị đánh đổ.

Vào ngày 3/11/1967, cha tôi viết rằng:

“Quan hệ công tác giữa tôi và đồng chí Tiền Tín Trung đã có từ rất lâu, hồi ở Dã chiến quân thứ 2. Chúng tôi, chủ yếu là tôi, rất tín nhiệm đồng chí ấy. Tôi và nhiều đồng chí phụ trách khác từ lâu vẫn cho rằng, đồng chí ấy là người có đủ năng lực để phụ trách Bộ Y tế. Lúc bấy giờ một bác sĩ mổ ngoại khoa như đồng chí ấy thật hiếm có. Tinh thần công tác, đặc biệt là tinh thần cứu thương ở chiến trường lúc nào cũng rất cố gắng. Cho nên ngày xưa, cách nhìn tổng quát của tôi về đồng chí ấy là: những khuyết điểm lặt vặt thì có nhiều, nhưng về tổng thể là rất tốt, có nhiều thành tích trong chiến tranh. Tiền Tín Trung làm Bộ trưởng Y tế là do Thủ tướng đề xuất, bàn bạc, tôi tán thành việc đồng chí Tiền Tín Trung làm Bộ trưởng Y tế, giữa tôi và An Tứ Văn[22] chẳng có âm mưu nào cả”.

Cha tôi đã viết tài liệu này để bày tỏ sự đồng tình và ủng hộ đối với những đồng chí bị bức hại vu cáo. Trong những năm tháng ấy, phàm là những người bị phê phán, đánh đổ, đều bị cưỡng chế cải tạo lao động mang tính trừng phạt, có những tên tạo phản đã dùng tới kiểu cưỡng bức lao động nặng để đạt được mục đích của chúng là hãm hại, hành hạ, dày vò con người. Cha tôi bị giam giữ trong chính ngôi nhà của mình, muốn lao động cải tạo cũng chẳng có việc gì mà cải tạo. Ban đầu, họ bắt ông bà tự nấu nướng lấy, nhưng mới chỉ được vài ngày là đã bị cấm không cho làm nữa. Có thể là do bọn tạo phản đã thiển nghĩ ra rằng, không thể để cho tên đi theo “tư bản” to đầu này, tiếp xúc với những vũ khí sắc

bén như các loại dao chẳng hạn. Sau đó họ hạ lệnh cho mẹ tôi hàng ngày phải quét sân, quét nhà. Mới đầu chỉ có một mình mẹ tôi cầm chổi, tiếp theo, cha tôi cũng tự nguyện cầm lấy chổi, cùng quét với mẹ tôi. Trong hai năm, dù gió thổi mưa bay, dù trời rét trời nắng, hai ông bà cũng không bỏ việc, cứ từng nhát, từng nhát, chu đáo cẩn thận quét, trong cuộc sống giam cầm, đơn điệu và cô đơn, có một việc lao động, bỗng trở thành một nhu cầu của cha mẹ tôi, trở thành một nội dung sinh hoạt chủ yếu. Nhưng quét nhà quét sân, dù có cẩn thận chu đáo nhường nào cũng chỉ có ngần ấy công việc, ngoài việc đó ra, cha mẹ tôi chỉ còn biết ngồi lì trong nhà, đọc sách, đọc báo, nghe phát thanh, hoặc ngồi âm thầm lặng lẽ.

Để tiết kiệm, trong cả hai năm ấy, ông bà không mua sắm thêm bất cứ thứ quần áo nào. Cha tôi có một chiếc áo len casơmia, vốn là từ hồi Thượng Hải mới giải phóng, đồng chí Lưu Hiểu (đã từng là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao) hoạt động bí mật ở đó mua cho. Ông mặc chiếc áo đã hai chục năm, khuỷu tay áo đã bị mài rách, biết làm sao đây. Mẹ tôi biết đan len, bà tìm những sợi len kha khá đồng màu, tách từ sợi to ra thành những sợi nhỏ tương đương với sợi len casơmia, xâu vào chân kim, rồi mạng vá theo kiểu người ta đan len. Một cái lỗ rách to như thế, mà khi vá víu xong, chẳng kém lúc mới là bao nhiêu, những người không biết, chỉ nhìn thoáng qua sẽ không nhận ra đó là miếng vá. Còn những chỗ gấu nẹp tuột rách, mẹ tôi cũng vá víu lại rất cẩn thận. Chiếc áo len màu ghi vừa cũ vừa rách ấy đã được mẹ tôi khéo léo mạng vá lại trở nên như mới. Sau này một thời gian rất dài, cha tôi vẫn mặc chiếc áo len ấy, ngay cả khi có áo mới, ông cũng không chịu đổi. Điều này rõ ràng không phải là sự tiết kiệm rồi, mà nên hiểu rằng, mỗi đường kim mũi chỉ trên tấm áo ấy, nó đang gìn giữ ghi nhớ những ngày ngày đêm đêm bị giam cầm cấm cố.

Đến đêm, ngoài sân tối đèn lặng lẽ, trong phòng cũng trống rỗng lặng thinh, chỉ có một chiếc đèn con mờ mờ ảo ảo. Cha tôi chẳng nói năng gì, chỉ lặng lẽ châm những điếu thuốc lá buồn. Mẹ tôi ngồi nhìn cha tôi hút, rồi về sau bà cũng bắt đầu hút theo. Cha tôi biết mẹ tôi mắc bệnh tim mạch, khuyên bà không nên hút, ông nói:

- Bây giờ xem ra, bà đã nghiện nặng hơn tôi rồi, sau này tính sao?

Mẹ tôi đáp:

- Tôi hút thuốc chỉ vì nhớ con quá. Chỉ cần gặp mặt chúng nó, là tôi bỏ thuốc ngay lập tức.

Tuy đời sống giam cầm có gian nan thật, nhưng có điều may rằng, cha mẹ tôi không được tính như những người "đi theo tư bản" khác, nên nhân thân không bị bức hạ, hành hạ đến thê thảm như những người khác. Cha tôi tuy không phải chịu sự ngược đãi hành hạ như những người "đi theo tư bản" khác, cũng chẳng phải may mắn được tha, mà cần nhớ tới hai nguyên nhân đã nêu ở phần trên, đó là ý kiến của Mao Trạch Đông, và cũng có thể nói rằng đó là sự sắp xếp chính trị của Mao Trạch Đông.

Đối với Đặng Tiểu Bình, đồng thời với việc phê phán, đánh đổ, Mao Trạch Đông vẫn cho rằng, về mặt chính trị, Đặng Tiểu Bình còn được bảo lưu, và về mặt nhân thân vẫn được bảo hộ. Việc giám quản Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông chỉ giao cho Uông Đông Hưng, người đã được ông ta tín nhiệm, và chưa từng cho phép Lâm Bưu hoặc Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương nhúng tay vào. Đến ngày 5/11/1967, khi Mao Trạch Đông nói chuyện với các thành viên Ban Cách mạng Văn hóa về vấn đề Đại hội 9 và chỉnh đảng, tuy ông ta vẫn gộp Đặng Tiểu Bình và Lưu Thiếu Kỳ vào làm một để phê phán sai lầm, nhưng ông ta nói:

- Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình hợp tác mưu gian với nhau, nên quyết nghị của Đại hội 8 đã không thông qua chủ tịch đoàn của đại hội, và cũng chẳng hỏi han ý kiến của tôi đã cho thông qua rồi. Vừa thông qua xong, tôi liền phản đối. Năm 1963 lại làm việc "Mười điều", rồi sau đó ba tháng lại triệu tập họp làm tiếp "Sau mười điều" cũng chẳng thèm xin ý kiến tôi, mà tôi cũng chẳng đến họp. Cần phải phê phán Đặng Tiểu Bình, đề nghị Quân ủy Trung ương chuẩn bị bài vở.

Nhưng đồng thời, ông ta lại nói:

- Theo ý kiến của tôi, cần phải có sự phân biệt với Lưu Thiếu Kỳ, làm thế nào để tách Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình ra làm hai.

Tách đôi Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, tuy chỉ là một câu nói, nhưng hàm ý của nó rất sâu xa. Về mặt nổi, đó là quyết định bước đường sống và chết lặng cõi đời này của Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, còn về bề sâu, nó có liên đới tới vấn đề khác, không những đã nhiều mà còn phức tạp. Mao Trạch Đông dựng Lâm Bưu lên làm người kế cận của mình, trong những trường hợp công khai, Lâm Bưu đều từng bước bám sát gót ông ta, nhưng trong chỗ riêng tư từ xưa tới nay Mao Trạch Đông chưa hề chuyện trò thân mật với Lâm Bưu bao giờ. Tại sao vậy? Mao Trạch Đông biết rõ rằng Lâm Bưu không chấp nhận Đặng Tiểu Bình, mà Mao Trạch Đông lại có ý giữ Đặng Tiểu Bình lại. Tại sao vậy?

Tách đôi Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình ra, lẽ nào chỉ vì vấn đề của Đặng Tiểu Bình không lớn bằng của Lưu Thiếu Kỳ? Lẽ nào vào cái thời điểm đó, cái thời điểm Lâm Bưu "đỏ" nhất, thì Mao Trạch Đông đã nghĩ tới những gì, hoặc đã chuẩn bị những gì? Lòng dạ Mao Trạch đông đúng là sâu như biển, sâu khó có thể đo được.

Theo lời dự đoán của Mao Trạch Đông, năm 1967 sẽ là năm mà cuộc đấu tranh giai cấp triển khai ra toàn quốc. Những sự kiện nảy sinh ra trong năm đó rõ ràng là vừa nhiều, vừa nhanh, vừa hỗn loạn. Tiếp tục với sự kiện "tiếm quyền tháng giêng" "dòng nước ngược tháng 2", tháng 3 đã nổi lên phong trào "bắt phản động" trong phạm vi toàn quốc, không biết bao nhiêu người vô tội bị định tội, bị vu cáo. Tháng 4, cuộc phê phán Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, đặc biệt là đối với Lưu Thiếu Kỳ trên báo chí được đại đại nâng cấp, tháng 6, tà khí đả đảo, đánh đập, bắn giết, lục soát nhấn chìm toàn quốc, khiến cho Trung ương không thể không tung ra những chỉ thị điều chỉnh. Tháng 7, Lâm Bưu đề xuất việc bắt bớ "một nhóm nhỏ trong quân đội", rất nhiều cán bộ trong quân đội bị đánh đổ. Vẫn trong tháng ấy, Giang Thanh đề xuất "văn công võ vệ" (tấn công bằng văn, bảo vệ bằng võ), khiến những cuộc giao đấu trên toàn quốc tăng lên khủng khiếp, chuyện đầu rơi máu chảy với quy mô lớn liên tục xảy ra. Tháng 8, với sự xúi giục, kích động của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, đã đẩy bọn tạo phản hỏa thiêu cơ quan Đại biện của nước Anh tại Trung Hoa, và cả loạt những sự kiện có liên quan tới nước ngoài.

Cho đến khi ấy mà nói, trên dưới, khắp toàn quốc, hàng loạt cán bộ cao cấp, kể cả quân đội, đã bị hạ bệ, cơ cấu chính quyền, đảng rơi vào tình trạng tê liệt, tổ chức của các phái tạo phản đấu đá lẫn nhau, không ngừng nổ ra những cuộc chiến đại quy mô đẫm máu, sản xuất công nông nghiệp bị phá hoại nặng nề, sản xuất liên tục sút giảm, toàn quốc rơi vào tình trạng loạn lạc, và một cuộc nội chiến hỗn loạn toàn diện.

Mao Trạch Đông từ tháng 7 đến tháng 9 đi thị sát Hoa Bắc, Trung Nam và Hoa Đông. Sau khi đi tuần du, ông ta không hề cảm thấy sự nghiêm trọng của tình thế, ngược lại, ông ta còn nói:

- Tình hình Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản trên toàn quốc tốt to chứ không phải tốt nhỏ đâu, toàn bộ tình hình so với bất cứ thời gian nào trước kia, đều tốt… Một số địa phương vào giai đoạn trước tưởng như rất loạn, thực ra đó chỉ là loạn với quân địch thôi, nó tôi luyện được quần chúng.

Chính con mắt của Mao Trạch Đông nhìn thấy lời tiên tri của ông ta đã được

thực hiện, đã chính thức nhìn thấy “thiên hạ đại loạn”. Thiên hạ đại loạn, thì đúng là loạn rồi, đã loạn thì phải loạn đến triệt để, loạn đến lệch đất nghiêng trời.

Mao Trạch Đông đã từng mổ xẻ mình:

- Trên con người tôi, có một phần là hổ khí, hổ là chính, và cũng có một ít khỉ khí, khỉ là phụ.

Hổ khí là khí chất của bậc đế vương, là khí chất của bậc đế bá, khỉ khí là khí chất của chiến tranh, khí chất của tạo phản. Hai cái thứ khí chất đó tập trung trên một con người Mao Trạch Đông, hai khí chất gốc ấy đã dung hợp một cách cực kỳ điển hình với nhau để nhào nặn ra một tính cách song trùng. Ông ta là vị chúa tể, đồng thời lại là kẻ tạo phản. Với cương vị chúa tể, ông ta phát động phong trào tạo phản, rồi lại dùng cương vị kẻ tạo phản để vươn tới địa vị một chúa tể mới, có thể sử dụng cái tính cách và phương thức không bình thường, không giống nhau đó để kiến tạo và truy tìm lý tưởng “cách mạng” một cách không biết mệt mỏi.

Mao Trạch Đông là một vĩ nhân, là một kẻ mạnh vĩnh viễn. Những suy nghĩ, những việc làm của ông ta, người bình thường không sao mà bàn luận được. Có thể, đây cũng lại là một trong những nguyên nhân làm cho lý tưởng và hiện thực của ông ta luôn luôn cách xa nhau một trời một vực.

Một lá thuyền đơn trong sóng cả

Trong đám đông chúng sinh bị Cách mạng Văn hóa quăng quật xô đẩy, số phận của gia đình tôi cũng chẳng phải là thê thảm nhất. Cha mẹ tôi, tạm thời không tính, bởi vì ông bà là những nhân vật chính trị, là vai chính trên vũ đài chính trị nên sự chìm nổi trên chính trường vốn đã là "cái mệnh" của ông bà rồi. Nhưng đối với chúng tôi, là những đứa bé con mới mười mấy, đôi mươi tuổi mà nói, chúng tôi đã bị rơi đột ngột từ tuổi học trò ngây thơ trong trắng xuống vực sâu vạn trượng, bị đấu tố bôi bẩn, thì quả thật là một sự thử thách quá gian nan trong cuộc đời.

Sau khi bị đuổi ra khỏi Trung Nam Hải, Văn phòng Trung ương cũng đã tìm được cho chúng tôi một chỗ ở trong một ngõ nhỏ tên là Phương Hồ Trai, nằm bên ngoài cửa Tuyên Vũ. Đó là một khu nhà, ngoài một số nhà một tầng đơn giản, còn có một dãy nhà hai tầng nho nhỏ nghe nói đã được xây dựng từ thời Nhật – Ngụy. Chúng tôi được nhận hai phòng nơi tầng một ở trong cùng dãy nhà. Những người ở trong khu nhà này đều là công nhân viên làm việc trong Trung Nam Hải và một số gia đình cán bộ mắc "sai lầm" trong Văn phòng Trung ương. Sau khi chúng tôi dọn đến đó, bà tôi và em trai Phi Phi ở một phòng, còn một phòng dành cho ba chị em tôi và một người chị họ đang theo học ở Bắc Kinh cùng ở. Ngôi nhà lầu này đã rách nát lắm, ván sàn cứ vang lên cót két, cót két mỗi khi đặt chân lên. Phòng chúng tôi ở chỉ cách phòng bên cạnh có một bức vách gỗ: bên kia chỉ ho một tiếng là bên này đã nghe thấy hết. Ngoài sân có một vòi nước máy, có thể lấy nước dùng từ đó, nhà xí nằm ở ngoài ngõ bên ngoài khu nhà. Trên lối đi, chúng tôi đặt một cái bếp lò mới mua, dùng dăm bào khói mù mịt để mồi than, bà tôi nấu nướng bữa cơm đầu tiên cho chúng tôi ở nhà mới.

Sau khi thu xếp nhà cửa xong, chúng tôi cảm thấy vô cùng may mắn. May vì chúng tôi không bị đuổi tới trường như đám con Lưu Thiếu Kỳ. May vì chúng tôi còn có một chỗ gọi là để an thân, may vì chúng tôi còn có một nhà gọi là để đi về, nhưng có được như thế cũng chẳng dễ dàng, mà phải đấu tranh mới có được. Khi mọi việc đã ổn thỏa, những đêm vắng về, tĩnh lặng, chúng tôi nằm chen nhau trên những tấm ván gỗ kê làm giường, trằn trọc không sao ngủ được. Chúng tôi nhớ cha, chúng tôi nhớ mẹ. Chúng tôi biết rằng, cũng vào đêm nay, giờ này chắc cha mẹ tôi cũng chẳng sao chợp mắt được, nhất định cũng đang

thương nhớ chúng tôi. Muốn nói thế nào thì nói, Trung Nam Hải vẫn là "chốn đào nguyên". Đến Phương Hồ Trai mới thực sự là bước vào xã hội. Trong khu nhà, toàn là những người làm việc ở Văn phòng Trung ương cư trú cùng với gia đình họ, hình như họ cũng đã được cấp trên dặn dò thế nào đấy, nên họ cư xử với chúng tôi cũng chẳng đến nỗi nào. Khi chúng tôi mới dọn tới, nhiều người đến hỏi xem chúng tôi có thiếu thốn gì không, hoặc mang cho chúng tôi nắm hành, chén xì dầu v.v… Chúng tôi dọn nhà từ Trung Nam Hải tới đây, xem ra có vẻ nhếch nhác, nghèo hèn, nhưng những người công nhân viên cùng gia đình họ cũng đã sống như thế ở đây từ lâu rồi và chưa hề thấy nó kém cỏi.

Sau khi tới đây, chúng tôi mới biết thế nào là đời sống của trăm họ. Thời đó, lương bổng của công nhân viên rất thấp, thấp nhất một tháng chỉ có 20 đồng bạc, nhiều cũng chỉ ngót nghét 40 đồng, mà phải nuôi sống cả ba đời già trẻ lớn bé. Nhiều công nhân viên chức phải sống nhờ vào việc làm thêm, như dán hộp giấy, dán hộp diêm. Có nhiều gia đình dọn một cái giường cho ra cái giường cũng chả có, giường chỉ là hai chiếc ghế dài, kê những tấm gỗ lên đó, tối cả nhà ngủ chung, cơm nước cũng chỉ là những nắm mì hấp ăn với dưa muối, đĩa mì xào với mấy sợi thịt đã gọi là của ngon vật lạ. Quần áo cũng vá chằng vá đụp, nhất là lũ trẻ con có cái gì khoác lên người cho ấm được là khoác cái đó. Nhìn những cảnh đó, chúng tôi còn kêu ca, oán thán cái nỗi gì, còn phàn nàn, bực bội cái nỗi gì nữa.

Chúng tôi học sống cuộc sống bình dân của những người công nhân viên chức bình thường ở đây. Chúng tôi ra sân xách nước, vào nhà xí công cộng ở ngoài phố, cầm tem phiếu đi mua lương thực ở cửa hàng gạo, cầm sổ đi mua than ở chỗ bán than, ngày lễ ngày tết cũng đi xếp hàng mua mộc nhĩ, rau kim trâm, ngũ vị hương, mỗi tuần một lần dậy từ bốn năm giờ sáng ra chợ rau xếp hàng mua đậu phụ. Khi cửa hàng thực phẩm có bán xương xẩu, đầu chối, hô một tiếng, cả khu nhà nườm nượp kéo nhau đi cùng với rổ rá. Chúng tôi đã làm quen được với cuộc sống ấy rất nhanh, và sống chung với nó. Con người là như thế, chỉ cần trong đầu, trong dạ chịu đi theo mình, thì rồi ngày tháng nào cũng qua được hết, hoàn cảnh nào cũng thích ứng được cả. Hơn nữa cán bộ công nhân viên nhà nước cũng chỉ sống có thế, so sánh ra, xem chừng chúng tôi còn có vẻ "sung túc" hơn.

Khi đó, nhìn bề ngoài, lương bổng của cha mẹ tôi vẫn cấp phát hàng tháng như thường lệ, nhưng lại do "tổ chức" giữ hộ, đâu có đến tay ông bà, dùng bao nhiêu, mỗi lần đều phải có lời xin. Chúng tôi sống ở bên ngoài, trong tay chẳng hề có một khoản thu nhập nào, nên Văn phòng Trung ương quy định, mỗi đứa

trẻ mỗi tháng được phát 25 đồng sinh hoạt phí, bà tôi mỗi tháng chỉ được 20 đồng, tiền đó đều là tiền xén từ lương của cha mẹ tôi ra. Hàng tháng cứ đến "kỳ hạn", Văn phòng Trung ương cho người mang xuống cửa Tây Trung Nam Hải, chúng tôi cứ tới đó mà lĩnh. Ở trong Trung Nam Hải cha mẹ chúng tôi biết rằng cuộc sống lang thang bên ngoài của chúng tôi chẳng dễ dàng gì, cho nên luôn luôn tìm mọi cớ, mọi cách cho chúng tôi được nhận thêm tiền. Khi bà nói, đông sang rồi, cần phải có áo bông cho bọn trẻ, khi lại bảo, khi đi chúng chẳng mang đủ chăn bông nên cần phải mua thêm, khi lại nói, thằng con trai ăn theo khẩu phần tem phiếu là không đủ được, nên tháng nào bà cũng bằng mọi cách, biến báo, đưa thêm được cho chúng tôi khi là tiền, khi là tem lương thực. Sống bên ngoài Trung Nam Hải, cứ hàng tháng, đến ngày là chị Đặng Nam và tôi đến cửa Tây lĩnh tiền và tem phiếu. Có những lần, chúng tôi còn được thấy những tờ kê khai là những mẩu giấy kẹp trong đơn do chính tay mẹ tôi viết. Cầm mẩu giấy, nhìn những nét chữ đẹp đẽ bay bướm, quen thuộc của bà, tôi có cảm giác như được nắm bàn tay nóng hổi của mẹ, khiến tôi cảm động và càng thêm khôn nguôi nhớ mẹ. Thời gian dài dài một tý, lá gan của chúng tôi cũng to lên, chúng tôi bắt đầu tìm mọi cách để lấy thêm được tý tiền, và đặc biệt là lợi dụng cơ hội nào để lấy được ít sách trong thư viện của gia đình. Chuyện này, lúc mới đầu, thái độ của đối phương không tốt. Họ không thèm nhắc nhở gì tới, thế là chị tôi với tôi cứ kêu toáng lên ở bên ngoài cửa Tây Trung Nam Hải, ở lì đó dứt khoát không đi, làm cho đối phương cũng chẳng biết xoay xở ra sao. Do chúng tôi không sợ, cứ cãi nhau om sòm, rồi mẹ tôi ở bên trong, bọn tôi ở bên ngoài, hai bên phối hợp, cuối cùng ngoài tý tiền và tem phiếu mà chúng tôi được lĩnh, chúng tôi còn lấy được rất nhiều sách từ trong nhà đưa ra. Số sách này đã theo cùng chúng tôi, giúp chúng tôi sống qua được những ngày ngày đêm đêm cô độc gian nan sau đó.

Trong hai năm, cha mẹ tôi và chúng tôi chỉ có một cách thức giao tiếp duy nhất đó, giữ được một chút liên hệ từ bên trong và bên ngoài bức tường cao dày của Trung Nam Hải.

Đến đây tôi đặc biệt dành một số dòng viết về bà tôi.

Bà tôi tên là Hạ Bá Can, là kế mẫu của cha tôi, mẹ đẻ ra hai cô tôi, bà là con gái một người thuyền chài trên sông Gia Lang ở Tứ Xuyên, ông tôi tục huyền lấy bà và bà trở thành thành viên duy nhất cho công việc lao động cũng như chèo chống gia đình. Ở quê hương tôi, trong vòng mười dặm, bà tôi nổi tiếng là một người năng nổ giỏi giang, bà biết nấu nướng, biết công việc đồng áng, biết vá may, biết chăn lợn chăn gà. Ông tôi mất sớm để lại một đống cô nhi quả mẫu, tất

cả đều chỉ trông vào một bàn tay bà chống đỡ. Thời Quốc Dân đảng thống trị, bà đã phải mang trên đầu tội danh "Cả nhà là cộng sản". Bà cất giấu tài liệu, sách báo cách mạng mà cha tôi và các đồng chí của ông mang về nhà. Bà nuôi dưỡng thương binh của đội du kích cộng sản ở núi Hoa Oanh, giúp đỡ con gái tham gia hoạt động bí mật của đảng ở địa phương. Trong lòng bà chỉ nghĩ có một điều: cộng sản là tốt. Năm 1940, khi Tứ Xuyên vừa được giải phóng, bà liền khóa nghiến cửa lại, xách một chiếc tay nải nhỏ bé từ quê lần thẳng Trùng Khánh, từ đó bà trở thành một thành viên quan trọng trong gia đình tôi. Bà tôi tới đã giúp cho mẹ tôi bao nhiêu công việc. Vì bận công tác, nên mẹ tôi đã giao tất cả trăm công nghìn việc trong nhà vào tay bà. Tôi và em trai Phi Phi đều do một tay bà nuôi lớn, sau này bốn đứa con của hai cô tôi cũng đều chỉ có một tay bà chăm sóc. Bà không những chỉ nuôi lớn chúng tôi mà còn nấu nướng, khâu giày dép, may vá quần áo cho chúng tôi.

Bà tôi với đôi chân nhỏ bé, không có văn hóa, chữ nhất bẻ làm đôi cũng không biết, nhưng lại đặc biệt thông minh, bà tính nhẩm rất nhanh, hàng ngày nghe phát thanh tin tức, những việc lớn trong thời sự quốc tế và trong nước, hầu như bà nhập tâm hết. Khi chúng tôi đã nhớn nhao hơn một chút, bà dạy chúng tôi khâu nẹp áo, thùa khuyết đính khuy, bà dạy chúng tôi muối củ cải làm ca la thầu, bà đã dạy cho chúng tôi biết rất nhiều những điều thường thức trong đời sống. Ngày một ngày hai, mọi việc cứ tự nhiên ngấm vào trong đầu óc, chúng tôi đã học được ở bà tôi nhiều thứ, có thể kể không hết, nói không cùng. Bà tôi, nuôi ngần ấy đứa trẻ khôn lớn, làm bao nhiêu công việc gia đình, cha tôi, mẹ tôi vẫn thường hay nói: "Bà là 'đại công thần' của gia đình chúng tôi".

Lần này ra khỏi Trung Nam Hải, cha mẹ chúng tôi không ở bên mình, nhưng trong cái không may lại có cái may, chúng tôi còn có bà. Bà tôi vốn xuất thân từ một gia đình lao động, vốn sống già nửa đời người trong khốn khó, cái gì cũng đã trải qua, cái gì bà cũng không sợ, cái gì cũng chẳng quật ngã nổi bà. Tuy bà chẳng hiểu biết gì về chính trị, nhưng dù gặp phải cảnh biến động, xô dập bà cũng chẳng hoảng loạn. Ở Phương Hồ Trai, tổ chức của đường phố đấu tố bà, bà nhẫn nhịn chịu đựng sự chửi bới sỉ nhục, nhưng bà vẫn không hề sợ. Với cái gan dạ, cứng cỏi của bà, trong lòng bà chỉ có một ý nghĩ duy nhất: "Để chờ xem xem cái kết cục ra sao". Có bà, những đứa trẻ chúng tôi, đặc biệt là tôi và Phi Phi có được điểm tựa trong cuộc sống. Có được bà, chúng tôi mới đủ khả năng vượt qua được cửa tử tương đối nhanh chóng, tương đối dễ dàng. Xung quanh chúng tôi đã không biết bao nhiêu con cái "băng đen" bị đuổi ra khỏi nhà, trong đó có rất nhiều đứa giống y như chúng tôi vậy, không có cách kiếm sống, không có

kinh nghiệm sống, không biết nhóm bếp, không biết thổi cơm, không biết giữ gìn tiền nong, vật dụng. Có đứa được bữa sáng mà chưa có bữa tối, có đứa quần áo sờn rách không biết vá khâu, có đứa phải ở trong những gian nhà dột nát, xiêu vẹo, bẩn thỉu, bề bộn. Nhưng chúng tôi, chúng tôi có bà, có được chỗ dựa cuối cùng. Thực ra, bà không chỉ là chỗ dựa trong sinh hoạt của chúng tôi, mà còn là một cây cột vô giá, chống đỡ cho tinh thần chúng tôi. Thử nghĩ mà xem, nếu không có bà tôi, lũ chúng tôi làm sao có thể thuận lợi mà thích ứng với cuộc sống? Rất có thể là bữa cơm đầu tiên sau khi cút khỏi Trung Nam Hải chưa biết sẽ loay hoay ra làm sao. Bà tôi không những chăm lo đời sống cho cả gia đình tôi mà trong con người bà còn mang đầy lòng trắc ẩn, đồng cảm. Ngọc Điền, Đóa Đóa, Điểm Điểm con của gia đình La Thụy Khanh, rồi Kỳ Kỳ… con cái của gia đình Ô Lan Phu, đều rất yêu quý bà. Bọn họ đều là những đứa trẻ bị tống cổ ra khỏi nhà, đôi khi qua lại nhà tôi hoặc ở lại nhà tôi, đều được bà cơm nước tử tế. Trong lòng những đứa trẻ "không cha không mẹ" ấy, bà là bà chung của tất cả.

Sau khi tới Phương Hồ Trai, mặc dù chúng tôi còn được lĩnh ở chỗ cha mẹ chúng tôi một ít tiền, nhưng không biết tình trạng ấy còn kéo dài được bao lâu nữa, không biết rồi ra chúng tôi còn gặp những vướng mắc khó khăn gì nữa, vì thế, chúng tôi phải dè xẻn hết sức mình đức độ nhật. Bà biết làm cơm ngon mà lại không tốn kém, xào rau tuy chẳng có thịt mà chỉ có tý dầu, nhưng bà chỉ thêm chút ít tương đậu tự bà làm là đã thơm nức mũi. Các thứ xương xẩu mua về bà ninh một chảo to, có thể nấu rau, nấu mỳ và cũng có thể làm canh. Xào bát mỳ, ít thịt thôi, nhiều xì dầu một chút, rồi bỏ mỳ thái vào (loại mỳ sợi tươi, thường bán ở các cửa hàng lương thực), thêm chút tương ớt tự làm, mùi vị của bát mỳ xào đã khác hẳn. Phi Phi 16 tuổi, chạy nhảy, đang sức ăn sức lớn, bà thương cháu, có lần muốn tý thịt cho cháu ăn, nhưng Phi Phi không chịu ăn, bảo rằng thích ăn mỳ xào, đã có lúc, cậu ta cố ý ngày nào, bữa nào cũng ăn mỳ xào, ăn liên tục một tuần lễ liền.

Bà, Phi Phi và tôi ở nhà, có thể coi như được yên ổn. Còn các anh chị lớn đều phải đến trường đại học mà mình theo học để tiếp nhận đấu tố và quản chế, sống những ngày đầy bất trắc khốn khổ.

Chị cả Đặng Lâm bị phái tạo phản ở Học viện Mỹ thuật Trung ương đem nhốt lại. Khi trong viện, ngoài viện có bất kỳ sự kiện nào xảy ra, không kể là có liên quan tới chị hay không, chị đều bị lôi ra đấu tố, đấu tố người khác, chị cũng bị mang ra làm "bồi đấu". Chị cả tôi vốn là người chân chất thật thà, đối với những lời thẩm vấn và nhục mạ của bọn tạo phản, chẳng bao giờ chị tôi cãi lại cũng

chẳng tranh luận, chỉ kiên trì một điều, tức là bất kể vấn đề gì, đều chỉ nói: “Tôi không biết là tôi không biết”. Bọn tạo phản bắt chị “lao động cải tạo”, chị phải đi quét dọn tất cả các nhà xí trong Học viện Mỹ thuật. Mỗi ngày một mình chị, quét dọn, lau chùi chu đáo đâu ra đấy, tất cả các nhà xí đều sạch bóng lên. Chị nhớ nhà lắm, chị lo lắng cho em trai, em gái và bà ở nhà. Mỗi lần tôi đi thăm chị, chị hỏi hàng thôi hàng hồi, hỏi không biết mệt, chị luôn luôn muốn hỏi thêm điều này điều kia, chẳng muốn buông tha cho tôi về.

Anh Phác Phương ở trường cũng bị bọn tạo phản hạn chế tự do, không được về nhà. Anh thương nhớ người thân, anh đã tìm được cách hẹn với em gái Đặng Nam của mình đang ở trường đại học Bắc Kinh, hàng tuần anh em lại lẻn ra hồ Vô Danh gặp nhau một lần, bên hồ Vô Danh, nhân trời tối, không nhìn rõ mặt người, né tránh được sự giam giữ canh gác của bọn tạo phản, ra đây, hai anh em chuyện trò tâm sự, trao đổi tin tức cùng những suy nghĩ của mình. Anh tôi có nhiều hiểu biết về lịch sử và chính trị, và tương đối nhạy bén với tình hình, anh giảng giải và phân tích cho em tình thế nhiều mặt. Còn em gái anh lại có thể ra ngoài trường học, có thể về nhà, nên tình hình bên ngoài cũng nắm được nhiều, nên nhân lúc gặp được anh, cũng đem kể hết cho anh nghe. Chẳng còn nhớ nổi hai anh em đã gặp nhau trên bờ hồ Vô Danh bao nhiêu lần, chỉ nhớ được một điều rằng, từ bé đến lớn, giữa hai anh em chưa bao giờ có sự trao đổi, cảm thông về tư tưởng sâu sắc như thế.

Chị Đặng Nam tuy bị phê phán ở trường học, nhưng phái tạo phản lại cho phép chị được về nhà vào những chiều thứ bảy. Chị giỏi toán, lại biết cả tính toán ghi chép sổ sách, cho nên cái gia đình ở Phương Hồ Trai, việc nhà, việc tiền nong đều do một tay chị quản. Có thể nói, trong hai năm đó, người quan tâm bậc nhất đến việc nhà, đến chị gái em trai phải tính là chị. Mỗi khi từ trường về nhà, bao giờ chị cũng kiếm mua được một thứ gì đó mang về theo. Muốn mua tý hoa quả cho các em, nhưng lại sợ đắt không mua nổi. Bình thường, chuối tiêu ba hào hai xu một cân (nửa ki-lô - N.D), đôi khi gặp chuối thứ phẩm, giá chỉ một hào hai một cân, chị sướng lắm, có giập nát một tý cũng chẳng làm sao, vội mua ngay một ít cho cả nhà “đỡ thèm”. Có một lần chị thấy người ta bán những thanh gỗ cũ nát, chị liền mua ngay một bó to, đường lại xa, về được đến nhà mệt bở hơi tai. Đừng có chê gỗ cũ nát, mua được về nhà là đắc dụng lắm, sau này anh tôi đã mang những tấm ván nát ấy ra, đóng cho gia đình một chiếc chạn bát.

Bà tôi chỉ lo việc nấu nướng hàng ngày, còn chị tôi quản tiền nong các thứ, còn tôi và Phi Phi, tuy cũng đã 16-17 tuổi, vẫn chẳng phải lo một cái gì, suốt ngày nằm khoèo đọc sách. Khi đó bên ngoài xã hội loạn kinh khủng, từ khi

chúng tôi dọn nhà đến đây, gần xa đều biết rằng "lũ chó con" nhà Đặng Tiểu Bình ở đấy, nên nếu chúng tôi ra khỏi cửa, không bị bới móc thì cũng ăn gạch củ đậu, nhẹ nhất cũng là bị chỉ chỉ chỏ chỏ, thầm thì. Do chán ngán cái thế sự ấy, nên không có việc gì phải ra ngoài thì chúng tôi chỉ ngồi ru rú trong nhà, dứt khoát không ra đường. Như thế mà lại hay, nằm khoèo ở nhà có thể tĩnh tâm mà đọc sách, chúng tôi đọc bất kể sách gì chỉ cần tìm được, mượn được là đọc. Quả thật hồi ấy, chúng tôi đọc được không ít sách. Trường học đóng cửa, chúng tôi tự học bằng sách giáo khoa. Khi Cách mạng Văn hóa bùng nổ, Phi Phi đang học năm thứ hai sơ trung, cậu ta rất thích toán lý hóa, thì trong thời gian ấy cũng đã tự học được hết chương trình sơ trung (cấp hai - N.D), Phi Phi còn rất thích đánh cờ vây, nên thường hay đặt chiếc bàn cờ bằng nhựa lên giường, tay cầm cuốn sách dạy đánh cờ vừa bày, vừa học, vừa đánh, gặp được những nước cờ hay, cậu ta xuýt xoa khoái chí lắm. Còn tôi lại thích văn hơn lý hóa, tất cả các sách văn học, lịch sử, chính trị, có gì đọc tuốt, đặt hết cả tâm tư đầu óc mình vào cái biển trí thức. Thật là:

Lánh trong gác xép thành nhất thống,
Mặc đời xuân hạ với thu đông.

Trong cái vòm trời nhỏ bé ở Phương Hồ Trai, được bà chăm sóc, được các anh chị thương yêu, dù có túng bấn hơn nữa, đói khổ hơn nữa, chúng tôi đều không sợ. Ý nguyện duy nhất của chúng tôi là có được một cuộc sống yên lành, ổn định. Nhưng trong làn sóng cuồng nộ của Đại Cách mạng Văn hóa, kiếm đâu ra một đào nguyên tiên cảnh? Có một số phái tạo phản nghe nói lũ con cái nhà Đặng Tiểu Bình "đen" ở đây, nên ào ào xô tới. Bọn tạo phản tới đây còn làm những gì khác nữa nhỉ? Không đấu tố thì khám nhà, chúng muốn đánh đổ Đặng Tiểu Bình nhưng lại chẳng lục ra Đặng Tiểu Bình, thì đành đổ tức khí vào lũ con cái ông ta vậy. Bọn chúng đã tới, bất kể giờ giấc nào, bất kể ban ngày hay đêm tối, tùy thời tùy lúc, thích đến là đến. Khi chúng đến, là lại một hồi khẩu hiệu với đại phê phán, và bắt lũ "chó con" chúng tôi đứng cúi đầu mà nghe. Mỗi khi chúng đến là chúng gầm gừ, sỉ nhục bà tôi, một bà lão gần 70 tuổi trời, lại còn động chân động tay xô đẩy ấn giúi. Một khi chúng đến, là khám nhà, là lục lọi hòm xiểng, tiện tay chúng vứt đồ đạc tanh bành khắp nơi, giày xéo lên để tỏ vẻ "tinh thần tạo phản". Một khi chúng đến, là dán đầy tường biểu ngữ và báo chữ to, đập vỡ cửa kính, sau đó lại hô khẩu hiệu dương dương tự đắc rút lui. Mới đầu, khi bọn tạo phản kéo tới, chúng tôi thường tức giận đến không giữ nổi mình, thậm chí còn cãi cọ, tranh luận với chúng. Có một lần thấy chúng đầy vẻ dã man, tàn bạo, Phi Phi tức điên người, bắt chúng phải nhặt những thứ chúng vất bừa bãi ở dưới đất lên. A! "Lũ chó con" của "băng đen" lại dám chống đối

hử? Mấy tên to lớn, tay đeo băng đỏ định xông tới đánh Phi Phi, Phi Phi cũng đỏ mặt tía tai định liều chết với chúng. Tôi thấy lôi thôi quá, vội vàng ôm chặt Phi Phi lại, gào lên khóc lóc. Bọn tạo phản thấy những người hàng xóm đổ xô ra, đứng vây quanh xem, nên chúng cũng chẳng dám ra tay nhưng vẫn không ngớt miệng chửi bới om xòm. Sau đó nghĩ lại, thật may mà tránh khỏi được một tai họa, bởi Phi Phi có thể bị chúng đánh chết tươi như không. Trong Cách mạng Văn hóa, tính mạng con người chẳng được tính là cái gì hết, huống hồ chúng tôi lại là "con cái của băng đen".

Về sau, khám xét càng nhiều, chúng tôi cũng quen đi, nên cũng chả thèm tranh, thèm cãi với bọn chúng làm gì. Sau khi khám nhà, nhìn đống đồ đạc bị vứt ngổn ngang trên mặt đất, nhìn đống biểu ngữ, báo chữ to kín trời kín nhà, chúng tôi lại từng thứ, từng thứ một nhặt lại, dọn lại, biểu ngữ với báo chữ to cũng cứ từng tờ, từng tờ giật xé đi, trong lòng chúng tôi chứa chất đầy bi thương, đầy thê thảm, và cũng đầy thù hận với bọn tạo phản.

Chúng tôi ở nhà phải luôn luôn đối diện với sự khám xét lục lọi vào bất cứ giờ nào, lúc nào, các anh chị tôi ở trường học lại phải đối diện với những vạch tội, kiểm thảo không ngừng, không nghỉ, vô cùng, vô tận của bọn tạo phản. Chúng tôi là gia đình của tên đầu sỏ lớn thứ hai trong toàn quốc "đi theo đường lối tư bản", là "lũ con cái băng đen", đen sì đen sịt, là người để cho kẻ khác tùy tiện chửi bới, sỉ nhục bất kể giờ nào, lúc nào. Trên con người chúng tôi, không có chuyện nhân đạo, không có chuyện công lý, mà phê phán, nhiếc móc, khám nhà, là cơm ăn nước uống hàng ngày. Tất cả những cái đó, chúng tôi đều nín lặng mà chịu đựng. Nhưng chúng tôi không ngờ được rằng, những tai họa to lớn hơn vẫn còn đang chờ đợi chúng tôi ở phía sau.

Mùa thu năm 1967, nó vẫn chẳng khác gì thu trước, rồi nó lại ra đi y như năm trước. Xuân đi thu tới, thu đi đông tới, bước chân của thiên nhiên bao giờ cũng đến, đi như thế. Thiên nhiên cũng có những phép tắc cố định của nó, và cái loại phép tắc ấy không thể chuyển dịch, thay đổi bằng ý chí con người. Thế giới thiên nhiên đều có quy luật quy tắc của mình, vậy mà cái xã hội loài người bên cạnh chúng tôi đây, lại chẳng có quy luật, quy tắc nào cả? Không có những điều phải tôn trọng, nói gì đến những quy tắc cần tôn trọng. Xã hội loài người, lẽ nào lại chỉ có sự phóng túng, tùy tiện như thế? Lẽ nào lại chỉ nên hỗn loạn và tranh chấp như thế? Lẽ nào giữa những ngày thái bình thịnh trị như thế lại có những kẻ chỉ thích đấu tranh, nổi loạn không ngừng không nghỉ như vậy? Tại sao cái số phận con người lại trở nên nhu nhược, vô giá trị giữa cơn đại hồng thủy hỗn loạn thế ấy? Tại sao cái chính nghĩa, cái nhân đạo, cái công bằng, tôn nghiêm mà nhân

loại vốn tôn sùng, tin tưởng, trong phút chốc bỗng bị đạp phá đến tan tành, nát bét? Tại sao những tín điều và công lý mà xã hội loài người tự đặt ra cho mình bỗng nhợt nhạt và phờ phạc ra như thế?

Trong gian phòng nhỏ tối tăm ở Phương Hồ Trai, tia nắng mùa đông rọi qua khe vách, cận kề với bức tường hậu cao ngất phía sau lọt vào nhà, ngọn gió bấc gào thét với những thanh âm nhọn hoắt ùa qua song cửa gỗ mọt nát thổi vào nhà. Chúng tôi mặc áo bông, quần bông, giầy bông to xù, ngồi vây quanh chiếc lò than nhỏ bé. Tôi đọc sách, Phi Phi lắp ráp máy vô tuyến điện, bà tôi với cặp kính lão vẫn mũi kim mũi chỉ vá vá víu víu. Hòn than trong lò cháy đỏ rực, chiếc ấm đun nước lặng lẽ nằm trên bếp than vang lên những tiếng xì xì. Cái lò than nhỏ bé ấy, có thể phát ra sức nóng tối đa của mình, đã đem tới cho chúng tôi chút ít hơi ấm giữa cõi thế gian mênh mang này. Năm 1967 trôi đi như thế, năm 1968 cũng như thế tới gần.

Mùa đông, mùa đông dài dằng dặc, mùa đông hàn lạnh. Ngày giá ngày rét, lòng con người còn giá rét hơn. Mọi người mong mỏi cho mùa đông mau chóng qua đi, ước ao mùa xuân sớm đến. Xuân sang, xuân đến bằng những bước chân lững thững, khoan thai. Đó là xuân sớm, đó là xuân sớm nơi phương bắc. Ngọn gió bấc lạnh thấu xương cũng đã qua đi, nhưng cỏ còn chưa xanh, mầm còn chưa nhú, giữa đất và trời vẫn là cảnh tiêu điều hiu hắt, tiết trời se lạnh mùa xuân vẫn thấm sâu vào đáy lòng người.

Thành lập Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình

Ngày 5/3/1968, Chu Ân Lai, Trần Bá Đạt, Khang Sinh, Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên, Dương Thành Vũ (quyền Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng), Tạ Phú Trị, Diệp Quần (vợ Lâm Bưu, tổ trưởng tổ Cách mạng Văn hóa trong toàn quân, Chủ nhiệm văn phòng Lâm Bưu, thành viên tổ công tác Quân ủy Trung ương), Ngô Pháp Hiến (Phó Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng kiêm Tư lệnh không quân), Uông Đông Hưng… tất cả mười người, viết và gửi Mao Trạch Đông, Lâm Bưu một bản báo cáo, nói rằng: Có rất nhiều tài liệu tố cáo, vạch tội Đặng Tiểu Bình, không có nơi cất giữ, và đề nghị cho lập một tổ nhỏ nằm trong "Tổ chuyên án Hạ Long", với nhiệm vụ thu thập những tài liệu có liên quan tới "vấn đề" Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông son phê: "Có thể". Lâm Bưu duyệt lại cũng tỏ ra tán thành. Điều này có thể nói rằng: Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình đã chính thức được thành lập.

"Tổ chuyên án Lưu Thiếu Kỳ" đã sớm được thành lập từ trước đấy một năm, đến nay Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình mới được thành lập chứng tỏ rằng, trong tình thế mới, Mao Trạch Đông đồng ý việc tăng cường, đi sâu thẩm tra Đặng Tiểu Bình hơn nữa.

Ngày 16/5/1968, Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình họp tại hội trường lớn. Những ông kễnh của Cách mạng Văn hóa phụ trách công tác chuyên án là Khang Sinh, Lâm Bưu cùng phe cánh thân thiết là Hoàng Vĩnh Thắng (Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng) đều có mặt trong cuộc họp. Người nói chủ yếu ở đây là Khang Sinh. Ông ta nói:

- Vấn đề Đặng Tiểu Bình không thể trực tiếp thẩm vấn được, nên phải thẩm tra bên trong, điều tra bên ngoài để tìm chứng cớ. Ông ta còn nói: chuyện quá khứ của Đặng Tiểu Bình cho đến nay vẫn còn chưa làm rõ như việc trốn chạy khỏi quân đoàn Hồng quân số 7 khi lâm trận, vấn đề tiêu cực trong việc chống Vương Minh hồi chỉnh huấn ở Diên An, rồi quan hệ với Bành Đức Hoài, rồi thực hiện đường lối của Vương Minh ở Thái Hàng Sơn, và năm 1962, ở Mat-xcơ-va đã cổ vũ cho chuyện "tam hòa nhất thiểu" (Đoàn kết ba phái, cô lập một phái. Ba phái ở đây bao gồm: 1. Cộng sản; 2. Quốc dân đảng (Tôn Văn tức Tôn Trung Sơn); 3. Nhóm quân phiệt miền Bắc (Trương Học Lương), còn một phái kia là Nhật Bản. Ở đây có thể nói một cách thông thường là "Đoàn kết ba phái, chống Nhật" - N.D). Nói tóm lại về quá khứ đã đi theo đường lối của Vương

Minh, về tổ chức đã lôi kéo bè cánh, thu nạp bọn đầu hàng phản bội, về quân sự đã cướp quân phản đảng.

Bài nói của Khang Sinh, được coi như đã định xong cương lĩnh, chính sách. Sau đó, ông ta mở rộng Tổ chuyên án bằng một lực lượng hùng hậu lên tới chín người. Nhưng cũng thật lạ kỳ, vì Đặng Tiểu Bình là tên đầu sỏ số hai trong đảng "theo tư bản", nhưng Tổ chuyên án về ông, lại đặt nằm gọn trong Tổ chuyên án Hạ Long. Trong Cách mạng Văn hóa, những loại chuyện không sao giải thích được kiểu đó, nhiều vô kể.

Thành lập Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình, nhưng bản thân Đặng Tiểu Bình lại không hề biết.

Ngày 21/5/1968, ông viết thư cho Uông Đông Hưng đề nghị được gặp Chủ tịch, nếu như không gặp được Chủ tịch thì mong được gặp Uông Đông Hưng. Uông Đông Hưng đem việc đó báo cáo lại với Mao Trạch Đông, Mao Trạch Đông chỉ thị: Đem đọc thư của Đặng Tiểu Bình trong cuộc hội ý của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, rồi bàn bạc một chút, tranh thủ ý kiến mọi người xem xem có nên gặp nói chuyện với Đặng Tiểu Bình không. Mao Trạch Đông lại tranh thủ ý kiến "mọi người", song Lâm Bưu và "mọi người" trong Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương về căn bản là không thể nói chuyện với Đặng Tiểu Bình được. Yêu cầu của Đặng Tiểu Bình bị cự tuyệt. Nhưng trong tình thế Đặng Tiểu Bình đã bị đánh đổ hoàn toàn, mà Mao Trạch Đông vẫn để "mọi người" bàn bạc về lá thư của Đặng Tiểu Bình, chứng tỏ rằng Mao Trạch Đông vẫn chưa quên Đặng Tiểu Bình, vẫn còn chú ý tới Đặng Tiểu Bình ở một mức độ nào đó. Đối với Lâm Bưu, Giang Thanh v.v… mà nói, điều đó không phải là không có chuyện gì.

Đúng vậy, cho đến khi đó, Mao Trạch Đông vẫn có ý cùng phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình nhưng có phân biệt đối xử, đó là sự sắp xếp có ý thức sau khi đã suy nghĩ rất chín. Nhưng sự sắp xếp này của Mao Trạch Đông lại khiến cho Lâm Bưu, Trần Bá Đạt, Giang Thanh v.v… cùng những ông kễnh khác ở Ban Cách mạng Văn hóa chẳng vừa lòng chút nào, thậm chí còn đầy thắc thỏm trong lòng.

Lâm Bưu cùng cả đám người ngựa của Ban Cách mạng Văn hóa cùng xuất trận, họ ra lệnh cho Tổ chuyên án phải tăng cường, đẩy mạnh việc truy tìm chứng cứ, cần phải đóng đinh chốt chặt "vấn đề" Đặng Tiểu Bình.

Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình liền phèng phèng chiêng trống rầm rộ ra quân.

Bọn họ tìm tòi, thu thập chứng cứ về Đặng Tiểu Bình ở khắp nơi với "nhiệt tình công tác" tối đa, đồng thời đề nghị Ban tổ chức Trung ương cho xem hồ sơ của Đặng Tiểu Bình. Sau khi đọc kỹ hồ sơ, họ đều cảm thấy rằng, nếu chỉ căn cứ vào hồ sơ tìm tòi được thì khó có thể định tội được, nhưng Trung ương lại không cho phép thẩm vấn trực tiếp làm sao đây? Thế là họ nghĩ ngay ra được một điều, họ bắt Đặng Tiểu Bình viết về lịch sử quá khứ của mình, bản tự truyện đó theo yêu cầu của Tổ chuyên án phải viết bắt đầu từ khi lên tám tuổi, và phải bảo đảm đạt được: Thứ nhất, tường tận, tỷ mỷ; Thứ hai: nội dung chính xác; Thứ ba: viết thật rõ về những nhân chứng trong quá khứ và cả địa chỉ cư trú hiện nay của họ; Thứ tư: viết đến đâu giao nộp đến đấy; Thứ năm: hạn cuối cùng là đầu tháng 5 phải xong. Quyết định này sau khi được Hoàng Vĩnh Thắng duyệt xong, sẽ do Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Uông Đông Hưng chuyển giao cho Đặng Tiểu Bình.

Nhận được chỉ lệnh viết tự truyện, cha tôi vẫn chẳng hay biết gì, mà vẫn cứ tưởng rằng, đó là do Trung ương yêu cầu. Ông không hề từ chối, thành thực cầm lấy bút, phục xuống bàn, bắt đầu viết ngay. Sau nửa năm bị giam cầm, trong nỗi cô đơn đau đáu, ông đã trấn tĩnh lại, nên đối với vấn đề Cách mạng Văn hóa đã đánh đổ hạ bệ ông, đối với những vấn đề chưa kịp suy nghĩ thấu đáo, chín chắn giữa cơn hỗn loạn ngất trời, chắc chắn ông phải đánh giá suy tư nhiều.

Từ năm 18 tuổi tức là từ năm 1922 cho đến nay đã 45 năm hoàn toàn đi theo cách mạng. Trước giải phóng, quân địch thì hiểm độc, việc quân lại gấp gáp, sau giải phóng, trên vai gánh vác chức vụ nặng nề, bận rộn với trăm công nghìn việc, chẳng còn thì giờ đâu mà nghĩ lại chuyện lớn chuyện nhỏ xưa cũ mà mình trải qua, nên lại càng khó có thể nói đến việc đánh giá, tổng kết. Nay người ta bắt ông viết tự truyện - dù người ta xuất phát từ mục đích gì, suy nghĩ xong, ông sẽ tự nguyện viết. Trong không gian tĩnh lặng, ông lựa chọn, suy nghĩ kỹ lại để đánh giá và tổng kết cuộc đời mình.

Bắt đầu từ ngày 20/6/1968 đến ngày 5/7/1968, trong vòng 15 ngày cha tôi viết tự truyện của mình: *Tự thuật của tôi*. Trong bản "Tự thuật" dài hai vạn sáu nghìn năm trăm chữ, cha tôi đã nhớ lại ngày ra đời của ông, gia đình ông, ngày ông dạy học ở trường tư thục, và người cha mà có đến mấy chục năm ông chưa nghĩ tới, ông nhớ lại ngày từ Trùng Khánh sang Pháp vừa làm vừa học lớp dự bị, cùng những việc từ Tứ Xuyên xuất dương sang Pháp học hành, ông nhớ lại đời sống khổ cực vừa đi làm thuê, vừa theo học ở Pháp, ông nhớ lại những ngày bắt đầu tham gia cách mạng, cùng cuộc sống cách mạng và những đồng chí ở Pháp của mình, ông nhớ lại những hoạt động cách mạng bí mật vô cùng hào hùng ở

Thượng Hải, nhớ lại ngày xây dựng quân đoàn Hồng quân số 7 và số 8 cùng với những cuộc chiến đấu, thất bại và trưởng thành của nó. Ông nhớ lại chặng đường gập ghềnh của khu Xô-viết Trung ương ở Giang Tây cùng lịch trình trường chinh của nó, nhớ lại chiến trường trong cuộc chiến tranh Kháng Nhật và những chiến hữu ở sư đoàn 129, ông nhớ lại chiến dịch Đại Biệt sơn, chiến dịch Hoài Hải, chiến dịch vượt sông và giải phóng vùng Giang Nam, ông nhớ lại những nỗ lực trong 17 năm xây dựng nước Trung Quốc mới, và công việc 10 năm của một Tổng Bí thư đảng…

Giở lại những trang "Tự thuật" ấy, có thể cảm thấy một cách rõ ràng sự cẩn thận và chu đáo của cha tôi. Trong hồi ký của ông, mỗi phút giây lịch sử đều như được tái hiện trong đầu óc ông. Ông đã rành mạch tường thuật mỗi dấu chân in của mình, ông thực sự cầu thị, trả lời gãy gọn, khúc chiết mỗi vấn đề mà người khác đề xuất nghi vấn và trách móc mình, khi nói về bản thân mình, ông không bàn về công tích của ông mà chỉ nói qua loa. Đồng thời, giống như những người mắc sai lầm lúc đó, cùng với việc nhớ lại, "nói qua", "không thể" không thêm một lần kiểm điểm trái với lòng mình. Đồng thời với việc kiểm điểm, với sự nhạy bén về chính trị, cha tôi đã cảm nhận được sự "phân biệt đối xử" cực kỳ tế nhị và thấu đáo của Mao Trạch Đông. Và với sự từng trải về chính trị trong mấy chục năm, ông đã hiểu thấu đáo, phân minh, tính phức tạp cũng như tính tráo trở tồn tại trong sự vật. Trong tình thế nguy cơ về chính trị lúc ấy, ông chỉ yêu cầu có một điều duy nhất: lưu lại trong đảng, cố giữ lấy đầu mối cuối cùng trên chính trường. Ông biết rằng, chắc chắn Mao Trạch Đông sẽ đọc bản "Tự thuật" này, do đó, ông viết ở nơi cuối cùng: "Mong mỏi lớn nhất của tôi là vẫn lưu lại trong đảng, làm một người đảng viên bình thường. Tôi đề nghị, trong thời gian thích hợp nào đấy, sẽ giao cho tôi một công tác nho nhỏ, tham gia vào công việc mà sức lực mình có thể đảm đương được, cho tôi một cơ hội hối lỗi làm lại từ đầu".

Là một đảng viên lão thành với hơn 40 tuổi đảng, dù cho trong thời khắc gian nan nhất, ông đều không quên trách nhiệm của bản thân mình. Ông chưa bao giờ vì sự oan khuất nhất thời mà đánh mất lòng tin, chưa bao giờ để mất đi hy vọng, chưa bao giờ vứt bỏ tất cả những cơ hội có thể tranh thủ được.

Đồng thời với việc cha tôi phục xuống bàn, lựa chọn, viết "Tự truyện", thì Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình cũng chẳng được nhàn hạ gì, họ cũng bắt đầu khởi thảo "Tội trạng" và "Báo cáo tổng hợp" về Đặng Tiểu Bình. Lâm Bưu và cả lũ Cách mạng Văn hóa Trung ương, đối với việc đánh đổ hoàn toàn Đặng Tiểu Bình cũng có thể gọi là: lòng như lửa đốt, "văn phòng Hai" cấp trên của Tổ

chuyên án Đặng Tiểu Bình, cũng chính lại là văn phòng số Hai của Tổ chuyên án Trung ương do tập đoàn Lâm Bưu khống chế, cơ hồ như cứ cách vài hôm lại điện thoại tới thôi thúc, giục hỏi sự tiến triển của tình hình. Khang Sinh, trùm trưởng trong việc chỉnh đốn mọi người, cũng mở hết hội nghị lớn, lại đến hội nghị nhỏ, chuyên đề nghiên cứu, tính toán án tình.

Trong Cách mạng Văn hóa, nếu một người chỉ bị đánh vì sai lầm "theo tư bản" hoặc sai lầm "đường lối", cũng khó đánh đổ lắm, hoặc có bị đánh đổ cũng "lật án" như chơi. Nhất định còn phải có "vấn đề lịch sử" như phản bội, gián điệp v.v… thì mới gọi là "tội trạng" đã được đóng bằng đinh sắt, có thể sau khi đánh đổ mới đời đời không ngóc đầu dậy được. Nhưng Đặng Tiểu Bình lại chưa hề bị địch bắt, chưa từng rời đảng, lục lọi tứ tung, vẫn chỉ là vấn đề "hiện tại".

Về sau, nghĩ tới chuyện này, ngay đến cả cha tôi cũng nói một câu cảm khái: "Cái thân tôi quả thật là may, đánh trận không hề bị thương, hoạt động bí mật không hề bị địch bắt".

Không có vấn đề quá khứ, cũng phải tìm cho ra vấn đề quá khứ, Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình có nhiệm vụ phải trăm phương nghìn kế, vắt cho cạn kiệt tim óc mà tìm. Ngày 18/6/1968, trong hội nghị báo cáo về "tội trạng" của Đặng Tiểu Bình, Giang Thanh nói: "Hồ sơ của Đặng Tiểu Bình, ta phải phân tích cho chu đáo tỉ mỉ, con người này rất có thể là kẻ phản bội. Tôi vẫn đang phân tích hồ sơ của lão ta, cùng đấu tranh với các đồng chí. Quá khứ và hiện tại của lão phải gom vào làm một".

Sau hội nghị đó, Khang Sinh gọi tổ trưởng Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình tới, giao hơn mười tập tài liệu do chính ông ta đã cất giữ, cùng với ảnh và "tài liệu khai báo" của những đồng chí cũ ở quân đoàn Hồng quân số 7 thời đó. Tổ chuyên án vùi đầu vào làm việc, có đến một tháng rưỡi trời, xào xáo, thêm dấm thêm ớt, viết ra được bản "Báo cáo tổng hợp" về "tội trạng" của Đặng Tiểu Bình.

Ngày 25/7/1968 toàn thể bọn họ báo cáo với Khang Sinh, Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Diệp Quần, Lý Tác Bằng một cách hết sức tường tận tại đại sảnh phía đông của hội trường lớn. Khang Sinh ra chỉ thị, nói:

- Xem ra tài liệu thì không thiếu, nhưng vấn đề then chốt là vận dụng như thế nào, phần về quá khứ còn quá yếu.

Ngô Pháp Hiến nói, vấn đề vào đảng của Đặng Tiểu Bình khó có thể đối chứng được bởi người giới thiệu vào đảng đều đã chết.

Sau cuộc họp, Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng và Tổ chuyên án về lầu bốn, khách sạn Kinh Tây, tiếp tục chiến đấu, cẩn thận nghiên cứu, sửa chữa lại từ đầu, cho đến rạng sáng ngày hôm sau, bản "báo cáo tổng hợp" mới gọi là hoàn chỉnh: "Tội trạng chủ yếu của Đặng Tiểu Bình, kẻ cầm quyền khác, lớn nhất trong đảng, đi theo đường lối tư bản chủ nghĩa". Toàn văn gồm bảy phần, bao gồm hơn một vạn năm nghìn chữ.

Tổ chuyên án đưa ngay cái "thành quả" không dễ dàng mà có được đó lên "Văn phòng Hai". Không đầy 24 giờ sau, bản báo cáo đã được Khang Sinh, Hoàng Vĩnh Thắng, Diệp Quần, Lý Tác Bằng (Tổng Tham mưu trưởng Giải phóng quân kiêm Chính ủy Hải quân), Khưu Hội Tác (phó Tổng Tham mưu trưởng Giải phóng quân kiêm Chính ủy Hải quân), Trương Tú Xuyên (phó Ủy viên chính trị Hải quân Giải phóng) và một số nơi khác thẩm duyệt. Khang Sinh phê: "Tranh thủ, nhanh chóng trình lên Chủ tịch, Phó Chủ tịch Lâm Bưu và Trung ương cùng các đồng chí ở Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương để xin duyệt. Cho in 52 bản". Hai ngày sau, văn phòng Khang Sinh gọi điện thoại nhiều lần tới Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình, nói rằng cụ Khang Sinh rất vừa lòng với bản báo cáo.

Tuy nói Khang Sinh tỏ ý "vừa lòng" với bản báo cáo, nhưng Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình vẫn cảm thấy trọng lượng "vấn đề" quá khứ, còn chưa đủ. Bọn họ lại thêm giờ, thêm ca, truy tìm những điểm "tình nghi" và "lọt lưới", sau khi nghiên cứu vài ba bốn lần, trong lịch sử cách mạng dài tới hơn 40 năm của Đặng Tiểu Bình, nơi duy nhất có thể làm "đột phá khẩu" thì chỉ có việc gọi là "đào ngũ" hồi ở quân đoàn Hồng quân số 7 là dùng được. Phải tiếp tục đào bới vấn đề này, moi ra vấn đề lịch sử quá khứ mới mong định tội, đập chết Đặng Tiểu Bình được.

Ngày 11/9/1968, Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình viết báo cáo cho Hoàng Vĩnh Thắng, Diệp Quần, Lý Tác Bằng, Khưu Hội Tác đề nghị bắt Đặng Tiểu Bình viết "khai báo bổ sung" thêm về hai lần "đào tẩu" khỏi quân đoàn Hồng quân số 7 vào hai năm 1930 và 1931 để trở về Thượng Hải, mới có thể làm rõ được vấn đề quá khứ của Đặng Tiểu Bình. Hoàng Vĩnh Thắng bút phê đề nghị Uông Đông Hưng giúp đỡ, Uông Đông Hưng lại kính chuyển đề nghị Vương Lương Ân, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương lấy danh nghĩa Bộ Chính trị buộc Đặng Tiểu Bình phải viết lại lần nữa.

Sau khi nhận được thông báo của Văn phòng Trung ương, Đặng Tiểu Bình lại thêm một lần nữa viết lại rất tường tận, rất thực sự cầu thị, về tình hình có liên

quan đến quân đoàn Hồng quân số 7 và hai lần từ quân đoàn Hồng quân số 7 về Thượng Hải báo cáo tình hình với Trung ương. Bản viết đó, lại thêm một lần nữa làm cho Tổ chuyên án hẫng hụt và thất vọng, không mò vớt được một cọng rơm nào. Cùng ngày với việc viết bản báo cáo nói trên, Tổ chuyên án còn viết bản báo cáo thứ hai, đưa ra một yêu cầu rất vô lý với Chu Ân Lai, đòi Thủ tướng "giúp họ chỉ đạo chút ít", để tìm cho được chứng cứ chính xác về vấn đề quá khứ của Đặng Tiểu Bình. Trong "Báo cáo" có viết: Về vấn đề vào đảng, Đặng Tiểu Bình khai báo rất mâu thuẫn, thứ nhất là thời gian vào đảng không thống nhất. Thứ hai là viết về những người giới thiệu vào đảng rất mơ hồ, do đó mà ngờ rằng Đặng Tiểu Bình là đảng viên giả lộn sòng vào đảng. Tổ chuyên án còn đòi hỏi Chu Ân Lai thêm một điều nữa là, yêu cầu ông cung cấp cho họ những đầu mối về những điểm "nghi vấn" đó. Theo nhận định của họ, vào hai năm 1930 và 1931, Đặng Tiểu Bình đã từ quân đoàn Hồng quân số 7 hai lần "ra trận bỏ trốn" về Thượng Hải, hoàn toàn không đưa ra đề nghị báo cáo công tác với Trung ương, vì còn theo đuổi mục đích khác, và còn từ không bịa ra có mà suy đoán rằng: "Trong tự thuật của Đặng Tiểu Bình có viết, năm 1931 ở Thượng Hải, Trung ương có cử ông ta đi Vu Hồ tỉnh An Huy để kiểm tra công tác của Tỉnh ủy, sau khi đến Vu Hồ, vì Tỉnh ủy đã bị phá nên lập tức quay về Thượng Hải. Chúng tôi cảm thấy rằng Tỉnh ủy An Huy bị phá sớm như thế, nên rất đáng nghi rằng, Đặng Tiểu Bình đã đem bán Tỉnh ủy cho địch".

Văn kiện này trước hết là báo cáo với Hoàng Vĩnh Thắng, Diệp Quần, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khang Sinh v.v…, sau khi được các ông kễnh phê duyệt xong, mới gửi tới Chu Ân Lai, làm áp lực buộc Chu Ân Lai phải trả lời. Đối với những yêu cầu vô lý đó, Chu Ân Lai phớt lờ, không thèm để mắt tới. "Báo cáo" đó sau khi gửi tới Chu Ân Lai liền thành đá chìm đáy biển, chẳng thấy tăm hơi tin tức nào.

Bị vấp đầu vào tường ở chỗ Chu Ân Lai, Tổ chuyên án vẫn chẳng chịu cam lòng, vẫn cứ tìm đi lục lại, cuối cùng, sau khi nhặt nhạnh vá víu, cũng đã moi ra được một số "tài liệu tố cáo" từ những lão đồng chí nguyên là quân đoàn Hồng quân số 7, họ vội vã viết thành một bản "chuyên đề tội trạng" dâng lên cấp trên để tâng công.

Trong khi Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình khua chuông gõ mõ tiến hành điều tra "tội trạng" của Đặng Tiểu Bình, thì "Văn phòng 1, Văn phòng 2" của Ban chuyên án Trung ương cũng tăng nhanh tốc độ công tác đối với những người mà họ quản lý thuộc loại "băng đen", "theo tư bản", và các "tội trạng" khác, họ lấy thêm chứng cớ và sắp xếp thứ hạng tội lỗi. Nguyên nhân việc phải sắp xếp thứ

hạng tội trạng cho nhanh chóng là vì, Trung ương đã quyết định triệu tập hội nghị toàn thể lần thứ mười hai khóa 8 và Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa 9 của đảng.

Bè cánh của Lâm Bưu là Hoàng Vĩnh Thắng v.v… triệu tập họp văn phòng hai của Ban chuyên án Trung ương dưới quyền quản lý của ông ta, chuyên đề nghiên cứu về vấn đề định án cho 15 đối tượng dưới quyền quản lý của họ. Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình tung ra bản "Chuyên đề tội trạng của Đặng Tiểu Bình" và được Hoàng Vĩnh Thắng ngợi khen. Nhưng Ngô Pháp Hiến lại lấy làm chẳng vừa lòng, nói: Vấn đề kết bè kéo cánh thu nạp bọn đầu hàng phản bội, và bao che cho bọn xấu là rất quan trọng, cần phải mau mau chóng chóng mà làm.

Ngày 22 và ngày 24/9/1968, "Văn phòng 1", "Vãn phòng 2" của Ban chuyên án Trung ương, luôn luôn có người hội họp ở đại sảnh phía đông của hội trường lớn, họ họp để nghiên cứu định thứ hạng của những đối tượng chuyên án trọng yếu mà họ quản lý bao gồm 14 người thuộc "Văn phòng 1" và 8 người của "Văn phòng 2". Trong đó, họ xếp Lưu Thiếu Kỳ vào hạng kẻ cầm quyền lớn nhất trong đảng đi theo đường lối tư bản, và họ vu cáo ông là "phản bội", "gián điệp", "giặc cướp". "Vấn đề" Đặng Tiểu Bình cũng bị nhận định là "ẩn náu tương đối sâu" và được gán cho cái tên là: kẻ cầm quyền khác, lớn nhất trong đảng đi theo đường lối tư bản. Làm việc đến chán chê mê mỏi, tốn hết sức lực của chín trâu hai hổ mà "vấn đề" Đặng Tiểu Bình vẫn chỉ là "hiện tại". Vấn đề quá khứ của ông thực tế là "ẩn náu" quá sâu thật.

Đại hội toàn Trung ương mở rộng lần thứ 12 của khóa VIII

Từ ngày 13 đến ngày 31/10/1968, Đại hội toàn Trung ương lần thứ 12 của khóa VIII Đảng Cộng sản Trung Quốc mở rộng, họp tại Bắc Kinh. Mục đích của cuộc họp này là làm công tác chuẩn bị cho Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa IX sắp được triệu tập. Mao Trạch Đông chủ trì hội nghị.

Trong bài nói của mình Mao Trạch Đông, người đầu tiên đề xuất vấn đề:

- Cách mạng Văn hóa có thực sự phải làm không? Trong khi tiến hành, thành tích là lớn hay thành tích quá nhỏ, sai lầm quá nhiều? Tiếp đó, ông ta dứt khoát trả lời: “Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản lần này là hoàn toàn tất yếu là vô cùng kịp thời đối với việc củng cố nền chuyên chính của giai cấp vô sản, đề phòng và ngăn cản tư bản chủ nghĩa ngóc đầu dậy trong khi xây dựng xã hội chủ nghĩa”.

Thêm một lần nữa Mao Trạch Đông bất di bất dịch bảo vệ cuộc Đại Cách mạng Văn hóa do chính ông ta phát động.

Trong hội nghị này, Lâm Bưu, Giang Thanh soái lĩnh các ông kễnh Cách mạng Văn hóa dưới trướng, tổ chức bao vây, tấn công các đồng chí cách mạng lão thành tham gia cái gọi là “dòng nước ngược tháng 2”, buộc tội họ bằng các tội danh: “Sự kiện phản đảng nghiêm trọng nhất” và “dung dưỡng cho chủ nghĩa tư bản ngóc đầu dậy”, rồi cưỡng bức các đồng chí cách mạng lão thành này, hết lần này đến lần khác, phải cung khai và kiểm thảo. Trong hội nghị lần này, với sự chủ trì của Khang Sinh cùng kẻ khác, đã dùng những chứng cớ giả, bịa đặt viết trong báo cáo điều tra về các “tội phản bội, nội gián, giặc cướp của Lưu Thiếu Kỳ” rồi tuyên bố khai trừ vĩnh viễn Lưu Thiếu Kỳ ra khỏi đảng, bãi miễn tất cả các chức vụ trong cũng như ngoài đảng. Trong hội nghị còn cho in bài, cho phát bài viết về “Những tội trạng chủ yếu của Đặng Tiểu Bình, một kẻ cầm quyền khác, lớn nhất trong đảng đi theo đường lối tư bản chủ nghĩa”, tất cả mọi chức vụ trong đảng, ngoài đảng của Đặng Tiểu Bình trên thực tế đã bị thủ tiêu. Như vậy, hội nghị trọng đại đã đưa ra những quyết định trọng yếu, tất nhiên đó là những quyết định của chính Mao Trạch Đông.

Nhưng Lâm Bưu, Giang Thanh rõ ràng là không hài lòng. Ở hội nghị, bọn họ

đã đánh trống khua chiêng, kích động, hòng tạo ra một thanh thế, làm áp lực để khai trừ Đặng Tiểu Bình ra khỏi đảng. Nhưng Mao Trạch Đông vẫn một mực không đồng ý. Ông nói:

- Trong thời kỳ chiến tranh, Đặng Tiểu Bình là một người đánh giặc. Về quá khứ vẫn chưa phát hiện được vấn đề gì, nên cần đối xử khác với Lưu Thiếu Kỳ, mọi người muốn khai trừ, nhưng tôi lại có ý kiến bảo lưu?

Mao Trạch Đông có sự ngoan cường của ông ta, có tính cố chấp đặc biệt chỉ riêng người Hồ Nam mới có, khi ông ta đã quyết tâm đưa ra một quyết định nào, thì bất kể loại người nào đều không lay chuyển được. Đó là một cá tính đặc biệt rõ nét của ông ta. Đại hội Trung ương Đảng lần thứ 12 khóa VIII lại là một hội nghị méo mó được triệu tập họp trong một thời đại méo mó, hội nghị được triệu tập họp trong tình hình rất không bình thường bởi có rất nhiều Ủy viên Trung ương bị đánh đổ, hạ bệ và bị tước đoạt mọi quyền lợi chính trị. Những Ủy viên Trung ương và những ủy viên dự khuyết của khóa tám bị quy vào cái tội gọi là "phản bội", gián điệp, "liên lạc với nước ngoài", "phần tử phản đảng" lên tới 71% tổng số. Trong số 97 Ủy viên Trung ương Đảng, ngoài 10 người đã qua đời, chỉ còn có 40 người được đến tham gia hội nghị, vì không đủ một nửa số người để thông qua bất kỳ quyết nghị nào theo điều lệ Đảng quy định, nên phải bổ sung bằng 10 Ủy viên Trung ương dự khuyết, mới có thể tính là quá bán. Số thành viên không chính thức tham gia hội nghị này đã chiếm tới quá nửa tổng số người, mà vẫn được hưởng quyền quyết nghị như những Ủy viên Trung ương chính thức. Còn điều cổ quái hơn nữa mà về sau này mới phát hiện, là có một người tham gia hội nghị, tham gia biểu quyết, lại không phải là đảng viên Đảng Cộng sản.

Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản bùng nổ đến đó đã kéo dài hơn hai năm, quấy phá cũng đã quá đủ, hỗn loạn cũng đã thừa, phản cung cũng đã được tạo ra, mạng cũng đã cách được rồi, quyền cũng đã đoạt được trong tay, nhưng bước sau sẽ đi đứng làm sao đây? E rằng về thực tế Mao Trạch Đông cũng không được tinh tường cho lắm. Khi mới bắt đầu, ông ta nói: phải cần một năm để tiến hành Cách mạng Văn hóa. Về sau ông lại nói: Đại khái là phải ba năm, như thế có nghĩa là phải kéo dài đến mùa hè sang năm nữa.

Tháng 4/1969, Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa chín của đảng được triệu tập, khai mạc. Nghe nói, trong Đại hội 9, điều lệ Đảng sẽ được sửa đổi, nhân sự cũng đã xác định được, tất cả mọi việc chỉ còn cứ theo kế hoạch mà làm. Nhưng Đại Cách mạng Văn hóa lại không làm sao kết thúc nổi. Rất có khả năng Mao Trạch

Đông đã có suy tính lúc bắt đầu khởi sự nhưng Cách mạng Văn hóa lại phát triển đến bước này. Quả thật nó đã sớm đi sang lối ngược lại với suy tính, thiết kế của Mao Trạch Đông rồi. Cả một phong trào đã như con ngựa tuột cương, thỏa sức tung hoành, không sao ngăn lại được. Mâu thuẫn cũ chưa giải quyết xong, mâu thuẫn mới đã lại được đẻ ra. Bè phái, võ đấu, tranh quyền đoạt vị, không những vẫn còn nguyên, mà càng ngày càng trở nên kịch liệt càng phát càng không thu lại được.

Trong hai gian nhà nhỏ ở Phương Hồ Trai khu Tuần Vũ, Bắc Kinh, mấy anh chị em và bà chúng tôi vẫn ở với nhau, dựa vào nhau mà sống, ngày tháng hầu như cũng chẳng đến nỗi nào. Chị cả Đặng Lâm vốn bị quản chế và phê phán vì "vấn đề" của cha tôi, không thể về nhà được. Nay vì mấy tổ chức của các phái tạo phản bận giao đấu với nhau đến tối tăm mặt mũi, chẳng lấy ai ra mà cai quản lũ "băng đen" và lũ "đầu trâu mặt ngựa" này, nạn nhân nhân cơ hội đó, cứ chiều thứ bảy là chị tôi lần về nhà. Anh Phác Phương và chị Đặng Nam bình thường đều phải ở lại trường, cũng lại nhân các phái tạo phản đấu đá lẫn nhau lộn tùng bậy, cũng "lọt lưới" được chốc lát. Đặc biệt là Đặng Nam, cứ đến chiều thứ bảy, là bằng mọi cách tót về nhà.

Ngày 29/3/1968, tại trường đại học Bắc Kinh đã xảy ra một cuộc quyết chiến đại quy mô giữa hai phái tạo phản với nhau. Cuộc quyết chiến xảy ra vào nửa đêm, trong vườn, sân trường nhốn nháo đầy những người đầu đội mũ sắt, tay cầm côn gậy, phi tiêu, giáo mác, mã tấu. Cả hai phái đều binh đông lính đủ, om sòm la hét đến vang trời dậy đất. Sau một trận giao chiến đại quy mô, cả hai phái đều bị thương vong trầm trọng, thất bại nặng nề. Nhưng cả hai đều vẫn chẳng chịu cam lòng, vẫn chiêu binh mãi mã chuẩn bị tái chiến.

Sau trận giao chiến đó, toàn bộ trường đại học Bắc Kinh tràn đầy một không khí kinh hoàng. Đặng Nam và một số học sinh khác đứng bên cửa sổ xem cuộc chiến khủng khiếp ấy, rồi vội vã thu nhặt quần áo đồ dùng, nhân lúc bốn giờ, trời còn chưa sáng, vội vàng chui qua một lỗ tường đổ, trốn ra khỏi trường học. Sau khi về nhà, Đặng Nam chợt nhớ tới anh Phác Phương đang bị quản chế ở trường học, liền sai Phi Phi đến trường đại học Bắc Kinh gọi anh về nhà.

Cuộc giao đấu với quy mô lớn nhất này, có rất nhiều người lâm vào cảnh nguy nan, bất hạnh. Một học sinh cùng lớp với Đặng Nam chỉ đứng xem không tham gia vào cuộc chiến đấu, đã bị một mũi lao dùng làm vũ khí, không biết từ đâu phóng tới, xuyên thủng người, tuy không chết, nhưng bị vỡ gan, trở thành tàn tật suốt đời.

Anh chị tôi đều đã trở về nhà, từ đó kéo dài đến hơn một tháng sau, năm anh chị em tôi cùng với bà ở nhà, có thể coi như chúng tôi đã được sum họp một nhà tại Phương Hồ Trai.

Toàn gia sum họp, đã làm thay đổi được nỗi cô đơn trước đây của ba bà cháu tôi, trong nhà chúng tôi cũng đã xuất hiện những tiếng cười đùa. Bà, Phác Phương và Phi Phi ở một phòng, còn ba chị em gái tôi ở một phòng, cách nhau là một hành lang ở giữa, hai cửa đối diện nhau. Một chị họ tôi còn đang theo học tại trường đại học Bắc Kinh, khi nào chị tới thì chiếc giường lớn bốn người ngủ chung. Tôi sợ chật nên đem hai chiếc hòm gỗ to ghép lại, trải chăn đệm, nằm trên đó cũng thấy thảnh thơi, thoải mái lắm. Lúc này những kẻ khám xét nhà cửa hầu như không vác mặt tới nữa, cái góc nhỏ bé này của chúng tôi trong phút chốc đã bị bọn tạo phản bỏ quên rồi. Đời sống tuy khốn khó, nhưng được cái yên ổn. Tuy nói rằng đời sống cũng chả đến nỗi nào, nhưng nỗi khổ thực sự lại là nỗi khổ trong lòng người. Song trong gia đình chúng tôi, ngay cả những khi khốn khó nhất, chúng tôi cũng cố gắng, tận lực tìm ra cho được những thú vui. Trong cái vòm trời nhỏ ở Phương Hồ Trai, chúng tôi tự tìm, tự tạo lấy những trò chơi giải trí. Chẳng có thứ đồ chơi nào, nên chúng tôi lấy những chiếc hộp giấy để lên trên giường, rồi cầm quân cờ, đứng xa, ném vào những chiếc hộp giấy, xem anh nào ném trúng được nhiều, chúng tôi chơi trò ấy rất hứng thú và cũng rất say mê. Hỏi rằng chúng tôi đã học được những gì từ nơi cha tôi, đó chính là vĩnh viễn giữ được tinh thần lạc quan.

Cuộc sống cứ thế mà trôi qua, có thể gọi được là thảnh thơi, chỉ có "sự kiện" là hai lần bị ngộ độc hơi than vì lò bễ không cẩn thận. Một lần bà tôi với Phi Phi bị, nhưng cũng chẳng nghiêm trọng lắm, hai bà con chỉ nhức đầu mất mấy ngày, rồi xong. Một lần bà tôi với tôi ở trong nhà, ngủ say như chết, tôi chợt nghe thấy miệng ú ớ của bà, vì đã có tiếng chuông cảnh tỉnh từ lần trước, tôi vội vàng lao ra khỏi giường, chẳng nghĩ ngợi gì hơn, tôi hết sức đẩy tung cửa, sau đó, tôi ngã sóng soài ra đất, hôn mê chẳng còn biết gì nữa. Lần ngộ độc hơi than này khá nặng, nếu như không có bà tôi, nhiều tuổi tỉnh ngủ, cảm nhận ra, thì cả hai bà cháu sớm đã toi mạng rồi.

Ngoài chuyện nguy hiểm, còn có cả chuyện vui. Có một lần chị cả Đặng Lâm từ trường về nhà, vừa bước vào cửa đúng lúc tôi từ trong nhà bước ra. Với thần sắc căng thẳng, tôi vội túm lấy chị, đẩy vào góc tường, nói nhỏ vào tai chị "xảo cha la", vừa chợt nghe chị đã tưởng là "khám nhà rồi", chị kinh hoàng đến hồn bay phách lạc. Thực ra tôi nói "xảo cha la" chỉ có nghĩa là "cãi nhau rồi". Nguyên là bà tôi muốn bồi dưỡng cho chúng tôi, cải thiện bữa ăn, nên làm món

ăn tươi, nhưng chị hai tôi, bà quản gia Đặng Nam lại muốn hết sức tiết kiệm, để đề phòng những chi tiêu bất thường về sau, kết quả là hai bà cháu tranh cãi với nhau. Bà tôi tuy không có văn hóa, nên càng không thể nói đến việc đọc các tác phẩm nổi tiếng nước ngoài, nhưng trí nhớ của bà rất tốt, bà còn nhớ được những chuyện xem phim trước đây, tức lên, bà nhiếc Đặng Nam là đồ "Grăngđê" - nhân vật keo kiệt bủn xỉn trong tác phẩm văn học nổi tiếng của đại văn hào nước Pháp Ban-dắc. Khi ấy cãi nhau, hai bà cháu đều khóc, trông rất thương. Sau việc đó, chúng tôi bắt chước cái "bác học" của bà, cũng vui thật là vui. Đến bây giờ nhớ lại thật đúng là những năm tháng luôn luôn bị thần hồn nát thần tính, chỉ một câu "xảo cha la" (khám nhà rồi) cũng đã khiến người ta phải rụng rời chân tay.

Anh Phác Phương tôi, tính từ lúc cha tôi bị phê phán tới đó, vẫn bị giam cầm trong trường học, lần trở về nhà ấy, là thời gian anh được ở nhà dài nhất. Ở nhà chẳng có việc gì, anh liền mang cưa mang bào ra làm thợ mộc, anh lấy những tấm gỗ cũ nát mà chị Đặng Nam đã mua về, đóng cho Phi Phi một chiếc giá sách nhỏ, lại còn đóng cho bà tôi một cái giá đựng bát, song anh bỏ thời gian nhiều nhất vào việc kèm cặp cho Phi Phi học. Khi mới bắt đầu Cách mạng Văn hóa, Phi Phi mới học năm thứ hai cấp hai, khi phong trào lan ra, các trường học đều đóng cửa, Phi Phi ở nhà chẳng có việc gì làm, nên đem sách ra tự học. Lần này lại có anh ở nhà, hàng ngày anh có thể giảng dạy kèm cặp giúp em. Anh thích dạy, em thích học. Về môn toán lý hóa Phi Phi tiến bộ một bước dài. Phi Phi sau này có thể theo đại học, rồi thạc sĩ, tiến sĩ, thì chính những giờ học bổ túc này đã có tác dụng cơ bản rất quan trọng. Anh hơn tôi và Phi Phi đến sáu bảy tuổi, trước kia, khi chúng tôi còn nhỏ, anh rất bận bịu với học hành, tuy rất quý trọng anh, nhưng cũng rất ít khi nói gì với anh hoặc chuyện suông với anh. Bây giờ sớm tối bên nhau ở Phương Hồ Trai, tôi đã đem những vấn đề không rõ ràng ra hỏi anh. Tôi còn nhớ, có một lần tôi hỏi anh: "Tại sao lại phải đánh đổ cha mình?" Anh tôi đưa mắt nhìn ra xa xôi, nói: "Là vì cần phải nhường đường cho Lâm Bưu". Anh tôi tương đối nhạy cảm với chính trị, ngay khi Cách mạng Văn hóa mới bùng nổ, trong khi mọi người còn đang hừng hực nhiệt tình cách mạng, anh đã dự cảm thấy sẽ có chuyện xảy ra, nên trong suốt cả phong trào, anh luôn luôn giữ thái độ chống đối, nhưng chính vì thế, khiến anh không tránh khỏi sự giam cầm, đấu tố của bọn tạo phản. Khi đó anh không dễ mà về được nhà, không dễ mà thoát khỏi sự giám sát của bọn chúng, nên tinh thần sau một thời gian dài bị dồn nén, nay được đột ngột bung ra, có một hôm vào bữa ăn, anh cao hứng, vác rượu ra uống thật say. Say rồi, tinh thần anh như bốc lên, mặt anh đỏ lựng, nói cũng nhiều hơn, anh tràn đầy hứng thú, cao đàm khoát luận, sang sảng đọc thuộc lòng nhạc Dương lâu ký. Chúng tôi ngắm anh uống, ngắm anh nói, ngắm anh

đọc, ngắm anh say, mà trong lòng thấy chát chua rơi lệ. Rõ ràng đây là: “Rượu chẳng say người, người tự say”. Nên nhớ rằng, chúng tôi uống, là chén rượu đắng, chén rượu đắng trong cõi nhân minh đó.

Trong đoạn thời gian ấy, cả nhà chúng tôi có thể coi như tạm thời lánh xa được những cơn sóng mạnh điên cuồng, và tự tìm lấy niềm vui trong cõi tiêu dao. Chẳng ngờ rằng, cái giờ phút thực sự khiến chúng tôi kinh hoàng khủng khiếp đang ập tới rất nhanh.

Tháng năm khủng khiếp

Một ngày trong tháng năm, bất chợt có hai chiếc ô-tô tải lớn xộc vào sân nhà tôi, một lũ tạo phản côn gậy trong tay xông thẳng vào nhà, chúng vây bắt Phác Phương và Đặng Nam, lấy vải đen bịt mắt, vừa kéo vừa đẩy tôi ra khỏi nhà, kéo lên ô-tô. Bọn tạo phản hùng hùng hổ hổ gào to những khẩu hiệu "Đả đảo Đặng Tiểu Bình" và "Đả đảo lũ chó con phản cách mạng", rồi cho xe phành phạch chạy. Khi ấy nhà còn lại bà tôi, tôi và Phi Phi, chỉ còn biết tròn mắt há miệng chẳng biết nói gì, trân trân đứng nhìn cái xe lao đi trong đám bụi mù mịt.

Kể từ khi Cách mạng Văn hóa bắt đầu tới lúc đó, chúng tôi đã từng phải chịu nhiều lần khám nhà, đấu tố, nhưng lần này phải chứng kiến cảnh anh chị mình bị đột ngột bắt đi một cách khủng khiếp như thế, thực đã làm tất cả chúng tôi sởn tóc gáy. Nỗi kinh hoàng khôn xiết từ trong lòng dâng lên đã nén chặt những tiếng gào khóc của chúng tôi lại trong cổ họng. Từ đó, trong nhà chỉ còn lại ba bà cháu già trẻ, hơn thế nữa, lại hoàn toàn không biết được anh tôi, chị tôi đang lưu lạc nơi đâu, thậm chí còn không được biết đến cả sự sống chết của anh chị thế nào, khiến chúng tôi càng thêm đau đớn bằng hoàng, cả một màn bi thương, lo sợ trùm phủ lên cuộc sống của chúng tôi.

Sau khi Phác Phương và Đặng Nam bị bắt trở lại nhà trường, trước hết là bị giam ở một tầng lầu ký túc xá vốn là một bản doanh chiến đấu của bọn tạo phản, sau chuyển sang giam ở khu nhà tầng khoa vật lý. Họ bị giam ở gian nhà hai phòng, phòng trong phòng ngoài, mỗi người một phòng có người canh gác, cấm hẳn việc trò chuyện, nói năng. Bọn tạo phản thường xuyên lôi thẩm vấn riêng rẽ từng người. Khi bị đi thẩm vấn, bao giờ cũng bị bịt mắt bằng vải den, rồi có người đưa đến phòng thẩm vấn. Chúng vừa gào thét chửi bới vừa xét hỏi, thỉnh thoảng lại bị bất chợt đánh bằng gậy, hoàn toàn không biết trước mà đề phòng. Nội dung các cuộc thẩm vấn vẫn chỉ nhằm vào một "vấn đề" vạch tội Đặng Tiểu Bình. Khi đó, chính là lúc Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình được thành lập, gấp rút tìm kiếm "chứng cứ tội trạng" để thêu dệt ra bản báo cáo tổng hợp "tội trạng" Đặng Tiểu Bình. Lâm Bưu, Giang Thanh và bè lũ cũng đang tìm kiến đột phá khẩu, chúng cho rằng, lũ con cái Đặng Tiểu Bình, đặc biệt là mấy đứa lớn, thế nào cũng biết, nên đã chỉ thị cho tay chân nanh vuốt là Nhiếp Nguyên Tử, tên trùm sò nổi tiếng, lên phất cờ tiên phong của phái tạo phản trường đại học Bắc Kinh, bắt con cái của Đặng Tiểu Bình để từ đó mà tìm cho ra "chứng cứ". Nhiếp

Nguyên Tử căn cứ vào ý đồ của chủ, bí mật lập kế hoạch, đầu tiên là cho người đến "trinh sát" chỗ ở của chúng tôi tại Phương Hồ Trai, xác định được chúng tôi đang có mặt tại đó, rồi sai mấy chiếc ô-tô cùng đoàn Hồng vệ binh đến bắt gọn, lôi Phác Phương và Đặng Nam về trường học, tiến hành thẩm vấn bức cung.

Kể từ khi Cách mạng Văn hóa bắt đầu tới nay, trong thời gian gần hai năm, bất kể là phong trào hung dữ như thế nào, bất kể là hoàn cảnh hiểm nguy ra sao, những đứa trẻ nhà Đặng Tiểu Bình chúng tôi, ngoài việc phải phê phán cha mình tý chút để đối phó ra, chưa hề có lúc nào chúng tôi lại có ý phân giới tuyến và tố giác cha mẹ mình. Bởi chúng tôi tin tưởng rằng, cha mẹ chúng tôi hoàn toàn vô tội. Chúng tôi yêu cha mẹ chúng tôi, và nguyện cùng chia hoạn nạn với cha mẹ mình. Trong nhà chúng tôi, tình thương yêu ruột thịt giữa cha mẹ và các con khó có thể dùng ngôn ngữ mà nói cho hết được.

Sau khi Cách mạng Văn hóa kết thúc, cha tôi đã nói với mẹ tôi rằng: Những biểu hiện của con cái mình trong Cách mạng Văn hóa đều rất tốt, chúng đã phải chịu đựng bao nhiêu khổ nhục vì mình. Ta phải bù đắp cho chúng nhiều hơn nữa.

Chính vì tình thương yêu ruột thịt đầy ắp trong cõi nhân gian này khiến cho gia đình chúng tôi dù bị hãm vào hoàn cảnh cấp bách, nguy khốn nhưng vẫn có được điểm tựa tinh thần cuối cùng.

Trong trường đại học Bắc Kinh, được sự chỉ đạo của các ông kễnh Cách mạng Văn hóa, bọn tạo phản đã sử dụng bằng hết mọi thủ đoạn độc ác đê tiện để ép buộc, khủng bố, đánh đập và ngược đãi Phác Phương cùng Đặng Nam. Về sau này, Đặng Nam nói với chúng tôi: "Khi ấy chị sợ hết hồn, nhưng sợ cũng chẳng ích gì, cho nên chỉ còn cách là đấu lại". Chị nói: "Cha tôi chẳng bao giờ nói chuyện công tác ở nhà, mà có nói, tôi cũng chẳng làm sao mà biết được. Tóm lại, cứ nghiến chặt rằng vào, chẳng nói gì hết". Còn Phác Phương lại nói với bọn tạo phản rằng: "Mọi chuyện trong nhà, chỉ có một mình tôi biết, còn các em trai em gái tôi chẳng biết một tý gì cả. Nếu cần hỏi, cứ hỏi tôi đây này".

Trong giam cầm, Phác Phương và Đặng Nam luôn nghĩ đến các trai em gái mình đang ở bên ngoài. Một hôm, nhân lúc bọn tạo phản sơ suất, Phác Phương lén giúi cho Đặng Nam một mẩu giấy, thống nhất lời khai báo. Đặng Nam xem xong nghĩ ngay tới việc phải thông báo điều đó với toàn thể anh chị em trong nhà. Nhưng chúng canh giữ chặt chẽ thế, biết xoay xở ra sao? Rồi trong cái khó ló cái khôn, chị nói với bọn tạo phản, khi bị bắt chị chẳng mang theo người được cái gì nên muốn nhắn người nhà mang vào cho một ít đồ dùng vệ sinh phụ nữ. Lần này bọn tạo phản đồng ý. Lòng dạ tôi đang rối ren tơi bời như có lửa đốt vì

chẳng biết một tý tin tức nào của anh chị từ khi bị bắt, nên khi được thông báo, bèn thu xếp mọi thứ, đi thẳng đến trường đại học Bắc Kinh.

Bắc Đại, trường đại học Bắc Kinh, một học phủ cao đẳng rất nổi tiếng xưa nay, một trường đại học đối với gia đình tôi mang rất nhiều ý nghĩa đặc biệt. Mẹ chúng tôi, năm 1936 đã thi vào khoa vật lý đại học Bắc Kinh. Anh tôi, chị tôi chịu ảnh hưởng của mẹ tôi, cũng đều tiếp tục thi vào học tại trường này, và vẫn chọn khoa vật lý. Còn tôi, ngay từ ngày đi học tiểu học, tôi cũng đã mong mỏi thi vào đại học Bắc Kinh, nhưng là thi vào khoa sử. Bắc Đại, trong tim trong óc tôi, là một cung điện thần thánh đầy mộng tưởng. Nhưng lần này, tôi đến đại học Bắc Kinh, lại có một cảnh tượng khác với tưởng tượng của tôi cả trời cả vực. Trong khuôn viên nhà trường rợp trời báo chữ to, lớp nọ đè lớp kia, dán đầy ắp trên tường, có những tờ bị xé nát, gió thổi bay tứ tung mặc cho mọi người giày xéo trong hỗn độn, ngổn ngang. Rất nhiều cửa ra vào và cửa sổ của những ngôi nhà bị đóng nẹp ván, hoặc nẹp sắt, có những cửa ra vào cầu thang đắp chướng ngại vật và công sự, nhìn qua cũng biết làm vậy là để đánh nhau. Những người tham gia chiến đấu, tay cầm gậy gộc, xếp hàng, đội ngũ lộn xộn đi qua, có người đội trên đầu chiếc mũ bảo hộ lao động đan bằng mây thay thế cho mũ sắt, người đi lại trong vườn trường thưa thớt, sắc diện đầy vẻ nghiêm trang trầm trầm, không khí đã khác hẳn so với hồi đầu Cách mạng Văn hóa, nhộn nhạo, chen chúc đọc báo chữ to. Cả một vườn trường rộng lớn đã điêu tàn lạnh lẽo.

Tôi vốn đóng cửa ngồi nhà suốt ngày không ra ngoài, từ xưa tới nay chưa bao giờ trông thấy cảnh trận mạc ghê gớm như thế nên cũng thấy hoảng sợ. Đến khu nhà tầng khoa vật lý, nhìn kỹ lại càng thấy cảnh thành lũy nghiêm ngặt hơn. Ngôi nhà xám xịt, trước nhà không một bóng người, tất cả cửa sổ tầng dưới đều có nẹp gỗ đóng kín, cửa lớn ra vào cũng bị những thanh thép gài chặt, chỉ lưu lại một lối đi rất hẹp, trước cửa là một công sự đắp bằng bao cát, rất cao. Tường nhà lem nhem bẩn thỉu, lỗ chỗ lở lói đầy vết đạn, nhìn một cái là nhớ ngay đến câu từ của Mao Trạch Đông:

Đương niên ngao chiến cấp.

Đạn động tiền thôn bích.

Tạm dịch:
Năm ấy chiến tranh ác liệt,
Tường đầu thôn còn hằn vết đạn xưa.

Sau này được nghe lại mới biết rằng, khu nhà tầng khoa vật lý chính là một trong những đại bản doanh của Nhiếp Nguyên Tử, là căn cứ chiến đấu của họ,

cho nên mới phải bố phòng thâm nghiêm đến thế.

Tôi đứng đợi ở trước cửa một lát, đã có người dẫn Đặng Nam ra. May mà bọn tạo phản lại cho chúng tôi được nói chuyện riêng. Trước hết Đặng Nam hỏi han tình hình ở nhà, sau đó mới vội vã nói nhỏ cho tôi biết tất cả những khẩu cung khi họ thẩm vấn, và dặn tôi phải cấp tốc đến Học viện Mỹ thuật báo ngay cho chị cả đang bị giam giữ tại đó, bảo chị phải cố nén, hỏi gì cũng chỉ trả lời là không biết, cố giữ vững như thế là được. Vì chị cả tôi, bình thường, sức khỏe vốn đã kém, chúng tôi lo lắng chỉ sợ chị nghĩ quẩn nên bàn cách hết sức an ủi chị, Đặng Nam còn dặn dò bà cháu ở nhà hết sức tìm cách bảo vệ lấy mình.

Nhìn chị bị bọn tạo phản như hung thần quỷ dữ áp giải đi vào bên trong lỗ cửa đen ngòm, khủng khiếp đến rợn người, cái sợ hãi, lo lắng lúc đến đã bay biến mất, trong lòng chỉ còn lại nỗi bi thương dằng dặc. Nghĩ đến việc mình phải làm, tôi vội vã quay đầu bước đi thật nhanh, nhưng vẫn ân hận rằng sao mình lại chẳng đi được nhanh hơn. Tôi không về nhà, mà đi thẳng tới Học viện Mỹ thuật, tìm chị cả tôi. Tôi lôi chị ra một góc vắng vẻ, tránh xa những cặp mắt soi mói của bọn tạo phản, vội vã nói ngay cho chị cả nghe những lời chị hai dặn dò. Chị cả nghe xong cũng thấy được an ủi phần nào vì được nghe tin về các em. Chị rất xúc động nói: “Các em cứ yên tâm, chị chẳng sợ gì hết, dứt khoát chị chống đỡ được”. Phác Phương và Đặng Nam sau hai tuần bị giam ở khu nhà khoa vật lý rồi lại bị di chuyển. Chị Đặng Nam bị giam vào chỗ đội chiến đấu nằm trong khoa. Sau lần bị tách ra giam riêng này, Đặng Nam không còn biết gì về tình hình của Phác Phương nữa. Bị giam trong khoa, ban đầu, bọn tạo phản suốt ngày thẩm vấn chị, sau thấy hàng ngày hỏi như vậy cũng chẳng moi được gì nên ngày càng nhạt dần đi, sau nữa chúng còn cho phép chị tự xuống nhà ăn lấy cơm.

Xuân đã qua, hè đã lại. Đó là một mùa hè khốc liệt. Trời mỗi ngày mỗi nóng bức đến nỗi mồ hôi lúc nào cũng ướt đầm lưng áo, lòng dạ cũng ngột ngạt. Phái tạo phản Nhiếp Nguyên Tử ở trường đại học Bắc Kinh đã nắm được lũ con cái Đặng Tiểu Bình trong tay, và chúng vốn muốn lợi dụng cái “điều kiện thuận lợi” này để đánh đổ Đặng Tiểu Bình, lập công đức đền đáp công ơn với chủ là Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương. Nhưng đã mấy tháng trôi qua mà vẫn hai bàn tay trắng. Đặng Phác Phương là con trưởng của Đặng Tiểu Bình, nhất định là biết không ít tình hình, nhất định phải có những váng mỡ có thể vớt vát được. Nghe nói chính Nhiếp Nguyên Tử đã từng hạ lệnh: “Nhất định phải lấy được cái gì đó từ miệng Phác Phương”.

Phái tạo phản đẩy mạnh thêm một bước việc thẩm vấn và tàn bạo bức hại

Phác Phương. Ngày nào chúng cũng thẩm vấn anh, trên đường đưa đi, khi thẩm vấn, bao giờ chúng cũng lấy vải đen bịt mắt anh lại.

Hồi Cách mạng Văn hóa mới bắt đầu, có một lần Giang Thanh, bằng cái giọng eo éo của mình, nói chuyện, mang đầy tính xúi giục kích động ở sân vận động trường đại học Bắc Kinh, anh Phác Phương nhìn cái vẻ đỏng đảnh cao ngạo của mụ, anh đã nói ngay tại chỗ một câu rằng: "Để xem bà ngạo nghễ ngang ngược được đến bao giờ". Bọn tạo phản đã vồ lấy "sự kiện" ấy, bắt Phác Phương cung khai, có phải là "chửi bới" "đồng chí" Giang Thanh không, để hòng quàng vào đầu anh tội danh "phản cách mạng", mà không biết bao nhiêu lần, thôi thúc, hỏi đi hỏi lại, bức bách anh phải tố cáo những "vấn đề" và "tội lỗi" của "băng đen" cha anh là Đặng Tiểu Bình. Phái tạo phản tăng cường thẩm vấn và thêm áp lực về chính trị để đánh mắng và sỉ nhục anh, chúng dùng mọi thứ thủ đoạn có thể để tiến hành bức hại đến con người anh. Chúng luôn luôn thay đổi chỗ giam giữ anh, có chỗ giam rất lâu, có chỗ chỉ trong một thời gian ngắn, thậm chí giam cả vào phòng tắm của nhà tắm thuộc Ban thể dục thể thao trong trường, trong đó vừa ẩm ướt, vừa âm u, vừa không có ánh sáng mặt trời. Trong thời gian đó, có một lần Đặng Nam xuống nhà ăn lấy cơm đi ngang qua phòng thể dục thể thao, nhìn thấy anh từ rất xa… Ngày hè nóng bức là như thế, mà thấy anh Phác Phương mặc một chiếc áo ngoài cũ kỹ bằng nhung kẻ dày cộm. Rõ ràng đó không phải là bộ quần áo anh mặc khi bị bắt tới trường. Từ xa nhìn tới, trong bóng rất mù mờ, chỉ thấy sắc mặt anh trắng nhợt nhạt, và người mang vẻ cực kỳ ốm yếu. Đối với Phác Phương mà nói, đó là đoạn thời gian khốn khổ nhất của anh. Ở nơi bị giam giữ, ngày tam phục, thịnh hạ, mà Phác Phương không biết nóng, chỉ thấy lạnh từ trong lòng lạnh ra. Anh chỉ còn biết hút thuốc, đó là việc duy nhất để gửi gắm tấm lòng mình. Anh nhờ bọn canh gác mua cho anh hơn hai hào một bao thuốc, anh hút liên tục, cả một ngày anh chỉ dùng có ba que diêm vào sớm, trưa, tối. Có một hôm qua tiếng loa inh tai nhức óc, anh nghe được bọn tạo phản sẽ gộp anh vào với những người anh hoàn toàn không quen biết, định cho cái tội "tiểu tập đoàn phản đảng". Anh biết rằng, bọn tạo phản quyết không buông tha anh, bọn chúng giam cầm anh, thẩm vấn anh, ngược đãi anh, rồi lại quàng cho anh cái tội "phần tử phản đảng", "phản cách mạng", bọn chúng sẽ hủy hoại tới cùng, tới triệt để cái quyền chính trị tôn nghiêm trên con người anh.

Nhiều người có thể đã đọc cuốn *Tạp cảm chuồng trâu* của Lý Tiễn Lâm tiên sinh. Trong sách, Lý Tiễn Lâm tiên sinh đã mô tả rất tỉ mỉ những hành động tội ác hại người của bọn Nhiếp Nguyên Tử, phái tạo phản của trường đại học Bắc

Kinh thời kỳ Cách mạng Văn hóa. Phàm là những người đã đọc qua sách này, nhất định sẽ hiểu hết lòng ác độc của phái tạo phản trường đại học Bắc Kinh. Trường đại học Bắc Kinh, một trường đại học danh tiếng nhất trong toàn quốc, bỗng dưng biến thành trại tập trung của bọn phát xít, thành một bản doanh hành hạ ngược đãi con người của lũ khát máu hôi tanh. Ở chính nơi này, không biết bao nhiêu người đã bị oan uổng, ngậm hờn, bị chỉnh đốn, bị bức hại; không biết bao nhiêu con người trong vũ đấu, trong tố đấu, trong tra tấn đã trở thành tàn phế, thiệt mạng, có một giáo sư không cam chịu bị ngược đãi, bị sỉ nhục, đã tự đi tìm lấy cái chết, đã tự sát nhiều lần, đã dùng tới mọi biện pháp như nhảy lầu, uống thuốc (độc), cắt mạch máu, nằm trên đường tàu, cho điện giật… lần thứ nhất không thành, làm lần thứ hai, lần thứ hai không thành, làm lần thứ ba, lần thứ ba không thành, làm lần thứ tư.

Một học sinh phản đối Nhiếp Nguyên Tử, đã bị dùng đinh đóng xuyên suốt xương bánh chè, dùng tăm tre xuyên vào mười đầu móng tay, dùng kìm kéo rút từng đốt xương ngón tay, rồi nhét vào bao tải, đá lăn từ trên hè xuống đất, rồi dùng cực hình tra tấn cho đến khi hơi thở lịm dần. Nguyên Bí thư Đảng ủy kiêm Hiệu trưởng trường Đại học Bắc Kinh, ông Lục Bình, bị buộc dây thép vào hai đầu ngón tay cái, treo lên trần nhà để tra tấn bức cung, buộc phải thừa nhận là “đảng viên giả”, là “phản bội”. Nhà triết học nổi tiếng Phùng Định cũng bị bức tử đến ba lần. Những điều vừa nói trên đây chỉ là một vài ví dụ.

Trong thời gian Cách mạng Văn hóa tại trường đại học Bắc Kinh đã có ba người chết trong các cuộc võ đấu, giáo sư, thầy giáo, sinh viên đã bị bức hại đến chết có trên 60 người, trong đó có nhà sử học nổi tiếng Tiễn Bá Tán, nhà vật lý nổi tiếng Nhiêu Dục Thái và nhiều học giả khác, đều là những người đã từng được vinh dự phong tặng danh hiệu giáo sư cấp Một. Nhiếp Nguyên Tử và đồng bọn ở trường đại học Bắc Kinh đã phạm những tội tày trời không có tre trúc nào ghi hết!

Bây giờ nhìn lại, dù nhìn theo góc độ đạo nghĩa, hay nhìn theo góc độ pháp luật, không còn nghi ngờ gì nữa, rõ ràng rằng, cả bọn Nhiếp Nguyên Tử, tội lỗi ngập trời, không có cách gì dung tha được. Nhưng vào những năm tháng đó, lại chính là những năm tháng chúng làm chúa tể, chính là những năm tháng bất thường do bọn tạo phản lang sói cầm quyền.

Hoa viên Yến Nam tiêu điều, tiêu điều tới mức sinh linh tàn tạ. Hồ Vô Danh ngầu đục, ngầu đục đến mức bùn rác nổi lên. Cái mùa hè năm 1968 đó, đúng là nóng dị thường, dài dị thường, tới mức con người không sao chịu đựng nổi.

Tai họa từ ngang trời giáng xuống

Vào một ngày cuối tháng 8, đó là một ngày mà chúng tôi phải khắc cốt ghi xương.

Chị hai Đặng Nam từ trường đại học Bắc Kinh gọi điện thoại về cho tôi nói: "Anh nhảy lầu rồi. Trường học định tống anh ấy về nhà". Nói đến đây, chị thút thít khóc không nói được nữa. Chị báo chị sẽ về nhà ngay để bàn bạc với tôi. Sau khi nghe điện thoại, cả nhà tôi như bị sét đánh ngang tai, bồn chồn lo lắng đến cực độ, đứng ngồi không yên, nhưng tất cả vẫn còn chưa rõ ràng ra làm sao, chỉ đành nơm nớp đợi chị hai về. Sau khi về tới nhà, chị Đặng Nam cho chúng tôi biết, vì anh không chịu nổi sự ngược đãi, không cam lòng bị làm nhục, nhân bọn tạo phản không chú ý khi áp giải anh đi, anh đã nhảy lầu để tỏ rõ sự phản kháng cuối cùng. Trước khi nhảy lầu anh viết trong một phong thư: "Tôi thật không hiểu nổi Cách mạng Văn hóa, đặc biệt là đối với vấn đề của cha tôi, tôi lại càng không hiểu nổi, tôi thực sự không còn con đường nào mà đi…" Sau khi Phác Phương nhảy lầu bị thương, bọn tạo phản trường đại học Bắc Kinh cũng hoảng hồn. Chúng đưa anh vào một bệnh viện. Khi người bác sĩ nghe nói đó là con của "tên số hai đi theo tư bản" đã từ chối không nhận. Sau đó liên tiếp đưa tới mấy bệnh viện khác, cũng chẳng nơi nào chịu nhận.

Thật đúng là những năm tháng đen tối, không còn chút nhân đạo nào, sinh mạng con người mà rẻ như cỏ rác. Cuối cùng, nghe nói chính Nhiếp Nguyên Tử cũng hoảng, nên đã ép bọn cùng phái với mụ ở viện Bắc Y số 3, phải nhận cho xong chuyện. Bệnh viện Bắc Y số 3 tuy nhận người bệnh thật đấy, nhưng chỉ cho Phác Phương nằm ở hành lang, và ngay đến cả phòng cấp cứu cũng không cho vào. Sau một đêm, thấy bệnh tình khá nguy kịch, cũng phải chọc tủy sống, nhưng phải có chữ ký của người nhà bệnh nhân. Bọn tạo phản đến chỗ giam giữ Đặng Nam, cho Đặng Nam biết mọi tình hình. Nghe tin Phác Phương nhảy lầu bị gãy cột sống. Đặng Nam vô cùng hoang mang mù mịt. Chị đi theo bọn tạo phản tới bệnh viện. Chị được gặp anh mình trong phòng cấp cứu.

Một con người vốn khỏe mạnh hừng hực lên như thế, bây giờ nằm thẳng cẳng ở đây với cái cột sống bị gãy, đang sốt cao, tính mạng có cơ bị lâm nguy. Đầu óc chị Đặng Nam lúc này trở nên trống rỗng, nước mắt chảy ròng ròng, cầm lấy cây bút nặng nề, ký tên mình. Bọn tạo phản không thèm nói thêm một câu, lập tức lôi chị đi ngay.

Với sự dày vò mất hết tính người, với sự ngược đãi và thẩm vấn, quyết tâm tìm đến cái chết đã sớm nảy nở trong lòng anh. Sự nghi hoặc cũng như những lo lắng đều đã qua đi. Với anh chỉ còn có lý trí. Anh không hề do dự, không hề sợ hãi, anh bình tĩnh lựa chọn và quyết định. Một sinh viên giỏi năm thứ tư của khoa vật lý kỹ thuật của một trường đại học, một bí thư chi đoàn lúc nào cũng giữ nghiêm kỷ luật, một đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản Trung Quốc mới 24 tuổi đầu, đã từng có bao niềm tin, ước nguyện, đã từng đeo đuổi bao lý tưởng, vậy mà giờ đây chỉ còn dư lại một quyết tâm kiên định, một quyết tâm không gì lay chuyển nổi. Anh bình tĩnh, lạnh lùng đi theo hướng đã chọn của mình. Sau khi nhảy lầu, anh đã hoàn toàn bị hôn mê. Anh nhớ lại rằng, cũng có lúc anh tỉnh lại, anh cảm thấy như nằm trên một bãi băng lạnh ngắt, nhưng chỉ trong chớp mắt anh lại hôn mê đi. Lần sau tỉnh lại, anh thấy mình đã nằm trong bệnh viện. Nhìn những ánh mắt lạnh lùng của những người xung quanh, nhìn thấy chai nước truyền lủng lẳng trên đầu, tất cả mọi thứ đều mờ mờ ảo ảo, mông lung không rõ nét. Cứ như vậy, trong phòng cấp cứu bệnh viện Bắc Y số 3, Phác Phương khi tỉnh, khi mê, bị sốt cao ba ngày ba đêm liền. Không biết đâu là sự cố ý an bài của tạo hóa, hay chạy cũng chẳng thoát được số phận, sự ngoan cường của sinh mệnh cuối cùng đã vượt qua được thần chết. Tính mạng của Phác Phương đã giữ được. Sống và chết là câu chuyện vĩnh hằng nơi trần thế. Sống và chết là một cuộc ác chiến, và càng lại là một keo vật tay đôi. Cầu sống cũng không được, chọn chết cũng không xong, con người bị hãm vào cảnh đó, lòng càng tan nát. Những khi tỉnh táo, Phác Phương chỉ trân trân nhìn lên trần nhà, trong lòng tê dại, chẳng đau thương gì, chẳng suy nghĩ gì, và cũng chẳng ân hận gì. Những tiếng gào thét của bọn tạo phản, những lời hỏi han của thầy thuốc, tất cả đều như gió thoảng bên tai, nghe mà chẳng thấy gì.

Khi Phác Phương vừa nhảy lầu xong, đốt sống ngực số 11, số 12 và đốt sống lưng số 1 bị chèn gãy, chân không cử động gì được, nhưng từ phần bụng trở lên vẫn còn cảm giác. Cứ theo như liệu trình học mà nói, thì trong tình hình như thế là phải mổ ngay lập tức, để làm sạch, và giảm sức chèn ép của vết thương, nếu không máu tụ trong cột sống sẽ bị chảy ngược lên, sau khi máu đông lại sẽ làm tăng thêm tình trạng liệt nửa người. Nếu như ngay lúc bấy giờ, có được một tý chút lòng nhân đạo, nếu như phẫu thuật kịp thời, Phác Phương sẽ chẳng đến nông nỗi ấy. Nhưng trong những năm tháng đó dưới cái bầu không khí chính trị kiểu đó, những người như Phác Phương là “con cái băng đen phản cách mạng”, với tội “phản cách mạng”, đã “tự cắt bỏ mọi liên hệ với nhân dân”, đưa vào bệnh viện, được để cho chết đã là một sự “khoan hồng” rồi, chứ chẳng cần một sự chữa trị nào. Cứ như vậy, tình trạng liệt nửa người của Phác Phương ngày một

nặng thêm, bởi đốt sống thứ 11 diễn biến xấu lan sang đến đốt sống ngực số 7. Như thế có nghĩa là từ ngực đổ xuống đều đã mất cảm giác, chức năng đại tiểu tiện thất thường, khó tránh khỏi nâng vị trí liệt lên cao hơn.

Khoảng chừng hơn mười ngày, xem ra tính mạng khó có bề cứu chữa nổi, bọn tạo phản lại báo cho Đặng Nam biết, thời cơ nguy kịch đã qua, bọn chúng không quản nữa, cần phải mang Phác Phương về nhà. Đặng Nam nghe trường học bỏ mặc, trả Phác Phương về nhà, vừa thương tâm vừa lo lắng, lập tức kiên quyết phản đối: “Không được đưa về nhà! Tôi phải về nhà để bàn tính với mọi người trong nhà đã”. Được bọn tạo phản đồng ý, Đặng Nam vội đáp ô-tô buýt về nhà.

Bà, Đặng Nam và tôi ngồi trong gian nhà tối tăm thiếu ánh sáng ở Phương Hồ Trai, nước mắt chảy ròng ròng. Đặng Nam và tôi bàn với nhau, Phác Phương là do phe tạo phản Bắc Đại bức hại, nay họ không thể đẩy trách nhiệm chăm sóc lên đầu chúng tôi được và cũng không thể để một bệnh nhân chưa qua thời kỳ nguy cấp đã phải về nhà. Nếu như đưa về nhà, nhà chỉ có mấy người, toàn trẻ nhỏ với bà nội đã già nua, làm sao mà trông được, còn thuốc men bệnh tật biết tính làm sao? Không thể thế được, tôi phải đi tìm người có trách nhiệm, đi tìm Văn phòng Trung ương Đảng!

Tôi và chị Đặng Nam đến cửa Tây của Trung Nam Hải, nói rằng chúng tôi cần gặp lãnh đạo của Văn phòng Trung ương, chẳng ai thèm ngó tới chúng tôi. Chúng tôi lại nói, chúng tôi còn gặp cái ông nhân viên công tác mà thường ngày vẫn giao sinh hoạt phí cho chúng tôi, họ cũng mặc, không tìm. Họ mặc xác mình, biết làm sao bây giờ? Chúng tôi tìm đến một máy điện thoại công cộng, cứ lần lượt quay quay gọi gọi, quay gọi tới khắp nơi. Có người bảo việc đó không thuộc quyền của họ, có người bảo cứ đến đại học Bắc Kinh mà hỏi, có người dập máy, chẳng thèm đáp lấy một lời. Cuối cùng nhờ vào trí nhớ của mình, tôi nhớ được số điện thoại của Ban bảo vệ Văn phòng Trung ương Đảng. Ở đây cũng lại giống như nhiều nơi khác, họ bảo đó không phải việc của họ. Chúng tôi cuống lên, nói nặng lời trong điện thoại: “Các người đã gây nên chuyện như thế, mấy đứa trẻ như chúng tôi làm sao mà trông nom săn sóc được? Bố mẹ tôi vẫn còn đang ở trong Trung Nam Hải đó, nếu các người đưa về, thì đưa vào đó cho cha mẹ tôi. Nếu các người cứ nhất định đưa người bệnh về nhà, chúng tôi sẽ khênh ra phố, khênh tới Trung Nam Hải, chúng tôi sẽ nói với tất cả mọi người rằng: đây là con trai Đặng Tiểu Bình, bọn họ hành hạ thành như thế đấy, xin mọi người hãy xem xem. Các người dám đưa người về nhà, chúng tôi cũng dám làm như vậy đấy!”

Đặt điện thoại xuống, nhưng thực tình chúng tôi vẫn bối rối băn khoăn lắm, bối rối băn khoăn đến run hết cả chân tay. Đứng bên ngoài Trung Nam Hải ngước nhìn lên bức tường cao vút, lở lói, loang lổ, sao mà hai chị em tôi cảm thấy đơn độc đến thế, bất lực đến thế. Lúc ấy thật là gọi giời giời chẳng đáp, gọi đất đất chẳng thưa. Trên cái thế gian mênh mang này có ai lúc đó cứu giúp được chúng tôi đây?

Như thế chúng tôi mới hiểu được ra một cái nhẽ rằng, trong lúc đó, trong lúc chúng tôi gặp khó khăn hoạn nạn đó, chẳng ai có thể cứu giúp anh, và cũng chẳng có ai thèm cứu giúp anh, chỉ có cách là tự mình dựa vào mình. Tôi bàn với chị tôi, dù muốn ra sao thì ra, cũng nhất quyết không để cho đại học Bắc Kinh đưa trả người nhà mình về nhà. Lần này dù có phải đánh nhau, cũng phải liều mạng với chúng nó! Chúng tôi giữ một thái độ kiên định dứt khoát không thỏa hiệp, và cuối cùng đã thu được kết quả. Chúng tôi cũng chẳng biết ai là người đưa ra quyết định, bọn tạo phản đại học Bắc Kinh đành từ bỏ phương án trả người về nhà, và chuyển Phác Phương về bệnh viện của đại học Bắc Kinh.

Ở trong bệnh viện của trường, nhưng Phác Phương vẫn chẳng được chữa chạy gì. Lúc đầu bọn tạo phản cắt cử người canh gác. Một tuần sau chúng cũng thôi, rồi cho gọi Đặng Nam tới, bảo rằng bây giờ chúng chẳng còn nghĩa vụ phải trông nom nữa, để cho bọn người nhà chúng tôi trông nom lẫn nhau. Họ hạ lệnh cho chị phải gọi Phi Phi đến săn sóc anh. Đặng Nam lại bàn với tôi, dứt khoát không để Phi Phi đi. Phi Phi mới vừa tròn 17 tuổi, tính nết lại bướng bỉnh xốc nổi, nhỡ chẳng may mà gây chuyện với bọn tạo phản, có thể bị chúng đánh chết. Chúng tôi quyết định, cả hai chị em cùng vào bệnh viện trường, thay nhau chăm sóc anh. Do đó, tôi đến trường đại học Bắc Kinh, cùng với chị hai Đặng Nam trông nom người anh bệnh tật. Khi đó đường tiết niệu của Phác Phương luôn luôn bị viêm, mà đã bị viêm là sốt cao ngay lập tức, khi đã sốt là lên tới trên 40 độ, đôi khi sốt nóng đi kèm sốt rét, run người co giật. Vì anh Phác Phương bị gãy cột sống, không thể đứng dậy được, đến ngồi cũng không xong, nên luôn luôn phải trở mình, nếu không rất dễ bị hoại tử. Những người bị liệt mà lại thêm hoại tử nữa, rất khó có thể chữa trị được. Hai chị em tôi, một tý kiến thức về điều trị cũng không biết, chỉ biết trông nom cho anh một cách chung chung vậy thôi. Đối với bệnh tình của anh tôi, tuy mắt nhìn thấy đấy, trong lòng lo lắng đấy, nhưng thực tình cũng chẳng còn biết xoay xở ra sao. Trong tình trạng như thế, mà bọn tạo phản vẫn chẳng chịu buông tha cho anh tôi, chị tôi, vẫn cứ luôn tới bên giường bệnh đấu tố, bắt phải cung khai, phải tố cáo. Anh tôi nằm thượt trên giường bệnh, đôi mắt mở trừng trừng, mặc cho bọn tạo phản gào thét nhục mạ,

không nói một câu. Vào những ngày lễ ngày tết, mọi người đều vui vẻ ăn mừng, nhà ăn của bệnh viện cũng cải thiện cho bệnh nhân bằng một bữa bánh chẻo, duy chỉ mình anh tôi, vì là "con chó con của Đặng Tiểu Bình", vì là ""phản cách mạng", nên cái quyền ăn bánh chẻo cũng bị tước đoạt.

Chỉ khi nào đi lấy cơm ở nhà ăn, tôi mới ra khỏi bệnh viện của nhà trường, ra khỏi cái nơi vô cùng ngạt thở đó. Mỗi khi đi ra sân, bất kể trời quang mây tạnh, hay mây đen vần vụ, tôi đều ưỡn thẳng lưng, ngẩng đầu, nhìn bầu trời mênh mông vô hạn. Có lúc rỗi rãi tôi đi ra hồ Vô Danh. Tôi đi theo con đường nhỏ đến bờ hồ, dưới cái bóng xanh xùm xòa, rậm rạp, thả bước trên đám lá rơi dày dặc. Tôi ngồi thật sát mép hồ, nhìn mặt nước gợn sóng lăn tăn, nhìn bóng cây xanh trời biếc, khi ẩn khi hiện, in xuống mặt hồ, để cả tâm hồn mình thấm đẫm vào vùng nước trong xanh, quẳng bỏ tất cả mọi sự phiền muộn ra đằng sau, thảnh thơi hưởng thụ sự tĩnh mịch này.

Chúng tôi căm ghét bọn tạo phản, chúng tôi chán ngán các phong trào chính trị điên rồ ở xung quanh, chúng tôi không có ý, cũng như không có sức để tranh chấp một cái gì, chúng tôi chỉ muốn tìm kiếm cho tâm hồn một chút an bình, chúng tôi chỉ muốn né tránh, lẩn trốn tất cả. Nhưng trong những ngày tháng rồ dại ấy, làm gì có an bình để mà tìm kiếm, làm gì có nơi nào để mà tránh né với lẩn trốn. Dưới cái vòm trời xanh mênh mang này mà sinh mệnh của con người trở nên nhỏ bé như thế, nhỏ bé đến tội nghiệp như thế. Chúng tôi đã lĩnh đủ mọi nỗi dằn vặt trong tâm hồn, tự nguyện nhận lấy sự xui xẻo của mình, nhưng trong những năm tháng đó, cái số phận bi thảm như chúng tôi, thậm chí còn có những số phận còn bi thảm hơn chúng tôi nữa, thực ra là quá nhiều, nhiều tới mức không sao đo đếm được. Trong cả đất nước này, có rất nhiều người bị những cơn sóng điên cuồng mang danh hiệu "cách mạng" tấn công một cách phũ phàng, đánh đổ, ném vào trong ngục thất, người bị bức hại đến tàn tật, đến thiệt mạng cũng có rất nhiều, người bị bức hại đến tan cửa nát nhà, chết người cũng không phải ít. Đó là những ngày tháng cuồng loạn, không có trật tự, không có công lý, không có nhân đạo, thậm chí không có cả đến nhân tính. Hôm nay sở dĩ chúng tôi ngoảnh lại nhìn chuyện cũ, và viết ra tường tận, cặn kẽ, chỉ nhằm vào một ước nguyện: nguyện sao tất cả những người đã trải qua những ngày tháng đó hãy ghi nhớ đừng quên cái bi kịch nhân gian ấy; nguyện sao tất cả những người đã trải qua những ngày tháng đó hãy hiểu cho rõ cái bi kịch nhân gian ấy; nguyện trời xanh thấu hiểu, để vĩnh viễn đừng cho cái bi kịch nhân gian này tái diễn lần nữa.

Cứ như thế, mùa hè qua đi, mùa thu đã tới. Những ngày mùa thu ở Bắc Kinh,

giá rét đã về, trời dần trở lạnh. Trung tuần tháng 10, Hội nghị Trung ương lần thứ 12, khóa VIII được triệu tập, như đã nói ở trên. Đối với hội nghị này, cả nhà tôi đều rất quan tâm. Không phải quan tâm đến việc đặt ra đường lối cách mạng mới gì gì đó, và cũng chẳng hề quan tâm đến những biến đổi nhân sự mới, vấn đề chúng tôi quan tâm chỉ có một, liệu hội nghị lần này có kết luận về chính trị của cha tôi. Có kết luận tức có quyết định cuối cùng. Là tốt, là xấu, điều đó đối với bản thân cha tôi, đối với toàn thể gia đình tôi, có một liên quan cực kỳ quan trọng. Chúng tôi đi dò nghe tin tức ở khắp nơi. Sau khi đã biết được rằng, Mao Trạch Đông vẫn bảo lưu đảng tịch cho cha tôi, tôi lập tức chạy ngay đến viện Mỹ thuật Trung ương tìm chị cả. Kể từ tháng 6, sau khi chị cả tôi bị bắt về học viện, đều bị nhốt ở chuồng gia súc, hoàn toàn không có một chút tự do nào, tin tức cũng mất hẳn.

Khi tôi đến tìm chị, bọn tạo phản cứ nhìn chúng tôi chằm chằm, giám sát bọn tôi, chúng e sợ rằng chúng tôi làm cái chuyện xâu chuỗi "phản cách mạng" đến, tôi chỉ muốn mau mau chóng chóng báo cho chị tôi biết tình hình, nhưng vì bọn canh gác có mặt ở đó, nên chẳng có cách gì mà nói được. Tôi bảo rằng tôi khát, muốn xin tý nước uống, cái tên canh giữ chúng tôi đó bất chợt "rộng lượng hải hà", đi lấy nước cho tôi. Nhân một thoáng lúc hắn rời bỏ khỏi đó, tôi vội nói nhỏ với chị tôi: "Cha không bị khai trừ ra khỏi đảng". Tôi nhìn thấy trong mắt chị tôi lóe lên một tia sáng vui mừng. Đối với chúng tôi mà nói, chuyện này mang một ý nghĩa cực lớn. Như vậy có nghĩa là, cha tôi chưa hoàn toàn bị đẩy vào đất chết. Thực ra, đối với tiền đồ chính trị của cha tôi chẳng còn mang những ảo tưởng và hy vọng hão huyền nào. Nhưng chúng tôi biết rằng, được lưu đảng đối với cha tôi, một đảng viên cộng sản lão thành, là điều vô cùng trọng yếu. Vẫn đứng trong hàng ngũ đảng, trong mắt một số người, chẳng qua đó chỉ là cái mũi tên chỉ hướng gió chính trị, nhưng trong lòng những người đảng viên trung thành với đảng, lại cao hơn cả sinh mạng, nặng hơn cả sự sống.

Sau Đại hội toàn thể Trung ương lần thứ 12, Đặng Tiểu Bình không bị khai trừ ra khỏi đảng. Cái hung hăng của phái tạo phản trường đại học Bắc Kinh chừng như bị xẹp xuống mất một nửa, và cái hứng thú đối với lũ con Đặng Tiểu Bình cũng chẳng còn lớn lao gì nữa. Việc họ đến bệnh viện, ngày một nhạt dần, và cuối cùng thì bỏ bẵng. Chỉ có đội Tuyên giáo quân đội, và đội Tuyên giáo công nhân thỉnh thoảng đảo qua, nhìn ngó một tý, rồi thôi. Giường bệnh của anh tôi cũng may mà được bọn tạo phản bố trí vào nơi "vắng vẻ", nên trong lúc vắng người, chúng tôi có thể lén đọc "Hồng Lâu Mộng", đó cũng lại là một chuyện người thường không sao tưởng tượng nổi.

Phong trào Cách mạng Văn hóa vẫn chưa dừng bước, sự phát triển và biến hóa của nó cũng vẫn còn mạnh mẽ, có thể những sự việc ngoài ý muốn nảy sinh ra trong phong trào có quá nhiều, nhiều đến nỗi Mao Trạch Đông không sao nghe hết được. Khi năm 1968 sắp sửa qua hẳn, vào ngày 26/12, Trung ương phải ra một "Thông báo về những chính sách cần phải chú ý nắm chắc trong phong trào đấu tranh với địch". Trong đó chính tay Mao Trạch Đông đã viết thêm một đoạn: Đối với con cái những phần tử phản cách mạng, hoặc con cái những kẻ đi theo đường lối tư bản đến chết vẫn không chịu hối cải, cũng không nên gọi họ là "con cái bọn băng đen", mà phải tính cho họ là một bộ phận thuộc về phe đa số, hoặc đa số có thể giáo dục được (gọi tắt là bọn con cái có thể giáo dục được), điều đó chứng tỏ rằng bọn họ và gia đình họ là có được phân biệt". Sau chỉ thị 26/12 đó, cái "tước vị" của chúng tôi đã thay đổi, không còn bị gọi là "con cái lũ băng đen nữa", mà bị gọi là "lũ con cái có thể giáo dục được". Đó là câu nói có hiệu lực của Mao Trạch Đông, nên bọn tạo phản vốn hung hăng hùng hổ với chúng tôi, dù là tự giác hay không tự giác đều phải co vòi lại. Còn chúng tôi, dù là dưới áp lực cao, chúng tôi cũng được nhẹ nhõm đi nhiều.

Đáng ra ngày tháng phải dịu dần đi như thế, dịu dần rồi yên tĩnh lại. Nhưng chẳng ngờ rằng, lại có một phong trào rầm rộ, long trời lở đất, bùng lên, đó là phong trào thanh niên trí thức lên núi, xuống xã. Trong gia đình tôi, chỉ có tôi và Phi Phi học trung học, nằm trong phạm vi "lên núi, xuống xã" đó. Tháng 12/1968, Phi Phi là học sinh trường trung học trực thuộc trường đại học sư phạm trong tốp đầu tiên bị phân phối đi cắm chốt ở Sơn Tây. Phi Phi hoàn toàn tín nhiệm anh mình, nên đã vào tận bệnh viện trường đại học Bắc Kinh hỏi anh: "Trường học bắt em đi xuống xã, giờ biết làm thế nào? Đi hay không đi?" Anh rất thương em bị đưa đi cắm chốt, trong lòng đau xót. Anh suy nghĩ một lát rồi nói: "Đi xuống xã, chưa biết sau này sẽ như thế nào, có thể người khác sẽ quay trở lại được, nhưng em thì chưa chắc, nếu không đi, sẽ trở thành một dấu vết xấu về chính trị, sau này càng khó xoay sở".

Nghe anh nói vậy, Phi Phi đáp: "Nếu thế, em đi!"

Thế là Phi Phi quyết định ra đi, thời điểm lên đường cũng đã cận kề rồi. Phi Phi mới 17 tuổi, giờ đi đến một nơi xa thẳm như thế, thực tình chúng tôi chẳng yên tâm chút nào. Trước khi lên đường, chúng tôi thu xếp hành trang cho Phi Phi. Hai chiếc va li lớn đặt cạnh nhau trên mặt đất, một cái bằng vải bạt, một cái bằng gỗ, chúng tôi nhồi nhét vào đó đủ các thứ, chăn bông, áo bông, giầy bông, quần áo, mũ mão, bít tất. Em thích lắp ráp máy vô tuyến điện, nên còn cả búa, đe, cái gì nhét vào được là nhét cho bằng hết. Đặng Nam rất giỏi trong việc sắp

xếp đồ đạc, cái gì cũng muốn cho Phi Phi mang theo, chỉ lo khi tới Sơn Tây rồi, cần gì Phi Phi lại không có trong tay. Trước khi lên đường, Phi Phi tới Học viện Mỹ thuật Trung ương thăm chị cả bị nhốt ở chuồng gia súc. Chị cả đau đớn nhìn em trai phải ra đi mà mình chẳng thu xếp được một tý hành lý gì cho em, không được ra ga xe lửa tiễn em, thậm chí còn không biết rằng trong cuộc đời mình trên cõi đời này, có còn gặp được đứa em bé bỏng của mình nữa hay không. Chị khóc, chị chịu đủ nỗi dày vò của cuộc sinh ly tử biệt này.

Ngày lên đường, trên sân ke số 1 của ga xe lửa Bắc Kinh chật ních những học sinh sắp ra đi và những người đưa tiễn. Trong những hàng dài dằng dặc học sinh đi cắm chốt, chỗ nào cũng có thể thấy những cánh tay níu kéo, không muốn buông nhau ra, chỗ nào cũng nghe thấy những lời dặn dò, nhắn nhủ dường như bất tận khôn cùng, chỗ nào cũng có thể trông thấy những giọt nước mắt chảy long lanh trên gò má, sự lưu luyến khôn dời và lòng thương nhớ khôn nguôi tràn đầy, chứa chan trong tâm khảm mọi người. Tiếng còi tàu thét lên, rồi những tiếng rầm rầm của chuyến chuyên xa chở đầy những học sinh đi cắm chốt bắt đầu chuyển bánh. Chỉ trong nháy mắt, trên tàu dưới ga, trong loa ngoài loa bật lên những tiếng khóc nức nở, những tiếng gào thét. Tiếng khóc rung trời dậy đất ấy, làm át hẳn tiếng tàu chạy rầm rầm. Tôi và chị hai tôi đi đưa tiễn em. Hai chị em nhìn bóng con tàu ra khỏi sân ke, nhìn bóng con tàu càng ngày càng xa tít tắp, cho tới khi bóng dáng nó biến mất vào nơi xa xôi mù mịt, chúng tôi mới chậm rãi ra về. Hai chị em tôi chẳng ai nói câu gì, và để mặc cho dòng lệ lặng lẽ tràn trên khóe mắt. Anh bị liệt nằm trong bệnh viện, chị bị giam nhốt trong chuồng gia súc, em trai đi tha hương nơi xa, cha mẹ bị cầm giữ biệt vô âm tín, trong cái khoảng trời đất rộng mênh mang này, chúng tôi chưa bao giờ lại cảm thấy cô đơn, thảm thê đến thế.

Em trai tôi đi xa không lâu, đến tháng 1/1969, tôi cũng lại cùng bạn học trong trường trung học nữ trực thuộc trường đại học sư phạm Bắc Kinh đi cắm chốt ở khu Diên An, tỉnh Thiểm Bắc. Trên chuyến xe lửa đi về phía tây đó, tôi đã “ăn mừng” sinh nhật lần thứ 19 của tôi.

Trong nhà ở Phương Hồ Trai tại Bắc Kinh của chúng tôi, trừ khi chị cả, chị hai tôi đôi lúc về qua nhà, chỉ còn lại mỗi một bà tôi đã 70 tuổi già, dựa vào hai chục bạc sinh hoạt phí, gian nan độ nhật.

Thanh la não bạt diễn trò Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình

Trong hội nghị mở rộng lần thứ 12 của khóa 8 triệu tập hồi tháng 10/1968, Mao Trạch Đông không phản đối việc bảo lưu đảng tịch cho Đặng Tiểu Bình, điều đó càng làm cho Lâm Bưu, Giang Thanh cùng phe cánh thắc thỏm, bất an.

Lâm Bưu tuy đã được Mao Trạch Đông chỉ định làm người kế cận, nhưng ông ta hiểu một cách sâu sắc rằng, nếu ngày nào Đặng Tiểu Bình còn chưa bị đánh đổ, thì sự uy hiếp ông ta vẫn còn ngày đó. Duy chỉ có mỗi một nước là đẩy Đặng Tiểu Bình vào cửa tử, thì mới hết được nỗi lo lắng về sau. Lâm Bưu, Giang Thanh chỉ thị cho Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình gấp rút làm việc.

Giang Thanh, Khang Sinh đã nhiều lần ra chỉ thị cho Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình, nhiệm vụ hàng đầu, quan trọng nhất là phải nhanh chóng tấn công đột kích vào vấn đề tự thú sự phản bội trong quá khứ. Văn phòng hai của Ban chuyên án Trung ương cần phải tăng cường lực lượng điều tra bên ngoài giúp cho Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình, phải rút người từ "Tổ chuyên án Diệp Hướng Chân" (con gái Diệp Kiếm Anh) hiện đang ở khách sạn Kinh Tây bổ sung sang.

Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình, với binh hùng tướng mạnh phải gấp bước tăng nhanh hoạt động thu thập chứng cứ từ khắp bốn phương tám hướng.

Nhóm đi Thiểm Tây điều tra tình hình của Đặng Tiểu Bình do đảng biệt phái tới quân đội của Phùng Ngọc Tường hồi đầu năm 1927.[23]

Nhóm đi Thượng Hải điều tra tình hình công tác tại Trung ương Đảng năm 1927, và hai lần "Ra trận bỏ trốn" từ quân đoàn Hồng quân số 7 ở Quảng Tây về Thượng Hải báo cáo công tác vào hai năm 1928 và 1930, đồng thời điều tra xét hỏi những người có liên quan tới thời kỳ Đặng Tiểu Bình vừa học vừa làm ở Pháp.

Nhóm đi An Huy điều tra tìm kiếm xem có đầu mối "phản bội" nào, khi Đặng Tiểu Bình là đại biểu Trung ương, đi thị sát công tác của Tỉnh ủy An Huy vào năm 1931 không.

Nhóm đi Giang Tây phải điều tra toàn diện hết mọi hoạt động của Đặng Tiểu Bình vào năm 1931, sau khi tới khu Xô-viết Trung ương.

Nhóm đi Quảng Tây điều tra mọi hoạt động của Đặng Tiểu Bình tại căn cứ địa cách mạng Hữu Giang vào quãng trước sau năm 1929. Nhóm đi Hồ Bắc điều tra thẩm vấn em trai Đặng Tiểu Bình là Đặng Khẩn, nguyên là Phó Thị trưởng thành phố Vũ Hán.

Nhóm đi Tứ Xuyên điều tra thẩm vấn họ hàng Đặng Tiểu Bình và những hoạt động "phản cách mạng" tại quê hương.

Nhóm đi Thiên Tân, tìm người, điều tra tình hình khi Đặng Tiểu Bình ở trong quân đội của Phùng Ngọc Tường. Họ còn cử người đến Quảng Đông, Ninh Hạ, Hồ Nam, Liêu Ninh, Giang Tô và một số nơi khác tìm những người dưới quyền Đặng Tiểu Bình ngày xưa để điều tra, tìm chứng cứ. Những nhân viên Tổ chuyên án với "trách nhiệm nặng nề trên vai" không dám chậm trễ chút nào. Họ, ngựa tốt ra roi, không nề gian khổ, tung hoành khắp nơi tìm chứng cứ, chỉ nhóm ba người đi Quảng Tây, trong vòng không đầy hai tháng, họ đã chạy hết bốn khu, mười hai huyện, hỏi cung, thẩm vấn hơn hai trăm người.

Đó là chuyện ở các tỉnh bên ngoài. Còn ở Bắc Kinh, Tổ chuyên án cũng chẳng nhàn nhã gì. Mùa hè năm 1969, đội nắng thiêu đốt, nhân viên Tổ chuyên án chạy vạy khắp nơi khắp chốn, để tìm những nhân chứng ở Bắc Kinh để tiến hành điều tra, những lão đồng chí như Đăng Đại Viên,[24] Viên Nhiệm Viên,[25] Mạc Văn Hoa[26] v.v…, nói chung đều bị thẩm vấn. Trong khi thẩm vấn, bọn nhân viên Tổ chuyên án phải đối mặt với những người vốn là những lão tướng quân, lão đồng chí. Những vị đảng viên cộng sản lão thành đã từng thân chinh bách chiến đối với những lời tra vấn hiểm độc đầy dụng ý xấu của Tổ chuyên án, có người trả lời với sự thực sự cầu thị của mình, có người dứt khoát né tránh hoặc dứt khoát không thèm đáp lại.

Khi Tổ chuyên án tìm tới đại tướng quân Trương Vân Dật (đã cùng Đặng Tiểu Bình lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bách Sắc, xây dựng quân đoàn Hồng quân số 7 và là quân đoàn trưởng quân đoàn số 7 này) đã bị ăn món cửa đóng then gài với cái cớ là "Thủ trưởng không được khỏe". Tổ chuyên án cuống queo như bị trúng phong. Ngay cả Hoàng Vĩnh Thắng và Ngô Pháp Hiến cũng đích thân ra dàn xếp, bố trí, và cũng chẳng thèm biết trời cao đất dày ra làm sao, dám tìm đến Nhiếp Vinh Trăn, Nguyên soái nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Phó Chủ tịch hội đồng Quân ủy Trung ương để điều tra thẩm vấn.

Ngày 20/7/1969, trong một phòng họp nhỏ của khách sạn Kinh Tây, Nguyên soái Nhiếp Vinh Trăn, một con người đạo cao đức trọng, ngồi trong chiếc ghế

mây, trước mặt nhân viên Tổ chuyên án để trả lời từng câu hỏi một. Trong những ngày trai trẻ, bắt đầu từ khoảng đầu những năm 20, Nguyên soái Nhiếp Vinh Trăn ở Pháp vừa học vừa làm, ông đã là chiến hữu của Đặng Tiểu Bình, hiểu biết nhau vô cùng sâu sắc. Họ bắt ông nói về Đặng Tiểu Bình, mà những điều ông biết về Đặng Tiểu Bình lại quá nhiều, nên mỗi lần nói là ông nói rất dài, có khi dài tới 40 phút. Trong câu chuyện của ông chừng như ông đã đem lý lịch của người bạn chiến đấu cũ đọc lại một lượt suốt từ đầu tới cuối, còn như "tội trạng" và những "vấn đề" của Đặng Tiểu Bình mà nhân viên Tổ chuyên án đòi hỏi, yêu cầu, thì đến nửa chữ ông cũng không nhắc tới. Cuối cùng Nguyên soái Nhiếp Vinh Trăn chỉ nói thêm một câu:

- Thôi nhé, trong người tôi không được khỏe lắm, hôm nay chỉ nói đến đây thôi.

Sau đó, cùng với người thư ký của mình, ông đi thẳng, không thèm ngoái đầu nhìn lại.

Nhân viên Tổ chuyên án ngồi nghe đến chán chê ra, vậy mà chẳng thu lượm được một tý gì cả, không khỏi ảo não đến xỉu người, hậm hực rút về văn phòng làm việc của họ ở đường Thúy Vi.

Bắt đầu từ 6/1968, trong vòng thời gian một năm rưỡi, để truy tìm những tội trạng, vốn được gọi là "bản tự thú phản bội" của Đặng Tiểu Bình, Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình, trước sau đã cử 93 nhóm đi điều tra ở bên ngoài, với 223 lượt người đi làm công việc ấy, đến những vùng đất thuộc 50 tỉnh, thành phố, và khu tự trị, hơn 140 thị xã, phủ huyện, với hành trình hơn 30 vạn cây số. Chỉ riêng tại Bắc Kinh, họ đã đi về, ra vào gần một trăm đơn vị, cơ quan như: Ban tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giao thông, Bộ Công an, Ban Thống nhất, Bộ Công nghiệp hóa chất, Ban Cơ yếu số 1, Ban Cơ yếu số 7, Bộ Thủy sản, Tổng cục Chính trị quân Giải phóng, Văn phòng Trung ương, Ban kiểm tra Trung ương, Cục Cơ yếu Văn phòng Trung ương, Ban Văn hóa đối ngoại, Tân Hoa xã, báo Nhân dân, Ủy ban cách mạng thành phố Bắc Kinh, đội Cảnh bị bảo vệ Bắc Kinh, Tổng công đoàn toàn quốc, hội Phụ nữ Trung ương, Tổng cục hàng không dân dụng, Viện khoa học cùng các viện phụ thuộc, Ban Tôn giáo, Trường Đảng cao cấp Trung ương, Viện bảo tàng lịch sử Trung ương, Bộ Tư lệnh không quân, Bộ Tư lệnh hải quân, đại học nông nghiệp Bắc Kinh, Học viện chính trị quân giải phóng, Tòa án Nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Cục biên dịch chủ nghĩa Mác-Lê, Viện khoa học Đông y Trung Quốc, xí nghiệp đầu máy toa xe 7/2 Bắc Kinh, Ban cải cách dân chủ Trung

ương, trại giam Tân Thành v.v…

Lịch trình cách mạng của Đặng Tiểu Bình dài như thế, những nơi đã từng làm việc nhiều như thế, diện liên quan rộng khắp như vậy, mà điều tra cho toàn diện cũng đã đầy rẫy những khó khăn rồi. Có thể nói, công việc của Tổ chuyên án cũng tốn kém khá nhiều sức lực, trong khi cặm cặm cụi cụi, lật đi lật lại, đổ ra không biết bao nhiêu công trình sức lực để điều tra nghiên cứu họ mới viết ra được một bản báo cáo điều tra trình cho Khang Sinh, Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Diệp Quần, Lý Tác Bằng, song có điều rất đáng tiếc là: "Về vấn đề quá khứ của Đặng Tiểu Bình, sau khi đã điều tra kỹ lưỡng, thấu đáo nhiều lần, thì cho đến trước mắt mà nói, trừ việc vào đoàn, chuyển đảng còn chưa gặp được nhân chứng trực tiếp, và ngoài việc chấp hành đường lối có cơ hội chủ nghĩa, thì không điều tra được đầu mối nào về việc bị bắt, phản bội, liên lạc với địch cùng những vấn đề trọng đại khác".

Từ "vấn đề quá khứ" được coi là trọng yếu nhất, Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình bị rơi vào vô vọng, hẫng hụt. Tổ chuyên án không tìm được vấn đề quá khứ, nên đành bắt tay vào sáng tác "vấn đề hiện tại". Trong báo cáo nói trên, bọn đó viết: "Đặng Tiểu Bình cùng đồng bọn là Dương Thượng Côn phạm vào hai phản tội lớn là lộn sòng vào bên cạnh Mao Chủ tịch để nghe trộm, thu nạp bọn đầu hàng phản bội, bao che cho kẻ xấu, phản bội, đặc vụ… Đã thu thập được không ít chứng cứ chuẩn bị đưa trình thủ trưởng thẩm duyệt. Trong công tác bước sau, chúng tôi sẽ lấy trọng điểm là nhằm vào điều tra các vấn đề: làm chính biến phản cách mạng, những hoạt động với các âm mưu tiếm quyền trong đảng, trong chính phủ và thông tin, liên lạc với nước ngoài, tương ứng với tội 'tam phản' của bọn chúng". Ba ngày sau, Khang Sinh son phê đồng ý, đồng thời đưa văn kiện đó cho Chu Ân Lai, Trần Bá Đạt, Giang Thanh, Tạ Phú Trị v.v… xét duyệt.

Trong khi điều tra, Tổ chuyên án chỉ còn duy nhất một điểm nghi vấn, đó là vấn đề vào đảng của Đặng Tiểu Bình, sẽ có kết luận trong nay mai.

Khi bản báo cáo nói trên được chuyển tới chỗ Chu Ân Lai, Chu Ân Lai đã ghi vào phần cuối: "Đặng Tiểu Bình vào đoàn trong thời kỳ vừa học vừa làm tại Pháp, việc chuyển đảng có tôi và đồng chí Lý Phú Xuân, Thái Sướng[27] đều biết". Hoàn toàn có thể tưởng tượng được rằng, bọn người ở Tổ chuyên án kia cùng với cấp trên của chúng đã thất vọng nhường nào khi nhìn thấy những dòng chữ đó của Chu Ân Lai.

Nhưng, công tác điều tra trống giong cờ mở của Tổ chuyên án không phải cuốn cờ tắt trống từ đây. Bắt đầu từ nửa cuối năm 1969, bằng vào chỉ ý của Lâm Bưu, Giang Thanh và một số người khác, Tổ chuyên án còn tóm chặt hơn nữa "vấn đề hiện tại" đối với Đặng Tiểu Bình. Trong trại giam Tân Thành, chúng thẩm vấn Bành Chân, Lưu Lan Đào,[28] Lý Sở Ly[29] v.v…, tại trại giam Tiểu Thang Sơn, chúng thẩm vấn An Tử Văn v.v…, tại một doanh trại ở ngoại ô Bắc Kinh chúng thẩm vấn Dương Thượng Côn, trong một phòng giam nhỏ của tổng cục chính trị ở Tây Đan, chúng thẩm vấn Tiêu Hoa,[30] trong phòng giam của văn phòng khu cảnh bị bảo vệ Bắc Kinh, chúng thẩm vấn Vương Tòng Ngô,[31] lại trường cải tạo cán bộ giao thông, chúng thẩm vấn Tiến Anh,[32] rồi còn thẩm vấn riêng rẽ Phan Hán Niên,[33] Lưu Hiểu, Liêu Chí Ca.[34] Họ cũng còn đến Bộ Ngoại giao gặp Trần Nghị, và tại Ban Văn hóa đối ngoại tìm Khuất Vũ,[35] Tiêu Tam,[36] đến Ban cơ yếu số 1 tìm Giang Trạch Dân,[37] đến đội quân quản của Tổng cục chính trị tìm Phó Chung[38] và những người ở trường cải tạo cán bộ 7/5. Trung trực như Tăng Tam,[39] Lý Chất Trung,[40] Đặng Điển Đào,[41] trường đảng cao cấp Phạm Nhược Ngu,[42] cho đến Viên Nhiễm Viễn, Trương Chấn Cầu,[43] Đặng Tốn Luân[44] đều bị điều tra xét hỏi.

Giờ đây nhìn lại, họ đã phải bỏ ra không biết bao nhiêu nhân lực, đi đến không biết bao nhiêu địa phương, để tiến hành xét hỏi điều tra không biết bao nhiêu cuộc như thế, bỏ ra không biết bao nhiêu tâm cơ độc chăng lưới bủa vây vơ quét, cuối cùng lại rơi vào cái kết quả không có kết quả. Cái Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình này, thực sự có thể nói rằng đã uổng công vô ích, hoặc cũng có thể nói là đã điều binh khiển tướng đánh vào chỗ không người, thật đáng tiếc.

Số phận của Tổ chuyên án, khi làm đã khốn khổ, khi xóa lại còn khốn khổ hơn. Đến năm 1970, trước hết là trong đại hội toàn thể lần thứ 2 khóa 9 vào tháng 8, Trần Bá Đạt bị phê phán, tiếp theo đến ông trùm làm chuyên án là Khang Sinh ốm liệt giường liệt chiếu không dậy được, còn tập đoàn Lâm Bưu lại đang bận bịu giao đấu với Mao Trạch Đông. Những nhân vật to đầu trên đây đều bận rộn với công việc đại sự, của riêng mình, nên công tác của Tổ chuyên án cũng bị bỏ bê đi lập tức, đặc biệt là đến khoảng cuối năm, gần như bị quẳng vào một xó hẻo lánh nào đó.

Nếu cứ để Tổ chuyên án sống không ra sống, chết chẳng ra chết cũng sẽ chẳng biết thế nào, nên họ quyết định viết một cái báo cáo lên trên để thăm dò tình hình.

Ngày 28/11/1970, họ dùng danh nghĩa "Tổ chuyên án Hạ Long" viết một bản

báo cáo gửi Khang Sinh, Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến, Diệp Quần, đề nghị cho họ tới những bộ môn có liên quan đề tiếp tục điều tra về vấn đề "tội tam phản", tội "kết nạp thu dung những tên đầu hàng phản bội" v.v… Ngô Pháp Hiến vừa mới bị Mao Trạch Đông phê bình tại đại hội toàn thể lần thứ hai khóa 9, nên không dám khinh suất manh động, ông ta đem văn kiện đó gửi tới cho Chu Ân Lai và Uông Đông Hưng. Mấy hôm sau, Tổ chuyên án nhận được bản báo cáo đó chuyển trả về.

Trên giấy trắng mực đến có dòng bút phê của Chu Ân Lai: "Kính gửi đồng chí Uông Đông Hưng, toàn bộ văn kiện này là văn kiện công khai, đề nghị đồng chí duyệt xét, xem xem nên như thế nào. Tôi còn nhớ rằng, khi điều Đặng Tiểu Bình và Đàm Chấn Lâm đi xa (hạ phóng), hai Tổ chuyên án của hai người đã giải tán rồi".

Nhìn dòng bút phê của Chu Ân Lai, Tổ chuyên án giật thót mình kinh hãi. Thì ra Tổ chuyên án đã bị giải tán từ hơn một năm trước, vậy mà nhân viên Tổ chuyên án lại không hay biết gì cả. Thế này là thế nào nhỉ?

Trong tình thế đó, Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình đành phải viết một báo cáo cuối cùng gửi Hoàng Vĩnh Thắng, Ngô Pháp Hiến và một số người khác nói rằng: "Nếu như đã quyết định giải tán Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình, chúng tôi sẽ kết thúc công tác điều tra, và có nên tiếp tục gửi nốt bán báo cáo điều tra về tội trạng tam phản cũng như tội kết nạp thu dung bọn đầu hàng phản bội của Đặng Tiểu Bình nữa không?"

Bản báo cáo cuối cùng này cho đến tận nửa tháng sau vẫn chưa có một ai đáp lời. Tận đến ngày 24/12/1970, thư ký của Ngô Pháp Hiến mới đến chỗ Tổ chuyên án triệu tập toàn thể nhân viên của tổ họp, nói: "Báo cáo về vấn đề Đặng Tiểu Bình mà các đồng chí gửi lên, và cả báo cáo trước đây đã có bút phê của đồng chí Chu Ân Lai, các thủ trưởng đều đã đọc qua, các thủ trưởng cho tôi nói với các đồng chí rằng, các loại báo cáo đều không cần gửi tới nữa, vụ án Đặng Tiểu Bình cũng không tiếp tục làm nữa. Tài liệu điều tra cứ tạm thời lưu ở chỗ các đồng chí đây, và các đồng chí cứ tạm thời chờ đợi".

Đợi mà chẳng cần chờ, mỗi người trong Tổ chuyên án đều biết rằng, sứ mạng của họ đã kết thúc, Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình kể từ khi thành lập đến nay, cũng đã qua được một thời gian là hai năm rưỡi, và bây giờ đã bị giải tán âm thầm, không kèn không trống, im hơi lặng tiếng kết thúc, thật đúng là thời vận xui xẻo, thương thay, bi thay.

Đại hội 9 và “tiếp tục cách mạng”

Tháng 4/1969, Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa 9 của Đảng Cộng sản Trung Quốc khai mạc tại Bắc Kinh dưới sự chủ trì trực tiếp của Mao Trạch Đông.

Đối với Mao Trạch Đông mà nói, đại hội đại biểu của đảng lần này là một bước vô cùng trọng yếu để duy trì và giữ vững đường lối cách mạng phòng xét lại và chống xét lại.

Đại thành quả của đại hội này là:

Tại hội nghị, về mặt chính trị, khẳng định thêm một lần nữa lý luận đấu tranh giai cấp của Mao Trạch Đông, chính thức quy định đấu tranh giai cấp là đường lối cơ bản trong giai đoạn lịch sử xã hội chủ nghĩa, (đồng thời cũng lấy cái đó để khẳng định thêm một lần nữa tính “tất yếu” và tính kịp thời” mở rộng Đại Cách mạng Văn hóa).

Đại hội thông qua việc sửa chữa điều lệ Đảng, chính thức xác định bằng văn bản việc Lâm Bưu là người bạn chiến đấu thân thiết và người kế cận của Mao Trạch Đông.

Đại hội bầu chọn Ban Chấp hành Trung ương khóa mới, đưa hàng loạt những kiện tướng Cách mạng Văn hóa và những kẻ to đầu của phái tạo phản vào Ban Chấp hành Trung ương, để bảo đảm về mặt tổ chức cho việc thi hành đường lối, phương châm và lý luận của “cánh tả”.

Sau đại hội là họp ngay hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ nhất khóa 9. Trong hội nghị này đã bầu chọn cơ cấu Trung ương của đảng. Mao Trạch Đông là Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương, Lâm Bưu là Phó Chủ tịch, tướng tiên phong của Cách mạng Văn hóa là Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên, Trần Bá Đạt, Khang Sinh, Tạ Phú Trị cùng đồng bọn sinh tử của Lâm Bưu là Hoàng Vĩnh Thắng, Lý Tác Bằng, Khưu Hội Tác, Ngô Pháp Hiến, Diệp Quần v.v…, những cốt cán, thân tín của hai tập đoàn lớn là Lâm Bưu và Giang Thanh chiếm già nửa số ghế của Bộ chính trị, như vậy là họ nắm lại quyền trong cơ cấu lãnh đạo Trung ương một cách danh chính ngôn thuận.

Trong khi đó, chắc chắn Mao Trạch Đông nhận định rằng: phong trào “cách mạng” to lớn mà ông ta phát động đã làm thảng thốt kinh động cả trong nước lẫn ngoài nước về mặt chính trị, và về mặt tổ chức đã có được một mức độ đảm bảo

nhất định. Địa vị vĩ đại trong lịch sử của Cách mạng Văn hóa cũng đã có thể nói rằng: được xác lập về cơ bản. Trước đó, trong đại hội lần thứ 12, ông ta đã từng nói rằng: "Đến mùa hè sang năm cũng đã tương đối rồi".

Có thực sự là "tương đối" không?

Thực ra, cũng còn "tương đối" xa, mà trên thực tế là quá xa kia. Ngay từ khi Cách mạng Văn hóa mới bắt đầu, nó đã tạo ra bao nhiêu ngả đường rẽ cũng như không biết bao nhiêu trở lực. Lại bởi nó luôn luôn nảy sinh ra những sự kiện mới, như lớp sóng trước chưa tan, lớp sóng sau đã ập tới, lại bởi các đơn vị mang tính bè phái quá nghiêm trọng, nặng nề cùng những cuộc vũ đấu không ngừng không nghỉ, và vượt lên cái đó lại là do mục tiêu sai lầm cùng hành động sai lầm của phong trào Cách mạng Văn hóa do Mao Trạch Đông phái động, càng khiến cho rất nhiều mâu thuẫn, rất nhiều vấn đề chằng chịt móc vào nhau, nó giống như một mớ bòng bong khổng lồ rất nhiều đầu, rất nhiều mối, rút cũng không rút ra được, gỡ cũng không gỡ ra được, làm sao chỉ một lần đại hội mà tháo gỡ cho xong?

Mao Trạch Đông cũng đã từng tự hỏi, và tự trả lời rằng: cuộc Đại Cách mạng Văn hóa phải làm cho tới cùng, song đến bao giờ mới gọi là cuối cùng? Đối với vấn đề này, người khác không trả lời nổi, mà ngay trong trả lời của ông ta cũng đã hiển hiện đầy mâu thuẫn. Ông ta bảo, đến mùa hè năm 1969 đã là tương đối rồi, nhưng rồi lại nói: "Cơ sở của chúng ta chưa được ổn định, cứ theo như quan sát của tôi, không phải là tất cả, cũng không phải tuyệt đại đa số, nhưng tôi e rằng cũng có một con số kha khá lớn trong nhiều xí nghiệp, quyền lãnh đạo không nằm trong tay những người Mác - Lê chân chính và không nằm trong tay quần chúng công nhân". Ông ta cũng nói: "Cuộc cách mạng này, vẫn còn một số công việc chưa làm xong, nên bây giờ phải tiếp tục làm như đấu tranh, phê bình phê phán, cải cách, cải tiến. Qua một số năm, có lẽ lại phải làm lại 'cách mạng'". Ông ta kêu gọi phải đưa việc củng cố nền chuyên chính của giai cấp vô sản thấu triệt đến mỗi công xưởng, mỗi thôn xóm, mỗi trường học. Cứ theo cách nói như thế, Cách mạng Văn hóa không những là một điều tất yếu, mà còn phải tiến hành một cách sâu rộng hơn nữa.

Tư tưởng và hiện thực của Mao Trạch Đông tách rời nhau đến cực độ, ông ta đánh giá tình thế cực kỳ sai lầm, trọng dụng tập đoàn Lâm Bưu, Giang Thanh hết sức vô lối, dẫn tới chung cuộc là phong trào đứt cương, không thể chế ngự được. Trong những năm tháng tiếp theo của phong trào Cách mạng Văn hóa, ông ta đã luôn luôn phải đối diện với những cuộc hỗn loạn, hết đợt này đến đợt khác

mà trước kia chưa từng dự tính tới, và càng không muốn nhìn thấy nó. Cách mạng Văn hóa đến đó đã là ba năm, nhưng chặng đường của nó phải đi qua lại chưa hết một phần ba, điều đó không có bất cứ người nào lường trước được.

Cha tôi biết được tin tức của Đại hội 9 là qua tin tức và báo chí, tuy ông thêm một lần nữa bị xác định là "kẻ cầm quyền lớn thứ hai trong đảng đi theo đường lối tư bản", bị thủ tiêu hết mọi chức vụ trong cũng như ngoài đảng, song vẫn không bị khai trừ ra khỏi đảng. Với kinh nghiệm chính trị hơn 40 năm, ông hiểu biết sâu sắc tính trọng yếu của việc xử lý này, và ông cũng biết chắc rằng có một sự ảo huyền nằm trong đó. Nên nhớ rằng, chỉ cần không bị khai trừ đảng tịch, tức là có lưu lại một mảnh đất sống, và còn lại một đầu dây bấu víu.

Sau Đại hội 9, tức là vào ngày 3/5/1969, cha tôi viết cho Uông Đông Hưng một lá thư. Trong thư ông tỏ lòng ủng hộ mọi quyết nghị của Đại hội 9, nhờ Uông Đông Hưng trình chuyển điều đó lên Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trung ương Đảng.

Trong thư, ông có hỏi rằng sau Đại hội 9, không biết có phải đã là lúc xử lý vấn đề của ông hay chưa, và bày tỏ rằng sẽ hết sức lắng nghe quyết định của đảng. Ông trình trước với Mao Trạch Đông rằng, ông hoàn toàn tiếp nhận những kết luận chính trị của đảng và những xử lý của tổ chức mà không có ý kiến bảo lưu, đồng thời bảo đảm rằng vĩnh viễn không bao giờ lật án. Cuối thư đề xuất, muốn diện kiến Uông Đông Hưng để nói về những cảm thụ của mình.

Đúng như lòng mong mỏi của ông, lá thư đó được chuyển tới tay Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông đọc xong, bèn phê chuyển cho Lâm Bưu và các Ủy viên Bộ Chính trị có mặt tại Bắc Kinh đọc. Thái độ biểu hiện đó của Đặng Tiểu Bình, nhất định có lưu lại trong lòng Mao Trạch Đông một số ấn tượng. Thứ nhất, Đặng Tiểu Bình tự nguyện tiến hành tự phê bình. Mao Trạch Đông nhận định rằng đây là một điểm vô cùng trọng yếu, bởi trong các bài nói chuyện sau này của ông ta vẫn thường nhắc tới điều này. Thứ hai, chứng minh rằng, việc Mao Trạch Đông không khai trừ Đặng Tiểu Bình ra khỏi đảng là chính xác. Quyết định đó rất chi là đúng đắn, vì từ nay về sau vẫn còn một phục bút chính trị vô cùng quan trọng.

Rất có thể là lá thư nói trên đã có tác dụng, sau Đại hội 9, hoàn cảnh của cha tôi đã có những thay đổi đỡ hơn. Việc quan trọng nhất đối với cha mẹ tôi là họ đã cho phép con cái đến thăm nom cha mẹ. Khi ấy, tôi và em trai tôi đã đi cắm chốt ở hai nơi riêng biệt là Thiểm Tây và Sơn Tây. Chị cả Đặng Lâm tôi đi theo toàn thể sinh viên Học viện Mỹ thuật dời về Tuyên Hóa tỉnh Hà Bắc lao động và

tiếp nhận sự tái giáo dục của Giải phóng quân. Anh Phác Phương tôi sau khi bị liệt vẫn nằm ở bệnh viện trường đại học Bắc Kinh. Sau chỉ thị 26/12, chúng tôi đã đổi thân phận từ "phản cách mạng" thành "con cái có thể giáo dục được". Trước và sau Đại hội 9, nhất định đã có quyết định từ ai đó, sửa chữa sai lầm nên anh Phác Phương được hưởng phúc lớn là đưa tới khoa xương của bệnh viện Đầm Tích Thủy đề điều trị. Ở đó, Phác Phương đã thoát khỏi cảnh giam cầm, và một số bạn học từ trường đại học Bắc Kinh, thuộc loại sinh viên phản "cách mạng" và "cùng một lứa bên trời lận đận" (Đặng thị thiên nhai luân lạc nhân), đến thăm.

Chị hai Đặng Nam, sau chỉ thị sửa sai 26/12 đã được "tiếp nhận" trở lại trường, và ở đó chờ phân công. Sau khi Phác Phương được chuyển về bệnh viện Đầm Tích Thủy, có một hôm, một thuộc hạ của đại kiện tướng Tạ Tĩnh Nghi[45] của Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương đột nhiên đến gọi Đặng Nam đi. Tạ Tĩnh Nghi, một nhân vật phong vân nổi danh xủng xoảng trong Cách mạng Văn hóa, chẳng hay bây giờ cái mụ to đầu này tìm Đặng Nam có việc gì? Thì ra Tạ Tĩnh Nghi muốn đến bệnh viện Đầm Tích Thủy thăm Phác Phương, muốn Đặng Nam tháp tùng. Kể từ khi có phong trào Cách mạng Văn hóa, thái độ xấu, hằn học đối với lũ "con cái bọn băng đen" là chuyện cơm bữa, còn như thái độ đối với chúng tôi, mang vẻ khách khách khí khí thân ái thân yêu cũng đã thành chuyện quá đỗi ly kỳ, còn những chữ đại loại như "thăm viếng", trong lúc trời nhập nhoạng, tối tăm, ngược lại, lại làm cho người ta thấy bứt rứt, bất yên. Nhưng cũng mong sao, qua lần "thăm viếng" của Tạ Tĩnh Nghi này, hoàn cảnh khốn khổ của Phác Phương cũng được dễ thở hơn, chí ít cũng không xấu thêm.

Sau đó không lâu, Đặng Nam nhận được thông báo của Ban tuyên giáo quân đội, báo cho chị biết, chị có thể đến Trung Nam Hải thăm cha mẹ. Chợt nghe được đi thăm cha mẹ, trong lòng Đặng Nam tuy sung sướng lắm, nhưng chị vẫn chẳng tin ngay. Chị hỏi lại vẻ thăm dò: "Đã chẳng chia ranh giới dứt khoát rồi đó sao? Tôi không đi!" Người của đội tuyên giáo quân đội đáp: "Đây là do tổ chức trên cho phép, từ nay về sau tuần nào cũng được đi".

Tất cả mọi nghi vấn, bất an trong lòng Đặng Nam phút chốc đã bị quét sạch, chị nhảy lên xe ô-tô buýt mà lòng như lửa đốt, chỉ muốn mau mau chóng chóng bay về phía Trung Nam Hải.

Ở Trung Nam Hải, cha mẹ tôi nhận được thông báo, cho biết rằng chiều thứ bảy sẽ có con đến thăm, hai ông bà cũng sung sướng đến cực độ. Cần nhớ rằng, đã gần hai năm, gần hai năm chưa được gặp mặt con rồi. Trong vòng gần hai

năm đó, mỗi ngày mỗi đêm, mỗi đêm mỗi ngày, ông bà thương nhớ các con biết nhường nào. Vậy mà hôm nay, cuối cùng cũng đã được gặp con.

Đến trưa, hai ông bà già không sao ngủ trưa được. Ăn cơm xong là cứ chong chóng ngồi chờ. Mong mong, ngóng ngóng, lâu lắm mới thấy Đặng Nam tới. Cuộc cửu biệt trùng phùng một bên có tiếng gọi cha gọi mẹ thân yêu, một bên hai ông bà có lại những nụ cười thân thương đã từ lâu vắng bóng, cả nhà như chìm vào một niềm vui bất tận. Sau này mẹ tôi nói: "Hai năm chẳng được gặp con, bây giờ nhìn lại, Đặng Nam đã nhớn nhao thành cô gái lớn rồi, thon thả, thướt tha lại càng xinh đẹp". Mẹ ngắm nhìn con gái, quá thật là càng ngắm nhìn càng thêm yêu quý. Cha tôi, khi đau buồn, ông chẳng nói gì, khi vui vẻ cũng vẫn chỉ là như thế, ông chỉ lặng lẽ nhìn hai mẹ con từ lúc gặp nhau đã xổ ra không biết bao nhiêu chuyện, lặng lẽ mỉm cười. Mẹ tôi vẫn cứ tưởng rằng, họ đã cho con cái tới thăm, chắc hẳn là phải cả đám, nhưng khi đến, lại có mỗi mình Đặng Nam, bà hỏi: "Sao lại chỉ có mình con?" Đặng Nam báo cho mẹ biết, Đặng Lâm theo trường học tới Tuyên Hóa, Hà Bắc, cùng lao động với bạn học ở đó; Mao Mao đi cắm chốt ở khu vực Diên An, Thiểm Bắc; Phi Phi đi cắm chốt ở huyện Hân, tỉnh Sơn Tây. Các em đều vẫn viết thư về đều khỏe mạnh cả. Mẹ tôi hỏi: "Cu Mập ra sao?" Cu Mập chính là tên sữa của Phác Phương. Đặng Nam không dám nói, bèn đánh trống lảng: "Mẹ ơi, tóc con bẩn quá, con phải đi gội đầu một cái!" Nói xong liền chạy vào trong nhà vệ sinh, vặn vòi nước rồi gội đầu. Mẹ tôi cảm thấy có chuyện gì đó, theo luôn chị vào nhà vệ sinh. Đặng Nam càng lẩn tránh, càng không dám nói, nhưng mẹ tôi vẫn cứ một mạch hỏi han. Cuối cùng Đặng Nam đành phải đem mọi chuyện ra nói hết cho mẹ nghe. Nghe xong, mẹ tôi khóc. Bà không thể ngờ được rằng, đứa con của mình lại bị đẩy vào cảnh khổ ấy. Nỗi mừng vui hoan hỉ kể từ lúc con gái về nhà, nay đã bị quét trắng. Ruột gan bà như bị đâm chém, bà không nén nổi nỗi đau thương ấy, nên cứ nghĩ là khóc, nghĩ tới là lại bật khóc, bà khóc ròng rã ba ngày ba đêm, cha tôi vẫn chẳng nói một câu, chỉ lặng lẽ hút thuốc lá, điếu nọ tiếp điếu kia. Sau khi Đặng Nam đã ra về, cha tôi mới an ủi mẹ tôi, một khi sự việc đã xảy ra như thế, bây giờ phải nghĩ hết cách để chữa trị cho con.

Gặp lại được người thân, vốn là phải vui, nhưng trong những năm tháng đó, đối với chúng tôi mà nói, vui mừng và hoan hỉ chỉ là chuyện trong nháy mắt mà thôi, đồng thời bất kể vào giờ phút nào, nỗi đau khổ và bi thương lại ăm ắp đầy tràn.

Biết con bị liệt, tấm lòng người cha nào lại có thể bình lặng được. Ông viết cho Mao Trạch Đông một lá như, đề nghị trên tổ chức thu xếp cho Phác Phương

được điều trị chu đáo hơn. Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đều có bút phê. Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng, Uông Đông Hưng liên hệ với bệnh viện 301 Giải phóng quân. Bệnh viện 301 lại trực thuộc Tổng cục Hậu cần, mà tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần lại là Khưu Hội Tác, kiện tướng của Lâm Bưu. Trong khi Lâm Bưu đang cầm quyền, nên lãnh đạo bệnh viện 301 từ chối không chịu nhận "người có vấn đề". Khi đó, ngay đến cả Nguyên soái Trần Nghị khi ngã bệnh, muốn vào điều trị ở bệnh viện 301, bệnh viện cũng không chịu tiếp nhận. Lần này lại định đưa con của "tên số hai đi theo đường lối tư bản", đương nhiên là bệnh viện 301 không muốn tiếp nhận rồi. Uông Đông Hưng đành phải đưa những lời bút phê của Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai ra cho họ đọc mới đưa được Phác Phương vào bệnh viện 301. Khi có Lâm Bưu nắm quyền hành trong quân đội, thì ngay đến Văn phòng Trung ương Đảng muốn làm một việc gì, cũng khó khăn thế đấy.

Ngày 5/8/1969, Phác Phương từ bệnh viện Đầm Tích Thủy chuyển sang khoa ngoại của bệnh viện 301. Khi còn ở bệnh viện Đầm Tích Thủy, về cơ bản mà nói, chẳng có khám xét điều trị gì. Cũng đã từng có một giáo sư cao tuổi xem xét, chẩn bệnh cho Phác Phương. Nhưng chính vị giáo sư này cũng đang có vấn đề về "quyền uy học thuật của giai cấp tư sản", và cũng đang bị đả kích đấu đá, cho nên cũng chẳng dám đưa ra phương án điều trị căn bản nào. Phác Phương bị viêm đường tiết niệu nên thường sốt cao, vì không chú ý khi tiêm steptomicin, nên bệnh viện đã làm tai anh hoàn toàn mất thính giác (điếc), nhưng trong sự hỗn loạn của Cách mạng Văn hóa, chẳng có ai phải chịu trách nhiệm cả. Sau khi đến bệnh viện 301, họ cho Phác Phương ở riêng một phòng, lúc đầu họ canh giữ rất nghiêm, không cho phép bất cứ người nào được tùy tiện ra vào nhưng về sau cũng nới lỏng dần. Ở đây, Phác Phương vẫn thường xuyên bị viêm tắc đường tiết niệu và luôn bị sốt cao. Nhưng bệnh viện cũng đã bắt đầu tiến hành xét nghiệm và chữa trị, đồng thời dùng thêm châm cứu để chữa liệt. Không khí cũng đã có phần dễ thở, tâm trạng của Phác Phương cũng đã có những đổi thay. Con được vào nằm trong bệnh viện 301 tất nhiên cha mẹ tôi cũng thấy phấn khởi trong lòng, ông bà hy vọng con mình được chữa chạy ở mức độ tốt nhất, muốn xem xét liệu còn có thể khôi phục được chức năng không, tối thiểu, cũng là hy vọng sao cho Phác Phương tự xử lý được sinh hoạt cá nhân của mình sau này. Nên biết rằng, lúc đó Phác Phương mới có 25 tuổi, những ngày tháng về sau vẫn còn dài dằng dặc.

Sơ tán, chuẩn bị chiến tranh

Tháng 3/1969, trên đảo Trân Bảo thuộc tỉnh Hắc Long Giang nằm ở khu vực biên giới phía đông giữa Trung Quốc và Liên Xô, liên tiếp xảy ra những cuộc xung đột vũ trang chính quy giữa hai nước. Kể từ năm 1949, khi hai nước bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao đến nay, trong mối quan hệ giữa hai nước, hai đảng Trung - Xô đã xảy ra không biết bao nhiêu nổi chìm biến hóa. Sau một thời kỳ hữu hảo như anh em một nhà, bắt đầu từ giữa những năm 60, giữa hai đảng Trung - Xô vì có sự chia rẽ hình thái ý thức hệ nên đã tranh luận cùng nhau, dẫn tới quan hệ của hai đảng bị phá vỡ, rồi dần dần diễn biến, làm cho quan hệ giữa hai nước suy sụp nghiêm trọng.

Kể từ năm 1964 đến lúc bấy giờ, những sự kiện biên giới lại liên tục phát sinh ngày càng nhiều. Và lần xung đột vũ trang trên đảo Trân Bảo này là một trong những sự kiện có quy mô to lớn đó. Do Mao Trạch Đông phân tích thấy tình thế quá ư nghiêm trọng, nên đã đưa ra một kết luận: chiến tranh thế giới là không thể tránh khỏi, cần phải chuẩn bị đánh nhau. Bắt đầu từ đó, trong phạm vi toàn quốc, tất cả mọi phương diện đều tiến hành công tác chuẩn bị chiến tranh một cách đại quy mô.

Ngày 17/10/1969, tại Tô Châu, Lâm Bưu đã ra chỉ thị khẩn cấp "tăng cường chuẩn bị chiến tranh, phòng ngừa quân địch đột ngột tấn công". Ngày 18/10/1969, Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Vĩnh Thắng đã coi đây như "mệnh lệnh số 1 của Phó Chủ tịch Lâm Bưu" đem truyền đạt xuống dưới, ba binh chủng lục, hải, không quân bước vào trạng thái chuẩn bị chiến tranh khẩn cấp. Vì cần phải phối hợp chuẩn bị chiến tranh, Trung ương quyết định rút một số người đưa "sơ tán" khỏi Bắc Kinh. Trong đó gồm có những nhà nguyên là cán bộ lãnh đạo Trung ương. Kể cả những trọng phạm Cách mạng Văn hóa. Trong số những đồng chí lão thành, có Chu Đức,[46] Đổng Tất Vũ[47] đi Quảng Đông; Diệp Kiếm Anh đi Hồ Nam; Trần Vân, Vương Chấn[48]… đi Giang Tây; Nhiếp Vinh Trăn, Trần Nghị… đi Hà Bắc. Trong phái "đi theo tư bản" thì Lưu Thiếu Kỳ đưa đi Khai Phong, tỉnh Hà Nam; Đào Chú đưa đi Hợp Phì tỉnh An Huy; Đặng Tiểu Bình bị quyết định đưa đi Giang Tây.

Theo hồi ức của Uông Đông Hưng, lúc đó đương là Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng, thì sau khi có quyết định ấy, Mao Trạch Đông đã dặn thêm Uông Đông Hưng rằng: "Phải đưa Trần Vân và Vương Chấn đến nơi gần đường

giao thông, đi lại cho tiện". Mao Trạch Đông còn nói: "Vạn nhất mà có chiến tranh, cần tìm, phải tìm ngay được những người này. Những người này vẫn còn dùng được, tôi còn cần đến họ".

Chuẩn bị chiến tranh, Trung ương phải sắp xếp đi sơ tán, Mao Trạch Đông cũng cần ra khỏi Bắc Kinh. Chu Ân Lai đến báo cáo với Mao Trạch Đông nên để Uông Đông Hưng ở lại, giúp một tay vào công tác sơ tán. Mao Trạch Đông phê chuẩn cho Uông Đông Hưng ở lại mười ngày. Như vậy việc nói chuyện với Đặng Tiểu Bình rơi vào tay Uông Đông Hưng.

Vào một ngày tháng 10, Uông Đông Hưng đưa theo Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng là Vương Lương Ân đến chỗ Đặng Tiểu Bình, lần đến đó coi như đáp ứng yêu cầu của Đặng Tiểu Bình viết trong thư gửi ông ta. Hai nữa là để thông báo cho vợ chồng Đặng Tiểu Bình việc sắp xếp cho ông bà đi sơ tán về Giang Tây. Uông Đông Hưng cho Đặng Tiểu Bình biết, vì cần phải chuẩn bị chiến tranh, nên Trung ương quyết định đưa một số người đi sơ tán, vợ chồng Đặng Tiểu Bình được xếp về Giang Tây, sau khi về Giang Tây sẽ sắp xếp tiếp đi lao động rèn luyện trong xí nghiệp.

Nghe tin đi sơ tán, Đặng Tiểu Bình cảm thấy rất ngạc nhiên, ông suy nghĩ một lát rồi đề nghị với Uông Đông Hưng, bà Hạ Bá Căn là kế mẫu của ông, từ ngày bị đuổi ra khỏi Trung Nam Hải tới nay vẫn sống ở bên ngoài, bây giờ tuổi tác đã cao, lại không có ai săn sóc, sống có một mình, nên muốn đưa bà cùng đi Giang Tây. Đối với lời thỉnh cầu đó, Uông Đông Hưng đồng ý ngay lập tức. Cuối cùng, Đặng Tiểu Bình nói, trước đây Chủ tịch đã cho biết, có việc gì thì tìm ông, nên sau khi tới Giang Tây còn có thể viết thư gửi tới ông được không? Uông Đông Hưng nói, có thể.

Cha tôi tuy thấy khá đột ngột trong việc đi sơ tán, nhưng lại do đích thân Uông Đông Hưng đến nói chuyện này, nên ông cũng thấy yên lòng hơn. Uông Đông Hưng lại hứa, sau này có việc gì vẫn có thể tìm ông ta được, đó là một điểm vô cùng quan trọng. Bởi điều đó nghĩa là, dù ở nơi xôi nghìn dặm, vẫn còn có thể duy trì được sự liên hệ với Trung ương. Bởi Uông Đông Hưng sẽ đi sơ tán cùng với Mao Trạch Đông, nên đã giao công việc cho Vương Lương Ân ở lại.

Ít lâu sau, Vương Lương Ân đã tìm tới chỗ Đặng Tiểu Bình để xem xét lại việc chuẩn bị ra đi. Mẹ tôi lại đề nghị với ông ta, trong nhà có rất nhiều sách vở tài liệu cần phải cùng mang theo về Giang Tây, nếu có thể xin giúp cho mấy chiếc hòm gỗ. Ngoài ra, tập quán của cha tôi từ nhiều năm nay khi ngủ trong phòng phải thật tối, vì thế đề nghị cho đem theo những chiếc rèm cũ. Không ngờ

rằng, thái độ của Vương Lương Ân lại vô cùng tồi tệ, cả hai yêu cầu đó hắn đều không đồng ý. Cha tôi rất bực mình, đòi được gặp lại Uông Đông Hưng. Chẳng bao lâu sau, Uông Đông Hưng tới, không những đồng ý giúp cho một ít hòm gỗ mà còn đồng ý cho mang theo những tấm rèm cửa cũ. Uông Đông Hưng nói với cha tôi, ông bà muốn mang gì đi cũng được cái gì không mang đi được, cứ để nguyên tại đó, nhà này sẽ không có ai động tới, sau này khi trở về ông bà vẫn cứ ở đây.

Đó là bản "công án" trước khi đi Giang Tây. Vương Lương Ân nguyên là người của Lâm Bưu. Về sau, trong Đại hội toàn thể Trung ương lần thứ hai của khóa 9 là đồng bọn với Trần Bá Đạt trong việc in tờ giản báo tổ Hoa Bắc "Chuyện ở cửa sổ phía đông", cuối cùng đã tự sát chết. Vương Lương Ân vốn dấy nghiệp từ trong Cách mạng Văn hóa nên thái độ hằn học với Đặng Tiểu Bình là điều dễ hiểu. Nhưng Uông Đông Hưng lại khác. Uông Đông Hưng là người cận kề với Mao Trạch Đông, là người tín nhiệm nhất của Mao Trạch Đông. Hồi đầu Cách mạng Văn hóa, Mao Trạch Đông đã từng cho Đặng Tiểu Bình biết rằng, có việc thì cứ tìm Uông Đông Hưng, về sau cũng giao cho Uông Đông Hưng trực tiếp quản Đặng Tiểu Bình. Lần này, Uông Đông Hưng lại đến gặp Đặng Tiểu Bình, không những thái độ rất tử tế, mà còn hứa rằng khi trở lại vẫn ở nguyên chỗ cũ. Việc đó mang đầy ý nghĩa tích cực. Ít nhất cũng cho vợ chồng Đặng Tiểu Bình biết rằng, sơ tán ra khỏi Bắc Kinh không phải chỉ có riêng vợ chồng Đặng Tiểu Bình. Sau khi đến Giang Tây họ có thể đi lao động tại xí nghiệp, việc đó dù là mang tính học tập, hay mang tính cải tạo cũng vậy cả thôi, tóm lại là coi như đã kết thúc hoàn toàn đời sống cầm tù, cách ly ở Bắc Kinh, tín hiệu đó là tốt, chứ không phải là xấu. Sau khi gặp Uông Đông Hưng, lòng dạ cha mẹ tôi cũng thấy yên tâm hơn, nên càng gấp gáp thu dọn hành trang.

Khi cha mẹ tôi đang bận bịu thu dọn đồ đạc chuẩn bị đi Giang Tây, thì Đặng Nam ở trường đại học Bắc Kinh vì "mệnh lệnh số 1" nên cũng sắp phải cùng trường sơ tán ra huyện Hoài Nhu ngoại thành Bắc Kinh. Đặng Nam sắp phải đi, thì cha tôi lại đưa ra một đề nghị, xin phê chuẩn cho Đặng Lâm lúc đó đang ở Tuyên Hóa tỉnh Hà Bắc về Bắc Kinh để giúp gia đình thu dọn hành lý. Sau khi được Văn phòng Trung ương Đảng phê chuẩn, Đặng Lâm đã được trở lại Bắc Kinh gặp lại cha mẹ sau hơn hai năm xa cách. Nhưng vào lúc đó, mọi người còn bận tíu tít nên chẳng có nhiều thì giờ mà nói chuyện gia đình, bởi ngày lên đường đi Giang Tây đã cận kề.

Trước khi rời Bắc Kinh, mẹ tôi đề nghị, được Văn phòng Trung ương Đảng cho phép nên mẹ tôi được phép đến bệnh viện 301 thăm anh Phác Phương tôi.

Khi tới khoa ngoại của bệnh viện, còn chưa vào phòng bệnh, mẹ tôi nghĩ tới người con trai đã hơn hai năm không được gặp mặt, trước đây vốn là một chàng trai cao lớn đẫy đà thích chạy thích nhảy, nay đã thành một người bị liệt giường, lòng như dao cắt, không làm sao ngăn nổi dòng nước mắt. Người đi cùng với bà khuyên giải bảo rằng khóc lóc như thế làm ảnh hưởng đến con. Mẹ tôi liền tìm một cái ghế ngồi xuống đó, cố nén xúc động, chờ mình bình tĩnh lại, rồi mới lau nước mắt bước vào phòng bệnh. Được gặp lại con, lại thấy con nằm một mình trong phòng, đồ đạc thiết bị không đến nỗi tồi tàn, nên bà cũng thấy tạm yên lòng. Bất kể ra làm sao, trước khi rời Bắc Kinh, bà được đến thăm con trai, cũng coi là thỏa nguyện rồi. Từ bệnh viện trở về nhà, mẹ tôi nói mọi tình hình cho cha tôi biết, con mình được điều trị ở bệnh viện 301 như thế, nên được chữa chạy chu đáo hơn, cũng còn hy vọng giảm được bệnh tình, đó là điều may trong cái chẳng may.

Ngày lên đường đã tới, cha mẹ tôi vẫn bận rộn trong việc thu xếp mọi thứ, chả còn nghĩ đến chuyện gì khác được. Ông bà không biết một tý gì rằng, để bố trí cho chuyến đi của ông bà tới Giang Tây, người chiến hữu lão thành Chu Ân Lai đã đích thân đứng ra bố trí chu đáo, sắp xếp hết sức tỉ mỉ cho chuyến đi này.

Ngày 18/10/1969, Chu Ân Lai gọi điện thoại cho tổ trung tâm của văn phòng Ủy ban cách mạng tỉnh Giang Tây mà Chủ nhiệm là Trình Huệ Viễn nói rằng: “Trung ương quyết định đưa một số thủ trưởng Trung ương xuống cơ sở để tiếp xúc quan sát thực tế, và tham gia một số việc lao động thích hợp, học hỏi thêm ở quần chúng. Đến Giang Tây lần này có đồng chí Trần Vân, mang theo một thư ký, nhân viên bảo vệ và đầu bếp. Còn có cả vợ chồng đồng chí Vương Trấn cùng toàn gia đình đến Giang Tây… Các đồng chí đều trên 60 cả rồi, xem ra không còn lao động nặng được nữa… từ phương Bắc, nay đột ngột đến phương Nam, sợ không quen thung thổ, nên các đồng chí cố gắng quan tâm một cách thích đáng tới đời sống của các đồng chí ấy. Ăn uống tất nhiên là tiền các đồng chí ấy bỏ ra, nhưng tiền nhà không nên cao quá. Việc thứ hai là, có lẽ việc này đồng chí Uông Đông Hưng đã nói với các đồng chí rồi, vợ chồng đồng chí Đặng Tiểu Bình cũng về dưới đó đấy. Chắc các đồng chí còn nhớ, trong Đại hội 9 Mao Chủ tịch cũng đã có nói, vấn đề của đồng chí Đặng Tiểu Bình khác với người khác. Ông bà ấy xuống đấy là để lao động rèn luyện. Tất nhiên những đồng chí đó không thể chỉ toàn làm lao động, cũng là những người trên 60 rồi, sức khỏe lại quá kém, có thu tiền nhà cũng nên chiếu cố đôi chút, nếu đồng chí Hoàng Tiên có nhà, nhờ đồng chí nói lại với đồng chí ấy giúp tôi. Những đồng chí này sẽ tới địa phương cụ thể nào, lúc nào lên đường được, đề nghị đồng chí Hoàng Tiên[49]

gọi điện thoại cho đồng chí Uông Đông Hưng cùng quyết định. Cuối cùng, tôi xin được nhấn mạnh một điều rằng, những thủ trưởng này xuống đó, các đồng chí cố gắng giúp đỡ nhiều, nên cử người chăm sóc các đồng chí ấy. Sau khi đồng chí báo cáo việc này lại với đồng chí Trình Thế Thanh[50] xong, nên nghĩ ngay tới những việc cụ thể".

Sau khi nhận điện thoại của Thủ tướng, Trình Huệ Viễn một khắc cũng không dám chậm trễ, vội vã lên ô-tô đi ngay trong đêm phóng trên đoạn đường hơn 350 cây số đến Vụ Nguyên hội ý ngay với Trình Thế Thanh. Trình Thế Thanh cũng là người dựa vào tạo phản đoạt quyền dựng nghiệp, trong Cách mạng Văn hóa cũng là một nhân vật danh tiếng chẳng phải nhỏ. Mặc dù Trình Thế Thanh là nhân vật đỏ trong đường dây Lâm Bưu, nhưng đối với chỉ thị do đích thân Thủ tướng Chu Ân Lai gọi tới, cũng chẳng dám dùng dằng. Nghĩ ngợi một lát, rồi nói với Trình Huệ Viễn:

- Chúng ta kiên quyết ủng hộ quyết định sáng suốt này của Trung ương, kiên quyết quán triệt thực hiện chỉ thị của Thủ tướng, hoan nghênh đồng chí Trần Vân, Vương Trấn và vợ chồng đồng chí Đặng Tiểu Bình về cắm chốt, lao động ở đây. Các đồng chí ấy tới đây lúc nào cũng được, khi đến đây trước hết hãy thu xếp vào ở trong sở chiêu đãi Tân Giang, sau đó sẽ đưa vợ chồng đồng chí Đặng Tiểu Bình về ở hẳn Cán Châu. Còn Trần Vân và Vương Chấn đến chỗ nào, thì cứ đợi bàn bạc cụ thể với hai đồng chí đó xong sẽ quyết định. Bất kể là các đồng chí ấy ở đâu, ta đều phải lắp lò sưởi hết… Chúng ta nhất định phải bảo đảm an toàn cho các đồng chí đó, dứt khoát không cho phép phái tạo phản hay Hồng vệ binh nhảy vào đấu tố các đồng chí ấy. Song còn có hai vấn đề cần phải thỉnh thị lại. Một là, sau khi Đặng Tiểu Bình tới đây, có nên để cả hai vợ chồng ở cùng một chỗ hay không? Hai là, đồng chí Trần Vân và đồng chí Vương Chấn đến Giang Tây, chúng tôi định cử người lên Bắc Kinh đón có được không?

Ngày 19/10/1969, Chu Ân Lai nhận được điện thoại của Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây, về nguyên tắc, ông đồng ý với sự sắp xếp của Trình Thế Thanh. Nhưng đối với việc sắp xếp Đặng Tiểu Bình, ông cho rằng đưa đi Cán Châu là chưa thích hợp, ông nói:

- Ở đấy cách thành phố Nam Xương quá xa, lại là miền núi, giao thông không thuận tiện, mọi điều kiện đều rất kém. Đặng Tiểu Bình đã là ông già hơn 60 tuổi đầu rồi, nhỡ ốm đau thì biết tính sao? Theo ý tôi, nên sắp xếp để đồng chí ấy ở gần thành phố Nam Xương, cho dễ chăm sóc. Tốt nhất là để cho vợ chồng đồng chí ấy ở một ngôi nhà nho nhỏ hai tầng, tầng trên hai vợ chồng đồng chí ấy ở,

tầng dưới là các nhân viên công tác. Tất nhiên, nếu là một ngôi nhà riêng, sân vườn riêng thì càng tốt, để còn có thể đi lại trong vườn, lại vừa an toàn nữa. Nhờ đồng chí nói lại ý kiến của tôi với chính ủy Trình Thế Thanh hộ.

Thủ tướng đã chỉ thị tường tận tỉ mỉ đến thế, cụ thể đến thế. Những người ở Giang Tây cứ bàn đi tính lại mãi, thế này cũng chẳng được, thế kia cũng không xong. Cuối cùng, dứt khoát mời người của Bắc Kinh xuống, xem xét rồi quyết định. Sau bữa cơm trưa ngày 21/10/1969, Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình nhận được thông báo của "Văn phòng hai", cấp trên của họ mời đến họp ở phòng họp trên gác phía Tây, Trung Nam Hải. Hội nghị do Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Vương Lương Ân chủ trì, tham gia cuộc họp còn có Vương Giá Tường,[51] Đàm Chấn Lâm, cùng một số nhân viên Tổ chuyên án. Vương Lương Ân nói: "Vương Giá Tường sẽ sơ tán đến Tín Dương tỉnh Hà Nam, Đàm Chấn Lâm sơ tán tới Quế Lâm tỉnh Quảng Tây, Trung ương quyết định đưa Đặng Tiểu Bình sơ tán tới Nam Xương, Giang Tây để lao động, tiếp xúc với quần chúng, đêm hôm qua Thủ tướng Chu Ân Lai đã đích thân gọi điện thoại xuống đó để căn dặn mọi việc". Đồng thời dặn dò người phụ trách Tổ chuyên án rằng: "Đồng chí phải lấy thêm người. Có hai nhiệm vụ. Thứ nhất, phải đưa tới nơi an toàn, không để xảy ra bất cứ vấn đề gì. Thứ hai, cùng với các đồng chí ở Giang Tây tìm cho họ chỗ ở thích hợp, có lò sưởi hơi càng tốt. Đặng Tiểu Bình tuổi tác đã cao, chỗ ở với chỗ lao động không nên cách quá xa, điều động xe cộ khó khăn, đi bộ nhiều, hoặc đi ô-tô buýt nhiều cũng không an toàn lắm. Tuy đồng chí Trần Vân và Vương Chấn cũng về Giang Tây, nhưng tính chất khác với Đặng Tiểu Bình, hai đồng chí này đều là Trung ương ủy viên của Đại hội 9, nói chung lại là chưa có vấn đề gì cả. Đặng Tiểu Bình không được bầu, nhưng trước Cách mạng Văn hóa đã từng được treo ảnh, lại là 'đầu sỏ số hai trong đảng đi theo đường lối tư bản', rất dễ bị người ngoài nhận được mặt, rồi xảy ra chuyện đấu tố. Rõ cả chưa? Thôi, các đồng chí đi chuẩn bị đi, sớm mai đúng 8 giờ sáng, có mặt ở sân bay Sa Hà để lên máy bay".

Trong khi Văn phòng Trung ương và Giang Tây đang bận bịu với việc Đặng Tiểu Bình về Giang Tây, thì cha mẹ tôi và Đặng Lâm cũng tranh thủ thời gian thu dọn đồ đạc. Ngày thường cha tôi vốn sống rất đơn giản, mọi vật dụng đều thu gom rất nhanh. Nhưng họ đã cho phép mang sách đi, thì nên cố gắng mang đi được càng nhiều càng tốt. Hai ông bà và Đặng Lâm vào thư phòng ở phía sân sau chọn lựa, họ chọn lựa từng cuốn sách quý mà gia đình tôi đã gom góp được từ lâu như những tác phẩm về chủ nghĩa Mác-Lê, sách lịch sử, sách văn học, đủ các loại sách, rồi đóng gọn vào trong những chiếc hòm gỗ lớn mà Văn phòng

Trung ương Đảng cho mang tới. Cha mẹ tôi biết rằng từ nay về sau, những cuốn sách này sẽ là bầu bạn với mình trong những ngày ngày đêm đêm mất ngủ.

Trước hôm lên đường một hôm, đó là ngày 21/10/1969, cha tôi viết cho Uông Đông Hưng một lá thư. Trong thư tỏ ý tiếp thu sự xử lý của Trung ương đối với ông, nhấn mạnh và xin đảm bảo với Trung ương và Chủ tịch rằng, sẽ làm một người đảng viên bình thường và một công dân xã hội chủ nghĩa, cố hết sức làm việc và lao động, đồng thời mong Uông Đông Hưng chuyển thư này tới Chủ tịch cũng như tới Trung ương Đảng. Cha tôi biết rằng rời khỏi Bắc Kinh lần này cũng là kết thúc sự giam cầm cấm cố, nhưng ở tận Giang Tây, nơi xa cách Trung ương và Mao Trạch Đông hàng nghìn dặm. Nên trước khi rời khỏi Bắc Kinh, ông viết thư cho Uông Đông Hưng để bây tỏ thái độ mình, đồng thời nhờ Uông Đông Hưng chuyển thư cho Mao Trạch Đông. Đúng như sự mong mỏi của ông, bức thư này đã được Uông Đông Hưng trình lên với Mao Trạch Đông, và chính mắt Mao Trạch Đông đã đọc bức thư đó.

Chuyến bay đơn độc về phương Nam

Sáng sớm ngày 22/10/1969, cha mẹ tôi trở dậy rất sớm, rồi cùng với bà nội và Đặng Lâm lên chiếc xe Jeep đến đón họ, hành lý có một chiếc xe khác chở đi. Hôm đó là một ngày u ám, tuy đã sáng nhưng trời vẫn còn tối âm u. Bắc Kinh chìm trong sương mù dày đặc, trời thấp xuống, mây che lớp lớp, trong không khí đã mênh mang cái lạnh của trọng thu. Chiếc xe Jeep cũ nát xộc xệch chở cha mẹ tôi, bà tôi và Đặng Lâm đó, tất cả các cửa đều đóng chặt, rèm cửa dày cộm cũng kéo kín mít. Chiếc xe ra khỏi Trung Nam Hải, chệnh choạng nhấp nhổm chạy trên đường phố Bắc Kinh. Ngồi trong xe, chẳng ai nhìn thấy bất cứ vật gì bên ngoài, chỉ với cảm giác mà biết rằng, chiếc xe vòng vòng rẽ rẽ rất nhiều khúc. Chẳng ai nói gì suốt trên dọc đường. Xe chạy lắc lư rất lâu, rồi cuối cùng cũng dừng lại. Xuống xe, nhìn quanh mới biết đó là một sân bay quân dụng không lớn lắm.

Đến sân bay, mọi người vội vàng đưa hành lý lên khoang máy bay, nhưng tổ lái chỉ cho mang một ít theo người, báo rằng đó là vấn đề tải trọng. Hành lý còn dư lại, chủ yếu là mấy hòm sách thật to, không được mang lên máy bay, đành bỏ lại, rồi hạ hồi phân giải. Nhìn mọi người bận rộn vội vã, Đặng Lâm bất chợt thấy buồn thiu. Phác Phương bị liệt nằm ở bệnh viện 301, Đặng Nam đã bị trường học đưa đi sơ tán ở ngoại thành, Mao Mao và Phi Phi cũng đã đi xa, người cắm chốt ở Thiểm Bắc, kẻ cắm chốt ở Sơn Tây, đến tiễn đưa cha mẹ chỉ có mỗi một mình chị. Đã đến giờ chia tay, Đặng Lâm nhìn cha mẹ, nhìn bà bắt đầu đặt chân lên chiếc thang máy bay đơn giản để vào khoang máy. Bà chân bó, tuổi tác lại cao, phải nhọc nhằn lắm mới leo lên nổi. Lên đến cửa khoang máy bay, cha tôi ngoái đều nhìn lại, chừng như ông muốn nhìn lại toàn cảnh Bắc Kinh lần cuối. Kể từ ngày ông bắt đầu bị phê phán năm 1966 đến nay, ông không hề bước chân ra ngoài Trung Nam Hải, lần này trên đường ra sân bay, rèm cửa ô-tô lại bị bịt kín như bưng, chẳng nhìn thấy bất cứ một thứ gì hết. Giờ đây, ông muốn ngó nhìn lại Bắc Kinh, nhìn lại ngôi thành cổ nơi ông đã cư trú ngót hai chục năm trời. Nhưng trong tầm nhìn của con mắt, ngoài cái sân bay rộng rãi thông thoáng, chẳng còn có gì hết, ông quay lại, chui vào trong khoang máy bay.

9 giờ 3 phút sáng, tiếng động cơ máy bay rộ lên mỗi lúc một to hơn, rồi máy bay bắt đầu lăn bánh, tăng tốc, chập chờn đôi cánh vọt lên cao, bay vào tầng mây thấp, nặng nề, nhỏ dần, càng xa càng nhỏ hơn, cuối cùng chìm hẳn vào trong

mây.

Đó là chiếc máy bay IL-14 quân dụng, cũ kỹ, già lão, mang số hiệu 3287 mà người cơ trưởng là Lý Tuấn. Nơi máy bay cất cánh là sân bay Sa Hà, Bắc Kinh, điểm đến của chuyến bay là thành phố Nam Xương tỉnh Giang Tây. Hành khách trên máy bay tất cả chỉ có năm người, trừ ba người là bà và cha mẹ tôi ra, còn có một tổ trưởng Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình và một nhân viên công tác làm nhiệm vụ áp giải. Phía đầu khoang, sát với cửa, có đặt một chiếc giường sắt, gọng gấp, trên có trải đệm, đó là chiếc giường mới được tạm thời đặt ở đó phòng cho bà tôi nằm, vì sợ bà tuổi già không quen ngồi máy bay. Mẹ tôi cùng bà tôi ngồi trên chiếc giường đó. Bên cạnh giường cũng có một chiếc bàn gấp đặt tạm, cha tôi ngồi bên cạnh chiếc bàn, hai người áp giải ngồi phía cuối khoang. Trong khoang máy bay không có thiết bị cách âm, chỉ có tiếng động cơ ầm ầm, nên cũng chẳng ai nói gì được. Nhân viên tổ máy, xách chiếc phích nước, lấy tay vỗ vỗ lên vỏ sắt, ra hiệu hỏi có ai cần uống nước hay không? Đáp lại cũng chỉ là cái lắc đầu hoặc cái xua tay.

Trầm lặng, im nín, không trầm lặng, hỏi còn nói được gì?

Rời khỏi Bắc Kinh lần này, nhưng cốt lõi là phúc nhiều, hay họa nhiều? Chuyển dịch nơi quản chế tuy có lý do là chuẩn bị chiến tranh, nhưng liệu rằng, trong đó có mang theo tính chất một cuộc xử lý đã được kết luận? Cuộc sống ở đất Giang Tây chắc hẳn sẽ không giống như cuộc sống giam cầm ở Trung Nam Hải, nhưng rồi nó sẽ ra sao? Hơn hai năm cầm cố, cảnh sắc Bắc Kinh bên ngoài Trung Nam Hải còn chẳng rõ nó ra làm sao, vậy ở Giang Tây nơi thăm thẳm nghìn dặm xa xôi kia sẽ thế nào? Liệu có thể được cùng con cái vãng lai gặp gỡ, nhưng phương trời biền biệt, rồi chúng sẽ ra sao, và liệu chúng có được đến Giang Tây không?

Trên chuyến máy bay bay về thành phố Nam Xương tỉnh Giang Tây, trong đầu óc cha tôi đã nổi cộm lên những vấn đề đó, nhưng cũng chẳng có được đáp án. Tiền cảnh của Cách mạng Văn hóa, tiền đồ của đất nước, tình hình phát triển của chính trị, đều không dự liệu được, thì còn nói gì đến số phận một con người? Trong bão tố chính trị của Cách mạng Văn hóa, thường thường lại là hàng loạt, hàng dãy những biến số quyết định tiền cảnh của chính trị, quyết định số phận của con người, mà trong sự đột biến của nó, những biến số ấy, thậm chí còn mang theo màu sắc của một bi hài kịch, đem lại cho con người, đem lại cho xã hội, đem lại cho đất nước những tổn thất, những đại bi kịch chính trị ngoài ý thức của mọi người. Sau mấy giờ bay, chiếc máy bay từ từ hạ cánh xuống sân

bay Hướng Đường của thành phố Nam Xương, tỉnh Giang Tây.

Những người ra đón đã có mặt đầy đủ tại sân bay. Sau khi cha tôi xuống máy bay, thì Trình Huệ Viễn, Chủ nhiệm Văn phòng Ủy ban Cách mạng tỉnh Sơn Tây mà trước đây đã nhắc tới, tiến lên bắt tay cha tôi, tự giới thiệu và mỉm cười nói: "Đồng chí Đặng Tiểu Bình, Mao Chủ tịch gửi đồng chí xuống Giang Tây, chúng tôi vô cùng hoan nghênh". Một tiếng "đồng chí" hiếm hoi, một cái mỉm cười hiếm hoi, mở đầu cho những ngày ở Giang Tây.

Một đoàn xe ba chiếc ô-tô con chứ không phải xe jeep phóng đi trên vùng đất đỏ Giang Tây. Đoàn ba người của cha tôi ngồi trong chiếc xe đi giữa, rèm xe không vén lên, nhưng ngồi trong xe vẫn có thể nhìn ra bên ngoài, có thể nhìn thấy thế giới ngoài kia. Đó cũng lại là một sự cảm thụ hiếm hoi. Thả tầm mắt nhìn ra vùng đất đỏ trải dài ra tít tắp, vùng đất quen thuộc và thân thiết làm sao! Hơn 30 năm trước, chính trên mảnh đất này, cha tôi đã bắt đầu cuộc sống chiến đấu trong khu Xô-viết, đã đi bước đi đầu tiên trên con đường chính trị đầy chìm nổi, gập ghềnh, đồng thời đã bước trên mảnh đất đỏ đó, hướng tới vạn dặm trường chinh. Chớp mắt đã ba chục năm trôi qua rồi, thật đúng là: "Cảnh nguyên vẻ cũ, người đà khác xưa".

Chẳng bao lâu sau, xe đã vào thành phố Nam Xương, đỗ lại ở sở chiêu đãi số 1 của Tỉnh ủy (khi đó gọi là sở chiêu đãi Tân Giang).

Dương Đống Lương, Phó Chủ tịch Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây, ủy viên Tư lệnh tỉnh đội Giang Tây tiếp kiến Đặng Tiểu Bình khi ông vừa đặt chân tới đó, trong câu chuyện cũng chỉ vòng vo việc họ đến Giang Tây lao động cải tạo cho tốt v.v…, và "được tính là đón tiếp" đồng thời cũng là bố trí công việc.

Khi gia đình ba người nhà Đặng Tiểu Bình được sắp xếp ở trong sở chiêu đãi, thì hai người của Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình đi theo đến đất Cán (tên tự của tỉnh Giang Tây - N.D) bắt đầu bận rộn hẳn lên. Theo lời dặn dò của Vương Lương Ân, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương, nhân viên Tổ chuyên án vội vã đi thăm dò tìm kiếm một chỗ ở và một nơi lao động cho phù hợp với yêu cầu, không một phút bê trễ. Ngay hôm đến Nam Xương, bọn họ đã cùng với người ở Giang Tây đi xem mấy nơi, nói chung đều không ưng ý. Ngày hôm sau, họ lại đi xem tiếp, vẫn chẳng có nơi nào vừa ý cả. Sang ngày thứ ba, người của tỉnh đưa họ đến một ngôi nhà gác nguyên là ngôi nhà của Hiệu trưởng trường bộ binh binh chủng lục quân Nam Xương, thuộc quân khu Phúc Châu, rồi đi xem tiếp một xưởng sửa chữa máy kéo của huyện Tân Kiến, cách trường bộ binh chừng 2, 3 dặm dường. Tổ chuyên án cho rằng chỗ này là thích hợp nhất. Ngay tối hôm

đó, họ gọi điện thoại báo cáo về "Văn phòng hai" ở Bắc Kinh, "Văn phòng hai" đồng ý và báo cáo với Văn phòng Trung ương Đảng. Cuối cùng đã nhận được sự chấp nhận của Văn phòng Trung ương. Sau một loạt những cố gắng, đã coi như hoàn thành nhiệm vụ, người của Tổ chuyên án trở lại sở chiêu đãi, nói chuyện với Đặng Tiểu Bình độ chừng mươi phút đồng hồ. Họ cho Đặng Tiểu Bình biết sự sắp xếp chỗ ở cũng như nơi lao động, đồng thời hỏi Đặng Tiểu Bình xem còn có yêu cầu gì nữa không, để tiện báo cáo với Trung ương. Đặng Tiểu Bình đáp:

- Tôi đồng ý mọi sự sắp xếp của Trung ương đối với tôi. Tôi đã tới Giang Tây, tôi còn ra làm việc được, tôi có thể làm việc cho đảng mười năm nữa.

Câu trả lời ấy đã làm cho mấy người ở Tổ chuyên án ngạc nhiên. Thái độ rõ ràng dứt khoát như thế không phải là thứ khẩu khí cần có của một người mắc sai lầm bị thẩm vấn điều tra. Tiếp đó, Đặng Tiểu Bình lại nói với nhân viên Tổ chuyên án:

- Còn một việc, đó là cô con gái lớn của tôi, năm nay đã 28 tuổi rồi, quả thật tôi có ít nhiều lo âu về chuyện cá nhân của cháu.

Nghe Đặng Tiểu Bình nói vậy, tổ trưởng Tổ chuyên án đáp:

- Về vấn đề nêu trên, phải trông vào tình hình bản thân ông, về việc ra công tác nữa hay không, lại do Trung ương quyết định. Còn vấn đề nêu ra sau ấy, con cái là thuộc về nhà nước, ông cũng phải tin vào sự tự biết giải quyết công việc của bản thân chúng và nhà nước cũng sẽ quan tâm đến nữa.

Cuộc trao đổi này là cuộc trao đổi "chính thức" lần đầu tiên, mặt đối mặt, giữa Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình với đúng đối tượng mà họ phải điều tra thẩm vấn. Tổ chuyên án đã được thành lập hơn một năm nay rồi, mà họ vẫn chưa có cơ hội nào trực tiếp gặp Đặng Tiểu Bình, còn nói gì tới việc đối diện thẩm vấn "tìm chứng cứ", cho mãi đến lần áp giải Đặng Tiểu Bình đi Giang Tây này, bọn họ mới được gặp đối tượng điều tra lần đầu tiên, hơn nữa, cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ, sắp lên đường trở về, mới được cùng với Đặng Tiểu Bình "đàm đạo". Cuộc trò chuyện trong vòng mười phút đồng hồ đó, chính là cuộc trò chuyện lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng giữa Tổ chuyên án và Đặng Tiểu Bình. Quả thật chỉ trong thời kỳ phi lôgic của phong trào Cách mạng Văn hóa mới có thể sinh đẻ ra được những chuyện quái đản, lạ kỳ đến thế.

Thực ra, nói rằng quái đản thì cũng quái đản thật, bảo rằng không quái đản thì cũng chẳng có gì là quái đản cả. Chuyện như Đặng Tiểu Bình, trong Cách mạng Văn hóa đâu phải chỉ có một. Một mặt, Mao Trạch Đông cần phê phán Đặng

Tiểu Bình, dùng chiêng trống Lâm Bưu, Giang Thanh hạ bệ Đặng Tiểu Bình. Mặt khác Mao Trạch Đông lại không khai trừ Đặng Tiểu Bình khỏi đảng, và một mạch từ đầu tới cuối chỉ giao cho Văn phòng Trung ương Đảng, mà cũng là Uông Đông Hưng trực tiếp quản lý mọi chuyện của Đặng Tiểu Bình, chưa bao giờ cho Lâm Bưu, Giang Thanh, hoặc người nào khác được nhúng tay vào đấy. Có thể nói rằng, đồng thời với việc phê phán và hạ bệ, thì ở một mức độ nào đó Mao Trạch Đông vẫn bảo vệ Đặng Tiểu Bình, bao gồm cả việc an toàn thể xác.

Bây giờ nghĩ lại, nếu như Mao Trạch Đông không bảo vệ Đặng Tiểu Bình, nếu như giao quyền lực vây hãm Đặng Tiểu Bình cho Lâm Bưu, Giang Thanh và một số kẻ khác, thì số phận Đặng Tiểu Bình dứt khoát là đã khác. Trong Cách mạng Văn hóa, Mao Trạch Đông bảo hộ, hoặc cũng có thể nói là bảo lưu, không chỉ có một mình Đặng Tiểu Bình, mà còn cả một tốp cán bộ lão thành, mà nguyên nhân lại thật đa dạng.

Đầu tiên, tôi muốn bắt đầu từ việc Mao Trạch Đông lựa chọn người kế cận thay mình. Mao Trạch Đông đã chọn Lâm Bưu, cũng là suy đi tính lại rất thấu đáo rồi. Trong những năm chiến tranh, bắt đầu từ núi Tỉnh Cương, Lâm Bưu đã là bộ tướng rất đắc ý của Mao Trạch Đông. Lâm Bưu có thể xông pha trận mạc, lập chiến công, đặc biệt là trong nhiều trường hợp khi trong đảng, trong quân đội xảy ra những chuyện mâu thuẫn, Lâm Bưu không chỉ đứng về phía Mao Trạch Đông, mà còn có thể xả thân, không tiếc sức, tranh chấp với mọi người. Sau giải phóng, ở hội nghị Lư Sơn, Lâm Bưu hùa theo việc phê phán Bành Đức Hoài. Vào những năm 60, Lâm Bưu lớn tiếng kêu gọi học tập tư tưởng Mao Trạch Đông. Với “Đại hội 7.000 người” năm 1962, những người công tác ở tuyến một Trung ương như Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình và rất đông cán bộ ra sức điều chỉnh “tả khuynh”, thì Lâm Bưu, khác với mọi người, ra sức xu nịnh và bợ đỡ Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông là một con người vĩ đại, nhưng đồng thời lại là con người bình thường, ông ta ghi ân và nhớ oán, nhận xét con người và xử lý các vấn đề không khỏi mang màu sắc cảm tính. Mao Trạch Đông cho rằng: về lịch sử, Lâm Bưu là người của ông ta, trong thực tế, Lâm Bưu lại không có tư tưởng hữu khuynh như Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, Lâm Bưu biết giương cao lá cờ tư tưởng và trung thành với đường lối cách mạng của ông ta. Mao Trạch Đông tính rằng, khi đã “thâu tóm được đại quyền” và đẩy được cuộc đấu tranh giai cấp vào trong nội bộ đảng, đương nhiên phải quyết định chọn Lâm Bưu làm người kế cận, đồng thời mượn thế lực “quân đội” mà Lâm Bưu khống chế để phát động cuộc Cách mạng Văn hóa. Nhưng đồng thời với việc Mao Trạch Đông chọn Lâm Bưu làm người kế cận, ông ta lại không hoàn toàn

yên tâm, tin tưởng trăm phần trăm vào Lâm Bưu. Đặc biệt là tham vọng của Lâm Bưu lại hầu như không ngừng mở rộng mà đã từng để lộ ra ngoài, khi đó Mao Trạch Đông lại càng nâng cao lòng cảnh giác.

Hai nữa là, đối với Giang Thanh và những thế lực của Cách mạng Văn hóa, thái độ của Mao Trạch Đông lại càng tế nhị hơn. Ngồi quan sát Cách mạng Văn hóa từ đầu tới cuối, Mao Trạch Đông đã dùng thủ đoạn "cách mạng" để đạt tới mục tiêu "cách mạng". Ban đầu ông ta dùng Giang Thanh, Trần Bá Đạt, Khang Sinh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên v.v… làm người xây dựng quy hoạch, người thực thi, và là lực lượng cơ bản của "phong trào". Mao Trạch Đông nhận định rằng, họ là "phái tả" chính cống, là những vệ sĩ chân chính cho đường lối và tư tưởng của ông ta. Nhưng trong khi thực hiện phong trào, những người này càng ngày càng thể hiện rõ nét sự điên khùng ngang ngược và thói xấu chính trị thâm căn cố đế, Mao Trạch Đông đã nhận ra điều đó và bắt đầu điều chỉnh, khống chế có mức độ. Trước sau như một, không bao giờ để cho bọn họ quản lý Quốc vụ viện, không bao giờ cho bọn họ quản lý ngoại giao, và cũng chẳng bao giờ cho họ tiếp quản quân đội. Đối với những con người này, Mao Trạch Đông chỉ cho họ làm những anh lính mũi nhọn của "phong trào", làm một loại bảo đảm trong việc quán triệt lý luận và đường lối của ông ta, còn tuyệt đối không khi nào coi họ là những nhà kinh bang tế thế, những anh tài trị quốc an dân. Trong vấn đề này, Mao Trạch Đông đã giữ được sự tỉnh táo cần thiết.

Hai đại thế lực Cách mạng Văn hóa mà Mao Trạch Đông sử dụng, ông ta vừa coi trọng, tin cậy, lại vừa cảnh giác, vừa sử dụng vừa xét nét. Con người không có nỗi lo xa cũng có nỗi lo âu. Dù sao Mao Trạch Đông cũng là một chính trị gia, khi ông ta bồng bột đổ nhiệt tình vào phong trào, thì ông ta vẫn có những phút tĩnh tâm nghĩ ngợi, giữ lại một số cán bộ lão thành trong đó có Đặng Tiểu Bình. Lâm Bưu, Giang Thanh v.v… là lực lượng của "cách mạng", nhưng tuyệt đối không phải là những nhân tài trị quốc. Đối với điểm này, trong lòng Mao Trạch Đông đã rất rạch ròi. "Cách mạng" cần phải làm, nhưng ngoài "cách mạng" ra, còn phải xây dựng kinh tế, còn phải tiến vào chủ nghĩa cộng sản, có khi còn phải làm đại chiến, con đường mai hậu còn dài dằng dặc, nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp xây dựng đều còn rất nặng nề. Những nhiệm vụ nặng nề ấy, chỉ dựa vào một mình con người kế cận Lâm Bưu là không xong được, mà dù có cộng thêm cả lực lượng của Giang Thanh cùng một số người khác vào đó, nhiệm vụ cũng chẳng thể hoàn thành. Trong lòng Mao Trạch Đông có một điểm rất rõ ràng rằng, những đồng chí lão thành, trong đó có cả Chu Ân Lai, không thể hoàn toàn đánh đổ hết, mà còn phải giữ lại một số người, và vẫn

còn dùng được số người đó. Với ý đồ ấy, nhân khi sơ tán chuẩn bị chiến tranh này, Mao Trạch Đông đã chỉ thị rất rõ ràng, phải sắp xếp kỹ càng đưa lớp người này đi. Mao Trạch Đông đã chỉ định Chu Ân Lai giải quyết, sắp xếp đi sơ tán, bởi ông ta biết rằng, chỉ có Chu Ân Lai mới hết lòng hết sức thu xếp cho số người đó. Mao Trạch Đông dù có dặn dò riêng về việc thu xếp cho Trần Vân, Vương Chấn và những lão đồng chí khác, bảo rằng còn cần tới họ, không thể rời xa họ được, còn dùng được họ, và còn cần tìm đến họ. Tất cả những điều đó đều là những suy nghĩ chân thực trong lòng ông ta. Đây chính là một tâm thái chính trị rất phức tạp. Trong khi Mao Trạch Đông chọn một con đường đặc biệt để thực hiện cách mạng không ngừng, trong khi sử dụng hai phái lớn để đấu tố tranh luận nhưng lại có chia, có hợp, trong khi sự kích thích cách mạng được nâng cao, thì ông ta vẫn giữ được một phần tĩnh lặng với rất nhiều lo toan. Trong khi Cách mạng Văn hóa, rồi "đại loạn mới dẫn tới đại trị" đã hỗn loạn đến độ nát bét, ông ta đã đưa ra một số hạn chế sự điên cuồng, sự dã man của phong trào, và ở một mức độ nào đó cũng đã ngăn chặn được sự bức hại và hạ bệ nhiều hơn nữa cho một số lớn cán bộ, và từng bước khôi phục được công tác cho số cán bộ đó. Những biện pháp tỉnh táo cần thiết đó của Mao Trạch Đông, dù là hữu ý hay vô ý, thì đối với bước đường tương lai của Trung Quốc, giữa cái thời khắc then chốt của sự sống chết mất còn, cũng đã giữ gìn lại được cơ sở và sức sống vô cùng quý báu.

Đối với việc giữ gìn lại được số cán bộ lão thành này, có thể tính là sự sáng suốt hiếm có trong những hành động chính trị ở tuổi vãn niên của Mao Trạch Đông.

Giang Tây, những ngày đầu

Bốn giờ chiều ngày 26/10/1969, cha, mẹ, bà tôi rời khỏi sở chiêu đãi Tân Giang, do Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây sắp xếp, ba người tới chỗ ở mới của mình ở Giang Tây.

Ba người trong gia đình tôi cùng những người khác ngồi trên một chiếc xe ô-tô con đi trước, đi sau là một chiếc ô-tô tải chở đồ lề. Chiếc xe chạy như bay, xuyên ngang qua thành phố Nam Xương, vượt qua cây cầu Bát Nhất. Từ trong cửa sổ ô-tô nhìn ra, dòng Cán Giang mênh mang cuồn cuộn, dưới ánh sáng mặt trời lấp loáng những tia sáng trắng như bạc, tha thiết chảy xuôi về hướng đông. Nước sông chảy xiết, ngày đêm không ngừng không nghỉ, đối với cây cầu lớn bắc ngang sông, đối với ruộng vườn đất bãi đôi bờ, dòng sông luôn luôn là kẻ đến và cũng luôn luôn là người đi, nước sông không bao giờ dừng gót, và cũng chẳng bao giờ có một sự quyến luyến nào. Nhìn dòng nước này, nhìn con sông này, dòng nước của sự sống, xôn xao chảy tới, rồi lại thao thao trôi đi, bạn cảm thấy như nó đang trôi chảy trong chính lòng mình, khiến con người ta không bao giờ quên được nó.

Vượt qua Cán Giang, đi về phía Tây chừng mười dặm sẽ tới Vọng Thành Cương của huyện Tân Kiến nằm ở ngoại ô thành phố Nam Xương, xe ngoặt vào một con đường sỏi, ở cuối con đường sỏi ấy có một cổng lớn, không có người nhưng cổng vẫn bỏ ngỏ. Đó nguyên là trường bộ binh Nam Xương thuộc quân khu Phúc Châu. Qua cổng trường là một con đường đất to, thẳng tắp, hai bên là hai hàng ngô đồng cao to, trồng sát nhau, cành lá rậm rạp, giao nhau dày đặc, đi quanh ngôi nhà tầng vốn là văn phòng của trường bộ binh bị cây cối che khuất, rồi theo một con đường hơi dốc màu đỏ chèn đá dăm nhỏ nhỏ, đi lên một ngọn đồi nhỏ, bao quanh bằng những hàng cây nhựa ruồi (Hexpedunculosa - N.D) cao lớn, xanh ngắt, tạo thành một hàng rào che nhà trường, đứng ngoài có thể trông thấy một ngôi nhà gác nhỏ xây gạch đỏ và chiếc mái nhà màu xám.

Đến rồi, đến “nhà” rồi. Nơi đó hoàn toàn xa lạ, nhưng khi nhìn lên đã khiến người ta cảm thấy đó là “ngôi nhà” thân thiết của mình. Hai cánh cửa gỗ rộng mở, xe tiến thẳng vào sân. Đây là một khu sân vườn hình tròn, ở giữa là một ngôi nhà nhỏ hai tầng, trước nhà có bốn cây nguyệt quế. Bước vào tầng một là một gian phòng trống không, bên phải có một cửa, trong đó là phòng ăn và một gian bếp. Bước lên chiếc cầu thang gỗ kêu cót két lên tăng lên, đó là chỗ ngủ, có

hai phòng ngủ và vệ sinh. Về phía nam có một ban công dài, đứng ở đó nhìn ra là ngút ngàn một màu xanh. Từ ban công có lối đi sang phần bên kia tầng kia, và cũng được bố cục y như bên này, nhưng cha mẹ tôi không được sử dụng nên cũng chẳng sang xem làm gì.

Với điều kiện như thế cũng đã là khá lắm, một nơi ở yên tĩnh, cảm giác đầu tiên là hài lòng.

Ba người nhà tôi, được thêm sự giúp đỡ của những người đi cùng, dỡ hành lý xuống khỏi xe, sau đó bê xách từng thứ lên gác, tuổi tác của ba người nhà tôi đó, cộng lại cũng đã lên 180, nhưng "hứng khởi" vì có "nhà mới" nên mọi người đã quên cả tuổi tác lẫn sức khỏe, đều vén tay áo, chạy lên chạy xuống, khuân vác đồ đạc. Và rồi trời ập tối lúc nào không biết, trong nhà đèn bật sáng, trong đêm đen tĩnh mịch, khu vườn trường đầy vẻ hoang vu, nay đã có ánh sáng đèn le lói, tuy không sáng lắm, hắt ra, nhưng đã khiến nó mang tý chút sinh khí, một chút hân hoan, bớt đi được sự trống trải tịch mịch.

Tổ chuyên án cùng những người ở Giang Tây đưa cha mẹ tôi tới đây, đã có thể coi như hoàn thành nhiệm vụ, nên đã sớm ra về, chỉ còn hai người lưu lại, một người tên là Hoàng Văn Hoa, cán sự của tỉnh đội do Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây cử đến, và một chiến sĩ trẻ họ Hạ. Anh cán sự được cử đến để làm công việc "giám sát" Đặng Tiểu Bình cùng gia đình trong mọi công việc, từ sinh hoạt hàng ngày tới việc đi lao động trong xí nghiệp. Công việc của anh ta nói tóm lại, là vừa có nhiệm vụ giám sát, vừa có nhiệm vụ bảo vệ gia đình Đặng Tiểu Bình, đồng thời cũng là để báo cáo tình hình gia đình Đặng Tiểu Bình lên cấp trên, và phản ánh chuyển giao lên cấp trên những thư từ và yêu cầu của Đặng Tiểu Bình. Trong phòng họ ở có đặt một máy điện thoại, có thể gọi bất cứ lúc nào tới Ban bảo vệ của Ủy ban Cách mạng tỉnh. Anh chiến sĩ trẻ Tiểu Hạ làm công việc tạp vụ, như ra ngoài mua rau cỏ, đồng thời "kiêm chức" cần vụ như giặt quần áo, quét dọn nhà cửa, cho cấp lãnh đạo của mình, tức là cho anh cán sự kia. Hai người ở dưới tầng một ở nửa bên kia ngôi nhà, họ trở thành hai thành viên khác cùng cư trú trong ngôi nhà tầng, suốt những ngày cha mẹ tôi ở Giang Tây.

Hành lý đồ lề đã dọn dẹp xong, giường chiếu cũng đã trải xong, coi như xong được việc đầu tiên. Khi ấy cũng vào độ mười giờ đêm rồi, tất cả mọi người đều đã mệt nhoài, vậy mà chẳng ai nghĩ đến chuyện cơm nước. Hoàng Văn Hoa và Tiểu Hạ tới nhà ăn của một đoàn pháo binh đóng trong trường, hỏi mua được mười mấy chiếc bánh màn thầu (bánh mì hấp - N.D), rồi lại nấu một bát canh

trứng thật to, ai nấy ngồi vào ăn.

Mấy miếng bánh mì hấp đạm bạc được coi như bữa tiệc mừng tân gia. Sau đó, cha mẹ và bà tôi tắt đèn ở phòng dưới, leo lên gác đi nghỉ vì đã quá mệt mỏi.

Đêm trường vắng vẻ, vạn vật im lìm. Ba người cao tuổi ngủ trong tấm chăn đệm giá lạnh ẩm ướt, qua được đêm đầu tiên trên bước đường phiêu bạt của mình.

Khi gia đình Đặng Tiểu Bình, trong nơi trú ngụ ở Giang Tây của mình, đang thu dọn đồ đạc, để bắt đầu một cuộc sống mới, thì nhân viên Tổ chuyên án có nhiệm vụ áp giải Đặng Tiểu Bình quay trở về Bắc Kinh báo cáo với cấp trên như sau: “Ngày 22, áp giải Đặng Tiểu Bình, Trác Lâm và Hạ Bá Can đi Giang Tây, hôm nay (ngày 28) đã trở về. Đặng Tiểu Bình đã được an trí tại phía tây bắc, cách thành phố Nam Xương 13 cây số trong một trường học bộ binh cũ, hiện nay, trường cải tạo cán bộ 7/5, đoàn pháo binh thuộc quân… X… X và trường bộ binh vẫn cử người trực giữ ở đấy. Bây giờ, Ủy ban Cách mạng tỉnh cử tới đó một tiểu đội pháo gồm 12 người làm nhiệm vụ bảo vệ, họ ở trên gác của một căn nhà nhỏ, bên dưới có một cán sự và một chiến sĩ làm nhiệm vụ canh gác, hàng ngày lao động, vẫn giữ tên cũ là Đặng Tiểu Bình”.

Cha mẹ tôi đến ở trường bộ binh không lâu thì Trình Thế Thanh, Chủ nhiệm Ủy ban Cách mạng Giang Tây, chính ủy tỉnh đội, đến thăm ông bà. Khi ngồi với Đặng Tiểu Bình, Trình Thế Thanh không hề lên gân lên cốt ra điều dạy dỗ, mà chỉ nói đến sự “thay đổi như vũ bão” của Giang Tây sau Cách mạng Văn hóa, cùng những “thành tích” của Giang Tây. Trình Thế Thanh là nhân vật đỏ trên đường đây của Lâm Bưu, mà đối với “tên đầu sỏ số hai trong toàn quốc đi theo đường lối tư bản” lại có thái độ như vậy, cũng có thể coi là được.

Ai ngờ được rằng, một nhân vật đỏ chót một thời như vậy, mà chỉ một năm sau, chỉ vì bước chân lên “chiếc thuyền giặc” Lâm Bưu mà kết thúc sinh mạng chính trị. Thật đúng là… Đến vô chừng, đi bất chợt vậy. Trong Cách mạng Văn hóa đã có không biết bao nhiêu con người như bông hoa đàn sớm nở tối tàn như vậy.

Khi Trình Thế Thanh ra về, người đi cùng với ông ta là Trân Xương Phụng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Cách mạng Giang Tây, kiêm trưởng Ban bảo vệ, thấy có trạm gác ở cổng, liền ra chỉ thị: “Không đặt vọng gác ở cổng, đổi sang chỗ khác”. Về sau, nhóm người canh gác ở vòng ngoài chỉ làm nhiệm vụ canh gác, theo dõi ở những nơi khuất nẻo, kín đáo, không ai trông thấy được. Trân Xương

Phụng vốn là cảnh vệ viên của Mao Trạch Đông, cũng là Hồng quân lão thành. Công tác an toàn cho các đồng chí lão thành tới Giang Tây chủ yếu là do một tay ông.

Giang Tây vào tháng 10, nửa như ngày thu, nửa lại chẳng phải ngày thu. Trời chưa lạnh, cây cối vẫn đậm một sắc xanh, những cành lá ngô đồng to lớn vẫn che kín bầu trời. Ba người, cha mẹ, bà tôi, sau khi vào ở trong căn gác nhỏ của trường bộ binh, đã thích ứng rất nhanh với cuộc sống mới. Tuy khi mới đến sân bay Giang Tây, ngẫu nhiên có người gọi lầm là "đồng chí", nhưng cuối cùng ông vẫn chỉ là "tên lớn thứ hai trong đảng đi theo tư bản", nên khi đến Giang Tây vẫn bị giám sát, bị giam lỏng. Trừ việc sau đó đến xí nghiệp lao động, nói chung đều không được tùy tiện đi ra ngoài, ngay mảnh sân nhỏ nơi trú ngụ cũng không được tùy ý đi lại. Khi ấy, ngoài hai người quân nhân ở trong nhà, ông bà có cảm giác rằng, hình như bên ngoài cũng có bộ đội đóng chốt, nhưng không biết quân số của họ là bao nhiêu. Cha tôi đã từng bảo đảm với Trung ương rằng sẽ không đi lại giao thiệp với bất cứ ai, mà thực ra với sự canh gác nghiêm mật vòng ngoài vòng trong như vậy, có muốn giao thiệp với ai cũng là điều không thể, ngay đến chúng tôi là con cái muốn đến thăm, cũng phải được sự đồng ý trước của Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây.

Mặc dù cuộc sống đó là cuộc sống thiếu tự do, nhưng bà và cha mẹ tôi đều rất lấy làm hài lòng. So với việc hoàn toàn bị cấm cố ở Trung Nam Hải, nay được ở trong trường bộ binh này, trong mảnh sân nhỏ này, trong căn gác nhỏ này, bầu không khí đã dễ thở hơn nhiều, đời sống cũng đã được tự nhiên hơn, và họ đã làm quen được với cuộc sống đó rất nhanh.

Thu dọn đồ đạc xong, đời sống cũng đã đâu vào đấy. Ba ông bà già cũng phân công nhau làm các công việc trong nhà. Cha tôi tuy đã 65 tuổi, nhưng lại là "anh lực điền" duy nhất trong nhà, nên nhận làm những công việc nặng trong nhà như lau nhà, chẻ củi, ghè than. Mẹ tôi trẻ nhất, "bé" nhất, mới chỉ có 53, nhưng lại bị bệnh cao huyết áp và tim mạch nặng, nên bà chỉ làm những công việc nhẹ nhàng như quét nhà, lau bàn ghế, giặt giũ khâu vá. Bà tôi tuy đã ngót 70, nhưng lại là người quen lao động, còn khỏe mạnh, lại giỏi giang công việc bếp núc, cho nên việc nhóm bếp, nấu cơm và tất cả các việc có liên quan tới nhà bếp đều do một mình bà toàn quyền phụ trách. Ba con người tuổi tác, dựa dẫm vào nhau, chăm sóc lẫn nhau, với dũng khí khắc phục mọi khó khăn. Với tinh thần lạc quan trong cảnh quẫn bách, với sức sống kiên cường, với sự gắn bó keo sơn, tương nhân tương ái làm cho cuộc đời tù ngục lênh đênh tràn đầy sức sống. Đến Giang Tây có thể thư từ với con cái, mẹ tôi viết cho mỗi người con một lá thư, cho con cái

biết mọi tình hình. Tôi còn nhớ rất rõ, tôi đã nhận được thư mẹ tôi trên cao nguyên hoàng thổ Thiểm Bắc, đọc những dòng chữ bay bướm hiếm hoi của mẹ, mà tôi cảm nhận được nỗi nhớ thương, trìu mến len lỏi trong từng chữ từng hàng, nước mắt tôi cứ lặng lẽ tuôn trào, tôi chỉ muốn được mọc thêm đôi cánh lập tức bay về bên mẹ.

Sau khi đã sắp đặt xong cuộc sống, thì lòng nhớ thương con cái đang tứ tán các phương trời trở thành niềm tâm sự lớn nhất của cha mẹ tôi. Đến khi ấy, tiền lương của cha mẹ tôi vẫn phát đầy đủ, nghe nói cha mẹ tôi chẳng đến nỗi túng thiếu, nhưng vì thương xót các con nên cha mẹ tôi sống rất dè sẻn. Đặng Lâm, Đặng Nam đã tốt nghiệp đại học, có lương bổng, có thể tự lập được. Phác Phương bị liệt nằm trong bệnh viện chẳng có nguồn thu nhập nào. Cô con gái nhỏ và cậu con trai út đi cắm chốt ở nông thôn, nói chung là cũng đã dựa được vào sức lao động của mình mà duy trì cuộc sống, nhưng lấy tiền đâu ra mà may quần áo, ngay cả đến tiền ăn đường về nhà cũng chẳng đào đâu ra.

Cuộc sống trong căn gác nhỏ của trường bộ binh chừng như vô cùng êm ả, nhưng trong đầu óc cha mẹ tôi có biết bao điều day dứt, dày vò không làm sao tan biến đi được. Cha mẹ tôi bàn với bà, phải sống sao cho thật tiết kiệm, không may thêm quần áo, ăn thật ít thịt, có một thứ xa xỉ duy nhất là thuốc lá của cha tôi. Hút thuốc, đã là thói quen từ nhiều năm nay của cha tôi, đó là thứ đam mê duy nhất của cha tôi trong tịch mịch, hắt hiu. Nhưng khi đó, để chắt bóp, thuốc ông không hút nhiều nữa, một điếu thuốc có khi ông chỉ hút một nửa, còn nửa kia để dành đến lần sau. Cha mẹ tôi dè sẻn, chắt bóp, tiết kiệm từng xu một, cả ba người mà một tháng chỉ chi tiêu hết có 60 đồng bạc, “số tiền thừa” tích lại dành cho con.

Lao động

Sau khi đã sắp xếp ổn thỏa nơi ăn chốn ở, cha mẹ tôi bắt đầu tới xí nghiệp sửa chữa chế tạo máy kéo của huyện Tân Kiến tham gia lao động.

Xí nghiệp sửa chữa chế tạo máy kéo của huyện Tân Kiến, cách trường học độ một cây số, đó là một xí nghiệp nhỏ chuyên sửa chữa các loại máy nông nghiệp, toàn xí nghiệp chỉ có chừng non tám chục người. Người của Bắc Kinh và người của tỉnh sau khi đến xem xét xí nghiệp này, tỉnh đã thông báo cho La Bằng là Chủ nhiệm Ban Cách mạng xí nghiệp kiêm bí thư chi bộ rằng vợ chồng Đặng Tiểu Bình sẽ tới lao động cưỡng bức ở xí nghiệp này. Tỉnh còn giao trách nhiệm cho xí nghiệp phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho vợ chồng Đặng Tiểu Bình, cấm cả mọi hành động bao vây đấu tố, có việc gì phải trực tiếp báo cáo với Ủy ban Cách mạng tỉnh và Ban bảo vệ. Còn như cách xưng hô, thì không được gọi là đồng chí, cũng không được gọi cả tên, mà chỉ gọi là lão Đặng (ông Đặng).

La Bằng, hồi chiến tranh chống Nhật, đã từng là một cán bộ dưới quyền của Đặng Tiểu Bình ở quân khu Ký, Lỗ, Dự (tên tục của ba tỉnh Hà Bắc, Sơn Đông, Hà Nam – N.D), đã từng nhiều lần nghe Đặng Tiểu Bình là chính ủy lúc bấy giờ, báo cáo ở núi Thái Hằng, cho nên khi nhắc lại tên Đặng Tiểu Bình, La Bằng cũng chẳng lấy gì làm lạ lẫm cả.

Sau giải phóng, La Bằng đã từng là cán bộ cấp cục của Bộ Công an ở Bắc Kinh. Năm 1959, bị mắc sai lầm trong việc chống hữu khuynh, nên bị hạ phóng xuống Giang Tây, sau Cách mạng Văn hóa bị đi chuyển loanh quanh, rồi cuối cùng về cái xí nghiệp cấp huyện bé nhỏ này. Nay nghe Đặng Tiểu Bình đến xí nghiệp của ông để lao động cưỡng bức, đối với ông không chỉ là điều chưa bao giờ nghĩ tới mà còn lấy làm hết sức kinh ngạc. Mặc dù hiện nay Đặng Tiểu Bình là “tên đầu sỏ thứ hai đi theo đường lối tư bản”, nhưng là cán bộ cấp dưới cũ nên La Bằng vẫn có cảm tình với Đặng Tiểu Bình. Sau khi nhận được chỉ thị, La Bằng liền triệu tập họp chi bộ của xí nghiệp, bố trí công việc trong xí nghiệp, còn thu xếp một gian phòng nho nhỏ, dành riêng cho vợ chồng Đặng Tiểu Bình nghỉ ngơi.

Sáng ngày 9/11/1969, cha mẹ tôi dậy sớm, ăn lót dạ qua loa, rồi cùng đi đến xí nghiệp lao động. Sau khi cha mẹ tôi đến Giang Tây, người ta đã nhờ cán sự Hoàng Văn Hoa chuẩn bị cho hai ông bà mỗi người một bộ quần áo Tôn Trung

Sơn bằng ka ki màu xanh công nhân, mẹ tôi còn làm thêm dây nẹp khóa khiến đôi ống tay áo thắt mở ra được để thuận tiện trong khi lao động. Hôm nay cha mẹ tôi mặc bộ quần áo công nhân mới của mình, chân đi đôi giày quân dụng màu cỏ úa, bước ra khỏi sân qua cánh cửa con nằm lọt vào trong lòng cánh cửa lớn bằng gỗ màu xám, đi lên con đường đất đỏ quạch. Nghe tiếng những hòn sỏi lạo xạo dưới chân, nhìn ngập mắt những màu xanh ngan ngát xung quanh, trong lòng ông bà thực vui.

Ra khỏi trường học, ông bà bước lên đường cái quan, phóng tầm mắt nhìn ra xa là cánh đồng, là những ruộng rạ sau mùa gặt hái, những ngọn lúa chau, thấp bé, vươn mình đứng thẳng trên mặt bùn đất ẩm ướt, đợi ngày cày lật. Trời biếc, mây trắng, cây xanh, đồng ruộng, cảnh vật xung quanh, cái gì cũng tươi tắn, cái gì cũng thân thiết đáng yêu. Kể từ khi Cách mạng Văn hóa bùng nổ tới nay, đây là lần đâu tiên ông bà ló mặt ra ngoài, lần đầu tiên được đi lao động, "đi làm". Đi tiếp xúc với thế gian. Sau ba năm cấm cố, cái cảm giác đó không dễ mà có được, không dễ mà nảy sinh. Đi bộ chừng 40 phút là đến xí nghiệp. Trong phòng làm việc nhỏ bé, La Bằng giới thiệu sơ lược với ông bà tình hình của xí nghiệp, sau đó xuống phân xưởng, người phụ trách phân xưởng họ Đào tên là Đoan Tấn. Giống như các xí nghiệp khác lúc bấy giờ, công nhân ở đây cũng chia thành đại đội, trung đội như trong quân ngũ, chủ nhiệm phân xưởng tức là trung đội trưởng. Trung đội trưởng Đào Đoan Tấn là người đôn hậu thẳng thắn, hiền lành mà tế nhị, Đặng Tiểu Bình làm việc trong phân xưởng của ông, ông rất hoan nghênh, hoan nghênh một cách thực lòng, thực bụng. Trung đội trưởng Đào Đoan Tấn là một công nhân, là một người công nhân hết sức bình thường trong một xí nghiệp nho nhỏ của huyện. Là công nhân, có nghĩa là làm việc, đã làm việc nghĩa là phải làm cho giỏi. Ông cũng giống như tất cả các công nhân trong xí nghiệp này, làm cách mạng, tham gia các phong trào là một việc, còn làm việc, công tác, nuôi dưỡng gia đình lại là một việc khác, mà lại là một việc vô cùng quan trọng nữa kia. Trong những năm tháng Cách mạng Văn hóa như những cơn giông bão trải ra khắp toàn quốc, nhưng trong xí nghiệp lại không có tổ chức Hồng vệ binh cũng là chuyện hiếm có trên đời. Tuy cũng có xây dựng phong trào, cũng gào thét cách mạng nhưng trong cả xí nghiệp vẫn gió yên biển lặng, không một lớp sóng dội, vẫn nghiễm nhiên một góc trời nhỏ bé riêng tư. Trung đội trưởng Đào Đoàn Tấn chẳng nghĩ xa nghĩ gần gì, mặc xác cái "chuyện đi theo tư bản", một khi đã đến đây làm việc, thì chẳng còn khác gì anh em công nhân nữa. Cách nghĩ ngợi của công nhân trong xí nghiệp cũng chẳng khác gì ông trung đội trưởng ấy. Lão Đặng tuổi tác đã cao, cứ để một chiếc ghế ở bên cạnh, mệt ngồi xuống đó mà nghỉ. Lão Trác sức khỏe cũng kém rồi, thôi thì làm được

bao nhiêu thì làm. Thu xếp cho Lão Đặng làm gì bây giờ đây? Ông trung đội trưởng quý hóa ấy nghĩ vậy. Lúc mới đầu ông định để Đặng Tiểu Bình làm những công việc nhẹ nhàng, nên giao cho việc lấy xăng rửa phụ tùng. Nhưng Đặng Tiểu Bình tuổi đã cao, tay đã run, không cầm vững nổi các đồ vật, mà cúi xuống ngẩng lên cũng rất khó khăn, không rửa phụ tùng được, trung đội trưởng Đào Đoan Tấn lại để ông làm việc nhẹ khác là can bản vẽ, nhưng già nua, mắt hoa, chẳng nhìn rõ cái gì hết. Cuối cùng, nên để chính Đặng Tiểu Bình đề xuất xem muốn làm một việc gì đó có dùng tới thể lực. Trung đội trưởng hỏi Đặng Tiểu Bình, liệu dùng giũa rồi giũa phụ tùng, làm công việc của thợ nguội có được không? Đặng Tiểu Bình lập tức đồng ý. Bàn nguội của phân xưởng được đặt ở một góc, đã đầy đủ dụng cụ của thợ nguội, nhìn qua một cái, Đặng Tiểu Bình thấy thích ngay, cầm ngay lấy chiếc giũa, bắt đầu làm việc. Trung đội trưởng đứng nhìn, thấy ông Đặng Tiểu Bình chẳng phải là một tay thợ mới học việc. Ông đâu có biết rằng, sớm từ 40 năm trước, khi vừa học vừa làm tại Pháp, ông đã từng làm thợ nguội trong hãng ô-tô Renault nổi tiếng, tuy bỏ không làm đã lâu, nhưng cái nghề nguội chẳng hề xa lạ gì. Khi nghe trung đội trưởng Đào Đoan Tấn nức nở khen ngợi, Đặng Tiểu Bình chỉ cười cười. Chính Đặng Tiểu Bình cũng chẳng ngờ được rằng, ngày xưa khi ở Pháp vừa làm công tác cách mạng vừa học cái nghề này kiếm cơm, rồi đến mấy chục năm sau, bỗng nhiên lại đâm ra dùng lại ở một xí nghiệp bé nhỏ nằm trên đất Giang Tây này.

Thật đúng là, cái sự đời khó mà lường trước được.

Còn như công việc của lão Trác thì sao đây. Rất dễ thu xếp. Sức khỏe bà kém, có thể cùng với các nữ công nhân làm sạch những cuộn dây. Ở cái tổ điện công ấy, có một nữ thanh niên còn trẻ tên là Trình Hồng Hạnh, rất nhiệt tình mời lão Trác ngồi xuống, vừa nói vừa làm, vừa chỉ dẫn cho bà tháo những cuộn dây ra như thế nào, rồi đem làm sạch nó ra làm sao. Xung quanh toàn là những cô gái trẻ, cười đùa rôm rả, túm tụm lại, âu cũng là một loại hưởng thụ, một niềm hạnh phúc.

Trước khi vợ chồng Đặng Tiểu Bình tới xí nghiệp, theo dặn dò, quy định của cấp trên, bất kể người nào, nếu chưa được phép đều không được tiếp xúc với ông bà. Khi ông bà mới tới làm việc, những người công nhân chỉ biết nhìn ông bà với cặp mắt hiếu kỳ. Cần phải biết rằng, đại bộ phận những công nhân ở đây đều là những người nông dân thực thà, chất phác, xuất thân từ nông thôn, có bao giờ được nhìn thấy những nhân vật cỡ bự như vậy. Bất kể là những nhà lãnh đạo trước kia hay những “đại băng đen”, đại đại “đi theo tư bản” bây giờ cũng thế, họ đều chưa từng được gặp mặt bao giờ. Chỉ mấy hôm sau, mọi công nhân đều

cũng đã quen đi. Lão Đặng, lão Trác, cũng giống y như họ vậy, ngày ngày tới đây, ngày ngày cùng tụ họp, cùng làm những việc giống nhau, cho nên chẳng cần bao nhiêu thời gian, mọi người đã quen nhau hết. Xí nghiệp khôi phục lại được sự yên tĩnh ban đầu cũng rất nhanh. Còn đối với vợ chồng Đặng Tiểu Bình mà nói, ngày ngày được hòa hợp với những người công nhân, lánh xa những vòng xoáy chính trị, cũng chẳng còn biểu ngữ, chẳng còn phê phán, chẳng còn khẩu hiệu và cũng chẳng còn cô độc nữa. Với tình trạng ngập trời hỗn loạn, nơi nơi hỗn loạn trong Cách mạng Văn hóa, với cái hiểm cảnh của vạch tội phê phán lượn lờ đe dọa trên đầu, mà giữa con người với con người, lại có thể hòa hợp, gắn bó cùng nhau, cùng nhau nói nói cười cười, cùng nhau làm việc, thì quả thật là một đời sống hạnh phúc, chỉ có thể may mà gặp được, chứ không thể cầu xin được.

Khi mới bắt đầu, cha mẹ tôi từ trường đến xí nghiệp, thường đi theo đường cái quan, như vậy phải đi một quãng đường vòng rất lớn, và phải mất khoảng 40 phút đồng hồ, giữa đường còn phải đi ngang qua một bến ô-tô đường dài. Con đường đó vừa mất thời gian lại vừa không an toàn. La Bằng cùng với trung đội trưởng Đào Đoan Tấn và Hoàng Văn Hoa bàn bạc với nhau xem còn có con đường khác đi được không. Họ leo lên tường phía sau xí nghiệp, nhìn về phía trường học, giữa hai nơi ấy, nếu đi thẳng, đường sẽ ngắn đi được rất nhiều. Thế là họ bắt tay vào việc, họ cho mở một cái cửa nhỏ ở tường sau, rồi men theo những bãi hoang, bờ đất phía sau xí nghiệp, san san lấp lấp, mở ra một con đường nhỏ. Đi theo con đường nhỏ này chỉ mất 20 phút là đã có thể đi từ trường tới xí nghiệp rồi.

Từ đó về sau, bất kể là trời gió, trời mưa, bất kể là trời nóng hay trời lạnh, trừ những ngày đau ốm, còn tất cả các buổi sáng, mọi người đều có thể nhìn thấy cha mẹ tôi đi trước, cán sự Hoàng Văn Hoa lẽo đẽo đi sau trên con đường nhỏ này, đến xí nghiệp làm việc rất đúng giờ. Trong thời gian ba năm ở Giang Tây, việc tiếp xúc với công nhân, việc bản thân lao động đã trở thành một nội dung sinh hoạt không thể thiếu và cũng có thể nói rằng, nó vô cùng trọng yếu đối với cha mẹ tôi. Sáng sáng cha mẹ tôi đến xí nghiệp lao động, trưa về nhà ăn cơm, nghỉ trưa xong, buổi chiều làm một số công việc trong gia đình. Ngoài thì giờ đi lao động ở xí nghiệp, còn lại cha mẹ tôi đều không được phép ra ngoài, nhân cớ đó, bà và mẹ tôi đòi cán sự Hoàng Văn Hoa và anh chiến sĩ trẻ Tiểu Hạ phải ra ngoài mua giúp họ những đồ dùng nhà bếp như chảo, bát, môi, chậu và những nhu yếu phẩm cho ăn uống như củi gạo, dầu, muối cho tiện việc nấu nướng. Phía sau nhà, vốn có gian nhà kho, ghép bằng gỗ ván dùng để chứa củi, chứa than

mới mua về rất tiện. Cha tôi lại tìm một cái đòn kê bằng gỗ thật to, rồi lấy rìu chẻ thành từng thanh nhỏ một. Ông lại đi tìm những chỗ đất rắn, dùng búa đập những hòn than đá to cho nhỏ vụn ra. Cha tôi cùng với mẹ tôi đem củi dùng để nhóm bếp cùng với than xếp vào trong những chiếc sọt tre, cất vào trong nhà chứa củi. Khi mùa đông tới, tất cả chất đốt đã đầy đủ sẵn sàng, đủ để đun nước làm cơm và tắm rửa. Việc giặt giũ cũng có phân công. Mẹ tôi giặt quần áo mặc hàng ngày, khi giặt những cái to như chăn, khăn trải giường, cha tôi sẽ giúp mẹ tôi giũ lại bằng nước sạch, rồi hai người cùng vắt, cùng mang đi phơi. Công việc cũng bận rộn, thời gian một buổi chiều qua đi lúc nào không hay. Nắng quái chiều hôm, hắt những bóng cây đậm đặc vào sân, những con chim nhỏ nháo nhác vỗ cánh trên những ngọn cây cao. Sau bữa cơm đạm bạc buổi chiều, ba người già rửa bát, lau bàn, quét nhà, đem những thức còn dư lại đặt vào trong chạn bát được che kín bằng những mảnh rèm cửa cũ, ú kỹ lò than, tắt đèn… Khi mọi việc xong xuôi mọi người lên gác, cha tôi đọc báo, đọc sách, mẹ và bà tôi khâu khâu vá vá dưới ánh đèn. Cứ đến 8 giờ tối, nghe tin tức thời sự mới nhất của đài phát thanh Nhân dân Trung ương. 10 giờ, mọi người giải tán, chuẩn bị đi nằm. Khi cha tôi ngả mình xuống giường rồi, ông vẫn tiếp tục đọc sách chừng một tiếng đồng hồ nữa, sau đó mới tắt đèn. Đã từ nhiều năm nay, sinh hoạt hàng ngày của cha mẹ tôi rất đúng nề nếp, nay ở đây, cái nề nếp ấy vẫn được giữ y như cũ.

Trường bộ binh này đã bị giải thể trong Cách mạng Văn hóa, nên vẫn bỏ không, hoang tàn, xơ xác. Cửa rả của ngôi trường không người bị mất mát lung tung, mỗi khi gặp mưa to gió lớn, tiếng va quật của những cánh cửa còn lại cứ thình thình liên tục, không dứt. Khi trời tối sập xuống, đèn chưa bật, bốn xung quanh là cả một vùng tối, đen ngòm. Từ xa nhìn tới, duy chỉ có căn gác nhỏ trên ngọn đồi là có chút ánh đèn nhòa nhạt. Khi ánh đèn cuối cùng đó tắt đi thì cả một khuôn viên rộng lớn của trường học đều chìm sâu vào trong bóng tối âm u. Trăng mọc, những làn ánh sáng trắng như bạc nhẹ nhàng buông xuống. Không tiếng người, không tiếng chim chóc, không tiếng chó gà. Trời và đất lại như thẫm một lớp tịch mịch mơ hồ bao phủ.

Trong việc thu xếp cuộc sống mới của ba người, bà và cha mẹ tôi, nói chung cũng chẳng có chuyện gì, anh cán sự Hoàng Văn Hoa cũng chẳng lai vãng sang bên này làm gì, chỉ có cậu chiến sĩ Tiểu Hạ vì thường giúp mua hộ rau cỏ, nên cũng đảo qua đảo lại vài lần trong ngày. Những lúc bình thường vô sự, Hoàng Văn Hoa và Tiểu Hạ vẫn đánh ping pông ở chiếc bàn kê trong gian phòng ngay trước cửa tầng một. Đặng Tiểu Bình đến Giang Tây là để rèn luyện lao động có

kiểm soát nên không thể chỉ lao động mà không có kiểm tra.

Ngày 23/11/1969, thừa hành ý chỉ của cấp trên, cán sự Hoàng Văn Hoa lên gác báo cho cha mẹ tôi phải viết một bản thu hoạch về lao động và học tập sau một tháng ở Giang Tây. Nghe xong, cha tôi chỉ nói một câu: “Nếu có việc gì, tự tôi sẽ viết báo cáo lên Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng”. Nói xong, ông im lặng, không thêm một lời nào nữa. Cán sự Hoàng Văn Hoa bị nếm một quả đắng, ngượng ngùng bỏ về.

Vâng, mới chớp mắt một cái, mà đã đến Giang Tây được một tháng rồi, bận bịu với việc sắp xếp đời sống và lao động, bây giờ cũng nên viết cho Trung ương một lá thư rồi. Ngày 26/11/1969, cha tôi cầm bút viết thư cho Uông Đông Hưng.

Ông viết: “Ngày 22/10/1969, tôi rời Bắc Kinh, cùng ngày tới Nam Xương, ở lại sở chiêu đãi của quân khu bốn ngày, ngày 26 chuyển đến nơi ở mới, chỗ ở rất tốt. Sau khi chuyển nhà, sau mấy ngày sắp xếp đồ lề, mua một ít dụng cụ nấu nướng trong gia đình, ngày 9/11/1969, tôi và Trác Lâm bắt đầu tới xí nghiệp lao động. Hàng ngày, cứ 6 giờ rưỡi sáng, chúng tôi trở dậy, 7 giờ 35 phút bắt đầu đi làm, từ nhà tới xí nghiệp đi bộ mất 20 phút, lao động ở xí nghiệp chừng ba giờ rưỡi đồng hồ, 11 giờ từ xí nghiệp về nhà, sau bữa cơm trưa, ngủ trưa, sau khi trở dậy đọc Mao tuyển (mỗi ngày cố gắng đọc trên một giờ đồng hồ), và đọc báo, đến tối, nghe phát thanh, ngoài ra tôi còn tham gia một số công việc gia đình, thời gian cũng qua đi được rất nhanh. Chúng tôi tự nấu nướng lấy (chủ yếu là bà kế mẫu của tôi làm, tôi và Trác Lâm chỉ giúp những việc lặt vặt). Chúng tôi sống rất thoải mái”.

Cha tôi viết rất tỉ mỉ về đời sống sau khi tới Giang Tây. Trong thư ông viết sống rất thoải mái là viết rất thực lòng. Cuộc sống mới, lao động rèn luyện, tiếp xúc chan hòa với công nhân, lại chẳng có ai dè bỉu quát tháo mình, tóm lại có gì mà chẳng thoải mái. Ông viết tiếp: “Chúng tôi lao động trong một xí nghiệp chế tạo sửa chữa máy kéo của huyện Tân Kiện (huyện ngoại thành của thành phố Nam Xương, cách Nam Xương hơn 20 dặm). Xí nghiệp này, vốn chỉ là một trạm sửa chữa máy kéo của huyện, bây giờ mở rộng thành xí nghiệp vừa sửa chữa vừa chế tạo, xí nghiệp chỉ có hơn 80 người, ngoài lao động ra chúng tôi còn có hai lần tham gia hội nghị chỉnh đảng, và một lần tham gia vào hội nghị cổ vũ 40 ngày nước rút cuối năm. Các đồng chí công nhân viên chức trong xí nghiệp rất nhiệt tình với chúng tôi, rất chiếu cố nữa, công việc lãnh đạo của chúng tôi cũng không nặng nhọc lắm, chỉ có bệnh tim mạch của Trác lâm có phần nặng hơn trước, huyết áp tăng tới: 100 và 200, cũng mệt, nhưng vẫn cố gắng đi làm hàng

ngày”.

Sau khi đã viết hết mọi việc từ đời sống đến lao động, trong thư cha tôi tỏ ý quyết không phụ lại sự quan tâm của Chủ tịch và của đảng, quyết không làm bất cứ việc gì không có lợi cho đảng và cho tổ quốc xã hội chủ nghĩa, cố gắng giữ gìn khí tiết của tuổi vãn niên. Cuối cùng, ông viết: “Vì còn phải làm quen với mọi việc, cho nên phải tới một tháng linh bốn ngày, tôi mới viết lá thư thứ nhất này, tới đây, cứ qua một thời gian tôi lại viết báo cáo về ông một lần, xin trình thư này lên Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trung ương nếu thấy cần thiết”.

Tuy ở Giang Tây, nơi cách xa Bắc Kinh hàng nghìn dặm, cha tôi vẫn cứ như hồi còn ở Bắc Kinh, dùng hình thức thư từ để giữ vững liên lạc với Trung ương và lãnh đạo tuyến một. Cùng với việc viết lá thư này, cha tôi còn viết thêm một lá thư nữa. Trong thư ông viết: “Vì máy bay quá tải, nên chỉ mang theo được có nửa số đồ đạc, một số quần áo và sách vở vẫn chưa mang đi được, số sách vở hầu như đã đến đủ, còn số gửi theo đường xe lửa vẫn chưa nhận được. Nếu có thể, đề nghị các đồng chí có liên quan tra xét giúp mà tốt nhất là gửi tới đây. Còn như có quyết định giữ lại ở Bắc Kinh cũng xin thông báo cho chúng tôi trong thời gian thích hợp”.

Sau khi nhận được thư, Uông Đông Hưng đã chuyển cho Chu Ân Lai, Trần Bá Đạt và Khang Sinh đọc. Về việc hành lý còn chưa tới v.v… giao cho Vương Lương Ân Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương, giải quyết. Chỉ ít lâu sau đó, tất cả hành lý và sách vở đều đã được gửi tới Giang Tây.

Nhận được hành lý, cha tôi biết ngay rằng, thư của ông, Uông Đông Hưng đã nhận được. Chứng minh rằng kênh thông tin này vẫn còn thông suốt.

Được sự giúp đỡ của những người khác, cha mẹ tôi đã khuân được chiếc hòm nặng chình chịch lên trên gác. Bật đinh, mở nắp hòm, dỡ những tờ báo đậy trên ra, những cuốn sách cả mới lẫn cũ ngổn ngộn hiện ra trước mắt. Ôi những cuốn sách quý giá biết bao, đây là những cuốn sách được đưa từ Bắc Kinh nghìn dặm xa xôi tới. Có sách đọc, nội dung của cuộc sống, bất chợt tăng lên không ít sắc màu.

Sách trong gia đình chúng tôi, chẳng thiếu thứ gì. Về lịch sử Trung Quốc, có Nhị Thập Tứ Sử, Tư Trị Thông Giám v.v…, về văn học Trung Quốc có Hồng Lâu Mộng, Tam Quốc Diễn Nghĩa, *Thủy Hử*, Tây Du Ký, Tam Ngôn,[52] Nhị Phách,[53] Nho Nhị khắc phách án kinh kỳ, Lâm Ngoại Sử, Tây Sương Ký, Mẫu Đơn Đình, Đào Hoa Phiến và Thi Kinh, Đường Thi, Tống Từ, Nguyên Khúc,

cùng các tác phẩm của các nhà văn hiện đại như Lỗ Tấn, Ba Kim, Lão Xá v.v…, văn học nước ngoài có Tônstôi, Gôgôn, Sêkhốp, Đôtstôiepki, Bandắc, Huygô, Rômanh Rôlăng, Đuyma cha, Môlie, Bécna Sô, Tao, Hêminguây. Cũng còn rất nhiều sách truyện lịch sử, hồi ký, truyện ký, triết học, cùng nhiều thể loại khác của nước ngoài, đương nhiên là còn rất nhiều sách về chủ nghĩa Mác-Lênin.

Cái hòm sách vừa to vừa nặng đó thật đúng là bảo bối của chúng tôi. Trong những năm tháng cô đơn, lạnh lẽo, chỉ có dựa vào sách vở mới giải thoát được nỗi cô tịch ấy, có thể làm giàu thêm cho cuộc sống, có thể bồi đắp tri thức, có thể nung luyện tiết tháo, có thể làm an tịnh tâm linh. Cha mẹ tôi đều ham mê đọc sách, vào những buổi chiều nhàn rỗi, trong những đêm vạn vật đều chìm trong tĩnh lặng, sách đã bầu bạn với cha mẹ tôi để cùng sống qua những năm tháng nhọc nhằn.

Về nhà rồi đây!

Trên cao nguyên hoàng thổ ở Thiểm Bắc, núi tiếp núi, những ngọn núi cũng díu lại thành khối, đó là cao nguyên thượng. Cao nguyên thượng là bình nguyên trên đỉnh núi. Cao nguyên thượng vừa lớn vừa phẳng, lớn tới mức đi bộ hai ngày cũng chưa tới mép, còn phẳng tới mức không có một gò đống nào hết. Cao nguyên thượng rặt một loại đất màu vàng (hoàng thổ). Cao nguyên thượng bạc màu, cằn cỗi. Trên đó không có đá, không có nước, làm nhà chỉ có mỗi một cách đầm chặt. Muốn có nước ăn phải đào giếng sâu hơn 20 trượng (1 trượng = 3,3m). Trên cao nguyên thượng khó trồng được cây, khó trồng được cỏ, chỉ có chỗ nào có người ở, có thôn xóm mới có cây cối, mới có chút màu xanh. Tôi cắm chốt ở huyện Phú, đó chính là cao nguyên hoàng thổ thượng của cao nguyên hoàng thổ.

Vào tháng 10/1969, trên cao nguyên hoàng thổ thượng mênh mông vô bờ, trời cao vút, mây trắng toát. Mùa thu đã sang, trời trở lạnh, lúa má cũng đã thu hoạch xong, nhà nào nhà nấy vui tươi hớn hở. Trong thôn bản, những con lừa kéo trục lăn, đi vòng, đi vòng, xiết trên những hạt thóc vàng ươm. Thu hoạch kiều mạch, lấy thừng bện bằng cỏ, bó lại thành từng bó, bó lúa cũng chẳng nặng nề gì, một đứa trẻ cũng cõng được bó lúa to trên lưng. Huyện tên là Phú nhưng lại chẳng giàu, Thiểm Bắc nghèo lắm. Bình thường (bữa ăn tối) “húp cháo”, bát cháo loãng thếch, chẳng nhìn thấy hạt gạo nào, miếng bánh kê trộn cám cứng ngắc vừa rắn vừa đen. Khi thu hoạch cũng có nghĩa là được ăn uống khá hơn, có thể được ăn bánh bột ngô tươi mới, cũng có thể được ăn chút ít bánh bột mì trắng nhưng lại chẳng trắng chút nào, cũng còn có thể được ăn một ít bột kiều mạch tươi trộn với bột vỏ cây du, vắt thành sợi mì, rưới lên trên một ít tương ớt, bưng một bát thật to, nóng hôi hổi, thơm lừng… Tấm lòng của các bác nông dân Thiểm Bắc thật tốt, thấy tôi là cô gái Bắc Kinh đơn độc về nông thôn, trong lòng rất lấy làm “thê thảm”: nên các bà các chị ở các nhà đều gọi tôi ăn cơm, húp cháo. Họ tiếp thêm củi, kéo bễ nhanh hơn, rồi cho lửa rực cháy, khiến cho ngọn lửa trong lò vươn lên thật cao. Bánh bột ngô ngòn ngọt, bát mì sợi vừa nóng vừa cay. Các bà các chị người bưng người sẻ cho tôi, rồi lại luôn miệng giục: “Ăn nhiều và ăn thật thật nhiều nào”.

Nhìn những chàng trai kéo trục lăn trên sân phơi, nhìn những chị phụ nữ kéo đẩy những chiếc cối xay bột, nhìn đám con trẻ tung tăng chạy nhảy khắp nơi, tất

cả mọi người đều hồ hởi sung sướng, trong lòng tôi cũng rất vui mừng, không phải chỉ mừng vì niềm vui gặt hái, mà mừng nhất là khi tôi nhận được thư của mẹ tôi từ Giang Tây gửi lên.

Trời đất ơi, thư của mẹ tôi! Tôi cất thư trong túi, tôi nắm thư trong tay, tôi đọc hết lần này đến lần khác. Ban ngày đọc dưới ánh mặt trời, ban đêm đọc bên ngọn đèn dầu, thậm chí chạy ra ngoài nhà, chạy ra bãi rộng, đọc thư dưới ánh trăng trong vắng vặc. Điều làm tôi sung sướng nhất, điều mẹ tôi nói trong thư, là cho phép cha mẹ tôi được gặp mặt các con, như vậy cũng có nghĩa là cho phép bọn tôi đi Giang Tây thăm viếng người thân. Tôi sung sướng quá, sung sướng đến không tài nào ngủ được. Tôi muốn về nhà, về nhà để đi thăm cha mẹ tôi đã mấy năm nay không được gặp mặt, muốn về nhà để được gặp mặt người bà già nua đã nuôi tôi khôn lớn. Nhưng ở đây, tôi là một đứa con "có thể giáo dục được" đang bị quản chế là con gái của tên "đầu sỏ số hai đi theo đường lối tư bản", không có sự phê chuẩn của đội sản xuất và công xã, tôi không thể được tách ra khỏi đội ngũ. Đi ra khỏi công xã năm dặm đường là đã phải xin phép công xã, huống hồ là xin phép về nhà để thăm cha mẹ là người "đi theo tư bản". Tôi đưa lá thư của mẹ tôi ra để xin phép đại đội về nhà, đại đội trả lời là họ không có quyền quyết định, mà phải xin phép công xã. Đến công xã họ lại bảo phải xin phép huyện, đến huyện họ lại bảo phải thỉnh thị địa khu Diên An. Cuối cùng cũng có tin của địa khu Diên An trả lời, bảo rằng cần phải hỏi Giang Tây, cần phải có được sự chứng thực của Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây. Đi thăm người nhà mà cũng đòi chứng thực! Chạy vạy hết hơi mà kết quả là vậy. Tôi vừa tức vừa cáu, vội vàng viết thư cho mẹ tôi, để nhanh chóng tìm cách lấy được chứng thực của Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây đồng ý cho đi thăm người thân. Mẹ tôi nhận được thư liền nhờ cán sự Hoàng Văn Hoa báo cáo với Ủy ban Cách mạng Giang Tây đề nghị họ cho thị thực. Ủy ban Cách mạng tỉnh trả lời rằng họ không có quyền quyết định, mà phải báo cáo xin thỉnh thị của Văn phòng Trung ương Đảng. Mẹ tôi chờ đợi mà trong lòng như có lửa đốt, nhưng không ngờ đợi được kết quả lại là, con cái có thể đến thăm cha mẹ, nhưng Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây lại không cho chứng thực được. Nghe trả lời như vậy, mẹ tôi không sao nén nổi nữa, đôi hàng nước mắt rơi xuống như mưa. Để được gặp con, để con cái có thể trở lại bên mình, cha tôi lại phải thêm một lần đề nghị, thêm một lần liên hệ. Cuối cùng cũng có được kết quả, Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây cũng đưa ra được ý kiến tương đương với những lời chứng thực. Có nghĩa là, con cái có thể đến thăm cha mẹ.

Ở Thiểm Bắc, tôi ngày ngóng, đêm mong, mong ngóng đến hơn một tháng

giời, tôi mới được thông báo là có thể về nhà. Được tin tôi sung sướng cười đến rách miệng, liền thu xếp đồ đạc với tốc độ nhanh nhất để đeo ba lô lên vai là bước. Những người nông dân hàng ngày cùng lao động với tôi, cùng sinh sống với tôi, nghe tin tôi được về nhà thăm bố mẹ, họ cũng mừng ơi là mừng. Với những bà con ấy, họ chẳng nề hà, so sánh những gì là "đi theo tư bản", những gì là "băng đen", các bà các chị thức thâu đêm bắc chảo, đặt lồng hấp, thêm củi, nổi lửa, đổ lúa mì mới gặt xay ra thành bột, thâu đêm làm mì, nhào nặn, rán cho tôi những chiếc bánh vừa mỏng vừa to, xếp chồng lên nhau thành một chồng vuông vức, rồi lại lấy loại vải thô tự dệt gói những chiếc bánh ngô vừa làm xong, mềm dẻo, tươi tắn và khô nguyên, rồi đem nhét tất tật vào ba lô của tôi. Hôm tôi lên đường, các bà các chị, các bạn gái vốn cùng ở trong đại đội sản xuất lao động với tôi hàng ngày, tiễn tôi ra tới đầu bản. Họ lấy khăn đội đầu che đi những lòng mắt đỏ hoe, dặn đi dặn lại, phải cẩn thận trên đường.

Tôi đeo chiếc ba lô nặng chịch men theo những triền khe của cao nguyên thượng trên cao nguyên hoàng thổ, đi một mạch 30 dặm đường. Tới huyện lị sau một đêm chờ đợi, sớm hôm sau tôi lên ô-tô đường dài, tôi ngồi liền chín tiếng đồng hồ trong bụi bặm, mới tới được Đồng Xuyên. Từ Đồng Xuyên lên xe lửa về Diên An chờ lại đó một đêm, đi tiếp xe lửa về Trịnh Châu, Hà Nam. Từ Trịnh Châu đổi xe lửa về Chu Châu, Hồ Nam, đợi tiếp một đêm nữa mới có xe lửa về Hướng Đường, Giang Tây, ở đây chuyển sang xe lửa đường hẹp, ngồi tiếp hai tiếng nữa mới về Nam Xương, Giang Tây. Từ nơi trên bản cắm chốt về được đến Nam Xương, tôi mất trọn vẹn bảy ngày bảy đêm. Được về nhà, lòng dạ bồi hồi, bước chân gấp gáp, bảy ngày bảy đêm đó trôi đi, nhanh chậm thế nào tôi cũng chẳng thiết nghĩ đến nữa.

Đến Nam Xương, đâu đã phải là về đến nhà. Nhà đâu? Vất vả lắm tôi mới tìm được đến Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây, cuối cùng cũng có một người bảo tôi rằng, sẽ đưa tôi đi. Đầu tiên chúng tôi ngồi xe buýt trong thành phố, ra ngoại thành mới lên xe ô-tô đường dài, vượt qua cầu Bát Nhất, chạy mải chạy mê mới tới được trạm vọng Thành Cương, xuống xe. Sắp đến nhà rồi, tôi rảo bước thật nhanh bước vào trường bộ binh, đi vòng qua ngôi nhà tầng lớn vốn là văn phòng của nhà trường. Leo lên ngọn đồi thấp đầy sỏi son, căn gác nhỏ màu xám đã hiện ra ngay trước mắt tôi. Vừa đẩy cánh cửa gỗ màu xám, chân còn chưa bước vào nhà, tôi đã gọi toáng lên: "Mẹ, mẹ ơi! Cha, cha ơi!"

Tôi quẳng chiếc ba lô phủ đầy bụi bặm dọc đường xuống sân, co cẳng lao vào trong nhà, chồm lên thang gác, xộc vào trong phòng, tôi đã nhìn thấy ngay cha tôi, mẹ tôi. Cha mẹ tôi đều ngồi trên ghế. Cha tôi đang đọc sách, trên đùi có phủ

một tấm chăn nhỏ, còn mẹ tôi đang ngồi khâu. Tôi lao đến, ôm lấy cha mẹ tôi, mỗi tay một người. Đến lúc ấy, cha mẹ tôi mới giật mình nhìn lại, và chẳng kể là mặt mũi tôi bẩn hay sạch, hai ông bà hôn lấy hôn để vào hai bên má tôi. Những giọt lệ ứa ra lăn dài trên mặt tôi, lăn cả trên mặt mẹ, những dòng nước mắt cùng quyện lại làm một. Mẹ thấy tôi béo ra, đen đi, nhớn nhao đã hoàn toàn khác xưa, phổng phao hẳn lên. Bà tôi bảo làm sao lại mặc chiếc áo bông rách đến lòi cả bông ra ngoài thế kia, thôi thôi, đi đun nước mau cho tôi tắm giặt. Cha tôi mặc một chiếc áo bông cũ màu ghi kiểu cổ, trên đầu đội một chiếc mũ nồi tròn màu xanh thoạt nhìn là biết ngay do bà tôi khâu, ông nhìn bà tôi, mẹ tôi đang xét nét tôi, nhìn dáng dấp vừa đen đúa, vừa bẩn thỉu, vừa nũng nịu, vừa bướng bỉnh của tôi, chẳng nói câu nào, chỉ cười, ông cười thật thoải mái, thật sảng khoái.

Khi đó là vào thượng tuần tháng 12/1969. Ở phương Bắc, trên cao nguyên hoàng thổ Thiểm Bắc đã là chớm đông, tuy chưa có tuyết rơi, nhưng gió bấc đã rít rồi. Ở Giang Tây phương nam này, ở Nam Xương này, ở trường bộ binh này, ngược lại, trời vẫn ấm áp, lá ngô đồng vẫn xanh ngăn ngắt. Nơi căn gác nhỏ, những cây nhựa ruồi xung quanh, những cây quế phía trước, rồi đến cái nhà kho chứa củi ở phía sau nữa, tất cả đều mang lại cho người ta cảm giác thân thương, yêu mến.

Đã về đến nhà rồi, đây là nhà của tôi. Cha tôi, mẹ tôi ở đây, vậy đây chính là nhà của tôi. Mẹ tôi, bà tôi dắt tôi đi hết một vòng quanh nhà. Cái gì cũng làm cho con người ta cảm thấy mới lạ, những làn ánh sáng lọt qua khe vách gỗ của kho chứa củi, những thanh củi vừa mới chẻ vẫn còn đang tỏa hương thơm, khi bà tôi tiếp thêm củi vào bếp, củi vẫn còn phát ra những tiếng nổ lách tách, ngọn lửa trong bếp nhảy múa chập chờn trước mắt, ôi, lại còn cả con gà mái nuôi béo mầm kia nữa, nó vừa mổ những hạt sạn nhỏ vừa kêu cúc cúc trên vạt đất nhỏ sau bếp.

Cha tôi ra sức bỏ thêm than vào chiếc lò nhỏ, cố sao cho nước tắm trên bếp chóng sôi. Bà tôi đổ thêm thật nhiều dầu mỡ vào chảo, chiếc môi sắt va vào thành chảo vang lên những tiếng lanh canh, và bà làm không biết bao nhiêu món thức ăn. Mẹ tôi lôi tất cả quần áo tôi mang theo về, giặt tuốt, rồi lại trút hết vào nước nóng vừa nấu vừa ninh, vì sợ tôi mang theo chấy rận về nhà. Ôi chao, chiếc áo len màu xanh lục đẹp, mà chị cả vừa đan xong, từ nơi xa xôi nghìn dặm gửi bưu điện đến cho tôi, coi như hỏng bét, nó không những bị thôi màu, trở thành nhuôm nhuôm, mà còn rúm ró lại, vừa ngắn, vừa chật, thật là đau xót.

Tắm táp xong, đánh bộ quần áo của mẹ vào, tôi thật đúng như người lột xác.

Còn được ăn bữa cơm bà nấu, mới ngon lành làm sao!

Cha tôi, mẹ tôi, bà và tôi, ngồi quanh chiếc bàn vuông, mỗi người một mép bàn, nhưng tất cả chẳng ai đụng đũa, chỉ ngồi nhìn một mình tôi ăn. Tôi đã về nhà rồi đây, sau cả một buổi chiều nhốn nháo, nhộn nhạo, ồn ào. Cho đến tận sau bữa cơm tối mới có thể gọi là tạm lắng lại. Tất cả gia đình tôi ngồi cả lại ở phòng ngoài, tôi ngồi sát vào với mẹ tôi, mọi người hỏi, tôi trả lời, tôi hỏi, mọi người trả lời. Tất cả những chuyện trong xa vắng, đều muốn tuôn ra một mạch cho hết những vấn đề trong bao năm cách trở cũng chỉ muốn hỏi một lượt cho xong. Mọi người hỏi tôi về đời sống ở Thiểm Bắc sau khi rời Bắc Kinh, được biết rằng, bà con nơi quê xa ấy đối xử rất tốt với tôi khiến ai cũng thấy mủi lòng. Nghe nói tôi tự học được môn châm cứu, nửa đêm cũng đi châm, chữa bệnh cho người ta, mẹ tôi cứ cuống quít cả lên, luôn luôn nhắc tôi phải hết sức chú ý tới an toàn. Bà nghe tôi khoe đã học được nghệ thuật cao trong việc cán mì, chỉ lắc đầu chả tin. Tôi nói cho mọi người biết rằng, trong những học sinh cắm chốt ở đó, chỉ có mỗi mình tôi là người Bắc Kinh, đội sản xuất ở Thiểm Bắc của chúng tôi có thể gọi là giàu có, những vụ được mùa, mỗi công (người khỏe, làm lao động trong một ngày), có thể được hào hai, hào ba. Cha tôi ngồi nghe, mày cau lại.

Mẹ cho tôi biết, Đặng Lâm, Đặng Nam không xin được phép nên không về nhà được. Phi Phi có thể về nhà được, đã đề nghị với Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây giúp đỡ liên hệ với phía Sơn Tây rồi, nhưng chưa thấy Phi Phi viết thư về, nên chưa biết khi nào mới về được tới nhà. Phác Phương vẫn còn nằm trong bệnh viện 301, không biết bệnh tình có đỡ được chút nào không. Còn như cha mẹ tôi, kể từ khi đến Giang Tây tới nay, mọi thứ đều ổn thỏa, chỉ có điều là lo lắng cho các con. Bà mách tôi, bà bảo cha mẹ tôi chắt bóp quá, không cho mua thịt và cũng không chịu ăn thịt, dè sẻn dành cho con cái, phòng khi vạn nhất. Cũng may là nuôi được mấy con gà mái, lấy trứng, mỗi ngày được ăn một quả trứng gà, nếu không, ngày ngày đi lao động ở xí nghiệp mà công việc nhà cũng chẳng nhẹ nhàng gì, nhỡ ra ốm đau biết tính sao? Cha tôi cười, nói, tính sao cái nỗi gì? So với những ngày ở Bắc Kinh, từ ngày đến Giang Tây tới giờ, người lại đâm béo ra.

Dưới ánh sáng đèn dịu dàng, chúng tôi chuyện trò, trò chuyện, thao thao mãi chẳng hết lời. Đêm đã khuya lắm rồi, giọng nói cũng đã thấp xuống, nhưng chuyện vẫn cứ nói mãi chẳng hết. Tôi ngồi bên cạnh mẹ tôi, xoa xoa tấm áo bông dày dặn do bà tôi khâu sau khi tới Giang Tây, thật mềm mại, thật ấm áp. Nghe cha mẹ tôi nói mà như nghe hát, mà như trong mộng, niềm hưng phấn ban đầu đã trở nên hết sức dịu dàng đầm ấm. Những ngày ở cao nguyên hoàng thổ

Thiểm Bắc, bảy ngày bảy đêm xe lửa xe hơi, tất cả đều đã trở thành ký ức xa xăm, bay biến vào chân trời.

Đêm đến, tôi nằm rúc vào với bà trên một chiếc giường, đắp chiếc chăn vừa phơi phóng, chừng như vẫn còn đượm ánh nắng mặt trời, bên ngoài cửa sổ, không gió, không mưa, không tiếng động…, lặng lẽ, chỉ một lát sau, tôi đã chìm vào trong giấc mộng rồi!

Phi Phi về đây rồi

Cả nhà tôi vui vẻ hân hoan ăn bữa cơm đêm giao thừa, tuy chẳng có pháo mừng và cũng chẳng có sự rầm rộ tết nhất, chúng tôi yên ổn, lặng lẽ tống tiễn năm 1969, và cũng yên ổn lặng lẽ đón mừng năm 1970 tới.

Bước vào ngày "tam cửu" (những ngày rét nhất trong mùa đông - N.D) mùa lạnh đã thực sự đến với phương nam. Ngày đông ở phương nam rét thực sự là rét. Cái lạnh ở đây không phải là cái lạnh rất dễ chịu ở phương bắc với tuyết bay đầy trời, với gió bấc gầm rú, với những giọt nước đọng lại thành băng, mà là cái rét ẩm ướt, rét cắt da cắt thịt, cái rét trong nhà ngoài nhà đều như nhau, rét ngăn ngắt không chịu nổi. Trong nhà luôn luôn phải đốt lò, dù đó là cái lò bé tí tẹo. Ở phương nam, trong phòng ngoài sân rét như nhau, nếu như có mặt trời, trong nhà còn rét hơn ở ngoài nhà. Chúng tôi chưa bao giờ phải đắp những chiếc chăn bông dày đến thế, chưa hề bao giờ phải mặc những chiếc quần bông, áo bông và đi giầy bông dày đến thế. Kết quả là cả chân lẫn tay đều bị cước mẩn cục lên.

Buổi sáng trở dậy, qua làn ánh sáng mặt trời hắt qua cửa sổ có thể trông thấy từ miệng mình nhả ra những làn hơi nước trắng xóa. Muốn uống một ngụm nước ư, nước sôi để nguội trong cốc cũng đã đóng thành một lớp băng. Ban ngày chỉ mong có ánh mặt trời le lói, là lập tức chạy thẳng ra sân phơi nắng. Buổi tối mọi người ngồi túm tụm bên nhau, đốt một chậu than nhỏ, để hưởng lấy một chút hơi ấm nhỏ nhoi, duy nhất này. Ngày đông ở phương nam thật khó mà chịu đựng nổi.

Những người ở phương bắc lâu ngày, thực tế là khó có thể thích ứng được với cái giá rét ở phương nam. Chúng tôi chẳng có giải pháp nào, ngoài việc mặc chồng chập quần áo vào. Chỉ có mỗi một mình cha tôi là khác chúng tôi. Ông có biện pháp chống rét của ông, tức là "lấy lạnh trị lạnh", ngày nào cũng như ngày nào, đều tắm bằng nước lạnh. Thực ra ngay từ khi còn trẻ và trong những năm chiến tranh, ông đều giữ vững thói quen tắm nước lạnh của mình. Vào thời trai trẻ, ông thường xách cả thùng nước lạnh, giội ào một cái từ đầu xuống chân. Bây giờ đã ngót 70 tuổi rồi, không thể giội nước ào ào như thế nữa, mà ông thường dùng khăn bông thấm nước lạnh, kỳ cọ người. Kỳ cọ thật mạnh, kỳ cọ đến đỏ da đỏ thịt lên. Sau khi kỳ cọ, không những đã làm cho người ấm nóng lên, mà còn rất sảng khoái về tinh thần. Ông nói: "Tôi tắm nước lạnh mùa đông nên không sợ rét nữa, như vậy, có thể nâng cao được sức đề kháng của cơ thể, lại có thể đề

phòng được cảm mạo, không sinh bệnh". Ông còn khuyên tất cả chúng tôi cứ thử mà xem. Cha tôi tắm nước lạnh, chúng tôi không phản đối, nhưng bảo chúng tôi tắm, chúng tôi chẳng có gan. Phải nói rằng, ngay buổi tối, phải cởi quần áo, chui vào trong chăn đệm lạnh cũng đòi hỏi ít nhiều can đảm, chứ đừng nói gì đến chuyện tắm nước lạnh, chúng tôi nhất trí ca ngợi cha tôi là can đảm đáng nể, nhưng tuyệt đối chẳng ai dám làm theo đề xướng của ông.

Đúng vào ngày 1/1/1970, Phi Phi về nhà. Người của Ủy ban Cách mạng đưa cậu ta từ Nam Xương về trường bộ binh, lại làm cho tất cả mọi người thêm một lần vui mừng kinh ngạc nữa. Hơn hai năm trước, khi chúng tôi bị tống cổ ra khỏi Trung Nam Hải, Phi Phi mới chỉ có 16 tuổi, người gầy còm, cũng lại chẳng cao, nhưng nay khi xuất hiện trước mặt cha mẹ tôi, cậu em đã là một chàng trai cao lớn, đường hoàng.

Nhưng cái "chàng nam tử" này, đã làm cho chẳng ai còn dám tin vào mắt mình nữa, mặt mày đen nhẻm đen nhèm, cổ mặt đầy ngấn đất bụi. Trên người mặc một chiếc áo bông bộ đội cũ kỹ, vừa rách vừa bẩn, rách teng beng tơi tả, lại còn có thêm một sợi thừng rơm thắt ngang lưng. Dưới chân, đi một đôi giày nát, bê bết bùn đất bụi bặm, mặt giày, đế giày như đang đòi chia gia tài, đeo lên vai vắt ngang lưng là chiếc túi dết nhỏ cũng của bộ đội, lép kẹp, bùng nhùng, nhàu nát, rỗng tuếch, lại còn có thêm cả mấy lỗ thủng nữa. Mẹ tôi nhìn con, mừng đến rơi nước mắt, nhưng bên cạnh sự mừng rỡ, sung sướng đó, bà đã lạnh lùng, kiên quyết, bắt anh chàng trút bỏ sạch sẽ mọi quần áo bẩn thỉu, rồi mới cho cậu bước vào nhà, ngồi xuống. Bà tôi bảo mang những quả táo vẫn để dành ra. Tôi hỏi Phi Phi:

- Ăn đợt một mấy quả đây?

Phi Phi đáp:

- Cứ tạm thời năm quả.

Tôi lần lượt đưa cho thằng em từng quả táo một, cậu ta cũng lần lượt xơi từng quả, cuối cùng đâm ra, cậu ta đã làm một mạch hết 12 quả táo.

Chúng tôi vây lấy Phi Phi, nhao nhao hỏi:

- Tại sao chẳng có tin tức gì gửi về? Tại sao lại để sang tháng giêng mới về?

Thì ra là: tất cả mọi người đều đi "bắt rễ xâu chuỗi" cả, còn mấy cậu không kịp đi, nên ngồi tính toán rằng mình chẳng được đi đến đâu cả, bây giờ nhân lúc nông nhàn chi bằng đi du lịch một chuyến. Thế là ba cậu bạn học với nhau đi ra

khỏi huyện Hân, nơi các cậu cắm chốt, tút đến Ngũ Đài Sơn, Hoa Sơn, Thái Sơn. Mỗi cậu ngang lưng chỉ đeo có một chiếc túi dết, đi quanh với nhau một vòng thật rộng. Mẹ tôi hỏi:

- Vậy các anh lấy tiền đâu ra?

Phi Phi trả lời tỉnh khô:

- Ối giời! Cần gì tiền! Khi đi ra khỏi làng, trong túi cũng có tý liền, nhưng bọn con đã giấu hết đi. Con bọc tờ giấy mười đồng vào giấy ni lông, sau đó đem nhét vào ruột một chiếc bánh ngô thật to. Đây mẹ xem, nó vẫn nằm nguyên trong này.

Chúng tôi bẻ chiếc bánh ngô rắn như đá ra làm đôi, đúng là có tờ giấy mười đồng gấp thật kỹ nằm ở trong đó thật.

- Những đứa học sinh nghèo không có tiền, chẳng ai mua vé hết. Với lại bên ngoài bây giờ, loạn xì ngầu ra ấy mà, trà trộn lên tàu lên xe cũng dễ. Từ ga, chúng con chuồn lên xe lửa, thấy nhân viên kiểm tra thì trốn, nếu trốn không được, chỉ nói là không có tiền, không tin, cứ khám, khám cũng chẳng ra được đồng nào. Có cậu bạn học con giấu tiền dưới đế giày, khám trên người, chẳng thấy tiền, liền khám giày, làm cậu ta sợ hết hồn. Người ta lột giày của cậu ấy ra, thấy vừa bẩn vừa thối, liền quẳng bỏ, thế là cũng chẳng khám ra. Không mua vé, đuổi xuống tàu thì xuống, đuổi khỏi chuyến này, chúng con đợi chuyến sau, lại trốn lên. Thế rồi cứ từng ga, từng ga, đi chơi một vòng cực rộng, hồi đi "bắt rễ xâu chuỗi", bọn con còn bé quá, không đi được, chuyến này ấy à, đi chơi khắp các danh lam thắng cảnh, thỏa trí tang bồng. Cuối cùng, mấy đứa chia tay nhau, về nhà, con về Giang Tây, nhưng vừa đến Cửu Giang của tỉnh Giang Tây này, thì gay go quá. Ở Giang Tây chỗ nào cũng có những đội công nhân kiểm tra, mà cái trật tự ở tỉnh này còn lắm trò hơn các tỉnh khác, thế là họ túm lấy con đem về giam nghiến lại, bảo rằng những đứa trốn vé tàu như con là phải lao động, bao giờ dành đủ tiền vé mới cho đi, kết quả là con phải làm việc ở nơi giam giữ một tuần lễ liền. May mà nơi đó cũng chẳng còn cách nhà là bao xa nữa, chỉ phải bỏ ra mấy đồng bạc là về đến Nam Xương. Ở Nam Xương, con mệt thực sự, nằm dài ra trên một chiếc ghế ở vườn hoa, thế là ngủ liền. Ở nơi khác thì không sao, nhưng ở đây, lại bị đội công nhân kiểm tra bắt giữ. Con nói rằng, còn phải đến tìm người ở Ủy ban Cách mạng tỉnh, họ nhìn cái bộ dạng con, chẳng có một ai tin cả, cuối cùng họ hỏi Ủy ban Cách mạng, lại là chuyện thật, khi ấy họ mới thả con ra.

Phi Phi vừa ăn táo, vừa trợn mắt trợn mũi nói, với vẻ vô cùng đắc ý.

Tôi ngồi bên cạnh, thêm dấm thêm ớt, với vẻ đầy thán phục nói:

- Chị là con gái, đi đường trường như thế, chị chẳng dám làm như vậy đâu. Dù chỉ có vài đồng bạc còm, cũng cứ là thực thà thành khẩn dốc tuồn tuột ra mà mua vé, tiêu sạch, thật chẳng đáng giá gì.

Tiếp đó, tôi và Phi Phi lại thi nhau nói, nào là các địa phương xảy ra võ đấu, nào là địa phương nào, các phái tạo phản dùng đến cả súng, cả xe bọc thép tấn công nhau, nào là ở địa phương nào, những học sinh đi xuống nông thôn chẳng có gì ăn, đói quá phải đi cướp bánh cướp mì của bà con nông dân. Tất cả những chuyện đó, đối với lũ học sinh "lang thang giang hồ" đi xuống nông thôn như chúng tôi, thực tình chẳng có gì là lạ, mà như cơm bữa. Chúng tôi hăng hái sôi nổi nói, lại đầy vẻ tự hào, mà không ngờ rằng bà tôi, mẹ tôi ngồi bên cứ tròn xoe mắt lên mà nghe. Cần biết rằng, kể từ khi có Cách mạng Văn hóa tới nay, bà tôi, mẹ tôi hoàn toàn bị giam lỏng, tuy cũng có biết rằng, bên ngoài có "tạo phản", có bùng nổ "cách mạng", có biết các phái tạo phản đánh đấm lẫn nhau, còn xã hội hỗn loạn đến toàn diện như thế nào, lại chưa từng được tận mắt chứng kiến, và cũng chẳng được nghe ai nói. Trong lòng bà và mẹ tôi vẫn là những ấn tượng và quan niệm thời tiền Cách mạng Văn hóa, những chuyện loạn xị bát nháo như thế, những chuyện không pháp luật, không giời đất như thế, còn cách rất xa, xa lắm lắm với trình độ nhận thức của hai người. Cha tôi vẫn một mạch im lặng, chẳng nói năng gì. Đợi chúng tôi nói xong, nói hết, cuối cùng ông hít một hơi dài, nói một câu vô cùng thẳng thắn và vô cùng nghiêm túc:

- Các con phải nhớ rằng những điều các con nói, toàn là những điều vô cùng xấu xa!

Nghe lời cha tôi trách móc, cái sự thao thao, bồng bột vừa rồi của tôi và Phi Phi, trong phút chốc đã tan biến thành mây thành khói. Hai chị em chúng tôi nhìn nhau, thè lưỡi một cái, rồi rụt lại ngay lập tức. Cũng lại cần biết rằng, cha mẹ tôi luôn luôn bị hãm vào cảnh tù túng, giam cầm, sau khi tới Giang Tây, đến xí nghiệp, mới là nơi duy nhất, được gọi là tiếp xúc với thế giới bên ngoài, song cũng chẳng được thoải mái, tùy tiện chuyện trò. Kể từ khi tôi về nhà, để ông bà được vui, nên tôi cũng chỉ nói toàn chuyện làm ông bà yên lòng. Còn những chuyện phiền não, đau thương trong vòng mấy năm ấy, có thể gây cho ông bà những sầu muộn, thương cảm như những chuyện chúng tôi phải chịu đựng như bị phê phán, bị chửi bới, bị làm nhục, thậm chí bị đói khát, tôi không nỡ hé răng nói với cha mẹ một lời.

Cách mạng Văn hóa cũng đã hơn hai năm rồi, cha tôi cũng đã bị phê phán, đã bị hạ bệ, đã trở thành "kẻ cầm quyền lớn số hai trong đảng đi theo đường lối tư bản" với "tội ác tày trời". Nhưng là một người lão thành cách mạng, suốt đời phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nên niềm tin của ông vẫn là thần thánh, tấm lòng ông trước sau vẫn sáng chói, trung nhân. Với niềm tin và lương tâm của mình, ông tuyệt đối không thể, tuyệt đối không có khả năng tưởng tượng được ra một đất nước Trung Quốc đã bị trận cuồng phong của Cách mạng Văn hóa tràn qua, nay lại sớm đã bị những cơn hỗn loạn điên rồ, tội ác, không pháp luật, không trời đất cùng phá phách, giày xéo cho tơi tả.

Tôi và Phi Phi không còn ồn ào chỉ vì sự hứng khởi, bồng bột của mình nữa, mà chúng tôi đã kể lại từ đầu, những chân tướng, những sự thật điên rồ nhất, những tội ác nghiêm trọng nhất, những thảm cảnh khốc liệt nhất cho cha mẹ tôi nghe.

Chúng tôi nói cho ông bà biết, ngoài những người mà ông bà quen thuộc, thì tuyệt đại bộ phận những cán bộ lãnh đạo ở Trung ương và trong toàn quốc đều đã bị đánh đổ, cách chức, có người bị đấu tố có người bị khám nhà, có người bị quần chúng áp dụng "chuyên chính", có người bị giam trong những "chuồng gia súc", có người bị đưa về các trường cải tạo cán bộ, có người thậm chí còn bị bức hại tới chết. Trong số những người chúng tôi quen biết, như vợ chồng Ngô Hàm; cô Hồ Minh, phu nhân của Bạc Nhất Ba; cô Tiểu Lý, phu nhân của Lý Cảnh Tuyền;[54] cô Lưu Tố Phi, phu nhân của Lưu Lan Đào; anh Doãn Bân, con trai lớn của Lưu Thiếu Kỳ… đều bị hành hạ đến chết. Trong đám con cái các nhà, như Phó Lượng, con nhà Bành Chân; Sở Mai và Hướng Chân, con nhà Diệp Kiếm Anh; Bằng Phi, con nhà Hạ Long; Mãnh Mãnh, con nhà La Thụy Khanh… đều đã bị bắt và bị bỏ tù. Rất nhiều gia đình bị vong gia bại sản, vợ con tan tác. Những phái tạo phản được đẻ ra trong Cách mạng Văn hóa, lại chia ra thành rất nhiều phái này, phái nọ, hành động theo phái tính của mình, đến mức độ đánh lộn lẫn nhau. Dẫn tới những cuộc chiến đại quy mô, đánh nhau tới mức độ buộc quân đội phải tham gia, đánh nhau bằng gươm thật, súng thật và pháo thật. Giang Thanh nói "tấn công bằng văn, bảo vệ bằng võ" là hoàn toàn chính xác, khiến cho những cuộc võ đấu càng ngày càng nâng cấp, cuối cùng Mao Chủ tịch không thể không xuất tướng để ngăn cản lại, lại còn phải cử đến các trường học những đội tuyên huấn quân đội, tuyên huấn công nhân - đúng y như những tổ công tác hồi đầu Cách mạng Văn hóa - công an, viện kiểm sát, tòa án trên toàn quốc đều bị đập nát, không biết có bao nhiêu nhà máy xí nghiệp phải đóng cửa,

ngừng sản xuất, ở rất nhiều địa phương ngay cả nông dân cũng bỏ đồng ruộng đi làm "cách mạng". Cần nói rằng sự tai hại trong ba năm khốn khó vì hạn hán thiên tai cũng chẳng thấm tháp vào đâu so với những tổn hại này. Ở huyện nghèo của Thiểm Bắc nơi chúng tôi cắm chốt, công lao động một ngày của một lực điền chỉ có tám, chín xu. Hai chục năm giải phóng rồi, mà người vẫn chưa có nhà xí, lợn vẫn chẳng có chuồng, cả một vùng An Tắc, Mễ Chỉ, cả gia đình chỉ có một chiếc quần bông, một chiếc chăn bông. Bình thường ăn cám, nhai rau là chẳng tính thành chuyện gì, khi xuân tới là hết lương thực, mỗi năm nhà nước phải phát hai lần lương thực cứu tế và một lần tiền cứu trợ. Bây giờ đang lúc "thiên hạ đại loạn", chẳng còn ai thiết gì đến việc sản xuất, không có người chết đói đã là chuyện quá may rồi.

Chúng tôi cứ từ từ nói, cha tôi cũng từ từ nghe. Tất cả mọi chuyện được nảy sinh trong thời Cách mạng Văn hóa cũng dần dần ngày càng rõ nét, đầy đủ hiện ra trước mắt cha mẹ tôi. Ông bà đã nắm được, hiểu được rõ ràng, minh bạch. Cha tôi vẫn chẳng nói gì, chỉ nín lặng cau mày. Ông bà còn biết nói gì nữa? Mới có ba năm, đã nảy sinh biết bao nhiêu biến đổi như thế, những biến đổi không có cách gì tưởng tượng ra được. Chỉ trong thời gian ba năm, mọi sự chuyển biến về kinh tế có chiều hướng tốt dần lên bởi bao nhiêu những cố gắng, những phấn đấu gian khổ, nay đã bị phá hủy cho sụp đổ tan tành. Mới chỉ có ba năm thời gian, tất cả các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các cấp lãnh đạo của đảng và chính quyền đã hoàn toàn bị hủy diệt, đánh đổ, hàng nghìn vạn triệu đảng viên đã bị đầu rơi máu chảy làm cách mạng, cuối cùng là vì cái gì? Đảng lãnh đạo nhân dân quần chúng trong muôn vàn gian nan thử thách để lấy lại được giang sơn, cuối cùng để làm gì? Nhân dân trong toàn quốc đã phải bỏ ra hơn mười năm, cần cù lao động, không nề gian khổ, sáng tạo, xây dựng, thăm dò, tìm kiếm, cuối cùng là để làm gì? Lẽ nào sự tìm kiếm lý tưởng suốt đời mình, đã phải dùng đến cả sinh mệnh lẫn máu tươi, dùng đến mồ hôi và nước mắt, đánh đổi lấy lại chỉ là một thế giới hỗn loạn, điên rồ, vô trật tự, do kẻ ác tạo ra sao? Cha tôi là một nhà chính trị, là một đảng viên cộng sản lão thành, có trách nhiệm với đảng, với nhân dân, với đất nước, đứng trước một tình trạng như thế, ông không thể chỉ nghe để mà nghe, nhìn để mà nhìn. Nhưng ông chẳng nói gì, và cũng chẳng thể nói được gì. Ở đây, đất Giang Tây xa xôi thăm thẳm, lại bị giam cầm ở một xó quê hẻo lánh, ông chỉ đành đem những suy tư, những tín niệm của mình chôn chặt xuống đáy lòng.

Bất kể là thế giới thay đổi ra sao, bất kể là phong trào "cách mạng" phát triển ra sao, đời sống của gia đình tôi ở Giang Tây vẫn bình thường như bình thường.

Có điều là từ khi Phi Phi trở về, gia đình tôi có thêm những niềm vui.

Để cho cha mẹ tôi được vui hơn, Phi Phi thường hay giở trò con nít ra cố ý quấy nghịch. Chốc chốc cậu lại gào lên: "Ôi giời! Mẹ ơi, cái sàn nhà ta còn sạch hơn cả cái giường nơi chúng con cắm chốt đấy nhé". Nói xong, cậu liền lăn kềnh ra sàn. Một lúc lại đem chiếc thừng bện bằng rơm ra thắt lên ngang lưng, rồi bắt chước tiếng người Giang Tây nói hàng thôi hàng hồi những gì gì đó, với những giọng điệu rất lạ lùng. Có lúc cậu ta lại bảo: "Mọi việc nặng nhọc trong nhà một mình con bao tất", rồi cầm cái chổi lau nhà ướt rề rề, vung vít lau sàn, làm cho sàn nhà ướt nhòe ướt nhoẹt. Một lúc lại cố đòi đi giặt quần áo giúp mọi người, làm cho cả nhà và bản thân cậu ta nữa ướt đầm đìa. Nhìn thằng con nghịch ngợm, cha tôi, mẹ tôi, bà tôi cũng thấy vui vui trong lòng.

Buổi sáng cha mẹ tôi vẫn đi làm như thường lệ. Buổi chiều ở lại nhà, tất cả tập trung vào trong nhà bếp, bàn bạc tính toán xem bữa tối nên làm món gì ăn cho ngon. Bà tôi là một tay đầu bếp cực giỏi, rán cá, xào thịt, ngay đến món giá xào rau xanh, bà tôi xào nấu cũng thành thơm ngon, đâu ra đấy. Thực ra cha tôi cũng là một tay nấu nướng giỏi, những món ăn Tứ Xuyên do chính tay cha tôi xào nấu, cũng món nào ra món ấy, đều ngon lành cả. Năm 16 tuổi cha tôi đã rời quê hương, nên cũng chẳng biết những món ấy cha tôi đã học được cách nấu nướng từ đâu. Mẹ tôi không biết nấu nướng gì, chỉ giúp được mỗi việc quạt lò, nhưng lý luận về nấu nướng mẹ tôi lại rất thuộc. Thường thường bà nội làm cơm, mẹ tôi ở bên cạnh giảng giải, giống y kiểu hội nghị đầu bờ bây giờ vậy. Mẹ tôi nhờ mấy chị công nhân cùng phân xưởng, mua men rượu về để bà tôi ủ với cơm nếp, cho lên men thành rượu nếp, cứ sáng sáng mẹ tôi lại làm món rượu nếp trứng gà cho chúng tôi ăn.

Tháng giêng ở phương nam là lúc đại hàn. Sức khỏe của mẹ tôi quá kém, huyết áp thường ở mức 220/110, thêm tiết trời quá lạnh, quần áo mặc quá nhiều, nhiều khi xuống gác, rồi không leo lên gác được nữa. Cơm tối xong, thu dọn cũng xong, mẹ tôi thường đứng ở đầu cầu thang gọi vọng lên gác: "Kéo em lên với nào, anh ơi", và cha tôi thường một tay nắm tay mẹ tôi, một tay nắm lan can cầu thang, rồi hai người, từng bước từng bước nhích dần leo lên. Những lúc như thế, Phi Phi thường hay chạy tới, thắt chặt thêm chiếc thừng rơm vẫn buộc ngang bụng, nói: "Mẹ ơi, con khỏe lắm, để con cõng mẹ lên gác!" Mẹ tôi chỉ còn biết cười ngặt nghẽo, nói: "Ôi dào, trông con cứ hùng hục lên như thế, có khi con làm nát vụn xương mẹ ra mất!"

Đã từ lâu, trong đời sống hàng ngày, hầu như thành thói quen, cha mẹ tôi

trước khi đi ngủ bao giờ cũng phải uống thuốc ngủ, nhất là từ sau Cách mạng Văn hóa, vì bất an lòng dạ, nên liều lượng thuốc ngủ cũng tăng lên gấp bội. Sau khi đến Giang Tây, bà tôi phải nói với cán sự Hoàng Văn Hoa đến bệnh viện xin thuốc ngủ cho ông bà. Thuốc đã xin được về nhưng anh cán sự ấy sợ xảy ra chuyện bất trắc nên giữ lấy, phát hàng ngày thôi, trước khi phát thuốc còn phải xem họ đã ăn uống những gì. Sau khi tới Giang Tây được một thời gian, do mức hoạt động tăng lên, do mức lao động tăng lên, nên cha tôi không còn quá gầy còm như ngày mới tới nữa, mà chừng như đã béo ra, tinh thần cũng khá lên rõ rệt, đặc biệt là từ khi lũ trẻ chúng tôi được trở về, lòng dạ cũng thảnh thơi hơn rất nhiều. Bắt đầu từ ngày 1/1/1970, cha tôi không uống thuốc ngủ nữa. Thói quen đã từ nhiều năm ấy, nay bỏ hẳn, đối với ông, chẳng phải là chuyện dễ dàng gì.

Biến số trong bất biến

Cổ nhân nói: *Phúc hề, họa sở phục*. Như thế có nghĩa là, trong khi người ta vui vẻ, thì những chuyện chẳng vui vẻ gì sẽ tiếp bước theo sau. Có điều không may là, những điều người ta nói, lại thường là chính xác.

Trong những ngày đầu vừa mới tới Giang Tây, lương tháng của cha mẹ tôi, vẫn được phát đủ phát đúng y như những ngày trước khi bị hạ bệ, lương cha tôi là cấp hai hành chính, 404 đồng (trước Cách mạng Văn hóa quy định, lương cán bộ Trung ương từ cấp một đến cấp bốn đều nhất loạt là 404), lương mẹ tôi cấp 12, 120 đồng. Nhưng từ tháng 1/1970, lương của cả hai ông bà, tổng cộng lại chỉ có 205 đồng. Mẹ tôi nhờ cán sự Hoàng Văn Hoa hỏi hộ xem, như vậy là ra làm sao. Sau khi Giang Tây hỏi lại Văn phòng Trung ương, được trả lời rằng, đây không phải là hệ lương mà là chỉ đổi sang chế độ sinh hoạt phí, số tiền còn lại tạm thời do Văn phòng Trung ương quản lý.

Trong Cách mạng Văn hóa, tất cả đều là chính trị, tất cả đều là tượng trưng của chính trị, vấn đề phát lương cũng là một tiêu chuẩn quan trọng để cân đong đo đếm vấn đề chính trị nặng nhẹ ra sao. Những người bị hạ bệ trong Cách mạng Văn hóa, nói chung có mấy cách xử lý như sau: ngừng phát lương, hoặc đổi sang chế độ phát sinh hoạt phí, hoặc chỉ phát sinh hoạt phí cho con cái không có công tác, cũng có thể là kể cả sinh hoạt phí cũng chẳng có. Trong số những người chúng tôi quen biết, sau khi cha mẹ bị đánh đổ, đều ngừng phát lương, mà đổi sang chế độ chỉ phát sinh hoạt phí. Cũng có những gia đình hoàn toàn bị cắt lương, không còn có bất cứ một nguồn thu nhập nào khác, có người phải bán đồ đạc trong nhà lấy tiền sinh sống, có người nhờ vào sự giúp đỡ của bà con thân thích. Những con cái của những "băng đen" còn thê thảm hơn. Cha bị giam giữ, mẹ bị bức tử, con cái không còn biết nương tựa vào đâu; số phận vô cùng bi thảm. Có rất nhiều người, trước Cách mạng Văn hóa là Ủy viên Bộ Chính trị, hoặc bí thư Ban bí thư, đều rơi vào tình trạng như vậy. Trong số con cái của những gia đình ấy, có rất nhiều người là bạn bè từ nhỏ cho đến lớn của chúng tôi. Những thành viên cũ của Ban bí thư như Bành Chân, La Thụy Khanh, Dương Thượng Côn, trong mỗi gia đình họ cả cha lẫn mẹ đều bị bắt; Bạc Nhất Ba, Lý Cảnh Tuyền, Lưu Lan Đào, các ông đều bị bắt, còn các bà bị bức hại đến chết. Hoàn cảnh của các gia đình ấy, so với hoàn cảnh chúng tôi thì chúng tôi còn có thể được gọi là tương đối tốt. Khi bị đuổi ra khỏi Trung Nam Hải, tuy những lúc

không có tiền, chúng tôi cũng phải bán đồ đạc, nhưng chúng tôi còn có một thời gian được lĩnh sinh hoạt phí. Sau khi đi cắm chốt, sinh hoạt phí của tôi và Phi Phi cũng ngừng hẳn. Chúng tôi dựa vào sức lao động của mình để sống, tiền lương của hai chị tôi sau khi tốt nghiệp đại học, được phân công công tác, cũng san sẻ cho ít nhiều, nên không thể coi là đã rơi đến chỗ bi thảm nhất. Sau khi cha mẹ tôi đến Giang Tây, lương vẫn phát đều như trước, và lại còn được thư từ với chúng tôi. Có thể nói được là: kể từ khi có Cách mạng Văn hóa tới nay, gia đình tôi còn gọi là sung túc. Vậy mà, trong khi đang được gọi là tương đối ổn định như thế, thì bị cắt bớt lương.

Ở Bắc Kinh, khi bị đấu tố hung hãn nhất, tiền lương vẫn không bị cắt hoặc giảm, vậy mà sau hai tháng tới Giang Tây, lương bỗng bị cắt bớt – hoặc nói theo cách nói của trên là: chuyển sang chế độ sinh hoạt phí. Cứ theo như cung cách xử lý vấn đề chính trị từ Cách mạng Văn hóa tới nay, thì đây dứt khoát không phải chỉ là vấn đề tiền nong. Cho nên có việc này, trong lòng không thể không nghĩ tới nhiều việc khác. Phải chăng đây là điều dự báo sự thay đổi mới về vấn đề chính trị. Phải chăng đây là dự báo một "xu hướng chính trị nặng nề hơn"? Xu hướng chính trị này sẽ là thế nào?

Từ tiền lương đổi sang chế độ sinh hoạt phí, vào giữa lúc mở đầu năm mới năm 1970, khiến cho cả gia đình tôi phải nghe ngóng, bồn chồn.

Ngày 9/2/1970, cha tôi lại cầm bút viết thư cho Uông Đông Hưng.

Thư mở đầu bằng việc thông báo tình hình, cha tôi viết:

"Kể từ lần viết thư trước đến nay cũng đã hơn hai tháng rồi. Trong thời gian này, mọi việc sinh hoạt, lao động và học tập của chúng tôi vẫn không có gì thay đổi so với báo cáo lần trước. Hàng ngày vẫn tới xí nghiệp (thời gian lao động giảm bớt một tiếng), đọc sách, đọc báo, nghe phát thanh. Ngoài việc đến xí nghiệp, tôi và Trác Lâm chưa bao giờ ra ngoài. Ngoài việc thư từ cho con cái, chúng tôi tuyệt đối không có thông tin liên lạc với bất kỳ người nào".

Trong Cách mạng Văn hóa, những thư từ mà cha tôi viết gửi Trung ương, trừ những vấn đề chính trị ra, thì tất cả những yêu cầu mà ông đề ra, hoàn toàn là về lũ con cái chúng tôi. Trong thư này, ông viết:

"Thượng tuần tháng 12, đứa con gái nhỏ của tôi là Mao Mao đã về nhà. Đầu tháng giêng con trai nhỏ của tôi là Phi Phi cũng đã về nhà (chúng sắp trở lại nơi lao động). Chúng tôi đã hơn hai năm không được gặp mặt các con, nên được bất chợt gặp lại, thật là sung sướng quá. Thực ra tôi cũng mong muốn và hy vọng

hai cô con gái lớn (Đặng Lâm và Đặng Nam) được trở về đoàn tụ, các cháu không xin được phép nghỉ, nếu các cháu có được dịp về thăm nhà thì thật may".

Ông còn viết:

"Con gái lớn của tôi là Đặng Lâm có viết thư về cho biết, trường học của cháu sắp phân phối công tác, cháu có đề nghị với lãnh đạo cho được đổi nghề (tức là không làm những công việc có tính chất mỹ thuật nữa, vì bản thân cháu không được phép làm mỹ thuật), cháu muốn được về làm việc ở một công xưởng nào đó. Chúng tôi cũng có cùng hy vọng như thế. Hơn nữa cháu năm nay đã 28 tuổi rồi, hoàn cảnh cá nhân, lại do không có điều kiện, nên đến nay vẫn chưa có nơi nào gửi gắm, sức khỏe cũng lại kém, cho nên nếu về nông thôn sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, ngay cả việc đi theo ca, tám giờ lao động trong công xưởng, cũng đã là chuyện khó. Cho nên nếu như được phân công cho làm một công việc có tính kỹ thuật như thư phái văn thư, bảo quản… thì tương đối phù hợp với tình hình sức khỏe của cháu. Việc này, khi còn ở Bắc Kinh tôi cũng đã có nhắc tới với ông, nay nếu có khả năng tôi khẩn thiết đề nghị ông giúp đỡ cho. Tôi vô cùng cảm ơn.

Tái bút: Nếu có thể phân công cho cháu được gần chỗ chúng tôi (trong điều kiện chúng tôi sẽ ở lại Nam Xương lâu dài) thì đó là ước vọng cao nhất của tôi và Trác Lâm".

Sau khi đưa ra những đề nghị cho con cái, cha tôi đề cập tới vấn đề sinh hoạt phí. Ông viết:

"Bắt đầu từ tháng giêng năm nay, Trung ương sẽ cấp sinh hoạt phí mỗi tháng cho chúng tôi là 205 đồng. Ngay trong tháng giêng tôi đã nhờ các đồng chí trong Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây thỉnh thị giúp, xem có phải đó là con số sinh hoạt phí chúng tôi sẽ lĩnh từ nay cho đến lâu dài về sau này không, nhưng vẫn chưa được trả lời. Trước đây ít hôm, chúng tôi cũng đã được lĩnh tiền tháng 2, vẫn chỉ là 205 đồng, chúng tôi lập tức hiểu rằng đây là quy định mới, và chúng tôi sẽ tuân theo quyết định này, để thu xếp lại đời sống của chúng tôi. Tất nhiên, xin thực thà mà nói, số tiền đó sẽ không phải là không có khó khăn đối với một gia đình chín nhân khẩu chúng tôi (gồm hai vợ chồng tôi, bà kế mẫu của tôi, năm đứa con, và một đứa con của chị bà Trác Lâm mà chúng tôi vẫn nuôi dưỡng), bởi vì ngoài Đặng Lâm đã có lương ra (bản thân cháu cũng ốm yếu, may lắm mới tự sống nổi), thì cháu trai lớn nhất của tôi là Đặng Phác Phương hiện đang nằm bệnh viện, mỗi tháng cũng phải chi hết khoảng 35 đồng (20 đồng tiền cơm do bệnh viện quy định, mười đồng tiền thuốc lá và tiêu vặt), hai cháu là sinh viên

mỗi cháu mỗi tháng cũng độ 30 đồng, cả ba cháu cộng lại là khoảng 90 cho đến 100 đồng. Ba người chúng tôi ở Nam Xương chỉ còn 100 đồng để chi tiêu. Ngoài ra, tôi còn con gái nhỏ Mao Mao và con trai nhỏ Phi Phi lao động ở công xã cũng chỉ đủ tiền ăn, còn tất cả các thứ chi dùng khác của hai cháu này, chúng tôi cũng phải lo. Thêm nữa, chúng tôi cũng còn phải dành dụm lấy một số tiền lộ phí cho các cháu khi chúng về thăm nhà (đường xa, mỗi lượt đi về cũng phải chi tiêu chừng 100 đồng), lại còn thêm cả tiền ăn uống khi các cháu ở lại nhà (khi các cháu về, gia đình phải ăn tươi một chút). Ngoài ra, hàng năm cũng còn phải mua sắm thêm đồ dùng, quần áo. Tính như thế cũng là quá dè sẻn rồi. Nhưng một khi đảng đã quy định thống nhất như thế, chúng tôi cũng sẽ chẳng có lý do gì mà đề nghị những điều vượt ra ngoài khuôn khổ, cho nên đành phải trích từ 100 đồng tiêu dùng hàng tháng của bản thân chúng tôi tiết kiệm lấy khoảng hai ba chục đồng mỗi tháng, tích lại, dành cho mỗi đứa con, một năm được về thăm nhà một lần, làm tiền lộ phí. Cuộc sống mới ấy rồi cũng sẽ quen dần".

"Cuộc sống mới ấy rồi sẽ quen dần", câu nói ấy là để nói với trên tổ chức, nhưng cũng là để nói với mình. Thư đã viết xong, cha tôi vẫn cảm thấy chưa hết, nên lại cầm bút viết tiếp và đề nghị: "mỗi lần con cái về nhà, tốn kém rất nhiều lộ phí, nên đều rất khó khăn, sau này mong sao cháu Mao Mao được điều về những địa phương gần gần"… Cuối thư cha tôi ký tên mình.

Đọc lại lá thư trên, mặc dù hôm nay đã cách đó gần 30 năm nhưng tôi vẫn cảm nhận được sự lo lắng đang đầy ắp trong trái tim ông. So với những ngày giam cầm cấm cố, hoàn toàn cách tuyệt với người thân, nay được gặp mặt con cái, thì cũng đã là cao hơn ước vọng rồi. Nhưng hoàn cảnh chính trị trước mắt còn đang đầy bất trắc, lại thêm gánh nặng gia đình nên lòng ông vẫn còn ngổn ngang những ưu tư, ông không thể không tính toán, không thể không nghĩ ngợi, không thể không vì gia đình, vì con cái, đi đề nghị trợ giúp. Lá thư đó gửi đi, tuy không có trả lời, nhưng cũng chẳng có biến động bất lợi về chính trị.

Không có biến động gì bất lợi về chính trị, đó là một điềm lành, nhưng khi tình hình kinh tế có thay đổi, thì đời sống gia đình cũng xuất hiện biến động theo.

Trước hết cha tôi nhằm vào khoản chi tiêu vốn đã rất chắt bóp rồi để tiết kiệm. Thịt, khi con cái ở nhà, cần phải ăn, con cái không có nhà, cố gắng không ăn, cần nuôi thêm gà để lấy trứng và cũng có thể ăn thịt. Mỗi bữa có thức ăn thừa, cơm thừa, cất đi, ăn tiếp vào bữa sau. Còn có khoản tiết kiệm khác nhằm vào thói quen đời sống đã có từ nhiều năm của ông như trà, đắt quá, từ nay sẽ

không uống nữa. Rượu, chỉ mua loại rượu Tam Hoa rẻ tiền do Giang Tây sản xuất, mà chỉ uống một chén nhỏ vào buổi trưa khi đi lao động trở về. Thuốc đã hút từ mấy chục năm nay rồi, nay bỏ đi hẳn cũng không nổi, nhưng phải giảm. Ủy ban Cách mạng Giang Tây có thể mua giúp cho loại thuốc lá nhãn Trung Hoa (Trung Hoa bài), loại không có đầu lọc mỗi tháng có nhiều nhất chỉ mua một tút, hạn chế từ mức ba bốn ngày một bao. Buổi sáng đi làm không hút, chiều và tối chỉ hút vài điếu, đúng giờ, đúng lượng, tuyệt đối không hút nhiều. Chỉ bằng vào tiết kiệm vẫn không ổn, còn phải tìm nguồn khác. Khi mùa đông giá lạnh đã qua đi, xuân vừa chợt đến, cha mẹ tôi liền "khai hoang" trồng rau trong sân trong vườn. Trong những năm chiến tranh, ông bà ở Diên An cũng đã từng khai hoang, khi ở núi Thái Hàng cũng đã từng khai hoang. Còn bây giờ, ông bà muốn khai hoang lại chính nhà mình. Chỉ có tự lực cánh sinh, mới có thể cơm no áo ấm được. Cha mẹ tôi khai hoang, tôi và Phi Phi khi đi cắm chốt ở nông thôn cũng học được tý chút công việc ruộng nương, thế là có chỗ đâm ra để dùng. Phi Phi có sức khỏe, lại tự xưng là "kinh nghiệm cấy cày đầy mình", nên việc "khai hoang" rõ ràng là việc của cậu ta. Cậu ta thít lại chiếc thừng rơm trên bụng, cố ý vung lưỡi cuốc lên thật cao, đầy vẻ "đội sản xuất Đại Trại" ra quân. Cậu ta vừa ra sức cuốc đất, vừa lảm nhảm không ngừng: "Chúng ta là đội sản xuất Đại Trại, nên phải cuốc bẫm cày sâu như thế". Bà tôi nhìn cậu ta cuốc, đất bắn tung tóe khắp nơi, bà ở bên cạnh cứ luôn mồm nhắc: "Làm gì mà phải cuốc sâu thế cháu, chỉ là để trồng mấy cây rau thôi mà!"

Chẳng bao lâu sau, đất cát đã được cuốc xới xong, cha tôi lấy cuốc đánh thành luống, thành rãnh. Mẹ tôi mang cái ghế con ra ngồi bên cạnh, nhặt bỏ những hòn sỏi hòn đá ra bên ngoài luống. Bà tôi mang tất cả các thứ nước vo gạo, rửa cháo, rửa bát đổ ra đấy. Cả nhà góp sức, một mảnh đất lớn trước sân đã được vun vén gọn gàng. Chiến sĩ Tiểu Hạ mua giúp về cho một ít hạt giống, ớt, đậu tằm, đậu đũa, cà chua, cà tím, rau cải trắng. Chúng tôi moi những lỗ nhỏ, gieo hạt giống vào, mỗi loại cây một luống, rồi vùi đất, sau đó tưới nước. Vườn rau mới vỡ, mùi đất mới thoang thoảng hương thơm. Mảnh đất trước kho chứa củi ở sân sau, cũng được chúng tôi vỡ vạc ra, trồng mướp và mướp đắng. Mấy chú gà con mới mua về, lăng xăng chạy theo mẹ tích tích, tích tích vui vẻ kiếm ăn. Mảnh sân vốn xơ xác hoang vắng, nay trông đã sinh động hẳn lên. Khi nghĩ đến chẳng bao lâu nữa, những mầm rau xanh non mượt mà sẽ đội đất chui lên, nghĩ tới chẳng bao lâu nữa những con gà chíp bé bỏng sẽ lớn lên, đẻ trứng, cục ta cục tác, là tôi đã mường tượng đến niềm vui gặt hái. Những người trong nhà tôi, bất kể là tình cảnh khốn khổ đến nhường nào, bao giờ cũng bằng mọi khả năng để tìm ra những mầm vui trong những hoàn cảnh bi thảm nhất. Qua những

mài giũa, lăn lóc trong các loại sinh sống, các loại chính trị trong Cách mạng Văn hóa, qua bản thân cha tôi cùng những thực tế trong cuộc sống, chúng tôi đã học được nhiều điều. Chúng tôi biết rõ ràng, niềm vui và hạnh phúc, phải tự mình đi mà tìm kiếm lấy, tự mình đi mà giành lấy, khốn khó và đau thương cũng phải bằng sự kiên cường nỗ lực của mình mới khắc phục được. Càng trong nghịch cảnh, lại càng phải giữ lấy sự lạc quan. Đúng như một câu trong bài *Quốc tế ca*: "Xưa nay chẳng có vị Chúa cứu thế nào, và cũng chẳng phải dựa vào ông Tiên, ông Thánh nào, muốn tạo được hạnh phúc cho nhân loại, chỉ có dựa vào chính chúng ta".

Tiết kiệm, vun trồng, tất nhiên là một việc hay rồi. Nhưng cha mẹ tôi, đặc biệt cha tôi, có khi đã dè sẻn, chắt bóp một cách quá đáng, bằng những cách thức khó có thể làm cho người khác chấp nhận, và cũng sẽ không tránh khỏi sự tranh cãi, không tán thành nhau. Thí dụ, ăn cơm nguội, chúng tôi tán thành, nhưng cháo thiu mà cha tôi vẫn húp, chúng tôi kiên quyết không chịu. Nhưng cha tôi lại nói: "Có làm sao đâu nhỉ. Đun sôi lên, vi khuẩn chết hết, bụng dạ tôi tốt, ăn vào có làm sao?" Gặp phải những chuyện như thế, chúng tôi đành bó tay, chỉ còn biết tức đến trợn mắt lên. Lại ví dụ như muốn cho mầm rau lên thật tốt, điều đó chúng tôi tán thành; nhưng lại bắt chúng tôi bón "phân nông dân" (ý nói phân tươi - N.D), chúng tôi kiên quyết không theo. Ôi chao. Cuộc sống có hài hòa đến đâu cũng vẫn có sự cọ sát, mặt nước dù phẳng lặng đến đâu cũng vẫn có những lớp sóng lăn tăn. Biết làm sao được! Ngày xuân ở Giang Tây, không phải là âm u, mà là mưa rơi, chẳng giống nắng hanh vàng ở phương Bắc. Nhưng khi xuân tới, cái cảnh lạnh lẽo xác xơ của vườn trường mùa đông đã như thức giấc, hoạt động trở lại. Mưa xuân không ngừng, không nghỉ từng giọt, từng giọt, lách tách, lách tách, rơi rơi, điểm đầy trên lá, thấm nhuần mặt cát. Trên những cây nhựa ruồi xanh bất chợt nảy ra từng lớp, từng lớp những cành lá mầm non, những đám cỏ khô vàng úa thấp lè tè trên mặt đất đó, cũng túa lên những mầm xanh. Trên khu đồi nhỏ, trên các sườn dốc, những cây đào núi bình thường chẳng ai chú ý tới, cũng đã chúm chím nụ hoa, và rồi không biết lúc nào, chúng tung cánh nở, những cánh hoa đào núi, hồng hồng, tươi tắn, nồng nàn, từng vạt từng lớp bát ngát trải dài, như mây như khói, tưng bừng đua nhau nở trong những trận mưa bay thảnh thơi, không ràng buộc. Ôi! Lại còn những bông hoa dành dành, nhú những đầu nhọn trắng như tuyết từ bên trong lớp vỏ xanh đậm ra nữa, và sẽ đột ngột xòe nở. Những hạt mưa bay lất phất, đậu lâu trên những cánh hoa trong trắng như ngà ngọc thơm hương, không lăn rơi với đầy vẻ lưu luyến nuối tiếc…

Mùa xuân ở phương nam đã đến như vậy. Xuân đến, nhà tôi đã đoàn tụ được

ba tháng rồi. Mừng như thế nào? Vui ra sao? Cứ nghĩ cũng biết. Trong thời gian ấy, Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây đã từng tỏ ý, có nên lưu bọn trẻ ở nhà quá lâu như vậy không. Chúng tôi hoàn toàn không hiểu nổi. Nhưng sau những niềm vui gặp gỡ, cuối cùng rồi cũng phải chia tay.

Tháng 3 rồi, mùa xuân của phương bắc cũng đã tới, cũng là mùa cày bừa gieo hạt vụ xuân, các học sinh đi cắm chốt ở các công xã sau ngày nghỉ cũng lục tục kéo về đội sản xuất. Phi Phi cũng phải đi rồi. Bà tôi, mẹ tôi thu xếp hành trang cho Phi Phi, chiếc áo bông cũ, quần bông cũ, đã được giặt giũ sạch sẽ, vá víu cẩn thận. Hôm lên đường, Phi Phi hoàn toàn sạch sẽ, ngang lưng vẫn thắt chiếc thừng rơm, nước da đen sạm do nắng gió nông thôn đốt cháy cũng đã phai màu, gương mặt đầy vẻ hồng hào khỏe khoắn, cặp lông mày đen rậm kéo vào tận giữa trán khít lại thành một vệt, nếp môi lên, vuông vức, đã lơ thơ xuất hiện hàng râu tơ. Chào bà cùng cha mẹ xong, Phi Phi quay người bước đi bằng những bước đi vững vàng, chắc nịch.

Cậu con trai, đã hoàn toàn thành một chàng trai trưởng thành, nhưng cha mẹ tôi vẫn canh cánh âu lo. Đương nhiên, mẹ tôi chẳng nén nổi nỗi xúc động của mình, nên nước mắt đã tràn trề. Còn niềm thương cảm của cha tôi, ông vẫn chôn chặt trong lòng. Ông vẫn lặng lẽ, vẫn bền bỉ đến xí nghiệp lao động, trong khi lao động, ông bị cảm đột ngột, da mặt bợt bạc, mồ hôi lạnh ứa ra đầy trán. Mẹ tôi nghe tin, vội cùng với công nhân dìu cha tôi ngồi xuống. Mẹ tôi biết rằng, cha tôi lại tái phát bệnh cũ. Đường huyết thấp, bà hỏi những người công nhân xung quanh xem có ai có đường không, bà bảo ông chỉ cần uống một chút nước đường là khỏi. Cô công nhân Trình Hồng Hạnh vội về khu tập thể công nhân gần đó pha một cốc nước đường mang tới. Cha tôi uống xong, đã cảm thấy dễ chịu ngay. Trong xí nghiệp không có ô-tô, ông trung đội trưởng Đào Đoan Tấn lấy một chiếc máy kéo, tự lái, đưa cha tôi về trường bộ binh, lại còn dìu cha tôi lên gác nằm nghỉ. Chúng tôi kéo kín rèm cửa sổ, để cha tôi được nghỉ ngơi yên tĩnh. Chúng tôi biết rằng, cha tôi lâm bệnh kỳ này, nguyên nhân hoàn toàn nằm ở chỗ con trai phải ra đi. Trong lòng cha tôi, gia đình, người thân, con cái là những điều quý trọng nhất, đồng thời cũng là cái ông duy nhất có hiện nay. Con trai phải đi xa, không biết đến bao giờ mới được gặp lại, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng không thể không thương, không nhớ, không lo âu. Phi Phi đi chẳng được bao lâu, đến lượt tôi cũng phải trở về Thiểm Bắc. Thực tình, tôi chẳng muốn đi tý nào. Đi một mình, đi một chặng đường dài như thế, đi về đội sản xuất chỉ có một mình tôi là thanh niên trí thức. Làm nông, ăn bánh kẻ đen, ăn bột mì xấu, ăn cám, tất cả những cái đó đối với tôi chẳng có nghĩa lý gì. Điều tôi

lo lắng, chính là ba ông bà già. Tôi không muốn họ bị giam cầm cô đơn trong mảnh sân nhỏ của trường bộ binh này. Một khi tôi ra đi, cái tôi để lại cho bà, cha mẹ chỉ là nỗi biệt ly, niềm trông ngóng, cùng với sự nhớ thương dằng dặc.

Khi ở trên cao nguyên thượng của cao nguyên hoàng thổ rộng bát ngát mênh mông, điều tôi nghĩ ngợi, điều tôi tưởng nhớ, chính là những điều này, mong sao cho thời gian trôi nhanh, mau mau chóng chóng qua đi, rồi đến mùa thu, rồi thu hoạch, và vội vã về nhà, như một cánh chim ngang trời, mọc thêm đôi cánh vụt bay, vụt bay…

Sóng gió ở Hội nghị Lư Sơn

Cha tôi sống trôi nổi lênh đênh ở nơi xa Bắc Kinh thăm thẳm, chẳng còn nghe biết được chuyện gì trên đời, đối với những cuộc tranh chấp quyền lực ở trung tâm chính trị, lại càng chẳng biết mô tê gì.

Thời gian trôi, chớp mắt đã tới mùa hè năm 1970, phong trào Đại Cách mạng Văn hóa cũng đã tròn trịa bốn năm. Theo kế hoạch của Mao Trạch Đông, năm nay sẽ chính thức là "mùa thu hoạch" của phong trào "Đại cách mạng". Ông ta định triệu tập đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, để sửa đổi hiến pháp, và dùng phương cách đó để đóng đinh "thành quả" của Cách mạng Văn hóa lại. Nhưng sự phát triển của chính trị lại chuyển hướng ngoài dự liệu của mọi người, hơn nữa cuộc đấu tranh này lại như một con dao găm sắc nhọn, chọc thêm một nhát vào cái môi trường chính trị vốn đã bị cuộc đại loạn làm cho ngập tràn những chướng khí u ám, cho nó rách toang thêm ra.

Ngọn nguồn của sự việc là do Mao Trạch Đông đề xuất triệu tập đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ tư, để sửa đổi hiến pháp, thay đổi cơ cấu lãnh đạo quốc gia, không để chức vụ chủ tịch nước nữa.

Phân tích dụng ý này của Mao Trạch Đông, được biết là sau khi chính ông ta đã tổng kết "bài học" của mình, đã chọn lấy một biện pháp ăn chắc là phòng ngừa "đại quân bị rơi vãi" một lần nữa. Còn Lâm Bưu lại đề xuất cần đặt một chức vụ chủ tịch, và kiến nghị là Mao Trạch Đông phải nắm lấy chức vụ này. Mao Trạch Đông chỉ thoáng nghe cũng đã biết ngay rằng, ông ta đưa ra kiến nghị đó, trên thực tế là chính ông ta muốn giữ chức chủ tịch nước. Ấy thế mà Mao Trạch Đông đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại rằng, Mao Trạch Đông không làm chủ tịch nước. Ông ta nói: "Tôi không muốn nhận lại chức này, điều đó không thỏa đáng". Mao Trạch Đông còn dẫn chuyện cổ ra nói làm ẩn dụ rằng: Xưa Tôn Quyền[55] khuyên Tào Tháo[56] lên ngôi vua. Tào Tháo bảo Tôn Quyền là muốn đặt mình lên lò nướng.

- Tôi khuyên các đồng chí đừng bắt tôi làm Tào Tháo, và các đồng chí cũng chớ có làm Tôn Quyền.

Sau khi Mao Trạch Đông đã nói đi nói lại một cách rõ ràng minh bạch như vậy rồi, Lâm Bưu và cánh vế của ông ta vẫn khăng khăng ngoan cố đòi nhất định phải có chủ tịch nước. Bắt đầu từ mùa xuân, do vấn đề này, mà Mao Trạch Đông

và Lâm Bưu càng ngày càng ngãng nhau ra hết sức rõ rệt. Trên bề nổi, chỉ có một vấn đề là có đặt chức vụ chủ tịch nhà nước hay không thôi, nhưng ẩn nấp đằng sau vấn đề này lại là rất nhiều tâm tư và mâu thuẫn.

Rất nhiều người khi đó đều cảm thấy khó hiểu, Mao Trạch Đông đã có quyền tối cao tối thượng trong tay, làm sao Lâm Bưu lại không hiểu được ý tưởng của Mao Trạch Đông, làm sao lại dám hành động ngược với ý nguyện của Mao Trạch Đông? Lâm Bưu đã được điều lệ Đảng quy định, xác nhận là người kế cận, làm sao còn phí sức đi tranh chấp làm chủ tịch nhà nước? Thực ra, phải nói toạc ra thế này mới rõ.

- Thứ nhất: đến lúc đó, Lâm Bưu cho rằng, đúng là trong điều lệ Đảng đã xác định Lâm Bưu là người kế cận của Mao Trạch Đông, vấn đề địa vị của mình coi như đã được bảo đảm, nhưng có lực lượng thì cứ tranh chấp một cái chơi.

- Thứ hai: Chủ tịch nhà nước là một chức vụ tối cao đầy sức hấp dẫn, cái địa vị Phó Chủ tịch đảng này không thể thay thế được cái địa vị đó. Cánh vế của Lâm Bưu cũng muốn Lâm Bưu xuất hiện trong chức vụ này. Diệp Quần, vợ Lâm Bưu, cũng đã từng nói: “Nếu không lập chức chủ tịch nhà nước, tính sao với Lâm Bưu, nhét vào chỗ nào nào?”

- Thứ ba: cánh vế của Lâm Bưu biết rõ sức khỏe của Lâm Bưu rất kém, sợ ông ta chết trước Mao Trạch Đông. Đặc biệt là Diệp Quần vợ Lâm Bưu, cũng hết sức xúi bẩy, thúc giục Lâm Bưu tiến thêm một bước trên con đường thâu tóm quyền lực.

- Thứ tư: Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc là một cơ hội tốt nhất, trọng yếu nhất để phân phối lại quyền lực. Giữa hai tập đoàn lớn của Lâm Bưu và Giang Thanh ngay từ khi bắt đầu Cách mạng Văn hóa tới nay, vẫn cứ đoàn kết đấy mà chia rẽ đấy, nhưng càng về sau, chia càng nhiều hơn kết, họ thường hay cãi vã, tranh quyền đoạt lợi lẫn nhau. Trong đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc kỳ này, nếu như Lâm Bưu xác lập được vị trí chủ tịch nhà nước, sẽ trở thành một lực lượng mạnh mẽ của Lâm Bưu giao đấu tay đôi với tập đoàn của Giang Thanh.

Mấy điểm trên đây là điều vô cùng quan trọng đối với Lâm Bưu cùng bè cánh, đấy là cơ hội nghìn năm có một, không thể dễ dàng để mất. Chính vì vậy, mà Lâm Bưu cùng bè cánh đã dám đơn độc tiến hành việc xác lập chức vụ chủ tịch nhà nước, vi phạm ý chỉ của Mao Trạch Đông.

Ngày 23/8/1970, đại hội Trung ương Đảng lần thứ hai của khóa 9 họp ở Lư

Sơn.

Lư Sơn, một nơi danh thắng du lịch với phong cảnh tuyệt vời, đồng thời cũng là một mảnh đất lắm chuyện, đã nảy ra rất nhiều những sự kiện chính trị trọng đại. Chính ở nơi đây, Lâm Bưu đã từng điên cuồng phụ họa để chỉnh đốn đấu đá rất nhiều người. Song ông ta lại không biết rằng, Lư sơn cũng lại chính là mảnh đất dữ đối với bản thân ông ta.

Vừa tới Lư Sơn, mâu thuẫn đã nổ tung ra.

Bắt đầu, Lâm Bưu đã quẳng ra một bài nói chuyện, ám chỉ phải xác lập chức vụ chủ tịch nhà nước. Bè cánh của Lâm Bưu cũng phân tán đi khắp nơi chiêng trống rùm beng, tuyên truyền chủ trương đó của chúng. Tiếp đó là việc Giang Thanh cùng một số người khác xuất hiện, kéo đến tận chỗ ở của Mao Trạch Đông, "phản ảnh" những hoạt động không bình thường của tập đoàn Lâm Bưu. Cuối cùng, đích thân Mao Trạch Đông phải triệu tập Thường vụ Bộ Chính trị họp mở rộng. Trong hội nghị đã nghiêm khắc phê bình Lâm Bưu và cánh vế, thế là âm mưu đó tắt ngấm, thất bại.

Ngày 6/9/1970, Đại hội toàn Trung ương lần thứ hai khóa chín với những phong vân biến đổi, cuối cùng cũng bế mạc. Mao Trạch Đông trong diễn văn bế mạc, đã dùng tới những ngôn từ làm cả đại hội phải chói tai nheo mắt, những ngôn từ đặc biệt sắc sảo vốn có của ông ta, nhưng vẫn không làm mất đi sự nghiêm khắc, phê phán cái trò hề của Lâm Bưu cùng phe cánh.

Trong cuộc họp của Trung ương kỳ này một số kiện tướng của tập đoàn Lâm Bưu ăn phê bình, và bị buộc phải kiểm điểm. Thảm nhất là Trần Bá Đạt "nửa đường đứt gánh". Trước đó không lâu, hắn vừa mới đổi cửa môn đình nhập bọn với Lâm Bưu, đang định nhân kỳ đại hội này mà xuất đầu lộ diện to ve tỏ vẻ, thì lại rơi tõm vào chỗ bị phê phán và kiểm tra.

Trong cái hội nghị dập dồn mây mưa này, khiến cho nhiều người không ngờ rằng khi kết thúc lại có kết quả như thế. Trong hội nghị, tuy Mao Trạch Đông không chỉ rõ tên Lâm Bưu, nhưng Lâm Bưu đã sắc bén nhìn rõ ngay ra điều đó, đó là một cuộc đấu mới, cuộc giao đấu này chỉ vừa mới bắt đầu. Đó là cuộc giao đấu song phương, một bên là Mao Trạch Đông, và một bên là Lâm Bưu, người mà ông ta vừa tuyển chọn làm người tiếp ban của mình.

Sau hội nghị đồng thời với việc vạch tội và phê phán Trần Bá Đạt, Mao Trạch Đông cũng tìm mọi biện pháp để hạn chế và làm suy yếu mọi thế lực của Lâm Bưu, và đã nhiều lần điểm danh phê bình một cách cay nghiệt những thành viên

chủ yếu của tập đoàn Lâm Bưu, và cũng gián tiếp phê bình thêm Lâm Bưu.

Trong cuộc giao đấu có liên quan tới mấy phía này, tập đoàn Lâm Bưu có thể nói là không trộm được gà còn mất thêm của nhà "nắm thóc", đã bị hao binh tổn tướng, nguyên khí bị thương tổn. Mấy kiện tướng dưới cờ lần lượt bị vạch mặt chỉ tên, bị buộc phải kiểm điểm, hoặc bị hạ bệ. Qua trận giao chiến ấy, thế lực tập đoàn Lâm Bưu không những bị giảm sút rất nhiều, mà đã bắt đầu cảm thấy rằng, cuộc giao đấu trong tương lai sẽ vô cùng ác liệt, nguy hiểm.

Đối với Mao Trạch Đông mà nói, những điều được công bố ở hội nghị Lư Sơn, tuyệt đối không phải là một "sai lầm" chính trị đơn giản, mà là một sự bộc lộ trọn vẹn hết sức chân thực dã tâm của tập đoàn Lâm Bưu. Mao Trạch Đông cảm thấy bực bội, cảm thấy thất vọng, và càng thấy vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn. Bởi lẽ Lâm Bưu đã được chính ông chọn làm người kế cận, là đối trọng chính trị quan trọng dùng để bảo đảm cho đường lối cách mạng của ông ta được tiếp tục tiến hành, đồng thời cũng lại là một tiêu chí vô cùng trọng yếu trong việc cân đong đo đếm những thành tích trong Cách mạng Văn hóa do đích thân ông ta phát động. Lâm Bưu đã tối mắt vì quyền lực mà đòi đối chọi ngang hàng với ông ta, điều này có thể nói rằng Mao Trạch Đông có nghìn lần tưởng tượng cũng không tưởng tượng ra nổi. Sự việc đã phát triển theo chiều hướng ngang trái như vậy, nên không thể không khiến cho Mao Trạch Đông, một ông già đã qua tuổi 76 cảm thấy bị đánh mạnh vào tinh thần. Trong trận giao đấu này, người thu hoạch được nhiều bổng lộc nhất là Giang Thanh và đồng bọn.

Trước đại hội, hai tập đoàn lớn là Lâm Bưu và Giang Thanh đã ra sức tranh đoạt quyền lợi, nên đã không ngừng đấu đá nhau một cách công khai. Trong hội nghị, tập đoàn Giang Thanh đã tố cáo tập đoàn Lâm Bưu, và được coi như "lập chiến công". Sau hội nghị, đồng thời với việc quyền lực của tập đoàn Lâm Bưu bị suy yếu, giảm dần, thì thế lực của tập đoàn Giang Thanh lại nhân đó mà phát triển lên, mạnh lên. Địa vị của Lâm Bưu có chuyện, Lâm Bưu lo lắng, Giang Thanh thích thú, Mao Trạch Đông u uất.

Điều đó không phải nói theo sách, cũng chẳng phải là diễn giải, mà đó là sự thực trên chính trường Trung Quốc trong thời kỳ động loạn.

Đại hội xong, khi rời Lư Sơn, Mao Trạch Đông nói: "Sự kiện Lư Sơn này, vẫn còn chưa xong, vẫn còn chưa giải quyết".

Thế là Mao Trạch Đông đã quyết tâm giải quyết vấn đề Lâm Bưu. Một mặt Mao Trạch Đông, đối với những ban ngành và địa phương do Lâm Bưu và bè

cánh điều khiển thì dùng các biện pháp “ném đá, moi nền, đào chân tường” để làm cho các thế lực đó teo dần đi, mặt khác từ tháng 8 đến tháng 9/1970, Mao Trạch Đông đi tuần du khắp nơi, luôn luôn có các cuộc nói chuyện, chỉ rõ tính nghiêm trọng của cuộc đấu tranh. Tập đoàn Lâm Bưu tội ác quá nhiều, không ai không biết, đã như cá nằm trong chậu, chỉ còn chờ bắt. Lâm Bưu hoảng hồn, những kẻ khác trong tập đoàn đó cũng lo sốt vó. Con trai của Lâm Bưu là Lâm Lập Quả âm mưu ám sát Mao Trạch Đông không thành, sự việc bị bại lộ, Lâm Bưu cuối cùng đã bước lên con đường không có lối trở về.

Ngày 13/9/1971, Lâm Bưu đã cùng với vợ là Diệp Quần, con là Lâm Lập Quả, bàng hoàng chạy trốn cướp một chiếc máy bay ở sân bay Sơn Hải Quan, bay theo hướng bắc, định chạy trốn sang Liên Xô. Tục ngữ có câu: “Làm điều bất nhân tự nhân gánh lấy”. Chẳng biết thần sai quỷ khiến ra sao, chiếc máy bay không bay được tới đích, nên đã bị rơi ở bên trong biên giới của Nội Mông Cổ. Những gò đống của sa mạc hoang vu là nơi vùi xác của một kẻ tội đồ, độc ác không thể nào dung thứ được: Lâm Bưu.

Cần phải ghi nhớ rằng, trong Cách mạng Văn hóa, trên con đường thăng quan tiến chức của hắn, đã có không biết bao nhiêu con người bị hắn vu cáo, không biết bao nhiêu người bị hắn hãm hại, không biết bao nhiêu người bị bắt, bị giam giữ, bị đánh đập, bị những cực hình dày vò, bị bức hại đến thành tàn tật, bị bức hại đến chết. Chính cái “Văn phòng hai” Ban chuyên án Trung ương do tập đoàn Lâm Bưu quản lý đã nổi danh như cồn chính là do những sự tàn khốc nhất, bạo nghiệt nhất này. Tội ác mà Lâm Bưu và bọn quân tốt của hắn phạm phải có đến chẻ hết tre cũng không sao ghi đủ. Cái tên tội phạm nghìn đời ấy, với cái chết rơi, chết rụng, không có nơi vùi xác ấy, quả đúng là trời xanh có mắt vậy!

Những ngày bình lặng không yên ổn

Trong vòng hai năm 1970 và 1971, sự nổi lên lắm vẻ của vũ đài chính trị, khiến người ta không sao nhìn nhận kịp mọi sự kiện đột ngột nảy sinh, thật náo nhiệt đáo để. Nhưng ở trường bộ binh Vọng Thành Cương nằm ngoài ngoại ô thành phố Nam Xương tỉnh Giang Tây, gia đình Đặng Tiểu Bình vẫn bình thường và "yên ổn" trong đời sống bị quản thúc của mình..

Nam Xương là một chiếc hỏa lò nổi tiếng của Trung Quốc, mùa hè ở đây, nóng ghê nóng gớm!

Trời nắng gay gắt độc địa, trên nhiệt độ kế, đôi khi vọt lên tới con số 40 độ C. Trời đất nóng, ngay cả trong bóng cây cũng nóng. Ngoài trời nóng, khi đứng gió, trong nhà còn nóng hơn, nóng bức khiến con người không biết ẩn vào đâu, trốn vào đâu. Người phương nam chịu nóng quen còn đỡ, nhưng đối với những người sống ở phương bắc đã lâu, gặp phải cảnh ấy, thật mà khó chịu đựng nổi. Nhưng dù không chịu đựng nổi, ngày tháng vẫn cứ trôi qua. Ở trong nhà, chẳng ai biết đến, thôi thì may ô, quần đùi, thế nào cũng xong.

Nhưng đến xí nghiệp vẫn cứ phải đóng quần dài áo dài đủ lệ bộ, như vậy cũng đã đủ nóng rồi, nhưng cha tôi còn phải lao động, nên càng bức bối hơn. Cha tôi làm thợ nguội, cầm đến cái giũa làm việc là mồ hôi túa ra đầy người, chỉ một lát sau, quần áo đã ướt đầm đìa. Mẹ tôi thấy cha tôi đầm đìa mồ hôi như vậy, khuyên cha tôi nên ngồi xuống nghỉ một lát. Cha tôi nói: "Không phải là không ngồi nghỉ. Nhưng ngồi xuống thì không đứng lên nổi". Dù sao cha tôi đã là ông già 66 tuổi rồi.

Mỗi lần từ xí nghiệp về nhà, cha tôi lại lấy nước lạnh lau rửa tắm táp. Nhưng gọi là nước lạnh vậy thôi, thực ra đâu có phải là nước lạnh, nó cũng nóng ngang với nhiệt độ tay mình. Buổi tối đi ngủ, chiếu cói nóng, thay bằng chiếu tre. Chiếu tre cũng nóng, lấy nước lạnh lau lên mặt chiếu, rồi té nước xuống sàn nhà, cũng có cảm giác mát mẻ đi được tý chút. Nửa đêm nóng quá không ngủ được lại phải lấy nước lạnh lau người, rồi lại té nước xuống sàn. Nhưng cái khổ nhất trong mùa hè là ngôi nhà trên đồi, nước không thể lên được đến trên gác. Ở nhà, cha tôi được tính là người trai tráng nhất, nên việc xách nước từ tầng một lên tầng hai, công việc nặng nhọc ấy ông phải làm. Có khi nước không lên được cả trên đồi. Trong nhà không có nước, đành phải đi lấy nước ở tận bên ngoài sân

nhà, do cha tôi không được tùy tiện ra khỏi nhà, “chức vụ nặng nề” đành phải nhờ chiến sĩ Tiểu Hạ gánh giúp.

Tiểu Hạ thấp bé, nhưng lại hay làm. Một chiếc đòn gánh, gánh hai thùng sắt tây nước, mồ hôi nhễ nhại, không những gánh nước vào trong nhà, lại còn giúp cả việc đưa nước lên gác, đổ vào chậu để dành. Đúng là Tiểu Hạ giúp cho thật nhiều việc. Bà tôi mời anh ăn bát rượu nếp, anh cũng không ăn. Mời anh uống nước, anh cũng chẳng uống. Anh chỉ lấy tay gạt mồ hôi trên mặt, cười cười một cách hiền lành, vừa lắc lắc đầu, vừa quẩy đôi thùng không đi ra. Tiểu Hạ là một chàng trai hiền lành, đôn hậu, thực thà, thẳng thắn, trong suốt hai năm giời, lúc này lúc khác, tối sớm, anh đã giúp cho gia đình tôi rất nhiều việc.

Đời sống cứ như vậy, có vui có khổ, khổ mãi rồi cũng có vui, trong cuộc sống, chỉ cần anh cố gắng lên, tất sẽ được đền bù, báo đáp. Ngoài sân, các loại rau đậu đã trồng, đã lớn vượt lên cả. Do người chăm bón đủ, cây mập mạp vươn lên, vì thế mà nó cũng bói quả sớm. Những quả cà lủng lẳng treo trên cành, quả nào quả nấy to đùng, tím đến bóng lên. Những quả cà chua lấp ló trong đám lá xanh, từ màu xanh đổi sang màu vàng, rồi lại từ màu vàng biến thành màu đỏ, ớt chỉ thiên, cái đuôi nhọn hoắt, quả cũng nhòn nhọn. Những quả đậu tằm, xanh non mỡ màng, ngắt một quả, bóc cái vỏ xanh mềm, những hạt đậu bóng loáng lộ ra, hạt nào hạt nấy mòng mọng, tròn đầy, xanh non đều tăm tắp, những quả đậu Hà Lan căng phồng, hái xuống tách ra, những hạt đậu màu xanh tròn trịa lăn ra trông như những hạt ngọc xanh. Nhưng những cây đậu đũa mọc nhanh nhất, những quả đậu đài thõng thượt, cong cong, mới chỉ có hái có mấy gốc mà đã đầy nhà. Hành, tỏi, cứ bấm đi lại dài ra, dài ra lại bấm, tưởng chừng như được hái lượm không bao giờ hết, ăn mãi vẫn còn. Chiếc giàn bắc bằng mấy cây sào ở sân sau, đã đầy ngọn leo bám, những quả mướp hương, mướp đắng treo đầy giàn, mỗi ngày một dài ra, mỗi lớn lên, lớn lớn, dài dài. Những đường chỉ gồ ghề nổi lên trên vỏ những quả mướp hương căng mọng trông thật rõ từng nét một, những quả mướp đắng sần sùi, lô nhô chẳng ra hàng lối, nhưng càng lớn càng trắng ra.

Ở cái khu nhà ấy, căn gác nhỏ xam xám, đất đỏ màu son, cây ngô đồng biêng biếc, trước nhà, sau nhà, rặt những rau. Ôi! Rau ơi! Quả ơi! Mùa xuân lên xanh mượt, mùa hè cũng chẳng chịu héo hon. Với thứ của nả đó, ba ông bà già làm ăn khá hẳn lên. Thế là hay rồi, trong nhà không những không phải mua rau cỏ, có thể tiết kiệm được một số tiền chi tiêu lớn, mà trong sân còn mang một sức sống tràn trề, nhìn đã thấy vui con mắt, mà trong lòng cũng thấy thanh thản, nhẹ nhõm.

Giữa lúc thịnh hạ, chị cả Đặng Lâm xin được phép nghỉ, về thăm nhà ở Giang Tây.

Ngay từ bé, sức khỏe Đặng Lâm đã kém lắm, đó là điều cha mẹ tôi lo lắng nhất. Nay được thanh nhàn đoàn tụ, tất nhiên mẹ tôi phải hỏi tường tận, tỉ mỉ về đời sống và công việc ở Tuyên Hóa. Đặng Lâm nói cho mẹ biết, chị và các bạn học tuy được gọi là tốt nghiệp, làm lao động trong một đơn vị bộ đội để được "giáo dục lại", có lương, nhưng vẫn chưa thể coi là phân phối công tác được. Những sinh viên ở các trường đại học khác hầu như đều đã được phân công công tác rồi, duy chỉ có Học viện Mỹ thuật là có "đặc điểm riêng". Ôi chao, học viện mỹ thuật ư, học viện âm nhạc ư? Tất cả đều phải được "giáo dục lại". Ai xui đồng chí Giang Thanh lại "quan tâm" tới giới văn nghệ sĩ đến thế!

Đặng Lâm và bạn học, học nửa năm trời nghề làm giấy trong xí nghiệp, nhưng sau lại đi "tô điểm trái đất". Nào trồng lúa, trồng màu, bao nhiêu việc ruộng đồng, đậu làm tuốt tuột. Nhưng dù công việc đồng áng có cực khổ đến mấy, vẫn còn chịu đựng được, làm lụng được. Nhưng cái khổ nhất, nhục nhất, là bị bộ đội quản lý, không khí chính trị đặc sệt, tinh thần luôn luôn bị đè nặng bởi những áp lực to lớn đó. Có một lần Đặng Lâm để quên chiếc đồng hồ đeo tay ở bờ ruộng, chị mượn một chiếc xe đạp, đạp hơn 40 dặm đường đi lấy lại đồng hồ. Chẳng biết giời xui đất khiến thế nào, đúng vào thời gian đó, lại xảy ra chuyện "phản cách mạng", tức là có một cái ảnh của Lâm Bưu bị chọc thủng một lỗ, và đối tượng đáng nghi nhất trong đại đội là chị Đặng Lâm, thế là đùng đùng ập tới một đợt "kiểm tra, kiểm điểm". Lại một lần nữa người của Học viện Mỹ thuật Trung ương tới đó điều tra "liên hệ với người nước ngoài", nói rằng có người tố cáo Đặng Lâm đã vẽ một sơ đồ Trung Nam Hải cho một người nào đó. Vẽ sơ đồ Trung Nam Hải, tiết lộ bí mật quan trọng như thế quả là "tội lớn" vậy, do đó mà Đặng Lâm cũng bị "thẩm" mất bao nhiêu thì giờ. Nhưng chuyện vốn không có, vẫn là chuyện không có, nên dù có "thẩm", cũng vẫn chẳng "vấn" được chuyện gì, cuối cùng cũng chỉ là chuyện cho có chuyện vậy thôi. Tất cả những chuyện "thẩm tra" chính trị như vậy, đối với Đặng Lâm mà nói, nó làm cho chị ưu phiền, luôn luôn phải chịu đựng một áp lực về tinh thần, đã khiến chị mất không biết bao nhiêu nước mắt. Chị thèm muốn được sống kiểu ở nông thôn như em gái, em trai. Ở nơi thôn dã, tuy phải sống khổ cực, nhưng về mặt tinh thần lại được tự do. Chị càng thèm muốn được sống như các em, chị lại càng thương càng nhớ các em hơn, nên số tiền 46 đồng bạc mỗi tháng, ngoài việc chi cho ăn uống của mình, chị đem mua giày bông, đồ hộp gửi đi cho các em. Đã từ lâu chị muốn xin phép về thăm nhà ở Giang Tây, nhưng xin đi xin lại mãi, đại đội vẫn không cho

phép.

Bây giờ thì tốt rồi, chị đã về tới nhà, không còn những cuộc "kiểm tra, kiểm điểm" gần như không bao giờ dứt. Bây giờ được tự do, tự tại bên cạnh cha mẹ, nghĩ lại mà cứ tưởng như đang nằm mơ. Đại đội học sinh cũng chỉ cho phép nghỉ ngắn ngày, ở nhà cũng chẳng được bao lâu, nên Đặng Lâm muốn tranh thủ phụng dưỡng cha mẹ, cố làm giúp cha mẹ già một số công việc. Chớp mắt, đã đến lúc phải ra đi, nhưng trong lòng lại chẳng muốn dứt áo ra đi một tý nào. Cứ kéo, cứ kéo cho đến một hôm không thể kéo dài thêm nữa, Đặng Lâm chỉ còn cách đeo ba lô lên vai, từ biệt bà cùng cha mẹ già bằng những dòng nước mắt.

Con gái đi rồi, ở nhà lại chỉ còn có ba ông bà già. Cũng may mà những ngày hè oi bức, gay gắt cũng sắp qua đi. Đến tháng 9, gió heo may còn chưa về, nhưng cái nắng cũng chẳng còn nung nấu con người nữa.

Trong khi chẳng ai để ý đến, thì bốn cây quế trước nhà bỗng nở đầy hoa màu kim hoàng. Hoa nở thật nhiều, trên đầu cành, chen giữa lớp lá xanh, phủ kín chi chít những cánh hoa vàng. Hoa quế thật đẹp, mà cũng thật thơm. Mùi hương làm say đắm lòng người, mùi thơm tỏa khắp quanh vùng. Hương thơm ấy, nhè nhẹ bay đi, từ nhiều dặm xa cũng có thể ngửi thấy. Bà tôi và mẹ tôi đem trải những mảnh ni lông xuống dưới gốc cây, rồi rung cành, hoa quế lả tả rơi xuống. Bà và mẹ thu gom lại, đem ngâm với đường trắng, tạo thành thứ hương liệu cực thơm, để dành chờ các con về, làm những chiếc bánh bao nhân đường hoa quế thơm ngon.

Như trên đã nói, những cơn sóng cồn chính trị khiến người nghe phải kinh hãi xảy ra tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa IX, vậy mà cha tôi chẳng biết gì.

Tháng 9/1970, cha tôi nghe tin hội nghị toàn Trung ương triệu tập, nên ngày 13/9/1970 ông bèn viết thư cho Uông Đông Hưng, bày tỏ thái độ mình với việc triệu tập đại hội đó, đồng thời nhờ Uông Đông Hưng báo cáo điều đó với Mao Trạch Đông và Trung ương Đảng. Uông Đông Hưng để trình lá thư đó lên Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông đọc xong, còn phê chuyển cho Lâm Bưu, Chu Ân Lai và Khang Sinh cùng đọc. Cha tôi tới Giang Tây đã gần một năm, cha tôi chỉ dùng có cách thức đó để giữ liên lạc với Trung ương. Tuy không xác định được chắc chắn rằng Mao Trạch Đông có đọc những lá thư đó hay không, và cũng không xác định được những lá thư ấy đã có những tác dụng gì nhưng ông vẫn cứ viết thư như thường lệ.

Cùng với hôm viết lá thư đó, ông còn viết riêng cho Uông Đông Hưng một lá thư khác.

Lá thư thứ nhất là nói chuyện chính trị, lá thư thứ hai là viết về tình hình ông ở Giang Tây, cùng với những công việc của gia đình. Trong lòng cha tôi, chuyện gia đình chỉ có đứng dưới chính trị, nó vô cùng quan trọng.

Ông viết trong thư: "Tình hình tôi và Trác Lâm, cũng vẫn hoàn toàn giống y như trong những lá thư trước. Buổi sáng mỗi ngày đến lao động ở xí nghiệp, buổi chiều, buổi tối ở nhà đọc sách, học tập và đọc báo, nghe phát thanh, ngoài ra còn làm một số việc nhà. Trừ trong nhà và sang xí nghiệp, tôi chưa hề bước một bước chân ra bên ngoài. Hàng ngày sang xí nghiệp vẫn có đồng chí cán bộ Hoàng Văn Hoa đi cùng. Mọi thứ vật dụng hàng ngày, đều do đồng chí Hoàng Văn Hoa và một chiến sĩ trẻ mua giúp, nên cũng chẳng có khó khăn gì. Lao động đã trở thành một nhu cầu lớn nhất của chúng tôi, tuy những ngày thịnh hạ vô cùng nóng bức nhưng chúng tôi vẫn kiên trì tới xí nghiệp. Trong sân vườn, chúng tôi còn trồng rau xanh. Với bên ngoài chúng tôi không có liên lạc với ai, trừ mấy đưa con có thư từ đi về. Con trai lớn của tôi là Đặng Phác Phương ở bệnh viện nghe nói về mặt điều trị cũng có những tiến triển, trước kia đại tiểu tiện bị bế tắc, phải dùng phương pháp nhân tạo, thì nay đã tự tiểu tiện được, còn đại tiện cũng nhúc nhắc được ít nhiều. Sinh hoạt phí của cháu là do Văn phòng Trung ương trực tiếp phát cho (nghe nói mỗi tháng được 30 đồng, 25 đồng tiền ăn, còn năm đồng tiêu vặt, thế là tốt rồi). Con gái lớn của tôi là Đặng Lâm vẫn ở Tuyên Hóa, trường học của cháu vẫn bận rộn với phong trào, chưa biết bao giờ mới được phân công. Khi được phân công công tác, vợ chồng tôi vẫn trông chờ vào sự giúp đỡ của ông (như thư trước đã nói). Còn các cháu khác vẫn lao động ở nông thôn, một ở huyện Hân, Sơn Tây, một ở huyện Phú, Thiểm Bắc, một ở huyện Ninh Cường, Hán Trung".

Trong thư của cha tôi, tường thuật lại tình hình đời sống của mình, nói tới cả chuyện con cái. Tính nết của cha tôi, xưa nay chỉ nói tới những việc lớn, vậy mà bây giờ, ông lại dài dòng nói tới những chuyện vụn vặt trong gia đình. Nhưng ở đây, cha tôi đã thông báo mọi tình hình, tin tức với Trung ương, đồng thời cũng là có một ý tứ riêng: giữ được đường dây liên lạc, nếu trong nhà chẳng may có xảy ra chuyện gì, thì có thể nhờ Trung ương giải quyết giùm. Cha tôi dùng phương thức thư từ để giữ vững mối liên hệ với Trung ương, nhưng lại rất hạn chế, nhưng có mức độ. Nói chung, nếu chẳng có chuyện gì mới, có tới nửa năm ông mới tính chuyện thư từ. Nhưng sau khi bức thư nói trên gửi đi được gần một tháng, ngày 17/10, ông lại viết tiếp cho Uông Đông Hưng một lá thư mới.

Bởi vì ông bà vừa mới nhận được một thông báo, trên tổ chức báo cho biết, họ cho rằng, bệnh tình của Phác Phương đã có nhiều chuyển biến tốt, nên họ quyết định cho anh xuất viện, và sẽ cho một hộ lý đưa anh về Giang Tây cùng sống với gia đình.

Tin đó đến với ba người già, quả thật là quá đột ngột. Bệnh tình của con đã chuyển biến tốt, nhưng tốt ở mức độ nào, liệu có cần phải tiếp tục điều trị hay không, đưa về gia đình, làm sao mà chăm sóc nổi, vân vân và vân vân, tất cả đều làm ai nấy bàng hoàng khó xử. Trong tình hình như thế, ông chẳng còn biện pháp nào hơn là viết thư cho Uông Đông Hưng, cầu viện Trung ương.

Cha tôi viết: “Qua cháu Đặng Lâm, tôi được biết rằng, việc chạy chữa cho Đặng Phác Phương cũng đã có nhiều chuyển biến tốt, cháu đã có thể tự đi tiểu tiện được, nhưng cũng còn rất khó khăn, việc cố đi đại tiện lấy, lại càng khó khăn hơn. Song cứ theo như suy nghĩ của tôi, phần dưới thân thể của cháu là hoàn toàn bị liệt, mọi động tác đều phải do người khác làm giúp, không thể qua khỏi nhanh như thể được. Nếu như Phác Phương còn bị liệt, tất nhiên còn cần phải có người giúp đỡ, bây giờ đưa về đây cho chúng tôi, chúng tôi biết xoay xở ra sao? Chúng tôi ở đây chỉ có ba người toàn già lão cả, bà kế mẫu của tôi đã trên 70 tuổi, tôi cũng đã 67 rồi. Trác Lâm tuy chỉ 55 tuổi, nhưng lại đầy bệnh tật trong người, sức khỏe còn không bằng được chúng tôi, bệnh cao huyết áp tương đối nặng (gần đây số đo huyết áp bên dưới đã từ 100 tăng lên đến 116, số đo bên trên là 180), bệnh tim mạch cũng đang ngày một nặng hơn. Chúng tôi thật không có cách gì mà trông nom cháu (Phác Phương) được. Điều quan trọng hơn là chúng tôi vô cùng mong mỏi cho cháu Phác Phương được chữa khỏi bệnh. Bây giờ tuy bệnh tình cũng đã có những chuyển biến tốt, nếu như được tiếp tục điều trị thêm, tất có khả năng khỏi hẳn. Cho nên, chúng tôi khẩn thiết đề nghị cho cháu được tiếp tục điều trị trong bệnh viện. Điều kiện của chúng tôi hiện nay, thật chẳng có cách nào hơn, nên chỉ đành đề nghị ông giúp đỡ, đề nghị đảng giúp đỡ cho”.

Qua lá thư ấy, có thấy được sự lo lắng của cha tôi. Nếu như anh Đặng Phác Phương phải về Giang Tây thật, không những ba ông bà già không chăm sóc nổi, mà quyền lợi duy nhất là được chữa trị cũng mất hết. Nếu như không rơi vào cái hoàn cảnh quẫn bách như thế, cha tôi cũng chả đi nhờ vả làm gì.

Thư gửi đi rồi, ba người già cũng chẳng biết còn có biện pháp nào hơn, nên hàng ngày chỉ đành bồi hồi ngóng tin. Đúng là trời xanh không phụ lòng người có tâm, chỉ ít lâu sau, cấp trên đã có thông báo, tạm thời bãi bỏ quyết định đưa

Phác Phương về Giang Tây. Đến lúc ấy bà với cha mẹ tôi mới thực thở được một hơi dài nhẹ nhõm.

Thời gian trôi đi thực nhanh, thoáng cái mùa thu lại đã tới gần. Mùa thu là mùa mang đầy hứa hẹn với chúng tôi. Thu hoạch vụ mùa xong là đến những ngày nông nhàn; cánh học sinh đi cắm chốt như những con hậu điểu (chim di cư theo mùa – N.D) giương đôi cánh tung bay về nhà. Tôi và em trai Phi Phi cũng theo nhau trở lại nhà ở Giang Tây.

Tết năm 1971, đó là thời khắc cả gia đình vui vầy, đoàn tụ. Cả gia đình vui vẻ tưng bừng. Tất cả mọi âu sầu phiền não trên thế gian này đều quẳng bỏ ra phía sau lưng.

Tết dương lịch qua đi chưa đầy một tháng, đã lại là tết ta. Khi đó chị hai Đặng Nam tôi, từ Hán Trung, Thiểm Tây cũng xin được nghỉ phép về nhà.

Căn gác nhỏ của trường bộ binh chưa bao giờ lại đông người đến thế. Người ta thường hay nói: ba cô gái, thành một sân khấu tuồng. Nhưng hai cô gái nhà tôi đều thuộc loại rộng miệng, cười cười, đùa đùa, đủ để địch lại ba người khác. Con trai không dạy, lỗi ở người cha, con gái không dạy, lỗi mẹ trong nhà. Mấy đứa con gái chúng tôi cười đùa táo tợn, lắm điều, đúng là lại mẹ tôi không nghiêm, đã chiều chuộng, “dung túng” chúng tôi từ nhỏ. Còn cha tôi, vốn là ông lão điếc nổi danh, nên nghe thấy ông cũng vui, mà chẳng nghe thấy gì, cũng cứ vui.

Kể từ năm 1966, sau khi chúng tôi bị đuổi ra khỏi Trung Nam Hải, đây là lần đầu tiên gia đình tôi có mặt đông đủ như vậy - trừ Đặng Lâm và Phác Phương ra, cả gia đình nhà tôi chìm đắm trong niềm vui đoàn viên và ăn mừng năm mới.

Đặng Nam ở Hán Trung đã kết hôn với một người bạn học cùng lớp. Đầu tiên chị bị phân công vào một đội sản xuất ở nơi thâm sơn cùng cốc. Ở đấy, ra khỏi cửa đã là núi cao vòi vọi, ruộng đất rất hiếm. Dân ở dây cực nghèo, đến phiếu vải hàng năm được cấp phát cũng đem bán lấy tiền để mua muối cùng những nhu yếu phẩm khác Nhưng ở cái đất nghèo khó ấy, dân lại đối xử với Đặng Nam vô cùng tử tế. Bà con ở đấy, một năm mới nuôi được một con lợn, tết đến mới đem ra mổ thịt. Một con lợn, nửa con đem cân cho nhà nước, còn nửa con để giành ăn trong cả năm. Muốn ăn một bữa thịt, không phải chuyện dễ gì. Nhưng những người miền núi bao giờ cũng thực thà tốt bụng, bất kể nhà nào có thịt ăn, đều đi gọi Đặng Nam. Đi làm hằng ngày, cũng rất chiếu cố tới Đặng Nam. Bà con cắt lúa dưới ruộng, nhưng lại để cho Đặng Nam đứng trông cân, làm những việc nhẹ. Họ chẳng bao giờ tính đến chuyện “đi theo tư bản” hay loại “con cái có

thể giáo dục được” gì gì hết. Ở đó, Đặng Nam đã được sống một cuộc sống chân tình, thành thật giữa nhân gian. Nghĩ lại và so với những ngày ở Bắc Kinh, với cái kiểu “chính trị làm thống soái” và “lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh”, thì đời sống ở đây chân thực và thoải mái hơn nhiều. Chỉ có một lần, chị Đặng Nam leo lên núi cao chặt củi, đường núi cao đã trơn, trên lưng lại còn phải gùi một bó củi nặng đến mấy chục cân (1 cân Trung Quốc bằng 0,5kg – N.D), không cẩn thận bị trượt chân, chỉ xuýt xoát nữa là lao xuống vực thẳm, coi như tàn đời.

Lòng trung hậu của bà con nông dân miền núi cao, rừng sâu khiến ai cũng phải cảm động, nhưng đời sống của bà con lại quá cực khổ gian nan, làm cho ai thấy cũng phải rầu lòng. Nước Trung Quốc mới xây dựng đến nay đã hơn 20 năm rồi, mà dân chúng vẫn ăn chẳng đủ no, mặc chẳng đủ ấm như thế. Những người cộng sản phải đổ máu hy sinh, giành lại giang san, tại sao cuối cùng lại như vậy?

Ngày Tết đã tới. Cả gia đình vui vẻ tưng bừng ngồi xuống bên bàn, cười cười nói nói rộn ràng ăn bữa cỗ đêm giao thừa. Nhìn đám con gái đều được bình an vô sự, lòng người già như được thêm một niềm an ủi. Cha tôi cao hứng lên, ông uống thêm một cốc rượu, mặt ông đỏ hồng dưới ánh đèn.

Cảnh ngộ Phác Phương

Trong khi cả gia đình tôi đang chìm đắm trong niềm vui ngày Tết ở Giang Tây, thì ở Bắc Kinh xa xôi đã xảy ra chuyện bất hạnh. Ngày 27/1/1971, là ngày Tết âm lịch của năm 1971. Ngày tết ta là ngày tiết lễ truyền thống, long trọng nhất của người Trung Quốc. Trong khi mọi người đang bận rộn với việc tống cựu nghênh tân, thì một bàn tay ác độc đã vươn tới một con người bất hạnh.

Có một số người thấy Phác Phương được yên ổn chữa trị trong bệnh viện 301, thì trong lòng họ tức tối. Bọn chúng định bày trò ma quỷ đối với Phác Phương, mà mức độ tối thiểu cũng là tống cổ Phác Phương ra khỏi bệnh viện 301. Trước đây chúng đã bật Phác Phương ra khỏi bệnh viện 301 đưa về Giang Tây, nhưng vì cha tôi viết thư cho Trung ương nên chúng không làm gì được. Nhưng Tết Nguyên đán vừa qua là chúng lại động thủ một lần nữa. Với những ý đồ âm mưu ấy, Phác Phương hoàn toàn không biết gì hết. Vừa qua tết dương lịch, bác sĩ đã chụp phim cho Phác Phương, nói rằng tủy sống đã thông suốt được một nửa, và đang nghiên cứu xem nên điều trị tiếp thế nào. Anh hoàn toàn không thể ngờ rằng, một tai họa lại sắp giáng xuống đầu anh.

Ngày 21/1/1971, tức là chỉ còn một tuần lễ nữa là đến Tết Nguyên đán. Bệnh nhân trong bệnh viện cũng bận rộn hẳn lên, có người thì nhận được những gói to, bọc nhỏ của người thân, có người lại thu thập đồ dùng chuẩn bị xuất viện về nhà ăn tết. Hôm đó, cơm trưa xong, bệnh nhân đều trở về phòng mình, chuẩn bị đi nghỉ trưa. Đột nhiên trong phòng bệnh của Phác Phương xuất hiện mấy người của trường đại học Bắc Kinh. Thái độ của họ rất hằn học, hung hăng nói với Phác Phương: “Trên tổ chức quyết định, thay đổi nơi điều dưỡng của anh”. Đối với “thông báo” này, Phác Phương thấy vô cùng đột ngột. Từ trong đáy lòng mà nói, anh thực tình không muốn đi khỏi bệnh viện 301 này. Nhưng những người đó lại nói rành mạch rõ ràng rằng đây là quyết định của tổ chức, nên không cần hỏi ý kiến của đương sự. Như thế, thì còn biết nói sao nữa đây, Phác Phương nói với nét mặt vô cảm: “Đồng ý”. Sau đó anh hỏi một câu rất đơn giản: “Bao giờ đi?” Những người đó cũng trả lời đơn giản không kém: “Đi ngay bây giờ”.

Đi ngay bây giờ! Từ khi họ đến, tới lúc ấy cũng mới chỉ được có mấy phút, mà lại “Đi ngay bây giờ!” Phác Phương chẳng nói gì nữa, mà ngay cả việc đi tới đâu, anh cũng chẳng hỏi lại. Hỏi, liệu có ích gì? Đã đến bước ấy, số phận anh, thôi thì cứ mặc cho chúng sắp đặt. Khi đến bệnh viện 301, anh chẳng mang theo

đồ dùng gì, cho nên khi rời bệnh viện 301 anh cũng chẳng có thứ gì cần phải thu xếp. Chẳng có đồ đạc gì mang theo, nên anh đã ra đi ngay. Phác Phương để người ta khênh anh ra khỏi phòng bệnh, để mặc người ta đưa anh lên ô-tô, anh không nói thêm một câu nào.

Chiếc xe ra khỏi bệnh viện 301 nằm ở ngoại ô phía tây thành phố Bắc Kinh, chạy rất lâu rồi rẽ vào một khu sân lớn. Sau khi xe dừng, người của trường đại học Bắc Kinh khênh Phác Phương xuống, rồi vội vội vàng vàng khênh tiếp vào trong một gian phòng, xong việc bọn họ không nấn ná thêm một phút, tếch thẳng. Đây là nhà tế bần thành phố Bắc Kinh, nằm ở thị trấn Thanh Hà, ngoại ô thành phố: Thành phố Bắc Kinh khi đó là một thành phố cũ kỹ, phương tiện giao thông chưa phát triển. Thị trấn Thanh Hà lúc đó đối với người dân trong nội thành, đã là một nơi khá xa.

Trong nhà tế bần thu nạp những quân nhân tàn phế, những người thuộc gia đình liệt sĩ, cùng với những người già lão không người chăm sóc, không nơi nương tựa, còn có cả những người tàn tật và trẻ con tàn phế. Nơi họ đưa Phác Phương đến là một căn phòng rất lớn. Trong gian phòng đó có tất cả 11 người tàn tật. Trong những ngày đông tháng giá, trong phòng được nhóm hai lò than để sưởi. Những người còn có thể đi lại được trong gian phòng đó chỉ có hai người, một là ông lão đã 79 tuổi, ông lão nghễnh ngãng, công việc chủ yếu của ông là giúp mọi người đốt lò, lấy cơm, và đưa chăn đệm bẩn đi đổi, một người khác nữa là một thằng bé ngu ngơ mất trí, có thể giúp được đôi việc nhưng lại không biết làm gì, tất cả phòng chỉ trông vào một già một trẻ đó đỡ đần cho mọi việc.

Sau khi Phác Phương tới đây, một thân cô độc, không có bất cứ một thứ gì. Nhà tế bần phát cho anh một chiếc chăn, một tấm khăn trải giường và một bộ áo bông quần bông may bằng vải đen. Anh không có áo lót và cũng chẳng có quần lót, cứ thế mặc thẳng vào người. Những người cùng phòng thấy có bạn bệnh nhân mới, đều rất nhiệt tình, vẫy vẫy, và nói cho biết mọi thứ tình hình.

Đó là thời kỳ Cách mạng Văn hóa, có cái gì gọi là phúc lợi xã hội, cái gì gọi là nhân đạo đấy, tất cả bị đánh đồng là “việc thân thiện giả vờ” của “giai cấp tư sản”, và bị phê phán tuốt. Cho nên tất cả những cơ cấu phúc lợi, đều không được gọi là “viện phúc lợi”, mà đều gọi là “nhà tế bần”, hoặc được đặt cho một cái tên rất mỹ miều là “Viện điều dưỡng quân nhân vinh dự”. Đã gọi là nhà tế bần thì mọi điều kiện phúc lợi đều rất tồi tệ. Khi đó, sức sản xuất của xã hội đã xuống rất thấp, đời sống của dân chúng đã tương đối khó khăn, thì còn nói gì đến việc “cứu tế” cho những người ốm đau, tàn tật trong các nhà tế bần của xã hội nữa.

Trong nhà tế bần, mỗi bệnh nhân mỗi tháng phải đóng 21 đồng tiền sinh hoạt phí, trong đó có tám đồng là tiền ăn, còn lại là tiền thuốc men và các thứ chi dùng khác. Sớm tối ăn độn (ngô, khoai, sắn) trưa ăn cơm, ngày lễ ngày tết mới có tý thịt. Người bệnh phải nộp số lương thực định lượng của mình, tức là số tem phiếu lương thực hàng tháng. Tất cả phòng ốc của nhà tế bần ấy đều rất cũ và xuống cấp, nên điều kiện vệ sinh làm càng kém hơn. Tình hình bệnh tật của Phác Phương khi đó là: vị trí bộ phận bị liệt ở rất cao, không có chỗ làm điểm tựa, ngay đến việc lật xoay người cũng không làm được.

Khi ở bệnh viện 301, giường bệnh có một vòng treo, có thể níu vòng đó để hoạt động cơ thể. Nhưng ở đây, làm gì có được điều kiện đó, việc lật người ăn cơm, đại tiểu tiện, đều vô cùng vướng víu, khó khăn, nếu không cẩn thận một chút là có thể bị rách da thịt đùi. Nếu một người chẳng có bệnh tật gì, rách một miếng thịt, toạc một mảnh da cũng chẳng làm sao, nhưng đối với một bệnh nhân bị liệt, toàn bộ cơ thể tính từ phần ngực trở xuống đều bị teo rút lại, thì chỉ rách một mẩu da, sẽ rất khó lành trở lại. Phác Phương bị tống từ bệnh viện 301 về đây, cuộc sống gian nan như thế, nên nếu dùng hai chữ thảm thê cũng không nói hết được nỗi lòng của anh. Chỉ có một điều an ủi duy nhất đối với anh là những người bạn cùng phòng ai ai cũng tốt. Điều đó cũng chẳng lạ, bởi “cùng một lứa bên trời lận đận” với nhau cả mà.

Ngày 27/1/1971 là ngày Tết Nguyên đán, ngày tiết lễ truyền thống của nhân dân Trung Quốc. Ngày tết, ngày năm mới, vốn là ngày đoàn viên vui mừng. Nhưng đối với những người bất hạnh mà nói, trong khi những người khác vui vầy, quần tụ, đón xuân, ăn tết, lại là những giờ phút đau lòng nhất, cô độc nhất.

Cô của chúng tôi là Đặng Tiên Quần và chồng cô là Lật Tiền Minh, công tác ở Thiên Tân về Bắc Kinh ăn tết. Mùng một, hai cô chú xách quà vào bệnh viện 301 thăm cháu, đến nơi mới được cho biết rằng, Phác Phương đã chuyển đi nơi khác. Cô tôi, chú tôi nghe nói vậy cuống quít cả lên, vội vã lao lới nhà tế bần ở thị trấn Thanh Hà. Ở đó cô chú đã gặp được Phác Phương. Thấy Phác Phương mặc một bộ quần áo đen, nhàu nát, nằm ở một nơi chật chội, thiếu thốn mọi bề như thế, khiến cô chú rất đau lòng, thấy cháu đến bộ quần áo lót cũng không có, cô chú bảo sẽ may cho Phác phương một bộ mới. Nhưng Phác Phương nhất định không chịu, đối với hoàn cảnh anh bây giờ, bớt đi một bộ quần áo hay thêm lên một bộ quần áo, đều chẳng có nghĩa lý gì.

Sau khi trở về nhà, cô chú tôi liền viết thư cho anh chị ở Giang Tây, nói rõ mọi tình hình cửa Phác Phương. Cô chú không chỉ lo lắng cho tình hình của

riêng Phác Phương mà còn lo cho cha mẹ tôi không biết phải đối phó với tình hình này như thế nào. Lòng cô chú nặng trĩu những lo âu, cô viết: “Bây giờ, biết tính sao đây? Nếu cứ để cháu ở đấy, cũng có được người giặt giũ và chăm sóc cho những việc tối cần thiết, nhưng cháu vẫn còn rất khó khăn. Nếu đưa cháu về với anh chị, đúng là cũng có được một số điều hay, nhưng khó khăn của anh chị lại càng lớn. Anh chị tuổi tác đều đã cao cả rồi mà cháu mới chỉ có hai mươi mấy tuổi, bây giờ còn sống, còn chăm sóc cháu được, nhưng sau này rồi biết ra sao? Ngay cả bây giờ, anh chị cũng chẳng có được bao nhiêu sức lực mà chăm sóc cháu, tình hình sức khỏe của anh chị cũng quá kém rồi, tự mình chăm sóc lấy mình cũng đã là một điều gay go. Theo bọn em biện pháp tối ưu vẫn là dựa vào tổ chức. Việc của ‘Cu Mập’ (tên sữa của Phác Phương), là việc tương đối nan giải. Bọn em chỉ mong sao chữa chạy cho cháu tự mình đi đại tiểu tiện được, sau này đến một công xưởng nho nhỏ nào đấy làm việc lặt vặt đã là tốt lắm rồi”.

Tôi còn nhớ khi đó, vừa ăn tết xong. Cả nhà chúng tôi đang bận rộn trong việc chuẩn bị cho Đặng Nam lên đường, cha mẹ tôi lại tiếp tục đi sang xí nghiệp lao động. Trong khi mọi việc đang trở lại nếp sống thường ngày, thì chúng tôi nhận được thư của cô chú tôi hết sức bất ngờ. Đọc thư xong thấy tai nạn đúng là từ trên trời rơi xuống, Phác Phương rơi vào cảnh ngộ thật thê thảm, không khí vui vẻ tết nhất vẫn còn vương vất trong nhà nay bỗng chốc biến thành nỗi đau thương buồn thảm. Mẹ tôi làm sao yên tâm được khi con trai bà rơi vào tình trạng thảm khốc đến như vậy? Bà không thể để con bà lưu lại ở Bắc Kinh trong tình trạng thảm thương đó. Bà chỉ có một mong mỏi, là làm sao cho con trai bà mau mau chóng chóng trở lại bên cạnh bà. Thư của cô chú có đề cập tới và lo lắng tới những khó khăn của những người cao tuổi, nhưng bà không thiết nghĩ tới cái đó. Bà chỉ mong đón được con về, và được chăm sóc con bằng chính tấm thân đầy bệnh tật của mình.

Trong trường hợp đó, cha tôi vẫn là người quyết định chính. Ngày 3/2/1971, cũng là ngày vừa nhận được thư của cô chú tôi, cha tôi không do dự, cầm ngay lấy bút viết thư cho Uông Đông Hưng:

Trong thư, cha tôi viết:

“Đồng chí Đông Hưng, tôi lại phải làm phiền đồng chí về việc con trai lớn của tôi là Đặng Phác Phương. Tình hình hiện nay của Phác Phương, đã được cô em gái tôi là Đặng Tiên Quần mới đi thăm cháu, viết thư, cho tôi biết. Tôi gửi kèm lá thư đó theo đây, cũng chẳng phải là chuyện thừa. Thư trước viết cho đồng chí, tôi vẫn chỉ mong sao cho Đặng Phác Phương được tiếp tục điều trị.

Bây giờ thì chẳng còn cách nào mà điều trị tiếp được rồi. Điều kiện ở nhà tế bần Thanh Hà như vậy, thì đối với chúng tôi, những người làm cha làm mẹ, không thể bỏ qua mà chẳng nói gì. Cho nên sau khi suy nghĩ nhiều lần, tôi và Trác Lâm thấy rằng, đón được Đặng Phác Phương về chỗ chúng tôi cùng sinh sống là điều tốt hơn cả. Tất nhiên, đón về nhà, với ba người già chúng tôi trông nom quả là có khó khăn, vì việc lên xuống giường đều cần người khênh bế. Nếu như trên tổ chức phê chuẩn cho chúng tôi có thêm một người giúp đỡ trong việc mua bán, làm một số việc tạp vụ, đồng thời trông nom Đặng Phác Phương, thì chúng tôi vô cùng cảm kích, biết ơn. Nếu như trên tổ chức cho rằng đề nghị đó là không hợp lý, vợ chồng chúng tôi sẽ tình nguyện chăm nom cho Đặng Phác Phương bởi vì đó là việc mà chúng tôi không nên né tránh: Không kể là trên lãnh đạo có phê chuẩn cho một người giúp việc hay không, chúng tôi vẫn quyết tâm đề nghị lãnh đạo theo quyết định lần trước cho một người đưa Đặng Phác Phương về Nam Xương. Rất mong được lãnh đạo phê chuẩn. Nếu được lãnh đạo phê chuẩn, đề nghị báo sớm cho chúng tôi kịp thời chuẩn bị, để tránh tình trạng nước đến chân mới nhảy. Mong chờ chỉ thị của đồng chí”.

Với bức thư trên, ta hoàn toàn có thể thấy rõ lòng ân cần thương con của một người cha. Cha tôi, mẹ tôi đã quyết một bề rằng, dù không có người giúp đỡ, dù bản thân mình tuổi tác đã gần thất thập, nhưng vẫn cứ đón con về, để tự mình chăm nom săn sóc cho con. Với sự quyết tâm một bề như thế của cha mẹ tôi, sẽ chẳng có khó khăn nào mà ông bà không vượt qua nổi.

Cha mẹ tôi giao thư cho Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây, chuyển tiếp cho Uông Đông Hưng.

Thư gửi đi rồi, trong khi chờ tin phúc đáp, lại có việc khiến ông bà vô cùng thất vọng. Người của Giang Tây bảo ông bà từ sau đừng có viết thư nữa. Đừng viết thư nữa, cũng có nghĩa là, từ nay về sau, không thể viết thư cho Uông Đông Hưng được nữa. Cần biết rằng, đây là kênh duy nhất để ông bà liên hệ với Trung ương. Không cho viết thư nó mang theo mùi vị gì đây? Đây là ý của Trung ương, hay chỉ là ý của Giang Tây? Ông bà không biết, và cũng chẳng có ai để mà hỏi.

Con trai khốn khổ ở Bắc Kinh, cha mẹ âu lo ở Giang Tây. Thư trước đã gửi đi rồi, thư sau không được viết tiếp, cha mẹ tôi cũng chẳng biết xoay xở ra sao, chỉ còn một cách tiếp tục đợi chờ. Mùa đông ở phương nam rất giá rét. Đông đã qua rồi, mà xuân vẫn chậm trễ chưa tới.

Từ tháng 2 bắt đầu có mưa. Đó đúng là những trận mưa xuân ở phương nam, lúc to, lúc nhỏ, mưa ngày, mưa đêm, mưa liên miên không dứt, mưa rả rích suốt

ngày. Cái giọt mưa xuân làm ảo não lòng người, mưa làm trời u ám, mưa ẩm ướt bứt rứt con người, mưa làm bối rối, bất yên. Thức ăn thức uống không cẩn thận là sinh mốc, củi đóm để trong nhà kho cũng ẩm xì, ướt nhoẹt, đun không cháy, quần áo, chăn đệm ẩm ướt, đắp lên người vừa lạnh vừa hôi rình, đến ngay đôi giày đi dưới chân cũng bị nấm mốc. Chỉ có mỗi một điều hay là khi mất nước chúng tôi đem thùng đem chậu ra đặt dưới mái hiên, hứng nước từ trên mái nhà chảy xuống, chỉ một chốc đã được một thùng, rất tiện dụng. Nhưng việc sử dụng nước chỉ là chuyện thứ yếu. Ngày nào cũng mưa, mưa đến tưởng chừng như thấy mình không còn tồn tại nữa. Trời vừa u ám vừa giá buốt, đến tận tháng 5 mà vẫn còn phải mặc áo bông. Trận mưa này đã rơi là rơi liền ba tháng.

Chúng tôi hết mong ngóng lại đến mong chờ, mong chờ mưa tạnh. Dầm dề dằng dặc, cuối cùng mưa cũng ngừng rơi. Cũng lại đúng là khí hậu phương nam, mưa vừa dứt, mặt trời đỏ rực như một bánh xe lửa đã hừng hực chiếu trên cao. Chỉ thoắt một cái, trời đất vạn vật bỗng khô cong và nóng rực. Khí lạnh chưa đi, mà mùa hè đã tới. Mọi người cởi bỏ áo bông là mặc ngay áo cộc tay, cứ như giữa mùa đông chỉ bước một bước mạnh là đã đứng vào giữa mùa hè. Song bất kể là thế nào, người ta vẫn thích ánh sáng mặt trời hơn, người ta thích cái ánh sáng mặt trời trong vắt trải dài trên mặt đất. Chúng tôi đem quần áo, chăn chiếu ẩm ướt ra phơi phóng, đem củi đóm và than ẩm ra hong, đem cả con người tù túng của mình ra sưởi nắng. Những ngọn cỏ búp cây bị những trận mưa rả rích làm cho không ngóc đầu dậy được bây giờ cũng vươn cả lên dưới ánh sáng mặt trời. Những bông hoa dành dành trắng như tuyết cũng bất chợt tung ánh nơi đầu cành, nở rộ, tỏa ra theo gió một hương thơm ngào ngạt thấm đẫm lòng người. Tốt đẹp, vẫn là ánh sáng mặt trời! Nhân loại không thể thiếu được làn ánh sáng rực rỡ lan tỏa ra tứ phương, chói chang tới mức làm bạn không mở nổi mắt ra đó.

Trong những ngày mong ngóng mưa tạnh ấy, cha mẹ tôi cũng ngày ngày tháng tháng nhớ đứa con trai đang ở nhà tế bần trên thành phố Bắc Kinh kia. Đã ba tháng trôi qua, tình hình Phác Phương vẫn trĩu nặng trong trái tim mọi người. Trung ương vẫn không hề có được một tin tức gì.

Trong nhà tế bần ở Bắc Kinh, Phác Phương cũng thích ứng được với môi trường sinh hoạt mới. Những người ở trong nhà tế bần đều là những con người bất hạnh nhất trong xã hội, những người không cơm áo, không nơi nương tựa, những người cần sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người nhất, đồng thời họ cũng là những người ở trong đáy sâu nhất của xã hội. Cảnh ngộ của Phác Phương lúc bấy giờ hoàn toàn giống như những người bạn khốn khổ của anh, những bạn cùng cảnh ngộ có thể sống qua ngày được, thì anh cũng vậy thôi. Anh đối diện

kiên cường với tất cả mọi dày vò trong đời sống. Nhưng anh lại không ngờ rằng, trong khi anh rơi vào cảnh ngộ ấy, thì những người trong trường học của anh vẫn không chịu buông tha cho anh.

Có một hôm, trường đại học Bắc Kinh phái người tới nhà tế bần báo cho Phác Phương biết, trường đã hủy bỏ tư cách đảng viên dự bị của anh.

Hủy bỏ tư cách đảng viên dự bị có nghĩa là khai trừ ra khỏi đảng. Có bệnh không được chữa, có nhà không được về, còn bị khai trừ ra khỏi Đảng, trong bầu không gian trời đất bao la nhường này, mà đến một chỗ dung thân cũng không có được sao? Không! Tôi đòi phải được chữa bệnh, tôi đòi phải được về nhà, không thể để con người bị cầm tù mãi ở đây!

Một buổi bình minh, mặt trời vừa mọc, Phác Phương nhờ người giúp, ngồi lên chiếc xe lăn tay cũ kỹ, đi ra khỏi nhà tế bần Thanh Hà. Anh vào thành, anh rẽ đến Trung Nam Hải, anh sẽ tìm gặp cấp trên.

Đó là vào một ngày tháng 5 ở Bắc Kinh, trời đã rất nóng bức, Phác Phương không còn quần áo nào khác, anh vẫn mặc chiếc áo bông và chiếc quần bông màu đen dày cộp. Anh lấy tay lăn từng vòng, từng vòng cho chiếc xe lắc lư chạy, anh mải miết lăn vòng bánh xe, muốn về tới Bắc Kinh thật nhanh. Con đường từ thị trấn Thanh Hà về tới nội thành sao mà dài vậy? Bộ quần áo bông vừa dày vừa nặng, chỉ một lúc sau, mồ hôi đã làm cho ướt đẫm. Trên đường có một cái dốc, anh không thể nào đẩy xe của mình lên được, anh quay xe xuống dốc, lấy đà lăn xe lên, cũng không sao lên được. Cái dốc này, theo như người ta nói cũng chẳng lấy gì làm cao lắm, nhưng bỗng trở thành một chướng ngại vật khổng lồ. Trong khi anh đang loay hoay, buồn bã bỗng gặp một người đi xe đạp qua đường. Người đó thấy một người tàn tật đang lâm vào cảnh khó khăn, liền xuống xe, giúp anh qua con dốc. Người khách qua đường ấy, giúp anh xong liền bỏ đi ngay, người đó hoàn toàn không biết người vừa được giúp đỡ là ai. Người đó cũng lại không biết rằng, việc giúp đỡ một tay đó, không ngờ lại cứu được một mạng người ra khỏi bước nguy nan.

Phác Phương vượt qua được con dốc, lại tiếp tục dùng tay lăn bánh xe, kiên tâm can đảm lăn chiếc bánh xe. Anh cũng chẳng biết anh lăn chiếc bánh xe trong bao nhiêu thời gian, khi mặt trời lên tới đỉnh đầu, Phác Phương cũng đã lăn xe tới được cửa Tây Trung Nam Hải.

Mồ hôi ướt đầm, bộ quần áo bông cũng đẫm ướt, Phác Phương nhìn vọng lên bức tường cao đỏ quạch của Trung Nam Hải, vọng nhìn cửa Tây to lớn của

Trung Nam Hải mà từ lâu đã không nhìn thấy. Từ bé cho tới lớn, đã không biết bao nhiêu lần anh ra ra vào vào, đi đi lại lại ở nơi đây. Cửa Tây này quen thuộc với anh, thân thiết với anh biết bao nhiêu. Vậy mà hôm nay, làm sao nó lại biến thành xa lạ đến thế? Sao bỗng nhiên nó cao vòi vọi, không với tới được như vậy? Phác Phương lăn chiếc xe tới cạnh cửa, nói rõ thân phận mình và đưa ra yêu cầu, phải được chữa trị. Những người ở bên trong, trước hết là đuổi anh ra khỏi cửa, đến một chỗ thật xa, chờ ở đó. Anh chờ thật lâu, lâu lắm mới có người đi ra, nhưng lại bảo anh đi sang khu nhà đối diện ở hồ Linh Cảnh. Lại phải khó khăn lắm Phác Phương mới lăn được xe tới khu nhà đó, vừa vào tới sân, đã thấy có mấy người đi ra, họ không nói một lời, lập tức khênh cả người lẫn xe của anh lên một chiếc xe Jeep, đóng chặt cửa xe, rồi phóng xe đưa trả anh về nhà tế bần.

Lần đi kiện cáo, tìm cấp trên ấy, anh đã mất không biết bao nhiêu thời gian, không biết bao nhiêu sức lực, để rồi bị tống về nguyên chỗ cũ. Phác Phương nằm lại đó, mà cả đến nỗi đau khổ vò xé tâm can cũng không còn cảm thấy nữa. Con người anh chưa chết, nhưng lòng anh đã chết thật rồi. Đối với anh mà nói, tất cả mọi thứ đều đã mất hết ý nghĩa. Nét mặt anh trở nên lạnh lùng, trầm lặng ít lời, anh nằm trên giường, vắt lên vắt xuống những sợi dây thép một cách máy móc, đan những chiếc sọt đựng giấy. Mỗi chiếc sọt đựng giấy anh đan ra được trả ba xu tiền công, đan một tấm đáy được một xu: Như vậy, mỗi tháng Phác Phương cũng kiếm được dăm ba đồng. Tiền ấy anh có thể mua tý thuốc hút, và cũng có thể mua chút rượu uống. Trước cảnh ngộ của Phác Phương, những bệnh nhân cùng phòng trong nhà tế bần, chẳng ai khinh bỉ anh, ngược lại còn tỏ rõ sự thông cảm sâu sắc với anh. Họ đối đãi với anh bình đẳng và thân thiện, đã đem lại cho anh sự đầm ấm quý giá nhất trên gian.

Trời chẳng phụ lòng người

Chẳng biết có phải là việc Phác Phương đi "gặp gỡ cấp trên" có tác dụng gì không, nhưng vào một ngày tháng 6, cuối cùng Bắc Kinh đã ra quyết định đưa Phác Phương về Giang Tây.

Con trai đã về, đứa con trai năm năm không gặp mặt đã về. Suốt từ tháng 2 cho đến mãi tháng 6, cuối cùng cha mẹ tôi cũng đã mong ngóng được con về. Nhưng đứa con trai đó lại chẳng như những đứa con trai khác nhảy nhót tâng tâng chạy tới, mà là được khênh cả người lẫn xe lăn trở về!

Con trai đã trở về, lẽ ra là những lời chuyện trò không dứt, nhưng khi cha con gặp nhau, nhìn nhau mà chẳng nói được gì. Biết nói gì đây? Vả lại còn có gì để mà nói? Chỉ có những ánh mắt xót xa đã thay thế cho tất cả, cho hết thảy.

Khi đó, trong nhà chỉ có ba ông bà già. Với sự giúp đỡ của những người đi theo, ba ông bà già thu xếp cho Cu Mập vào ở trong gian phòng phía bắc, tầng một, cạnh gian phòng cán sự Hoàng Văn Hoa đang ở. Trước khi đưa Phác Phương về, cha tôi, thông qua cấp tỉnh của Giang Tây mượn được của bệnh viện tỉnh một chiếc giường sắt của bệnh nhân. Nhưng Cu Mập bị liệt ở vị trí cao, nên phải nằm trên phản gỗ cứng, cho nên lại phải nhờ các bác công nhân bên xí nghiệp đóng cho một tấm phản lớn. Cu Mập không thể tự mình lật người qua lại được, trong khi anh bắt buộc phải lật người hai tiếng một lần, nếu không sẽ bị thối thịt, thành hoại thư. Thế là ba ông bà già, đặc biệt là cha tôi, ngày ngày phải giúp anh lật người. Những người già không những phải giúp anh lật người ban ngày, mà ban đêm cũng phải trở dậy nhiều lần để giúp anh làm việc đó. Những khi khó khăn quá, lại phải nhờ đến sự giúp sức của các bác công nhân bên xí nghiệp. Với thiết kế và đề nghị của Phác Phương, các bác công nhân đã làm thêm cho một chiếc giá gỗ ở đầu giường, trên giá gỗ lại có treo hai cái vòng. Như vậy Cu Mập có thể kéo hai chiếc vòng, rồi dùng sức của mình giải quyết được việc tự lật trở mình.

Để trông nom cho Cu Mập, ba ông bà già phân công, cha tôi vẫn làm những việc nặng nhất, như lật người, và tắm rửa, lau người cho anh. Mẹ tôi làm những việc bẩn nhất như đổ phân, đổ nước tiểu, giặt giũ những chăn đệm bị bẩn. Bà tôi thổi nấu, đưa cơm, và giúp thêm mẹ tôi trong việc giặt áo quần. Trong nhà đột nhiên có thêm một người con trai tàn tật, nên ba người già cũng đột nhiên bận

bịu hẳn lên. Nhưng dù thế nào, cha mẹ tôi vẫn cố gắng ngày ngày sang xí nghiệp lao động.

Mùa hè ở phương nam thường hay đến sớm: mùa hè năm 1971 lại là một mùa hè vô cùng nóng bức.

Cái mà người ta gọi là khổ hạ, tức là nói tới sự nóng bức ngột ngạt không sao chịu đựng nổi, chữ "khổ" ở đây cũng chẳng phải ngoa ngoắt gì. Đối với những dân sống lâu ở miền bắc như gia đình chúng tôi thì chữ khổ đó lại càng đúng. Những người già đã phải đến xí nghiệp lao động, lại còn phải làm thêm việc nhà, trong mùa hè vốn đã khó sống, nay lại còn phải trông nom hầu hạ một người bệnh liệt giường, nên cái khổ cái khốn, khó mà nói ra hết được. Ngay bản thân Phác Phương nằm liệt trên giường bệnh, sống được qua ngày, cũng chẳng phải dễ dàng gì. Ngày hè nóng nực, đưa tay sờ vào mặt phản, mặt phản còn nóng hơn cả tay mình. Nằm bất động ở đó mà mồ hôi vẫn chảy tầm tã, hơn thế, anh cũng còn phải làm động tác, tay nắm chặt lấy đôi vòng treo, rồi vận dụng tất cả sức lực của mình để nhấc người lên, hoặc lật người đi, và cứ mỗi động tác như thế mồ hôi lại túa ra ướt đầm quần áo. Để cho Cu Mập khỏi bị hoại thư, hoặc rách da thối thịt. Cha mẹ tôi cứ mỗi ngày một lần, hoặc đôi ngày một lần, lại lấy nước lau rửa mình mẩy cho anh, rồi còn bôi phấn cho da khô da sạch. Mùa hè này là mùa hè bận rộn nhất của cha mẹ tôi kể từ khi ông bà tới Giang Tây. Mệt thì có mệt, bận thì có bận, nhưng việc con cái được ở chung nhà, đó lại là một niềm hạnh phúc. Có khổ thêm một ít, mệt thêm một ít, nhưng vẫn còn tốt hơn nhiều so với việc con mình đơn độc chịu khổ chịu cực ở nơi nghìn dặm xa xôi.

Sự chịu đựng của con người thật quả là rất đáng kinh ngạc.

Gặp những lúc bất thường, con người ta sẽ nghiến răng nghiến lợi lại, làm được những việc mà lúc bình thường đến nghĩ cũng không dám nghĩ tới. Song khắc phục những khó khăn lại chẳng phải là việc dễ. Ngay ngày hôm nay, tức là vào khoảng hơn 20 năm sau đó, mỗi khi nghĩ tới những ngày oi nồng, bức bối ở Giang Tây, vẫn khiến người ta không khỏi rùng mình.

Ngày tháng cứ thế mà trôi đi, dần dần cả nhà cũng quen với cách sinh hoạt ấy, những ngày nóng bức khủng khiếp cũng giảm dần. Những ngày cuối hạ mà mọi người vẫn mong đợi cũng đã chậm rãi bước tới.

Ngày nóng giảm dần, mọi sự dồn nén, tích lũy trong đầu con người ta cũng rũ bỏ đi được nhiều. Bà tôi và mẹ tôi nuôi được một đàn gà. Thông thường cứ thấy bóng mẹ tôi là cả đàn gà lớn bé chạy xúm xít, bám sát gót mẹ tôi, rồi vừa mổ

những hạt sỏi trong đám cỏ vừa túc túc kêu lên. Có được một "chi đội quân lính" đó, mẹ tôi bỗng có một cái tên rất xứng đáng, rất phù hợp với thực tế là "Tư lệnh gà". Trời đất bắt đầu mát mẻ được ít nhiều, cơm chiều xong, khi những tia nắng quái chiều hôm xuyên qua những kẽ lá thả những mảng sáng trên đám sỏi son, bà tôi ngồi ở sân, tay phe phẩy chiếc quạt, rồi vừa quạt vừa nhàn tản, đàm đạo sự đời.

Cha tôi đã bắt đầu đi bách bộ trong sân sau bữa cơm chiều.

Vòng quanh căn gác nhỏ, ông đi từng bước, từng bước, từng vòng, từng vòng, và ngày này tiếp ngày khác, năm nọ nối năm kia, đều bước. Dưới những bước chân đều đặn của ông, trên mặt đất sỏi son đỏ, một con đường mòn nho nhỏ bạc màu, đã dần dần rõ nét.

Cái nóng ngột ngạt của ngày hè tiêu tan hết, thì cuộc sống trong căn gác nhỏ của trường bộ binh cũng đã đi vào nền nếp. Vì anh lớn ở nhà, những người già lại quá bận bịu nên đã gọi tôi từ vùng nông thôn Thiểm Bắc về nhà giúp thêm. Đối với tôi, được trở về nhà, là sướng hơn tất cả.

Về đến nhà rồi, nhiệm vụ trọng yếu của tôi là giúp việc cho ba người già. Ở nông thôn, tôi đã học được cách cán mì, kỹ thuật cũng thuộc loại khá. Một quả cán dài, một khối bột mì nhồi, tôi có thể cán ra một tấm bột, vừa tròn, vừa to, vừa mỏng trông chẳng khác gì một tấm vải to, cán xong, xếp những tấm bột chồng lên nhau, rồi lấy dao thái nhỏ, thả vào nồi đun, tôi đã trở thành một tay thợ cán mì chính cống của Thiểm Bắc. Bà tôi là người phương nam, vốn chỉ biết làm cơm Tứ Xuyên, nay cũng đã học được cách ủ men, hấp bánh màn thầu (bánh mì hấp), nhưng vẫn chưa biết cán mì. Nay tôi đã học được nghề từ Thiểm Bắc mang về, tôi có thể ra tay trổ tài nghệ trước mặt mọi người trong nhà. Nhưng ba vị già cũng chẳng chịu thua kém, cũng học cán mì. Ba vị không những học được mà còn học rất nhanh. Nhất là cha tôi, học tới mức ngang tài ngang ngửa với tôi.

Sau khi tôi về nhà, những việc như lật trở người cho anh tôi, đều do tôi "đảm đương", ngoài ra còn giúp gia đình làm một số công việc lặt vặt. Nhưng tôi cũng lại là người vô tâm vô tính chết đi được, nên trong khi làm lụng cũng gây khối chuyện "rách việc". Anh tôi bị liệt, chi dưới bị teo lại, bắp đùi bắp chân luôn luôn bị lạnh giá, mẹ tôi cẩn thận, nên cứ tối tối là lấy một gối nước nóng, kê xuống dưới chân anh tôi, cho chân anh ấm lại. Nhưng từ khi tôi gánh vác việc này, tôi đã làm hỏng bét cả. Một hôm, không cẩn thận, tôi đem túi chườm đổ đầy nước sôi, đóng nút kỹ, đặt vào bên đùi anh tôi. Sáng hôm sau, xem lại, thảm

chưa, túi nước nóng đã làm đùi anh tôi bỏng một mảng thật to. Mời bác sĩ tới xem, được biết bỏng độ hai, và chi dưới của người bị liệt mà bị bỏng nữa thì rất khó lành. Khi đặt túi chườm nước nóng, tôi hoàn toàn không biết rằng, chân đùi anh tôi đã hoàn toàn mất cảm giác, đúng là hối không kịp. Tôi bị bà và mẹ mắng cho một trận tới số, còn chân của anh tôi phải mãi ba tháng sau mới lành lại được.

Phác Phương suốt ngày trên giường bệnh trong nhà, nên chỉ còn biết đọc sách, nghe phát thanh. Anh tôi vốn là một sinh viên giỏi trong khoa vật lý kỹ thuật của trường đại học Bắc Kinh, anh không những học giỏi lý thuyết mà thực hành cũng giỏi, anh có thể làm được mọi việc về vô tuyến điện cũng như điện cơ. Cha tôi thấy một chàng trai mới 27 tuổi hoa niên, đầy mình học vấn và kỹ thuật, vậy mà chỉ nằm liệt giường chẳng biết làm gì, nên ông cũng lấy làm tiếc và nghĩ ngợi. Một hôm, ở xí nghiệp, cha tôi hỏi ông trung đội trưởng Đào Đoan Tấn: “Trong xí nghiệp có công việc gì về điện cơ hay không?” Ông trung đội trưởng lấy làm lạ, bởi vì thường ngày làm việc trong xí nghiệp, mỗi khi tới, chỉ chào hỏi mọi người qua loa, rồi cầm lấy chiếc giũa chăm chăm chú chú làm việc bên cạnh cái bàn nguội của mình, ít khi trò chuyện với ai. Hôm nay Lão Đặng lại chủ động đặt ra câu hỏi, nhất định là phải có chuyện gì, nhưng trong một xí nghiệp nhỏ bé thế này, làm gì có công việc điện cơ. Cha tôi lại hỏi: “Có những công việc về vô tuyến điện, hoặc sửa chữa máy thu thanh chẳng hạn, cũng được…” Ông trung đội trưởng hỏi lại: “Lão Đặng này, ông hỏi về những thứ ấy để làm gì vậy?” Cha tôi nói cho ông trung đội trưởng biết rằng con trai ông, Phác Phương, ngồi chơi không ở nhà, Phác Phương lại biết làm các công việc về vô tuyến điện và điện cơ, nếu tìm được công việc cho Phác Phương làm thì tốt. Trung đội trưởng Đào Đoan Tấn, sau khi nghe biết mọi sự cũng thật tình muốn giúp Lão Đặng một việc gì đó bởi ông sống với Lão Đặng thời gian cũng đã dài, mọi người đều rất có cảm tình với Lão Đặng, nhưng khổ một nỗi trong xí nghiệp lại chẳng có công việc thuộc về loại đó. Cha tôi vẫn chưa chịu thôi, nên lại hỏi ông trung đội trưởng: “Trong xí nghiệp không có những loại công việc như thế, coi như cho qua. Nhưng trong gia đình ông, có máy thu thanh đó, nếu bị hỏng đem đến cháu nó chữa cho. Có tý công việc, nhúc nhắc chân tay rõ ràng là tốt hơn việc ngồi buồn chơi không”. Lão Đặng quan tâm tới công việc của con cái như thế đã làm cho ông trung đội trưởng cảm động, nhưng ông chỉ có thể nói với Lão Đặng rằng: “Chả dám giấu gì ông, cả nhà tôi chỉ có bốn năm chục đồng bạc lương, mà có đến bốn trẻ nhỏ, đứa lớn nhất mới đang đi học tiểu học, lại còn người già, sống chật vật lắm, tiền đâu mà đi mua máy thu thanh cơ chứ”.

Nghe nói vậy xong, cha tôi không nói thêm gì nữa. Không phải vì không giúp con kiếm được việc làm, mà là được nghe một người công nhân bình thường thổ lộ can tràng, đã buộc ông phải có những suy tư. Xây dựng xã hội chủ nghĩa đến bây giờ đã hơn 20 năm rồi, mà trong nhà một người công nhân, không có tiền mua nổi một chiếc máy thu thanh. Là một người lãnh đạo lớp trước, ông và các đồng chí của ông đã từng hết lòng hết sức, đã từng được chứng kiến nhân dân toàn quốc, trên dưới một lòng, đồng tâm hiệp lực, mất ba năm ròng rã mới vượt qua được cái cửa quan thiên tai thất bát, đã từng đi khắp đất đai rộng lớn của tổ quốc, cùng với bao nhiêu cán bộ, quần chúng để tìm tòi ra được con đường dân giàu nước mạnh, và đã phải trải qua bao nhiêu đoạn đường khúc khuỷu, quanh co, mới tạo ra được một cục diện tương đối ổn định cho nền kinh tế phát triển, vậy mà đã bị phong trào Cách mạng Văn hóa này làm cho nát bét. Cha tôi giờ đây đã bị hạ bệ rồi, không còn chịu một trách nhiệm lãnh đạo nào nữa. Cha tôi sống ở nơi đất trích xa xôi, viễn ly với trung tâm chính trị, nên ông không nhìn thấy, không nghe biết và cũng chẳng hiểu gì về những sự việc đã xảy ra trên chính trường. Nhưng bằng vào những điều hết sức nhỏ bé đã nghe thấy, đã nhìn thấy, đã nhận biết được của bản thân mình, và với sự nhạy bén của một chính trị gia, nên ông đã phân tích ra được, Trung Quốc hiện nay, sự động loạn vẫn chưa ngừng lại, tình hình chính trị vẫn cứ phức tạp như cũ, sự phát triển kinh tế vẫn còn đang bị ngáng trở, đời sống của nhân dân quần chúng vẫn khó khăn, đói khổ. Đối với một đảng viên cộng sản lão thành như cha tôi, dù rằng đang tại chức, dù khi chức vụ đã bị bãi, ông vẫn nghĩ tới đất nước từng giờ, từng phút một, vẫn nhớ tới nhân dân, vẫn nhớ tới đảng từng khắc từng giây. Những sự bàng hoàng, kinh hãi đã từng đến với ông khi bắt đầu cuộc Cách mạng Văn hóa, giờ đây, nỗi bàng hoàng đã trở thành niềm âu lo. Cho nên hôm nay, sau khi nghe những lời thành thực của một công nhân bình thường, điều ông cảm nhận được đó là sự đau lòng.

Những ngày nóng bức ở phương nam còn chưa tàn hẳn, thì trên chính trường nơi phương bắc, đã có một sự kiện mang tính bùng nổ. Ngày 13/9/1971, Lâm Bưu đem theo vợ con lên máy bay chạy trốn, chiếc máy bay đã rơi xuống vùng sa mạc hoang vu, đứt lèo gãy cánh ở Mông Cổ.

Căn gác nhỏ nơi trường bộ binh bị khép kín. Nhưng dù có bưng bít khép kín đến đâu, thì tin tức vẫn cứ xâm nhập vào được. Phác Phương là người hiểu biết kỹ thuật, bình thường anh vẫn hay lôi các đồ điện khí và máy thu thanh ra sửa chữa, nay cha tôi, mẹ tôi sợ anh nằm đó một mình buồn bã vắng vẻ, nên đem chiếc máy thu thanh tốt nhất trong nhà đến chỗ anh, cho anh nghe tin tức giải

buồn. Nhìn qua chiếc máy, anh đã biết máy có sóng ngắn, anh đã xoay xoay, vặn vặn tìm nghe đài phát sóng ngắn ở xa, có lúc còn bắt được những buổi phát thanh của một số đài nước ngoài. Người già và người trẻ quả là có khác nhau, ba vị tuổi cao sử dụng chiếc máy đã hai năm mà chẳng biết gì về sóng ngắn sóng dài cả, nhưng Phác Phương chỉ thoáng nhìn là đã làm rõ ràng tất cả.

Sau hôm "13/9/1971" một ngày, từ làn sóng ngắn của một đài nước ngoài, Phác Phương chợt thu được một tin ngắn, nói rằng có một chiếc máy bay Trung Quốc gặp nạn, bị rơi ở Mông Cổ. Tin tức tiếp theo của mấy ngày hôm sau, toàn là tin đồn, tin đoán rằng, trong nội bộ Trung Quốc đã xảy ra một sự kiện gì đó ghê gớm lắm. Ngay lập tức Phác Phương nói lại tin đó với cha mẹ, nhưng cha mẹ chẳng nói gì.

Cho đến ngày Quốc khánh 1/10/1971, nhà nước vẫn tiến hành lễ chào mừng nhưng bãi bỏ cuộc diễu hành, mà từ khi lập quốc tới nay chưa năm nào bị bỏ. Một điều càng làm người ta khó hiểu hơn là trong suốt thời gian phát tin này, đặc biệt là những dòng tin về ngày Quốc khánh, lại không thấy tên của Lâm Bưu, đây là một việc hoàn toàn không bình thường. Anh nói với tôi: "Có thể Lâm Bưu vướng vào chuyện gì rồi". Cha tôi vẫn như mọi khi, chỉ nghe mà chẳng nói năng gì.

Lâm Bưu tự nổ tự chết, có thể nói đó là sự kiện chính trị rúng động nhất kể từ khi có Cách mạng Văn hóa tới nay.

Năm ngày sau khi sự kiện đó nổ ra, được Mao Trạch Đông phê chuẩn, Trung ương ra thông cáo việc Lâm Bưu phản quốc chạy trốn ra nước ngoài.

Mười ngày sau, thông báo mở rộng ra đến cấp quân khu, sư đoàn. Ngày 6/10/1971, Trung ương ra thông cáo tội trạng của tập đoàn Lâm Bưu. Trung tuần tháng 10, thông cáo được truyền đạt tới cấp bí thư chi bộ đảng ở các địa phương. Ngày 2/10/1971, thông cáo được truyền đạt cho rộng khắp các giới trong quần chúng trong toàn quốc.

Ngày 6/11/1971, xí nghiệp đột nhiên thông báo cho cha mẹ tôi đến xí nghiệp nghe văn kiện của Trung ương. Đảng tịch của cha tôi vẫn được lưu lại, nhưng nghe truyền đạt văn kiện Trung ương, thì thật đây là lần đầu tiên khai phá đất hoang.

Vẫn như mọi ngày, cha mẹ tôi thay đôi giày nhựa, tay cầm dù che mưa tới xí nghiệp. Khi cha mẹ tôi đi rồi, tôi đã lao xuống phòng anh tôi, rồi một lát sau, tôi lại nhao sang nhà bếp tìm bà. Tôi cứ chạy quanh chạy quẩn như vậy, với sự bồn

chồn trong dạ, đợi cha mẹ tôi đi nghe truyền đạt trở về. Nên nhớ rằng, trong Cách mạng Văn hóa: việc gì cũng có thể xảy ra. Là phúc là họa, là cát là hung, có đến ông trời cũng không trù tính được.

Cha mẹ tôi đến xí nghiệp, thấy trong gian nhà ăn rộng chừng khoảng trên 100m^2, hơn 80 người công nhân đã ngồi thành hàng thành lối, rất nghiêm chỉnh, trịnh trọng tại đó. Phía trước là hai chiếc bàn ghép lại tạm thời làm bàn chủ tịch. Cha mẹ tôi, cùng các công nhân chào hỏi nhau rồi ngồi xuống.

Chủ nhiệm ủy ban cách mạng xí nghiệp là La Bằng, cùng cục trưởng cục Công nghiệp huyện vào hội trường, ngồi xuống trước bàn chủ tịch. La Bằng đưa mắt đảo quanh, thấy vợ chồng Đặng Tiểu Bình liền nói:

- Lão Đặng, ông tai điếc, nghe không rõ nên ngồi lên trên cùng đây!

Cha mẹ tôi chuyển chỗ lên hàng ghế thứ nhất. Văn kiện của Trung ương được truyền đạt hôm đó, chính là thông cáo của Trung ương về việc Lâm Bưu phản quốc, trốn ra nước ngoài và những tài liệu về lội lỗi của tập đoàn phản đảng này. Văn kiện được đọc liền một mạch hơn hai tiếng đồng hồ, cả hội trường nín thở lặng nghe hơn hai tiếng đồng hồ ấy. Sau khi đã truyền đạt xong, các phân xưởng về thảo luận nóng. Trong phân xưởng sửa chữa, cha tôi nghe những người công nhân sôi nổi, nhiệt tình thảo luận bàn bạc, và ông vẫn một mực chẳng nói năng gì. Trung đội trưởng Đào Đoan Tấn đề nghị với La Bằng đưa văn kiện cho Đặng Tiểu Bình đem về nhà đọc. Như thế cha mẹ tôi đem văn kiện về nhà.

Khi đó đã là hơn một giờ chiều, tôi mong mỏi mắt mới thấy cha mẹ tôi trở về. Tôi lao tới định hỏi, đã bị mẹ tôi túm lấy cánh tay, lôi tuột vào nhà bếp, viết vào trong lòng bàn tay tôi mấy chữ: “Lâm Bưu chết rồi!” Trong Cách mạng Văn hóa, để tránh tiếng có mạch vách có tai, chúng tôi thường “nói chuyện” bằng cách viết vào lòng bàn tay nhau như thế. Khi tôi đã nhìn rõ được mấy chữ đó, hầu như tất cả những dòng máu nóng trong người tôi bốc hết lên đầu. Vì sợ có người nghe trộm, nên ngay đó tôi chẳng dám hỏi thêm mẹ tôi nhiều. Tôi vội vã chạy xuống phòng anh tôi, đóng chặt cửa phòng, tôi thì thầm nói lại cho anh tôi nghe. Tôi thấy anh tôi cực kỳ xúc động, niềm vui ấy đã thắng mọi ngôn ngữ. Khi đã trở về nhà rồi, cha tôi vẫn chẳng nói chẳng rằng. Cả nhà ăn cơm trưa xong, tất cả lên gác, đóng cửa lại. Mẹ tôi đã tường thuật lại cho tôi nghe mọi chuyện trong khi nghe truyền đạt, tôi nghe, mà những dòng nước mắt nóng hổi của tôi cứ lặng lẽ tuôn trào. Cha tôi không ngồi mà vẫn cứ đứng đó, vừa hút thuốc vừa đăm đăm nhìn chúng tôi. Ông đã vứt bỏ được cái trầm tĩnh, nghiêm túc xưa nay của mình,

ông cũng xúc động và vui mừng như chúng tôi vậy. Ông không nói nhiều, chỉ có mỗi một câu: “Lâm Bưu không chết, trời đất chẳng dung”.

Hai ngày sau, tức là ngày 8/11/1971, cha tôi cầm bút viết thư cho Mao Trạch Đông.

Trong thư, ông viết: “Trước khi nghe truyền đạt, tôi hoàn toàn không biết gì về tội phản đảng, phản quốc của tập đoàn Lâm Bưu, Trần Bá Đạt, mà chỉ cảm thấy rằng, Trần Bá Đạt có vấn đề gì đó. Đối với Lâm Bưu thật quả là chuyện quá bất thường, cho nên trong khi nghe những tội trạng đáng chết của tập đoàn này, tôi cảm thấy vô cùng kinh hoàng và phẫn nộ”.

Ông bày tỏ thái độ kiên quyết ủng hộ quyết định của Trung ương đối với tập đoàn Lâm Bưu, ông viết:

“Sự phát hiện nhanh và giải quyết sớm tập đoàn Lâm Bưu, Trần Bá Đạt đúng là một đại sự đáng được ăn mừng. Nếu như không có sự lãnh đạo anh minh sáng suốt của Chủ tịch và Trung ương để sớm phát hiện ra, đồng thời là sự nhanh chóng giải quyết, nếu như âm mưu của bọn chúng có dịp thi thố, sẽ đúng như trong thông cáo của Trung ương đã nói, cuối cùng chúng cũng sẽ bị nhân dân cách mạng mai táng, nhưng sẽ có không biết bao nhiêu đầu người bị rơi xuống đất, và tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta sẽ gặp không biết bao nhiều khúc khuỷu gian nan. Bây giờ đã giải trừ được mối nguy hiểm đó rồi, tôi cùng với nhân dân cả nước vui mừng biết bao nhiêu”.

Trong thư cha tôi viết, ông còn biểu lộ niềm vui trong lòng mình, bởi không sao “nén nối” được.

Đúng vậy, đúng là ông không nén nổi lòng mình. Kể từ khi có Cách mạng Văn hóa tới nay, ông đã từng phải viết kiểm điểm, phải viết tự thuật, phải viết các loại thư từ, do chính trị và tình thế ép buộc, ông không thể không tự phê bình trái với lòng mình, không thể không dùng những ngôn từ thông dụng trong Cách mạng Văn hóa, không thể không vì gia đình mình, vì con cái mình mà đi cầu cạnh sự trợ giúp của người khác. Bao nhiêu năm nay, những điều ông muốn nói lại không nói được, những điều không muốn nói lại bắt buộc phải nói. Vậy mà hôm nay, tên Lâm Bưu tội ác tày trời cuối cùng cũng đã chết không đất vùi thây, khiến cho ai ai cũng vô cùng thống khoái. Đối với quyết định của Trung ương, ông thực lòng ủng hộ, những điều ông viết trong thư đều là những lời xuất phát tự đáy lòng. Những lời kìm nén bao nhiêu năm, nay có thể thông thống viết ra một cách sung sướng vô vàn.

Sau những phút hứng khởi, cao hứng, ông cũng đã lạnh lùng nhận ra rằng, ông đang viết thư cho Mao Trạch Đông.

Kể từ khi ông bị hạ bệ đến nay, kể từ sau lần trò chuyện cuối cùng với Mao Trạch Đông tới nay, ông chưa một lần trực tiếp viết thư cho Mao Trạch Đông. Tất cả mọi công việc, dù là chính trị, dù là việc nhà, nói chung đều theo đúng lời dặn của Mao Trạch Đông trong lần gặp mặt cuối cùng giữa hai người, nên đều viết cho Uông Đông Hưng, hoặc nhờ Uông Đông Hưng chuyển cho Mao Trạch Đông và Trung ương. Nhưng lần này lại khác. Lần này ông trực tiếp viết thư cho Mao Trạch Đông. Thứ nhất là vì Lâm Bưu đã toi mạng, đó là một sự kiện quan trọng. Thứ hai là ông đã tỉnh táo nhận định rằng, đây cũng lại là một thời cơ rất quan trọng.

Trong Cách mạng Văn hóa, sở dĩ Đặng Tiểu Bình bị hạ bệ, nguyên nhân trọng yếu là Lâm Bưu, nhưng trong khi đó Mao Trạch Đông vẫn kiên quyết không khai trừ Đặng Tiểu Bình ra khỏi đảng. Trong điều này không thể không ẩn chứa những nhân tố chính trị. Trong hoàn cảnh chính trị phức tạp và tệ hại ấy, bản thân Đặng Tiểu Bình dù phải sống trong tình trạng ác liệt cũng không thể xoay xở gì được, song không vì thế mà để chìm đắm đi tất cả. Không buông trôi bất cứ thứ gì, dù đó chỉ là một tia hy vọng cuối cùng. Với tiền đề giữ gìn nhân cách, giữ gìn khí tiết và nguyên tắc cần phải có của một người đảng viên Đảng Cộng sản, ông đã từng tự kiểm điểm, tự phê bình trước Mao Trạch Đông cũng chính là để bảo vệ, giữ lấy cái phòng tuyến chính trị cuối cùng này. Đương nhiên rằng trong nghịch cảnh, ông không hề làm bất cứ một chuyện ảo tưởng nào, song ông cũng chưa từng bỏ qua một hy vọng cũng như một cố gắng nào. Là một đảng viên cộng sản lão thành, suốt đời phấn đấu cho một sự nghiệp cách mạng, khi nhìn thấy chính trị hỗn loạn, nhìn thấy quyền bính nằm trong tay kẻ ác, nhìn thấy xã hội bị xáo trộn, nhìn thấy nhân dân bị lầm than, ông làm sao giữ mãi trong lòng, làm sao không xao xuyến lương tâm! Ngay cả trong khi bị đấu tố, bị giam cầm, ông vẫn không từ bỏ hy vọng, vẫn không ngừng suy tính. Trước khi Lâm Bưu bị ngã đài, mục đích chính xác của ông là cố duy trì lấy phòng tuyến chính trị cuối cùng. Nay Lâm Bưu đã tự diệt mình, mục đích đó của ông lại càng rõ ràng hơn. Ông cần phải sử dụng mọi thời cơ, tranh thủ xuất hiện trở lại, lại làm việc cho đảng, cho dân. Trong suốt năm năm đầy gập ghềnh trong cuộc đời ông, đối với con đường phát triển xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc, ông đã có rất nhiều suy tính, trong lòng ông cũng đã chất chứa đầy đủ mọi bề. Nếu như có một ngày xuất hiện trở lại, ông sẽ lại dùng tấm lòng son của mình, đem hết những trí tuệ và kinh nghiệm đã thu thập được trong mấy chục năm bão tố cách

mạng, vượt sóng to gió cả, cứu vãn sự suy sụp của nhân dân và tổ quốc mà ông hằng yêu mến.

Lúc này với kinh nghiệm chính trị phong phú, với sự tỉnh táo trong nhận thức, cha tôi biết rằng, tuy Lâm Bưu đã chết, nhưng chính trường của Trung Quốc vẫn chưa yên tĩnh được. Một người cán bộ già nua muốn xuất hiện trở lại, mặc dù những trở lực vẫn còn rất lớn, nhưng nếu không chịu tranh thủ giành lấy, cơ hội đó sẽ biến đi ngay lập lức. Sau khi Lâm Bưu tự diệt, tất nhiên Mao Trạch Đông phải xem xét lại việc sắp xếp chính trị và nhân sự, đó là một thời cơ hết sức quan trọng, một thời cơ không thể bỏ qua được.

Trong thư viết cho Mao Trạch Đông, cha tôi, ngoài việc tỏ lòng ủng hộ quyết định của Trung ương ra, ông còn cần phải báo cho Mao Trạch Đông biết tình hình của mình. Ông viết:

"Được sự quan tâm của Chủ tịch, tôi đến Giang Tây đã hai năm tròn. Trong hai năm này, hàng ngày, buổi sáng tôi vẫn đi lao động ở xí nghiệp, buổi chiều và buổi tối ở nhà, đọc sách, đọc báo, nghe phát thanh và làm những công việc lao động trong nhà. Trừ việc tới xí nghiệp, tôi không hề bước chân ra khỏi nhà, hoàn toàn cách ly với thế giới bên ngoài. Trong suốt thời gian này tôi đã hoàn toàn tôn trọng chỉ thị của Chủ tịch cố gắng cải tạo mình bằng lao động và học tập, tuyệt đối tuân thủ điều tôi đã hứa bảo đảm với đảng, không hề có liên hệ hay đi lại với bất cứ một người nào trừ thân nhân trong gia đình. Đời sống của tôi đã được trên tổ chức giúp đỡ chiếu cố, nên chẳng có khó khăn gì".

Sau đó ông viết: "Riêng cá nhân tôi chẳng có yêu cầu gì, chỉ hy vọng một ngày nào đó sẽ làm được một chút công việc cho đảng, tất nhiên đó chỉ là một công việc mang tính kỹ thuật thôi. Sức khỏe của tôi vẫn tốt, vẫn còn có thể làm việc vài năm nữa trước khi về hưu. Hàng ngày đọc báo, tôi thấy sự kiến thiết đất nước của tổ quốc xã hội chủ nghĩa chúng ta có những bước tiến vượt bực, và uy tín quốc tế cũng được nâng cao chưa từng thấy, khiến cho lòng tôi vô cùng xúc động và muốn làm một chút công việc, để tôi có thể chuộc lại một phần nào sai lầm của mình trong sự nỗ lực công tác".

Tôi còn nhớ rằng, khi vừa tới Giang Tây, cha tôi đã nói với nhân viên Tổ chuyên án: "Tôi sẽ trở lại làm việc". Đến hôm nay, hai năm sau đó, cha tôi đã chính thức nêu ra yêu cầu này với Mao Trạch Đông. Cha tôi tin rằng, trong thời điểm đó, Mao Trạch Đông nhất định phải suy nghĩ tới yêu cầu này.

Con người cha tôi, trước hết ông là một chính trị gia, cho nên, trong lòng ông,

những vấn đề chính trị, những vấn đề lớn, luôn luôn được xếp ở vị trí số một. Ngoài cái đó ra ông là người chủ gia đình, là người chồng, là người cha: Gia đình và tình thân cũng luôn luôn giữ một vị trí trọng yếu trong lòng ông. Ngay trong thư viết cho Mao Trạch Đông, nói tới chuyện lớn có liên quan tới vận mệnh chính trị, ông cũng không bao giờ quên những thân nhân trong gia đình. Trong thư này, ông cũng đề cập tới vấn đề con cái với Mao Trạch Đông, đồng thời cũng đề nghị Mao Trạch Đông giúp sắp xếp cho con cái ông được yên hàn hơn. Ông viết: "Ngoài ra, tôi cũng được sống gần gũi với các con, đặc biệt là mấy đứa còn nhỏ (Mao Mao và Phi Phi). Mao Mao (con gái nhỏ) được phân phối về nông thôn Thiểm Bắc đã ba năm, nay vì đứa con trai lớn bị tàn phế phải ở nhà, chúng tôi chăm sóc không xuể, nên phải tạm đưa Mao Mao về nhà để trông nom anh trai. Mao Mao chính học y, trước đây đã tự học nên cũng có được một số vốn cơ bản; Phi Phi (con trai nhỏ) cũng đi cắm chốt ở Sơn Tây đã hơn ba năm. Chúng vì là con tôi, thành phần không tốt, nên không được sự chiếu cố của tổ chức cấp trên, không thể phân phối tới những chỗ gọi là tương đối. Tuổi tác của chúng tôi cũng đã cao rồi, nên càng lo lắng cho con cái hơn, vì thế tôi mong sao chúng được phân công công tác ở nơi gần nhà, tốt nhất là vào nhà máy, xí nghiệp làm công nhân, có được đồng lương cố định, nếu Mao Mao được học y, là việc tốt nhất rồi. Đó là một vài tâm sự của tôi, nhân tiện nói với Chủ tịch vậy thôi. Tất nhiên tôi hiểu rằng, việc này hoàn toàn nên nghe theo sự tính toán và xử lý của tổ chức là hơn".

Đọc thư đó, trong ngực tôi như được ấp ủ bằng một luồng khí ấm áp. Tôi thấy chúng tôi thật sự hạnh phúc, bởi vì chúng tôi đã có một người cha yêu mến chúng tôi đến thế, một người cha đã lo lắng cho chúng tôi trong những lúc vô cùng khó khăn, gian khổ, một người cha rất đáng để cho chúng tôi tự hào.

Vào khoảng tháng 2, cha tôi viết thư cho Uông Đông Hưng về việc anh trai tôi được đưa về Giang Tây, cấp trên cũng đã từng nói là không được viết tiếp thư nữa. Nhưng lần này, không những ông vẫn viết, mà lại viết trực tiếp cho Mao Trạch Đông. Để tiếp tục liên hệ với Trung ương, cha tôi viết: "Trước đây Chủ tịch đã dặn tôi rằng có việc gì, cứ tìm đồng chí Uông Đông Hưng, nhưng vào khoảng đầu năm nay tôi có viết thư cho đồng chí ấy về việc người con trai của tôi, những đồng chí làm việc ở đây bảo rằng từ nay về sau đừng viết tiếp thư nữa, cho nên đã gần mười một tháng nay tôi không viết một lá thư nào. Không biết về những việc sau này, tôi còn có thể viết thư cho đông chí Uông Đông Hưng nữa không".

Cuối thư ông viết thêm: Tôi thành tâm kính chúc Chủ tịch vạn thọ vô cương,

sức khỏe trường trường thọ của Chủ tịch là niềm hạnh phúc lớn nhất của toàn đảng toàn dân ta!”

Viết xong thư cha tôi trịnh trọng ký tên cá nhân mình lên đó.

Mao Trạch Đông đọc xong lá thư này, đã hỏi Uông Đông Hưng:

- Tại sao ông lại không quản người ta nữa.

Thực tình Uông Đông Hưng hoàn toàn không biết gì về việc không cho Đặng Tiểu Bình được viết thư tiếp, ông ta trả lời Mao Trạch Đông:

- Làm gì có chuyện không quản. Tôi theo đồng chí ở tỉnh ngoài, đâu có ở Bắc Kinh, nên việc này giao cho Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Vương Lương Ân giải quyết.

Mao Trạch Đông lại nói với Uông Đông Hưng:

- Thư này của đồng chí Tiểu Bình nói rằng, việc của đồng chí ấy, vẫn cứ giao cho Uông Đông Hưng quản.

Ý kiến của Mao Trạch Đông rất rõ ràng. Việc của Đặng Tiểu Bình vẫn do Uông Đông Hưng quản. Trên phong bì, lá thư của Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông bút phúc: “In và phát cho Bộ Chính trị. Việc gia đình của Đặng Tiểu Bình, đồng chí Uông Đông Hưng giải quyết”.

Vật đổi sao dời

Sự kiện Lâm Bưu tự diệt, đâu phải là một sự kiện lớn làm kinh hoàng thế giới của "Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản vĩ đại".

Khi việc đó nổ ra, dù là theo ý nghĩa nào, đều là một việc đủ để cả triệu triệu con người sảng khoái, vỗ bụng ăn mừng. Nhưng với sự kiện này, cũng là một cách vô cùng tàn khốc, lạnh lùng đặt ra một cái dấu hỏi to lớn đối với phong trào Cách mạng Văn hóa này.

Để đảm bảo cho đường lối cách mạng của mình tiến triển không ngừng, Mao Trạch Đông đã lựa chọn hàng loạt biện pháp, mà việc dựng Lâm Bưu lên làm người kế cận là một trong những quyết sách trọng yếu nhất của ông ta. Việc chọn lựa người kế cận bị thất bại không chỉ liên quan tới việc nhằm chẳng đúng người, mà nó còn liên quan tới việc đánh giá ra sao về toàn bộ đường lối, phương châm, chính sách và các biện pháp của Cách mạng Văn hóa. Sau khi Lâm Bưu tự hủy diệt, tuy mọi người đều nói rằng, đó là thắng lợi vĩ đại của tư tưởng Mao Trạch Đông và đường lối cách mạng của Mao Chủ tịch, nhưng chính tự lòng mình, Mao Trạch Đông hiểu rõ ràng hơn ai hết.

Những người công tác bên cạnh Mao Trạch Đông sau này nhớ lại rằng: "Sau khi Lâm Bưu làm phản, chạy trốn, Mao Chủ tịch đã ốm một trận thật to. Cho nên việc làm phản, chạy trốn của Lâm Bưu đã có một ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe của Chủ tịch. Có một lần chúng tôi đã nghe thấy Chủ tịch nói một câu ngạn ngữ với tâm trạng hết sức đau buồn: "Tuổi tám tư, tuổi bảy ba, Diêm Vương không hẹn, tự ta đi tìm". Chúng tôi an ủi Chủ tịch, Chủ tịch không những không vui lên được mà còn nói: "Các người như thế là vi phạm vào quy luật tự nhiên, có sinh tất có tử, con người ai ai cũng phải chết, không chết là sống thừa".

Mao Trạch Đông, đối với lý tưởng mà ông ta đã theo đuổi, đối với đường lối cách mạng mà ông ta đã đặt ra, đối với phong trào Cách mạng Văn hóa mà ông ta đã phát động, không những bản thân mình đầy tin tưởng, mà tuyệt đối không cho phép người khác hoài nghi. Nhưng khi sự kiện Lâm Bưu nổ ra, ông ta không thể không xem xét lại một lần những biện pháp cụ thể của mình, đặc biệt là đối với những thứ trước đây, vốn được ông ta coi là cách mạng, thì cần phải uốn nắn lại những biện pháp quá khích trong Cách mạng Văn hóa, để có bề gọi là uốn nắn.

Sau khi Lâm Bưu tự diệt, trước hết, mọi công việc hàng ngày ở Trung ương, trên thực tế đã thuộc về tay Chu Ân Lai nắm giữ. Ngày 3/10, Mao Trạch Đông quyết định hủy bỏ tổ công tác quân ủy vốn vẫn do tập đoàn Lâm Bưu nắm giữ, thành lập văn phòng quân ủy do Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương là Diệp Kiếm Anh chủ trì công tác.

Trong đoạn thời gian ấy, kết cấu công tác mới được hình thành như thế này: các công tác về Trung ương, Quốc vụ viện (bao gồm cả ngoại giao), do Chu Ân Lai đảm trách. Công việc về quân sự do Diệp Kiếm Anh đảm trách, khi cần phải bàn bạc về những vấn đề trọng đại thì mời Thủ tướng cùng tham gia, các phương diện của phong trào Cách mạng Văn hóa sẽ do tập đoàn Giang Thanh đảm đương.

Trước khi Lâm Bưu tự diệt, trận tuyến chủ yếu trên diễn đàn chính trị của Trung Quốc do hai tập đoàn lớn là Lâm Bưu và Giang Thanh nắm, kết cấu ra làm sao là do hai tập đoàn đó, và giao đấu như thế nào cũng lại là việc của hai tập đoàn với nhau. Sau khi Lâm Bưu tự diệt, chính trị bị phân rã, thay đổi, nên kết cấu cơ bản như sau: một phe là những bậc lão thành cách mạng lấy Chu Ân Lai và Diệp Kiếm Anh làm đại diện, một phe là thế lực Cách mạng Văn hóa do Giang Thanh làm đại diện.

Mao Trạch Đông là người theo chủ nghĩa Mác, nhưng lại cắm rễ rất sâu vào văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Ông ta thuộc làu kinh sử cổ điển của Trung Quốc, thông hiểu toàn bộ lịch sử của Trung Quốc kể từ khi có nền văn minh đến nay. Sự diễn tiến mấy nghìn năm của lịch sử Trung Quốc, cùng với các loại sự kiện, các loại nhân vật hoạt động sôi nổi trên vũ đài lịch sử, vẫn tràn đầy tươi rói trong đầu óc ông ta. Sự nhân chính và bá đạo của các đế vương, tướng soái, sự lãng mạn và kiêu ngạo của những văn nhân mặc khách, sự phản nghịch trái đạo của hiệp khách giang hồ, lại còn cả những trí tuệ triết lý, phương thức tư duy bao hàm chất chứa trong lịch sử và văn hóa Trung Quốc, không có gì là không để lại trong thẳm sâu đầu óc ông ta những ấn tượng sâu sắc. Tổng kết cả cuộc đời Mao Trạch Đông, có thể nói, tín ngưỡng của ông ta là: lý tưởng cộng sản chủ nghĩa hiện đại, giải phóng cho toàn thể nhân loại; tâm tình của ông ta là: tứ thơ ý họa lãng mạn thoải mái; mạch suy nghĩ của ông ta là: ngựa thần phóng khoáng, vô bờ vô bến; hành vi của ông ta là: tôi làm theo cách của tôi, thong dong không ràng buộc; chiến lược của ông ta là: trầm tĩnh không hốt hoảng, không gì là không thắng; chính trị của ông ta là: có bá quyền tức là có nghiệp bá. Thời thanh niên của ông ta làm người cách mạng đầy nhiệt huyết, phóng khoáng, sôi nổi, tuổi thịnh niên của ông ta là: kẻ chiến thắng với chiến lược hùng vĩ dời

non lấp biển, còn tuổi vãn niên của ông ta là: với sự tự tin, gấp gáp đi tìm lý tưởng, nhưng càng chồng chất nhiều hơn lẫn những bóng đen xuệch xoạc, vẹo vọ.

Ông ta chọn Lưu Thiếu Kỳ trước, rồi sau mới chọn đến Lâm Bưu, nhưng đều thất bại, khiến ông ta khó có thể tin tiếp vào một người khác nữa, và cũng không còn muốn giao quyền lực tương đối tập trung vào tay bất cứ một người nào. Nếu như nói trước đây đã từng chú ý đến việc phân tán cân bằng quyền lực dưới tay ông ta, thì đến lúc này, ông ta lại càng cần cảnh giác hơn sự phân ngả và ức chế lẫn nhau của các lực lượng chính trị trong các bè phái. Để cho guồng máy quốc gia được tiếp tục vận hành, ông ta đã sử dụng những "lão thần" trung hậu và thẳng thắn, để đảm bảo được đường lối "cách mạng", ông ta dùng những lực lượng mới nổi lên, mà ông ta cho rằng họ trung thành với đường lối ấy của ông. Xưa nay, Mao Trạch Đông vẫn hằng tin tưởng vào sự thống nhất của đối lập trong triết học, nên trong buổi già nua, việc lèo lái con thuyền chính trị, ông ta bèn áp dụng niềm tin này vào thực tiễn. Đối lập thống nhất là đúng trong phép tắc triết học, nhưng nếu coi là một thủ đoạn để cân bằng và ức chế lẫn nhau trong chính trị và trong nhân sự thì lại thành một chuyện khác, không thể bàn luận được. Đó là một điều mạo hiểm hết sức nguy hại, nếu như vận dụng không thích đáng, không những sẽ xuất hiện những mâu thuẫn không cần thiết, thậm chí còn rất hiểm nguy là khác. Thực tiễn về sau đã chứng minh điều này.

Nhưng bất kể là sắp xếp lại nhân sự như thế nào, đối với mọi sự đã từng phát sinh kể từ khi có Cách mạng Văn hóa tới đó, Mao Trạch Đông buộc phải xem xét lại, suy nghĩ lại, đặc biệt là những biện pháp sai lầm trong thời kỳ đầu Cách mạng Văn hóa, ông ta cũng đã nhìn nhận ra được ít nhiều, trong trường hợp này, và ở một trình độ nhất định, ông ta đã tự phê bình, và đưa ra những hành động thích ứng để sửa chữa, uốn nắn.

Đồng thời với việc uốn nắn những hành động cực tả quá khích, Mao Trạch Đông cũng đã bắt đầu từng bước giải phóng hàng loạt cán bộ bị hạ bệ trong Cách mạng Văn hóa, khôi phục danh dự cùng công tác của số người này.

Trước hết là Mao Trạch Đông sửa sai, phục hồi cho những cán bộ cao cấp vốn bị gọi là "dòng nước ngược tháng 2". Ngày 14/11/1971, khi tiếp xúc với các thành viên trong cuộc hội đàm của khu vực Thành Đô, Mao Trạch Đông đã nói ngay trước mặt Diệp Kiếm Anh: "Các đồng chí không nên nói đồng chí ấy là 'dòng nước ngược tháng 2' nữa. Tính chất của 'dòng nước ngược tháng 2' là gì, là các đồng chí ấy đối phó với Lâm Bưu, Trần Bá Đạt, Vương (Lực), Quan

(Phong) và Thích (Bản Vũ)". Sau đó cũng đã nhiều lần đưa ra những bút phê sửa sai cho những đồng chí lão thành đã bị xử lý sai như Trần Vân, La Thụy Khanh, Đàm Chấn Lâm v.v… Đối với những lão đồng chí vốn đã cùng với ông ta vào sinh ra tử, cùng chiến đấu, cùng khai sáng ra kỷ nguyên lịch sử của Trung Quốc mới, ông ta đã tự phê bình một cách chân thành, cũng đã nhiều lần công khai công nhận sự xử lý sai lầm của mình, chỉ nghe một phía Lâm Bưu. Ông ta còn nói: "Nghe một phía, rõ ràng là không hay rồi, cho nên tôi xin tự phê bình trước các đồng chí". Đối với Hạ Long, lúc đó đã bị bức hại đến chết, ông ta cũng bày tỏ: "Việc đối xử với đồng chí Hạ Long như thế là sai rồi, tôi xin chịu trách nhiệm". Sau khi Mao Trạch Đông đã tự phê bình xong, được sự ủng hộ của Mao Trạch Đông nên Chu Ân Lai đã chớp vội lấy thời cơ, bằng mọi khả năng có được của mình, nhanh chóng thúc đẩy công tác giải phóng cho cán bộ trên toàn cục. Sự nỗ lực đó của Chu Ân Lai đã làm cho hàng loạt cán bộ được thoát khỏi cảnh bị giam cầm, bị quản chế, bị bức hại, bị cưỡng chế lao động, có người còn được sửa sai, khôi phục lại công tác. Cuối cùng tình trạng tùy tiện hạ bệ, tùy tiện phê phán cực kỳ hỗn loạn của Cách mạng Văn hóa đã được chặn đứng, sinh mạng chính trị của một khối lượng lớn cán bộ được hồi sinh, sự an toàn của thể xác được bảo đảm, không khí chính trị chỉ có chém giết tàn bạo kể từ khi có Cách mạng Văn hóa đã được giải tỏa.

Mùa đông tuy giá lạnh, nhưng một luồng không khí nóng, ấm áp đã thổi vào từng trái tim người. Những cặp lông mày nhíu lại bao nhiêu năm, nay đã giãn ra.

Năm 1972, dòng nhiệt lưu ấy bắt đầu chảy.

Sau khi Lâm Bưu đã tự diệt vong, khi hàng loạt cán bộ được giải phóng, nhất định Mao Trạch Đông phải nhớ tới Đặng Tiểu Bình. Năm 1967, trong khi Cách mạng Văn hóa náo loạn tệ hại nhất, ông ta đã từng nói, nếu sức khỏe của Lâm Bưu không ổn, tôi còn phải dùng lại Đặng Tiểu Bình. Vậy thì lúc này đây, việc ấy là càng dễ trở thành hiện thực.

Ngày 6/1/1972, Trần Nghị, khai quốc công thần, Nguyên soái của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ trần tại Bắc Kinh.

Ngày 10/1/1972, dù là ngày đông, đúng vào thời Tam Cửu nhưng lại không giá rét lắm, ở Bắc Kinh đã làm lễ truy điệu Trần Nghị tại đài liệt sĩ cách mạng Bát Bảo Sơn. Trần Nghị đã từng bị phê phán vì "dòng nước ngược tháng 2", do giận dữ căm tức mà sinh bệnh ung thư, không chữa, nên đã qua đời. Cái chết của ông đã làm cho sự uất ức dồn nén nhiều năm của nhiều người bộc phát ra, khiến cho lễ truy điệu tràn đầy một không khí bi thương.

Điều mà mọi người không ngờ tới được là Mao Trạch Đông đã phóng xe tới nơi làm lễ truy điệu. Bên trong chiếc áo pa-đơ-suy dài chỉ là bộ quần áo ngủ, lớp râu bạc phơ phất dưới cằm: ông ta đi tới trước bức ảnh của người đã khuất, vốn là cấp dưới, là bạn chiến đấu hồi còn ở Tỉnh Cương sơn, trịnh trọng cúi mình vái ba vái, với nỗi đau thương không nói được thành lời. Mao Trạch Đông nói với Trương Tây, vợ Trần Nghị: "Đồng chí Trần Nghị là một người tốt, một đồng chí tốt. Đồng chí Trần Nghị đã lập công hiển hách". Ông ta chỉ vào Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh và một số người khác nói: "Nếu như âm mưu của Lâm Bưu thành công, thì lớp người già chúng tôi đây đều bị tiêu diệt hết". Trong cuộc chuyện trò hôm ấy, Mao Trạch Đông có nhắc tới Đặng Tiểu Bình, đem Đặng Tiểu Bình gộp vào làm một với Lưu Bá Thừa là Ủy viên Bộ Chính trị lúc bấy giờ, và nói rằng với Đặng Tiểu Bình và Lưu Thiếu Kỳ có sự phân biệt đối xử, đó là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân…

Mao Trạch Đông nhắc tới Đặng Tiểu Bình ngay trước mặt mọi người, đó là một tin tức vô cùng quan trọng. Chu Ân Lai đang có mặt ở nơi đó, lập tức làm ám hiệu với những người thân trong gia đình Trần Nghị, hãy tung lời đánh giá về Đặng Tiểu Bình của Mao Trạch Đông ra ngoài, để lấy dư luận gây áp lực cho việc xuất hiện trở lại của Đặng Tiểu Bình.

Hạ tuần tháng giêng, trong khi tiếp kiến một đoàn đại biểu của tỉnh ngoài ở đại lễ đường Nhân dân trước mặt Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên và một số người khác, ông đã rõ ràng, minh bạch nhắc lại vấn đề Đặng Tiểu Bình. Chu Ân Lai nói, trong khi vạch trần và phê phán Lâm Bưu, nhất định không được lẫn lộn hai loại mâu thuẫn mang tính chất khác nhau. Bè lũ Lâm Bưu là muốn đẩy Đặng Tiểu Bình rơi vào mâu thuẫn địch ta, điều đó hoàn toàn không đúng với ý kiến của Chủ tịch.

Những tin tức về Đặng Tiểu Bình như vậy, tuy đã được lan truyền trong một phạm vi nhất định, nhưng ở Giang Tây, trong hoàn cảnh hoàn toàn bị bưng bít, gia đình tôi vẫn hoàn toàn không biết một tý gì về những tin tức đó. Nhưng đời sống mỗi ngày được một nới lỏng ra, nên cũng đã có thể đánh hơi thấy cái không khí tích cực đó.

Tết Nguyên Đán năm 1972, gia đình tôi bỗng có mấy người khách tới thăm, đó là ba người con của Lý Tỉnh Tuyền, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương, Bí thư thứ nhất cục Tây Nam, là Tại Vọng, Đại Dung và Nhị Dung. Họ đã hỏi thăm được chỗ ở của bác Đặng Tiểu Bình từ Lưu Tuấn Tú,[57] một cán bộ lão

thành của tỉnh Giang Tây. Việc đến thăm của họ khiến cả nhà tôi vui mừng. Nên nhớ rằng, họ là những người khách đầu tiên của gia đình tôi kể từ khi ở trong căn gác nhỏ của trường bộ binh này. Gia đình nhà chú Lý Tỉnh Tuyền với gia đình tôi vốn có mối quan hệ đi lại rất tốt, lũ trẻ con chúng tôi đã lớn lên cùng nhau, ngay từ bé đã là bạn tốt của nhau rồi. Sau khi có Cách mạng Văn hóa, hai gia đình nhà chúng tôi chỉ còn nghe được những tin tức bất hạnh của nhau thôi, nên đã nhiều năm chưa gặp lại được nhau. Ba anh chị em nhà họ Lý báo cho chúng tôi biết rằng: Lý Tỉnh Tuyền, cha họ, đã bị đánh đổ ngay từ ngày đầu Cách mạng Văn hóa, và luôn luôn bị đem ra đấu tố, đánh đập tàn bạo ở Tứ Xuyên, chỉ tính riêng những cuộc đấu tố có trên một vạn người, đã là hơn một trăm lần, sau bị áp giải lên Bắc Kinh, đến nay vẫn còn bị giam trong nhà ngục khu Vệ Nhung. Mẹ của họ là cô Tiêu Lý, vì không chịu đựng nổi mọi sự ngược đãi, hành hạ, nên đã bị đánh đập đến chết ngay từ thời kỳ đầu của Cách mạng Văn hóa. Còn những người con trong nhà, thì anh Hai, cũng trong thời kỳ đầu Cách mạng Văn hóa đã dán một bài báo chữ to “Nã pháo vào…”, bày tỏ sự bất bình của mình với những biện pháp cực tả của Mao Trạch Đông, đã bị bọn tạo phản đánh chết tươi, cậu út thứ tám bị giam nhốt ở một nơi được gọi là “Sở quản chế thiếu niên” của Bắc Kinh. Còn những người con khác, hiện nay hoặc về cắm chốt ở quắc cũ Lâm Xuyên, Giang Tây, hoặc làm việc trong công xưởng. Nghe lời họ kể lại, sắc mặt mọi người đều u tối rầu rầu, mà lòng đau như cắt.

Cha mẹ tôi nghe những điều bất hạnh trong gia đình mỗi lão đồng chí của mình, chắc chắn phải nghĩ ngợi rất nhiều. Ông bà mang hết những thức ăn ngon lành mà mình có được ra chiêu đãi những người bạn trẻ. Cha tôi còn đích thân vào bếp nhóm lò, xào rau, làm món bánh bao bột gạo nhân thịt, và món rượu nếp trứng gà mời họ ăn. Đám con nhà họ Lý ở lại nhà tôi năm ngày, rồi mới về Lâm Xuyên. Trước khi họ ra về, mẹ tôi dặn đi dặn lại: “Lần sau các cháu về Nam Xương, thì cứ đến đây”. Sau đó đám con nhà họ Lý khi đôi, khi ba đến nhà tôi ở trong trường bộ binh đó nhiều lần nữa. Đặc biệt là cậu út tám Hoa Xuyên, bé nhất nhà, đã từng bị giam cầm mấy năm liền, mới được thả ra, khiến mọi người yêu mến hơn cả. Khi cậu bé tới nhà, mẹ tôi coi cậu bé như con mình, mỗi khi cậu bé ra về, mẹ tôi sợ cậu bé còn gặp khó khăn trong đời sống, nên thường nhật cho cậu ta tý tiền. Con cái nhà họ Lý vô gia cư, nên nhà chúng tôi ở đây đã thành nhà của họ.

Tuy Chu Ân Lai đã bắt đầu nắm chắc công tác giải phóng cán bộ, mọi mặt trong gia đình nhà tôi cũng đã được thay đổi theo hoàn cảnh chính trị, nhưng trong toàn quốc, còn không biết bao nhiêu cán bộ vẫn còn đang bị đối xử một

cách tồi tệ, không công bằng.

Giang Nam, xuân đến sớm

Năm 1972, trong nhà tôi có nhiều thay đổi, ngay đời sống của cá nhân tôi cũng có sự đổi thay không ngờ tới được.

Nói lại chuyện một năm trước đó, tức là nửa năm cuối của năm 1971, tôi vẫn còn sống ở cao nguyên thượng, trên cao nguyên hoàng thổ của Thiểm Bắc. Cô con gái của lão tướng quân nổi tiếng Lã Chính Tháo là Đồng Nham tốt nghiệp trường đại học Y của Trung Quốc lại được phân công về làm bác sĩ ở trạm y tế công xã, cách thôn tôi ở có năm dặm đường, tên sữa của chị là cô Bệu, và từ nhỏ tôi vẫn gọi chị là chị Bệu, ở nơi hang cùng ngõ hẻm xa xôi hẻo lánh Thiểm Bắc này lại được gặp người quen thân cùng dân Bắc Kinh quả thật là sung sướng vô cùng. Tôi thường dành những giờ rỗi rãi lên công xã, tìm chị rủ đi chơi. Có một hôm chúng tôi cùng ngồi nói chuyện suông, nói mãi nói mãi về đời sống quen thuộc và những người quen thuộc ở Bắc Kinh, chị Bệu đột nhiên nói:

- Ơ! Mình có quen một người ở Bắc Kinh, tên là Hạ Bình, nhất định là rất xứng đôi với cậu. Mình sẽ giới thiệu cho hai người làm quen với nhau!

Chị là người đã nói là làm, mà đã làm là làm đến nơi. Khi chị về Bắc Kinh, chị đi tìm người bạn đó thật, rồi lôi lôi kéo kéo dứt khoát bắt viết thư cho tôi.

Cha của Hạ Bình là Hạ Bưu, trước kia đã từng là đội viên của đội Xích Vệ Hồng Hồ, là trưởng Ban y tế của phương diện quân đỏ số 2, sau giải phóng làm Thứ trưởng Bộ Y tế, trong Cách mạng Văn hóa bị đổ tội là “đi theo tư bản”, cũng đã nếm đủ mùi phê phán, đấu tố, khi đó đã bị hạ phóng tới trường cải tạo cán bộ 7/5 thuộc sở y tế Giang Tây, tối ngủ ở “chuồng gia súc” để lao động cải tạo. Bản thân Hạ Bình là sinh viên của học viện Công trình quân sự ở Cáp Nhĩ Tân, trong Cách mạng Văn hóa, chẳng hiểu trời tròn đất méo ra làm sao lại bị vu là ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Đảng Cộng sản Trung Quốc, bị cùm chân xích tay tống vào tù, rồi hạ một câu “công việc khó khăn, không tìm ra chứng cứ”, và được thả ra, nay được đưa về lao động trong một nông trường khai hoang của quân đội.

Lã Bệu rất nhiệt tình, lôi kéo ấn đẩy hai con người xa lạ chúng tôi xích lại gần nhau. Nếu không, một người cắm chốt tại nông thôn Thiểm Bắc, một người lao động tại nông trường ở tận Hồ Nam làm sao làm quen với nhau được? ít lâu sau, Hạ Bình chuẩn bị đi thăm cha mẹ đang lao động ở “trường cải tạo cán bộ” tại

Vĩnh Tu, Giang Tây, tiện đường rẽ qua Nam Xương. Tôi đem mọi chuyện thực tình báo cáo với cha mẹ. Mẹ tôi bình thường vẫn lo lắng cho lũ con cái chúng tôi vì ảnh hưởng của "vấn đề" của ông bà, sẽ chẳng có ai thèm ngó ngàng tới. Nay nghe nói Hạ Bình sẽ đến nhà chúng tôi, bà mừng cứ như bắt được của…

Vào một ngày tháng 2, tôi ra ga xe lửa Nam Xương đón Hạ Bình. Sau hai tháng thư từ, chỉ nhìn mặt nhau qua ảnh, còn mặt thực chưa được thấy qua lần nào, mắt tôi lại cận thị, nên Hạ Bình là người nhận ra tôi trước. Ấn tượng đầu tiên của tôi về anh là: anh là một người cao lớn. Tôi đưa anh lên xe buýt để về nhà ở trường bộ binh. Cần nhớ rằng, đây là lần đầu tiên tôi giáp mặt với anh, bản thân chúng tôi thật tình cũng còn chưa nghĩ tới chuyện xa xôi gì, vậy mà nào cha tôi, nào mẹ tôi, nào bà tôi, cả ba người già cứ như rơi vào "tình trạng khẩn cấp", cho nên cứ rối rít cả lên. Anh ấy vừa mới tới mà mẹ tôi cứ hỏi đông hỏi tây, nghiễm nhiên thành bà mẹ vợ tra khảo anh con rể. Còn bà tôi, thì nồi chảo cứ loảng xoảng va chạm vào nhau, chuẩn bị làm cơm, thức ăn xào nấu xong đem ra bày chật ních cả một chiếc bàn vuông. Bà tôi cho rằng, một chàng trai mới 26 tuổi, mà lại ở nông trường khai hoang tận Hồ Nam, chắc là đói to. Bà làm nhiều, anh cũng ăn nhiều, chẳng khách khí gì hết. Bao nhiêu là thức ăn, thức uống như thế mà anh quét sạch, cuối cùng hầu như bao nhiêu bát đĩa đều chất đống lên trước mặt anh. Bốn người chúng tôi mời khách, cũng thích khách ăn được nhiều. Bà tôi vừa thu dọn bát đĩa, vừa cười cứ tít cả mắt.

Buổi chiều, mẹ tôi với bà tôi đi trồng mướp, Hạ Bình cũng ra làm giúp. Anh cao lớn, lại biết cách thức làm ăn, chỉ nhoáy một cái, anh đã bắc xong cái giàn mướp. Bà tôi nói: "Cái thằng cao, thế mà được việc!"

Buổi tối cả nhà tập trung lên trên gác, Hạ Bình đem tất cả các loại tin tức đã nghe được, đã nhìn thấy, nói lại cho ba vị cao tuổi nghe, nào là tin "nội bộ cung đình" khi Lâm Bưu ngã đài, nào là tình hình các cán bộ cũ được giải phóng. Các anh là đàn ông, đi được nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người, nên tin tức quả là có phong phú hơn chúng tôi nhiều. Chúng tôi thích nghe nhất là đầu cuối câu chuyện Lâm Bưu tuột dốc, và quan tâm nhất là tin về các cán bộ cũ được giải phóng.

Anh Hạ Bình, con người thực thà như đếm, vừa mới tới mà chẳng thấy cái gì là lạ, thấy ba vị cao tuổi là thân thiết được ngay, nên lập tức, anh nhận được cảm tình tốt của mọi người.

Anh ở lại chỗ chúng tôi hai ngày, rồi mới tạm biệt chúng tôi ra đi, anh đến trường "cải tạo cán bộ" của Bộ Y tế ở Vĩnh Tu để thăm cha mẹ. Trước khi ra đi,

anh đem tút thuốc lá Vân Yên (khi đó mua được thuốc lá không phải là chuyện dễ) vốn định làm quà cho cha mẹ anh, chia đôi biếu lại cha tôi một nửa.

Sau khi tiễn Hạ Bình đi rồi, tôi quay trở về nhà, đã thấy ba vị già mỗi người một chiếc ghế tre con, ngồi ở sân sau nhà bếp, cạnh giàn mướp, thì thầm nói chuyện gì đó. Nhìn thấy tôi về, mẹ tôi liền vẫy tôi lại, xem ra đầy vẻ nghiêm túc. Cha tôi nét mặt hớn hở, vỗ đùi một cái, và với giọng nói đặc Tứ Xuyên: "Xem ra, chuyện trăm năm này coi như đã định xong".

Cha tôi, con người này, làm cái gì cũng đều thực sự như thế. Quyết định chuyện trăm năm của con cái, cũng chính thức chẳng kém gì ngày xưa quyết định những việc quốc gia đại sự. Tất nhiên rồi, điều cha mẹ tôi sung sướng nhất, chính là hạnh phúc của con cái.

Sau khi Lâm Bưu tự diệt vong, con tốt biên Trịnh Thế Thanh ở Giang Tây cũng ngã đài. Người lãnh đạo mới của Tỉnh ủy là những cán bộ cũ Bạch Đống Tài và Hoàng Tri Chân. Hoàng Tri Chân đến trường bộ binh thăm cha tôi, đồng thời truyền đạt thông báo của Trung ương về vấn đề khôi phục lại sinh hoạt tổ chức đảng cho Đặng Tiểu Bình. Cha tôi tuy chưa bị khai trừ ra khỏi đảng, nhưng bị quản chế giam lỏng, hoàn toàn mất tự do cá nhân. Cho đến lúc bấy giờ, mới được khôi phục quyền lợi cơ bản của một người đảng viên cần phải có cho phù hợp với danh nghĩa thực tế. Đây là một sự thay đổi mang tính bản chất, nó có nghĩa tượng trưng là sinh mạng chính trị được khôi phục. Cha mẹ tôi vô cùng phấn khởi. Trong khi chuyện trò với Hoàng Tri Chân, niềm vui mừng phấn khởi đó đã hiện hẳn lên trên nét mặt.

Đầu tháng 4/1972, Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây thông báo cho chúng tôi biết, sẽ sắp xếp cho Phi Phi vào học tại khoa lý trường đại học Giang Tây, cho tôi vào học đại học Y cũng ở Giang Tây. Sự việc đó khiến cho gia đình tôi thấy không còn vui nào có thể vui hơn: Con cái được đi học đại học, thế là ước nguyện trong tâm khảm cha mẹ tôi cuối cùng đã được thực hiện. Điều trọng yếu hơn cả là nó chứng tỏ rằng, bức thư cha tôi viết ngày 8/11/1971, cách đây một năm, gửi Mao Trạch Đông, không những Mao Trạch Đông đã nhận được, mà còn có hồi âm. Đó là điều cực kỳ quan trọng. Nó chứng minh rằng: Mao Trạch Đông vẫn còn chú ý tới Đặng Tiểu Bình ở nơi xa xôi nghìn dặm. Được mọi chuyện đó khuyến khích, nên ngày 22/4/1972, cha tôi viết thư cho Uông Đông Hưng.

Trong thư ông viết: "Đồng chí Uông Đông Hưng, lâu lắm tôi không viết thư. Được Chủ tịch chiếu cố, và được đồng chí giúp đỡ, việc Mao Mao và Phi Phi

được đi học đã giải quyết xong: Mao Mao vào trường đại học Y khoa Nam Xương, Phi Phi vào trường đại học vật lý (chuyên ngành vô tuyến điện), giấy gọi của nhà trường chúng tôi đã nhận được từ cách đây 20 hôm… Hai cháu được chiếu cố như vậy, tôi chỉ còn cách là tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Chủ tịch và đảng! Mọi tình hình của chúng tôi vẫn như xưa, song ba hôm nữa, kế mẫu của tôi sẽ phải đi Thiên Tân để giúp cô em gái tôi sinh nở và trông cháu. Bà lão cũng đã bảy mươi mấy tuổi rồi, nên sức khỏe cũng ngày một kém, mấy năm nay sống trong nhà tôi rất vất vả, nên chúng tôi khuyên bà đi Thiên Tân một thời gian, cho được thảnh thơi chút ít. Khi bà cháu đi, hai cháu lại đi học, trong nhà chỉ còn lại tôi với Trác Lâm, trông nom cho cháu trai lớn bị tàn phế, vì thế tôi tạm thời nghỉ lao động bên xí nghiệp, để ở nhà trông nom việc gia đình (tình hình sức khỏe của Trác Lâm cũng rất đáng lo ngại). Chúng tôi định nhờ một người nấu nướng, đặc biệt là trông nom cháu tàn phế, việc này, tôi đã từng có đề xuất ra với lãnh đạo, nghe nói tìm được người cũng rất khó, tiền lương hơi cao (30 đồng trở lên), nhưng chưa biết kết quả ra sao. Không có người giúp đỡ, tôi e rằng tôi với Trác Lâm, bệnh tật đầy người thật khó bề xoay xở. Con trai lớn của tôi là Đặng Phác Phương, đón về nhà đã gần một năm rồi. Gần một năm nay quan sát thấy rằng từ khoảng thắt lưng trở xuống, tuy hoàn toàn mất cảm giác (đại tiểu tiện không tự chủ được), nhưng cơ năng hình như chưa hoàn toàn mất hẳn. Nghe nói, bệnh viện chẩn đoán cũng thấy như thế, và đã tiến hành đại phẫu thuật, mổ ra xem cũng thấy như vậy, nhưng vì sau bị đưa tới nhà tế bần nên không được chữa chạy gì nữa. Chúng tôi luôn có một mong mỏi rằng, cháu được tiếp tục chữa trị ở bệnh viện, nếu như có thể được, xin đưa cháu vào bệnh viện chữa tiếp và phẫu thuật: Đối với việc này, tôi cũng rất ngượng ngùng khi phải đưa đề nghị ra với đảng".

Có thể thấy rằng, trong Cách mạng Văn hóa, thư cha tôi viết, phần lớn là chuyện "vụn vặt" của gia đình. Con người cha tôi, xưa nay, làm việc gì cũng rất ngắn gọn. Trong công tác, nói chuyện, ông không viết thành văn bản, viết báo cáo cũng ít lời đủ ý, không kể lể rườm rà. Trong đời sống, sống cùng cha suốt từ bé tới lớn, tôi chưa bao giờ thấy ông viết thư, ngay cả đến mẹ tôi, người đã gắn bó keo sơn với ông hơn 30 năm, ông cũng chưa bao giờ thư từ nói chuyện nhà. Nhưng trong thời gian Cách mạng Văn hóa, khi gia đình rơi vào hoàn cảnh bức bách, con cái cần phải được quan tâm giúp đỡ, vì việc chữa bệnh cho con, vì việc học hành của con, vì công tác của con, ông đã làm ngược lại với nề nếp đã có, ông đã cầm lấy bút viết, hết thư này đến thư khác, hết lần này đến lần khác. Trong Cách mạng Văn hóa, ông luôn luôn có cảm giác rằng, con trẻ và người lớn trong nhà chính là tại ông nên mới gặp phải những oan khuất, bất hạnh, cho nên

ông luôn luôn dốc lòng, đem mọi khả năng, đem mọi năng lực mà mình có được, làm cho người nhà và con cái được một chút gì đó, thêm một chút gì đó nữa. Chưa bao giờ ông đòi hỏi con cái trong nhà phải làm cho ông cái gì. Ông dốc hết mọi tình yêu thương cho con cái, mà không đòi hỏi một sự báo đáp nào. Đó là thứ tình yêu chân chất nhất trên thế gian này. Tính lại, số thư từ mà cha tôi viết trong mười năm Cách mạng Văn hóa còn nhiều hơn nhiều so với 80 năm của cả cuộc đời ông. Sau khi kể hết mọi chuyện nhà, ở cuối bức thư vừa nói trên, cha tôi viết: "Còn riêng về phần tôi, tôi vẫn yên tâm chờ chỉ thị của Chủ tịch, để tôi có thể làm công tác thêm được mấy năm. Về đời sống, trong những năm còn lại, tôi muốn được sống ở phương Bắc, mùa hè ở đây rất khó chịu đựng đối với tôi".

Thêm một lần nữa cha tôi đề ra yêu cầu trở về Bắc Kinh và làm việc. Cha tôi sau bấy nhiêu năm im hơi lặng tiếng, quan sát đợi chờ, nay cha tôi đã nói rõ ràng minh bạch mục đích của mình, bằng mọi khả năng tranh thủ trở lại Bắc Kinh, tranh thủ ra làm việc.

Cô tôi, Đặng Tiên Quần, tháng 9 sẽ đến kỳ sinh nở, cô viết thư về Giang Tây, hỏi bà tôi có thể về Thiên Tân, nơi cô làm việc, giúp cô trông cháu hộ không. Sau khi cả nhà tôi thảo luận, thấy rằng bà nên về Thiên Tân. Đặc biệt là cha mẹ tôi thấy rằng, trong bao nhiêu năm nay, kể từ lúc ở Trung Nam Hải về Phương Hồ Trai, lại từ Phương Hồ Trai về Giang Tây, bà đã phải gánh một gánh nặng là trông nom các cháu, cũng chính bà đã đồng cam cộng khổ, hoạn nạn cùng chia với cha mẹ tôi, thế là bà đã quá khổ sở vất vả rồi. Nay nên để bà được thay đổi không khí, thong dong một chút, nghỉ ngơi một chút. Cha mẹ tôi cho tôi đưa bà đi Thiên Tân. Khi mọi thứ đã chuẩn bị xong, ngày 25/4/1972, tôi và bà tôi từ Nam Xương lên đường đi Thiên Tân. Bà tôi là người không biết nhàn hạ là gì, vừa tới Thiên Tân là đã tay đăm tay chiêu làm mọi việc cho cô tôi. Nhưng cô tôi, chú tôi vốn là người hiếu thảo, muốn mời bà tới đó là để bà nghỉ ngơi, nên không muốn để bà phải mệt nhọc. Vất vả bao nhiêu năm rồi, nên cũng đã đến lúc nghỉ ngơi "hưởng phúc". Sau khi đưa bà tôi đến Thiên Tân, trên đường về Nam Xương, tôi có ghé qua Bắc Kinh.

Lại vẫn là chị Lã Bệu nhiệt tình kia, bảo sẽ đưa tôi đi gặp Vương Chấn. Ông Vương Chấn, cái ông tướng nổi danh ấy, cái ông Vương Râu, trời không sợ, đất cũng chẳng thèm gớm kia! Trong Cách mạng Văn hóa, bọn tạo phản đem ông ra đấu tố, ông cũng chẳng chịu kém, ông chống đối, cãi nhau và đấu lại. Sau Đại hội 9, ông đã chuyển giúp rất nhiều thư từ cho các cán bộ cũ, trung thực nhiệt tình, tiếng tăm từng lẫy. Chú Vương Râu thấy tôi, là ào ào hỏi mọi tình hình của cha tôi. Ông giữ tôi lưu lại ở nhà ông. Ông nói với tôi một cách hết sức nghiêm

túc rằng: “Mao Chủ tịch đã nói việc của cha cháu là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Cháu nói với cha cháu rằng, vấn đề của ông nhất định sẽ được giải quyết. Chú sẽ đi tìm Chu Ân Lai, chú cũng sẽ viết thư cho Mao Chủ tịch và cho Trung ương Đảng. Cha cháu cần trở lại làm việc”.

Ông bảo tôi khỏi phải đi chỗ nào khác nữa, mà nên mau chóng trở về Giang Tây, nói mọi điều cho ở nhà nghe.

Từ nhà chú Vương Râu ra, đúng dịp lễ 1/5. Giờ này, Bắc Kinh đang đầy tràn sắc xuân. Đi tới Thiên An Môn, trên quảng trường thoáng đãng, là trời xanh mây trắng, cờ đỏ phần phật bay, khiến lòng dạ tôi cũng rộng mở lâng lâng. Đã sáu năm rồi, vâng, đã tròn sáu năm rồi. Sáu năm rồi, tôi chưa từng bao giờ thấy Bắc Kinh lại mỹ miều đến thế, chưa bao giờ thấy quảng trường Thiên An Môn lại khiến cho lòng người hớn hở, tưng bừng đến thế.

Sau khi về đến Giang Tây, tôi nói lại những lời của chú Vương Râu cho cha tôi nghe. Cha tôi lặng lẽ hút thuốc, không nói gì. Nhưng tôi đã nhìn thấy được trong lòng cha tôi đầy xúc động. Tục ngữ có câu: “Phúc vô song chí, họa bất đơn hành” (phúc chẳng đến đôi, họa không đi lẻ), nhưng trong năm 1972 ấy, đối với gia đình chúng tôi mà nói, việc tốt lành quả là rất nhiều, có thể nói rằng “nườm nượp đầy nhà”. Cha tôi thích nói một câu theo thổ ngữ Tứ Xuyên: “Thời vận kéo vào, cửa nào ngăn nổi”. Chẳng lẽ cuộc sống khốn kiếp của chúng tôi đã tới chặng cuối cùng rồi sao? Bạn thấy không, tháng giêng Mao Chủ tịch nói vấn đề Đặng Tiểu Bình là mâu thuẫn nội bộ nhân dân. Tháng 2, cha tôi được phục hồi sinh hoạt đảng. Tháng 4, tôi và Phi Phi có tin là mình được đi học đại học, đến tháng 6, chúng tôi lại nhận được thông báo, lương của cha mẹ tôi tiếp tục phát như trước kia.

Số là: sau khi Uông Đông Hưng nhận được thư của Đặng Tiểu Bình viết ngày 22/4/1972, đến ngày 30/5/1972 đã phê như sau: “Đồng chí Đặng Tiểu Bình lại có thư, trong thư yêu cầu giải quyết vấn đề tiền và người. Tôi đề nghị, phát lại nguyên lương cho đồng chí Đặng Tiểu Bình”, đồng thời đề nghị mang thư này tới để Chu Ân Lai duyệt.

Ngày 27/6/1972, Chu Ân Lai phúc: “Phát nguyên lương cho đồng chí Đặng Tiểu Bình và Trác Lâm. Nếu con trai Đặng Tiểu Bình có thể mổ tiếp được, thì đưa cậu ta về Bắc Kinh để mổ. Việc này cần hỏi đồng chí Lương Đức Trung[58] xem nên làm như thế nào”.

Trước đó, Chu Ân Lai đã chỉ thị miệng cho Văn phòng Trung ương Đảng,

phát lại nguyên lương cho các đồng chí Đặng Tiểu Bình, Vương Giá Tường, Đàm Chấn Lâm, Trương Văn Thiên,[59] Ô Lan Phu[60] cùng tất cả vợ con các đồng chí ấy, bắt đầu từ tháng 5.

Phát lại nguyên lương, tình trạng đời sống cùng kiệt có thể được đổi khác. Nhưng mọi người đều nhận thấy rằng, đây chẳng phải chỉ là một vấn đề tiền nong. Trong Cách mạng Văn hóa, việc được phát lương chỉ nói lên được một điều cơ bản là "vấn đề" chính trị đã được giải quyết. Còn ý nghĩa nằm ở đây, thực tế là vô cùng quan trọng.

Cũng bắt đầu từ khi đó, đời sống của cha tôi và của cả gia đình tôi đã được thay đổi đến tận gốc. Kinh tế trong nhà đã dồi dào hơn, mẹ tôi đã nhờ La Bằng, người phụ trách xí nghiệp tìm hộ một người giúp việc vặt trong nhà và trông nom Phác Phương. Ông La Bằng tìm cho một người thuộc một gia đình công nhân tên là Mậu Phát Hương. Từ khi cô Mậu Phát Hương tới nhà, đã chia xẻ gánh nặng của cha mẹ tôi, đặc biệt là việc trông nom săn sóc Phác Phương, nên đã giảm nhẹ được cho cha mẹ tôi rất nhiều nặng nhọc.

Khi từ Bắc Kinh về đây, Phác Phương có mang theo một chiếc xe lăn. Sau khi về nhà, anh được cha mẹ tôi chăm sóc chu đáo, thể trạng anh cũng không còn quá yếu kém nữa, sức khỏe ngày một tăng dần, nếu có được người giúp thêm, hàng ngày anh có thể ngồi trên xe lăn, lăn xe ra bên ngoài nhà, đi lại loanh quanh trong sân, trong vườn. Đã có thể ngồi dậy được, lại có thể ra được bên ngoài, thế đã là tốt lắm rồi. Ở trong sân có thể nhìn thấy cây xanh trong tường ngoài tường, có thể nhìn thấy các loại rau quả trong vườn, lại còn được nhìn thấy cả một đàn gà, con bé con lớn, lúc túc, líp chíp chạy theo chân những người già, có thể nhìn thấy trời xanh, mây trắng, lại có thể trông thấy gió xì xào thổi trên ngọn những cây ngô đồng, làm những cành cây và những chiếc lá to rung rinh phơ phất, lại được trông thấy mặt trời, và được đầm mình tắm nắng một cách vô cùng khoan khoái. Nhà mình vẫn là chuyện thích hơn. Nhớ lại những ngày ở trường đại học Bắc Kinh, ở bệnh viện nhà trường, ở bệnh viện Đầm Tích Thủy, ở bệnh viện 301, rồi nhà tế bần, quả đúng là một cơn ác mộng dài dằng dặc.

Ngày 10/6/1972, chồng cô tôi là Lật Tiền Minh ở Thiên Tân làm việc tại viện 7, cục cơ khí số 7, đi công tác ở Giang Tây, nhưng chú tôi đi Thành Đô, Tứ Xuyên trước, đến nhà cô hai tôi là Đặng Tiên Phù và chồng cô là Trương Trọng Nhân để báo cho vợ chồng cô hai biết tình hình bà tôi ở Thiên Tân. Nghe nói chú Tiền Minh sẽ đi Giang Tây thăm anh chị, cô hai bảo, cô cũng muốn đi một chuyến. Dù sao cũng đã nhiều năm không gặp mặt nhau rồi mặc dù thư từ vẫn có

đi về, nhưng tình hình thực tế của anh cả, chị cả ra sao lại không rõ lắm. Hai vợ chồng cô hai bàn bạc với chú Tiền Minh rằng: Tiền Minh cứ đi trước, nếu có thể được gặp anh cả, thì đánh một bức điện báo về, nói là "Đồng ý". Nếu không được gặp anh cả, thì viết "Không đồng ý"- Ba người cứ như hoạt động bí mật vậy, phải thống nhất trước với nhau mọi thứ ám hiệu. Cô hai đem bốn bình rượu Thành Đô Đại Khúc tửu đã giấu diếm từ lâu ra, để Tiền Minh mang trước đi cho anh. Cô vừa ngồi buộc những bình rượu, vừa lo lắng dặn dò Tiền Minh: "Anh cả là miệng rượu đấy nhé, anh phải mang xách cho cẩn thận". Chú Tiền Minh vốn là người thật thà như đếm, rất điển hình, cứ theo lời cô em vợ dặn, nên hết sức nhẹ nhàng, gìn giữ bốn bình rượu, từ Tứ Xuyên ngồi tàu thủy đến tận ngày 23/6 mới tới được Giang Tây.

Chú Tiền Minh đến, cả nhà vui như hội. Cô Đặng Tiên Quần tôi, khi giải phóng mới hơn mười tuổi, sau khi đi cùng với bà tới nhà tôi, rồi được mẹ tôi, bà chị dâu "lãnh đạo" cho đến khi lớn, ban đầu cùng với chị Đặng Lâm cùng đi học ở trường nữ trung học trực thuộc trường đại học nữ sư phạm Bắc Kinh, sau đó thi đỗ vào học viện Công trình quân sự Cáp Nhĩ Tân, sau nữa khi tốt nghiệp, cùng được phân công và kết hôn với người bạn học của mình là Lật Tiền Minh: Tất cả mọi việc, từ nhỏ đến lớn, đều do một bàn tay của người chị dâu sắp đặt. Cho nên mọi quan hệ với anh với chị đều đặc biệt thắm thiết. Cô Tiên Quần có thể coi như đã trưởng thành từ gia đình nhà tôi, cô cùng mấy chị em chúng tôi từ nhỏ đã vui chơi với nhau, đùa nghịch cùng nhau, chẳng phân biệt lớn bé. Lấy chồng rồi, chú Tiền Minh được cô "dìu dắt", cũng lại chơi bời đùa nghịch với chúng tôi và cũng chẳng phân biệt bé lớn gì cả.

Chú Tiền Minh đến Giang Tây, sau bao nhiêu năm không gặp gỡ, nên người nào người nấy đều nói không hết chuyện. Mẹ tôi thân mật trách móc: "Tiên Quần viết thư báo là chú tới, vậy mà cứ biệt tăm mãi. Chúng tôi cứ ngỡ là chú rơi xuống Trường Giang mất rồi". Cha tôi cũng vui lắm, nhưng ông chỉ nói có mỗi một câu: "Chú Tiền Minh đến đây rồi", rồi vội vã rót nước mời chú uống. Bà tôi không có mặt ở đây, nên việc "bếp núc" trong nhà là cha tôi làm. Chú Tiền Minh đến đây rồi, nên cha tôi vội đâm đầu vào bếp, nói: "Tiền Minh thích ăn bánh chẻo, gói bánh chẻo[61] thôi". Nói xong, liền xách chậu đi nhào bột. Tiền Minh thấy anh làm cơm thết mình, nên cũng vội vã đi nhào bột giúp. Ở gia đình, chú Tiền Minh rất được cô Tiên Quần "cưng", nên chẳng biết nấu nướng gì hết, nay bỗng chốc lại phải đi giúp ông anh làm cơm, nên quều quào nhào một chậu bột nhão nhoét. Cha tôi nhìn tay chú dính đầy bột nhão, lúng túng chẳng biết làm tiếp ra sao, liền nói: "Thôi không biết làm rồi! Rắc thêm một ít bột khô vào là

xong ngay đấy mà. Đần quá đi mất!” Nói xong, ông vội vã đi nhóm lò. Chú Tiền Minh vừa rắc thêm bột vào chậu, vừa nhìn anh nhìn chị, vì ngày nực nội nên ông anh chỉ mặc có mỗi chiếc áo lót của người già, đã thủng lỗ chỗ mấy lỗ, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nhưng nhóm bếp, làm cơm lại rất thành thạo. Còn bà chị, túi tít chạy ra chạy vào, khi cầm quạt, quạt cái lò cháy nóng rừng rực, khi thái rau, múc nước, chẳng để rỗi chân rỗi tay. Chú Tiền Minh cứ nhìn như vậy mãi, rồi nước mắt chú ứa ra lúc nào không hay.

Giải quyết công việc ở Nam Xương hai ngày, chú Tiền Minh sẽ phải trở lại Thiên Tân. Trước khi lên đường, chú cứ bịn rịn, lưu luyến mãi, và cũng cứ nhắc đi nhắc lại rằng: “Anh chị đừng có tham công tiếc việc mà mệt người. Tiên Quần sinh cháu xong, em sẽ đưa cô ấy với bà cùng tới Giang Tây, giúp anh chị đôi ba công việc”.

Trước khi chú Tiền Minh ra về, chú mới cho biết là cô hai Tiên Phù cũng muốn tới đây, và nói rõ cho chúng tôi biết ám hiệu của hai người đã thống nhất với nhau. Cha tôi bảo tôi đi đánh điện báo ngay và nói: “Không viết đồng ý đồng ung gì cả, mà viết là: Đến làm bánh mau”. Cô hai tôi nhận được điện báo với hai chữ: “Đến mau”, hoàn toàn không giống như ám hiệu đã quy định, cô ngớ người, không rõ là đã xảy ra chuyện gì. Cô vội vã bảo chồng cô ra ga xe lửa lấy vé, còn mua hai túi táo to, rồi bánh ga tô, và cả thịt bò khô Tứ Xuyên gì gì nữa, xách đi ngay. Qua hai ngày ngồi xe lửa, đến ngày 3/7/1972 cô mới tới được Nam Xương. Cô hai cũng lớn lên dưới sự lãnh đạo của mẹ tôi, công tác của cô rồi chuyện hôn nhân của cô đều do một tay bà chị dâu thu xếp. Hai đứa con của cô sau khi sinh ra, cũng ở nhà tôi tất, và đều do bà tôi, mẹ tôi trông nom cho đến lớn. Cho mãi đến khi Cách mạng Văn hóa bùng nổ vào tháng 2/1967, tình hình gia đình tôi lâm vào cảnh hiểm, mẹ tôi mới cho đưa hai cháu nhỏ về Tứ Xuyên. Đã sau nhiều năm không gặp nhau rồi, cô tôi thương xót anh chị biết bao nhiêu.

Tôi ra ga xe lửa Nam Xương đón cô hai. Đã nhiều năm qua rồi, tôi đã lớn và lại béo ra, nên cô hai chẳng nhận ra tôi ngay được. Tôi đã làm lụng ở nông thôn, nên sức khỏe cũng khá, gặp cô, tôi liền xách ngay những bao lớn bịch bé nặng chịch, đi vùn vụt, cô hai tôi theo không kịp cứ lạch bạch đi đằng sau. Khi sắp tới nhà, tôi đứng trên dốc đồi phía sau căn gác nhỏ của chúng tôi, lên giọng gọi mẹ tôi. Mẹ tôi vẫn ngồi chờ ở đó từ lâu, khi nghe tiếng tôi gọi, vội vã thò đầu qua cửa sổ hỏi tôi: “Đến chưa đấy?” Bước chân vào cửa là cô tôi đã gặp anh chị, chị dâu mặc bộ quần áo vừa to vừa rộng, chiếc quần dài lê thê do bà tôi may, còn ông anh mặc chiếc áo lót rộng thùng thình đứng ở đầu cầu thang. Tất cả nhà đều có mặt ở đó, cười nói ồn ào vui vẻ long trọng như đón tiếp “khách nước ngoài”.

Cô hai đến, cả nhà lại thêm một phen hồ hởi tưng bừng. Cô hai rất giỏi việc gia đình, cô đòi làm bếp thay cha tôi nhưng cha tôi không nghe. Nên nhớ rằng, bây giờ việc bếp núc là "độc quyền" của cha tôi. Cha tôi làm cho cô hai món thịt kho tàu, thịt băm viên, lại làm món mì "Itali" xào thịt bò cà chua. Mẹ tôi nói: "Biết là cô sẽ tới, hôm Tết Đoan Ngọ, tôi đã muối hai chục quả trứng, để dành cho cô đấy. Số rượu mà cô gửi Tiên Minh mang tới trước, anh cô vẫn tiếc còn chưa dám uống hết, đây cô xem này, vẫn còn nguyên hai bình đây". Cha tôi lại nói: "Tiên Phù này, anh chị ở đây còn có cả thịt ăn nữa đấy nhé".

Cô hai thấy trong bếp, những nồi chảo, môi thìa, đến cả những chiếc khăn lau bàn, lau bát đều được treo ngay ngắn gọn gàng đâu ra đấy. Ông anh không cho cô làm cơm, cô chỉ đành rửa bát và làm một vài việc lặt vặt khác.

Sáng sớm cha mẹ tôi đi sang xí nghiệp làm việc, 6 giờ sáng việc nấu nướng đã tươm tất, ăn xong ông bà đi làm, nhưng vẫn còn dặn chúng tôi đừng gọi cô hai dậy làm gì, cô đi đường mệt nên để cô ngủ thêm cho lại sức. Cô tôi đến, mẹ tôi có bạn để chuyện trò. Hai người túm lại bên nhau suốt ngày, nói không biết bao nhiêu chuyện, vậy mà vẫn không hết. Sáu năm trời rồi còn gì! Cái gì cũng muốn hỏi, cái gì cũng muốn nói. Cô tôi nói hết tình hình cô ở Tứ Xuyên, cùng những tình hình cô nghe được ở bên ngoài cho mẹ tôi nghe, còn mẹ tôi nói hết cho cô nghe những ngày phải sống ở đây. Ngày ngày cha mẹ tôi ra sau nhà hái mướp hương, mướp đắng, nấu nướng cho cô tôi ăn giải nhiệt. Mẹ tôi lại lôi cả món hoa quả ngâm đường bà tôi đã ngâm, cùng với cô tôi làm bánh trôi hoa quả.

Cô tôi ở lại nhà tôi mười một ngày, cha tôi bảo cô, ở đây oi bức nồng nực lắm, cô nên sơm sớm về thăm bà ở Thiên Tân. Có được một chuyến đi thực là chuyện chẳng dễ dàng gì đối với cô tôi, trước khi cô lên đường, tôi lại lôi chiếc máy ảnh của nhà ra, cả nhà chụp chung một ảnh kỷ niệm. Đúng lúc đó cha tôi đang mặc chiếc may ô rách, đứng ở đầu cầu thang trước cửa bếp, tay đang bưng cái chậu đựng gạo chuẩn bị đi vo gạo nấu cơm. Tôi nói với ông: "Cô hai sắp đi rồi, cả nhà chụp một bức ảnh ạ". Trong cả cuộc đời ông, việc ông ghét nhất ấy là cái sự chụp ảnh. Ông nói: "Quần áo còn chưa thay, ảnh với hình cái gì". Tôi chẳng kể nếp tẻ gì, cứ lên gác, lấy một chiếc áo ngoài, bắt cha tôi mặc lên người, tôi kéo ông ra sân. Thế là cha tôi, cô tôi cả tôi và Phi Phi nữa cùng chụp chung một bức ảnh. Do kỹ thuật kém nên bức ảnh ấy đen xì đen xịt. Nhưng cho đến bây giờ, giở ảnh ra xem, vẫn thấy lòng đầy quyến luyến. Đó là lần đầu tiên cha tôi chụp ảnh sau sáu năm Cách mạng Văn hóa, mà lại là bức ảnh gia đình, chụp ở nơi đất trích Giang Tây. Nhìn lại những tấm ảnh, không thể không nghĩ đến

cuộc sống ngày ấy. Trong một đời người có những ngày như thế, quả cũng đáng nhớ và truy niệm.

Đầu tháng 10, chúng tôi nhận được thông báo, Ban tổ chức Trung ương đồng ý đưa Phác Phương về Bắc Kinh, vào bệnh viện 301 điều trị. Cả nhà chúng tôi thật quá phấn khởi. Đặc biệt là mẹ tôi, bà mong mỏi bao nhiêu việc con trai bà được chữa chạy, hoặc ít ra cũng có khả năng làm bệnh tình nhẹ bớt đi. Ngày 7/10/1972, Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây cắt cho hai người, và thêm tôi nữa đưa Phác Phương về Bắc Kinh chữa bệnh. Trở về Bắc Kinh lần này, không giống như hồi tôi ở Thiểm Bắc trở về ngồi ghế băng cứng, mà là một khoang riêng, trong toa giường ngủ có đệm. Bốn người một khoang riêng đó, lại có cả chăn đệm nữa, thật êm ấm, khoan khoái. Cuộc sống của chúng tôi ở Giang Tây được nới lỏng ra rất nhiều, không những được nới lỏng trong đời sống, mà còn được nới lỏng cả về tinh thần nữa. Trong suốt sáu năm trời, sợi dây siết chặt lấy trái tim chúng tôi cũng đã bớt căng đi. Tuy bà tôi đã đi Thiên Tân với cô tôi, nhiệm vụ quan trọng là việc nấu nướng rơi vào tay cha tôi, nhưng khi Phác Phương đã đi Bắc Kinh chữa bệnh, việc trong nhà cũng bớt đi rất nhiều. Thêm vào lại có tôi và Phi Phi, hai tên sức dài vai rộng cũng đã được trở về, nên cha mẹ tôi cũng cảm thấy vui hơn. Khi đó cán bộ lãnh đạo và công nhân bên xí nghiệp cũng đã đi lại chơi bời, thăm hỏi. La Bằng, trung đội trưởng Đào Đoan Tấn, Trình Hồng Hạnh cùng những người tương đối thân thuộc đều có qua chơi. Khi chị Trình Hồng Hạnh đến chơi, chị còn gói bánh chưng giúp cha mẹ tôi và cười cười đùa đùa với mẹ tôi nữa.

Nghĩ lại từ ngày Cách mạng Văn hóa tới nay, chúng tôi mới lại có được sự thư thái như thế, mới có được sự nới lỏng như thế. Lẽ nào lại có thật, chuyện vật đổi sao dời? Có cái sống ở cuối con đường chết sao?

Uốn nắn lại những cung cách cực tả

Sau khi Lâm Bưu tự diệt, công tác hàng ngày của đảng và nhà nước, thực tế là nằm trong tay Chu Ân Lai. Chu Ân Lai đã tiến hành hàng loạt những công tác, chỉnh đốn lại những sai lầm cực tả trong Cách mạng Văn hóa. Cách thức làm của Chu Ân Lai lúc ban đầu được Mao Trạch Đông ủng hộ.

Trong sáu năm trở lại đây, người người làm "cách mạng", người người đi tạo phản, sản xuất công nông nghiệp toàn quốc bị phá hoại nặng nề. Khi Chu Ân Lai bắt đầu điều khiển công việc, Quốc vụ viện đã ra hàng loạt thông cáo, tiến hành hàng loạt những điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh tiền lương của công nhân trong một số xí nghiệp. Chu Ân Lai cũng đề xuất, cần phải hết sức điều chỉnh và tăng cường công tác quản lý đối với các xí nghiệp, đồng thời khôi phục và kiện toàn lại những chế độ quy tắc đã bị phá hoại. Quốc vụ viện còn khởi thảo "Kỷ yếu hội nghị kế hoạch toàn quốc năm 1972", đề ra một số những biện pháp thực hiện việc chỉnh đốn xí nghiệp: Qua chỉnh đốn, bộ mặt xí nghiệp các cấp đã có những thay đổi nhất định. Sau khi được Mao Trạch Đông phê chuẩn, nước ta đã quyết định nhập khẩu thiết bị kỹ thuật toàn bộ loại lớn. Sau khi đã có được những thành quả nhất định trong các xí nghiệp, Chu Ân Lai liền quay lại giải quyết những vấn đề trật tự bị phá vỡ trong nền kinh tế quốc dân, cùng những xây dựng cơ bản đã bị bỏ bê từ lâu. Tuy việc chỉnh đốn của Chu Ân Lai gặp không ít những khó khăn cũng như trở ngại, nhưng sau những nỗ lực gian khổ, ngay năm đó, nền kinh tế quốc dân đã có những chuyển biến, khôi phục tốt, tổng giá trị sản lượng của công nông nghiệp so với năm trước đã tăng được 4,5%.

Đồng thời với việc hết sức cố gắng điều chỉnh kinh tế, Chu Ân Lai còn đối phó với mọi trở lực, uốn nắn lại chính sách của đảng đã bị phá hoại nghiêm trọng trong Cách mạng Văn hóa, và những cán bộ của đảng bị oan khuất. Tháng 4, báo *Nhân dân* in bài xã luận với đầu đề: "Ngăn trước, ngừa sau, trị bệnh cứu người", do đích thân Thủ tướng Chu Ân Lai chỉ thị, sửa chữa và phục duyệt. Bài xã luận đã nhằm vào các cán bộ cũ và các nhà trí thức đã bị đả kích, bức hại dẫn tới oan khuất nghiêm trọng trải dài ra trên toàn quốc trong Cách mạng Văn hóa, và đặt lại vấn đề chính sách cán bộ của đảng, nhấn mạnh cần phải tin chắc chắn rằng có trên 90% là những cán bộ tốt, hoặc tương đối tốt, đồng thời cũng nhấn mạnh rằng, cần phải phân biệt rõ ràng mâu thuẫn địch ta, cùng mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân là hai tính chất hoàn toàn khác nhau.

Với sự cố gắng thu xếp của Chu Ân Lai, hàng loạt các cán bộ lão thành như Chu Đức, Trần Vân, Lý Phú Xuân, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn, Ô Lan Phu, Đàm Chấn Lâm, Lý Tỉnh Tuyến, Vương Giá Tường, Liêu Thừa Chí,[62] Liêu Chí Cao, Tăng Hy Thánh,[63] Diệp Phi, Tưởng Nam Tường[64] v.v… trong năm 1972 hoặc là công khai xuất hiện lại trong một số trường hợp, hoặc được thả ra khỏi nơi đã giam giữ quá lâu, hoặc là được đưa tới bệnh viện điều trị.

Việc "giải phóng" những cán bộ cao cấp này của đảng đã cuốn theo một số lớn cán bộ trung cấp, cao cấp khác ở Trung ương và cán địa phương tiếp tục xuất hiện và phục chức. Đồng thời với công việc đó, Chu Ân Lai còn nắm chắc hai tài liệu về hai đồng chí cán bộ lão thành là Trần Chính Nhân,[65] Tăng Sơn[66].

Chu Ân Lai chỉ thị cho Bộ Y tế giải quyết nhanh chóng vấn đề điều trị của các cán bộ lão thành, đồng thời còn đích thân đốc thúc để những đồng chí nhiều tuổi từ cấp Thứ trưởng trở lên, bao gồm gần 500 người được kiểm tra lại toàn bộ sức khỏe. Ông lại cùng với Diệp Kiếm Anh giải phóng cho hơn một trăm vị tướng quân trong quân đội, trở lại những vụ lãnh đạo. Không ít những cán bộ lão thành từ các trường "cải tạo cán bộ" ở các tỉnh xa, trở lại Bắc Kinh kiểm tra sức khỏe rồi được "giải phóng" nhờ cơ hội đó. Trong tình hình ấy, những cán bộ cũ đã tới tấp ra khỏi nhà tù, ra khỏi những trường "cải tạo cán bộ", ra khỏi những "chuồng gia súc" và có rất nhiều người đã được trở lại công tác.

Tin tức về chỉnh đốn và uốn nắn sai lầm "tả khuynh" giống như một trận gió xuân tràn ra toàn quốc làm ấm lại hàng nghìn hàng vạn con tim. Kể từ Cách mạng Văn hóa bùng nổ tới nay, nó điên cuồng như thế, nó kinh tởm như thế, người người đều bị cuốn vào trong bụng nó, bất kể một ai, dù tự nguyện hay không tự nguyện. Sau khi đã phải trải qua bấy nhiêu mưa gió não nề, bị quăng lên quật xuống, bị xé nát mài mòn, bị chìm nổi lênh đênh, con người đã bắt đầu tỉnh ngộ ra. Nếu như nói, khi Cách mạng Văn hóa vừa bắt đầu, mọi người đều bàng hoàng, chẳng biết xoay trở, tiến thoái ra sao, thì có lẽ sau sáu năm, hôm nay đã có rất đông người bắt đầu suy nghĩ, bắt đầu hồi tưởng và đã đưa ra những điều nghi vấn.

Cũng vừa đúng vào khi đó Lâm Bưu đã tự hủy diệt, thật đúng là ông trời có mắt. Cũng đúng vào khi đó, Mao Trạch Đông đã tự nhận ra, cũng thật là may cho con đen con đỏ. Cũng đúng vào khi đó, Chu Ân Lai đứng ra ngăn cơn sóng dữ, thật đúng là đã đi sâu thêm vào ước ao, đi sâu thêm vào mong mỏi của dân. Những người cán bộ lão thành trở lại Bắc Kinh còn chưa kịp kiểm tra sức khỏe, chưa kịp nhận công tác, đã tỏa ra khắp phố phường, khắp hang cùng ngõ hẻm, đi

tìm những người bạn chiến đấu cũ, những người đồng nghiệp, họ muốn đi tìm kiếm, để xem xem những ai còn sống, những ai đã trở về. Bạn cũ gặp nhau vui như ngày hội. Sáu năm trời dãi dầu, mưa gió gió mưa, không thể không ngoảnh đầu ngoái lại. Họ hỏi han lẫn nhau, nghe chuyện của nhau, bàn bạc về mọi loại "tin tức", bàn bạc về tiền đồ và vận mệnh quốc gia.

Trong khi hàng loạt cán bộ đã trở về Bắc Kinh, cha tôi vẫn ở Giang Tây. Mặc dù hoàn cảnh mọi mặt của cha tôi đã được thay đổi đến tận gốc, nhưng cho đến lúc đó mà nói, vẫn không có thêm một tin tức đáng kể nào. Khi đó bọn con cái chúng tôi vì đã được tiếp xúc với bên ngoài khá nhiều, nên tin tức về tới căn gác nhỏ trường bộ binh cũng chẳng còn đến nỗi tắc tịt như trước nữa. Có rất nhiều tin tức đáng mừng đã được truyền về đến đấy. Đối với tình hình đó, cha tôi đã có một sự phân tích thật khúc chiết. Và lúc đó, mục đích của ông càng thêm phần rõ ràng hơn: ông cần phải tranh thủ trở lại Bắc Kinh, ông cần phải tranh thủ để xuất đầu lộ diện.

Ngày 1/8/1972, cha tôi lại cùng với công nhân trong xí nghiệp sửa chữa và chế tạo máy kéo huyện Tân Kiến tỉnh Giang Tây nghe truyền đạt thông báo về tội trạng phản loạn của tập đoàn phản đảng Lâm Bưu.

Trong lần này, sau khi nghe truyền đạt xong, cha tôi lập tức cầm bút viết thư cho Mao Trạch Đông. Hai ngày sau, tức là ngày 3/8, bức thư đã được Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây chuyển đi.

Trong bức thư này, cha tôi dùng những lời lẽ chân thực và viết rất dài, bày tỏ sự kiên quyết, ủng hộ sự vạch tội và phê phán tập đoàn Lâm Bưu của Trung ương. Sau khi vạch tội phê phán thêm tập đoàn Lâm Bưu, đối với "sai lầm" của mình, cha tôi đã thực sự cầu thị, ngắn gọn kiểm điểm và nhận trách nhiệm phần mình. Cuối thư, ông nói rõ ràng minh bạch về yêu cầu ra làm việc của mình. Ông viết: "Trong thư tôi viết trình Chủ tịch tháng 11 năm ngoái (1971), tôi đã đưa ra thỉnh cầu về việc tôi trở lại làm việc. Tôi đã nhận thức được thế này, sau khi phạm sai lầm, tôi đã hoàn toàn thoát ly công tác, thoát ly mọi tiếp xúc với xã hội, tất cả đã năm năm, sắp sáu năm rồi. Tôi vẫn nghĩ là sẽ có cơ hội được sửa chữa sai lầm của mình bằng công việc, trở lại với đường lối của giai cấp công nhân của Chủ tịch. Tôi thấy rằng sức khỏe của tôi vẫn còn tốt, mặc dù là đã 68 tuổi, tôi vẫn còn có thể làm được một số công việc mang tính kỹ thuật (thí dụ như công tác điều tra, nghiên cứu), vẫn còn có thể phục vụ đảng, phục vụ nhân dân bảy tám năm nữa, để chuộc lại lỗi lầm trong muôn một. Tôi không có yêu cầu nào khác. Tôi yên tâm chờ đợi chỉ thị của Chủ tịch và Trung ương".

Cha tôi biết rằng, Mao Trạch Đông cần biết thái độ của ông, trong thư cũng đã có thái độ đối với việc phê phán Lâm Bưu, và cũng có cả thái độ đối với "sai lầm" của mình. Thư gửi đi rồi, cha tôi tin rằng, thư đó sẽ tới tay Mao Trạch Đông. Nhưng thật không ngờ rằng, Mao Trạch Đông đã nhận được bức thư đó rất nhanh, và cũng nhanh không kém có bút phê.

Ngày 14/8/1972, bút phê của Mao Trạch Đông ghi rằng: "Đồng chí Thủ tướng duyệt xong, xin giao cho Chủ nhiệm Uông Đông Hưng in và phát cho các đồng chí Trung ương. Việc phạm sai lầm của đồng chí Đặng Tiểu Bình là nghiêm trọng, nhưng cần phải có phân biệt, khác với Lưu Thiếu Kỳ.

1. Đồng chí ấy là một trong bốn người Đặng, Mao, Tạ, Cố[67] bị chỉnh đốn ở khu Xô-viết Trung ương, và được gọi là kẻ cầm đầu của bè phái Mao. Tài liệu chỉnh đốn đồng chí ấy có thể đọc ở hai văn kiện: 'Hai đường lối từ đại hội sáu đến nay'…

2. Đặng Tiểu Bình không có vấn đề quá khứ. Tức là không đầu hàng địch.

3. Đặng Tiểu Bình hợp sức đánh giặc với Lưu Bá Thừa rất đắc lực, có công trạng. Ngoài ra, khi vào thành phố, không phải là không làm được việc gì tốt, thí dụ như đã lãnh đạo phái đoàn đi đàm phán ở Mát-xcơ-va, đã không chịu để bọn xét lại Liên Xô lôi kéo".

Sau khi Mao Trạch Đông khẳng định lại những công trạng của Đặng Tiểu Bình trong quá khứ, cuối cùng còn viết thêm một câu "Những việc này, tôi đã từng nhắc tới nhiều lần, bây giờ, tôi nói lại một lần nữa".

Ngay hôm đọc xong những lời phê đó của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai lập tức cho in lại những lời phê đó, và phát đủ cho tất cả các thành viên của Bộ Chính trị.

Với thư của Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông đã có những lời bút phê hoàn toàn khác với các loại bút phê thông thường của ông ta. Tuy trong bút phê không hề nhắc tới việc dùng lại Đặng Tiểu Bình, nhưng thái độ của Mao Trạch Đông lại khá rõ ràng, thậm chí có thể nói, ở một mức độ nào đó, Mao Trạch Đông đã nói hộ Đặng Tiểu Bình.

Có thể cho rằng, đến lúc đó, Mao Trạch Đông đã suy nghĩ hết sức chín chắn về việc dùng lại Đặng Tiểu Bình rồi.

Nhưng Cách mạng Văn hóa đã mở rộng đến như thế, sự thể đã diễn biến vô

cùng phức tạp, phức tạp đến mức gần như đổ vỡ hoàn toàn. Như vậy có nghĩa là, đến ngay cả Mao Trạch Đông, con người vĩ đại "bao trùm sông núi" cũng không thể muốn làm gì thì làm được nữa, không thể làm theo ý thích của mình được nữa rồi.

Lúc này, Mao Trạch Đông muốn dùng lại Đặng Tiểu Bình, song nó lại có những khó khăn khó nói của nó.

Thứ nhất: Đặng Tiểu Bình là tên số hai trong "những kẻ cầm quyền lớn nhất trong đảng đi theo đường lối tư bản chủ nghĩa", là kẻ đã phạm "sai lầm", bị hạ bệ đánh đổ. Nếu muốn dùng lại Đặng Tiểu Bình, cần phải có lời lẽ thế nào về những "sai lầm" đó chứ.

Thứ hai: sau khi Lâm Bưu ngã đài, thế lực của bọn Cách mạng Văn hóa Trung ương do Giang Thanh cầm đầu đã được tăng cường hết sức mạnh mẽ, nên đối với việc xuất hiện trở lại của một cán bộ cũ như kiểu Đặng Tiểu Bình, sẽ bị chúng kiên quyết phản đối, và hình thành một lực cản rất mạnh mẽ. Hơn thế, số binh mã của bọn Cách mạng Văn hóa Trung ương đã trở thành một lực lượng duy nhất vẫn ra sức tiến hành Cách mạng Văn hóa lúc này, về mặt phong trào, Mao Trạch Đông lại rất coi trọng và tin cậy họ. Họ chống đối, Mao Trạch Đông không thể không xem xét.

Thứ ba: việc dùng lại một nhân vật chính trị quan trọng như Đặng Tiểu Bình có cả mặt lợi của nó, nhưng cũng có cả mặt nguy của nó. Nên nói toẹt ra rằng, liệu những người đã mắc vào vòng khốn đốn trong Cách mạng Văn hóa, họ có lật lại vụ án Cách mạng Văn hóa này không.

Với tình hình phức tạp đan xen chéo giò như thế, nên đối với việc dùng lại Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông đã chọn phương thức "thăm dò trước", rồi tiếp tục quan sát.

Lâm Bưu tuy bị ngã đài, nhưng vũ đài chính trị của Trung Quốc chẳng có yên hàn. Trên con đường tiếp tục tiến hành Cách mạng Văn hóa, vẫn còn đầy những vực xoáy và những bãi nổi lập lờ nguy hiểm. Những hành động quá đáng và quá tả của Mao Trạch Đông trong Cách mạng Văn hóa đã được ông ta xem xét lại trong một chừng mực nhất định, và cho phép Chu Ân Lai điều chỉnh uốn nắn lại cũng trong một chừng mực nhất định. Nhưng với Chu Ân Lai, uốn nắn "tả" và phê phán sự hỗn loạn "vô chính phủ" lại gây cho bọn Cách mạng Văn hóa Trung ương sự bất bình to lớn. Những kẻ to đầu của Cách mạng Văn hóa như Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên v.v… đã công khai ô miệt vu cáo

sự phê phán cực tả đó của Chu Ân Lai là “chủ nghĩa xét lại ngóc đầu dậy”, và trở thành mũi nhọn đối lập với ông.

Trong cuộc đấu tranh này Mao Trạch Đông đã sai lầm đứng về phía những người của Giang Thanh. Thái độ của Mao Trạch Đông về căn bản là phủ nhận ý kiến chính xác của Chu Ân Lai, việc phê phán cực tả lại thêm một lần trở thành khu vực cấm.

Với Mao Trạch Đông mà nói, nhận lấy bài học, uốn nắn một số những cách thức quá khích, là có thể. Nhưng tuyệt đối không cho phép bất kỳ người nào dám phủ định đường lối cực tả mà ông ta đã kiên tâm theo đuổi. Đây là “nguyên tắc” và lập trường cuối cùng, ông ta cố kiết theo đuổi trong đời sống chính trị còn lại của ông ta. Lập trường của Mao Trạch Đông không thay đổi, thì sứ mệnh Đại Cách mạng Văn hóa cũng không sao kết thúc được. Con đường của vở kịch lớn vừa bi vừa hài trên vũ đài chính trị vẫn còn chưa tới màn cuối.

Con đường phong vân lắt léo, bổng trầm của vũ đài chính trị Bắc Kinh đang thiên biến vạn hóa, hoàn cảnh của Đặng Tiểu Bình ở Giang Tây, trong tình hình đại thể ấy cũng được nới lỏng thêm bước nữa.

Tình cảnh của cha tôi rõ ràng là đã có những chuyển biến tốt. Người đồng chí lão thành Hoàng Tri Chân, sau khi được phục hồi công tác trong Tỉnh ủy Giang Tây, không những đích thân đến thăm cha mẹ tôi mà còn chú ý rất nhiều tới hoàn cảnh sống của hai ông bà. Do trong trường bộ binh luôn luôn bị mất nước, tắm táp rất khó khăn, Tỉnh ủy đã thu xếp cho chúng tôi mỗi tuần lên Tỉnh ủy tắm táp một lần. Với đề nghị của cha mẹ tôi, sau khi thỉnh thị và được phê chuẩn, ông lão cần vụ cũ của gia đình tôi là Ngô Hồng Tuấn cùng vợ đã tới Giang Tây, giúp gia đình tôi một số công việc trong nhà. Sau khi gia đình ông tới, việc lao động trong nhà của cha mẹ tôi đã giảm nhẹ đi rất nhiều.

Tuy Phác Phương đã đi Bắc Kinh chữa bệnh, nhưng gia đình tôi cũng chẳng đến nỗi trống trải. Đặng Lâm trong Học viện Mỹ thuật Trung ương cho đến lận lúc đó vẫn chưa hề phân công công tác, thế là sinh viên bắt đầu “tạo phản” bỏ trường về nhà. Đặng Lâm đã từ Tuyên Hóa về Giang Tây, chờ phân công công tác. Kể từ Cách mạng Văn hóa tới nay, Học viện Mỹ thuật của chị “tạo phản” cũng ghê gớm, quản lý người cũng ghê gớm, khó có được cơ hội ở nhà như thế, nhàn tản thay, phong lưu thay.

Đặng Nam cũng đã trở về. Lần này chị về nhà cũng ghê lắm, chị chuẩn bị sinh cháu bé. Cần phải nhớ rằng, đứa trẻ trong bụng chị chính là đứa cháu đầu

tiên trong dòng họ Đặng chúng tôi. Đặng Nam nghiễm nhiên ra dáng một vị đại công thần, ưỡn cái bụng to đùng, hết quanh ra, lại quẩn vào, không mó tay vào việc gì, mà lại toàn được ăn ngon. Mẹ tôi tất tả trong việc chuẩn bị cho chị ngồi xó, nuôi một đàn mười mấy con gà. Nhưng cứ theo tôi, chị cũng chẳng có gì đáng hãnh diện lắm. Trước đây, mẹ vẫn khen chị là người thon thả ưa nhìn, nhưng bây giờ "dung nhan" đã khác, cái bụng to chẳng nói làm gì, toàn thân chị đã béo phì béo nộn, cứ như cái thùng tô nô. Chị còn lấy cớ là dưỡng thai, nên ra sức ăn. Nhưng rõ ràng rằng, chị ăn uống có vẻ ngon lành lắm. Nhìn thấy chị ăn uống ngon lành, cha tôi chỉ mừng thầm trong dạ, còn mẹ tôi thấp thỏm lo âu, nói: "Cũng chẳng nên béo quá đâu, sau này khó mà rút lại được". Để cho Đặng Nam giảm béo và cũng là để sau này sinh con cho dễ, mọi người trong nhà bắt buộc chị phải vận động. Hàng ngày cha tôi vẫn đi dạo quanh nhà, những lúc ấy ông bắt Đặng Nam phải cùng đi. Lúc mới đầu, không dám cãi, Đặng Nam nghễu nghện vác cái bụng phưỡn cùng đi. Nhưng chỉ được mấy vòng, chị không chịu đi nữa, toe toe nói: "Ba đi nhanh thế, con theo sao kịp". Nói xong, biến mất tăm mất dạng. Đối với một cô con gái như thế, cha mẹ tôi cũng chẳng còn chiêu nào khác.

Tôi và Phi Phi đã học đại học ở Giang Tây. Lũ chúng tôi là đám học viên công nông binh thứ hai. Khi đó các học viện, các trường đại học, trường chuyên nghiệp vừa được khôi phục, chiêu sinh, học sinh không phải là học sinh trung học thi vào, mà là các đơn vị, xí nghiệp, nông thôn "tiến cử lên". Đại bộ phận học trò chỉ là cấp hai, thậm chí có cả văn hóa bậc tiểu học nữa, những học sinh từ nông thôn lên, từ xí nghiệp tới, học hành rất vất vả. Những "sinh viên đại học" với trình độ văn hóa tiểu học đó cũng lại là một loại đặc sản của Cách mạng Văn hóa. Với trình độ bậc tiểu học như thế, làm sao mà nuốt cho trôi chương trình đại học, cho nên lại phải mở thêm những lớp bổ túc. Những người có trình độ văn hóa kha khá, phải theo lớp bổ túc nửa năm, những học sinh Giang Tây trình độ văn hóa quá thấp phải học lớp bổ túc đằng đẵng tám tháng liền. Nội dung học của các lớp bổ túc đó vẫn chỉ là môn toán lý hóa của cấp hai.

Khi bắt đầu Cách mạng Văn hóa, tôi đang học năm thứ nhất cấp ba, còn Phi Phi đang học năm thứ hai cấp hai, song trong sáu năm vừa qua Phi Phi đã tự học tới trình độ năm thứ nhất, thứ hai khối tự nhiên. Tuy chúng tôi đi cắm chốt ở nông thôn, nhưng chúng tôi vẫn luôn luôn dùng thời gian rảnh rỗi để tự học. Trong nhà chúng tôi, cha mẹ rất coi trọng việc giáo dục và học hành của con cái, ông bà không những đòi hỏi ở mỗi người con phải học giỏi, phải học lên đại học, mà còn yêu cầu thi vào đại học phải đỗ cao. Ngay từ nhỏ, cha mẹ chúng tôi đã

giáo dục cho con cái cách suy nghĩ như thế, làm cho anh chị em chúng tôi có mục đích rất rõ ràng, chính xác, ngay từ khi còn đi học lúc bé. Sau khi Cách mạng Văn hóa vừa bắt đầu, dù xấu dù tốt anh chị tôi đều tốt nghiệp đại học cả, chỉ còn có tôi và Phi Phi là chưa vào đại học mà thôi, điều đó từng làm cha mẹ tôi vô cùng băn khoăn, lo lắng. Cho nên, đã nhiều lần đưa ra đề nghị với Trung ương, tranh thủ cho tôi và Phi Phi đi học, để con cái có được nền giáo dục đại học. Lần này tôi và Phi Phi được tiếp tục đi học, hoàn toàn là kết quả của mọi cố gắng của cha mẹ tôi. Khi đó, được đi học đại học chẳng phải là việc dễ dàng gì. Cái gọi là "tiến cử và đề bạt" cũng cần có rất nhiều điều kiện, cần xuất thân tốt, cần biểu hiện tốt, lại còn cần cả quan hệ tốt với lãnh đạo nữa v.v… Trên thực tế đã có rất nhiều người, tìm mọi cách "chạy cửa sau", móc nối, mới đi học đại học được. Chúng tôi cũng đã từng đùa cợt trong nhà với nhau, chúng tôi được đi học cũng là một cách chạy cửa sau, nhưng là cái cửa sau to nhất của con người vĩ đại nhất Mao Trạch Đông. Nếu không, chỉ với cái danh nghĩa "lũ con cái còn giáo dục được", rồi lại phải đi cắm chốt ở vùng nông thôn xa xôi, hẻo lánh, làm sao mà vác xác đến trường đại học được. Đùng một cái hai đứa con được đi học đại học, thật là thỏa lòng mong mỏi của cha mẹ tôi.

Tuy chúng tôi học ở hai trường khác nhau và hai chuyên khoa khác nhau, nhưng tôi và Phi Phi đều được coi là loại có trình độ văn hóa cao trong trường, khi phải theo học các lớp bổ túc, về căn bản mà nói, chúng tôi chẳng phải học hành gì, mà còn có thể phụ đạo giúp các bạn trong lớp học ấy. Kiểu cách "học tập" như thế, đối với chúng tôi mà nói, quả là rất nhẹ nhàng thoải mái. Phi Phi còn tương đối tôn trọng nội quy kỷ luật, nhưng tôi, tôi luôn tìm cách "chuồn thẳng" khỏi trường, lẩn về nhà. Những người trong gia đình chúng tôi đều rất quý mến gia đình nhà mình, đều luôn muốn tụ hội cùng nhau. Cho đến tận bây giờ, người nào người nấy đều đã vào tuổi 50, nhưng mười mấy con người, vẫn cứ chung sống với nhau và cứ "quấn riết" lấy mẹ.

Giải tỏa giam cầm, lên tỉnh Cương Sơn

Tháng 9/1972 đã đến.

Ngày hè nóng nực cũng vừa qua đi, cái lạnh giá của mùa đông còn chưa kịp tới. Đây có thể nói là mùa tốt đẹp nhất của Giang Tây trong suốt cả một năm. Đặc biệt là, chúng tôi ở trong trường bộ binh, bóng mát của ngô đồng che phủ, ngút ngát một màu xanh, khi bầu trời trong sáng, không gió không mưa, quả là có làm cho tinh thần con người ta cảm thấy sảng khoái thực sự. Những ngày thời tiết đẹp như thế, nếu được ra bên ngoài đi loanh quanh thì khoan khoái biết bao nhiêu.

Cha tôi đề xuất ý kiến với tỉnh Giang Tây đề nghị xin thỉnh thị Trung ương, xem xem liệu có được phép đi trong nội tỉnh Giang Tây, như đến vùng chiến khu Tỉnh Cương sơn, Cán Châu ngày xưa được không?

Cuối tháng 9, Trung ương đã phê chuẩn yêu cầu ấy. Trên cơ sở đó, Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây đã sắp xếp cụ thể một chuyến đi đến chiến khu Tỉnh Cương sơn: công việc đi lại sẽ do cán bộ cấp tỉnh của Giang Tây lo liệu, thu xếp, ô-tô là xe con nhãn hiệu Volga, tất cả những nơi sẽ tới, đều phải được tỉnh báo trước để tiện bề tiếp đón.

Cha tôi chuẩn bị để ra đi, và chu đáo cẩn thận giao lại tất cả việc nhà cho chúng tôi. Hai ông bà lo ngại nhất là việc sinh nở của chị Đặng Nam, e rằng có chuyện gì lôi thôi khi ông bà không có mặt ở nhà. Nên nhớ rằng, đây là việc ra đời của đứa cháu đầu tiên trong nhà họ Đặng chúng tôi. Mẹ cũng dặn dò Đặng Nam mọi chuyện cần chú ý, lại dặn tôi và Đặng Lâm tới lúc đó nhất định phải có mặt để đưa Đặng Nam đi bệnh viện. Thấy hai ông bà già vẫn còn thấp thỏm, không yên tâm, ba tên con gái chúng tôi cứ phải nhắc đi nhắc lại: “Chẳng có chuyện gì đâu, ba mẹ cứ yên tâm mà lên đường. Bệnh viện thì bên tỉnh người ta đã hẹn cho rồi, đến lúc đó bọn con sẽ gọi ô-tô của tỉnh, chẳng phải lo lắng gì nữa. Kìa, ba mẹ xem, Đặng Nam đã được ba mẹ vỗ cho béo hú ra như thế kia, đến lúc ấy nhất định là chị đủ sức lực, nhất định là sinh nở ngon lành, ba mẹ cứ yên tâm đi!” Thực ra, chúng tôi biết rằng, nói thế chứ nói nữa cũng chẳng ăn thua gì. Người làm cha mẹ làm sao có thể an tâm được. Song ông bà lại không nghĩ rằng, chúng tôi đều đã là người trên hai chục tuổi đầu cả rồi, bao nhiêu sóng to gió cả đều đã vượt qua, thì việc sinh đẻ một đứa bé, có gì mà phải lo. Ôi chao,

biết làm thế nào được.

Sáng sớm ngày 12/11/1972, nhân lúc nắng thu sớm ấm áp, cha mẹ tôi cùng với một đồng chí trong Ban bảo vệ tỉnh, và cán sự Hoàng Văn Hoa rời khỏi trường bộ binh, lên xe phóng theo hướng nam, đến Tỉnh Cương sơn, chiến khu xưa. Đây là lần đầu tiên cha mẹ tôi đi ra ngoài sau hơn hai năm về ở Giang Tây, và cũng là lần đi ra ngoài đầu tiên sau sáu năm kể từ khi bùng nổ Cách mạng Văn hóa tới nay. Lần đi ra ngoài này đã đánh dấu sự kết thúc cuộc giam cầm cấm cố dài tới sáu năm.

Ngày 14/8/1972, tức là ngày Mao Trạch Đông bút phê vào bức thư của Đặng Tiểu Bình, thì "vấn đề" của cha tôi đã được cơ bản giải quyết, tuy ông chưa được chính thức tuyên bố "giải phóng", nhưng thân phận ông đã biến từ "đi theo tư bản" thành "đồng chí" rồi. Sự thay đổi quan trọng này đã mang theo một ý nghĩa thật sâu sắc về chính trị.

Được đi ra ngoài, cha tôi vô cùng sung sướng. Đúng như ông đã viết trong thư cho Mao Trạch Đông, ông đã hoàn toàn thoát ly công tác, hoàn toàn thoát ly khỏi mọi cuộc tiếp xúc xã hội sáu năm nay rồi, ông rất muốn đi ra ngoài, rất thích chính mắt mình được nhìn thấy thế giới.

Chiếc ô-tô vẫn xuôi về phương nam, phóng nhanh, lồng lộn trên đường. Ghế trước là lái xe và người cảnh vệ, ghế sau là ba người, cha mẹ tôi và cán sự Hoàng Văn Hoa. Tuy có hơi chật chội một chút, nhưng trời rất đẹp, trong lòng cũng vui phơi phới. Buổi trưa, nghỉ ở thị trấn Chương Thụ, huyện Thang Giang ăn cơm. Ăn xong, không nghỉ trưa mà tiếp tục đi ngay. Bốn giờ chiều tới Cát An. Ở Cát An, cha tôi được cán bộ phụ trách địa phương đón tiếp rất nồng nhiệt, và được sắp xếp vào nghỉ trong phòng số 1, nơi Mao Trạch Đông đã từng ở vào năm 1965, của nhà giao tế địa khu.[68] Tối hôm đó, ông nói chuyện với địa ủy Cát An, ông hỏi han về tình hình nhân khẩu và dân tình. Ông nhớ lại những bậc cách mạng tiền bối đã hy sinh, ông nhớ lại Trần Chính Nhân, người bí thư đầu tiên của tỉnh Giang Tây sau ngày dựng nước, và cũng không quên Trương Quốc Hoa, người cán bộ dưới quyền hồi còn ở dã chiến quân số hai. Nghe giới thiệu về tình hình, ông nói: "Nhiều năm chẳng đi đến đâu, nay lần đầu đi ra ngoài, thấy cái gì cũng mới cũng lạ". Khi nghe nói đến việc Lâm Bưu định bóp méo, thay đổi lịch sử Tỉnh Cương sơn, ông nói: "Điều đó làm làm sao nổi, lịch sử bao giờ cũng là lịch sử, lịch sử không thể sửa chữa". Đó chính là đường lối "tả" vậy.

Sau một đêm nghỉ ngơi, ngày 13, cha tôi tới huyện Vĩnh Tân, ông đi thăm lại

đất cũ: “thay đổi biên chế Tam Loan”. Năm 1927, chính ở nơi này, Mao Trạch Đông đã thay đổi biên chế quân đội, đưa chi bộ vào tận đại đội, thực hiện quyền lãnh đạo của đảng trong quân đội. Cha nói đầy cảm khái: “Việc thay đổi biên chế ở Tam Loan là vô cùng quan trọng, cuộc khởi nghĩa Thu Thu[69] làm cho bộ đội vô cùng vất vả cực nhọc, họ bỏ cuộc truy đuổi quân địch, kéo nhau về Tam Loan, ở vùng đất vắng vẻ ấy, đã có một biện pháp thật quyết đoán, tức là tiến hành thay đổi biên chế, trong khi bộ đội đang phải đối diện với sự tan vỡ, đó là một sáng tạo của đồng chí Mao Trạch Đông. Việc thay đổi biên chế ở Tam Loan cũng quan trọng y như hội nghị ở Cổ Điền vậy”.

Sau khi tham quan xong, ngay trong ngày hôm ấy, cha mẹ tôi lên xe về thị xã Lung của huyện Ninh Cương. Chính ở đập nước Mao Bình này đã là nơi hội sư giữa Mao Trạch Đông, hồi đó lãnh đạo Hồng Quân khởi nghĩa Thu Thâu, và bộ đội còn lại sau khởi nghĩa Nam Xương do Chu Đức lãnh đạo, đồng thời đó cũng lại là đại bản doanh của đảng, chính quyền, quân đội, nằm giữa đường biên hai tỉnh Tương, Cán (Hồ Nam và Giang Tây - N.D). Ở đây cha tôi đã đi tham quan lầu Bát Giác nơi Mao Trạch Đông đã từng trú ngụ. Khi người thuyết minh nói rằng, Lâm Bưu định lật lọng, muốn đổi lịch sử, thay cuộc “Hội sư Chu Mao” thành cuộc “Hội sư Mao Lâm”, cha tôi đã nói xen vào: “Giả vẫn là giả, thật vẫn là thật”. Cha tôi đi sâu vào núi Tỉnh Cương với những ngọn núi lô nhô ngút ngàn, và đứng trước những di tích cách mạng của Hồng Quân, cha tôi vô cùng xúc động, ông nói với những người cùng đi: “Tinh thần Tỉnh Cương sơn là vô cùng quý giá, cần phải được phát huy, chứ không thể vứt bỏ đi được”. Ông khẳng định thêm: “Đảng ta là tốt đẹp, đầy hy vọng. Nhân dân ta là tốt đẹp, đầy hy vọng. Đất nước ta tốt đẹp, đầy hy vọng”. Những lời nói trên, chẳng phải là chỉ là ông nói với mọi người, mà còn là ông nói với chính ông nữa. Trong lòng ông những điều ông nghĩ tới lúc đó, chẳng phải chỉ là tiền đồ, vận mệnh chính trị của một mình ông, thậm chí cũng chẳng phải là chỉ nói đến những điều xưa cũ. Điều ông nghĩ tới, đề cập tới có liên quan nhiều tới việc đánh giá lại cũng như triển vọng của nó. Sáu năm trở lại đây, chính trị hỗn loạn, kinh tế suy sụp, nhân dân đói khổ, phong trào Cách mạng Văn hóa này, khẳng định là sai lầm, nhưng chẳng lẽ chỉ vì phong trào lầm lẫn, chẳng lẽ vì cái quyết sách sai hỏng của Mao Trạch Đông, chẳng lẽ vì một số kẻ xấu hoành hành phá hoại, thì đảng của chúng ta không còn thuốc cứu nữa sao, đất nước ta, nhân dân ta chẳng còn hy vọng gì nữa sao? Nhiều người lúc đó, nhìn vào thời cuộc lúc đó, có thể thấy mọi việc quá rối rắm phức tạp, khó có thể tìm được một đầu ra. Nhưng cha tôi, con người này, là một con người vĩnh viễn lạc quan, đối với mọi sự việc, xưa nay ông không

bao giờ chỉ nhìn vào xu thế của một sự, một việc, mà ông nhìn xa, nhìn vào góc độ lịch sử và phát triển để phân tích vấn đề, nhìn nhận vấn đề và giải quyết vấn đề. Đảng, nhà nước, nhân dân đã bị trọng thương trong Cách mạng Văn hóa, vết thương của bản thân ông cũng khá nặng nề, nhưng tất cả những cái đó đều không làm mất đi niềm tin của ông, không làm mất đi niềm tin vào tiền đồ của ông. Tóm lại, đảng của chúng ta là một chính đảng, một đảng đã có một lịch trình hơn 50 năm sóng gió, có lịch sử huy hoàng, và thành tích vĩ đại. Tóm lại, chúng ta có hàng nghìn hàng vạn đảng viên kiên trinh, những đảng viên cộng sản đã trải qua muôn vàn thử thách. Tóm lại, chúng ta có được đông đảo nhân dân quần chúng tốt như thế, kiên cường như thế, tin tưởng vào đảng, yêu quý đất nước như thế, nên chẳng có lý do gì mà mất đi lòng tin vào tiền đồ đất nước chỉ vì sự gập ghềnh, khúc khuỷu của lịch sử. Cha tôi đã từng nói, trong suốt cả đời ông, những năm tháng Cách mạng Văn hóa là những năm tháng gian nan nhất. Nhưng dù phải đắm mình trong những năm tháng gian nan nhất đó, ông chưa hề buông trôi ý chí và bàng hoàng do dự, chưa hề bao giờ đánh mất lòng tin và niềm tin. Thực ra, giữ vững niềm tin, và ấp ôm hy vọng như thế, chẳng phải chỉ có mọt mình cha tôi. Đã có không biết bao nhiêu những người đảng viên cộng sản phải chịu đựng trăm nỗi ê chề trong Cách mạng Văn hóa, nhưng vẫn giữ gìn niềm tin ấy, đầy trung trinh, kiên trì, vẫn giữ lòng tin đầy kiên định. Điều đó chứng tỏ rằng, dù có sự chia đường ngoặt lối, dù khấp khểnh, gồ ghề, Đảng Cộng sản Trung Quốc với hơn 50 năm gập ghềnh từng trải, cũng đã là một đảng thành thục. Tổ chức ra đảng này là một loại những đồng chí cách mạng có lý tưởng, có niềm tin, có kinh nghiệm, có phẩm cách, có sức chiến đấu. Những đảng viên ưu tú ấy, cùng với quần chúng nhân dân trung thực, chính là sự bảo đảm gốc rễ cho sự sinh tồn, cho sự phát triển của đảng ta và đất nước ta. Những điều cha tôi nói ở Tỉnh Cương sơn không phải là tiện miệng mà nói, cũng chẳng phải là những lời đểnh đoảng, tầm phào, mà là những lời vàng đá âm vang, sau khi đã suy nghĩ chín chắn.

Sau khi rời Mao Bình, cha tôi đã nói với những đồng chí ở địa khu Tỉnh Cương sơn bằng những lời tâm sự sâu nặng: “Các đồng chí ở đây vất vả quá, ngày xưa Mao Chủ tịch làm cách mạng ở đây cũng rất nghèo, bây giờ cũng vẫn nghèo như thế, sau này rồi sẽ khấm khá lên”.

Ngày 14/8/1972, cha tôi tới Hoàng Dương Giới, nơi cao hơn mặt biển 1.558m, để tưởng niệm và thăm di tích chiến trường xưa, nơi Hồng Quân đã đánh thắng quân địch giữa một vùng núi non hiểm trở. Tuy đường đi có vất vả nhọc nhằn, nhưng tinh thần của cha mẹ tôi lại rất tốt. Nhất là cha tôi, năm nay đã

gần 70, nhưng lên núi xuống đèo vẫn nhẹ tênh, không biết mệt. Cũng cần phải nói rằng, có được như vậy là do công của đời sống lao động hơn hai năm, đã rèn giũa cho ông có được một thân thể khỏe mạnh. Ông cầm đoạn sào tre mà một người nào đó đã đưa cho ông làm gậy chống: "Ngoài chiếc chân này, mọi phụ tùng trong con người tôi đều còn rất tốt". Nhìn cây cát cánh, rau dại mọc ở ven đường, cha tôi nhớ lại: "Hồi Hồng Quân trường chinh, cũng ăn cái loại rau dại này. Hơi tê tê miệng, nhưng no bụng, mà lại còn giải khát nữa. Tối hôm đó, cán bộ vùng Tỉnh Cương sơn và người phụ trách quân đội làm cơm thết đãi ông. Chủ nhân rất nhiệt tình, vợ chồng ông cũng rất hứng khởi. Cơm xong, lại còn được mời xem chiếu bóng. Ngày đó, văn nghệ rất nghèo nàn, ngoài tám bản mẫu quy định ra, không còn một thứ gì khác. Xem phim nhưng cũng chính là xem bản gốc của kịch hát "Hồng Đăng" (Đèn đỏ). Khi thấy Lý Ngọc Hòa ra sân khấu, cha tôi cười nói: "Đây là vở kịch hát khinh tiền. Khi Cách mạng Văn hóa, đến tiền cũng không cần dùng tới nữa, nên gọi là 'khinh tiền'".

Cha tôi ở Tỉnh Cương sơn tất cả năm ngày, đi thăm rất nhiều những vùng đất cách mạng xưa. Trong thời gian ở lại Tỉnh Cương sơn ông còn đi tham quan một xí nghiệp chế biến trúc. Cha tôi rất thích thú với việc chế biến tre trúc này, nên đã tìm hiểu rất tường tận về tình hình sản xuất và tiêu thụ.

Ngày thứ sáu, đoàn người của cha tôi từ biệt Tỉnh Cương sơn lên xe xuống núi. Vừa xuống tới chân núi, ông bà đã nhận được tin, Đặng Nam đã sinh cháu gái trong bệnh viện Nam Xương. Trên dọc đường tham quan, được tiếp đón nhiệt tình, ông bà đã rất vui sướng. Khi nghe tin ông bà đã có cháu ngoại thì lại càng sung sướng vô vàn. Có đời thứ ba rồi đấy, được làm ông làm bà rồi, đâu phải là chuyện nhỏ! Chuyến đi lần này, rõ ràng là song hỷ vậy.

Cha mẹ tôi tìm mọi cách để mau mau chóng chóng trở về Nam Xương nơi có cháu ngoại.

Ngày 17/8/1972, xe xuất phát từ Từ Bình đến Thái Hòa. Ở Thái Hòa, cán bộ lãnh đạo địa phương thịnh tình mời ông bà ăn món gà xương đen (ô cốt kê) rất nổi tiếng. Cha mẹ tôi đi tham quan nhà máy cơ khí nông nghiệp. Cha tôi rất thích thú chiếc máy cấy mà nhà máy sản xuất cho nông dân, ông hỏi han và xem xét rất kỹ lưỡng. Ông nói: "Vấn đề cấy lúa bằng máy như thế này, thế giới vẫn chưa giải quyết được, ngay Nhật Bản còn chưa giải quyết xong, vấn đề then chốt là máy phân chia nắm mạ cấy vẫn không đều". Đối với cán bộ địa phương, cha tôi nói: "Tôi cũng đã từng làm bí thư huyện ủy, làm bí thư huyện ủy khó lắm", ông còn nói: "Cơ giới hóa nông nghiệp chỉ là một mặt, các đồng chí còn phải làm cả

việc nghiên cứu cơ giới hóa nông nghiệp nữa”.

Ngày 18/8/1972 ở Thái Hòa, có một vị Hồng Quân già, tên gọi Trì Long, nguyên thuộc phương diện quân thứ nhất, cũng đang ở trong sở chiêu đãi này, nghe nói là có Đặng Tiểu Bình ở đây, nên ông yêu cầu gặp mặt. Ông Trì Long vốn là cán bộ binh chủng không quân, bị hạ bệ trong Cách mạng Văn hóa, cũng vừa mới được giải phóng. Hồi ở phương diện quân thứ nhất Hồng Quân, cha tôi với ông là chiến hữu, biển dâu sóng gió, hai người nói chuyện với nhau liền một mạch hai tiếng đồng hồ. Ông Trì Long chỉ lên những vết sẹo loang lổ lên người, phẫn nộ tố cáo tội ác của Lâm Bưu. Cha tôi nói: “Bọn ác độc hại người này, chúng chẳng từ một thủ đoạn nào hết”. Đại Cách mạng Văn hóa là “tả”, bị những kẻ xấu khống chế. Khi nói tới Chủ tịch và Thủ tướng, cha tôi nói: “Mao Chủ tịch là một vĩ nhân. Thủ tướng cũng nếm đủ mùi khổ nhục. Rất nhiều cán bộ lão thành, trong đó có cả những đồng chí già trong quân đội, đều được Thủ tướng che chở, chống đỡ cho”. Đối với Lâm Bưu, cha tôi nói: “Lâm Bưu, con người này, không thể nói là con người không có tài cán gì, nhưng chỉ là thứ ngụy tử. Lợi dụng danh nghĩa và uy tín của Chủ tịch, đưa ra mệnh lệnh số 1, để hạ thấp Mao Chủ tịch xuống và đôn cao mình lên”. Tiếp đó, ông còn nói: “Lâm Bưu đã đổ rồi, ngày tháng sau này của đảng ta sẽ khá lên, chỉ còn có vài học trò thư sinh quậy phá thôi”. Đây là lần đầu tiên, trong vòng sáu năm trở lại đây, cha tôi đã bàn luận nhiều về những sự việc trong Cách mạng Văn hóa. Ông nói về Mao Trạch Đông, nói về Chu Ân Lai, nói về Lâm Bưu, nói về mấy anh “học trò” trong Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, và bình luận về những nhân vật chính trị của Cách mạng Văn hóa trên vũ đài chính trị của Trung Quốc. Thực ra tất cả những điều đó đã được ông âm thầm đánh giá từ lâu, nhưng ông lại là người nghiêm túc, thận trọng, nên chưa bao giờ luận bàn, đánh giá một cách tùy tiện. Lần này, do hoàn cảnh chính trị đã có đổi thay, lại gặp đồng chí cách mạng cũ ở giữa nơi thánh địa, nên đã đem những điều suy ngẫm từ lâu trong lòng, dốc bầu tâm sự cho hả.

Sáng sớm ngày 19/8/1972, đoàn người của cha tôi rời Thái Hòa, đến Cát An để tham quan một công xã, người ta hỏi ông muốn xem xét cái gì, ông đáp: “Chủ yếu là nông nghiệp”. Cha tôi lắng nghe cán bộ địa phương giới thiệu tình hình, ông rất vui và tán thưởng việc nghề phụ ở đây phát đạt và nông nghiệp cũng chẳng kém. Ông cũng vô cùng thích thú khi được thấy trại chăn nuôi của đại đội sản xuất, đồng thời hỏi han tỉ mỉ công việc chăn nuôi.

Sau khi rời Cát An, cha tôi chẳng dừng lại ở đâu nữa, mà đi thẳng về Nam Xương. Sáu giờ rưỡi chiều tới Nam Xương, ông bà không về nhà, mà vào thẳng

bệnh viện quân đội 4/9, thăm con gái và cháu ngoại. Người còn bụi bặm dọc đường, đến bệnh viện hỏi mới biết Đặng Nam đã ôm con về nhà rồi…

Chẳng nói nhiều làm gì, mau mau về nhà thôi! Bạn thử nghĩ xem, ngót 70 tuổi đầu mới được làm ông, sao không gấp gáp. Khoảng độ tám giờ tối, cha mẹ tôi về tới nhà. Vừa đặt chân vào cửa, cơm chẳng thèm ăn, đã vội vã chạy lên gác, muốn thăm cô cháu ngoại.

Đặng Nam giao cô bé đang ôm trong ngực cho ông bà. Hai ông bà tranh nhau bế ẵm, sung sướng tuyệt vời. Nhưng cái tên bé con bị bọc chặt trong tã lót ấy lại cứ nhắm tịt mắt, nhau mày, mặt đỏ tưng bừng như có cái gì không bằng lòng, ọ ẹ khóc. Nhưng cái tiếng ọ ẹ nhỏ bé ấy, non nớt ấy, lại khiến người ta cảm thấy dễ chịu, thích nghe. Cha tôi nói: “Trong nhà mình không phân biệt nội ngoại, đều gọi là cháu gái, đều gọi là ông”.

Trong nhà có thêm một đứa trẻ, thực tế là đã làm cho cuộc sống có thêm nhiều màu sắc mới. Cuối cùng thì cô bé con đó rất ngoan. Cứ no bụng là ngủ kỹ, tỉnh dậy, vẫn cứ nằm nguyên tại đó, tự nắm lấy tay mình làm đồ chơi cho mình, không khóc không hờn. Trong nhà có được một đứa bé như thế, ai cũng quý, ai cũng thương. Tóm lại là, rất ư cưng chiều, cho nên chỉ hơi động tĩnh, gió thổi, cỏ lay một cái là cả nhà ai nấy đều quýnh quáng hết chân tay. Trẻ con mà, cũng có lúc tùy tiện “bĩnh” ra đó. Ôi chao! Mỗi khi như thế, lập tức cả nhà rơi vào “tình trạng khẩn cấp”, thôi thì người lấy giấy, người bưng bô, người lấy phấn, cả đám người bận rối như đèn cù. Mẹ tôi thì gọi: “Lấy nước nóng ra đây!” Thế là ông vội vã đi xách phích nước sôi tới, nói bằng giọng Tứ Xuyên: “Có tôi! Có tôi!” Một đứa bé mới chỉ bằng đầu đinh, vậy mà làm cả nhà rối tùng phèo lên. Đặt tên cũng là một đại sự, phải được cả nhà tụ họp bàn bạc. Chúng tôi ngồi lại bên nhau hết sức trịnh trọng, rồi người mở sách, người lật từ điển, chọn ra cả một đống chữ. Người đông, ý kiến càng nhiều. Có người đưa ra mặt chữ, lập tức bị người khác bác bỏ, bảo rằng không hay. Mẹ tôi nói: “Trước kia, khi đặt tên cho các con, có mỗi một mình mẹ, chọn một cái là xong, cha các con chưa phản đối bao giờ. Bây giờ các con có lắm ý kiến quá, thật rách việc”. Cuối cùng, tôi nói: “Cứ ngủ liên miên như thế, thôi thì đặt tên là Miên” (Miên có nghĩa là ngủ - N.D). Đến đây, chẳng có ý kiến gì khác nữa, nên gọi là bé Miên Miên. Thực ra mọi người đều rõ ý nghĩa của chữ này, khi cháu bé ra đời, thì ông cháu đang “ngủ đông” chính trị. Mẹ tôi đặc biệt yêu quý cháu gái, có lẽ, đối với con gái cũng chẳng yêu quý đến thế. Để bổ sung dinh dưỡng cho Đặng Nam trong khi “nằm ổ”, mẹ tôi đã vỗ mười bốn con gà thật béo. Nhưng khi việc đến nơi, mẹ tôi thấy Đặng Nam đã quá phát phì, nên kiên quyết thay đổi thái độ, chỉ cho chị ăn ba

con rưỡi. Trứng gà cũng chỉ cho ăn mỗi ngày một quả. Đặng Nam không bằng lòng, bắt đầu lầu bầu: “Khi đi, bà có dặn, khi nằm ổ cho ăn mười con gà, mỗi ngày ăn năm quả trứng. Vậy mà bây giờ chỉ cho ăn có ba con rưỡi, thịt cũng chẳng cho ăn, toàn ăn canh. Đúng là không công bằng!” Mẹ tôi bất cần đến cái thứ công bằng đó, có thèm cũng không cho ăn, bà còn nói, cần phải phá bỏ mọi tục lệ cũ kỹ, chất dinh dưỡng cứ đủ là được, đồng thời còn nói rất nhiều rằng, làm gì cũng phải theo khoa học. Trong gia đình nhà tôi, thường có những cuộc tranh luận về những vấn đề quan trọng có tính nguyên tắc như thế, ví dụ như những quan điểm khác nhau về khoa học và sự thèm ăn. Lần trước, sau khi từ Tỉnh Cương sơn về, Ban công tác Trung ương đã điện cho tỉnh Giang Tây, phê chuẩn việc đi ra ngoài tham quan của vợ chồng Đặng Tiểu Bình, nơi đi không hạn chế, cách thức đãi ngộ và tiếp đón có thể nâng lên mức cao hơn. Có thể đi ra ngoài tham quan thăm hỏi, đối với cha mẹ tôi mà nói, đó là một điều vô cùng quan trọng. Một chuyến đi Tỉnh Cương sơn đã có được bao nhiêu điều cảm nhận mới, và cũng có rất nhiều điều đáng phải suy nghĩ. Cha tôi quyết định đi thêm một chuyến về phía Nam Giang Tây (Cán Nam), và sẽ tới khu Xô-viết Trung ương ngày xưa.

Thăm lại đất xưa

Ngày 5/12/1972, cha tôi lại lên đường đi về phía tỉnh Giang Tây.

Chuyến đi về phương nam kỳ này khác hẳn chuyến đi lần trước. Những nơi cha tôi đến chuyến trước đều là những nơi đến lần đầu, đặc biệt là Tỉnh Cương sơn, nơi thánh địa đã từ lâu ông mong mỏi được đặt chân đến thăm viếng, nhưng vẫn chưa có dịp nào. Còn những nơi đến trong chuyến này, lại là nơi đất cũ, khu Xô-viết Trung ương mà ông rất quen thuộc. Ở nơi đó, ông đã từng làm việc, từng chiến đấu, đã từng gửi gắm cuộc sống của mình, đặc biệt là về chính trị, nơi ông đã bước vào khúc gập ghềnh đầu tiên. Ở đó, ông đã bị đường lối của Vương Minh phê phán là "đường lối hữu khuynh sai lầm", đó cũng chính là điều bút phê của Mao Trạch Đông "đầu sỏ phái Mao".

40 năm trước, ông đã bị phê phán vì "đầu sỏ phái Mao" này. 40 năm sau, ở một mức độ cao hơn, cũng chính lại vì cái "đầu sỏ phái Mao" này mà được tái xuất hiện. Lẽ nào đây lại là sự trùng lặp của lịch sử, lẽ nào lại là sự sắp xếp khắc nghiệt của số phận? Cha tôi không phải là một con người tin vào tướng số. Lịch sử xưa nay, vốn không dễ dãi mà lặp đi lặp lại; ngay cả khi lặp lại, tuy có giống nhưng lại quyết nhiên không giống.

Ban công tác Trung ương chỉ thị, cách thức đãi ngộ và tiếp đón có thể nâng lên mức cao hơn, cho nên lần đi này, tỉnh điều động những hai chiếc ô-tô. Chiếc xe Volga, có một đội bảo vệ do tỉnh cắt đặt và vợ chồng Đặng Tiểu Bình, một chiếc xe Jeep cho cán sự Hoàng Văn Hoa ngồi. Hai chiếc nối đuôi nhau thẳng đường về phương nam. Buổi trưa dừng lại ở Cát An, ăn cơm xong lại đi tiếp tới tận tối, mới đến Cán Châu.

Cán Châu là một thành phố lớn nhất ở vùng nam Giang Tân này (Cán Nam). Cha mẹ tôi được sự nhiệt tình tiếp đãi của cán bộ đảng và quân khu địa phương. Ngày 6, rời Cán Châu, đi Hưng Quốc.

Lãnh đạo phân quân khu và địa phương cũng rất thịnh tình sắp xếp và tiếp đãi họ để cho cha mẹ tôi vào ở phòng số 2 của sở chiêu đãi Hưng Quốc, trước đây xây dựng vốn là để chuẩn bị đón tiếp Mao Trạch Đông. Những đồng chí ở Hưng Quốc mời cơm vợ chồng Đặng Tiểu Bình, và đưa ra những món ăn đặc sản nổi tiếng của địa phương. Cha mẹ tôi vô cùng cảm động. Cha tôi nói với các đồng chí ở Hưng Quốc: "Được đến Hưng Quốc là nguyện vọng nhiều năm nay của tôi,

vậy mà rất tiếc rằng chưa có được dịp nào". Cha mẹ tôi được các đồng chí địa phương đưa đi thăm vùng đất cách mạng cũ. Khi đến nơi một địa chỉ cách mạng cũ là cung Văn Xương, người cha chu đáo của tôi đã phát hiện ra một sai lầm. Ông thấy trong lời giới thiệu đồng chí Tăng Sơn, nguyên chủ tịch chính phủ Xô-viết tỉnh Giang Tây bị viết thành Tăng San, ông bèn nói: "Chữ Sơn của đồng chí Tăng Sơn là sơn núi, chứ không phải san là san hô. Đồng chí Tăng Sơn là một người có khí phách nổi tiếng, đừng có viết nhầm. Các đồng chí ở đây cho biết, Hưng Quốc là một vùng đất nghèo túng, nguồn nước ở đây bị chảy lãng phí mất rất nhiều, đời sống nông dân vô cùng khó khăn, vấn đề nông thôn còn rất nặng nề. Cha tôi nghe mà chẳng nói gì, nhưng sự suy tư đã lộ rõ trên nét mặt. Bữa trưa, các đồng chí ở Hưng Quốc lại chiêu đãi cha mẹ tôi những món ăn đặc biệt của địa phương. Cha tôi nói: "Được ăn các món ăn của Hưng Quốc làm tôi nhớ lại ngày xưa, nhân dân Hưng Quốc đã tiếp đãi Hồng Quân với tình nồng ý hậu. Khi đó nhân dân Hưng Quốc cực kỳ tốt với Hồng Quân, đem hết những của ngon vật lạ trong nhà ra chiêu đãi Hồng Quân. Những đồng chí nào đã đi qua vùng đất này đều có những ấn tượng khó quên. Vào thời Xô-viết, nhân khẩu của Hưng Quốc các đồng chí là 23 vạn. Tôi vẫn nhớ là người trong huyện Hưng Quốc của các đồng chí tòng quân rất đông, tham gia chiến đấu cũng rất nhiều, và cũng không ít người trở thành tướng soái".

Những người ở Hưng Quốc, thấy vợ chồng Đặng Tiểu Bình mang theo hai chiếc hòm, bên trong ngoài một số quần áo thay đổi ra, chỉ toàn là sách, trong đó có những cuốn dày cộm chưa từng thấy bao giờ. Mẹ tôi giải thích với mọi người: "Chúng tôi đều rất thích đọc sách, những sách báo đều là bảo bối của Đặng Tiểu Bình".

Ngày 7/12/1972, cha mẹ tôi rời Hưng Quốc. Khi sắp lên đường, cha tôi vô cùng cảm kích nói: "Thế là thỏa nguyện ước mong". Trưa ngày hôm đó, cha tôi tới Vu Đô.

Với Vu Đô, cha tôi cũng chả còn lạ gì. Năm 1931, ông cùng vợ là Kim Duy Anh từ Trung ương Thượng Hải tới khu Xô-viết Trung ương Giang Tây. Cha tôi nhậm chức bí thư huyện ủy Thụy Kim, còn bà Kim Duy Anh nhậm chức bí thư huyện ủy Vu Đô. Sau này khi cha tôi nhậm chức bí thư trung tâm Hội Xương (có người đọc là Cối Xương – N.D), cũng vẫn thường đến Vu Đô. Chẳng bao lâu sau, ông bị Vương Minh phe "tả khuynh" cơ hội chủ nghĩa phê phán. Bà Kim Duy Anh đã từ bỏ ông sau cuộc vây tiễu quân Quốc Dân đảng lần thứ năm thất bại, bắt đầu từ nơi này, Hồng Quân vượt sông Vu Đô, bước vào con đường hai vạn năm nghìn dặm trường chinh. Chớp mắt một cái, đã 40 năm trôi qua rồi, Vu

Đô hôm nay đã phát triển thành một huyện thành có tới mười mấy vạn nhân khẩu. Thời gian qua đi vùn vụt, ngày tháng thoi đưa, trời đã đổi thay, đất đã đổi thay, người cũng đổi thay, chỉ có dòng sông Vu Đô vẫn như xưa, tha thiết chảy, trôi theo hướng Bắc. Cảnh sắc 40 năm về trước vẫn như hiển hiện trước mắt bây giờ. Cha tôi mấy lần nhắc tới người vợ trước của mình. Ông hỏi các đồng chí ở Vu Đô: "Hồi còn là khu Xô-viết, bí thư huyện ủy của các đồng chí là một nữ đồng chí, có nhớ không?" Ông còn nói: "Khi tôi rời Vu Đô bắt đầu cuộc trường chinh, tôi có một chiếc chăn bông nặng bốn cân (hai ki-lô-gram) bật ở Vu Đô, tôi mang theo cho đến hết chặng đường trường chinh ấy". Khi đi thăm quan nhà bảo tàng kỷ niệm cách mạng, ông cảm thấy trong lời giới thiệu có phần tô vẽ, cha tôi chỉ nói một câu: "Cần phải chân thực, cho phù hợp với nguyên mạo lịch sử". Trong bữa tối, nhìn thấy một ang chạch om khoai sọ, cha tôi nói với những người xung quanh: "Trước đây ở khu Xô-viết ăn cơm gạo đỏ, rau xanh, canh khoai sọ, đôi khi các chiến sĩ Hồng Quân moi móc ở đầu bờ, ruộng trũng được con tép, con chạch, ninh một chảo canh khoai, cũng gọi là 'tế ông thần khẩu'. Tôi có một ấn tượng rất sâu sắc với món chạch om khoai này, nay được ăn lại, nên thú vị khác thường".

Dù sao cũng đã được trở lại nơi đất cũ, được gặp lại những cảnh sắc tình người quen thuộc, trong lòng bỗng bồi hồi xúc động. Cho nên trong sở chiêu đãi, đêm đã khuya lắm, mà cha tôi vẫn bồi hồi trằn trọc không sao ngủ được. Những người cùng đi nhắc ông nên ngủ sớm. Ông đáp: "Nghìn dặm xa xôi, đến thăm vùng đất cũ một lần thật chẳng dễ gì. 40 năm rồi, nay mới lại được trở lại. Xem ra, trong cuộc đời tôi đây, có lẽ chỉ còn một lần này". Đôi lời tâm tư, để tỏ tình quyến luyến…

Sau khi từ biệt Vu Đô, ngày 8/12/1972 cha tôi tới Hội Xương. Hội Xương đối với cha tôi có thể nói là có một ý nghĩa khác hẳn. Năm 1932, cha tôi nhậm chức bí thư trung tâm Hội Xương, và được gọi là "cửa ngõ phía nam" của khu Xô-viết Trung ương (Nam đại môn), ở đây đã thu được những thành tích to lớn trong công tác quần chúng, cũng như những cuộc đấu tranh trực diện với địch. Cũng chính nơi này, cha tôi vì chuyện phản đối đường lối "tả khuynh" mạo hiểm chủ nghĩa của Vương Minh, ông đã bị chụp chiếc mũ tội lỗi, là nhân vật đại diện cho "đường lối hữu khuynh", rồi cùng bị phê phán cả loạt cùng với Mao Trạch Đàm, em trai ruột của Mao Trạch Đông, và Tạ Duy Tuấn, cùng Cổ Bách v.v… dẫn tới việc bị cách chức, nổi chìm lần thứ nhất trong vòng xoáy chính trị của đời mình. Khi đó ông còn chưa tới 30 tuổi. Đối với ông mà nói, ở Hội Xương, ông đã có những hồi ức quang vinh, lại có cả sự từng trải bi tráng. Ở địa chỉ cũ của chính

phủ Xô-viết năm đó, cha tôi đã nhìn thấy một cây đa, bóng mát um tùm, ông cảm khái nói: “Tất cả đều đã đổi thay, duy chỉ còn lại mỗi một cây đa cổ thụ này. Ngày xưa, tôi vẫn thường hay ngồi dưới gốc cây đọc sách, đọc báo”. Trong lời nói của ông đã hàm súc vô vàn tình lưu luyến. Khi đến Chu Điền tham quan mỏ muối, ông nhớ lại: “Vào thời kỳ Xô-viết, cái khổ của sự thiếu muối, chúng tôi đã nếm đủ”. Ông còn nói đến chuyện nấu muối của thời kỳ Xô-viết đó. Đến Hội Xương lần này, lại gặp đúng lúc huyện triệu tập hội nghị bàn về giao lưu vật tư, ông dứt khoát đòi đến dự. Ông hồ hởi bước vào hội trường, và lập tức hỏi ngay tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản, cùng tình hình thu nhập của nông dân. Hai giờ chiều ngày 8, cha tôi rời khỏi Hội Xương. Trên đường ghé vào thăm nơi ở cũ của Mao Trạch Đông, cha tôi nói: “Mao Chủ tịch hồi đó cũng bị chèn ép, cũng bị đả kích!”

Chiều 8/12/1972, đoàn cha tôi tới Thụy Kim. Vừa tới nơi, những đồng chí ở địa phương đã nói với cha tôi: “Chúng tôi hoan nghênh đồng chí vì đồng chí là bí thư huyện ủy cũ của chúng tôi”. Một câu nói bình thường đến mức không thể bình thường hơn đã làm ấm lòng cha tôi biết bao nhiêu. 40 năm trước, cha tôi từ Trung ương ở Thượng Hải đến khu Xô-viết Giang Tây, và làm bí thư huyện ủy ở Thụy Kim. Đây là bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở huyện Thụy Kim này. Với Thụy Kim, cha tôi vốn có sẵn một mối tình nồng hậu. Những địa chỉ cách mạng cũ, vẫn chẳng khác gì so với bốn chục năm xưa, khiến người ta cảm thấy vô cùng thân thiết.

Ngày 9/12/1972, cha tôi đi thăm lại địa chỉ cũ của chính phủ lâm thời Xô-viết cũ ở đập nước Sa Châu của Thụy Kim, đi thêm một cây số nữa, thì đến nơi ở cũ của Quận ủy Trung ương. Ở nơi này, đường đi lối lại cha tôi rất thuộc, nên chẳng cần người hướng dẫn, ông vẫn nhận ra được tất cả. Chính ông đã chủ động dẫn mọi người leo qua một ngọn núi nhỏ, đến nơi ở của Bộ Chính trị Quân ủy Trung ương ngày xưa. Đến đây cha tôi giới thiệu với dân địa phương, sống trong một thôn nhỏ, nằm giữa rừng trúc rằng, hồi đó, đây là nơi làm việc của Vương Giá Tường, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, và Phó Chủ nhiệm là Hạ Xương, còn ông làm tổng biên tập báo *Sao Đỏ*, biên tập và in ấn cũng ở luôn tại đó. Sau khi tham quan, ông còn gặp gỡ những dân làng đang phơi khoai lang khô ở đó, đồng thời còn trò chuyện, thăm hỏi họ.

Ngày 9/12/1972, cha tôi còn đi thăm nhà máy công cụ, nhà máy dây điện và nhà máy đường Hồng Đô ở Thụy Kim. Ở nhà máy đường, sau khi nghe giới thiệu tình hình xong, ông xuống thăm các phân xưởng. Những người trong nhà máy hỏi ông, có hai con đường, tại sao đường tắt lại không đi? Cha tôi nói:

“Cũng chẳng làm sao, tại sao đường tắt gần lại không đi, người ta lại đi đường xa. Con đường cách mạng của Trung Quốc nó khúc khuỷu, gập ghềnh lắm, nó không thẳng mà đi được”. Đi trên đường có người muốn dìu ông, ông nói: “Khỏi phải dìu, tôi còn có thể làm việc được 20 năm nữa”. Mẹ tôi cười nói: “Làm sao mà làm được 20 năm?” Cha tôi đáp tỉnh bơ: “Tôi mới 69 tuổi, làm gì chẳng đương nổi 20 năm, 20 năm chẳng thành vấn đề gì”.

Cha tôi nói, ông còn có thể làm việc được 20 năm nữa, chẳng phải do ông tiện miệng mà nói, mà là những lời chắc nịch, thốt tự đáy lòng. Tuy ông đã gần 70, nhưng cha tôi tự cảm thấy mình vẫn còn rất khỏe, tự thấy tinh thần mình còn minh mẫn, tự thấy còn có thể làm việc được, còn có thể phát huy được tác dụng. Khi đảng và nhà nước đang lâm vào những giờ phút cực kỳ khó khăn, ông tin tưởng, ông còn có thể đem toàn bộ nhiệt huyết và cả sinh mệnh mình ra để đền đáp công ơn của đảng, của nhà nước, của nhân dân.

Trở lại nơi cố cư Thụy Kim, cha tôi tức cảnh sinh tình, hứng khởi ngập tràn, nên đã bỏ hẳn sự trầm mặc xưa nay, biến thành người hay nói. Ở phân xưởng cồn của nhà máy đường, cha tôi hỏi mọi người: “Cồn dùng để làm gì?” Khi mọi người nói về những việc phải dùng tới cồn, ông chen vào châm chọc rất vui: “Còn một việc mà các đồng chí không biết. Cồn còn dùng để chạy ô-tô. Khi chúng tôi ở Diên An, ô-tô toàn chạy bằng cồn”. Thấy những người trong nhà máy đóng gói đường theo phương pháp thủ công, cha tôi hỏi tại sao không đóng gói bằng máy. Những người đi theo đáp: “Trong nhà máy, công nhân đông, nếu không làm thủ công, sẽ có nhiều người không có việc làm”. Cha tôi nói rất nghiêm túc với những người đó: “Không thể nhìn nhận vấn đề theo cách đó được. Nếu nhiều người, thì một bộ phận học tập, một bộ phận làm việc. Công việc trong nhà máy sắp xếp cho tốt, sức khỏe của công nhân mới được đảm bảo, và được nâng cao, trình độ hiện đại hóa trong nhà máy mới nâng cao lên được”.

Từ nhà máy đi ra, cha tôi cùng mọi người đi xem phố phường: Người địa phương có người nhận ra ông khiến ông rất vui. Khi vào tham quan một cửa hàng, cha tôi lại nhớ lại chuyện ngày xưa, ngày ấy, nông dân Thụy Kim rất thích đứng ở những quán bên đường uống rượu. Buổi tối khi cán bộ địa phương báo cáo tình hình, ông im lặng lắng nghe, cuối cùng ông nói: “Cần phải nói thế này, bây giờ đã hơn hẳn ngày xưa rồi, sau giải phóng chúng ta đã làm được rất nhiều việc, thu được cũng nhiều thành tích. Nhưng nếu đem so sánh với các nước phương tây, chúng ta còn thụt lùi cách họ 40 năm. Chúng ta cần phải cố gắng lắm mới được”. Tình trạng lạc hậu về sản xuất nông nghiệp ở vùng chiến khu cũ Cán Giang đã để lại trong lòng cha tôi những ấn tượng đặc biệt sâu sắc: ông biết

một cách chắc chắn rằng, trong phạm vi toàn quốc, những vùng dân cư nông thôn còn chưa thoát khỏi cảnh đói nghèo, lạc hậu, không chỉ có một vùng nam Giang Tây này. Còn cần phải cố gắng, còn cần phải cố gắng hết sức mình. Nếu không sẽ có lỗi với nhân dân vùng chiến khu cũ, và cũng là có lỗi với nhân dân quần chúng cả nước.

Loanh quanh ở vùng Thụy Kim ba ngày, cha tôi cũng phải rời Thụy Kim, không phải trong lòng không lưu luyến. Trước khi đi, cha tôi nói với cán bộ của Thụy Kim: “Thụy Kim đối với cách mạng Trung Quốc đã có những cống hiến to lớn, nên lập một nhà bảo tàng cách mạng.

Ngày 10, đoàn của cha tôi tới Ninh Đô. Ông đi thăm công xã Hàng Bí, ông đã hỏi han tỉ mỉ về nhân khẩu, diện tích canh tác, thu nhập của nông dân, mức độ cơ khí hóa và điện chiếu sáng của địa phương. Trong chuyến đi về vùng phía nam Giang Tây lần này, vấn đề cha tôi quan tâm nhất, đó là tình hình sản xuất và đời sống của nhân dân. Nếu nói lần trước về Tỉnh Cương sơn, ông còn rất giữ gìn, thận trọng, thì lần này về vùng phía nam Giang Tây, ông đã ra sức tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề; ông biết rằng vấn đề của ông về cơ bản coi như đã được giải quyết, việc ông xuất hiện trở lại trên chính trường chỉ là chuyện nay mai. Khi xuất hiện trở lại, bất kể làm công tác gì đều rất cần nắm vững tình hình. Ông biết rằng, nếu như còn muốn có tác dụng trong những ngày tháng sau này nhất định trong đầu ông phải có được một cái gì.

Ở Ninh Đô, tiện đường cha tôi rẽ vào thăm địa chỉ của Tỉnh ủy Giang Tây ngày xưa. Ông nói: “Khi Lý Phú Xuân giữ chức bí thư Tỉnh ủy, tôi là bí thư trung tâm huyện ủy Hội Xương, và đã từng được chỉ định làm trưởng Ban tuyên truyền tỉnh Giang Tây, nhưng còn chưa kịp nhận chức, thì đã bị cách tuột hết mọi chức vụ”. Đối với những sự việc cũ, trong những suy nghĩ hồi ức của cha tôi, đều không hề mang sắc thái tình cảm nào. Lịch sử là lịch sử, anh đã không thể thay đổi được thì cũng không nên chìm đắm mãi vào trong đó.

Ngày 12/12/1972, sau khi rời Ninh Đô, buổi chiều cùng ngày tới Quảng Xương. Cha tôi nói với cán bộ ở Quảng Xương: “Bao nhiêu năm vẫn muốn tới đây xem như thế nào. Trước kia chỉ được bảo về Quảng Xương chứ chưa được tới Quảng Xương bao giờ. Lần này mới gọi là thỏa nguyện”.

Hôm sau, trên đường trở về Nam Xương, phải đi qua Nam Phong, nhân lúc nghỉ ngơi chốc lát, cha tôi tranh thủ hỏi tường tận về tình hình sản xuất của vùng quê cam quýt nổi tiếng này. Khi sắp đi tiếp, cha mẹ tôi có mua một ít cam ngọt, mang về làm quà cho con cái.

Buổi trưa đến Phủ Châu. Ở Phủ Châu, cha tôi đi thăm nhà máy dệt, xí nghiệp dược, xí nghiệp máy tiếp điện v.v… Ở xí nghiệp máy tiếp điện, cha tôi nói với lãnh đạo của xí nghiệp: “Không nên sản xuất mãi hàng quân dụng mà còn phải sản xuất hàng dân dụng nữa”. Trong các nhà máy xí nghiệp cha tôi tới tham quan, ông đi khắp nơi, trên, dưới, trèo cao, xuống thấp, rất hứng khởi. Buổi tối cán bộ địa khu thịnh tình thết đãi, lại có cả rượu Mao Đài. Cha tôi biết ở đây có một cặp vợ chồng, chồng là Vương Hưng, con trai của Vương Nhược Phi, và vợ là Trương Cửu Cửu, con gái của Trương Đỉnh Thừa, nên đề nghị cán bộ địa phương đi tìm họ. Vương Hưng đi vắng, chỉ có một mình Cửu Cửu tới. Vương Nhược Phi và Trương Đỉnh Thừa đều là lão chiến hữu của cha tôi. Vương Nhược Phi tuy đã hy sinh vì tai nạn máy bay từ năm 1946, nhưng vẫn không tránh khỏi tai nạn của Cách mạng Văn hóa. Một người đảng viên Đảng Cộng sản anh dũng, kiên trinh, bất khuất trong nhà tù Quốc Dân đảng mà bị vu cáo là “phản bội”. Vợ của Vương Nhược Phi, bà Lý Bồi Chi, là chiến hữu cũ của cha tôi, nay cũng bị vu cho là “phản bội” và bị tống vào nhà giam. Cha tôi quan tâm thân thiết hỏi: “Mẹ của Vương Mao Mao (tên sữa của Vương Hưng) thế nào rồi?” Cửu Cửu đáp: “Người ta bảo bà là thuộc loại hai mươi tám người rưỡi”. “Hai mươi tám người rưỡi” là chỉ vào những năm 20, người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc bấy giờ là Vương Minh có nói, những đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc học tập ở Liên Xô chỉ có hai mươi tám người rưỡi được coi là những người “bôn-sê vích” chân chính, về sau, những người này bị gạt sang “đường dây” “đường lối tả khuynh” sai lầm của Vương Minh. Cha tôi nói: “Sao lại có thể như vậy được, tôi biết bà lão đâu có học ở trường ấy”. Ông lại hỏi Cửu Cửu: “Còn Nhược Phi[70] ra sao?” Cửu Cửu đáp: “Người ta bảo ông cụ là người của Trần Độc Tú”.[71]

Cha tôi nói hết sức chắc chắn: “Không phải”. Ông giải thích theo ghi nhớ của mình: “Nhược Phi tuy có dính dáng liên hệ nhiều với Trần Độc Tú, nhưng chưa hề tham gia hoạt động bè phái của Trần Độc Tú. Ông có quan hệ cực kỳ tốt với Kiều Niên và Diên Niên”. Hai người con của Trần Độc Tú là Trần Kiều Niên và Trần Diên Niên là hai cán bộ cao cấp của Đảng Cộng sản Trung Quốc, vô cùng dũng cảm, nhưng chẳng may hai người đã bị Quốc Dân đảng sát hại tiếp nhau vào những năm 20. Lúc ấy cha tôi đâu chỉ bi thương bi phẫn vì một mình Nhược Phi. Khi đó cha tôi đang làm việc tại cơ quan Trung ương Đảng ở Thượng Hải nên ông biết hết mọi chuyện. Cửu Cửu lại nói: “Họ còn nói, Vương Nhược Phi bị bắt ở Nội Mông Cổ và đã phản bội”. Cha tôi lại thêm một lần khẳng định: “Không phải như vậy. Bạc Nhất Ba được lệnh của Trung ương đi đón ông. Ông

ở trong ngục rất kiên định mà!” Những tên tướng lĩnh của Cách mạng Văn hóa chuyên hại người, ác độc đến thế là cùng, ngay đến cả liệt sĩ đã chết đi rồi, chúng vẫn không chịu buông tha. Đến như Vương Nhược Phi, một cán bộ cao cấp, đầy tư cách của đảng, đã cống hiến cả đời mình, thậm chí cả sinh mệnh mình cho đảng, cho nhân dân, sau khi qua đời rồi mà vẫn còn bị chúng vu cáo hãm hại. Cha tôi thậm đau thương, tưởng nhớ lại các đồng chí cách mạng đã hy sinh, và cũng phẫn nộ thay những người đã yên nghỉ nơi chín suối.

Trong bữa ăn, mọi người sôi nổi chuyện trò. Lưu Tuấn Tú thấy Cửu Cửu, cũng nhớ lại Nhược Phi, liền nói: “Ai cũng bảo Nhược Phi hay rượu. Có một lần, tôi uống 16 cốc, hơn hẳn Nhược Phi đấy nhé”. Cha tôi cười: “Nhược Phi không uống được nhiều, nhưng đúng là một tay hay rượu”. Cha tôi biết Cửu Cửu mới sinh con, nên hỏi Cửu Cửu có khó khăn gì không. Cửu Cửu nói, mùa đông ở Giang Tây quá giá rét, than củi đều phân phối theo định lượng, nên không đủ dùng. Cha tôi nói ngay với các đồng chí lãnh đạo địa khu: “Cấp thêm cho cháu một ít than đi”. Bạn chiến đấu đã qua đời lâu rồi, nay chỉ còn cách đó để giúp đỡ con cái mà thôi…

Chiều ngày 15, cha tôi rời Phủ Châu trở về Nam Xương. Cửu Cửu theo những người ở địa khu Phủ Châu đưa cha tôi đến hết địa phận của địa khu mình. Phía Nam Xương cũng có người đến đón. Cửu Cửu bùi ngùi lưu tuyến chia tay hai vị già nua tuổi tác.

Chào nhé trường bộ binh

Chuyến đi lần thứ hai về phía nam Giang Tây của cha mẹ tôi, tổng cộng là mười ngày. Gió bụi đường trường cuối cùng cũng đã về lại Nam Xương.

Gặp lại người thân, đặc biệt là cô cháu gái, cha tôi yêu quý lắm. Mẹ tôi nói lại cho tôi nghe mọi chuyện dọc dường, bảo rằng được trở lại những vùng đất cũ, cha tôi rất xúc động. Cán bộ lãnh đạo ở những vùng đất cũ đó đều tiếp đón ông bà rất thịnh tình, đồng thời cũng rất chu đáo, đến mỗi nơi, ngay cả chăn đắp cũng là chăn mới tinh, khiến ông bà đều rất cảm động.

Cha mẹ tôi về Nam Xương không lâu, thì bà tôi cùng cô út Đặng Tiên Quần ở Thiên Tân đem theo cậu con trai Đinh Đinh mới ba tháng tuổi, lại còn có cả chồng cô hai là chú Trương Trọng Nhân cùng về Giang Tây cả. Khi đó chị cả Đặng Lâm tôi đã trở về Bắc Kinh rồi, để người mối giới thiệu cho một người, như vậy cũng gọi là “đi gặp người thân”. Còn lại ở Giang Tây vẫn là cha mẹ tôi, Đặng Nam, Phi Phi và tên chíp Miên Miên, còn có thêm cả vợ chồng người phục vụ Ngô Hồng Tuấn tất cả là bảy người. Lần này, bà tôi, cô út tôi, chồng cô hai tôi, tất cả bốn người cùng kéo tới. Tất cả tầng trên tầng dưới của ngôi nhà nhỏ trường bộ binh gần như gặp “nạn nhân mãn”, chỗ nào cũng chật ních. Cô út và Đặng Nam vốn là người to mồm nổi tiếng trong nhà, đứng ở rất xa bên ngoài nhà vẫn nghe thấy tiếng họ rõ mồn một. Hai đứa nhỏ sinh cách nhau vài tháng, Đinh Đinh là con trai, to lớn đẫy đà, đem so sánh với nhau, thì Miên Miên nhỏ bé đến tội nghiệp. Cha tôi nấu nướng cũng là một tay cừ khôi, nhưng từ khi bà tôi trở về, cả nhà còn được ăn uống ngon hơn. Chiếc bàn ăn hình vuông nhỏ bé đến bữa ăn chật ních người. Đặng Nam và cô út sau khi sinh con vốn đã béo đẫy đà nhưng vẫn mượn cớ là bồi bổ thêm, nên bữa nào cũng đòi ăn nhiều hơn. Đặng Nam bị mẹ tôi canh chừng, luôn luôn bị hạn chế, không cho ăn, không cho uống, mẹ tôi bảo không nên quá béo. Còn cô út lại khác, được bà tôi dung túng, cứ ăn thoải mái không cần kiêng khem gì. Đặng Nam thấy thế cho là không công bằng, nên suốt ngày phùng phùng tẹt tẹt tị nạnh.

Chú Trương Trọng Nhân chồng cô hai là người thực thà, trung hậu, suốt đời làm có một việc hồ sơ tài liệu, chỉ biết làm mà chẳng biết nói gì. Trong thời gian này, ở trong nhà thường chỉ có hai người đàn ông là chú và cha tôi, nhưng lại đều là những người đàn ông ít nói. Kể cũng lạ, bao nhiêu lời ăn tiếng nói, đều do “đàn bà” nắm giữ tất, nên còn cơ hội nào mà nhường cho người khác được nữa.

Bà tôi luôn luôn nói bằng giọng Tứ Xuyên nghe rất du dương rằng: “Các cô con gái trong nhà họ Đặng này ấy mà, cô nào cũng đanh đá hết cả!” Thực ra chẳng phải riêng gì mấy chị em chúng tôi, ngay đến cả hai cô tôi cũng đanh đá. Hai ông chú rể tôi đều là những người đôn hậu, từ khi theo hai cô bước chân vào nhà họ Đặng, thường vẫn hay bị bắt nạt. Nhưng “có áp bức là có vùng lên”, đôi khi, hai chú chẳng cam chịu mãi, nên cũng có cáu tiết lên vặc lại. Cứ mỗi lần có chuyện như thế, các chú đã lập tức bị “các cô gái trong nhà họ Đặng” tập trung lại, năm lời mười miệng tranh nhau phê phán. Đương nhiên các chú ấy cũng có những cọng cỏ để bấu víu, tức là ông anh bà chị. Mẹ tôi, bà chị dâu lớn trong nhà, cứ luôn luôn phải “xem xét toàn cục” rồi ra tay can thiệp, mới dẹp yên được.

Ôi chao, cái gia đình nhà tôi, ít có khi được yên tĩnh, toàn là chuyện om sòm như thế, ầm ĩ như thế. Cha tôi, một người chín chắn, nghiêm túc, làm sao mà lại để sinh ra cả một đám người, tính cách lại ngược lại với ông như thế. Thực ra nó được hình thành bởi cái không khí “vô giáo dục”, trách nhiệm đó là thuộc về cha mẹ. Quy kết lại, chỉ cần dùng hai chữ “dung túng”. Ai cũng bảo cha tôi là người nghiêm khắc, ngay cả những người làm việc cấp dưới cũng đều nói là “sợ” ông. Nhưng khi sống cùng với lũ con cái là chúng tôi, thì ông lại ngược lại. Bắt đầu từ những ngày ở Giang Tây, chúng tôi thân mật gọi ông bằng “cụ”. Chúng tôi gọi: “Cụ ơi, lại đây mà xem chúng con chơi vui này, cụ nói chuyện tầm phào với chúng con đi”. Cha tôi sẽ nói: “Sao mà lắm lời vậy?” Khi chúng tôi nghịch ngợm, nói năng quá đáng, ông cũng chỉ nói một câu: “Ăn nói lăng nhăng!” Như thế đã coi như quát mắng chúng tôi rồi. Nhưng quấy phá vẫn chỉ là quấy phá, song đối với cha mẹ, chúng tôi vẫn một niềm kính trọng, những khi cha mẹ tôi nghiêm túc, chúng tôi vẫn trăm phần trăm phục lùng, chẳng có một người nào dám “cả gan” cãi lại.

Trong khi gia đình tôi vui vẻ đoàn tụ ở một góc trời lưu lạc Giang Tây, thì ở Bắc Kinh, Chu Ân Lai mặc xác muôn nghìn cản trở của bè lũ Giang Thanh, đã dốc lòng dốc sức, không biết mệt mỏi, tìm mọi cách để giải phóng cho cán bộ.

Ngày 18/12/1972, Chu Ân Lai viết thư cho Kỷ Đăng Khuê[72] và Uông Đông Hưng: “Tối qua, Chủ tịch đã chỉ thị trực diện cho tôi, đồng chí Đàm Chấn Lâm tuy cũng có một thời kỳ lầm lỗi (bây giờ nhìn lại việc làm náo loạn ở Hoài Nhân Đường là do Lâm Bưu cố ý tạo ra để hạ bệ một số đồng chí lão thành) nhưng vẫn là một đồng chí tốt nên để đồng chí ấy trở lại. Việc này, đề nghị hai đồng chí bàn bạc giải quyết, ông bị ngã gãy xương ở Quế Lâm, xin nhờ đồng chí Vi Quốc Thanh[73] giúp đỡ chữa cho khỏi. Đồng chí Đặng Tiểu Bình cùng cả gia đình đã

đề nghị bố trí một công tác nho nhỏ nào đấy, cũng xin hai vị xem xét cho, Chủ tịch cũng đã có nhắc nhiều lần".

Phu nhân của Lưu Kiến Chương nguyên là Bộ trưởng Bộ Đường sắt viết thư cho Mao Trạch Đông nói rằng Lưu Kiến Chương vô cớ bị bắt, bị hành hạ trong ngục. Ngày 18/12, Mao Trạch Đông bút phê: "Việc này nhờ đồng chí Thủ tướng giải quyết. Cách thẩm vấn kiểu phát xít như thế do ai quy định vậy? Cần phải nhất luật triệt bỏ". Lời phê đó của Mao Trạch Đông như tiếp thêm sức mạnh cho Chu Ân Lai để ông mạnh tay hơn trong việc giải phóng cho các cán bộ cũ.

Năm 1972 kết thúc, tuy trên bầu trời vẫn còn lớp lớp mây đen, nhưng ánh dương đã hé lộ ở chân trời.

Năm 1973 đã tới, nhưng tình hình vẫn cứ rối ren phức tạp. Một mặt, Mao Trạch Đông vẫn duy trì sự sai lầm cực tả của Cách mạng Văn hóa. Mặt khác, ông ta lại ủng hộ Chu Ân Lai chủ trì các mặt công tác, và tiến hành công việc giải phóng cán bộ. Mao Trạch Đông đối với Chu Ân Lai vừa khó chịu nhưng lại vừa không buông ra được. Khó chịu là ở chỗ, ông ta cảm thấy rằng những cách suy nghĩ và biện pháp của Chu Ân Lai có khoảng cách rất lớn so với cách thức của ông ta. Còn không buông ra được, nguyên nhân nằm ở chỗ đến lúc đó, mọi công tác của đảng, nhà nước, quân sự, kể cả công việc ngoại giao cho đến những đại cục của toàn quốc, từ nhỏ đến to chỉ trông vào sự trung thành trước sau như một, đến mức độ quá tải của mỗi một mình Chu Ân Lai ra sức chống đỡ, điều khiển. Giữa giờ phút nghiêm trọng ấy, Chu Ân Lai lại rơi vào căn bệnh hiểm nghèo. Chu Ân Lai ngã bệnh, đối với số phận long đong lận đận của Trung Quốc lúc bấy giờ, thật đúng là "nhà nát lại gặp trận mưa thâu đêm suốt sáng". Phong trào phải tiến hành, công việc thường nhật của cả nhà nước cần phải có người đảm đương, điều khiển. Trong tình hình đó, Mao Trạch Đông buộc phải có quyết định cuối cùng, đưa Đặng Tiểu Bình nhanh chóng xuất hiện trở lại.

Vào một ngày tháng giêng, bí thư Thường vụ Tỉnh ủy Giang Tây, Bạch Đống Tài, ủy nhiệm cho bí thư Tỉnh ủy Hoàng Tri Chân đến thăm Đặng Tiểu Bình, và báo cho ông biết, Trung ương thông báo, ông sẽ trở lại Bắc Kinh trong một ngày gần đây. Tin báo đó đã làm cho cha mẹ và cả gia đình chúng tôi vui sướng không để đâu cho hết. Mọi người đều đã có dự cảm rằng, vấn đề của cha tôi được giải quyết nhanh chóng, nhưng không hề nghĩ rằng nó lại được giải quyết nhanh đến thế, thế là sẽ về Bắc Kinh đến nơi rồi.

Về Bắc Kinh cả nhà tôi đều hân hoan. Cha tôi tất nhiên sẽ rất vui, nhưng niềm vui của ông lại chẳng được hé lộ ra ngoài, mà ông vẫn giấu trong tim, cha tôi

xưa nay vốn là người gặp nạn lớn không lo, gặp mừng to không nói, nhưng lúc này đây, chúng tôi có thể theo dõi nhất cử nhất động của ông để thấu hiểu được niềm vui trong lòng. Kể từ khi ông bị hạ bệ trong Cách mạng Văn hóa tới nay đã hơn sáu năm. Ông mong ngóng từng giờ phút phải chăng chính là cái giờ phút này đây? Bao nhiêu năm nay, ông ngậm nỗi hàm oan mù mịt, khắc phục bao nhiêu khó khăn khó có thể tưởng tượng nổi, ông đã phải trải qua mọi nỗi gian truân, dày vò của cuộc sống bên trong cũng như bên ngoài Trung Nam Hải, ông đã phải bỏ ra không biết bao nhiêu sinh lực vì mỗi thành viên trong gia đình, và vì sinh mệnh chính trị của chính mình. Trong mấy năm nay, ông lấy lao động để rèn luyện thể chất, lấy từng trải để tôi luyện linh hồn, lấy việc trực tiếp tiếp xúc với công nhân để thể nghiệm, nắm bắt nhân tình thế thái. Ngày đông giá rét, ông kiên trì tắm nước lạnh, ngày hè nóng bức, ông đi làm, lao động đến toát mồ hôi. Ở nhà, ông nhóm lò, làm cơm, chẻ củi, đập than, cuốc xới, trồng rau, làm hết mọi trách nhiệm của một người chồng, người cha. Đồng thời trong những giờ phút gian nan nhất, ông chú tâm theo dõi mọi sóng gió, biến thiên trên thế giới, ông lắng nghe những bổng trầm, trồi sụt trên vũ đài chính trị, ông dõi theo tình hình kinh tế của quốc gia, ông quan tâm tìm hiểu tình trạng đời sống nhân dân, bất kể sự việc phát triển theo hướng nào, ông vẫn ung dung tìm ra lẽ phải: ông không bao giờ bị những nghịch cảnh trói buộc mà buông xuôi, mà bi quan, mà thất vọng, ông dốc lòng giữ vững niềm tin, lẽ phải cuối cùng sẽ chiến thắng, chính nghĩa cuối cùng sẽ chiến thắng gian tà. Ông vững tin vào đảng của chúng ta, tin vào đất nước của chúng ta, vào nhân dân của chúng ta. Bây giờ, chính cái ngày đó đã tới. Ông đã rất sẵn sàng, sau khi trở về Bắc Kinh, ông sẽ mang lòng tin, lòng nhiệt thành của mình ra để đền đáp công ơn của đảng, đền đáp công ơn của đất nước, đền đáp công ơn của nhân dân.

Thế là sắp trở về Bắc Kinh rồi, sắp rời khỏi Giang Tây rồi. Tuy trong lòng vô cùng hân hoan, nhưng đối với nơi đất trích ba năm, làm sao lại không lưu luyến nhớ thương cho được? Cha tôi nói: “Vội gì, ăn Tết xong sẽ đi”. Ông còn muốn ăn một cái tết cuối cùng ở Giang Tây, ở trường bộ binh trong căn gác nhỏ, nhà của chúng tôi.

Ngày tết, 3/2/1973, cả nhà chúng tôi vui vẻ quây quần trong căn gác nhỏ của trường bộ binh, tưng bừng đón cái tết truyền thống của Trung Quốc. Sau Tết, với niềm hứng khởi vô ngần, cha tôi đề xuất thêm một chuyến đi về Cảnh Đức, một thị trấn nổi danh về đồ sứ. Với sự thu xếp của Tỉnh ủy Giang Tây, mùng sáu tết cũng là ngày 8/2 dương, cha tôi đưa theo chú Trương Trọng Nhân chồng cô hai cùng đi về phía bắc tỉnh Giang Tây (Cán Bắc)…

Ô-tô rời Nam Xương chẳng bao lâu đã đi vào địa phận của huyện Tiến Hiền, Trường Cải tạo Cán bộ 7/5 của Văn phòng Trung ương đặt ở đây. Cha tôi nghĩ tới Vương Thụy Lâm, người thư ký cũ của mình. Năm 1952, Vương Thụy Lâm 20 tuổi đã đến làm thư ký cho cha tôi, cho tới tận ngày Cách mạng Văn hóa bùng nổ mới bị lôi đi, hiện nay đang lao động tại Trường Cán bộ 7/5 của Văn phòng Trung ương Đảng ở huyện Tiến Hiền này. Khi vừa vào đến đất Tiến Hiền là cha tôi đã nghĩ tới ông và rất muốn gặp lại ông. Cha tôi nói với người bảo vệ đi theo: "Đến Tiến Hiền này, tôi chẳng có việc gì khác, ngoài việc muốn gặp người thư ký của tôi là Vương Thụy Lâm". Người bảo vệ đi theo đáp, việc này cần phải thỉnh thị Văn phòng Trung ương Đảng.

Qua Tiến Hiền, trong ngày hôm đó, đã tới thị trấn Cảnh Đức, ở lại sở chiêu đãi của thị ủy. Cha tôi nói với các cán bộ lãnh đạo thị trấn: "Thị trấn Cảnh Đức là một nơi rất nổi tiếng, ngay từ bé, đọc sách, tôi đã biết, bây giờ phải xem kỹ cho biết hết". Ở thị trấn Cảnh Đức, cha tôi đi thăm những lò gốm sứ lớn cùng nhà trưng bày gốm sứ. Trong khi đi xem một lò sứ của dân, một người công nhân đã nhận ra ông, và người đó buột miệng thốt lên "Đặng Tiểu Bình", đã gây ra sự xôn xao nho nhỏ trong công nhân của phân xưởng ấy.

Chiều 10/2/1973, đến lò sứ Quang Minh, cha tôi đã đi xem xét toàn bộ dây chuyền sản xuất ở đây, khi ông vừa lên xe, điều bất ngờ đã xảy ra, hình như tất cả các phân xưởng đã có sự hẹn trước, nên đều đổ xô ra, ồn ào vây kín chiếc ô-tô vào giữa. Cũng chẳng biết ai là người dẫn đầu, những tràng vỗ tay rào rào vang lên. Thấy những người công nhân sôi nổi nhiệt tình chào đón mình, cha tôi vội vã xuống xe, vẫy vẫy tay, còn trong lòng vô cùng cảm động. Lâu lắm, đoàn xe của cha tôi mới ra khỏi xí nghiệp giữa những loạt vỗ tay không ngớt.

Cán bộ của thị trấn Cảnh Đức cho cha tôi biết, tên tiểu tốt của Lâm Bưu là Trình Thế Thanh, phối hợp với ý đồ lật đổ của Lâm Bưu, đã bắt những lò sứ nổi tiếng khắp nơi chuyển sang sản xuất cái thứ gì gọi là xe thủy bộ lưỡng dụng. Thật đúng là hoang tưởng đến cùng cực. Còn nay theo chỉ thị của Thủ tướng Chu Ân Lai, các xí nghiệp đã bắt đầu phục hồi sản xuất, sản xuất lại tượng Quan âm, tượng Phật Di Lặc mà trước đây đã bị quy kết là "phong kiến, tư bản, xét lại"… Ở thị trấn Cảnh Đức, mẹ tôi mua một số đồ sứ thường dùng hàng ngày trong nhà, đem về Nam Xương cho các con. Cán bộ địa phương nói sao không mua những thứ quý giá hơn. Mẹ tôi đáp: "Tuy trước đây làm việc ở Trung ương, nhưng chúng tôi cũng chỉ là gia đình bình thường". Các đồng chí ở thị trấn Cảnh Đức rất nhiệt tình tiếp đón đoàn tham quan của cha tôi. Khi chia tay đã biếu cha mẹ tôi bốn chiếc lọ sứ chế tạo rất tinh xảo. Cha mẹ tôi vô cùng cảm động.

Những chiếc lọ sứ được đem về Nam Xương, rồi lại đem theo về Bắc Kinh, bây giờ nó vẫn được trân trọng giữ gìn.

Ngày 11/2/1973 khi rời Cảnh Đức, cha tôi rất tình cảm nói với cán bộ lãnh đạo thị trấn: “Thị trấn Cảnh Đức không chỉ là thủ đô đồ sứ của Trung Quốc, mà nó còn nổi danh khắp bốn bể năm châu, công nhân của thị trấn Cảnh Đức có tính sáng tạo, mà lao động lại sáng tạo ra thế giới”.

Trên đường từ thị trấn Cảnh Đức trở về, do nhận được thông báo: Trung ương đồng ý cho ông đi gặp Vương Thụy Lâm, nên đoàn xe của ông đi thẳng đến huyện Tiến Hiền. Vào buổi trưa hôm đó, khi họ tới Trường Cải tạo Cán bộ 7/5 của Văn phòng Trung ương Đảng, ông đã thấy hiệu phó Trường Cải tạo Cán bộ 7/5 là Lý Thụ Hòe đón sẵn ở cổng trường. Lý Thụ Hoè vốn là cục phó cục cảnh vệ Trung ương, trước Cách mạng Văn hóa gia đình ông với gia đình chúng tôi vốn là chỗ đi lại, thân thuộc, nhưng đến nay cũng đã nhiều năm chưa gặp lại. Ông nói với cha tôi rất ân tình: “Thưa cựu thủ trưởng, thủ trưởng tới đây khiến tôi rất sung sướng. Thật không ngờ lại được gặp thủ trưởng ở nơi này”. Gặp lại Lý Thụ Hòe cha tôi cũng rất vui, ông nói: “Tôi đến đây là muốn gặp Vương Thụy Lâm”. Lý Thụ Hòe lập tức đáp: “Được thôi ạ, chúng tôi sẽ cho người đi gọi về”.

Lúc đó Vương Thụy Lâm vẫn còn đang lao động ngoài đồng. Có người đứng ở đầu bờ gọi: “Thủ trưởng cũ của anh muốn gặp anh đấy”. Vương Thụy Lâm trước hết là sững người, rồi sau đó lên chiếc xe jeep đến đón, chạy thẳng về sở chiêu đãi gặp lại người thủ trưởng cũ đã nhiều năm chưa gặp, tình cảm ngổn ngang. Gặp được mặt lần này, đúng là từ cõi chết trở về. Nhìn Vương Thụy Lâm gầy còm, da dẻ bị nắng thiêu đen nhẻm, nhìn đôi chân vẫn lấm lem bùn đất, cha mẹ tôi rất xúc động, đi về Tiến Hiền chuyến này, cha mẹ tôi chỉ có một mục đích là thăm Vương Thụy Lâm. Không ngờ rằng một chàng trai tuấn tú, hoạt bát ngày xưa nay đã già sọm đi, mang đầy vẻ phong sương cát bụi. Cha tôi xưa nay thường rất ít lời với mọi người, ngay đối với những cán bộ công tác quanh mình cũng rất ít nói. Tuy không nói ra lời, nhưng tình cảm trong lòng ông lại rất sâu nặng. Đặc biệt là đối với Vương Thụy Lâm, người thư ký đã nhiều năm làm việc cùng ông thì tình cảm lại càng sâu nặng hơn. Thứ tình cảm đó không phải là thứ tình thân ruột thịt đối với con cái mình, nhưng có lẽ nó cũng gần như thế. Tất cả cùng ăn cơm trưa xong, cha tôi nói với Lý Thụ Hòe: “Tôi định đưa Vương Thụy Lâm về chơi Nam Xương vài hôm”. Lý Thụ Hòe vui vẻ đồng ý. Vương Thụy Lâm cùng về Nam Xương với cha tôi. Ở căn gác nhỏ trường bộ binh, Vương Thụy Lâm được gặp lại bà tôi và tất cả mọi người trong gia đình. Bao nhiêu năm

không gặp, nay gặp lại, người nọ hỏi han cảnh ngộ của người kia, mà toàn là những cảnh ngộ tang thương, chua chát, đau đớn lòng người. Ở lại nhà tôi như người nhà trong trường bộ binh hai ngày, Vương Thụy Lâm phải trở lại Trường Cải tạo Cán bộ. Tất cả mọi người trong gia đình tôi đưa ông ra đến cổng, ai nấy đều lưu luyến chẳng muốn rời tay, nhưng ai ai cũng tin tưởng rằng, ngày gặp lại sẽ chẳng còn xa xôi gì nữa.

Ba lần đi ra ngoài ở Giang Tây, đối với cha tôi mà nói, là cực kỳ quan trọng. Kể từ khi có Cách mạng Văn hóa đến nay, ông đã bị giam giữ, cấm cố, thoát ly khỏi xã hội. Tình hình ở bên ngoài tuy có thông qua người của gia đình cũng biết được một đôi điều, nhưng vẫn chỉ là gián tiếp. Ba lần ra ngoài này, mới có dịp cho ông nhìn nhận bằng chính cặp mắt của mình, nghe bằng chính đôi tai của mình, khiến ông có được ấn tượng trực quan về hiện trạng cũng như phát triển của thế cuộc, đồng thời từ đó, mới có thể đưa ra được những phán đoán chính xác rành mạch của mình. Cách mạng Văn hóa tới nay đã hơn sáu năm, với bao nhiêu phong vân, bao nhiêu bất trắc, con người và mọi sự vật trên thế gian này đều có những biến đổi cực kỳ to lớn. Những biến đổi đó, chính tai nghe, chính mắt nhìn, tốt hay xấu là biết ngay lập tức. Cha tôi là một nhà chính trị thành thạo, nên trong lòng ông, đã có nhiều âu lo, trong óc ông đã có nhiều suy ngẫm. Những mạch tư tưởng rời rạc, đã được xử lý, đã trở thành khái niệm rõ ràng. Trong sân trường bộ binh ở Nam Xương, Giang Tây, ông vẫn đi dạo quanh căn gác nhỏ màu xám, hết vòng nọ đến vòng kia. Bước đi của cha tôi vẫn chắc nịch và gấp gáp. Tuy ông vẫn chẳng nói chẳng rằng như thế, nhưng ai cũng có thể cảm nhận được rằng, trong lòng ông đang đầy ắp những suy tư, những khát vọng. Sáu năm chính trị dày vò, sáu năm luyện rèn lao động, đã tích lũy cho ông đầy đủ về tinh thần, thể lực, làm cho ông có được sự chuẩn bị tư tưởng đủ dày, giống như một con thuyền đã căng chiếc buồm lên của mình lên, một khi gió nổi, là có thể lên đường, đi chuyến viễn dương với tốc độ tối đa.

Sau Tết, cả nhà tôi bắt đầu thu dọn hành lý, chuẩn bị trở lại Bắc Kinh.

Nếu hỏi, trong Cách mạng Văn hóa đã học được gì thêm cho bản lĩnh của mình, ngón tay đếm đầu tiên phải nói là việc dọn nhà. Cả nhà tôi, tùy theo số phận lên xuống của mình, luôn luôn bị đuổi đi đuổi lại, và dọn lên dọn xuống, cho nên đã có đầy mình kinh nghiệm. Chỉ cần hô lên một tiếng là lập tức đã thu dọn xong hành trang trong tốc độ nhanh nhất. Quần áo chăn đệm, đơn giản dễ dọn dẹp. Nhưng còn những quyển sách, là những vật quý trọng nhất trong nhà phải thu thập từng cuốn một xếp vào trong hòm. Rồi lại còn xoong chảo muôi thìa, cũng cần phải mang theo, nếu không về Bắc Kinh lấy gì mà đun nấu?

Chồng cô hai, Trương Trọng Nhân vốn là người rất tháo vát, trong lúc nay đúng là người anh hùng đã tìm được đất dụng võ, trở thành lao động chính trong nhà tôi. Cha tôi về danh nghĩa, tuy là được "giải phóng", nhưng ở nhà gặp việc gì làm việc ấy. Mẹ tôi và bà tôi là tổng chỉ huy, hai bà già ấy cũng có ít nhiều phong độ của vị tướng "chỉ huy nghìn lính" làm cho cả nhà cũng có đôi chút cuống queo, nhưng rối mà không loạn. Mọi thứ đồ đạc đã thu xếp xong, nhưng còn đàn gà con chúng tôi đang nuôi, biết tính sao với chúng bây giờ? Cuối cùng, bà tôi vẫn là người thông minh hơn cả, bà chỉ huy cả nhà đi thịt gà, đem chế biến tất cả thành món gà muối, đem lên xe lửa, sẽ là những món ngon dọc đường. Sắp đi rồi, sắp rời khỏi Giang Tây rồi, sắp ra khỏi trường bộ binh rồi, sắp phải chia tay với những người công nhân trong xí nghiệp sửa chữa và chế tạo máy kéo của huyện Tân Kiến đã từng chung sống với nhau ba năm trời rồi. Cha tôi bảo mẹ tôi đại diện cho cả gia đình đi chào từ biệt tất cả các gia đình công nhân. Mẹ tôi mua một ít bánh kẹo, mang tới các nhà như Đào Đoan Tấn, Trình Hồng Hạnh, Mậu Phát Hương và một số gia đình công nhân khác để chào tạm biệt họ.

Nghe nói Lão Đặng và Lão Trác sắp về Bắc Kinh, công nhân ai cũng lấy làm mừng. Nhưng trong suốt ba năm cùng chung vai sát cánh với Lão Đặng, Lão Trác, đã có được một tình cảm nồng hậu, nên đều rất lưu luyến lúc chia tay. Khi mẹ tôi tới, ông trung đội trưởng Đào Đoan Tấn không có nhà, nên sáng sớm ngày hôm sau, đã cùng với mấy người đến tận trường bộ binh, dù muốn ra sao thì ra, họ cũng phải đưa tiễn Lão Đặng, Lão Trác một đoạn đường. Khi họ nhìn thấy trước nhà đã đỗ sẵn hai chiếc xe tải lớn: "Hỏng rồi, có lẽ họ đi ngay bây giờ mất rồi". Nói xong tất cả vội vã ùa vào sân nhà, Lão Đặng, Lão Trác nghe tin có anh em công nhân tới, lập tức mời tất cả lên trên gác cùng ngồi, rồi sai người lên trên xe ô-tô tháo cởi những bọc gói đã buộc kỹ, lấy bánh kẹo, hoa quả xuống, vui vẻ thết đãi mọi người. Trong ba năm vừa qua, trung đội trưởng Đào Đoan Tấn là người gần gũi, tiếp xúc với Lão Đặng, Lão Trác nhiều nhất, ông nói với giọng đầy xúc động: "Lão Đặng này, nghe nói ông bà sắp đi, mấy anh em công nhân chúng tôi đến đây để đưa tiễn". Lão Đặng cũng nói bằng giọng đầy tình cảm: "Xin cảm ơn các bạn. Bây giờ chúng tôi về Bắc Kinh, chiều hôm qua bà Trác Lâm nhà tôi đã đi các nhà, bày tỏ lòng biết ơn của chúng tôi". Ông trung đội trưởng và công nhân tranh nhau nói: "Lão Đặng, Lão Trác ạ! Sau khi ông bà về Bắc Kinh rồi, nếu có dịp nhất định phải về xí nghiệp chúng tôi đấy!" Lão Đặng, Lão Trác cũng không ngớt đáp lời: "Về chứ, về chứ. Công nhân, cán bộ trong xí nghiệp đều rất tốt, chúng tôi sẽ rất nhớ các bạn".

Thời gian lên đường đã tới rồi. Những người công nhân lưu luyến ra về. Thời

gian ba năm, tuy chẳng tính được là dài, song ba năm ấy ý nghĩa của nó chẳng phải bình thường. Có thể nói rằng, chính những người công nhân không biết ăn nói hoa mỹ này, rất chân thực này, đã đem đến cho Lão Đặng, Lão Trác sự ấm áp trong tâm hồn, sự viện trợ trong đời sống. Tình cảm của những người công nhân này, thật khó có thể dùng thứ ngôn từ nào mà hình dung được.

Ngày 19/2/1973, cha mẹ tôi thống lĩnh toàn gia, tạm biệt những công nhân trong xí nghiệp, tạm biệt trường bộ binh, tạm biệt căn gác nhỏ đã cư trú ba năm, rồi từ Nam Xương xuất phát, ngồi ô-tô đến Ưng Đàm. 11 giờ trưa hôm sau lên chuyến tàu nhanh tốc hành số 46, đi từ Phúc Châu về Bắc Kinh. Đoàn tàu dừng lại ở ga Thượng Nhiêu ngoài kế hoạch ít phút. Các đồng chí địa ủy Thượng Nhiêu lên tàu thăm và tiễn Đặng Tiểu Bình trở lại kinh đô, đó là ga cuối cùng nằm trên đất Giang Tây. Chiếc đầu máy nhả một làn hơi nước thật lớn, kéo theo một hồi còi dài, lại chuyển bánh. Bóng dáng của những người ra tiễn của Giang Tây khuất đi rất nhanh trong tầm nhìn. Đất Giang Tây với những ngọn núi cao vời vợi đen quánh màu mực nho, với những triền đồi đỏ lô nhô kéo dài, với những dòng sông mênh mang cuồn cuộn chảy mãi về hướng đông… tất cả chìm dần trong tầm nhìn.

Đoàn tàu rầm rập lắc lư chuyển bánh, tiến vào địa giới tỉnh Chiết Giang. Mười người trong gia đình nhà chúng tôi, được những nhân viên công tác trên tàu nhiệt tình tiếp đãi, trong bữa ăn còn mang lên cho chúng tôi một thứ vô cùng quý hiếm lúc đó, ấy là rượu Mao Đài. Chúng tôi còn không biết một điều rằng, cục trưởng cục công an và cục trưởng cục vận tải của Bộ Đường sắt đã có mặt trên chuyến tàu này, và đích thân phụ trách việc an toàn chạy tàu. Cả gia đình được bố trí vào toa ngủ, giường mềm, đầu tiên còn có mấy hành khách khác, nhưng khi tới Hàng Châu, họ xuống tàu thì không còn có một người khách nào khác lên toa xe ấy nữa, thực tế, toa tàu đã thành một chuyên xa.

Đoàn tàu vẫn cứ sầm sập lao về hướng bắc, xuyên qua những vùng đất đai phì nhiêu của tỉnh Chiết Giang, xuyên qua vùng đất đai duyên hải rộng mênh mang. Phía trước mặt, chẳng còn làn hơi ấm dịu dàng của đất phương nam nữa, mà đã đi vào thời tiết xuân sớm của đất phương bắc, khiến cho người ta cảm thấy se se lạnh trước làn gió bấc lạnh lùng.

Trở lại làm việc

Ngày 22/2/1973, đoàn tàu từ từ vào ga Bắc Kinh, dừng lại ở sân ke số 1, chiếc ô-tô của Văn phòng Trung ương Đảng đỗ theo thứ tự thành hàng ở sân ke ấy. Tôi và Hạ Bình ra đón tàu. Ngay từ xa tôi đã nhìn thấy đoàn tàu chậm chạp vào ga, càng ngày càng gần, càng ngày càng gần hơn, chúng tôi vui sướng vô chừng. Khi đoàn tàu đã dừng hẳn lại ở sân ga, từ trên toa xe, cha tôi là người đầu tiên bước xuống, ông mỉm cười với những người đến đón, và lần lượt bắt tay từng người một. Sau đó, là cả gia đình lớn của chúng tôi, người nọ tiếp người kia xuống tàu, già trẻ bồng con bế cái, ồn ào, nhốn nháo rất lâu, cả nhà mới yên lại được, lên ô-tô.

Ô-tô ra khỏi sân ga Bắc Kinh, đi vào phố Trường An. Qua cửa sổ ô-tô, chúng tôi nhìn thấy Thiên An Môn, lại nhìn thấy cả cửa Tân Hoa của Trung Nam Hải, lá cờ đỏ tươi thắm bay phấp phới trên cột cờ trong gió lạnh, khiến ai nhìn thấy cũng phải sinh lòng ngưỡng mộ. Về lại Bắc Kinh, đây không phải là mộng mị nữa, mà là một sự thực hiển nhiên. Đoàn xe đi về hướng ngoại ô phía tây thành phố Bắc Kinh đến một nơi có tên là thôn Hoa Viên, gần với miếu Thần Ngựa (Mã Thần), đi thẳng vào một sân rộng. Giữa sân có một đường xe chạy theo hướng nam bắc, hai bên có ba ngôi nhà hai tầng màu xám. Những ngôi nhà ở đây còn mới tinh khôi, nghe nói là nó được xây dựng cho một số các nhà "lãnh đạo" mới trong Cách mạng Văn hóa. Chúng tôi được bố trí vào trong ngôi nhà cuối cùng ở phía đông. Vào bên trong mới biết ngôi nhà lầu ấy được ngăn cách chia đôi, mỗi bên có thể để một gia đình tới ở. Nhà mới xây dựng, rộng rãi đàng hoàng, chúng tôi nhìn qua đã thấy vừa ý vô cùng. So với căn gác nhỏ ở Giang Tây, ngôi nhà này rõ ràng là rất sang trọng, rất tây.

Vừa tới nơi là mọi người xúm vào mang vác hành lý, thu xếp nhà cửa, lại một lần bận tơi bời.

Buổi tối, Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Uông Đông Hưng tới thăm cha tôi. Cha tôi ngỏ lời cảm ơn vì mấy năm nay đã quan tâm đến mình. Uông Đông Hưng nói: "Tôi làm theo ý kiến của Mao Chủ tịch".

Đặng Tiểu Bình đã trở lại Bắc Kinh, tin đó truyền đi rất nhanh. Một số những đồng chí cũ, lục tục tiếp nhau đến thôn Hoa Viên thăm vợ chồng Đặng Tiểu Bình. Mọi người gặp mặt lại nói chuyện ngày xưa, lại là những lời thăm hỏi, mà

nhiều nhất vẫn là cảnh ngộ của mình trong Cách mạng Văn hóa, gay gắt nặng lời với những hành động tàn bạo của tập đoàn Lâm Bưu. Kể từ ngày bùng nổ phong trào Cách mạng Văn hóa tới nay cũng chỉ mới có hơn sáu năm, nhưng những sự việc mà mọi người phải chịu đựng lại quá nhiều, đến nỗi không dám ngoảnh đầu nhìn lại. Mới chỉ có mấy năm chẳng gặp nhau, vậy mà cứ có cảm giác như từ thế giới bên kia trở về.

Cha tôi luôn thương nhớ về những lão chiến hữu, cùng những người trong gia đình họ. Về Bắc Kinh chưa được bao lâu mà đã nhờ mẹ tôi để thăm Lâm Nguyệt Cầm, phu nhân của Nguyên soái La Vinh Hằng. Cha tôi và Nguyên soái La Vinh Hằng vốn là bạn cố tri, mẹ tôi và bà của Lâm Nguyệt Cầm cũng là bạn thân. Nguyên soái qua đời vào những năm 60, trong Cách mạng Văn hóa, bà Lâm Nguyệt Cầm đã bị tập đoàn Lâm Bưu vu cáo là phần tử đầu sỏ trong "tập đoàn quả phụ" và đã bị hành hạ. May mà đến lúc ấy cũng đã tai qua nạn khỏi, được gặp lại cả gia đình họ yên ổn, cha mẹ tôi cũng cảm thấy yên lòng. Cha mẹ tôi đi thăm vợ chồng Thái Sướng và Lý Phú Xuân. Lý Phú Xuân và Thái Sướng từ những năm 20 đã cùng với cha tôi vừa học vừa làm tại Pháp rồi cùng gia nhập Đảng Cộng sản, cùng làm công tác cách mạng, cha tôi xưa nay vẫn coi họ là bậc anh bậc chị, tình cảm rất thân thiết. Mấy năm không gặp, cả anh cả chị đều đã già mất rồi. Trong Cách mạng Văn hóa, Lý Phú Xuân bị vu cáo là "dòng nước ngược tháng 2" nên bị phê phán, đã nhiều năm bị sống cách ly, nên bây giờ bệnh tật đầy người. Mắt chị Thái Sướng gần như hỏng hoàn toàn, may mà thân thể vẫn còn khỏe khoắn. Mọi người đều đã phải trải qua bao nỗi tân toan, nay còn gặp lai được nhau cũng là một điều đáng mừng.

Cha tôi còn đặc biệt vào viện 301, thăm Trương Tây, phu nhân của Nguyên soái Trần Nghị. Từ những năm chiến tranh cho đến những năm kiến thiết đất nước, quan hệ của cha tôi và Trần Nghị vô cùng mật thiết, trước Cách mạng Văn hóa vẫn sống chung với nhau ở cùng một nơi, là hàng xóm, nhà sau nhà trước. Trong Cách mạng Văn hóa, vì Trần Nghị đấu tranh với thế lực tạo phản ở Trung ương của tập đoàn Lâm Bưu, nên bị vu là "dòng nước ngược tháng 2", ông bị phê phán và bị đối xử quá tồi tệ, cho nên đến năm 1972, đã qua đời vì bệnh ung thư. Bà Trương Tây vì chuyện đó sinh buồn phiền, rồi cũng lại bị ung thư nốt. Trong bệnh viện, bà Trương Tây xanh rớt, tiều tụy, nhưng tính nết vẫn thẳng băng như xưa. Nghe bà phẫn nộ tố cáo tội ác của tập đoàn Lâm Bưu, nghe bà nói lại những cảnh ngộ khốn khổ trong Cách mạng Văn hóa mà như thấy giọng nói nụ cười của Trần Nghị vẫn hiển hiện trước mắt mình, khiến ai cũng phải bồi hồi thương cảm. San San, người con gái duy nhất của Trần Nghị lúc đó vẫn ngày

đêm trực bên giường bệnh của mẹ. Cha tôi nhìn người con gái vừa mất cha, nay lại sắp mất mẹ mà lòng đau như cắt. Ông nói với bà Trương Tây: “Tôi đã từng bên cạnh San San từ nhỏ cho đến lớn, bắt đầu từ ngày hôm nay, tôi xin nhận San San làm con mình”. Đây là điều duy nhất ông có thể làm được đối với người lão chiến hữu…

Khi gia đình chúng tôi trở lại Bắc Kinh để bắt đầu cuộc sống mới, thì ở Trung Nam Hải, Thủ tướng Chu Ân Lai cũng phát hiện ra bệnh ung thư trong người.

Sáu năm trời sống trong phong trào Cách mạng Văn hóa, cho đến giờ này Chu Ân Lai vẫn chiến đấu không ngừng. Một mặt, ông phải duy trì điều khiển mọi công tác của cả đảng, chính quyền, quân sự, nên suốt ngày lặn lội không một phút nghỉ ngơi, mặt khác lại phải không ngừng đấu tranh với thế lực Cách mạng Văn hóa ở Trung ương. Trong Cách mạng Văn hóa, đại bộ phận cán bộ bị hạ bệ, mọi công việc lớn bé, rắc rối, phức tạp đều chỉ trông vào có một bàn tay ông chống đỡ. Đất nước không thể không có ông, Mao Trạch Đông cũng không thể không có ông. Nhưng vào đúng lúc này, bệnh tình ông lại nặng thêm, đại tiện ra máu, không thể không mổ, Thủ tướng cần phải tiến hành phẫu thuật, sau đó cần phải dưỡng bệnh, nhưng còn nhà nước, tính sao; công tác, tính sao! Trong lòng Chu Ân Lai cũng rối như tơ vò, ông gấp gáp làm công tác giải phóng hàng loạt cán bộ, một lần ông đã đưa ra một danh sách hơn ba trăm người với Ban tổ chức Trung ương, ông gấp gáp để đưa chiến hữu Đặng Tiểu Bình của ông trở về làm việc. Ông biết rằng, sự xuất hiện trở lại của Đặng Tiểu Bình sẽ có một tác dụng cực kỳ to lớn, đồng thời lại có thể hoàn toàn thay thế ông làm việc. Đến nay, Đặng Tiểu Bình đã trở lại kinh đô, ông phải nghĩ cách, phải để Đặng Tiểu Bình ra làm việc với thủ tục chính thức nhanh nhất.

Hạ tuần tháng 2 đến đầu tháng 3/1973, mặc dù đau ốm, nhưng Chu Ân Lai vẫn phải ôm bệnh chủ trì luôn mấy cuộc họp của Bộ Chính trị, chuyên bàn về vấn đề Đặng Tiểu Bình. Chu Ân Lai đặt vấn đề phục hồi sinh hoạt đảng cho Đặng Tiểu Bình, phục hồi chức vụ Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, và cần phải để Đặng Tiểu Bình trở lại làm việc. Giang Thanh, Trương Xuân Kiều cùng những ông kễnh của Cách mạng Văn hóa Trung ương quyết không tán thành và tìm mọi cách ngăn trở, phá từ trong phá ra. Hội nghị Bộ Chính trị tràn ngập những mâu thuẫn đối địch. Nhưng việc xuất hiện trở lại của Đặng Tiểu Bình lần này, lại do chính Mao Trạch Đông quyết định, bè lũ Giang Thanh tuy đầy lòng ấm ức nhưng cũng đành chịu bó tay. Ngày 9/3, Chu Ân Lai viết báo cáo gửi Mao Trạch Đông, báo cáo rõ tình hình mấy cuộc hội nghị của Bộ Chính trị Trung ương về việc phục hồi sinh hoạt đảng và chức vụ Phó Thủ tướng Quốc vụ viện cho Đặng

Tiểu Bình, đồng thời còn đề xuất: Bộ Chính trị cho rằng Trung ương phải đưa ra quyết định cuối cùng, thông báo tới các cấp ủy của huyện, để giúp cho các cấp ủy đó có những lời giải thích chính thức với quần chúng trong cũng như ngoài đảng. Chu Ân Lai còn báo cáo với Mao Trạch Đông rằng, Đặng Tiểu Bình đã về ở Bắc Kinh. Sau đó, Mao Trạch Đông phê trả lời: "Đồng ý". Sau khi được Mao Trạch Đông phê chuẩn, Chu Ân Lai lập tức báo cho Uông Đông Hưng, đưa những văn kiện phục chức cùng những văn kiện phụ của Trung ương trao tận tay Đặng Tiểu Bình, đồng thời ông còn đưa ra những ý kiến riêng của mình có liên quan đến nội dung của văn kiện…

Ngày 10/3/1973, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc công bố trước toàn đảng: "Quyết định khôi phục sinh hoạt trong tổ chức đảng và chức vụ Phó Thủ tướng Quốc vụ viện đối với đồng chí Đặng Tiểu Bình".

Thực hiện việc phục chức cho Đặng Tiểu Bình xong, Chu Ân Lai mới thở phào nhẹ nhõm: Vào ngày Mao Trạch Đông phê chuẩn việc đó chính là ngày 10/3/1973, ông chính thức đề nghị với Bộ Chính trị Trung ương cho ông nghỉ chữa bệnh hai tuần, đồng thời đề xuất với Trung ương giao công việc hàng ngày cho Diệp Kiếm Anh điều khiển.

Tuy cha tôi đã trở lại Bắc Kinh, nhưng đối với hàng loạt những sự kiện lớn của Trung ương có liên quan tới vận mệnh chính trị của ông, thì ông không được biết một tý gì. Nhưng với sự nhạy bén của một người làm chính trị, ông cũng đã dự cảm thấy, ngày ông xuất hiện trở lại cũng chẳng còn xa xôi gì nữa, song ông lại không thể ngờ được rằng, sự việc lại nhanh chóng đến độ ấy.

Trước ngày ông được Mao Trạch Đông phê chuẩn xuất hiện trở lại làm việc một ngày, tức là ngày 9/3/1973, ông vẫn còn viết thư cho Uông Đông Hưng về việc của con cái, nói rằng con gái lớn của ông là Đặng Lâm đã tìm được người yêu ở sở nghiên cứu luyện kim Bắc Kinh (tức là viện nghiên cứu kim loại màu), đề nghị Uông Đông Hưng giúp đỡ trong việc điều động Đặng Lâm về công tác tại Bắc Kinh. Ngày hôm sau, Uông Đông Hưng nhận được thư và cũng đã phê chuẩn ngay.

Sau khi Trung ương thông báo việc trở lại cương vị công tác của ông, Uông Đông Hưng đã báo việc này cho Đặng Tiểu Bình biết, và đưa các văn kiện có liên quan tới Đặng Tiểu Bình đúng như lời dặn dò của Chu Ân Lai. Sự việc tiến triển nhanh chóng ngoài dự kiến như vậy làm cho mọi người đều rất phấn khởi. Ít hôm sau, được sự ủy thác của Chu Ân Lai, phu nhân của ông là bà Đặng Dĩnh Siêu đến thôn Hoa Viên để thăm vợ chồng Đặng Tiểu Bình. Đặng Dĩnh Siêu và

cha tôi đồng tuế, nhưng bà hơn cha tôi mấy tháng tuổi, nên cha tôi vẫn gọi bà bằng *chị cả*, nhưng ý nghĩa của chữ "bà chị cả" này lại khác với những chữ "bà chị cả" chung chung khác. Cha tôi nhớ rõ ràng rằng vào cuối những năm 20 và đầu những năm 30, khi hoạt động bí mật ở Thượng Hải, thì Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu cùng ở một chỗ với cha tôi. Họ cùng hoạt động cho cách mạng, họ cùng làm việc cho cơ quan Trung ương Đảng bất chấp mọi sự nguy hiểm tới tính mạng mình. Họ cùng sinh hoạt trong một tổ đảng, và cùng ở một nhà, người tầng trên người tầng dưới với nhau. Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu cùng đích thân chứng kiến mối tình đầu của Đặng Tiểu Bình lúc đó mới 24 tuổi, rồi lại đích thân tổ chức lễ thành hôn cho ông với Trương Tích Viên. Họ cũng đã từng chứng kiến cặp vợ chồng cách mạng trẻ tuổi này sống và làm việc rất hạnh phúc, rồi cũng lại được chứng kiến sự đau đớn xé lòng của Đặng Tiểu Bình trước cái chết vì khó đẻ của Trương Tích Viên. Có lúc họ đã gọi Đặng Tiểu Bình là chú em bé bỏng. Chu Ân Lai xứng đáng với vai trò huynh trưởng bậc trên, còn Đặng Dĩnh Siêu lại xứng đáng là bà chị cùng họ. Sinh tử tương tri với nhau mấy chục năm, đột nhiên mất bảy năm trời xa cách. Lần này bà chị cả đến thăm, những tưởng là sẽ mừng rỡ hân hoan, nào ngờ, chị cả lại theo lời Chu Ân Lai dặn dò, báo cho vợ chồng Đặng Tiểu Bình tình trạng bệnh tình rất nguy cấp của Chu Ân Lai. Đến lúc này, cha tôi mới biết Chu Ân Lai ngã bệnh, và lại rơi vào bệnh ung thư ác tính, sự rỡ ràng khi gặp mặt bỗng đổ vỡ tan tành.

Mười giờ tối ngày 28/3/1973, Thủ tướng Chu Ân Lai, Phó Thủ tướng Lý Tiên Niệm và Giang Thanh hẹn gặp Đặng Tiểu Bình là lần đầu tiên bàn về công tác sau khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi, và cũng là lần đầu tiên sau gần bảy năm xa cách mới gặp lại Chu Ân Lai. Từ hôm đó về sau, số lần gặp gỡ giữa hai người đã tăng lên rất nhiều, thật nhiều. Trong những năm tháng về sau, hai ông còn gắn bó kéo sơn với nhau để cùng vượt qua cơn phong ba bão tố trùng trùng trên vũ đài chính trị. Ngày 29/3/1973, Mao Trạch Đông triệu tập họp Bộ Chính trị trong thư viện nổi tiếng nơi ông ta ở. Trước cuộc họp, Chu Ân Lai hẹn Đặng Tiểu Bình đến chỗ ở của Mao Trạch Đông. Sau khi gặp Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình tham dự luôn cuộc họp của Bộ Chính trị ở đó. Tại hội nghị, đích thân Mao Trạch Đông đề xuất, Bộ Chính trị quyết định ngay tại chỗ Đặng Tiểu Bình chính thức tham gia tổ công tác nghiệp vụ của Quốc vụ viện đồng thời với danh nghĩa một Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, tham gia hoạt động đối ngoại, cùng những vấn đề chính sách quan trọng. Sau hội nghị đó, Đặng Tiểu Bình chính thức tham gia thảo luận trong hội nghị Bộ Chính trị ấy. Sau hội nghị đó, Đặng Tiểu Bình chính thức khôi phục và làm công việc của một Phó Thủ tướng Quốc vụ viện.

Vào những năm 50, khi thiết lập tuyến một, tuyến hai ở Trung ương, đặt Đặng Tiểu Bình vào vị trí số một trong những người kế cận cụ thể, đó chính là quyết định của Mao Trạch Đông. Khi bắt đầu Cách mạng Văn hóa đánh đổ, hạ bệ Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, cũng chính là quyết định của Mao Trạch Đông. Đánh đổ Đặng Tiểu Bình nhưng không khai trừ ra khỏi đảng, chính là quyết định của Mao Trạch Đông. Để Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại, sử dụng lại cũng chính là quyết định của Mao Trạch Đông. Gặp lại Đặng Tiểu Bình lần này, Mao Trạch Đông thấy vui. Thực ra, đối với Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông, trước sau, ít nhiều, cũng có một tán thưởng, hoặc nói cách khác là: có lưu ý. Sau khi đưa ra quyết định cho Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại, ban đầu, trong khi sử dụng Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông vẫn liên tục quan sát, theo dõi. Đồng thời có thể nói rằng, với Đặng Tiểu Bình, trong lòng Mao Trạch Đông vẫn gửi gắm một kỳ vọng rất lớn. Những sự thực sau đó có thể thấy được rằng, sau khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi, Mao Trạch Đông đã ký thác cho ông nhiều việc lớn và ra sức ủng hộ. Cũng từ đó về sau, có rất nhiều khách nước ngoài tới Trung Quốc, tất cả đều đo Đặng Tiểu Bình thay mặt đón tiếp. Trong vòng ba năm sau đó, bất kể là bàn công tác hay đi cùng khách ngoại quốc, Đặng Tiểu Bình đã nhiều lần ra vào phòng thư viện của Mao Trạch Đông, cho đến khi lại bị hạ bệ lần nữa…

Năm giờ chiều ngày 9/4/1973, vợ chồng Đặng Tiểu Bình đi Ngọc Tuyền sơn ở ngoại ô phía tây thành phố Bắc Kinh để thăm Chu Ân Lai và phu nhân của ông là Đặng Dĩnh Siêu đang cùng chữa bệnh tại đó.

Nhìn khuôn mặt gầy gò, hốc hác của hai ông bà, cha mẹ tôi trong lòng nói không hết những thương cảm. Rất nhiều năm sau, trong hồi ký của mình, nghĩ tới tình cảnh lúc bấy giờ, ông vẫn còn rất đau xót. Ông nói: “Chúng tôi nhìn Thủ tướng, thấy ông gầy guộc đến không thành thể dạng nào. Chúng tôi chỉ nhìn nhau mà chẳng nói được câu nào. Nhìn nhau mà chẳng nói. Mà biết nói gì? Mấy năm trời, gió gió mưa mưa, tân toan, cay đắng, ngôn ngữ nào bày tỏ được”. Gặp lại Đặng Tiểu Bình, Chu Ân Lai rất vui. Chu Ân Lai xưa nay vốn là người nghiêm cẩn, đối với công việc thường không bình luận, và lại càng không hùa theo người khác bao giờ. Nhưng trong lần trò chuyện này với người mà ông tin tưởng nhất là Đặng Tiểu Bình, ông đã đem bao điều tích tụ trong lòng vốn không biết nói cùng ai, thổ lộ ra hết. Đầu tiên, Chu Ân Lai không nói gì về bệnh tật của mình, cũng chẳng nói gì về công việc từ nay về sau, mà ông nói với Đặng Tiểu Bình tất cả những điều bao lâu nay vẫn ấp ủ trong lòng. Ông nói: “Trương Xuân Kiều là tên phản bội, nhưng Chủ tịch lại không cho điều tra”. Nói xong ông lại

chu đáo dặn Trác Lâm: “Trác Lâm, chớ có nói ra đấy nhé”. Tiếp theo, ông nói bằng giọng hết sức quan trọng với vợ chồng Đặng Tiểu Bình: “Về vấn đề bảo vệ sức khỏe cho Tiểu Bình, ông bà nên chọn một người trong nhà họ Ngô”. Nhà họ Ngô, chính là chỉ hai anh em chuyên gia y khoa Ngô Giai Bình và Ngô Úy Nhiên. Khi đó Chu Ân Lai phải dặn dò Đặng Tiểu Bình như vậy, là vì trong công việc sắp tới của Đặng Tiểu Bình phải đương đầu với những hoàn cảnh chính trị rất hiểm độc. Lúc đó điều Chu Ân Lai quan tâm chính là vấn đề bảo vệ sức khỏe cho Đặng Tiểu Bình, và phải được bảo đảm bằng kỹ thuật, cho nên cần tìm được người đáng tin cậy. Một người đang ốm bệnh là Chu Ân Lai lại đi quan tâm đến sức khỏe của Đặng Tiểu Bình, là vì ông tín nhiệm Đặng Tiểu Bình, ông đem toàn bộ hy vọng của ông gửi gắm, ký thác cho Đặng Tiểu Bình…

Trong bảy năm vừa qua, mảnh đất, khoảng trời này đã có không biết bao nhiêu thay đổi, mỗi con người cũng đã phải trải qua không biết bao nhiêu cuộc tang thương biển diễn, thật đúng là nói không hết được. Đảng và nhà nước vẫn còn bao nhiêu công việc nằm chờ giải quyết, dăm câu, ba điều cũng chẳng làm sao nói hết nổi. Hai ông trò chuyện rất lâu, nói cho đến khi màn đêm buông xuống. Khi đưa bữa ăn tới, hai ông vẫn còn trò chuyện. Trên núi Ngọc Tuyền, những cánh lá xanh non của rừng cây cũng đã thổi rì rào, những làn sóng lô xô nơi hồ nước trong veo xanh ngắt cũng đã bình lặng lại, cá tôm cũng đã lặn xuống tận đáy sâu, bốn bề yên ắng tĩnh mịch, như cố tình không muốn làm phiền đến cuộc chuyện trò tâm sự quan trọng của những người từ lâu không gặp mặt.

Ngày 12/4/1973, trong phòng làm việc của Đại lễ đường Nhân dân, Thủ tướng Chu Ân Lai ôm bệnh cử hành đại tiệc để hoan nghênh, tiếp đón nguyên thủ quốc gia Căm-pu-chia, hoàng thân Nô-rô-đôm Si-ha-núc cùng phu nhân vừa từ khu giải phóng Căm-pu-chia đến Bắc Kinh. Những người tham gia bữa tiệc đã phát hiện một người thấp bé, những lại rất quen mặt đã cùng xuất hiện với các vị lãnh đạo và khách quý. Là Đặng Tiểu Bình ư? Đó chính là “tên số hai lớn nhất trong đảng đi theo đường lối tư bản” đã bị đánh đổ, hạ bệ đó. Những phóng viên nước ngoài tham dự bữa tiệc này rất nhạy bén, khi tiệc còn chưa tan, họ đã vội vã chạy thẳng ra ngoài hội trường, tới tòa nhà bưu điện, tung ra toàn thế giới một tin giật gân: “Đặng Tiểu Bình đã xuất hiện trở lại”.

Ngày hôm sau cả các báo chí thế giới cùng Hương Cảng, Đài Loan đã đưa tin rãi về việc Đặng Tiểu Bình trở lại vũ đài chính trị ở Trung Quốc. Trong chốc lát, việc Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại đã trở thành đầu đề “nóng bỏng” cho những người nước ngoài bình luận về Trung Quốc. Có một người ngoại quốc đã dùng hình tượng ví von việc Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại là “con người thấp

bé đánh không đổ”.

Trong lầu yến tiệc đó, mọi người đã nhìn thấy Đặng Tiểu Bình, tuy trầm mặc nhưng lại đàng hoàng, đĩnh đạc. Thời thế đã đổi thay, khiến ông càng thêm thâm trầm, càng thêm khỏe khoắn, người ta không nhìn thấy ở ông một nét mệt mỏi hoặc già nua nào. Cha tôi được phục hồi công tác của một Phó Thủ tướng Quốc vụ viện. Nhưng Quốc vụ viện giờ đây và Quốc vụ viện trước thời Cách mạng Văn hóa đã khác nhau một trời một vực.

Năm 1965, đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa thứ ba, đã bầu ra được những thành viên của Quốc vụ viện bao gồm một đanh sách như sau:

Thủ tướng: Chu Ân Lai

Phó Thủ tướng: Lâm Bưu, Trần Vân, Đặng Tiểu Bình, Hạ Long, Trần Nghị, Kha Khánh Thi, Ô Lan Phu, Lý Phú Xuân, Lý Tiên Niệm, Đàm Chấn Lâm, Nhiếp Vinh Trăn, Bạc Nhất Ba, Lục Định Nhất, La Thụy Khanh, Đào Chú, Tạ Phú Trị.

Tổng thư ký: Chu Vinh Hàm

Tám năm trôi qua, đất trời nghiêng ngửa, một cuộc bể dâu.

Đến năm 1973, cái khung tổ chức thành Quốc vụ viện đã có Đặng Tiểu Bình, Hạ Long, Ô Lan Phu, Đàm Chấn Lâm, Bạc Nhất Ba, Lục Định Nhất, La Thụy Khanh, Đào Chú, tất cả có tám người đã bị hạ bệ, đánh đổ. Trần Nghị bị phê phán, qua đời năm 1972, Kha Khánh Thi qua đời vào thời gian trước Cách mạng Văn hóa và Tạ Phú Trị vào năm 1972. Lâm Bưu tự hủy diệt vào năm 1971, Trần Vân, Lý Phú Xuân, Nhiếp Vinh Trăn bị phê phán và thực tế là không làm được công việc gì nữa. Tổng thư ký Chu Vinh Hàm cũng bị quật đổ.

Trước mắt, ở Quốc vụ viện chỉ còn có Thủ tướng Chu Ân Lai và một vị Phó Thủ tướng là Lý Tiên Niệm làm việc với một đất nước to rộng như thế, với một nền kinh tế suy sụp khó khăn như thế, vừa muốn “nắm cách mạng”, lại vừa muốn “đẩy mạnh sản xuất” khó khăn và cường độ sẽ phải bỏ ra như thế nào, chỉ cần nghĩ cũng đã biết. Công tác của Quốc vụ viện đâu chỉ là công tác kinh tế mà còn ngoại giao, giáo dục, khoa học, văn hóa, bảo vệ đất nước nữa, thật đúng là trăm đầu nghìn mối, làm sao mà nắm bắt cho được.

Trong tình hình như thế, Quốc vụ viện cho thành lập một tổ lãnh đạo sản xuất, do Dư Thu Lý và Cốc Mục phối hợp với Chu Ân Lai và Lý Tiên Niệm làm công tác quản lý kinh tế. Đây chẳng qua chỉ là kế hoạch bất đắc dĩ chữa cháy

tạm thời ứng phó mà thôi. Nhưng chính vì vậy mà hàng ngày Chu Ân Lai lại chìm đắm vào trăm công nghìn việc, dẫn tới tình trạng mệt mỏi quá độ, làm cho bệnh tật càng hiểm nghèo hơn.

Sau khi bùng nổ phong trào Cách mạng Văn hóa năm 1966, nền kinh tế quốc dân đang ở mức độ tăng trưởng khá cao, bỗng đột ngột hạ xuống, rồi bước vào quá trình chập chờn, tăng trưởng lại bước đầu.

Cho đến năm 1969, qua sự cố gắng của Quốc vụ viện do Chu Ân Lai lãnh đạo, chật vật lắm mới đưa được những công xưởng bị đóng cửa hoạt động trở lại, xoay chuyển được tình trạng sản xuất suy sụp và cả nền kinh tế bị phá hoại nghiêm trọng, tình hình sản xuất công nghiệp có chuyển biến tốt, thì nền kinh tế cũng nhúc nhắc dần lên. Năm 1970 và năm 1971, do Mao Trạch Đông phân tích tình hình thế giới sai lầm, không thực tế, nhận định rằng chiến tranh thế giới có thể bùng nổ bất cứ lúc nào, trên cơ sở đó, việc chỉ đạo kinh tế, sản xuất lại thêm một lần tăng tốc, mù quáng chạy theo chỉ tiêu cao, tốc độ cao, quy mô xây dựng cơ bản quá lớn, tạo thành "ba đột phá" trong cán bộ công nhân viên chức là tổng số biên chế, tổng mức lương, sức tiêu dùng lương thực, và phát hành tiền tệ. Lại chính là Chu Ân Lai đã phát hiện kịp thời, lại phải ra sức xoay chuyển muôn vàn khó khăn do việc đó đem lại. Nên năm 1972, tổng giá trị sản lượng nông nghiệp mới tăng lên được chút đỉnh.

Đặng Tiểu Bình đã trở lại chức vụ Phó Thủ tướng, nhưng Thủ tướng Chu Ân Lai lại lâm bệnh nặng phải nghỉ việc. Công việc của Quốc vụ viện, đặc biệt là công việc kinh tế, lúc này chủ yếu giao cho Đặng Tiểu Bình và Lý Tiên Niệm nắm giữ. Khi đó, bằng mọi nỗ lực của Chu Ân Lai, kinh tế đã bắt đầu được khôi phục, nhưng thực tế là đã bị Cách mạng Văn hóa phá hoại quá nặng nề, nặng nề đến mức khó có thể đứng dậy được. Năm 1972, tuy nền kinh tế đã có được những chuyển biến tốt, nhưng tổng số công nhân viên chức, tổng mức lương và số lương thực tiêu thụ, vẫn là "ba đột phá" còn đang tiếp tục phát triển. Những việc cần làm thực sự còn quá nhiều. Vừa trở lại Bắc Kinh, Đặng Tiểu Bình như bị rơi vào một hoàn cảnh xa lạ. Làm việc ra sao, xử lý các mối quan hệ nhân sự như thế nào, rất cần phải có một quá trình làm quen và phân tích. Sau khi nhậm chức, ông vùi đầu vào công việc, nhưng giải quyết công việc ông vẫn còn rất e dè. Chỉ có một việc ông hết sức quan tâm, đó là tình hình bệnh tật và sự chữa trị của Thủ tướng Chu Ân Lai. Mà về chuyện này, Chu Ân Lai và phu nhân của ông là Đặng Dĩnh Siêu lại tin tưởng đặc biệt vào Đặng Tiểu Bình.

Được sự ủy thác của Chu Ân Lai, sáng ngày 9/6 Đặng Dĩnh Siêu đến thôn

Hoa Viên để thăm vợ chồng cậu em Đặng Tiểu Bình, đồng thời báo cho họ biết tình hình bệnh tật của ông. Bệnh tình của Thủ tướng đã gần như vô phương. Nghe bà chị nói vậy, tất cả mọi người đều hết sức lo ngại. Là một trợ thủ của Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình không thể khoanh tay đứng nhìn, mà phải giúp Chu Ân Lai một tay, để hoạn nạn cùng chia.

Đại hội khóa 10 của Đảng, kiên trì đường lối Cách mạng Văn hóa

Tháng 4/1969, Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập họp Đại hội Đại biểu toàn quốc khóa chín. Trong đại hội lần này có hai "thành quả" lớn. Thứ nhất là thông qua sửa chữa điều lệ Đảng để khẳng định đường lối cực tả của phong trào Đại Cách mạng Văn hóa. Thứ hai là thông qua việc thay đổi nhân sự để xác định địa vị chính trị của một tốp lớn nhân vật có thế lực trong Đại Cách mạng Văn hóa, đặc biệt là xác định chính thức Lâm Bưu là người kế cận của Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông nhận định rằng, trên cơ sở triệu tập một "đại hội đoàn kết", một "đại hội thắng lợi" như thế, thì nhiệm vụ lịch sử vĩ đại của Cách mạng Văn hóa đã thành công tốt đẹp, huy hoàng. Ông ta không ngờ rằng, từ đó về sau lại nảy sinh ra rất nhiều sự kiện không ai ngờ tới. Lại càng không ngờ rằng, Lâm Bưu có âm mưu đảo chính, cuối cùng đã tự diệt vong. Cách Đại hội 9 chỉ có bốn năm ngắn ngủi, trong số 21 ủy viên Bộ Chính trị do đại hội lần thứ nhất của khóa 9 chọn ra, đã có tới 7 người trở thành thành viên đầu não và cốt cán của tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu. Bộ Chính trị lúc này chỉ còn lại mười ba người, giảm đến một phần ba định mức, khó có thể tiến hành công tác bình thường được. Đồng thời, việc Lâm Bưu tự diệt đã làm cho chiếc ghế của người kế cận bị bỏ trống, khiến cho người ta không khỏi hoài nghi Đại hội 9 cũng như tính chính xác của đường lối Cách mạng Văn hóa. Trước tình hình đó, Mao Trạch Đông cho rằng, bắt buộc phải triệu tập đại hội đại biểu toàn đảng trước thời hạn, để giải quyết cái "di chứng" nổi danh của Lâm Bưu.

Để chuẩn bị cho việc triệu tập Đại hội 10, ngày 20 đến ngày 31/5/1973, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành hội nghị công tác tại Bắc Kinh. Hội nghị quyết định triệu tập sớm đại hội đại biểu khóa 10 toàn quốc của đảng, đồng thời đưa ra quyết định chọn ba đại biểu mới cho Đại hội 10, ba người này tham gia hội nghị của Bộ Chính trị và tham gia công tác của Bộ Chính trị, đó là Hoa Quốc Phong[74] được điều từ tỉnh Hồ Nam về, Vương Hồng Văn[75] được điều từ Thượng Hải lên, và Ngô Đức, lúc đó đang là Bí thư thứ nhất Thành ủy Bắc Kinh.

Quyết định giao cho Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên khởi thảo báo cáo

chính trị và những văn kiện trọng yếu cho đại hội 10. Giao cho Vương Hồng Văn phụ trách, chủ trì công việc sửa đổi điều lệ Đảng. Trong hội nghị này còn có một thành quả tích cực là, theo ý kiến của Mao Trạch Đông, tuyên bố giải phóng cho Đàm Chấn Lâm, Lý Tỉnh Tuyền, Ô Lan Phu v.v… một danh sách gồm 13 vị cán bộ lão thành.

Đặng Tiểu Bình tham gia hội nghị này với danh nghĩa là Phó Thủ tướng. Trong thời gian họp hội nghị, Chu Ân Lai đã trịnh trọng nói với những người có mặt tại hội nghị về văn kiện của Trung ương khôi phục chức vụ cho Đặng Tiểu Bình, là văn kiện mang tính biểu tượng rất lớn, đối với điều đó, tuyệt đại đa số đồng chí đều rất tán thành.

Sau ba tháng gấp rút chuẩn bị, đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa 10 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bắt đầu họp từ ngày 24 đến ngày 28/8/1973.

Hội nghị có ba nghị trình:

- Thứ nhất, Chu Ân Lai đại diện cho Ban Chấp hành Trung ương đọc báo cáo chính trị.

- Thứ hai: Vương Hồng Văn, đại diện cho Ban Chấp hành Trung ương đọc báo cáo về sửa đổi điều lệ Đảng.

- Thứ ba: bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa 10. Đại hội thông qua báo cáo chính trị khóa 10 do Trương Xuân Kiều khởi thảo và do Mao Trạch Đông thẩm duyệt.

Báo cáo lại vẫn sai lầm dẫm vào vết xe đổ của Đại hội 9, thêm một lần nữa, khẳng định sai lầm “tả khuynh” lấy Mao Trạch Đông làm đại diện mà không cho phép ai được nghi ngờ. Hội nghị thông qua điều lệ Đảng. So với điều lệ Đảng của Đại hội 9 thì ngoài việc sổ toẹt nội dung Lâm Bưu làm người kế cận, cơ bản vẫn là kế thừa nội dung điều lệ Đảng của Đại hội 9. Đại hội bầu ra Ban chấp hành khóa 10. So với Đại hội 9 thì đường lối tổ chức của đại hội 10 cũng chẳng có gì thay đổi nhiều, mà lại có thêm nhiều hơn những nhân vật cơ hội và phái tạo phản theo đuổi Cách mạng Văn hóa ở Trung ương vào Ban Chấp hành Trung ương. Có điều đáng mừng duy nhất là có một số cán bộ cũ đã bị đánh đổ trong phong trào Cách mạng Văn hóa nay đã được chọn vào Ban chấp hành. Trong đó có Đặng Tiểu Bình, Vương Giá Tường, Ô Lan Phu, Lý Tỉnh Tuyền, Đàm Chấn Lâm, Liêu Thừa Chí, Lý Bảo Hoa, Tan Cơ Vĩ, Dương Dũng, Vương Tranh v.v…

Ngày 30/8, đại hội lần thứ nhất của khóa 10 được triệu tập. Đại hội đã bầu ra

cơ cấu của Trung ương.

Chủ tịch đảng: Mao Trạch Đông.

Phó Chủ tịch đảng: Chu Ân Lai, Vương Hồng Văn, Khang Sinh, Diệp Kiếm Anh, Lý Đức Sinh.

Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương: Mao Trạch Đông, Vương Hồng Văn, Vi Quốc Thanh, Diệp Kiếm Anh, Lưu Bá Thừa, Giang Thanh, Chu Đức, Hứa Thế Hữu, Hoa Quốc Phong, Kỷ Đăng Khuê, Ngô Đức, Uông Đông Hưng, Trần Vĩnh Quý, Trần Tích Liên, Lý Tiên Niệm, Lý Đức Sinh, Trương Xuân Kiều, Chu Ân Lai, Khang Sinh, Diêu Văn Nguyên, Đổng Tất Vũ.

Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương: Ngô Quế Hiền, Tô Chấn Hoa, Nghê Chí Phúc, Trại Phúc Đỉnh, Ngải Tắc Tư.

Ban Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương: Mao Trạch Đông, Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Chu Đức, Lý Đức Sinh, Trương Xuân Kiều, Chu Ân Lai, Khang Sinh, Đổng Tất Vũ.

Phân tích danh sách trên, tuy trong Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương, Ban Thường vụ Bộ Chính trị tuy có tăng thêm một số lượng nhất định những đồng chí cũ, nhưng thế lực của Cách mạng Văn hóa Trung ương do Giang Thanh cầm đầu lại được tăng cường mạnh mẽ. Trong đó có kẻ cầm đầu phái tạo phản ở Thượng Hải là Vương Hồng Văn, và nhà âm mưu Khang Sinh lại trở thành Phó Chủ tịch đảng. Còn cái túi mưu trí chủ chốt của Cách mạng Văn hóa Trung ương là Trương Xuân Kiều lại trở Thành ủy viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị. Trong toàn bộ cơ cấu của Trung ương, đã hình thành hai mặt trận lớn, mà một bên là các đồng chí lão thành lấy Chu Ân Lai làm đại biểu, và một bên là thế lực Cách mạng Văn hóa lấy Giang Thanh làm đại biểu.

Trong việc thay đổi nhân sự kỳ này, sáng giá nhất phải nói tới Vương Hồng Văn. Vương Hồng Văn vốn là cán sự bảo vệ trong một xí nghiệp ở Thượng Hải, bỗng nhanh chóng trở thành kẻ cầm đầu “tổng công ty” phái tạo phản lớn nhất Thượng Hải, đã từng một tay tạo ra “Sự kiện Thượng Sài” với cuộc võ đấu đại quy mô ở Thượng Hải, đánh chết và làm bị thương vô số người, vì thế mà rất nổi danh. Sau đó, Vương Hồng Văn như một kẻ phất to, rùng mình biến hóa, trở thành người lãnh đạo của Ủy ban Cách mạng của thành phố Thượng Hải.

Sau sự kiện Lâm Bưu, vấn đề người kế cận của đảng bỗng thay đổi đột ngột. Tâm tình của Mao Trạch Đông lúc này rất rối ren. Người kế cận, chọn cũng

không được, mà không chọn cũng không xong. Suy đi tính lại mãi, Mao Trạch Đông đã chọn ra được một biện pháp chiết trung, bằng cách chọn một người trẻ tuổi nhất đưa vào hàng ngũ lãnh đạo, nhưng không chỉ định rõ người kế cận nữa. Như vậy có thể vừa sử dụng vừa quan sát. Mao Trạch Đông đã chọn Vương Hồng Văn. Mao Trạch Đông cho rằng, Vương Hồng Văn đã từng làm nông, làm công và làm binh, lại được đào tạo ra trong Cách mạng Văn hóa, có thể kế thừa và kiên trì đường lối Cách mạng Văn hóa. Việc kế thừa và kiên trì đường lối Cách mạng Văn hóa này, đối với Mao Trạch Đông vô cùng quan trọng.

Về sau này, Mao Trạch Đông đã từng nói, trong cả cuộc đời ông ta, có làm được hai việc, một là đánh thắng Tưởng Giới Thạch và quân Nhật Bản xâm lược, chiếm Bắc Kinh, còn việc thứ hai là phát động phong trào Đại Cách mạng Văn hóa. Đối với Mao Trạch Đông mà nói: Cách mạng Văn hóa là không thể phủ nhận được, vấn đề lớn này dùng để đánh giá công tích lịch sử có liên quan đến cả cuộc đời ông ta. Tuyển chọn người kế cận, điệu kiện đầu tiên phải là trung thành với ông ta và với đường lối "cách mạng" này của ông ta. Với suy nghĩ như thế của Mao Trạch Đông, Vương Hồng Văn một kẻ vô tài vô đức, một kẻ mới phất lên từ phong trào tạo phản, đã nhảy vọt vào tầng lớp lãnh đạo cao nhất của đảng, với chức Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc, chỉ đứng dưới Chu Ân Lai.

Để phò trợ cho ông "Trạng nguyên tân khoa" này, Mao Trạch Đông đặc biệt sắp xếp cho Vương Hồng Văn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương đọc báo cáo về sửa đổi điều lệ Đảng. Do đó mà nhân vật tạo phản mới phất lên này, trong phút chốc bỗng đường mây rộng mở, khỉ lên làm người.

Thực lực nghiêng ngửa của Vương Hồng Văn làm cho thế lực tập đoàn Giang Thanh tăng cường lên rất lớn. Đến đây trong nội bộ đảng đã hình thành một tập đoàn "bốn tên" bao gồm Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên.

Sau Đại hội 10, Diệp Kiếm Anh đề nghị với Mao Trạch Đông để Đặng Tiểu Bình kiêm chức trong quân ủy và tham gia vào công việc của Bộ Chính trị.

Khóa 10 đã họp xong, tập đoàn Lâm Bưu cũng đã bị xử lý hoàn tất, điều lệ Đảng cũng đã sửa đổi, nhân sự cũng đã xếp đặt đâu vào đấy, vậy mà trong lòng Mao Trạch Đông vẫn cứ áy náy không yên.

Sự kiện Lâm Bưu quả là một chùy nặng nện vào ông ta. Cũng có thể nói rằng, sự kiện Lâm Bưu đã làm nảy sinh ra quá nhiều vấn đề.

Trước hết là vấn đề người kế cận, tuy đã đề bạt Vương Hồng Văn rồi, nhưng vẫn chưa chính thức chụp cho hắn được cái mũ danh nghĩa kế cận. Tuy đã khôi phục công tác cho Đặng Tiểu Bình, nhưng đối với những cán bộ bị hạ bệ trong Cách mạng Văn hóa ấy cuối cùng thì sử dụng đến mức độ này vẫn đòi hỏi phải xem xét quan sát thật sít sao. Còn một vấn đề tối ư quan trọng nữa là vấn đề đánh giá Đại Cách mạng Văn hóa ra làm sao. Lâm Bưu ngã đài đã đưa vấn đề này tăng lên đến mức độ vô cùng trọng yếu.

Muốn tiếp tục đường lối Cách mạng Văn hóa, cần phải tiếp tục đấu tranh, tiếp tục phê phán, cần tiếp tục phê phán cái được gọi là tư tưởng "hữu khuynh" vì nó không phù hợp với tư tưởng sai lầm "tả khuynh" của Mao Trạch Đông. Trước và sau Đại hội 10, cùng lúc với việc phê phán Lâm Bưu, Mao Trạch Đông lại đề xuất ra việc phê phán học thuyết nho gia của cụ Khổng Phu tử từ hai nghìn năm trước, rồi từ đó phát triển lên thành một phong trào mới mang tính toàn quốc là "phê phán Lâm Bưu, phê phán Khổng Tử". Bọn Cách mạng Văn hóa Trung ương liền mượn gió bẻ măng, căn cứ vào đó, dấy lên một trận cuồng phong sóng cả. Tháng 10, Giang Thanh phát động phong trào giáo dục ở trường đại học Thanh Hoa, trường đại học Bắc Kinh, một phong trào được gọi là "phản kích bọn hữu khuynh ngóc dậy". Ngọn gió xuân uốn nắn những cách làm cực tả, giải phóng các cán bộ cũ vừa đi qua, thì ngọn gió thu phê phán, đầy tính chết chóc, đã lại xộc tới.

Sau khi cha tôi trở lại Quốc vụ viện, lập tức lao vào công việc thường ngày, và bắt đầu giải quyết những công tác ngoại vụ và tiếp khách nước ngoài.

Ngày 29/9/1973, công cuộc bang giao giữa Trung Quốc và Nhật Bản được tròn một năm. Đại sứ Nhật Bản, Okawa Hisiro tổ chức lễ kỷ niệm ở đại sứ quán Nhật Bản. Đặng Tiểu Bình vừa được phục hồi không lâu đã tới dự lễ với danh nghĩa Phó Thủ tướng. Việc Đặng Tiểu Bình có mặt, đã gây sự chú ý cũng như hứng khởi cho tất cả mọi người. Khi đó một quan chức của Bộ ngoại giao Nhật Bản là Kunihiro Tokugen cũng tham gia lễ kỷ niệm này. Ông vốn cho rằng trải qua những cuộc thăng trầm của vụ hạ bệ, dung nhan của Đặng Tiểu Bình hẳn phải "mệt" lắm. Nhưng lại chẳng ngờ rằng thần sắc ông vẫn tốt, thậm chí còn rắn rỏi khỏe mạnh. Đặng Tiểu Bình còn ghi lưu niệm vào sổ vàng. Đại sứ Okawa được chứng kiến cái giờ phút lịch sử ấy, cho đến tận bây giờ vẫn còn ghi nhớ rõ.

Tháng 10, cha tôi đi thị sát công tác ở Vũ Cương. Cha tôi rất quan tâm đến công trình máy cán thép 1,7m mới đưa vào sử dụng mà đích thân Thủ tướng Chu Ân Lai cũng rất quan tâm. Thấy được những thiết bị kỹ thuật tiên tiến và nhiệt

tình rất cao của công nhân, ông phấn khởi nói: “Tốt! Lại một chiến dịch Hoài Hải nữa đây, tương lai sẽ có 10 triệu tấn thép”.

Từ ngày 10 đến 14/10/1973, Thủ tướng Canada, Trudeau, đến thăm Trung Quốc, cha tôi với danh nghĩa Phó Thủ tướng, đưa khách đi thăm viếng Quế Lâm. Sau khi tiễn khách ra về, cha tôi quay về Hồ Nam, đến Thiều Sơn thăm cố cư của Mao Trạch Đông…

Mặc dù bị đối xử oan uổng không công bằng trong Cách mạng Văn hóa nhưng trong lòng cha tôi đối với Mao Trạch Đông, trước sau vẫn rất kính trọng. Lòng kính trọng này, chẳng phải là sự phục tùng nông cạn, cũng không phải sự sùng bái mù quáng, lại càng không phải kiểu phụ họa xu thời phụ thế. Tình cảm của ông đối với Mao Trạch Đông là xuất phát từ đáy lòng, chân thực, nhận thức về Mao Trạch Đông, bao giờ ông cũng có phân tích cùng với sự tỉnh táo. Vào đầu những năm 30, vì quan điểm của cha tôi nhất trí với quan điểm của Mao Trạch Đông, nên đã bị khiển trách sai lầm là kẻ cầm đầu phái Mao, trong những năm chiến tranh cách mạng trường kỳ ông vẫn luôn luôn chiến đấu dưới quyền chỉ huy của Mao Trạch Đông, tin phục một cách thực lòng vào sự sáng suốt và vĩ đại của Mao Trạch Đông. Trong thời kỳ xây dựng đất nước, cha tôi cũng được Mao Trạch Đông trọng dụng, được giao nhiệm vụ Tổng Bí thư, và là một trong những người lãnh đạo tuyến một của Trung ương Đảng. Có thể nói rằng trong những năm theo đuổi làm cách mạng, ông luôn luôn là một cấp dưới trung thành và đắc lực của Mao Trạch Đông. Những chiến sĩ lão thành cách mạng cùng lứa với cha tôi đều theo Mao Trạch Đông, cùng chiến đấu để vượt qua con đường dài dằng dặc mười năm. Đối với khí tiết siêu nhân, gan dạ, mưu lược và vĩ đại của Mao Trạch Đông, họ đều một lòng thán phục. Về sau này, trong nhận thức, cách làm và tư tưởng xây dựng xã hội chủ nghĩa như thế nào, thì cha tôi cùng một số cán bộ cao cấp của đảng bắt đầu có những sự bất đồng ở những mức độ khác nhau, để rồi cuối cùng bị Mao Trạch Đông hãm hại một cách sai lầm, oan uổng. Đối với tư tưởng và biện pháp ngày càng tả khuynh trong những năm cuối đời của Mao Trạch Đông, đặc biệt là việc ông ta phát động Cách mạng Văn hóa với sai lầm ngập trời, thì thái độ phản đối của cha tôi rất rõ ràng và kiên định, ông muốn dùng những cố gắng của mình để uốn nắn những sai lầm, lệnh lạc đó, mặc dù không hoàn toàn hài lòng với những sai lầm và biện pháp của Mao Trạch Đông, nhưng sự kính trọng của cha tôi đối với Mao Trạch Đông chưa bao giờ thay đổi. Cần nhớ rằng, sự kính trọng đó là xuất phát tự đáy lòng. Tình cảm đó không phải một sớm một chiều mà có được. Nó đã được thể nghiệm và tích lũy qua những năm tháng, đối với cha tôi mà nói Mao Trạch Đông là một vĩ nhân, là

lãnh tụ, vừa là người thân thiết nhưng lại là một bậc huynh trưởng bậc trên. Thái độ của cha tôi đối với Mao Trạch Đông có thể tóm lại trong hai chữ: kính trọng. Kính trọng nhưng không lựa ý, nói hùa. Lòng kính trọng này là thực lòng, còn tính khí không lựa ý nói hùa thì không bao giờ thay đổi.

Đến Thiều Sơn kỳ này cũng là mong mỏi đã lâu của cha tôi. Ông nói: "Năm 1965 đã định đi, nhưng rồi công kia việc nọ, không đi được. Năm 1966, lại định đi, nhưng cuối cùng vẫn không thành". Đến lần này, cha tôi chân thành và tỉ mỉ chiêm ngưỡng sự bày biện sắp xếp nơi cố cư ấy. Khi nhìn thấy di ảnh của Mao Trạch Đàm, em trai Mao Trạch Đông, cha tôi cảm khái nói: "Mao Trạch Đàm là một đồng chí tốt". Vào những năm 30, cha tôi và Mao Trạch Đàm đã cùng bị khốn khổ vì cùng bị vướng vào đường lối "tả khuynh", chỉ ít lâu sau, Mao Trạch Đàm đã anh dũng hy sinh ở chiến trường, năm đó mới 19 tuổi. Khi nhìn thấy di ảnh của Mao Trạch Dân, em trai thứ của Mao Trạch Đông, cha tôi nói: "Tôi có quen biết Mao Trạch Đàm, tôi còn quen cả vợ ông là Tiền Hy Quân. Ông hy sinh năm 1943". Cả gia đình Mao Trạch Đông, trong cuộc chiến đấu cho cách mạng, đã hy sinh tất cả sáu người thân. Với cách mạng, có thể gọi là cả nhà trung liệt. Tham quan cố cư của Mao Trạch Đông, không ai là không xúc động. Mao Trạch Đông, ba chữ ấy không chỉ tượng trưng cho sự thành bại của một cá nhân, mà nó bao hàm cả lịch trình của Đảng Cộng sản Trung Quốc, của sự nghiệp cách mạng Trung Quốc và cả sự nghiệp xây dựng đất nước Trung Quốc mới, bất kể nó huy hoàng sáng lạn, hay gian nan gập ghềnh.

Khi cha tôi mau chóng nắm bắt lại tình hình ở Quốc vụ viện và vùi đầu vào việc giải quyết những công việc trăm đầu nghìn mối, vào tháng 11/1973 đã xảy ra một việc không sao ngờ tới được.

Muốn biết nguyên nhân của sự việc, cần phải đi ngược thời gian về năm 1971. Mao Trạch Đông đưa ra quyết định khôi phục quan hệ hai nước Trung - Mỹ. Tháng 7 năm đó, Chu Ân Lai bí mật tiếp Kitsinggiơ, cố vấn an ninh nhà nước của tổng thống Mỹ Níchxơn, sau đó đưa ra một bản tin làm chấn động dư luận thế giới, công bố: tổng thống Mỹ Níchxơn sẽ thăm Trung Quốc vào năm 1972.

Kể từ năm 1949, từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thì Mỹ vẫn viện trợ cho Quốc Dân đảng, Đài Loan và duy trì chính sách ngoại giao chống cộng, nên hai nước Trung - Mỹ vẫn nằm trong trạng thái đối địch.

Tháng 2/1972, tổng thống Mỹ Níchxơn thăm Trung Quốc, làm cho quan hệ Trung - Mỹ bị đứt đoạn 20 năm được nối lại. Thành quả về mặt ngoại giao làm

rung chuyển cả thế giới này là một thành công huy hoàng về chính sách ngoại giao với tầm nhìn xa có chiến lược quốc tế của Mao Trạch Đông, đồng thời cũng là sự thể hiện hoàn chỉnh nhất về nghệ thuật ngoại giao thuần thục và kinh nghiệm ngoại giao phong phú của Chu Ân Lai. Mao Trạch Đông chỉ huy hoạch định, còn Chu Ân Lai lại thanh thoát thực hiện, hai cái đó phối hợp với nhau hết sức hoàn chỉnh đã dựng nên được một cột mốc vòi vọi trong lịch sử ngoại giao Trung Quốc.

Tháng 11/1973, tiến sĩ Kitsinggiơ thăm Trung Quốc. Chu Ân Lai mở cuộc hội đàm với Kitsinggiơ. Cuộc thảo luận vô cùng gay go, kéo dài đến gần sáng. Sau cuộc hội đàm đó, Chu Ân Lai đi nghỉ một chút, để sáng hôm sau lại bước tiếp vào cuộc hội đàm còn dang dở, đồng thời tiễn Kissinggiơ ra sân bay về nước. Sau khi tiễn khách trở về, Chu Ân Lai đến nơi ở của Mao Trạch Đông chuẩn bị báo cáo lại nhưng Mao Trạch Đông vẫn còn đang ngủ. Sau này Mao Trạch Đông cho rằng, Chu Ân Lai không chịu báo cáo ngay với ông ta việc đó, và cho rằng trong cuộc hội đàm đó có sai lầm, nên đùng đùng nổi giận, bảo cần phải triệu tập Bộ Chính trị họp ngay để phê bình. Trong tình hình đó, Trung ương quyết định triệu tập hội nghị Bộ Chính trị mở rộng để tiến hành phê bình Chu Ân Lai.

Cũng khi đó, Chu Ân Lai vừa bị đại tiện ra rất nhiều máu, nên phải xin nghỉ vào nằm bệnh viện, hơn nữa quá mệt mỏi ôm bệnh chiến đấu với Kissinggiơ suốt cả một đêm ròng. Thực ra thành quả của cuộc hội đàm là rất lớn, khiến ngay cả Mao Trạch Đông cũng vô cùng phấn khởi, nên chẳng còn nghĩ tới cuộc phê phán mà nguyên nhân lại "nằm ngoài ý muốn" kia nữa.

Chu Ân Lai lại không thể ôm bệnh đến chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng đó để nghe mọi người phê phán mình. Trong hội nghị, mọi người không thể không làm theo yêu cầu của Mao Trạch Đông phê bình Chu Ân Lai, và Chu Ân Lai cũng tiến hành tự phê bình. Nhưng Giang Thanh và Trương Xuân Kiều lại nghĩ rằng, thời cơ "lật đổ Chu Ân Lai" đã tới, nên muốn nhân cơ hội này đánh đổ Chu Ân Lai. Họ phê phán Chu Ân Lai bằng những lời lẽ miệt thị, vu khống. Giang Thanh bịa chuyện giật gân nói rằng, đây là "đấu tranh về đường lối lần thứ 11" tiếp tục sự kiện Lâm Bưu, vu cáo Chu Ân Lai tiếm quyền thay chức của Mao Trạch Đông mà "không kịp đợi chờ". Với bệnh nặng trên người, Chu Ân Lai ngồi nghe những lời vu cáo độc địa, tuy trong lòng ông vô cùng tức giận, nhưng lại giữ thái độ im lặng để đối phó lại. Trong thời gian hội họp, Mao Trạch Đông đã hỏi Vương Hải Dung[76] và Đường Văn Sinh,[77] người đến báo cáo tình hình hội nghị với ông ta: "Đặng Tiểu Bình đã phát biểu gì chưa?" Mao

Trạch Đông cần nắm bắt tình hình và thái độ của Đặng Tiểu Bình.

Đặng Tiểu Bình vừa được phục hồi công tác, ngay đến cả thành viên Bộ Chính trị cũng chưa phải, nên chỉ mang thân phận của một người đến dự. Trong hội nghị, ông im lặng, không nói gì. Sau khi tất cả mọi người đã phát biểu ý kiến của mình, đến một hai ngày cuối cùng, ông mới nói. Việc đầu tiên, ông không thể không làm đúng theo yêu cầu của Mao Trạch Đông đối với tất của những người tham dự là phải phê bình Chu Ân Lai. Sau mấy câu rào đón ban đầu cho đúng thủ tục ấy, ông mới chuyển mũi nhọn trong lời nói của mình, ông nói về việc nên nhìn nhận hình, thế chiến lược quốc tế như thế nào. Ông phân tích tình thế chiến lược quốc tế trước mắt, ông phân tích mối quan hệ chiến lược đan xen rất phức tạp giữa Trung - Mỹ, Trung - Xô, Mỹ -Xô, rồi ông nói đến việc nên nhìn nhận mối quan hệ quốc tế, cũng như mối quan hệ giữa nước này với nước khác như thế nào, không thể bằng vào một lần đàm phán và một số câu nói nào đó mà phán định được, vấn đề then chốt là nhìn vào tình thế lớn của đại cục. Ông cho rằng căn cứ vào tình hình trước mắt bảo rằng phải có chiến tranh thì tất cả đều chưa chuẩn bị đầy đủ. Đặc biệt là hai bên Mỹ - Xô cũng chưa chuẩn bị đủ. Nhưng nếu như có chiến tranh thật, điều đó cũng chẳng có gì đáng sợ, trước đây chỉ có ăn kê với khẩu súng trường còn đánh bại được quân Nhật xâm lược, bây giờ cũng chỉ lại ăn kê với súng trường cũng sẽ đánh thắng. Đặng Tiểu Bình đã không nói thì thôi, khi đã nói, sẽ nói thật dài, mà chỉ bàn bạc, luận đàm về góc độ chiến lược quốc tế. Khi ông phát biểu ý kiến, mạch tư tưởng của ông đã vượt rất xa so với ý chỉ của Mao Trạch Đông phê bình Chu Ân Lai.

Khi Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh báo cáo lại những lời của Đặng Tiểu Bình với Mao Trạch Đông, Mao Trạch Đông cả mừng mà rằng: “Tôi biết Đặng Tiểu Bình sẽ phát biểu ý kiến mới, không cần phải giục giã Đặng Tiểu Bình cũng sẽ nói”. Trong lúc cao hứng, Mao Trạch Đông liền hỏi có ai biết chỗ ở của Đặng Tiểu Bình ở đâu, thì tìm ngay ông ấy cho mình. Tuy lúc đó đêm đã khuya lắm, không kịp đi tìm kiếm Đặng Tiểu Bình nữa, những với sự việc này đã chứng tỏ rằng Mao Trạch Đông đã theo dõi, quan sát rất sát sao. Mà mục đích của cuộc theo dõi quan sát này là muốn giao một trọng trách nặng nề cho Đặng Tiểu Bình.

Ngày 9/12/1973, Mao Trạch Đông tiếp khách nước ngoài, có chuyện trò với Chu Ân Lai, Vương Hồng Văn và một số người khác. Đối với hội nghị phê bình Chu Ân Lai, ông ta tự nói trước: “Cuộc họp ấy tiến hành rất thành công, rất tốt”. Tiếp đó ông ta phê bình Giang Thanh và những kẻ ăn theo: “Có người nói sai hai câu. Câu thứ nhất bảo rằng đây là đấu tranh về đường lối lần thứ 11 thực ra

không nên, nói như thế, mà thực tế cũng không phải như thế. Một câu bảo rằng, Thủ tướng không kịp chờ đợi, Thủ tướng không phải là không kịp chờ đợi, chính người ấy (chỉ Giang Thanh) mới là người không kịp đợi chờ". Trước đó, ngày 25/11/1973, Mao Trạch Đông đã bút phục vào một lá thư từ bên ngoài gửi lời phê bình Giang Thanh: "Có một số nội dung tốt, cần phải cho phép được phê bình". Về thực tế, bút phê đó cũng là một lời phê bình Giang Thanh.

Sự kiện phê bình Chu Ân Lai thế là kết thúc; đối với Chu Ân Lai, Mao Trạch Đông không rời bỏ ông được mà cũng chẳng bao giờ hài lòng về ông. Thực chất ông ta thấy tư tưởng của Chu Ân Lai quá hữu không thể tương đồng với ông ta được. Ông ta cần phải phê bình Chu Ân Lai, nhưng sẽ không bao giờ hạ bệ Chu Ân Lai. Việc phê bình của Mao Trạch Đông đối với Giang Thanh và một số người khác khiến cho tập đoàn Giang Thanh bối rối và thất vọng trong việc định lật đổ Chu Ân Lai.

Vào Quân ủy, Bộ Chính trị

Tháng 2/1973, cha tôi trở lại Bắc Kinh, tháng 3 phục hồi công tác Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, thấm thoắt đã mười tháng trôi qua.

Trong khoảng thời gian này, gia đình nhà tôi cũng đã yên ổn trở lại. Đặng Lâm đã được điều về Hội Mỹ thuật Bắc Kinh làm đúng với công việc của mình, và đã làm lễ thành hôn với anh Ngô Kiến Thường, nhân viên nghiên cứu của Viện nghiên cứu kim loại màu. Đến đó, việc hôn nhân của ba cô con gái đều đã hoàn tất, cha mẹ tôi rất hài lòng. Phác Phương vẫn tiếp tục điều trị trong bệnh viện 301. Đặng Nam được phân công về làm việc tại Viện nghiên cứu tự động hóa. Tôi và Phi Phi chuyển về Bắc Kinh học tiếp, tôi học trong khoa điều trị của học viện Y khoa Bắc Kinh, còn Phi Phi vào học khoa vật lý của trường đại học Bắc Kinh.

Sau khi cha tôi được khôi phục công tác, việc đầu tiên là điều người thư ký cũ Vương Thụy Lâm từ trường cải tạo cán bộ của Văn phòng Trung ương ở Giang Tây trở lại Bắc Kinh, và lại làm việc bên ông. Về sau còn tiếp tục điều nốt những nhân viên cũ như cảnh vệ Trương Bảo Trung, người phục vụ cũ Đặng Hình Quân, thêm vào đó người phục vụ cũ là Ngô Hồng Tuấn từ Giang Tây về, hầu như tất cả những nhân viên cũ đều đã trở về đầy đủ.

Quý báu nhất trong nhà vẫn là cô cháu gái Miên Miên. Cha tôi thường hay chỉ vào mấy chị em chúng tôi nói: “Bây giờ đã có cháu gái đây thì các cô các cậu ra rìa hết!” làm cho chúng tôi đâm ghen tị. Bà tôi vì đã có “tứ đại” nên được tấn phong lên chức cụ. Bà thường hay bế ẵm Miên Miên và nựng: “Cháu tôi bé nhất nhà đây”. Xưa nay cụ chăm trẻ mát tay nổi tiếng, và phương châm nuôi trẻ trước kia của cụ là:

Muốn cho con trẻ ấm thân
Đói đói, rét rét, ba phần mới ngoan.

Như vậy có nghĩa là, cơm không nên cho trẻ ăn quá nhiều, quần áo không nên cho con trẻ mặc quá ấm, có như vậy con trẻ mới được khỏe mạnh. Nhưng có lẽ bây giờ tuổi tác bà đã cao, bà đã trừ bỏ phương pháp nuôi trẻ tương đối là khoa học kia đi mất. Bữa cơm bà ních cho Miên Miên ăn thật đẫy. Thực ra chẳng phải là ních mà còn có thể gọi là nhồi nhét nữa kia. Kết quả là Miên Miên vừa to vừa tròn, cổ chân cổ tay đều thành ngấn, thành vòng, thịt nổi lên thành múi. Còn mẹ tôi lại vẫn giữ nguyên “thói” cũ, việc gì cũng phải theo phương pháp khoa học.

Bảo rằng phải thêm can xi, thì mẹ tôi đặt cháu vào một chiếc xe đẩy bằng trúc, ngày ngày đẩy xe ra sân tắm nắng. Chỉ trong một mùa hè, Miên Miên trở thành đen nhẻm đen nhèm. Mẹ tôi lại nói, muốn cho tóc sau này mọc tốt, cần phải cạo hết tóc máu. Kết quả là cô bé kháu khỉnh bỗng nhiên có một cái đầu trọc tròn thu lu, vừa trơn, vừa đen, vừa bóng, trông chẳng khác gì ông Lý Quỳ đen. Cha tôi bây giờ rất bận, nhưng cứ mỗi sáng sớm khi trở dậy, là ông liền đi thăm cháu gái, chẳng khác gì một nghi thức cung đình đi yết kiến nhà vua vậy.

Ở thôn Hoa Viên, nguyên gia đình chúng tôi chỉ ở một nửa ngôi nhà. Nhưng số nhân khẩu trong nhà lại quá đông, quá chật chội, Ban đầu cục quản lý nhà nước chỉ cho phép chúng tôi tạm thời ở nhờ sang phần nhà bên kia vào những chiều thứ bảy, khi nhà tập trung đông quá, trải chăn đệm ra nằm đất, sau này khi cha tôi đã phục hồi công tác Phó Thủ tướng, cục quản lý nhà nước mới dứt khoát để cả ngôi nhà đó cho gia đình tôi ở. Như thế là được rộng rãi ra nhiều. Khi mới trở về Bắc Kinh, cả khu đó mới chỉ có một mình nhà tôi ở. Sau này khi Lý Tỉnh Tuyền được giải phóng, gia đình ông cũng dọn về đấy, ở ngôi nhà trước mặt nhà chúng tôi; gia đình ông cũng rất đông, hai gia đình chúng tôi vốn đã quen thuộc từ lâu, người lớn, trẻ con vẫn thường tới nhà nhau chơi bời, nên sân nhà ở thôn Hoa Viên bây giờ trở nên ồn ào tấp nập hẳn lên. Những ngôi nhà ở thôn Hoa Viên này vốn xây đựng dành cho các ông lãnh đạo mới đến ở. Nhưng chẳng ngờ rằng, những ông “lãnh đạo” mới chưa ai kịp đến, thì đã phải nhường cho những người cán bộ cũ “thất cơ lỡ vận” vào thay thế, kể ra đó cũng là một thứ chuyện vui.

Đến tháng 12/1973, sau một quãng thời gian theo dõi, quan sát, Mao Trạch Đông đã quyết định trọng dụng Đặng Tiểu Bình ở mức độ cao hơn.

Từ ngày 12 đến ngày 22/12/1973, Mao Trạch Đông liên tục chủ trì hội nghị Bộ Chính trị. Trong hội nghị, Mao Trạch Đông đã rút kinh nghiệm của bài học Lâm Bưu, nên đã đặt quân đội dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của đảng, và đưa ra đề nghị điều động Bộ Tư lệnh của đại quân khu 8. Cũng trong hội nghị này, Mao Trạch Đông lại đề nghị đưa Đặng Tiểu Bình vào giữ trách nhiệm trong Ủy ban quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương), và đảm nhiệm chức vụ trong Ban Thường vụ Bộ Chính trị…

Ngày 12/12/1973, Mao Trạch Đông nói trong hội nghị rằng: “Tôi và đồng chí Diệp Kiếm Anh mời đồng chí Đặng Tiểu Bình tham gia Quân ủy, làm quân ủy viên”. Lại nói: “Đặng Tiểu Bình có phải là Ủy viên Bộ Chính trị hay không, sau này sẽ được truy nhận trong báo cáo chính trị tại hội nghị toàn thể lần thứ hai,

khóa 10”. Ông ta lại phê phán: “Trước đây Bộ Chính trị không bàn tới việc chính trị, quân ủy không bàn tới việc quân sự, việc không bàn như vậy sau này phải sửa”.

Ngày 14/12/1973, Mao Trạch Đông lại nói trong hội nghị: “Bây giờ phải mời một quân sư, đó là Đặng Tiểu Bình. Phải ra một thông báo: ông làm ủy viên Bộ Chính trị, làm ủy viên Quân ủy. Bộ Chính trị quản lý toàn bộ: đảng, chính, quân, dân, học, rồi đông, tây, nam, bắc, trung. Tôi nghĩ phải thêm một bí thư trưởng cho Bộ Chính trị. Ông (chỉ Đặng Tiểu Bình) không cần cái danh hiệu ấy, mà ông phải làm Tham mưu trưởng kia”.

Ngày 15/12/1973, Mao Trạch Đông có cuộc gặp gỡ với các ủy viên Bộ Chính trị và các Tư lệnh viên của các đại quân khu trong thư viện của ông ta. Mao Trạch Đông nói: “Chúng ta sẽ mời một vị Tham mưu trưởng (chỉ Đặng Tiểu Bình). Ông này, có người sợ ông ấy, nhưng làm việc lại tương đối quyết đoán. Ông ấy lăn lộn từng trải. Cấp trên của các ông là do tôi mời, Bộ Chính trị mời, chứ chẳng phải chỉ do một mình tôi đâu”. Mao Trạch Đông quay người lại nói với Đặng Tiểu Bình: “Còn ông, người ta có hơi sợ ông. Tôi tặng ông hai câu này:

Trong bông có kim.
Trong mềm có rắn.
Bề ngoài ông nên hòa một tý, bên trong thì gang thép công tâm. Khuyết điểm ngày xưa, dần dần sửa”.

Ngày 18/12/1973, Chu Ân Lai chủ trì hội nghị Bộ Chính trị. Ông truyền đạt ý kiến của Mao Trạch Đông về vấn đề điều động Tư lệnh các đại quân khu. Hội nghị Bộ Chính trị tán thành ý kiến đề nghị của Mao Trạch Đông để Đặng Tiểu Bình nhận chức vụ ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Quân ủy Trung ương.

Ngày 21/12/1973, trong bài nói chuyện của mình khi đến tham dự hội nghị của Quân ủy Trung ương, Mao Trạch Đông có nói: “Chu Đức là ‘Tư lệnh Đỏ’. Tôi thấy có sai lầm đối với đồng chí Hạ Long. Tôi xin chịu trách nhiệm. Còn lật lại án ư? Thì vụ Dương, Dư, Phó[78] cũng cần phải lật lại, tất cả lỗi lầm đều là do Lâm Bưu. Tôi chỉ nghe một phía Lâm Bưu nên tôi đã phạm sai lầm. Đặng Tiểu Bình bảo rằng, khi ở Thượng Hải, La Thụy Khanh bị tấn công đột ngột, ông không tán thành. Tôi cũng thấy đúng như vậy. Đây cũng lại là do tôi nghe lời Lâm Bưu, nên mới đả kích La Thụy Khanh như thế”.

Ngày 22/12/1973, Trung ương căn cứ vào ý kiến đó của Mao Trạch Đông,

đích thân Chu Ân Lai cầm bút, thay mặt Trung ương viết một thông báo, cho công bố: Đặng Tiểu Bình đảm nhiệm chức trách của một Ủy viên Bộ Chính trị tham gia công tác lãnh đạo Trung ương, đợi đến đại hội toàn thể lần thứ hai của khóa 10 sẽ truy nhận. Đặng Tiểu Bình là ủy viên Ủy ban quân sự Trung ương, tham gia công tác lãnh đạo của Quân ủy. Cùng ngày, công bố việc điều động Tư lệnh viên của đại quân khu 8.

Sau hội nghị này, cha tôi không những đã khôi phục được chức vụ Ủy viên Bộ Chính trị. mà còn vào cả Quân ủy Trung ương, tham gia công tác lãnh đạo của Quân ủy. Sự sắp xếp đó nằm rất xa ngoài ý thức của mọi người. Để cho Đặng Tiểu Bình vào Quốc vụ viện giúp Chu Ân Lai giải quyết việc nhà nước, kể cả công tác về mặt ngoại giao, thì cũng còn là điều mà người ta nghĩ tới được. Bởi vì trước Cách mạng Văn hóa Đặng Tiểu Bình vốn đã là Phó Thủ tướng Quốc vụ viên. Nhưng để Đặng Tiểu Bình tham gia vào công tác quân ủy là điều không ai nghĩ tới. Dù rằng trước khi giải phóng Đặng Tiểu Bình đã làm việc lâu dài trong bộ đội, cũng đã từng có chiến công, nhưng từ sau giải phóng lại chỉ chù yếu là làm việc ở Trung ương Đảng và Quốc vụ viện, chẳng có chức vụ thực sự nào trong quân đội, tuy cũng đã từng nhậm chức Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng song thực chất vẫn chỉ là danh nghĩa. Vậy mà bây giờ Mao Trạch Đông lại giao cho Đặng Tiểu Bình tham gia quản cả chính trị lẫn quân sự. Như vậy là đã tạo ra một cục diện mới về chính trị: công tác của Quốc vụ viện do Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình chủ trì, công tác quân đội đo Diệp Kiếm Anh và Đặng Tiểu Bình chủ trì. Với thành phần ấy, số cán bộ cũ do Chu Ân Lai đứng đầu đã tạo thành một sức mạnh hết sức lớn.

Vương Hồng Văn tuy được đề bạt lên thật đấy, đồng thời còn được Mao Trạch Đông hết lòng bồi dưỡng, nhưng cũng chỉ mới phất lên, còn lớ ngớ, chưa có thể nhúng tay vào công tác của đảng, chính quyền và quân sự được, nên càng không thể nói đến việc nắm thực quyền. Đặng Tiểu Bình tuy vừa mới được phục hồi, nhưng chỉ trong chốc lát lại có chức vụ và thực quyền trong đảng, trong chính quyền và trong quân sự. Vậy Mao Trạch Đông sẽ sắp xếp thế nào đối với vấn đề người kế cận đây?

Cần phải nhớ rằng, năm ấy - tức là năm 1973, vào ngày 26/12/1973, Mao Trạch Đông sẽ vào tuổi thượng thọ 80. Người tuổi 70 xưa nay hiếm, huống hồ đây đã bước vào tuổi 80. Sau sự kiện Lâm Bưu, Mao Trạch Đông đã ngã một trận ốm to, tình trạng sức khỏe không còn được như trước nữa. Ông ta cũng cần thu xếp việc hậu sự của mình, nhưng cũng thực khó có thể sắp xếp được. Trong tình trạng bên tả bên hữu trùng trùng những tình trạng gay go, nên ông ta đem

chia quyền hành ra: để cho Vương Hồng Văn, người có thể thừa kế được đường lối của ông ta, phụ trách công tác đảng. Để cho Đặng Tiểu Bình, người có thể làm được những công việc thực tế, phụ trách mặt hành chính và quân đội. Nhưng để khống chế và "ổn định" được, ông ta không để cho bất kỳ ai nắm độc quyền về một phương diện nào đó trong cơ cấu cao nhất của đảng, ông ta đưa thêm Đặng Tiểu Bình vào để khống chế thế lực của Cách mạng Văn hóa, trong quân đội và chính phủ ông ta đưa thêm Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều v.v… để khống chế thế lực của lớp cán bộ cũ, qua sự sắp xếp như thế, Mao Trạch Đông có thể cho rằng, thế lực trên cán cân chính trị đã quân bằng đối trọng, và đã đạt được sự thăng bằng. Sắp xếp được như thế, quả đã là một sự sắp xếp công phu, và cũng là một sự sắp xếp ổn định vững vàng về căn bản. Mao Trạch Đông là một con người quá tự tin, ông ta ngỡ rằng, với sự sắp xếp đó của mình thì mọi việc "hậu sự" đều đã yên ổn, vững chãi, nhưng ông ta lại không nghĩ tới rằng, cán cân chính trị mà ông ta đã trăm lắng nghìn lo thiết kế ra chẳng cần phải chờ đến "hậu sự", mà ngay từ lúc "sinh tiền", chính mắt ông ta đã trông thay nó mất thăng bằng, chúi đi.

Bất kể rằng, hôm nay chúng ta đánh giá bình luận ra sao, nhưng nói tóm lại là từ cuối năm 1973, Mao Trạch Đông không những trọng dụng lại Đặng Tiểu Bình, mà ông ta còn trao cho Đặng Tiểu Bình gánh nặng lớn hơn và cũng nhiều quyền lực hơn. Ông ta hy vọng rằng, đến khi Chu Ân Lai không còn tiếp tục làm việc được nữa, Đặng Tiểu Bình sẽ thay thế Chu Ân Lai làm việc. Bộ máy to lớn nhà nước lúc nào cũng cần phải có người đứng máy. Có đầy đủ lý do để nhận định rằng, sau thời gian hơn bảy năm trời tiến hành Cách mạng Văn hóa, Mao Trạch Đông muốn lấy cái kết cấu chính trị mới để ổn định tình hình. Từ đáy lòng mà nói, ông ta khát vọng nhanh chóng có một cuộc "đại trị", ông ta không thích "phá" nữa và càng không muốn "đại loạn" nữa.

Loạn lạc đùng đùng trong hơn bảy năm trời, nhân dân toàn quốc đã muốn yên lành từ lâu, ngay đến cả Mao Trạch Đông cũng đã bắt đầu muốn yên lành rồi. Nhưng cây muốn lặng, mà gió chẳng muốn dừng. Những thế lực náo loạn muốn dựa vào Cách mạng Văn hóa để dấy nghiệp, lại vẫn chưa chịu bãi binh. Những con người đó cho rằng, "văn" không thể trị được quốc, cần "võ" để đánh nhau, không có loạn lạc, họ không có cơ sở để tồn tại. Hơn thế, khi Lâm Bưu đã rồi đời, bọn họ cho rằng, cơ hội đoạt quyền của mình đã tới, làm sao họ cam chịu đứng nhìn những người cán bộ cũ bị họ đánh đổ, hạ bệ, quay trở lại nắm quyền bính trong tay? Bè lũ Giang Thanh muốn tiêu diệt những người cán bộ cũ này, mà chủ yếu là người đầu đảng Chu Ân Lai. Thế là chúng mượn cớ "phê phán

Lâm Bưu, phê phán Khổng Tử" vừa bắt đầu nổ ra, nhưng cái hướng của chúng chẳng phải là phê phán Lâm Bưu, cũng chẳng phải là Khổng Tử mà lại là "Chu Công" (Chu Ân Lai - N.D).

Năm 1974 đã tới, ngày đông tháng giá, đất trời lạnh buốt, bè lũ Giang Thanh lại đang bận rộn vô cùng. Ngày 12/1/1974, Giang Thanh và Vương Hồng Văn viết thư cho Mao Trạch Đông, đề nghị cho chuyển phát những tài liệu "phê Lâm, phê Khổng" do chúng đặt điều ra. Sau khi Mao Trạch Đông phê chuẩn, ngày 18/1/1974, Trung ương cho phát tài liệu này ra toàn quốc.

Hai ngày 24 và 25/1/1974, chính vào dịp tết, Giang Thanh không xin phép Trung ương đã tự động triệu tập hai đại hội có hàng vạn người tham dự tại Cung Thể dục thể thao thủ đô để tuyên truyền, động viên việc "phê Lâm, phê Khổng". Tại đại hội, những đại tướng Cách mạng Văn hóa như Trì Quần,[79] Tạ Tĩnh Nghi lên diễn thuyết với đầy tính kích động, thả sức bợ đỡ Giang Thanh, đả kích và vu cáo những người lãnh đạo trong Quốc vụ viện và Quân ủy Trung ương. Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên cũng nhân cơ hội chõ vào những lời ám muội, đột ngột công kích cả những người tham gia hội nghị là Chu Ân Lai và Diệp Kiếm Anh.

Sau hai hội nghị phê phán đó, Giang Thanh lấy danh nghĩa cá nhân, viết thư và gửi tài liệu cho một số đơn vị quân đội, và còn phái người đến các đơn vị bộ đội xúi giục "đoạt quyền". Cùng khi đó, Giang Thanh còn viết thư, gửi tài liệu và xúi giục phê phán tới những đến vị dưới quyền mình trong Quốc vụ viện. Giang Thanh không hề có một chức vụ gì trong chính phủ và quân đội nhưng mụ muốn dùng cái công cụ phê phán để thọc tay vào chính phủ và quân đội, tạo dựng thanh thế, dễ bề phê phán Chu Ân Lai, rồi tiến thêm một bước đoạt quyền.

Tháng 2, đích thân Giang Thanh ra đề cho bọn "tay sai cung đình", "cốt cán tài năng" từ hai trường đại học Bắc Kinh và Đại học Thanh Hoa viết kịch bản "Con người Khổng Khâu (tên cúng cơm của Khổng Tử - ND) trắng trợn tùy tiện đả kích Chu Ân Lai. Ngày 10/2/1974, Giang Thanh cùng vây cánh của mụ gào thét, bảo rằng, hiện nay trong đảng có một "Nho gia to đầu, cần tập trung vào phê phán nho gia hiện đại" này.

Ngày 8/2/1974, trong một cuộc họp, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều công khai công kích quân đội, bảo rằng: "Bộ tổng tham mưu quân Giải phóng hiện nay đã hữu khuynh đến mức không thể hữu thêm được nữa, đối với Tổng cục chính trị, ta có thể đoạt quyền. Còn Tổng cục Hậu cần càng tan rã càng tốt".

Ngày 5/3/1974, Giang Thanh và Trương Xuân Kiều triệu tập một số người trong quân đội tới họp và họ kêu gào hết sức điên cuồng rằng: “Cần phải chỉnh đốn lại quân đội”, đồng thời đích thân sai người vào quân đội “phóng hỏa khai hoang”, và chiếm lấy toàn quyền lãnh đạo công tác văn hóa trong toàn quân.

Bè lũ Giang Thanh đã kích động, chuyển vận một guồng bánh xe mới, đã phá hoại nghiêm trọng tình thế vừa mới đi vào xu thế ổn định. Các phần tử băng phái lại đấu tố cán bộ cũ, lại tóm cổ vít đầu, lại hỗn chiến ở khắp mọi nơi. Rất nhiều địa phương lại bùng lên ngọn lửa “trận mạc”, sản xuất giảm xuống, công tác bỏ bễ, kinh tế lại thêm một lần bị phá hoại. Trước tình hình đó, Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh cùng một số người khác lại phải đấu tranh sống mái, sáp lá cà với thế lực nổi loạn của Cách mạng Văn hóa.

Ngày 31/1/1974, Chu Ân Lai chủ trì hội nghị Bộ Chính trị, với sự ủng hộ của Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình và một số người khác, kiên quyết khống chế trong toàn hệ thống quân đội không tiến hành làm “bốn hiện đại hóa”. Tháng 4, Quốc vụ viện lại phải ra hàng loạt văn kiện và chỉ thị để xoay chuyển việc sản xuất đang bị sa sút, ngăn chặn không để thành lập những tổ chức có tính chất tạo phản, và khống chế không để cho tình hình hỗn loạn phát triển tiếp.

Sau khi Giang Thanh triệu tập hội nghị hàng vạn người để “phê Lâm phê Khổng” khiến Diệp Kiếm Anh giận dữ, liền đưa những bài nói của Trì Quần và Tạ Tĩnh Nghi cho Mao Trạch Đông xem. Mao Trạch Đông đọc xong cũng thấy rằng cánh Giang Thanh làm thế quả là rất quá đáng, nếu như cứ để tiếp tục, mọi chuyện sẽ xé ra rất to, đó là điều mà Mao Trạch Đông hoàn toàn không thích thú gì. Bắt buộc phải uốn nắn, hạn chế Giang Thanh lại.

Ngày 15/2/1974, Mao Trạch Đông bút phê vào thư của Diệp Kiếm Anh: “Bây giờ triết học siêu hình đang ngang ngược hoành hành, rất phiến diện”. “Tiểu Tạ, Trì Quần nói năng như thế là có khuyết điểm, không nên tiếp tục như vậy nữa”. Mao Trạch Đông còn phê bình bọn họ: “Nếu có ý kiến gì, cần phải thảo luận với Bộ Chính trị, rồi in thành văn bản phát xuống dưới, cần phải lấy danh nghĩa là Trung ương chứ không nên dùng danh nghĩa cá nhân, cũng như không nên lấy danh nghĩa của tôi, tôi không hề cung cấp một tài liệu nào cả”. Mao Trạch Đông còn cắt bỏ băng ghi âm của Giang Thanh và bè cánh vốn định cho phát ra toàn quốc vào ngày 25/1/1974. Giang Thanh đòi gặp Mao Trạch Đông. Ngày 20/3/1974, Mao Trạch Đông viết thư cho Giang Thanh, phê bình rằng: “Không gặp còn hay hơn. Trước đây nhiều năm đã nói với bà rồi, nhưng có một số việc bà chẳng chịu làm theo, gặp nhiều có ích gì? Có sách Mác - Lê, có cả sách của

tôi nữa, bà chẳng chịu nghiên cứu. Tôi đang đau nặng, 81 tuổi rồi, mà vẫn chẳng tha. Bà có đặc quyền, tôi chết đi rồi, bà sẽ xoay sở ra sao? Bà là một người, việc lớn không ngó tới, việc nhỏ chuyển cho người khác. Mong bà suy nghĩ". Có thể nhận ra được rằng, đối với Giang Thanh, trong lòng Mao Trạch Đông cũng đầy những phiền não, nhưng nhiều hơn lại là sự lo lắng, tình cảm của Mao Trạch Đông đối với Giang Thanh là rất phức tạp. Trước kia, Mao Trạch Đông không cho phép Giang Thanh dính dáng tới chính trị. Nhưng khi phát động phong trào Cách mạng Văn hóa, ông ta lại sử dụng bà ta. Đối với tính xấu của Giang Thanh, Mao Trạch Đông là người hiểu rõ hơn ai hết. Nhưng dù sao, Giang Thanh cũng là vợ của ông ta, nên dù có nghìn lần giận dữ, trăm điều đáng trách, Mao Trạch Đông đối với Giang Thanh vẫn phải bảo vệ, tin cậy, coi trọng. Ông ta có thể không gặp Giang Thanh, có thể ngăn cản Giang Thanh, nhưng đối với những người trong nhà mình, trong đó có Giang Thanh, thì trong lòng ông ta bao giờ cũng có sự tin cậy, bao dung, thân thiết mà không một người ngoài nào có thể thay thế được. Cái tình cảm tin cậy, bao dung thân thiết đó với ông ta, càng vào tuổi vãn niên lại càng nồng đậm.

Sóng gió trong chuyến đi dự Hội nghị đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp Quốc

Đối với những việc mà bè cánh và Giang Thanh đã làm, Mao Trạch Đông cũng đã đưa ra những lời phê bình. Đối với những người có một chút hiểu biết, hẳn sẽ phải tự co lại, nhưng Giang Thanh và bè cánh lại nhận định rằng, bị phê bình tý chút thế, chẳng thấm gì, vì dù sao Mao Trạch Đông cũng đã già mõm mõm rồi, không còn có thể thoát ly khỏi những tin vệ sĩ Cách mạng Văn hóa ấy. Cho nên bọn chúng không những không co lại mà lại còn ngạo ngược táo tợn hơn trước. Tháng 3/1974, chúng lại thêm một lần quấy đảo.

Nguyên do của sự việc là: sau khi Trung Quốc đã khôi phục được địa vị hợp pháp của mình tại Liên hợp quốc, chính phủ Trung Quốc cần cử một phái đoàn đi dự hội nghị đặc biệt lần thứ sáu của đại hội đồng Liên hợp quốc. Lúc đó bệnh tình của Chu Ân Lai đang thêm trầm trọng, không thể đi ra nước ngoài được. Trong tình hình đó, Mao Trạch Đông đề nghị Đặng Tiểu Bình dẫn đầu đoàn đại biểu của chính phủ Trung Quốc đi dự hội nghị. Đây là lần đầu tiên những người lãnh đạo trọng yếu của chính phủ Trung Quốc đi tham dự hội nghị của đại hội đồng Liên hợp quốc sau khi khôi phục được quyền lợi hợp pháp của mình, đồng thời trong hội nghị này, Trung Quốc sẽ cho công bố rõ ràng trước toàn thế giới về chính sách ngoại giao và cương lĩnh của mình. Sở dĩ Mao Trạch Đông đề nghị đưa Đặng Tiểu Bình đi tham dự hội nghị quan trọng này là đã có suy nghĩ và tính toán kỹ lưỡng. Thứ nhất: trước Cách mạng Văn hóa, Đặng Tiểu Bình đã nhiều lần là đại biểu của đảng và chính phủ tham dự nhiều cuộc đàm phán, đấu tranh với Liên Xô và nhiều nước cộng sản khác, nên đã có một số kinh nghiệm đấu tranh ngoại giao. Thứ hai: đây là một hội nghị quốc tế quan trọng cần phải để một người, mà trong tương lai sẽ đảm nhiệm vai trò trọng yếu trên vũ đài chính trị Trung Quốc, làm đại biểu cho Trung Quốc phát biểu ý kiến trên vũ đài thế giới. Trong thâm tâm Mao Trạch Đông, sau này sẽ đưa Đặng Tiểu Bình vào thay thế cho Chu Ân Lai bệnh tật gánh vác công việc đối ngoại từ nay về sau của Trung Quốc. Việc Đặng Tiểu Bình được khôi phục công tác đã làm cho Giang Thanh quá ư bất mãn rồi. Đặng Tiểu Bình được nâng cấp cao hơn và được trọng dụng, lại càng gây cho Giang Thanh thêm buồn phiền phẫn nộ. Đi dự hội nghị đại hội đồng Liên hợp quốc, một việc "lừng danh" để có thể "xuất đầu lộ diện" trên vũ đài thế giới như thế, cũng lại trao cho Đặng Tiểu Bình, đối với Giang

Thanh là việc không sao chấp nhận được.

Hạ tuần tháng 3, Chu Ân Lai liên tục điều khiển hội nghị Bộ Chính trị mấy ngày liền, thảo luận về các báo cáo mà Bộ Ngoại giao sẽ căn cứ vào ý kiến của Mao Trạch Đông viết cho đoàn đại biểu đi dự khóa họp đặc biệt của đại hội đồng Liên hợp quốc do Đặng Tiểu Bình làm trưởng đoàn. Ở hội nghị, Giang Thanh lấy lý do "vấn đề an toàn" và "công tác quá bận rộn", công khai phản đối Đặng Tiểu Bình làm trưởng đoàn đại biểu, gây khó khăn cho Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình.

Ngày 24/3/1974, Chu Ân Lai bút phê đồng ý với bản báo cáo của Bộ Ngoại giao, đồng thời chuyển cho Mao Trạch Đông cùng những Ủy viên Bộ Chính trị có mặt ở Bắc Kinh đọc duyệt. Sau khi đọc xong, Giang Thanh vẫn một mực phản đối, đồng thời đòi Bộ Ngoại giao phải rút bản báo cáo đó về một cách hoàn toàn vô lối. Sau khi Mao Trạch Đông biết chuyện đó, liền cho người nhắn với Chu Ân Lai: "Việc Đặng Tiểu Bình đi dự họp ở đại hội đồng Liên hợp quốc là ý kiến của tôi, nếu như các đồng chí ở Bộ Chính trị không nhất trí, cũng kệ". Chu Ân Lai truyền đạt lại những ý kiến đó với các thành viên của Bộ chính trị, đồng thời đặc biệt đề nghị Vương Hồng Văn có mặt lại chỗ, truyền đạt lại ý kiến của Mao Trạch Đông với Giang Thanh, Trương Xuân Kiều và Diêu Văn Nguyên. Ngày 26/3/1974, tại hội nghị của Bộ Chính trị, tất cả mọi thành viên đều đồng ý, duy chỉ có Giang Thanh là vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, và làm ầm ĩ tại hội nghị Bộ Chính trị. Sau hội nghị, Chu Ân Lai cho Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đến báo cáo mọi việc với Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông nổi cáu. Ngày 27/3/1974, ông ta viết thư cho Giang Thanh, thái độ cực kỳ nghiêm khắc: "Giang Thanh! Việc đồng chí Đặng Tiểu Bình ra nước ngoài là ý kiến của tôi, không nên phản đối thì hay hơn. Hãy cẩn thận, đừng có phản đối những đề nghị của tôi". Ngay tối hôm đó, trong một cuộc họp, do sợ hãi sự giận dữ của Mao Trạch Đông, Giang Thanh đành phải tỏ ý đồng tình với việc đoàn đại biểu sẽ do Đặng Tiểu Bình dẫn đầu đi dự hội nghị đặc biệt của đại hội đồng Liên hợp quốc. Sau cuộc họp đó, Chu Ân Lai viết thư gửi Mao Trạch Đông: "Mọi người đã hoàn toàn nhất trí với quyết định của Chủ tịch đưa Đặng Tiểu Bình ra nước ngoài họp. Bắt đầu từ ngày 27/3/1974, đã giảm bớt công tác trong nước, để chuẩn bị cho việc đi ra nước ngoài". Đồng thời còn báo cáo: "Về vấn đề an toàn của đồng chí Đặng Tiểu Bình cùng các đồng chí khác đã tăng cường bố trí về mọi mặt. Ngày 6/4/1974 khi đoàn đại biểu rời Bắc Kinh sẽ cử hành một cuộc đưa tiễn lớn, cho thêm phần long trọng".

Trong lần đấu tranh sắp mặt đó, đã kết thúc với sự thắng lợi của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình trước sự thất bại của Giang Thanh. Đối với Chu Ân Lai mà nói, ý nghĩa của sự thắng lợi trong cuộc đấu tranh này thật khác thường. Trong những ngày tháng Cách mạng Văn hóa kéo dài suốt bảy năm trời, phải đối mặt với thế lực Đại Cách mạng Văn hóa của tập đoàn Lâm Bưu và tập đoàn Giang Thanh, Chu Ân Lai chỉ có một thân một mình chống đỡ. Ông gian khổ vùi đầu vào làm việc để làm cho nền kinh tế quốc dân không đến nỗi bị sụp đổ, ông chèo chống để xoay chuyển cục thế hỗn loạn. Ông ra sức tìm mọi cách để giải cứu cho được những đồng chí cán bộ cũ đã bị đánh đổ, hạ bệ. Ông bao quát toàn cục, nhẫn nhục gánh vác, mà vẫn luôn bị tấn công bằng những cuộc phê phán không công bằng của những kẻ thủ ác làm ông đau đớn. Ông mang trong lòng một nỗi thống khổ, khiến thể xác ông suy yếu hẳn đi. Chính cái tâm tình u uất ấy đã làm cho ông mắc bệnh hiểm nghèo, không chữa chạy nổi. Ông biết ông đang mang bệnh nặng trong người, ngày ra đi cũng đã gần kề. Được sự ủng hộ của Mao Trạch Đông, ông cố gắng tranh thủ phục hồi công tác cho hàng loạt các cán bộ lão thành trong đó có Đặng Tiểu Bình. Giờ đây, ở Trung ương, ở Quốc vụ viện, ở Quân ủy Trung ương, ông không còn đơn thương độc mã nữa, có Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm và một số người khác cùng sát vai chiến đấu. Nếu như nói, trước đây ông nhẫn nhục chịu đựng, phải quanh co để cầu toàn, thì bây giờ, hôm nay đây, ông vẫn còn phải dốc toàn lực của mình ra để kiên cường đấu tranh không thỏa hiệp với những thế lực tội ác. Ông muốn dốc toàn bộ khí lực và cả sinh mệnh mình, để tạo điều kiện thuận lợi cho các đồng chí của ông tiếp tục đấu tranh. Ông biết rằng, một khi ông không còn làm được việc gì nữa, thì đồng chí của ông cũng nhất định sẽ không chịu thỏa hiệp, không ngừng không nghỉ tiếp tục cuộc đấu tranh. Đất nước, nhân dân và đảng đã quá khốn khổ rồi, tất cả đều phải kết thúc thôi. Trách nhiệm Trời trao, những con người ấy cõng trên vai hy vọng của dân tộc, và nhận lãnh trách nhiệm ấy vì tiền đồ vận mệnh của đất nước và nhân dân: “Tôi không đi vào biển khổ, thì ai đi vào biển khổ đây? Tôi không đi vào địa ngục, thì ai đi vào địa ngục đây?” Thời khắc quyết chiến đã tới rồi, vì Tổ quốc, vì nhân dân, cho dù thịt nát xương tan, cũng không từ. Thắng lợi lần này có được cũng không phải dễ dàng gì. Đó là thắng lợi có được sau những vất vả khổ cực, bảy năm máu và lửa. Khi đưa tiễn Đặng Tiểu Bình, Chu Ân Lai đã tiến hành một nghi thức vô cùng long trọng. Ông không chỉ đưa tiễn Đặng Tiểu Bình ra nước ngoài, mà là một cuộc xuất chinh “đầy hoành tráng”, để từ nay về sau, dù trong hiểm cảnh, vẫn chiến thắng được lú lẫn cùng tội ác. Mao Trạch Đông trong lúc này cũng đã hạ quyết tâm ủng hộ Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông bây giờ cần có được sự kết thúc thắng lợi

huy hoàng, vinh dự công cuộc Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản, nhưng không tiếp tục tiến hành tạo phản nữa, không rơi vào tình trạng vô chính phủ lan tràn, và không rơi vào cục diện hỗn loạn vô trật tự. Ông ta không còn nghe những lời sàm bậy, linh tinh của Giang Thanh và bè cánh về vấn đề này nữa. Sau khi ăn mắng của Mao Trạch Đông, Giang Thanh cùng bè cánh không còn ngoác miệng gào thét mà bắt đầu co vòi lại. Trận đất bằng bỗng nổi cơn phong ba chính trị này thế là tạm thời được dẹp yên.

Khi Mao Trạch Đông đã quyết định cho Đặng Tiểu Bình dẫn đoàn đại biểu Trung Quốc đi dự hội nghị đặc biệt của đại hội đồng Liên hợp quốc, cha tôi ngoài công việc thường nhật ra, cũng đã bắt đầu làm những công việc chuẩn bị cho cuộc họp ở Liên hợp quốc. Cuộc họp đầu tiên được triệu tập họp tại nhà tôi ở thôn Hoa Viên. Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Kiều Quán Hoa hỏi: “Công tác chuẩn bị nên làm như thế nào?” Cha tôi đáp: “Quan trọng nhất là bài phát biểu đầy đủ, trọn vẹn”. Lời nói đó định rõ điều quan trọng trong chuyến đi này. Từ đó về sau, cha tôi tập trung tinh lực khởi thảo bài phát biểu tại đại hội đồng Liên hợp quốc. Ông luôn triệu tập những người có liên quan ở Bộ Ngoại giao đến đại lễ đường Nhân dân, hoặc ở một nơi nào đó, để thảo luận đi thảo luận lại từng phần của bài phát biểu. Trong quá trình soạn thảo, cha tôi nhiều lần nhấn mạnh, nhắc đi nhắc lại rằng, cần phải căn cứ vào bài diễn văn mà Mao Chủ tịch đã đọc nhiều lần về chính sách ngoại giao của Trung Quốc, cần phải căn cứ vào lý luận ba thế giới của Mao Chủ tịch để tường thuật lại tỉ mỉ với thế giới qua cuộc họp này. Cha tôi cùng những cây bút của Bộ Ngoại giao sửa chữa cân nhắc từng câu từng chữ trong bản thảo, có khi phải thảo luận với nhau về từng đoạn, từng đoạn một. Buổi trưa, cha tôi cũng như tất cả mọi người, nhận một xuất cơm trưa, ăn xong, dựa vào thành ghế nghỉ ngơi một lát, sau đó lại tiếp tục thảo luận, cân nhắc, sửa chữa. Lúc đó, cha tôi đã vào tuổi thất thập, vậy mà chẳng thấy ông mệt mỏi gì. Cần nói rằng, có được điều đó, cần phải quy công cho đời sống lao động ba năm ở Giang Tây, nó đã rèn luyện cho cha tôi có được một thân thể khỏe mạnh. Trong một cuộc họp khi thảo luận tới đoạn kết của bản thảo, cha tôi suy nghĩ rồi nói: “Theo tôi, nên thêm vào mấy câu này, đó là: ‘Trung Quốc hiện nay không xưng bá nữa, sau này cũng không làm một siêu quốc gia lớn’. Nếu như một ngày nào đó, Trung Quốc đổi màu, biến thành một siêu quốc gia lớn, và xưng vương, xưng bá trên thế giới, đi bắt nạt người ta, đi xâm lược người ta, bóc lột người ta, thì nhân dân thế giới cần phải chụp cho Trung Quốc một cái mũ đế quốc xã hội chủ nghĩa, và phải vạch trần nó ra, phản đối nó, rồi sát cánh với nhân dân Trung Quốc cùng đánh đổ nó đi”. Bản thảo bài diễn văn ở cuộc họp đại hội đồng Liên hợp quốc đã viết xong, trình Bộ Chính trị thảo luận, thông qua,

cuối cùng trình lên Mao Trạch Đông duyệt. Mao Trạch Đông bút phê trên bản thảo bài diễn văn: “Hay, tán thành”.

Trong khi Đặng Tiểu Bình đang dốc toàn lực vào việc viết, sửa diễn văn sẽ đọc trước đại hội đồng Liên hợp quốc, thì Chu Ân Lai cũng chẳng nghĩ gì đến bệnh tật của mình, đích thân đi tổ chức, sắp xếp rất chu đáo tỉ mỉ cho chuyến đi của Đặng Tiểu Bình. Ông triệu tập Bộ Ngoại giao và những người phụ trách hãng hàng không dân dụng tới họp, nghiên cứu nghi thức lễ đưa tiễn, và sự an toàn bay cho đoàn đại biểu. Ông dặn dò những người lãnh đạo hãng hàng không dân dụng: “Đồng chí Đặng Tiểu Bình là đại diện của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đi họp ở Liên hợp quốc, chúng ta phải làm tăng sự vinh quang đó lên bằng cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mở đường”. Để đảm bảo cho chuyến bay thông suốt, ông đề nghị với hãng hàng không dân dụng tổ chức hai đường bay bay thử, theo hai hướng đông, tây cùng một lúc, như vậy nhỡ có xảy ra chuyện gì, vẫn bảo đảm được chuyến bay. Khi đó đất nước Trung Quốc hoàn toàn nằm trong tình trạng đóng cửa, không có tuyến bay tới các nước phương tây, nhưng vì chuyến đi dự họp ở đại hội đồng Liên hợp quốc kỳ này của Đặng Tiểu Bình, ông đã đặc biệt phê chuẩn cho hãng hàng không dân dụng Trung Quốc xin phép mở đường bay, để có được chuyến bay rất đặc biệt này.

Ngày 6/4/1974, Đặng Tiểu Bình dẫn đầu đoàn đại biểu của Trung Quốc bay sang New York tham sự hội nghị đặc biệt của Liên hợp quốc. Chu Ân Lai không kể đến bệnh tình càng ngày càng thêm nghiêm trọng. Ông ôm bệnh ra sân bay, cùng với hàng nghìn quần chúng, long trọng làm lễ tiễn đưa Đặng Tiểu Bình. Bàn tay của một Chu Ân Lai gầy guộc với bàn tay của một Đặng Tiểu Bình quắc thước nắm chặt lấy nhau, bao nhiêu lời tâm huyết cùng sự tin tưởng đều được gửi gắm vào trong cái bắt tay chặt chẽ ấy…

Ngày 10/4/1974 tại thành phố New York đô hội nổi tiếng thế giới, tại hội trường lớn của tòa nhà trụ sở từng danh của Liên hợp quốc, Đặng Tiểu Bình, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc đại diện cho chính phủ Trung Quốc đọc diễn văn tại đại hội đặc biệt lần thứ sáu của đại hội đồng Liên hợp quốc với sự quan tâm lắng nghe của những người dự họp. Đặng Tiểu Bình đã nói với toàn thế giới cặn kẽ, đầy đủ về lý luận “ba thế giới” của Mao Trạch Đông, và chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Bài diễn văn của Đặng Tiểu Bình đã làm các nước thế giới quan tâm cao độ, đặc biệt là lý luận “ba thế giới” của Mao Trạch Đông và lời hứa Trung Quốc về vĩnh viễn không xưng hùng xưng bá, đã làm cho các nước thuộc thế giới thứ ba nhiệt liệt hưởng ứng và hoan nghênh. Khi bài diễn văn kết thúc, cả hội trường lớn của Liên hợp quốc vang lên những tràng vỗ

tay giòn giã và hồi lâu không dứt. Rất nhiều đại biểu của các nước thuộc thế giới thứ ba chạy tới nhiệt tình bắt tay đoàn đại biểu của nhân dân Trung Quốc, làm cho cả hội trường xôn xao hẳn lên. Những người đưa tin đã viết hàng loạt bài bình luận đưa tin, đánh giá đối với chính sách ngoại giao, lý luận "ba thế giới", lời hứa không xưng hùng xưng bá của Trung Quốc, đối với Đặng Tiểu Bình, người phát ngôn của Trung Quốc. Có bài bình luận viết: "Người Trung Quốc với thân hình thấp bé này, đứng lên diễn đàn của Liên hợp quốc, không chỉ là đại diện cho hình tượng nước Trung Quốc mới mà còn là "người đại diện đứng đắn nhất của Thủ tướng Chu Ân Lai".

Trong thời gian hội nghị, Đặng Tiểu Bình đã gặp gỡ rất nhiều các nhà lãnh đạo nước ngoài, trong đó cả quốc vụ khanh nước Mỹ là Kitsinggiơ. Ngày 14/4/1974, trong khách sạn Waldaw, New York, Đặng Tiểu Bình đã có cuộc hội đàm với Kitsinggiơ bàn về những vấn đề mà hai bên cùng quan tâm. Đấy là lần đầu tiên gặp mặt giữa Đặng Tiểu Bình là Kitsinggiơ. Trong vòng 15 năm về sau, họ lại gặp gỡ nhau nhiều lần và trở thành đôi bạn rất chân thành và tôn kính lẫn nhau.

Trong lần ở sang Liên hợp quốc này, đã tạo dựng cho Đặng Tiểu Bình một địa vị quan trọng của một nhà hoạt động chính trị quốc tế, cũng từ đó cái tên Đặng Tiểu Bình được cả thế giới quan tâm chú ý.

Sau khi hoàn thành sứ mạng lớn ở đại hội đồng Liên hợp quốc, đoàn đại biểu của Trung Quốc, theo đúng tuyến đi cũ, lên máy bay của hãng hàng không Pháp từ New York về Paris của nước Pháp, sau đó đổi sang máy bay hàng không dân dụng của Trung Quốc trở về nước. Khi dừng lại ở Paris, cha tôi ở trong dinh thự của đại sứ quán Trung Quốc. Hàng ngày cứ khoảng hơn sáu giờ sáng là cha tôi trở dậy, đi bách bộ trong sân khu dinh thự ấy. Cha tôi thích uống cà phê tại một quán nhỏ của nước Pháp, mà 50 năm trước, khi vừa học vừa làm ở Pháp ông vẫn thường hay tới uống, nên ông thường nhờ nhân viên sứ quán ra phố tới quán cà phê đó mua về giúp ông: Đại sứ Trung Quốc là Tăng Đào rất quan tâm tới chuyện an toàn, nên thường cử đặc sứ là Tôn Hiểu Ức, đảng ủy viên của sứ quán thân hành đi mua hàng ngày. Thế là cứ vào sáu giờ sáng mỗi ngày, Tôn Hiểu Ức xách hai cái phích to của Trung Quốc đi ra cái quán cà phê nhỏ ấy mua cà phê. Tại quán đó cứ phải đổ từng tách từng tách cho đầy hai chiếc phích to quả là một chuyện chẳng dễ dàng gì, khiến ông lão chủ quán phải cười nói rằng: "Người của các anh là một tiểu đoàn hay một trung đoàn vậy? Có một lần, khi cà phê xách được về tới nhà là lúc sắp bước vào giờ ăn sáng, nhưng Kiều Quán Hoa còn đang ngủ, cha tôi nói: "Không phải đợi ông ấy" rồi cùng mọi người ngồi vào ăn.

Tại Pháp, cha tôi đã nhờ nhân viên đại sứ quán tìm lại một địa chỉ cũ nơi những năm 20, ông cùng Chu Ân Lai và những người khác tham gia hoạt động bí mật của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Ở một nơi có tên là quảng trường Italy, trong một gian phòng nhỏ sơ sài của một nhà trọ tồi tàn, một tốp đảng viên trẻ tuổi của Đảng Cộng sản Trung Quốc do Chu Ân Lai dẫn đầu, đã sống một cuộc sống nghèo túng, cần kiệm nhưng đầy nhiệt huyết, lao vào hoạt động cách mạng, cứu dân cứu nước, dưới những cặp mắt nhòm ngó và truy lùng của quân cảnh Pháp. Năm 1926, khi cha tôi tránh được một cuộc truy lùng bắt bớ của quân cảnh Pháp, rồi rời Pháp sang Liên Xô học tập, ông không hề nghĩ rằng, vào ngày hôm nay, 48 năm sau, ông sẽ trở lại nơi đó với danh nghĩa là một nhà lãnh đạo của nước Trung Quốc mới. Do lý do bảo đảm an toàn, nên ông không tiện xuống xe. Xe tới quảng trường Italy, chạy vòng hai vòng nhưng không tìm thấy cái nhà trọ nhỏ bé nơi các ông đã từng ở ngày xưa. Cha tôi nhìn qua cửa sổ xe, nói một cách cảm khái: “Thay đổi hết cả rồi. Trước kia, tôi cùng Thủ tướng và Lý Phú Xuân hay đến cái quán cà phê ở phía đối diện ngồi uống”. Trước khi rời nước Pháp, đại sứ Tăng Đào hỏi, có định mang theo cái gì đó về nước không? Cha tôi suy nghĩ một lát rồi nhờ đại sứ mua giúp một ít bánh sừng bò và một ít pho mát của Pháp. Đại sứ nói, thế thì có khó gì. Rồi cho người đi mua về hai trăm chiếc bánh sừng bò và đủ các loại pho mát. Mang về nước cha tôi tự tay chia phần, đem bánh và pho mát biếu những lão chiến hữu đã từng cùng ông sống ở Pháp vừa học vừa làm, vừa hoạt động cách mạng như Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Nhiếp Vinh Trăn, Thái Sướng. Vào một buổi tối trước khi đoàn đại biểu về nước, tất cả tập trung ở phòng khách của tư dinh đại sứ quán. Vì nhiệm vụ đã hoàn thành rất viên mãn, nên mọi người đều rất hứng khởi và tinh thần rất thoải mái. Nhưng cha tôi ngồi trên một chiếc ghế bành, lại trầm ngâm chẳng nói gì. Khi mọi người nói chuyện về đến trong nước, cha tôi mới nói một câu: “Trở về là một cuộc ác chiến”. Tình cảm của ông đã sớm quay trở lại với đất nước rồi, trở về với một bãi chiến trường đấu tranh chính trị tàn khốc

Ngày 19/4/1974, cha tôi dẫn đầu phái đoàn tham gia hội nghị của đại hội đồng Liên hợp quốc về nước. Buổi sáng ngày hôm đó, Chu Ân Lai gửi công văn báo cáo với Mao Trạch Đông: “Đoàn đại biểu do Đặng Tiểu Bình làm trưởng đoàn, năm giờ rưỡi chiều nay sẽ về tới Bắc Kinh, lễ đón đoàn cũng sẽ tổ chức giống như lúc đưa tiễn”.

Năm giờ chiều, Chu Ân Lai lại vẫn ôm bệnh ra sân bay, tổ chức nghi thức đón tiếp cực kỳ long trọng. Ông hết sức vui mừng vì người lão chiến hữu của ông đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Cuộc đấu tranh về “tổ chức nội các” trong Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn

Để hoàn thành những điều đã được xác định trong Đại hội 9, và phương châm tiếp tục kế thừa của đại hội 10, Mao Trạch Đông quyết triệu tập đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn sắp tới. Triệu tập đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc là bước đi quan trọng sau khi Mao Trạch Đông triệu tập Đại hội Đại biểu toàn quốc của đảng. Đại hội đại biểu của đảng là hoàn thành việc sắp xếp lại tổ chức cơ cấu của đảng. Còn đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc là do hiến pháp quy định, để hoàn thành việc sắp xếp nhân sự và tổ chức của cơ cấu quốc gia. Mao Trạch Đông có ý định qua hai sự sắp xếp lớn này là để thắng lợi hoàn thành sứ mệnh “vinh quang” của Cách mạng Văn hóa. Mao Trạch Đông đề xuất: “Cuộc Đại Cách mạng Văn hóa của giai cấp vô sản đã được tám năm. Bây giờ ổn định là tốt nhất. Toàn đảng toàn quân phải đoàn kết”. Điều suy nghĩ tính toán của Mao Trạch Đông lúc này là bảo vệ thành quả của Cách mạng Văn hóa, cần phải sắp xếp lại nhân sự của đảng, của chính quyền và quân đội, cũng như cần sự ổn định, đoàn kết. Dù sao ông ta cũng đã 80 rồi, tự biết tình trạng bản thân mình như nhật nguyệt sớm chiều, mỗi ngày mỗi khác. Có lúc ông ta đã nói với người xung quanh rằng:

Tuổi tám tư, tuổi bảy ba
Diêm Vương không hẹn, tự đi tìm.

Đối với việc hậu sự của mình, dù ông ta không muốn nghĩ tới cũng vẫn cứ phải nghĩ tới.

Triệu tập đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, cần phải tiến hành sắp xếp nhân sự của cơ cấu quốc gia, đối với bè lũ Giang Thanh mà nói, đây chính là giờ phút then chốt nhất. Trong đảng, bọn họ đã vơ được chức quan cao, Vương Hồng Văn đã làm Phó Chủ tịch đảng, Trương Xuân Kiều làm Ủy viên Thường vụ, Giang Thanh là Diêu Văn Nguyên đều đã được vào Bộ Chính trị. Nhưng ỷ vào cái thế công thần Cách mạng Văn hóa, dã tâm tham vọng của chúng còn dầy, còn cần phải tiếm đoạt thêm quyền lực ở chính quyền, quân đội quốc gia. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc được triệu tập, trong con mắt họ, chính là một cơ hội lớn, tốt nhất để bọn chúng thêm một bước phân phối lại quyền lực, và cướp đoạt được những quyền lực lớn hơn. Rồi đến một ngày, khi Mao Trạch Đông không còn nữa, thiên hạ này sẽ là của họ.

Giang Thanh và bè lũ gấp gáp tham gia vào “tổ chức nội các”.

Tối ngày 6/10/1974, Giang Thanh tìm tới Chu Ân Lai để nói chuyện, đưa ra ý kiến về việc sắp xếp nhân sự trong đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, cùng với dự kiến về Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng.

Bè lũ Giang Thanh một mặt gấp gáp thò tay vào nội các, một mặt muốn đạt được mục đích là đoạt được quyền chức trong đại hội đại biểu nhân dân, cần phải đánh đổ Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Đến lúc này, bọn chúng không thể chờ đợi lâu thêm hơn được nữa.

Bè lũ Giang Thanh mượn cớ “Sự kiện tàu Phong Khánh” để gây khó khăn cho Quốc vụ viện mà đứng đầu là Chu Ân Lai, đồng thời gây rối Bộ Chính trị.

Thực ra, cái gọi là “Sự kiện tàu Phong Khánh” chẳng phải là chuyện to tát gì. Sự việc bắt đầu là thế này: Tàu Phong Khánh sau chuyến viễn dương thắng lợi trở về, có thể coi đây là một thành công của Trung Quốc trong việc tự đóng mới tàu viễn dương, đó vốn là một chuyện vui mừng. Nhưng khốn nỗi lực lượng chuyên chở viễn dương đang còn rất thiếu, nên Quốc vụ viện và Bộ Giao thông đã có quyết định cho mua một số tàu của nước ngoài cho đủ dùng. Giang Thanh và bè cánh liền túm lấy sự kiện này, lu loa lên rằng Bộ Giao thông “bán nước”, đồng thời cũng làm ầm ĩ lên rằng, “đứng đằng sau Bộ Giao thông là người của Trung ương”. Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Vương Hồng Văn vu cáo Bộ Giao thông là tôn sùng nước ngoài, là tư tưởng “chuyên chính của giai cấp tư sản mại bản”, đồng thời lôi chính ủy Lý quốc Đường, cùng một số người khác, đã không đồng ý phê phán Bộ Giao thông và Quốc vụ viện ra đàn áp, phê phán, biến nó thành sự kiện phản động chính trị.

Tối 17/10/1974, Giang Thanh và bè cánh có âm mưu làm bùng việc này lên trong hội nghị Bộ Chính trị, nêu “Sự kiện tàu Phong Khánh” thành vấn đề “sùng bái nước ngoài” và “bán nước”, ép buộc các chính viên của Bộ Chính trị phải có ý kiến ngay tại chỗ. Giang Thanh điên cuồng quấy phá Bộ Chính trị, đòi phải túm cổ kẻ đứng đằng sau “giai cấp tư sản mại bản”. Mụ khiêu khích hỏi Đặng Tiểu Bình: “Thái độ của ông đối với vấn đề này như thế nào?” Đối với sự tấn công đột ngột đó, Đặng Tiểu Bình bình thản trả lời: “Tôi đã quyết rồi”. Đồng thời tỏ ý là sẽ xem lại tài liệu này. Giang Thanh thấy Đặng Tiểu Bình dám chống đối như vậy, liền thêm một bước nữa hỏi và buộc phải bày tỏ thái độ đối với việc phê phán “triết học sùng ngoại” ra làm sao. Đặng Tiểu Bình không nén nổi giận nữa, ông nghiêm giọng nói với Giang Thanh: “Bộ Chính trị họp để thảo luận các vấn đề đều cần phải bình đẳng, không thể dùng thái độ như thế để đối xử với kẻ

khác". Đặng Tiểu Bình nói tiếp: "Một Bộ Chính trị như thế liệu còn có thể làm việc được nữa không? Bà buộc người ta phải viết ra giấy tán thành ý kiến của bà sao?" Giang Thanh lộng hành ngang ngược đã quen, vậy mà hôm nay trước mặt tất cả các thành viên Bộ Chính trị, Đặng Tiểu Bình dám nói vỗ mặt mụ như thế, khiến mụ sững người, tiếp đó mụ lại càng lu loa hơn, ầm ĩ hơn. Thấy Giang Thanh đanh đá, lưu manh như vậy, Đặng Tiểu Bình liền đứng dậy, giận dữ nghiêm khắc nói: "Vấn đề còn chưa nắm bắt được rõ ràng đã vội chụp cho người ta cái mũ to như thế, thì cuộc họp này làm sao mà tiếp tục được nữa!" Nói xong, ông lập tức bỏ hội nghị, đi ra khỏi hội trường. Sau khi Đặng Tiểu Bình đã bỏ đi, Trương Xuân Kiều lẩm bẩm nói: "Thế là Đặng Tiểu Bình chạy mất rồi!"

Giang Thanh vốn dĩ muốn làm náo động ở hội nghị Bộ Chính trị, nhưng không ngờ lại vấp phải cái đầu đinh to, cứng, nhọn. Nên ngay tối hôm đó, Giang Thanh triệu tập Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn đến phòng số 17 trên gác Điếu Ngư Đài để khẩn cấp bàn tính những âm mưu bí mật. Giang Thanh nói, Đặng Tiểu Bình dám cãi lộn như vậy là do lão ta ghét Cách mạng Văn hóa, chống đối lại Cách mạng Văn hóa. Trương Xuân Kiều nói, Đặng Tiểu Bình sở dĩ phải bỏ chạy như vậy có thể là có liên quan tới việc sắp xếp tổ chức và đề xuất Tổng Tham mưu trưởng trong đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, việc này coi như đã bùng nổ rồi. Vương Hồng Văn nói: Đặng Tiểu Bình hoàn toàn bất mãn với Đại Cách mạng Văn hóa, nên trong lòng căm tức, không ủng hộ những sự việc mới xuất hiện. Diêu Văn Nguyên lại ghi vào nhật ký như sau: "Tình hình đấu tranh có đột biến rồi. Khi hội nghị tối hôm qua kết thúc, Đặng Tiểu Bình đứng lên nhục mạ đồng chí Giang Thanh", "Đã xuất hiện không khí của hội nghị Lư Sơn". Cả bọn ngồi nghiên cứu bàn bạc đến tận nửa đêm, cuối cùng quyết định nắm chắc lấy "sự kiện" này, chọn lời, chọn ý thật chu đáo, rồi cho Vương Hồng Văn đi Trường Sa để báo cáo với Mao Trạch Đông. Ngày hôm sau, tức là ngày 18/10, Vương Hồng Văn mang danh nghĩa là Bộ Chính trị, lẻn bay về Trường Sa, ton hót với Mao Trạch Đông tội trạng của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Hắn nói: "Hiện nay đã sực nức mùi hội nghị Lư Sơn rồi". Hắn trình tấu một cách giật gân rằng: "Xuống Hồ Nam lần này, tôi không nói cho bất cứ người nào ở Bộ Chính trị biết, và cũng không báo cho Thủ tướng biết. Bốn người chúng tôi (Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều, Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên) đã họp một đêm, bàn bạc xong, cho tôi đi báo cáo. Tôi mạo hiểm tới đây". Hắn vu cáo rằng: "Ở hội nghị Bộ Chính trị, chính vì sự kiện này, mà đồng chí Giang Thanh và Đặng Tiểu Bình đã cãi nhau, cãi nhau to lắm ạ". Hắn còn nói: "Sở dĩ Đặng Tiểu Bình làm ầm ĩ lên như vậy chính là được ấp ủ bắt nguồn từ việc chọn lựa người làm Tổng tham mưu trưởng". Hắn còn cố tình, cố ý vu

cáo rằng: “Thủ tướng tuy đang chữa bệnh, nằm lì trong bệnh viện, nhưng mọi hoạt động lại rất tích cực. Suốt ngày đêm, người kéo tới chuyện trò, bàn bạc, cứ rầm rập không ngớt, những người luôn luôn tới gặp Thủ tướng là Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm v.v…”. Hắn còn bịa đặt, vu cáo: “Những con người này, sở dĩ đi lại dồn dập như vậy, là có liên quan đến việc sắp xếp nhân sự trong đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn này”. Lại nhân cơ hội diện kiến Mao Trạch Đông, Vương Hồng Văn cố tình tâng bốc Trương Xuân Kiều là một con người đầy năng lực, Diêu Văn Nguyên chịu khó nghiên cứu, đọc sách, còn đối với Giang Thanh, thật hết lời bợ đỡ, với hàm ý rất lộ liễu, thuyết phục Mao Trạch Đông đưa Giang Thanh và một số người khác vào “Tổ chức nội các”. Sau này, trong một lần thẩm vấn, Vương Hồng Văn đã tự cung khai về lần đi khiếu kiện đó: “Mục đích của chuyến đi ấy là làm thối Đặng Tiểu Bình trước mặt Mao Trạch Đông, khiến ông không được làm việc nữa, tất nhiên là không thể để Đặng Tiểu Bình làm Phó Thủ tướng thứ nhất”.

Mao Trạch Đông vốn là con người có trí tuệ chính trị rất nhạy bén. Ông ta nghe bản cáo trạng dài dằng dặc của Vương Hồng Văn mà trong lòng đoán biết hết mọi chuyện. Khi nghe xong, Mao Trạch Đông nói với Vương Hồng Văn, có ý kiến gì nên trực diện nói với nhau, còn nói như thế này là không hay, cần phải đoàn kết với đồng chí Đặng Tiểu Bình. Chính trị của đồng chí Đặng Tiểu Bình là rất mạnh, lại còn biết cả đánh trận nữa. Mao Trạch Đông còn nói với Vương Hồng Văn: “Ông về đi, cần phải tìm Thủ tướng và Diệp Kiếm Anh bàn luận thật nhiều với các ông ấy, không nên quan tâm tụ ngũ với Giang Thanh, ông phải cảnh giác với bà ấy”.

Bè lũ Giang Thanh vốn vẫn cứ tưởng rằng, Vương Hồng Văn đã được Mao Trạch Đông đưa lên địa vị cao như thế, đương nhiên đầy hy vọng được coi là người kế cận. Nên Vương Hồng Văn đi tố cáo, dứt khoát là ăn chắc. Nhưng chẳng ngờ, Mao Trạch Đông lại xổ ra một thôi một hồi những lời ngăn chặn. Cho nên chuyến đi Trường Sa ấy coi như hỏng bét, không những chẳng ăn thua gì, lại làm cho Mao Trạch Đông phải suy nghĩ thầm. Đó là việc sắp xếp nhân sự ở đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc sẽ chẳng êm ả xuôi chiều gì, mà sẽ có chuyện choảng nhau.

Kết quả của việc Vương Hồng Văn đi Trường Sa kiện cáo vào ngày 18, những người ngồi chờ ở Bắc Kinh còn chưa biết, họ đã vội vã mượn gió bẻ măng theo kiểu tiền hô hậu ủng. Cả ngày và tối 18, Giang Thanh đã hai lần cho gọi Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đến Điếu Ngư Đài là nơi ở của mụ, bàn bạc thông báo về sự kiện tàu Phong Khánh.

Vì sức khỏe suy kém, nên trong thời gian rất dài vừa qua, Mao Trạch Đông rất hạn chế việc gặp gỡ với mọi người. Ngay cả đến Giang Thanh muốn gặp Mao Trạch Đông cũng phải có thỉnh thị trước, hơn nữa cũng đã có nhiều lần đề nghị cho gặp, nhưng đều bị cự tuyệt. Vì Giang Thanh không được gặp Mao Trạch Đông nên tìm cách lợi dụng Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh. Vương Hải Dung là thân thích của Mao Trạch Đông, đang làm Thứ trưởng Bộ Ngoại giao. Đường Văn Sinh là con gái một nhà ngoại giao rất nổi tiếng là Đường Minh Chiếu, vì từ nhỏ cho đến lớn đều sống ở nước ngoài, nên có trình độ phiên dịch khá cao. Hai người này thường hay phiên dịch cho Mao Trạch Đông mỗi khi ông ta tiếp khách nước ngoài, và được Mao Trạch Đông rất quý trọng. Giang Thanh thấy mình không được đến gặp Mao Trạch Đông nên muốn dùng Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh làm "cái loa" cho mình, mỗi khi phiên dịch cho khách nước ngoài, gặp Mao Trạch Đông, để nói xấu Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình.

Giang Thanh khuếch đại lên với Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh việc mụ cãi lộn với Đặng Tiểu Bình ở hội nghị Bộ Chính trị, rồi sau đó Đặng Tiểu Bình bỏ hội nghị đi mất, khiến cho hội nghị không tiếp tục được nữa. Giang Thanh còn vu cáo nói, các đồng chí lãnh đạo ở Quốc vụ viện thường hay mượn cớ bàn công việc nhưng thực là để xâu chuỗi theo kiểu bè phái, cho nên Thủ tướng nằm bệnh viện mà vẫn rất bận rộn chứ đâu phải là nằm dưỡng bệnh. Mụ còn nói, Đặng Tiểu Bình cùng với Thủ tướng và Nguyên soái Diệp Kiệm Anh luôn luôn là một cánh vế với nhau, Thủ tướng là người giật dây ở hậu đài. Sau khi "phê phán Lâm Bưu, Khổng Tử", Trương Xuân Kiều nói với Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh rằng: vấn đề chi thu tài chính quốc gia và mậu dịch đối ngoại sở dĩ chênh lệch nhau, là vì những người lãnh đạo ở Quốc vụ viện có tinh thần "sùng ngoại" nên mới như thế, và nâng thái độ của Đặng Tiểu Bình trước vấn đề "tàu Phong Khánh" y như "dòng nước ngược tháng 2". Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên muốn Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đem những chuyện đó "báo cáo" với Mao Trạch Đông. Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh bị gọi đến nói cho biết những chuyện đó, hai người cảm thấy đây là một vấn đề lớn, cho nên cho rằng trước hết phải hội ý hội báo với Chu Ân Lai trước. Ngày hôm nay, tức là ngày 19/10/1974, hai bà đã vào bệnh viện báo cáo mọi chuyện với Chu Ân Lai.

Trong ngày 19/10/1974, Chu Ân Lai đã lần lượt cho mời Hoa Quốc Phong, Kỷ Đăng Khuê, Lý Tiên Niệm và Đặng Tiểu Bình tới nói chuyện, và ông đã nắm được mọi tình hình về vấn đề "tàu Phong Khánh". Chu Ân Lai nói với Vương

Hải Dung và Đường Văn Sinh rằng, tình hình ở hội nghị Bộ Chính trị ông đã có được biết rồi, theo sự tìm hiểu của ông, sự việc nó không đúng như Giang Thanh và một số người khác nói lại, mà vấn đề là ở chỗ Giang Thanh và tất cả bốn người đã lập kế hoạch, gây sự, bắt bẻ, lật Đặng Tiểu Bình trước. Họ đã nhiều lần làm kiểu đó với đồng chí Đặng Tiểu Bình rồi, mà đồng chí Đặng Tiểu Bình vẫn nín nhịn. Nghe những lời Thủ tướng nói Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh cũng có được sự chuẩn bị sẵn trong lòng. Ngày 20/10/1974, Mao Trạch Đông tiếp Thủ tướng Đan Mạch Poul Hartling ở Trường Sa. Vì quan hệ công tác nên Đặng Tiểu Bình đã đưa khách đi Trường Sa và cùng tiếp khách.

Sau khi tiếp khách nước ngoài, Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đã căn cứ vào ý kiến của Chu Ân Lai trình bày với Mao Trạch Đông trước sau mọi chuyện đầy đủ. Nghe hai người trình bày xong, Mao Trạch Đông rất bực bội, nói rằng: “Vấn đề tàu Phong Khánh vốn là một chuyện nhỏ, hơn nữa đồng chí Tiên Niệm và một số đồng chí khác đã giải quyết rồi, làm sao Giang Thanh vẫn cứ làm ầm ĩ lên vậy”. Mao Trạch Đông chỉ thị cho Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh sau khi trở về tới Bắc Kinh, nói lại với Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn như sau: “Thủ tướng vẫn còn là Thủ tướng, công tác trù bị và sắp xếp nhân sự cho đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc phải do Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn, hai người cùng quản”. Mao Trạch Đông còn tỏ thái độ tán dương việc Đặng Tiểu Bình đã đối đầu gay gắt với Giang Thanh. Mao Trạch Đông đã chỉ thị cho Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh nói lại với Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều và Diêu Văn Nguyên rằng, họ đừng có theo đuôi Giang Thanh mà ăn nói lung tung.

Ngày 22/10/1974, sau khi Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh trở lại Bắc Kinh, truyền đạt lại với Chu Ân Lai nội dung cuộc nói chuyện với Mao Trạch Đông ở Trường Sa, Chu Ân Lai vô cùng phấn chấn. Theo chỉ thị của Mao Trạch Đông, ông bắt đầu tiến hành công tác trù bị cho đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn. Chu Ân Lai cũng đã biết rất rõ về tình trạng sức khỏe của mình rồi, ông cũng biết một cách sâu sắc rằng, ông và các chiến hữu của ông đang phải dấn thân vào một cuộc chiến một mất một còn với Giang Thanh cùng bè cánh của mụ, nên không thể kéo dài dù trong phút chốc. Với tình trạng bản thân cực kỳ mệt mỏi, ông vẫn tranh thủ làm việc từng giây từng giờ.

Ngày 25/10/1974, Chu Ân Lai và Diệp Kiếm Anh nói chuyện với nhau rất lâu. Ngày 27/10/1974, ông nói chuyện với Lý Tiên Niệm. Ngày 28, với Vương Hồng Văn. Từ ngày 1 đến 3/11/1974, ông mời tất cả những thành viên Bộ Chính trị ở Bắc Kinh, chia thành ba tốp, lần lượt tới làm việc với ông ở bệnh viện, ông

truyền đạt lại chỉ thị của Mao Trạch Đông, giải quyết "sự kiện tàu Phong Khánh". Ngoài ra, ông còn thu xếp thời gian mời Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh tới nói chuyện. Ngày 6/11/1974, Chu Ân Lai viết thư cho Mao Trạch Đông, báo cáo về tình hình trù bị và tiến triển của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn. Trong thư ông viết: danh sách đại biểu, dự thảo hiến pháp và báo cáo, báo cáo công tác của chính phủ, nói chung, trong tháng 11 sẽ hoàn tất. Danh sách nhân sự, định khoảng hạ tuần tháng 11, có thể chọn lựa được những ứng viên tương đối vừa ý, tôi tích cực ủng hộ đề nghị của Chủ tịch là để Đặng Tiểu Bình làm Phó Thủ tướng thứ nhất, và kiêm Tổng tham mưu trưởng". Ngay trong ngày hôm đó, Mao Trạch Đông đã bút phúc vào thư đó của Chu Ân Lai: đồng ý.

Cũng rạng ngày hôm đó, Chu Ân Lai nói chuyện với Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh, nhờ hai bà báo cáo lại tình hình bệnh tật và một số vấn đề khác với Mao Trạch Đông đang ở Trường Sa. Ngày 7/11/1974, sau khi Lý Tiên Niệm đưa khách nước ngoài đi Trường Sa gặp Mao Trạch Đông trở về, hai ông đã nói chuyện với nhau rất lâu. Cũng ngay tối hôm đó Chu Ân Lai nói chuyện với Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh cũng vừa từ Trường Sa trở về. Hai bà cho biết Mao Trạch Đông lại thêm một lần nữa phê bình Giang Thanh. Ngày 8/11/1974, Chu Ân Lai nói chuyện với Lý Tiên Niệm và Kỷ Đăng Khuê. Ngày 9/11/1974, nói chuyện với Vương Hồng Văn.

Đặng Tiểu Bình do bận công tác đối ngoại, chuẩn bị đưa tổng thống Yêmen, Lubai đi Trường Sa hội kiến với Mao Trạch Đông. Ngày 10/11/1974, trước khi đi Trường Sa, Đặng Tiểu Bình tới bệnh viện thăm Chu Ân Lai, hai người nói chuyện với nhau. Ngày 12/11/1974, sau khi Mao Trạch Đông tiếp khách nước ngoài xong, Đặng Tiểu Bình trình bày lại với Mao Trạch Đông về việc tranh cãi ở Bộ Chính trị ngày 17/10/1974 ông nói cả việc mình đã tranh cãi với Giang Thanh như thế nào. Mao Trạch Đông nghe xong, tỏ ý tán thành ý kiến và cách làm của Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông nói: "Bà ấy thích áp đặt người khác, tôi cũng chẳng hài lòng". Ông ta lại nói với Đặng Tiểu Bình "Ông đã thành lập một cái công ty gang thép rồi! Hay lắm!" Đặng Tiểu Bình nói: "Thực tình, tôi không thể kiên nhẫn hơn được nữa, không phải chỉ có một lần". Mao Trạch Đông nói: "Tôi tán thành ông!" Đặng Tiểu Bình nói: "Bà ấy đã làm như thế đến bảy tám lần ở Bộ Chính trị rồi", Mao Trạch Đông nói: "Thích áp đặt lên người khác, tôi cũng chẳng hài lòng". Mao Trạch Đông lấy tay chỉ vào Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh khi ấy cũng có mặt tại đó: "Hai bà này cũng chẳng hài lòng". Đặng Tiểu Bình đưa ra một ý kiến có tính khẳng định: "Điều chủ yếu là vì tôi thấy, tình hình ở Bộ Chính trị không bình thường. Cuối cùng tôi đành phải

nói chuyện phải trái với bà ấy. Công ty gang thép đối chọi với công ty gang thép". Mao Trạch Đông nói với vẻ tán thành: "Hay lắm". Đối với công tác của bản thân mình, Đặng Tiểu Bình nói hết sức thành khẩn: "Đối với công tác gần đây của tôi, Chủ tịch đã quyết định rồi, đã nói rồi, nên chẳng cần nhắc lại nữa, nhưng tôi thấy trách nhiệm có phần hơi nặng nề". Mao Trạch Đông nói với vẻ đầy tin tưởng: "Chẳng còn cách nào khác được, chỉ có mỗi một việc là gánh vác lấy thôi!" Ông ta khuyến khích Đặng Tiểu Bình cố gắng hơn, phóng tay làm việc.

Đặng Tiểu Bình vừa trở lại Bắc Kinh, Đặng Dĩnh Siêu lập tức tới gặp ông ngay, báo cho ông biết tình hình bệnh tật và sự chữa trị của Chu Ân Lai. Sau đó, Đặng Tiểu Bình tới bệnh viện, thông báo cho Chu Ân Lai biết việc nói chuyện với Mao Trạch Đông như thế nào. Sau đó, Chu Ân Lai nói chuyện với Diệp Kiếm Anh, thông báo những vấn đề và tình hình có liên quan.

Đồng thời với sự gấp rút, căng thẳng làm việc ngày đêm của Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình cùng các đồng chí khác, thì bè lũ Giang Thanh cũng chẳng chịu ngồi yên. Tuy "Sự kiện tàu Phong Khánh" đã bị Mao Trạch Đông phê bình nhiều lần, tuy đã bị Mao Trạch Đông chất vấn, bác bỏ ý đồ tổ chức nội các do mụ chủ trì, tuy Mao Trạch Đông đã khẳng định đưa Đặng Tiểu Bình vào chức vụ quan trọng hơn, nhưng bè cánh và Giang Thanh vẫn không hề biết đến sự hối cải là gì. Bởi bọn đó vẫn còn có Vương Hồng Văn đang được trọng dụng, được Mao Trạch Đông giao trách nhiệm cùng với Chu Ân Lai làm công tác trù bị cho đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, nên trong những vấn đề then chốt trong việc "tổ chức nội các", chúng vẫn còn có thể thọc tay vào xoay xở được.

Ngày 12/11/1974, Giang Thanh viết thư cho Mao Trạch Đông, chính thức đề nghị: Tạ Tĩnh Nghi làm phó Ban Thường vụ đại hội nhân dân toàn quốc, Trì Quần làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Mao Viễn Tân, Trì Quần, Tạ Tĩnh Nghi v.v… đưa vào Bộ Chính trị, để bồi dưỡng làm người kế cận. Trong thư Giang Thanh làm ra vẻ ta là người sắp xếp tổ chức nội các. Ngay ngày hôm đó, Mao Trạch Đông nhận được thư, và cũng trả lời ngay trong ngày hôm đó, dứt khoát cự tuyệt những lời đề nghị của Giang Thanh: "Chớ nên xuất hiện nhiều. Chớ nên phê văn kiện. Chớ nên nhúng tay vào việc sắp xếp nội các (làm chủ đứng ở hậu đài). Bà gây thù thuốc oán đã nhiều, cần phải đoàn kết với đa số. Nay có lời dặn dò". Sau khi viết những dòng đó, Mao Trạch Đông còn cảm thấy chưa hết lời, nên viết thêm: "Tái bút, con người, quý là ở chỗ biết mình".

Ngày 19/11/1974, Giang Thanh dưới danh nghĩa là "kiểm điểm", viết thư cho

Mao Trạch Đông, nói nào là “những sự việc quái gở ấy, nhìn lại mà thấy giật mình”. Rồi lại nói: “Từ Đại hội 9 đến nay, về cơ bản là ngồi không, chẳng được phân cho một công tác nào, nên rất bối rối”. Giang Thanh làm điệu bộ, uốn éo, làm nũng, đòi Mao Trạch Đông phải thăng quan tiến chức cho mình. Thấy Giang Thanh vẫn ngoan cố, ngày 20/11/1974, Mao Trạch Đông lại viết thư phê bình Giang Thanh: “Chức vụ của bà là nghiên cứu động thái trong và ngoài nước, như vậy đã là một nhiệm vụ quá lớn rồi. Chuyện này tôi đã nói với bà nhiều lần rồi, không nên nói là không có việc làm. Nay có lời dặn dò”. Giang Thanh đã gác những lời can ngăn của Mao Trạch Đông ra ngoài tai, coi như cơn gió thoảng, nên đã cho gọi Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh tới, yêu cầu họ truyền đạt tới Mao Trạch Đông những ý kiến về việc sắp xếp nhân sự của mình, tức là đặt Vương Hồng Văn vào chức vụ phó Ban Thường vụ đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, đứng ngay đằng sau Chu Đức và Đổng Tất Vũ.

Khi nghe được “ý kiến” của Giang Thanh, Mao Trạch Đông nói ngay với Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh: “Giang Thanh đã lầm, bà ấy muốn Vương Hồng Văn làm trưởng Ban Thường vụ đại hội nhân dân toàn quốc, còn bà ấy sẽ đích thân làm chủ tịch đảng”. Mao Trạch Đông cho Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh nói lại với Chu Ân Lai: Ban Thường vụ đại hội đại biểu nhân dân thì sau Chu Đức, Đổng Tất Vũ sẽ là Tống Khánh Linh.[80] Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, Lý Tiên Niệm v.v… là Phó Thủ tướng Quốc vụ viện. Còn những người khác tùy Chu Ân Lai sắp xếp. Theo chỉ thị của Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, quyết định Đặng Tiểu Bình chủ trì việc khởi thảo “Báo cáo công tác của chính phủ” và sẽ do Chu Ân Lai đọc tại đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn.

Hạ tuần tháng 11, đã thành lập một tổ viết báo cáo, và bắt tay vào làm việc khởi thảo báo cáo. “Báo cáo công tác của chính phủ” sẽ do Chu Ân Lai đứng đọc tại hội trường, nhưng tình hình sức khỏe của ông rất kém, nếu viết dài quá, chắc chắn Chu Ân Lai sẽ không chịu đựng nổi. Muốn để cho Chu Ân Lai hoàn thành được trách nhiệm nặng nề đọc báo cáo công tác của chính phủ được thông đồng bén giọt trước mấy nghìn đại biểu dự đại hội, nên Đặng Tiểu Bình đã đề nghị và được Mao Trạch Đông đồng ý, bản báo cáo công tác của chính phủ hạn định trong vòng năm nghìn chữ. Đại hội khóa bốn lần này, cách đại hội khóa ba lần trước đã mười năm, có biết bao nhiêu công việc và bao nhiêu vấn đề cần phải đưa vào “Báo cáo công tác của chính phủ” nhưng lại hạn chế trong vòng năm nghìn chữ, biết viết làm sao! Cái khó đó không làm rối trí Đặng Tiểu Bình. Năm nghìn chữ đó, không những phải viết được, mà còn phải viết cho đủ và hay. “Bản

báo cáo công tác của chính phủ" phải trở thành một cột mốc quang vinh trong cuộc đời hơn 20 năm làm cách mạng và hơn 20 năm giữ chức Thủ tướng của Chu Ân Lai. Đặng Tiểu Bình đích thân chia làm ba đoạn, mỗi đoạn một nghìn mấy trăm chữ. Nội dung nhắc tới toàn là những nội dung thực tế, những phần phụ, có thể giảm được bao nhiêu, sẽ cố giảm bớt bấy nhiêu. Nhiều năm sau cha tôi nhớ lại việc này, mà vẫn vô cùng cảm động: "Bài nói của Thủ tướng là do chính tôi viết ra, không được vượt quá năm nghìn chữ. Sức khỏe của Thủ tướng kém như thế, viết dài ông đọc không nổi. Hồi đó, tôi vẫn thường hay đến gặp Thủ tướng".

Công tác trù bị đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, rất căng thẳng và rất vất vả, Chu Ân Lai nằm ở bệnh viện mà không ngừng tìm người này người khác tới bàn bạc và nghiên cứu các vấn đề. Triệu tập họp đại hội đại biểu nhân dân, cần phải làm rất nhiều công việc to lớn để tổ chức hội nghị, có các loại báo cáo cần phải viết, điều quan trọng hơn cả là việc chọn lựa ra Ban Thường vụ của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, chọn ra Quốc vụ viện và tất cả các thành viên của cơ cấu tổ chức trực thuộc. Chu Ân Lai đã phải dùng tới nghị lực lớn nhất của mình, chịu đựng sự dày vò của bệnh tật, kiên trì làm việc và đấu tranh trong một hoàn cảnh vô cùng gian nan, đốt lên ngọn lửa cuối cùng của cuộc đời mình. Ông đã thực sự quá mệt mỏi rồi. Ngày 25/11/1974, khi gặp gỡ đoàn của tiến sĩ Kitsinggiơ, Chu Ân Lai sau khi nói rõ về bệnh tình của mình, ông nói thầm: "Lần đàm phán này với các ngài, sẽ do Phó Thủ tướng Đặng Tiểu Bình và Bộ trưởng ngoại giao Kiều Quán Hoa đại diện cho chính phủ, còn tôi, cho tôi có được một cơ hội nghỉ ngơi". Đặng Tiểu Bình nhận lấy trách nhiệm nặng nề của Chu Ân Lai trao cho mà không có người nào khác thay thế được. Ông thay thế Chu Ân Lai, thực hiện một cách trung thành sứ mệnh lịch sử của công tác đối ngoại của chính phủ Trung Quốc.

Trong khi thay thế Chu Ân Lai chủ trì những công việc thường nhật của Quốc vụ viện, và chủ trì việc khởi thảo "Báo cáo công tác của chính phủ, cha tôi thường xuyên tới chỗ Chu Ân Lai để bàn bạc về công việc. Ngày 17/12/1974, cha tôi đưa tổng thống nước Cộng hòa Zaia, Môngbáctô, đi gặp Mao Trạch Đông ở tỉnh xa. Tháng 12 năm đó chúng tôi dọn nhà, từ thôn Hoa Viên ngoại thành vào phố Rộng ở nội thành. Cha tôi được Mao Trạch Đông đưa lên làm Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng, do đó việc cung cấp đã được đưa từ cục quản lý hành chính của Quốc vụ viện sang cục quản lý của bộ tổng tham mưu. Vào lúc đó thôn Hoa Viên được coi là nơi xa xôi thuộc vùng ngoại thành, hàng ngày vào nội thành làm việc rất không tiện, cho nên cần phải vào ở trong

nội thành, cục quản lý của bộ tổng tham mưu bắt đầu đi tìm nhà cho gia đình tôi. Khi đó mẹ tôi đưa chúng tôi đi xem qua mấy ngôi nhà, nhưng đều chẳng thấy thích thú lắm. Cuối cùng thấy ở ngã tư phố Rộng, góc tây bắc cổ một khu nhà cũ, được xây dựng theo kiểu tứ hợp,[81] nhưng gần đây mới được tu sửa lại. Khi sửa xong trước đây, đã có một vị phó tổng tham mưu ở bộ tổng tham mưu đến xem, chê là quá "tồi tàn" nên bỏ, không nhận. Cũng lại đã có một vị phó Tổng Tham mưu trưởng vừa được giải phóng, đến xem, lại bảo là quá rộng, không dám nhận. Khi chúng tôi đến xem thấy nhà cửa cũng tàng tàng, không mới không cũ, nhiều phòng, rất hợp với gia đình nhà tôi. Đây là những tâm trạng khác nhau vì phải trải qua những cuộc sống không giống nhau trong Cách mạng Văn hóa. Tháng 12, chúng tôi dọn về nhà mới. Cả nhà lại bận túi bụi bao nhiêu ngày.

Một khu nhà tứ hợp nằm ở giữa phố Rộng. Tất cả những nhà tứ hợp bao giờ ở giữa cũng có một sân chung. Bốn ngôi nhà với cái sân vuông vức, nhưng trống tềnh trống toàng, không có một cái cây một ngọn cỏ nào. Trời nổi gió là bụi bốc lên mù mịt. Cha tôi rất thích trồng cây, trồng hoa, trồng cỏ. Ngôi nhà cũ của chúng tôi ở Trung Nam Hải cũng là ngôi nhà tứ hợp cổ kính. Chúng tôi đã từng trồng ở đó rất nhiều cây cối cùng hoa thảo. Mùa xuân có hoa nghênh xuân, hải đường, hoa anh đào, mùa hè có hoa thái bình, hoa nguyệt quý, hoa ngọc châm, mùa thu có cúc vàng, cúc trắng, mùa đông còn những cây tùng, cây bách. Khi chúng tôi dọn nhà đến phố Rộng đó, tuy là giữa ngày đông tháng giá, cha mẹ tôi đã bàn kế hoạch và ngay cả chúng tôi cũng bàn bạc với nhau, vào đầu mùa xuân sang năm, chúng tôi sẽ lại làm đúng như hồi ở Trung Nam Hải, trồng cây, trồng hoa, trồng cỏ trong sân, ngoài những chỗ dành ra làm đường đi lại, còn lại sẽ xanh hóa hết, mảnh sân nhà chúng tôi sẽ tươi đẹp lên ngay thôi.

Sau khi dọn nhà về phố Rộng, chúng tôi cũng đã từng nghĩ rằng, trong bao nhiêu năm nay cứ dọn đi dọn lại mãi, lần này mới coi là yên ổn được. Cha tôi cũng rất hài lòng, nói: "Có thể dưỡng lão ở đây được rồi". Nhưng thật chẳng ngờ, trong những năm tháng đầy phong ba về sau này, chúng tôi còn phải dọn nhà, mà phải dọn nhà nhiều lần là khác.

Ý vị sâu xa của Đại hội Đại biểu Nhân dân khóa IV

Một cuộc ác chiến

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ từ đại hội đồng Liên hợp quốc trở về, cha tôi thay thế Chu Ân Lai gánh vác phần lớn công việc đối ngoại. Rất nhiều quan khách quan trọng nước ngoài tới Trung Quốc, cha tôi đều cùng với Chu Ân Lai đưa đi tiếp kiến Mao Trạch Đông, vì thế mà có được nhiều dịp tiếp xúc với Người. Ngày 11/5/1974, Mao Trạch Đông hội kiến với Thủ tướng Pakistan, Butrôt. Chu Ân Lai, Vương Hồng Văn, Đặng Tiểu Bình có tham dự. Ngày 18/5/1974, Mao Trạch Đông tiếp giáo chủ Makariu, tổng thống Síp, Chu Ân Lai, Vương Hồng Văn và Đặng Tiểu Bình cùng dự. Ngày 25/5/1974, Mao Trạch Đông tiếp nguyên Thủ tướng nước Anh Heath. Chu Ân Lai, Vương Hồng Văn, Đặng Tiểu Bình cùng có mặt.

Từ mấy cuộc tiếp khách trên đây có thể thấy được rằng, Mao Trạch Đông cố ý để cho Vương Hồng Văn, người mới được sử dụng, và Đặng Tiểu Bình người mới được khôi phục có tham gia hoạt động ngoại giao. Để họ tham gia những hoạt động đó, một mặt có thể bồi dưỡng cho Vương Hồng Văn, vốn không có một chút kinh nghiệm nào về ngoại giao, mặt khác lại có thể trực tiếp và thêm một bước giám sát, quan sát Đặng Tiểu Bình. Trong lòng Mao Trạch Đông thực sự mong muốn Vương Hồng Văn và Đặng Tiểu Bình phối hợp với nhau để tạo ra một tổ chức công tác mới.

Cha tôi trở lại Bắc Kinh vừa trọn một năm. Trong một năm đó, ông đã tiếp nhận từ Chu Ân Lai một số công việc thường ngày ở Quốc vụ viện, và một số công việc ngoại giao, và cũng đã giao đấu không ít lần với thế lực Cách mạng Văn hóa của bè lũ Giang Thanh. Được Mao Trạch Đông ủng hộ, ông đã kiên nhẫn, nhọc nhằn không biết mỏi mệt, để làm việc…

Ngày 22/4/1974 Trung ương chuyển bản "Kế hoạch (dự thảo) kinh tế quốc dân năm 1974" của Ủy ban kế hoạch nhà nước tới Bộ Chính trị để thảo luận, sửa chữa, rồi chuyển tiếp cho Mao Trạch Đông phê duyệt. Trong bản kế hoạch kinh tế quốc dân năm 1974, có nêu ra các chỉ tiêu quan trọng. Bản kế hoạch này do Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm cùng với Chu Ân Lai chỉ đạo Ủy ban kế hoạch nhà nước hoàn thành.

Ngày 18/6/1974 Bộ Chính trị nghe Ủy ban kế hoạch nhà nước báo cáo về sản

xuất công nghiệp của đất nước hiện nay.

Ngày 26/6 đến ngày 12/7/1974, tại Bắc Kinh, Quốc vụ viện triệu tập hội nghị trù bị toàn quốc về vấn đề cơ giới hóa nông nghiệp.

Ngày 1/7/1974, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thông báo về vấn đề "Nắm cách mạng, thúc đẩy sản xuất"… Tháng 7, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông báo phục hồi cho Dương Thành Vũ, Dư Lập Kim, Phó Sủng Bích…

Trong một năm, Mao Trạch Đông vẫn chú ý quan sát Đặng Tiểu Bình. Kết quả của sự quan sát, nói ngắn gọn là đáng hài lòng. Mao Trạch Đông vui mừng nhận định rằng: quyết định của ông cho Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại là chính xác.

Trong khi đó, bệnh tình của Chu Ân Lai mỗi ngày một nặng thêm. Ba giờ chiều ngày 27/5/1974 với sự có mặt của Đặng Dĩnh Siêu, phu nhân của Chu Ân Lai, cùng với bốn vị lãnh đạo Trung ương, trong đó có Đặng Tiểu Bình, thêm một nhóm bác sĩ điều trị bàn về phương pháp chữa trị cho Chu Ân Lai.

Ngày 1/6/1974, Chu Ân Lai tạm biệt nơi cư trú đã 25 năm của ông ở sảnh Tây Hoa trong Trung Nam Hải, để vào nằm trong bệnh viện quân Giải phóng 305, và ở bệnh viện ông còn sống tiếp một năm sáu tháng cuối cùng của đời mình. Trong một năm rưỡi trời ấy chính là tháng ngày đau khổ nhất, bi tráng nhất trong đời cách mạng dài dằng dặc của ông.

Chu Ân Lai bệnh nặng, phải vào nằm bệnh viện, khiến mọi người ai ai cũng thương xót, nhưng Giang Thanh và bè lũ lại thấy mừng vui. Bởi họ đã nhiều lần liều lĩnh, bất chấp tất cả để đánh đổ Chu Ân Lai, nhưng vẫn hoàn toàn thất bại. Đến lúc này, bọn chúng lại tính toán, âm mưu, tăng cường vu cáo và phê phán Chu Ân Lai. Ngày 14/6/1974, Giang Thành công khai gào thét, không chỉ đích danh, nhưng bóng gió rất rõ ràng, rằng hiện nay trong đảng có một "Nho gia rất lớn, cần phải phê phán chính thức vào nho gia hiện đại này".

Ngày 23/4/1974, Giang Thanh đến hoạt động ở trang trại Tiểu Cận, Thiên Tân. Một mặt mụ ra sức tự tâng bốc mình, mặt khác nói cạnh khóe Chu Ân Lai, thái độ rất càn rỡ hung hăng. Mao Trạch Đông vừa mới phê bình Giang Thanh xong, tưởng rằng mụ ta sẽ co vòi lại, nhưng không ngờ lại vẫn điên rồ như cũ, Mao Trạch Đông nổi cáu lên.

Ngày 17/7/1974, Mao Trạch Đông triệu tập Bộ Chính trị đến họp ở thư viện

nơi ở, trước mặt tất cả mọi người đến dự họp, Mao Trạch Đông nghiêm khắc phê bình Giang Thanh: “Đồng chí Giang Thanh cần phải cẩn thận. Nhiều người có ý kiến với đồng chí, nhưng người ta khó nói trực diện với đồng chí nên đồng chí không biết thôi. Không nên tự động đi đến hai xí nghiệp, một là xí nghiệp gang thép, một là xí nghiệp mũ, không ai động chạm gì bỗng dưng lại đem mũ chụp lên đầu người ta. Thế là không hay, cần phải cẩn thận đấy. Hai xí nghiệp ấy chưa phải đã là hết chuyện đâu”. Mao Trạch Đông nói tiếp với những người có mặt tại đó: “Đồng chí ấy không đại diện gì cho tôi hết, đồng chí ấy là đại diện của chính đồng chí ấy thôi. Bản thân đồng chí ấy là một mà chia thành hai, một phần là tốt, còn một phần cũng là chẳng hay ho gì”.

Mao Trạch Đông lại nói với Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên và Vương Hồng Văn: “Nói tóm lại là thế này, đồng chí ấy đại diện cho chính mình. Nhưng đồng chí ấy cũng coi như thuộc tốp Thượng Hải đấy! Cho nên các đồng chí phải chú ý, đừng có tạo ra cái bè phái nhỏ bốn người”.

Sự phê bình của Mao Trạch Đông là nặng nề, nếu như thay vào đó là một người khác, có thể đã bị phê phán thậm chí bị ngã đài rồi. Nhưng người bị phê bình lại là Giang Thanh, Giang Thanh không những là vợ Mao Trạch Đông, mà trong Đại Cách mạng Văn hóa còn là “người cầm cờ”. Mụ ta biết một cách chắc chắn rằng, Mao Trạch Đông có thể phê bình, nhưng không bao giờ đánh đổ mụ. Số phận của mụ là gắn liền, gắn chặt chẽ với đường lối Cách mạng Văn hóa của Mao Trạch Đông. Cho nên sau lần bị phê bình nghiêm khắc nặng nề này, mụ vẫn đâu hoàn đấy, việc tôi tôi làm, không hề biết sợ là gì.

Ngày 22/8/1974, là ngày cha tôi đặt chân vào tuổi 70, đại thọ.

Ngày hôm đó, trong nhà tôi ở thôn Hoa Viên, tất cả mọi người trong nhà tưng bừng náo nhiệt chúc thọ cha tôi.

Khi đó, thuộc lớp tứ đại nhà tôi, ngoài bé Miên Miên ra, thì vào tháng 4 năm đó, gia đình tôi còn có thêm cậu bé Manh Manh, con chị cả Đặng Lâm. Phải nói rằng, có được chú bé Manh Manh này chẳng phải là chuyện dễ dàng gì. Đặng Lâm ốm yếu. Đẻ non, cậu bé ra chào đời chỉ có ba cân bốn lạng (1,7 kg - N.D) đến thở còn chưa biết thở. Mẹ tôi đến bệnh viện Hiệp Hòa mời chuyên gia sản khoa rất nổi tiếng Lâm Xảo Trĩ, kiểm tra lại toàn bộ cho cháu bé. Bác sĩ Lâm Xảo Trĩ cho biết: “Đứa trẻ chẳng có vấn đề gì”. Cả nhà mới yên tâm. Theo yêu cầu của bệnh viện, đứa trẻ phải nuôi trong lồng kính tròn một tháng. Mẹ tôi ngó tháng cháu, nói: “Đứa trẻ mới nhỏ bằng cái đầu đinh, còn chưa trưởng thành” đã phải ra chào đời, trông như một cái mầm mới manh nha, thôi cứ gọi là Manh

Manh được đấy. Một tháng sau tôi đón cháu bé ra khỏi bệnh viện, ôm về nhà. Ôi chao, cái thằng nhóc này đúng là chỉ to bằng cái đầu đinh thật, cả người chẳng thấy được mấy lạng thịt, cái đùi cũng chỉ to bằng ngón tay cái. Bọn tôi không có kinh nghiệm gì đối với những đứa trẻ bé như thế, nên bế cũng không dám bế. Cuối cùng lại phải nhờ đến tay cụ bà bế ẵm cho. Cụ dạy cho Đặng Lâm từng ly từng tý một, từ cách cho trẻ ăn sữa bằng bình như thế nào, rồi thay tã lót, tắm táp ra sao. Đến mùa hè, những bữa đẹp trời, cụ đặt cháu vào chiếc xe trúc, đẩy ra trước hiên nhà, cho tắm nắng. Thêm được một đứa cháu trong nhà, cha tôi càng vui. Hôm nào ông cũng dậy rất sớm, trong ánh sáng ban mai, ông đi thăm cháu, ông cầm bàn tay bé bỏng của cháu rung rung. Có được hai đứa cháu, cha tôi rất hãnh diện. Điều cha tôi thích thú là bầu không khí con cháu đầy nhà. Ông thường hay nói rằng: “Có trẻ con, trong nhà mới có sinh khí”.

Để mừng thọ cha tôi 70 tuổi, mọi người trong gia đình đều có mặt. Phác Phương từ trong bệnh viện cũng xin phép về nhà, họ hàng thân thích ở Bắc Kinh đều tới. Trong phòng khách chúng tôi bày một bàn ăn thật dài, nhà đông người, có như thế mới đủ ngồi. Lúc ăn uống mới thật là náo nhiệt, tất cả mọi người đều đứng cả dậy, nâng cốc chúc cha tôi khỏe mạnh, trường thọ. Cô bé đầu trọc lốc chưa đầy hai tuổi Miên Miên cũng chập choạng bước chân, lắc la lắc lư chiếc cốc trên tay đến chạm cốc với ông, lại còn thơm vào má ông, bên phải một chiếc, bên trái một chiếc, làm cha tôi vui cười đến rũ người. Buổi sáng cả nhà tôi chụp ảnh, bức ảnh gia đình hạnh phúc. Vào hồi trước Cách mạng Văn hóa, gần như năm nào chúng tôi cũng chụp một bức ảnh gia đình hạnh phúc. Nhưng kể từ sau Cách mạng Văn hóa tới nay, đã tám năm chúng tôi mới lại chụp bức ảnh gia đình hạnh phúc cả nhà như thế. Từ tấm ảnh ấy có thể nhận ra rằng, so với bức ảnh gia đình hạnh phúc chụp năm 1965, thì mỗi người trong gia đình tôi đều to phình ra cả. Cha tôi hoàn toàn không thích chụp ảnh. Nhưng vào cái ngày đại thọ 70 của ông, ông bế cháu và cười thật vui.

Trở lại Bắc Kinh một năm rưỡi nay, cha tôi rất bận. Ông không những phải nắm bắt được tình hình mới, thích ứng với tình hình mới, làm tốt công tác của Quốc vụ viện, mà còn phải đấu tranh không biết mệt mỏi với thế lực của Cách mạng Văn hóa luôn luôn hung hăng, hùng hổ. Ông luôn phải đối đầu với kẻ ác và thế lực ác, mà không được phép do dự, chần chừ. Ông vốn mong mỏi tranh thủ được ra làm việc, không phải ông cần quyền lực, không phải ông cần địa vị, lại càng không phải vì sự an ninh cho bản thân mình. Cả đời ông luôn vì sự nghiệp chung làm việc, ông không hề lo lắng sợ hãi, dám làm, dứt khoát làm, cần làm là làm không thỏa hiệp. Ông đã 70 rồi, người tuổi 70 xưa nay hiếm. Ông

biết thời gian để cống hiến cho Tổ quốc, cho nhân dân chỉ còn rất ít. Ông nuối tiếc từng cơ hội, nuối tiếc từng phút từng giây. Ông cố đem hết tâm lực, tinh lực còn sung mãn của mình vì Tổ quốc, vì nhân dân đa tai đa nạn, dốc ra những cố gắng cuối cùng.

Thượng tuần tháng 8, Chu Ân Lai đi tiểu ra máu càng nhiều hơn, bệnh tình càng ngày càng nặng, bác sĩ chẩn đoán rằng, ung thư đã di căn. Được tin đó, cha tôi vô cùng lo lắng. Ông không có cách nào khác là tăng cường làm việc để có thể giảm nhẹ một phần nào công việc vẫn nằm trên vai Chu Ân Lai.

Công việc của cha tôi càng thêm bận bịu. Ở Quốc vụ viện ông cùng với Lý Tiên Niệm cùng hiệp lực, hỗ trợ Chu Ân Lai giải quyết mọi công việc thường nhật, lại còn phải hoạch định, quy hoạch mười năm, còn phải thảo luận xem xét đến báo cáo tăng chu giảm chi, cân đối tín dụng ngân hàng của Bộ Tài chính, cũng còn phải nghiên cứu việc cân bằng thu chi ngoại hối cả năm của nhà nước, lại còn phải xem xét những yêu cầu, đề nghị về vấn đề ngoại hối phi mậu dịch có liên quan đến nhà nước, còn phải nghiên cứu việc xây dựng nhà máy thủy điện ở Hoàng Long trên sông Hán, cùng với việc xử lý ô nhiễm trên sông Đào, Thiên Tân, lại xem xét việc đẩy mạnh những khu gieo trồng tiểu mạch bằng giống tốt, còn phải nghiên cứu những kỹ thuật mới và máy móc kiểu mới v.v…, lại còn phải dốc sức lực vào việc sản xuất, trật tự an ninh, cùng những công việc bình thường của nhà nước. Cùng với những công việc đó, còn phải bỏ nhiều thời gian và tinh lực vào việc tiếp đãi khách nước ngoài và xử lý những công việc ngoại vụ khác. Trong quân đội, ông cũng phải phối hợp với Diệp Kiếm Anh xử lý các loại công việc như xử lý chiến lược, huấn luyện, trang bị, các trường học, học viện và những công việc sự vụ khác.

Bảy năm Cách mạng Văn hóa, những vấn đề cùng với bao nhiêu sự rắc rối khác tích lũy lại rất nhiều, thực là không thể giải quyết ngay trong cùng một lúc được, huống hồ là một cơ cấu hành chính tối cao của Trung Quốc lại chỉ vẻn vẹn ngần ấy người làm việc khó khăn cũng như cường độ công tác đều rất lớn. Diệp Kiếm Anh bận bịu như thế, Đặng Tiểu Bình bận rộn như thế, Lý Tiên Niệm bận rộn như thế, ngay đến Chu Ân Lai đầy bệnh tật mà vẫn phải cố chống lại để tiếp khách nước ngoài, giải quyết các công việc hành chính, nhọc nhằn vì đất nước. Tháng 9, với đề nghị của Chu Ân Lai, được Mao Trạch Đông phê chuẩn, Nguyên soái Hạ Long của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã phải chịu mọi nỗi dày vò lăng nhục và bức hại tới chết của Cách mạng Văn hóa, được rửa oan. Ngày 30/9, Chu Ân Lai ốm đau gầy guộc, vẫn phải ôm bệnh chủ trì cuộc chiêu đãi chúc mừng ngày Quốc khánh sau 25 năm dựng nước. Đồng thời thay mặt

Mao Trạch Đông, thay mặt chính phủ Trung Quốc đọc diễn văn chúc mừng tại đại lễ đường Nhân dân. Đến lúc này, mọi người đều đã biết Chu Ân Lai bị bệnh nặng. Khi nhìn thấy Thủ tướng bước ra hội trường, mọi người vô cùng xúc động thăm hỏi với lòng tôn kính nhất, cùng với những tràng vỗ tay nhiệt liệt, hồi lâu không dứt. Đây là lần cuối cùng Chu Ân Lai đại diện cho nhà nước và chính phủ tổ chức buổi chiêu đãi mừng ngày Quốc khánh. Bệnh tình của Chu Ân Lai càng ngày càng nghiêm trọng hơn. Mao Trạch công giao công việc thường nhật của Trung ương cho Vương Hồng Văn đảm trách. Công việc của Quốc vụ viện cũng cần có người gánh vác. Ngày 10/4 ở Vũ Hán, Mao Trạch Đông sai thư ký đi theo điện thoại cho Vương Hồng Văn, đồng thời báo Vương Hồng Văn báo lại cho Chu Ân Lai biết: Đặng Tiểu Bình là Phó Thủ tướng thứ nhất của Quốc vụ viện.

Vương Hồng Văn sau khi nhận được điện thoại, không báo lại ngay cho Chu Ân Lai, mà đến tối hôm đó lại đi báo cho Giang Thanh và một số người khác. Sự sắp xếp như vậy của Mao Trạch Đông đã làm Giang Thanh và bè cánh bị bất ngờ, đó là điều họ hoàn toàn không muốn xảy ra. Họ thấy Đặng Tiểu Bình được phục hồi công tác, họ thấy chức vị của ông mỗi ngày một cao lên dần, việc quản lý của ông càng ngày càng rộng, thỉnh thoảng lại nghe tin tiếp khách nước ngoài, lại còn nhân đó đưa khách đi tiếp kiến Mao Trạch Đông, khiến Giang Thanh cùng bè cánh càng thấy nghịch mắt, và hận trong lòng. Lần này lại thấy Mao Trạch Đông đưa Đặng Tiểu Bình lên làm Phó Thủ tướng thứ nhất nắm toàn bộ công tác của Quốc vụ viện, điều đó không có nghĩa nào khác, là một khi Chu Ân Lai không còn làm việc được nữa, chính Đặng Tiểu Bình sẽ là người thay thế Chu Ân Lai!

Điều đó đối với bè lũ Giang Thanh mà nói, Đặng Tiểu Bình chỉ còn việc ngồi chờ mà thăng tiến, rõ ràng đây là một dự liệu không hay gì, nhưng đây lại là quyết định của đích thân Mao Trạch Đông, không báo lại cũng không xong. Song bọn họ cứ nấn ná, kéo dài mãi cho tới hai hôm sau, khi không thể không báo lại chỉ thị này của Mao Trạch Đông cho Bộ Chính trị cũng như cho Chu Ân Lai biết.

Nhận được quyết định này của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai vô cùng phấn khởi, nên ông hẹn gặp Đặng Tiểu Bình vào ngày 6/10. Chu Ân Lai đem toàn bộ hy vọng của mình, toàn bộ sự nghiệp chưa hoàn thành của mình, gửi gắm lại cho Đặng Tiểu Bình.

Hạ tuần tháng 12/1974, công tác trù bị của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc bước vào giai đoạn cuối cùng.

Ngày 14/12/1974, sau khi Chu Ân Lai thẩm duyệt xong phương án định mức phân chia các loại đại biểu đến họp tại đại hội đại biểu nhân dân khóa bốn, đã viết thư cho Vương Hồng Văn và Bộ Chính trị đề nghị: trên cơ sở danh sách hiện tại, cần phải tăng thêm số cán bộ cũ, cán bộ ngoại vụ, cán bộ thể dục và các tổ chức khác. Ngày 18/12/1974, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình gặp nhau. Tối hôm đó, Chu Ân Lai chủ trì hội nghị Bộ Chính trị thảo luận bản "Báo cáo công tác của chính phủ" (dự thảo) sẽ đọc tại đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, do Đặng Tiểu Bình chủ trì khởi thảo. Ngày 20/12/1974, Chu Ân Lai viết thư cho Vương Hồng Văn và Đặng Tiểu Bình tỏ ý tán thành về cơ bản bản "Báo cáo công tác của chính phủ", sau khi đã được sửa chữa.

Ngày 21/12/1974, Chu Ân Lai triệu tập những Ủy viên Bộ Chính trị có mặt tại Bắc Kinh như Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, Lý Tiên Niệm, Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên, Kỷ Đăng Khuê, Ngô Đức, để thảo luận việc sắp xếp nhân sự của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn.

Tại hội nghị, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều cùng bè cánh làm rất om xòm, nhưng vẫn chẳng có cách gì đưa được những người thân tín vào các Bộ Văn hóa, Bộ Giáo dục, Bộ Thể dục v.v… Giang Thanh biết rằng, đây là cơ hội cuối cùng để tham dự vào nội các. Sau hội nghị, Chu Ân Lai trao đổi ý kiến với Lý Tiên Niệm và Kỷ Đăng Khuê, nhận định rằng cần phải kiên quyết để Chu Vinh Hàm, cán bộ cũ vừa được giải phóng, làm Bộ trưởng Giáo dục, còn hai bộ Văn hóa và Bộ thể dục có thể nhượng bộ ít nhiều. Sau hội nghị đó, căn cứ vào tình hình đã thảo luận ở Bộ Chính trị, Chu Ân Lai lập danh sách trưởng Ban Thường vụ, phó Ban Thường vụ, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, theo phương án một và phương án hai, gửi tới Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều để duyệt. Sau đó qua suy tính, xem xét, Chu Ân Lai lại bổ sung thêm Trần Vân và Vi Quốc Thanh vào danh sách phó Ban Thường vụ. Ngày 22/12/1974, Chu Ân Lai trình cả ba phương án ấy lên Mao Trạch Đông thẩm duyệt.

Công tác trù bị của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn bước vào giai đoạn mũi nhọn cuối cùng.

Ngày 23/12/1974, căn cứ vào ý kiến của Bộ Chính trị, những người chủ trì công tác trù bị là Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn đi Trường Sa để báo cáo công tác với Mao Trạch Đông. Trước khi đi, nhân viên y tế lại phát hiện ra Chu Ân Lai đi đại tiện ra nhiều máu, cần phải kiểm tra và điều trị ngay. Nếu nghĩ tới bản thân mình thì không thể đi Trường Sa được, song Chu Ân Lai lại không thể

không đi Trường Sa. Nếu chỉ để một mình Vương Hồng Văn đi, sẽ bị bè cánh của Giang Thanh lợi dụng cơ hội này ngay lập tức, và hậu quả sẽ khó mà lường trước được. Trước mắt cuộc đấu tranh đã bước vào giai đoạn nóng bỏng nhất, không thể để thất bại khi sắp thành công, Chu Ân Lai bèn nhất quyết đi Trường Sa. Ông đã gạt sự an nguy của tính mạng ra ngoài công việc. Ông nói: "Một khi đã đẩy tôi lên vũ đài lịch sử, tôi phải hoàn thành nhiệm vụ đó". Bệnh tật đầy người, Chu Ân Lai điềm nhiên ra đi. Khi rời bệnh viện, con người ông gầy còm, suy nhược, ra đến sân bay, mặc dù ông cảm thấy rất mất sức, nhưng vẫn đàng hoàng bước lên máy bay. Chu Ân Lai đã dùng chính bản thân mình để đấu keo vật cuối cùng…

Từ ngày 23 đến 27/12/1974, ở Trường Sa, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn có bốn lần gặp gỡ bàn bạc, ba lần bàn bạc có cả ba người, một lần Mao Trạch Đông bàn riêng với Chu Ân Lai. Trong những lần nói chuyện đó, Mao Trạch Đông đã cảnh cáo Vương Hồng Văn: "Không nên kéo bè bốn người, không nên bè phái, kéo bè kéo cánh là ngã xoài đấy". Ông ta nói: "Giang Thanh có dã tâm. Các ông có nhận ra không Tôi nhìn thấy có đấy". Mao Trạch Đông còn nói, đã yêu cầu Giang Thanh "ba điều không nên": một là, không nên phê phán lung tung, hai là không nên chơi trội, ba là không nên tham gia tổ chức chính phủ. Ông ta ra nhiệm vụ cho Giang Thanh và một số người phải tự phê bình, đồng thời yêu cầu Vương Hồng Văn phải viết kiểm điểm ngay tại Trường Sa. Nhưng lại nói, phải tách Giang Thanh "ra làm hai". Đối với Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông xác định một cách rõ ràng rằng: Đặng Tiểu Bình có "trình độ chính trị cao, một nhân tài khó kiếm". Ông ta nói với Vương Hồng Văn: "Còn giỏi hơn ông". Trong báo cáo đã ghi rõ: Diệp Kiếm Anh làm Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, kiêm Bộ trưởng Quốc phòng, Đặng Tiểu Bình làm Phó Thủ tướng thứ nhất, kiêm Tổng tham mưu trưởng, Mao Trạch Đông còn đề ra một cánh cụ thể hơn: "Đặng Tiểu Bình cần phải làm Phó Thủ tướng thứ nhất, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, và Tổng tham mưu trưởng, tất cả ba chức vụ". Mao Trạch Đông còn nói với Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn: "Hai ông lưu lại đây để bàn bạc thêm, báo cho Đặng Tiểu Bình biết, để điều hành mọi công việc ở Bắc Kinh. Bè phái bốn người là không nên hình thành. Người của Trung ương đông như thế, cần phải đoàn kết".

Mao Trạch Đông nói với Chu Ân Lai: "Thủ tướng vẫn là Thủ tướng của chúng tôi". "Sức khỏe của Thủ tướng quá yếu, sau đại hội khóa bốn này, Thủ tướng có thể an tâm dưỡng bệnh, công tác của Quốc vụ viện để đồng chí Đặng Tiểu Bình làm".

Đối với việc sắp xếp nhân sự trong đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, Mao Trạch Đông chỉ thị: trước khi triệu tập đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, cần phải triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai của khóa 10.

Chu Ân Lai đề nghị, trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai, trước đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn này cần bầu bổ sung Đặng Tiểu Bình vào Thường vụ, hoặc Phó Chủ tịch Trung ương Đảng. Ngay tại đó, Mao Trạch Đông lại xác định rõ ràng: Đặng Tiểu Bình là Phó Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản, Thường vụ Bộ Chính trị. Cũng tại đó, Mao Trạch Đông còn xác định những ai làm trưởng Ban Thường vụ, phó Ban Thường vụ và Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, đối với việc lựa chọn các Bộ trưởng, Mao Trạch Đông cũng đưa ra một số ý kiến cụ thể và đề nghị Trương Xuân Kiều kiêm chức Chủ nhiệm Tổng cục chính trị quân Giải phóng.

Ngày 26/12/1974 là ngày sinh lần thứ 81 của Mao Trạch Đông. Hôm đó, Mao Trạch Đông đơn độc ngồi trò chuyện với Chu Ân Lai. Mao Trạch Đông bảo rằng, ông ta vẫn luôn luôn chú ý tới vấn đề "chuyên chính của giai cấp vô sản" và "phòng chống chủ nghĩa xét lại". Điều băn khoăn đeo bám trong lòng ông già 81 tuổi này vẫn chỉ là nút thắt lý luận to lớn không làm sao tháo gỡ ra được. Ông ta đã phải bỏ tinh lực và thực tiễn của cả một đời người, mà vẫn còn phải mày mò, truy tìm đáp án. Trong những năm tháng cuối cùng của cuộc đời mình, ông ta vẫn mải miết suy tư, toan tính. Nhưng cuối cùng, ông ta có được đáp án hay không? Liệu ông ta có tìm ra được hay không? Suốt một đời lao tâm khổ tứ vạch vòi, tìm kiếm như vậy, rồi cuối cùng đã tự hãm mình vào một hoàn cảnh khó khăn không tự giải thoát ra được nữa. Đây là điều đáng buồn nhất. Đối với Chu Ân Lai, một chiến hữu già nua, vốn đã chung lưng đấu cật nửa thế kỷ qua, cuộc chuyện trò này chính là cuộc quàng vai kề gối trò chuyện lần cuối cùng, Mao Trạch Đông nói tới việc cần phải thật nhanh chóng giải phóng hàng loạt cán bộ, cần phải đoàn kết yên ổn, để mà nâng nền kinh tế quốc dân lên. Hai ông già, tuổi đã cao, gần như đều đã đặt một chân xuống mồ, nói đến vấn đề to lớn là sắp xếp nhân sự, cuối cùng đã xác định được phương án. Chu Ân Lai biết chắc chắn rằng, từ nay về sau có lẽ sẽ chẳng còn cơ hội nào để cùng với Mao Trạch Đông dốc bầu tâm sự nữa. Một con người như Chu Ân Lai luôn luôn chú ý tới đại cục, đã thành thực và nghiêm túc nói với Mao Trạch Đông vấn đề quá khứ của Giang Thanh và Trương Xuân Kiều. Mao Trạch Đông tỏ ý rằng, ông ta đã nắm được tình hình quá khứ rất nghiêm trọng về chính trị của Giang Thanh và Trương Xuân Kiều. Đúng vậy, quả là Mao Trạch Đông có nắm được vấn đề quá khứ của

Giang Thanh và Trương Xuân Kiều từ rất sớm. Nhưng hồi đầu, vì Mao Trạch Đông dùng Giang Thanh và Trương Xuân Kiều vào việc phát động phong trào Cách mạng Văn hóa, nên Mao Trạch Đông không cho phép nhắc tới vấn đề này, nhưng đến bây giờ, sự việc đã phát triển tới mức độ như thế rồi, nhưng Mao Trạch Đông vẫn không dám nhắc tới. Nếu như ở địa vị một người khác, tất cả những người gọi là "có vấn đề" ấy đều đã sớm bị đánh đổ hết rồi. Hơn nữa trong Cách mạng Văn hóa lại không hề có bất cứ một tiêu chuẩn thống nhất nào để cân đong đo đếm cái đúng cái sai. Nhu cầu của chính trị chính là tiêu chuẩn. Tuy nhiên về việc này, sự nhắc nhở của Chu Ân Lai cũng chẳng có được một tác dụng nào, nhưng trong cuộc chuyện trò giữa Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai - hai chính trị gia có sức nặng nhất nhì trên diễn đàn chính trị - ở Trường Sa, đã làm cho đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn được tiến hành thuận lợi, đối với tiền đồ chính trị của Trung Quốc, đã có một tác dụng, một ảnh hưởng cực kỳ to lớn, quan trọng.

Trong khi Chu Ân Lai đi Trường Sa để báo cáo với Mao Trạch Đông về việc sắp xếp nhân sự của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, cũng là lúc ở Bắc Kinh, cha tôi bận rộn lao vào giải quyết những công việc thường nhật của Quốc vụ viện, ông phải căn cứ vào chỉ thị của Chu Ân Lai, chủ trì sắp xếp những người sẽ được đề cử vào Chủ nhiệm các Ban, Bộ trưởng các bộ và các tổ chức khác của Quốc vụ viện và viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, rồi lại đại diện cho Trung ương khởi thảo các báo cáo có liên quan, và cùng với Đặng Dĩnh Siêu tính toán các phương án điều trị bệnh tật cho Chu Ân Lai. Ngoài ra, ông hết sức chú ý tới mọi sự động tĩnh của Trường Sa. Ông biết rằng, ở Trường Sa, trên đôi vai của Chu Ân Lai đang trĩu nặng một sứ mệnh lịch sử cực kỳ quan trọng.

Xin phân tích một chút tình thế lúc bấy giờ.

Nói một cách tổng quát là: Mao Trạch Đông ủng hộ Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, và nghiêm khắc phê bình bè cánh Giang Thanh. Nhưng trong Cách mạng Văn hóa, trăm sự đều có thể bất ngờ xảy ra, ngoài ý muốn. Việc Chu Ân Lai đàm đạo với Mao Trạch Đông ở Trường Sa như thế nào, đều trực tiếp liên quan đến sự sống còn, tồn vong của đảng và quốc gia. Cần biết rằng, trong thời kỳ kỳ quái ấy, vận mệnh tiền đồ của cả đảng và quốc gia đều dính chặt trên con người Mao Trạch Đông, đều buộc lửng lơ trong một ý nghĩ của Mao Trạch Đông, bằng vào sự từng trải chính trị của bản thân mình, và sau nhiều năm suy đi tính lại thấu đáo, cha tôi biết một cách sâu sắc rằng, tình trạng đảng và quốc gia bị trói buộc, bị phụ thuộc vào chỉ một con người, thực tế sẽ có rất nhiều vấn đề và tệ nạn, sai lầm, thậm chí còn rất nguy hiểm nữa. Nhưng đồng thời ông cũng biết một cách

sâu sắc rằng, loại tình huống chính trị như vậy chẳng phải là được hình thành trong một sớm một chiều, và lại càng không phải được hình thành bởi một sự kiện hay một thời cục nào đó. Sự hình thành ra thể chế ấy nó có nguồn gốc lịch sử vô cùng sâu sắc, và những nguyên nhân sai lầm, rối rắm, phức tạp đan chéo vào nhau. Cũng lại cần phải nhớ lại rằng, Trung Quốc từ một nước phong kiến dài hai nghìn năm, lại không qua bất kỳ một giai đoạn quá độ có ý nghĩa dân chủ nào, mà một bước bước thẳng vào chế độ xã hội chủ nghĩa hoàn toàn hiện đại. Nhà nước, xã hội và nhân dân, từ tư tưởng, lý luận, quan niệm, thậm chí từ tập quán, đều cần có rất nhiều những cải tạo và canh tân. Sự cải tạo, thay đổi đó cần phải có quá trình, mà quá trình đó lại không thể gấp gáp nhảy vọt được, nó cần phải có từng ngày, từng giờ một và cần phải trả giá, thậm chí cần phải trả bằng một cái giá cực kỳ đau khổ.

Ngày 27/12/1974, Chu Ân Lai đáp máy bay về Bắc Kinh, mặc dù bệnh tật hành hạ khiến ông vô cùng mệt mỏi, nhưng tinh thần ông lại rất phấn chấn. Việc sắp xếp mọi loại công việc, đặc biệt là việc sắp xếp nhân sự trong đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn đã được đích thân Mao Trạch Đông gióng một hồi chuông quyết định. Trong cuộc ác đấu sinh tử này, Mao Trạch Đông đã thêm một lần nữa, dùng cái lý trí tỉnh táo của mình, giữ cho cán cân chính trị nằm trong mức ổn định.

Những ngày cuối cùng của năm 1974, cấp lãnh đạo tối cao ở Bắc Kinh vô cùng bận rộn.

Ngày 28/12/1974, Chu Ân Lai triệu tập họp Ban Thường vụ Bộ Chính trị, trong đó có Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều v.v… để nghiên cứu quán triệt những vấn đề Mao Trạch Đông đã nói ở Trường Sa. Đây là lần đầu tiên Đặng Tiểu Bình, kể từ khi được phục hồi công tác, có mặt trong cuộc họp của Bộ Chính trị với danh nghĩa Ủy viên Bộ Chính trị. Trong cái thời đại mà một người nắm giữ càn khôn đó, chẳng cần thông qua một thủ tục bầu bán nào, nhưng một khi Mao Trạch Đông đã nói Đặng Tiểu Bình là Ủy viên Bộ Chính trị thì Đặng Tiểu Bình đương nhiên thành Ủy viên Bộ Chính trị rồi, còn như cái gọi là thủ tục, bổ sung sau, cũng chẳng làm sao. Trong Cách mạng Văn hóa, những chuyện như thế chẳng còn là chuyện mới mẻ gì. Sau cuộc họp đó, Chu Ân Lai gửi công văn báo cho Vương Hồng Văn viết và cho in danh sách (dự thảo) về trưởng Ban Thường vụ, phó Ban Thường vụ và các Phó Thủ tướng Quốc vụ viện của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn đã được Mao Trạch Đông thẩm duyệt thành hai bản riêng biệt, gửi cho toàn thể Ủy viên Bộ Chính trị.

Ngày 29/12/1974, Chu Ân Lai chủ trì triệu tập họp toàn thể Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chu Ân Lai truyền đạt lại nội dung mấy cuộc nói chuyện với Mao Trạch Đông ở Trường Sa, đồng thời truyền đạt những chỉ thị khác của Mao Trạch Đông. Những thành viên của Bộ Chính trị đến họp đều ủng hộ những ý kiến của Mao Trạch Đông, đồng thời thông qua hai danh sách về trưởng Ban Thường vụ, phó Ban Thường vụ và các Phó Thủ tướng của Quốc vụ viện của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn đã được Mao Trạch Đông thẩm duyệt và phê chuẩn.

Năm 1975 được bắt đầu trong cả một mớ hỗn độn rối ren không rõ đầu cua tai nheo ra sao.

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn sắp họp đến nơi, Trung ương tăng cường tốc độ cho những bước chuẩn bị cuối cùng. Thời gian biểu của năm 1975 là cứ ngày nọ tiếp ngày kia túi tít vào việc sắp xếp, thậm chí từng giờ từng phút cũng chỉ là sự sắp xếp như thế.

Ngày 1/1/1975, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình và Lý Tiên Niệm gặp nhau. Cùng ngày, tại đại lễ đường Nhân dân, Chu Ân Lai triệu tập và chủ trì hội nghị Bộ Chính trị. Hội nghị đã thông qua báo cáo do Đặng Tiểu Bình thay mặt Trung ương khởi thảo về các Ban, các Bộ trưởng, các Chủ nhiệm Ban Thường vụ và viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao của Quốc vụ viện. Ngày 3/1/1975, Chu Ân Lai chủ trì hội nghị Ban Thường vụ Bộ Chính trị, có Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều tham gia, để nghiên cứu các công tác chuẩn bị cho hội nghị toàn Trung ương lần thứ hai của khóa 10, đồng thời truyền đạt những chỉ thị của Mao Trạch Đông về các vấn đề. Ngày 4/1/1975, Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn liên danh, báo cáo với Mao Trạch Đông về tình hình hội nghị của Bộ Chính trị, đồng thời gửi đi cả phương án sắp xếp nhân sự đã được hội nghị thông qua.

Ngày 5/1/1975, căn cứ vào đề nghị của Mao Trạch Đông, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra văn kiện số 1/1975, bổ nhiệm Đặng Tiểu Bình làm Phó Chủ tịch hội đồng quân sự Trung ương kiêm Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Đồng thời bổ nhiệm Trương Xuân Kiều làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị quân Giải phóng.

Ngày 6/1/1975, Chu Ân Lai chủ trì hội nghị Ban Thường vụ Bộ Chính trị bao gồm Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, tiếp tục nghiên cứu nghị trình Đại hội toàn Trung ương lần thứ hai của khóa 10.

Từ ngày 8 đến ngày 10/1/1975, họp Đại hội toàn Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ hai của khóa 10. Đại hội thảo luận về công tác chuẩn bị cho đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, quyết định sẽ đưa bản "Dự thảo sửa đổi hiến pháp", "Báo cáo về sửa đổi hiến pháp", bản "Báo cáo công tác của chính phủ" cùng danh sách những người được đề cử vào Ban Thường vụ, và chính viên của Quốc vụ viện trong đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, để hội nghị hội thảo cho ý kiến. Hội nghị bổ sung Đặng Tiểu Bình vào Ban Thường vụ Bộ Chính trị, và bầu Đặng Tiểu Bình làm Phó Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, và Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương. Chu Ân Lai đã nói chuyện với hội nghị, ông nói, trước khi Đại hội toàn Trung ương lần thứ hai bế mạc, đã thỉnh thị Mao Trạch Đông có lời dặn dò, Chủ tịch chỉ nói có tám chữ: "ổn định đoàn kết vẫn là tốt nhất". Đại hội Trung ương Đảng lần thứ hai của khóa 10 đã quyết định lấy "ổn định đoàn kết vẫn là tốt nhất" làm tinh thần chính trị cơ bản cho đại hội đại biểu nhân dân khóa bốn. Mao Trạch Đông muốn ổn định, nhân dân toàn quốc muốn ổn định, loạn Cách mạng Văn hóa hơn tám năm trời, lòng dân có ổn định không? Mao Trạch Đông nhận định rằng, qua tám năm Cách mạng Văn hóa, gần đây do ông ta lao tâm khổ tứ sắp xếp lại, chắc hẳn là sẽ đạt tới ổn định. Nhưng điều ông ta không nhận định ra là, với cái cục diện chính trị mà nguy cơ đang tiềm phục khắp nơi, do chính Cách mạng Văn hóa tạo ra, mà lại muốn dùng một đại hội đại biểu nhân dân mang đầy thỏa hiệp và sự cân bằng về mọi phương diện để giải quyết vấn đề, rồi đi tới ổn định, là một việc hoàn toàn không có khả năng thực hiện được. Huống hồ đã có sự bất đồng rõ rệt như nước với lửa, không sao dung hòa được giữa một bên là những nhà lão thành cách mạng Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, còn một bên là thế lực của Cách mạng Văn hóa, do Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên cầm đầu, muốn hai phe đối địch nhau đến tận gốc rễ đó "đoàn kết" là một việc không thể. Thực tế trong keo vật này, hai phe đối lập lớn của diễn đàn chính trị đều nhằm vào đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc này để tạo ra cho mình một cục diện chính trị có lợi hơn. Bè lũ Giang Thanh hy vọng sẽ tiếm đoạt được nhiều quyền lực hơn để tiến hơn trong việc núp bóng Mao Trạch Đông chiếm đoạt lấy toàn bộ quyền lực. Còn Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình v.v… lại muốn uốn nắn, chỉnh đốn những sai lầm của Cách mạng Văn hóa, cố gắng cứu chữa những tổn thất nặng nề do sự loạn lạc đem lại.

Ngày 12/1/1975, Chu Ân Lai chủ trì cuộc họp của Bộ Chính trị để nghiên cứu và xác định lần cuối cùng các nghị trình của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn.

Ngày 13/1/1975, đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ nhất của khóa bốn chính thức khai mạc. Trong đại lễ đường của đại hội đường Nhân dân chứa được hàng vạn người, đèn nến sáng trưng, trang nghiêm long trọng, trên chủ tịch đài, hàng thứ nhất, phía bên hữu là những người cách mạng lão thành mà đại diện là Chu Ân Lai, phía bên tả là thế lực của Cách mạng Văn hóa do Vương Hồng Văn, Giang Thanh là đầu sỏ. Hai mặt trận với hai giới tuyến rất rõ ràng. Hai bên cũng minh bạch, rõ ràng bày hai thế trận đối lập nhau, mà chả cần giấu giếm, che đậy gì nữa.

Trong hội nghị, Thủ tướng Chu Ân Lai đọc "Báo cáo công tác của chính phủ", Trương Xuân Kiều đọc báo cáo "Về sửa đổi hiến pháp". Khi Chu Ân Lai bước lên diễn đàn đại hội, toàn hội trường bao gồm 2.864 đại biểu không sao giữ nổi mình nữa, đều nhiệt liệt vỗ tay gửi tới ông lời chào kính trọng. Tiếng vỗ tay kéo dài rất lâu, bởi sự xúc động trong lòng mỗi người đều chưa bình lặng lại được. Chu Ân Lai dõng dạc trịnh trọng, đại diện cho Quốc vụ viện đọc báo cáo công tác của chính phủ. Trong báo cáo, Chu Ân Lai nhấn mạnh rằng, nội trong thế kỷ này, cần phải hiện đại hóa toàn diện nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khoa học kỹ thuật, khiến cho nền kinh tế quốc dân của nước nhà phải đứng vào hàng đầu thế giới. Dưới ánh sáng những ngọn hoa đăng ở đại lễ đường chứa được hàng vạn người, các đại biểu lắng nghe Thủ tướng Chu Ân Lai, đại diện cho nhân dân Trung Quốc đọc những lời hào hùng đầy sức thuyết phục, tất cả các đại biểu ai cũng xúc động đến rơi nước mắt, rồi lại thêm một lần nữa họ vỗ tay kéo dài để tỏ lòng tôn kính và mến yêu đối với vị Thủ tướng cao cả.

Đại hội đại biểu khóa bốn đã thông qua việc sửa đổi hiến pháp, thông qua "Báo cáo công tác của chính phủ" của Chu Ân Lai, và đã bầu và bổ nhiệm những thành viên lãnh đạo các cơ cấu của chính phủ. Hội nghị cũng bầu chọn Chu Đức tiếp tục đảm nhiệm chức vụ trưởng Ban Thường vụ, Đổng Tất Vũ, Tống Khánh Linh, tất cả mười hai người đảm nhiệm chức vụ phó Ban Thường vụ của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc. Chu Ân Lai vẫn tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Thủ tướng Quốc vụ viện, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, Lý Tiên Niệm, Trần Tích Liên, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong, Trần Vĩnh Quý, Ngô Quế Hiền, Vương Chấn, Dư Thu Lý, Cốc Mục, Tôn Kiện, tất cả là mười hai người làm Phó Thủ tướng. Bộ trưởng Quốc phòng là Diệp Kiếm Anh, Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch là Dư Thu Lý, Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng là Cốc Mục, Bộ trưởng Giáo dục là Chu Vĩnh Hàm, Bộ trưởng Đường sắt là Vạn Lý, Bộ trưởng Tài chính là Trương Kình Phu, Bộ trưởng Bộ Hóa dầu là Khang Thế Ân, Bộ trưởng Văn hóa và Y tế giao cho hai kiện tướng của bè cánh Giang

Thanh là Vu Hội Vịnh và Lưu Tương Bình.

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn đã có một tác dụng lịch sử rất đặc biệt, nó đã để lại một nét bút đậm mực trong sử sách của nước Cộng hòa. Thành quả của hội nghị là rất lớn, song cũng chẳng phải dễ dàng mà có. Mặc dù là khó khăn chồng chất, mặc dù là không thể uốn nắn chỉnh đốn đến những sai lầm và những vấn đề của Cách mạng Văn hóa, nhưng với sự đấu tranh kiên cường hết sức mình của sức mạnh chính nghĩa do Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình dẫn đầu, đã thu được những thành quả to lớn nhất trong điều kiện có thể thu hoạch được. Qua đại hội đại biểu nhân dân kỳ này, Trung Quốc đã xác lập được một mục tiêu hùng vĩ là bốn hiện đại hóa. Mục tiêu này đã phản ánh được lòng dân ý dân, cổ vũ cho chí khí của nhân dân toàn quốc xây dựng một đất nước hiện đại hóa. Thực hiện mục tiêu hùng vĩ bốn hiện đại hóa này, tiếp thu sự khảo nghiệm của thời gian, và từ nay về sau nó đã trở thành chiến lược phát triển của Trung Quốc trong một thời kỳ dài. Có được sự ra đời của cơ cấu lãnh đạo Quốc vụ viện chính là do Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình làm hạt nhân, mặc dù Bộ Văn hóa, Bộ Y tế và một số bộ khác vẫn còn bị bè cánh của Giang Thanh nhét người của mình vào, nhưng có được nhiều cán bộ lão thành đầy năng lực, và đầy kinh nghiệm công tác tham gia vào được công tác của Quốc vụ viện, nó sẽ là nền móng chuẩn bị cho công tác chỉnh đốn một cách toàn diện về sau này.

Màn giáo đầu của chỉnh đốn toàn diện

Sau đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, tình hình chính trị trên chính trường Trung Quốc như sau: Mao Trạch Đông tuy muốn khôi phục lại cục diện ổn định, ủng hộ sự uốn nắn, chấn chỉnh có tính chất cực tả trong Cách mạng Văn hóa, nhưng chính sách và đường lối chung vẫn duy trì sự sai lầm "tả khuynh". Đại diện cho thế lực Cách mạng Văn hóa là Giang Thanh tuy không đạt được mục đích cuối cùng là đoạt quyền, nhưng vẫn còn được chia một muôi canh trong đảng, chính quyền và quân đội, vẫn nắm được những quyền lực quan trọng và điên cuồng gây rối, làm loạn. Các bè phái được đẻ ra và lan tràn trong Cách mạng Văn hóa vẫn giết chóc bừa bãi như xưa, rất nhiều bè phái và kẻ xấu ở các địa phương vẫn cứ mượn gió bẻ măng, làm loạn và võ đấu với nhau. Tình hình kinh tế vẫn khiến mọi người phải quan tâm e ngại: nhà máy ngừng sản xuất, đường sắt ngừng vận chuyển, mức sản xuất tụt xuống. Một số cán bộ cũ được giải phóng, phục hồi công tác, nên về mặt chính trị, mặt công tác cũng đã có những thay đổi khả quan, song công tác vẫn vô cùng khó khăn, vất vả, vấp đầy những trở lực, những xung đột, mâu thuẫn sắc nhọn với các thế lực Cách mạng Văn hóa không sao điều hòa, điều chỉnh được:

Sau đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, Đặng Tiểu Bình đã được đích thân Mao Trạch Đông lựa chọn làm Phó Chủ tịch đảng, làm Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương, làm Phó Thủ tướng thứ nhất Quốc vụ viện, làm Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương và Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng. Giờ đây những chức vụ mà ông mang trên người bao gồm đủ các chức vụ của đảng, chính quyền, quân sự… còn nhiều hơn cả số chức vụ của ông trước Cách mạng Văn hóa, và địa vị cũng cao hơn trước Cách mạng Văn hóa nhiều. Chỉ thuần túy nhìn từ mặt chức vụ mà nói, cũng đã thấy ngay được rằng, trong những năm cuối đời của mình, Mao Trạch Đông đã đặt rất nhiều hy vọng vào con người Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông tin vào tài năng của Đặng Tiểu Bình, tán thưởng phẩm cách đạo đức của ông. Mao Trạch Đông tha thiết hy vọng rằng, Đặng Tiểu Bình sẽ vĩnh viễn "không lật án", không phản đối đường lối Cách mạng Văn hóa, lại có thể cứu vãn được tình thế nguy ngập trước cơn sóng dữ, giống như Chu Ân Lai, chèo lái, chống đỡ, để vận hành một cơ cấu quá ư đồ sộ của đất nước Trung Quốc. Trong quá trình tranh thủ để xuất hiện trở lại, Đặng Tiểu Bình cũng đã từng chính thức đảm bảo với Mao Trạch Đông sẽ vĩnh viễn "không lật án". Thái độ đó của Đặng Tiểu Bình không phải là âm mưu lươn lẹo, quyền biến

gì. Vĩnh viễn không giở lại án cũ là chứng tỏ niềm tin trước sau như một vào đảng, là chứng tỏ lòng kính trọng trước sau như một đối với bản thân Mao Trạch Đông. Ông nhìn nhận vấn đề, nhìn nhận lịch sử, nhìn nhận công tội của cá nhân, bao giờ cũng nhìn từ góc độ lịch sử, từ góc độ biện chứng, từ góc độ thực tế khách quan, từ góc độ xuất phát của đại cục. Ông tuyệt đối không bao giờ vì ân oán cá nhân mà thanh toán nợ cũ trong lịch sử, hoặc lật giở những bản án cũ ra. Đối với đảng, đối với cá nhân Mao Trạch Đông, ông vĩnh viễn không bao giờ "lật án". Kể cả khi Cách mạng Văn hóa đã kết thúc, khi nhìn lại vấn đề lịch sử, tổng kết những bài học kinh nghiệm, đánh giá công tội của Mao Trạch Đông, ông cũng không hề "lật án". Trong Cách mạng Văn hóa, ông tranh thủ để xuất hiện trở lại làm việc, không phải là vì muốn có lại quyền lực của cá nhân, lại càng không phải vì một ngày nào đó sẽ có thể thanh toán được các món nợ cũ của cá nhân. Ông tranh thủ xuất hiện trở lại là vì ông nhận thấy rằng, trên con người ông, có một gánh nặng lịch sử không thể đùn đẩy cho ai được. Ông minh bạch phản đối sự sai lầm của Cách mạng Văn hóa, ông căm giận những tội ác của các thế lực Cách mạng Văn hóa như Lâm Bưu, "bè lũ bốn tên" phạm phải đối với đảng, với nhà nước, nhân dân, ông đau khổ trước những vết trọng thương và tổn thất mà đảng và nhà nước đã phải chịu đựng. Sau khi trở lại công tác, ông muốn sửa chữa, uốn nắn lại tất cả những sai lầm của Cách mạng Văn hóa một cách toàn diện, để cứu vãn lại những mất mát nặng nề, mà Cách mạng Văn hóa đã gây ra. Đối với việc này, ông không hề do dự, và vì đạo nghĩa không cho phép ông chùn bước. Ông biết rằng, trên con đường đấu tranh, đầy rẫy những gian nguy cùng trở ngại. Ông chân thành hy vọng ở Mao Trạch Đông có được sự hối hận thực tình, để có thể chấp nhận cho ông sửa chữa những sai lầm của Cách mạng Văn hóa. Nhưng đồng thời ông cũng chuẩn bị sẵn sàng về tư tưởng cho mình, một khi Mao Trạch Đông không chấp nhận những hành động của ông, ông cũng không bị hụt hẫng, thất vọng. Những điều ông cần làm cũng chính là những điều ông đã trăn trở, suy tính kỹ lưỡng rồi, và cũng không tính đến hậu quả thành bại của cá nhân. Ông biết một cách sâu sắc rằng, ông không còn thời gian để mà lãng phí đợi chờ nữa, ông đã 71 tuổi rồi. Có được bao nhiêu người sống qua tuổi 70 lại có được cơ hội làm cuộc chính trị thay cũ đổi mới, hơn nữa lại là cuộc chính trị đầy những gian nguy ngặt nghèo? Thời gian đi như tên bắn, thời gian chẳng chịu đợi người bao giờ! Nếu như muốn có được một công quả nào đấy, nếu như muốn xoay chuyển được thế cuộc, cần phải mau chóng lên thôi, cần phải đánh sập cầu phía sau lưng (*nguyên văn: đập nồi, chìm thuyền*), cần phải kiên quyết, quả cảm. Hơn thế, đã cần làm, phải làm tới cùng, cần phải lập tức mở rộng ra toàn diện. Đó chính là cá tính và phong cách Đặng Tiểu Bình.

Đúng là cần làm thì làm. Một tuần sau khi đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn kết thúc, ngày 25/1/1975, Đặng Tiểu Bình vừa nhậm chức Tổng Tham mưu trưởng xong, ông triệu tập cán bộ quân đội, cấp trung đoàn trở lên, họp tại cơ quan Bộ Tổng tham mưu và ông nói chuyện, vừa vào đầu là ông đã đề xuất vấn đề cần phải tiến hành chỉnh đốn quân đội.

Ông nói: "Tình trạng quân đội của ta hiện nay là: kể từ năm 1959, sau khi Lâm Bưu nắm quân đội, đặc biệt là vào thời kỳ cuối của ông ta, quân đội đã bị làm cho thành tương đối rối loạn, và mất đi nhiều truyền thống tốt đẹp của quân đội ta. Tuyệt đại đa số các đồng chí trong quân đội đều tỏ ý không hài lòng với hiện trạng ấy, cho nên đồng chí Mao Trạch Đông đề xuất là phải chỉnh đốn quân đội".

Ông nói: "Những năm gần đây, trong quân đội chúng ta xuất hiện một vấn đề mới, đó là tính bè phái. Không loại trừ tính bè phái, sẽ không ổn định đoàn kết được. Nhất định phải nâng cao tính đảng, diệt trừ tính bè phái, tăng cường tính kỷ luật. Bộ tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, ba bộ tổng ấy cần chỉnh đốn đầu tiên".

Bài nói về "Cần chỉnh đốn quân đội", quan điểm rất rõ ràng, thái độ rất kiên quyết, và trở thành bước mở đầu cho cuộc chỉnh đốn toàn diện, cố gắng sửa chữa sai hại của Cách mạng Văn hóa kể từ sau khi Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại, được phục hồi công tác. Giang Thanh bị thất bại trong việc liều lĩnh "chiếm nội các" của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn, lại bị Mao Trạch Đông phê bình khiến cho mụ như người bị tắc thở. Mụ ôm đầy một bụng tức tối, liền kéo Vương Hải Dung, Đường Văn Sinh tới chỗ mụ, rồi trút hết mọi nỗi giận dữ bức bối trong lòng ra bằng cách mạt sát hết thảy các Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, đồng thời đề nghị với hai bà khi nào tiếp khách nước ngoài cùng với Mao Trạch Đông, sẽ báo cáo lại với Mao Trạch Đông giúp mụ. Sau đó, khi gặp Mao Trạch Đông, hai bà đã nói mọi "thái độ" của Giang Thanh cho Mao Trạch Đông nghe. Nghe xong, Mao Trạch Đông nói: "Bà ta kính trọng được mấy người? Chỉ có một! Chính bà ta!" Hai bà hỏi: "Thế còn Chủ tịch thì sao?" Mao Trạch Đông đáp: "Nhằm nhò gì". Mao Trạch Đông nhìn thấu suốt được Giang Thanh, nên đã nói toạc móng heo ra rằng: "Rồi đây bà ta sẽ bị tất cả mọi người lật đổ. Bây giờ người ta chỉ đãi bôi bà ta thôi. Sau khi tôi chết đi, bà ta sẽ rắc rối". Mao Trạch Đông không thèm ngó ngàng gì đến Giang Thanh. Bây giờ ông ta ủng hộ Đặng Tiểu Bình để đổi lấy sự ổn định của đại cục.

Trong thời gian đó, ông ta đưa ra ba chỉ thị về việc: học tập lý luận giai cấp

vô sản chuyên chính, phải ổn định đoàn kết, phải nâng cao nền kinh tế quốc dân. Ba chỉ thị đó của Mao Trạch Đông, tuy vẫn chỉ nhấn mạnh vào sự đấu tranh giai cấp, nhưng đã ló rõ sự ủng hộ công việc của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Ba chỉ thị này về sau, trong khi chỉnh đốn toàn diện, đã trở thành lá cờ được giương cao của Đặng Tiểu Bình.

Khi Đặng Tiểu Bình bắt đầu tiến hành chỉnh đốn toàn diện, Mao Trạch Đông tỏ lòng ủng hộ Đặng Tiểu Bình, nhưng bè lũ Giang Thanh không thể chỉ tròn mắt đứng nhìn Đặng Tiểu Bình lật đổ những "thành quả" mà họ đã gian khổ kinh doanh trong tám năm ròng. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn vừa họp xong, Mao Trạch Đông cũng vừa nói rằng: cần phải ổn định đoàn kết, vậy mà một cuộc chiến sinh tử đã chính thức được bày binh bố trận sẵn sàng.

Bè lũ Giang Thanh chẳng thèm kể đến sản xuất, chẳng thèm tính đến kinh tế, chẳng thèm quan tâm tới cái sống và cái chết của bách tính. Trong đầu óc họ đầy ắp mộng tưởng, ấy là phải phản kích Đặng Tiểu Bình cùng một số người khác.

Tháng 1/1975, hầu như đồng thời với việc phát biểu về việc chỉnh đốn quân đội khi Đặng Tiểu Bình vừa nhậm chức ở bộ Tổng tham mưu, Vương Hồng Văn đã nói riêng với những kẻ "dưới trướng" của mình ở Thượng Hải rằng: "Điều tôi lo lắng nhất là quân đội không nằm trong tay chúng ta". Lời đó của Vương Hồng Văn đã bộc lộ rõ sự hận thù khắc cốt ghi xương của "bè lũ bốn tên" đối với Đặng Tiểu Bình. Chu Ân Lai đã gửi gắm vào Đặng Tiểu Bình biết bao hy vọng, song ông cũng lại biết rằng, cuộc chiến đấu vẫn còn đang tiếp diễn, nên vẫn chẳng yên tâm mà trị bệnh được. Ông cũng dành phần sức sống cuối cùng của mình vào việc hỗ trợ cho Đặng Tiểu Bình. Sau đại hội khóa bốn, ông đã mấy lần triệu tập Ban Thường vụ Bộ Chính trị họp, để thảo luận và bố trí nhiều công tác khác. Ngày 30/1, ông lại triệu tập một lần nữa Ban Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương tới họp, bao gồm Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, để nghiên cứu vấn đề phân công các Phó Thủ tướng. Ngày 1/2/1975, ông nhờ thư ký trưởng của Quốc vụ viện là Ngô Khánh Đồng báo cho Đặng Tiểu Bình, đề nghị Đặng Tiểu Bình lập danh sách phân công của các Phó Thủ tướng. Chu Ân Lai nói: "Ông ấy khó nói, để tôi nói". Ngày 1/2/1975, Chu Ân Lai triệu tập Ban Thường vụ của Quốc vụ viện họp tại đại sảnh phía tây của đại lễ đường Nhân dân, công bố việc phân công của mười hai Phó Thủ tướng. Trong hội nghị, xác định rõ ràng công việc của Phó Thủ tướng thứ nhất Đặng Tiểu Bình. Trong khi Thủ tướng Chu Ân Lai chữa bệnh tại bệnh viện, ông sẽ đại diện Thủ tướng chủ trì các hội nghị và trình duyệt những văn kiện quan trọng. Xác định Lý Tiên Niệm, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong, ba vị Phó Thủ tướng

này phụ trách xử lý những công việc thường nhật của Quốc vụ viện. Chu Ân Lai lại nói với tất cả thành viên Ban Thường vụ Quốc vụ viện có mặt tại đó: “Tình hình sức khỏe của tôi hỏng rồi, công tác của Quốc vụ viện từ nay về sau sẽ do đồng chí Đặng Tiểu Bình chủ trì điều hành”. Tiếp đó, Chu Ân Lai lại triệu tập cuộc họp hơn một trăm người tham gia, bao gồm những người phụ trách các bộ, các ủy ban của Quốc vụ viện. Ở hội nghị, Chu Ân Lai nói: “Căn cứ vào chỉ thị của Mao Chủ tịch và quyết định của Trung ương, bắt đầu từ ngày hôm nay, chúng ta làm việc để hoàn thành những công việc sau đại hội khóa bốn, đồng thời kiện toàn mọi tổ chức của Quốc vụ viện. Hôm nay là bắt đầu. Tôi e là tôi chỉ có thể hoàn thành được nhiệm vụ bắt đầu này thôi”. Ông nhấn mạnh lại sự đánh giá của Đặng Tiểu Bình đối với Mao Trạch Đông rằng: “nhân tài khó kiếm và tư tưởng chính trị vững vàng”, đồng thời tuyên bố rõ trước mọi thành viên của hội nghị: “Hiện nay tôi đang đau yếu, sau này cũng sẽ như vậy thôi, nên mời đồng chí Đặng Tiểu Bình thay tôi phụ trách công việc, mong rằng sau khi Quốc vụ viện được thành lập, sẽ có một luồng không khí mới, làm sao cho kế hoạch năm năm lần thứ tư năm nay có thể hoàn thành được, thậm chí hoàn thành vượt mức nữa kia”. Ở hội nghị này, Đặng Tiểu Bình cũng có nói chuyện với các đại biểu.

Ngày hôm sau, tức là ngày 2/2/1975, Chu Ân Lai gửi thư cho Mao Trạch Đông, báo cáo tình hình phân công công tác của các Phó Thủ tướng. Cũng bắt đầu từ ngày hôm đó, Đặng Tiểu Bình thay thế Chu Ân Lai làm công tác của Quốc vụ viện.

Đặng Tiểu Bình vừa bắt đầu điều hành công việc của Quốc vụ viện, thì ngày 10/2, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông báo “Kế hoạch kinh tế quốc dân năm 1975”, yêu cầu toàn đảng đoàn kết với tất cả những người đoàn kết được, điều động mọi nhân tố tích cực, để đưa nền kinh tế quốc dân lên cao, mà trước mắt là phải nắm cho chắc về giao thông vận tải, khai thác than, sản xuất sắt thép.

Đưa nền kinh tế quốc dân lên cao là công tác quan trọng hàng đầu khi Đặng Tiểu Bình điều hành công tác của Quốc vụ viện. Nhưng với tình hình hỗn loạn toàn diện trước mắt mà lại phải hoàn thành một nhiệm vụ như thế thì thật là khó vậy.

Bè lũ Giang Thanh thổi bùng lên phong trào “phê Lâm, phê Khổng”, tạo thành một sự động loạn chính trị mới, và đã phải bỏ biết bao nhiêu công sức mới vừa tạo ra được xu thế ổn định bước đầu, thì lại bị phá hoại lại. Rất nhiều địa khu, rất nhiều ban ngành lại xuất hiện tình trạng hỗn loạn, một số cán bộ lãnh

đạo xí nghiệp lại bị làm cho tê liệt, tình hình kinh tế quốc dân lại thêm một lần sụt giảm. Nửa đầu năm 1974 rất nhiều địa khu cũng như những ngành sản xuất công nghiệp không hoàn thành kế hoạch sắt thép, phân bón hóa học, và một số xí nghiệp quân đội nợ đọng đầm đìa. Đặc biệt là khai thác than và vận tải đường sắt, thật vô cùng nghiêm trọng. Do sản xuất bị sụt giảm, tài chính chi thu mất cân đối, thu nhập sút kém, số chi tăng lên. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp của năm 1974 so với năm trước (1973) tăng lên được 1,4%, trong đó giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng được 0,3%, giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng được 2,4%, sản lượng sắt và than giảm xuống, nhà nước rơi vào tình trạng bội chi.

Cần đưa nền kinh tế lên cao, trước hết phải chỉnh đốn lại nền kinh tế quốc dân. Nhưng chỉnh đốn nền kinh tế quốc dân trong khi tình trạng lúc bấy giờ của công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, tài mậu, văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật và tất cả các mặt khác đều tồn đọng, chất đống những vấn đề, khó có thể nhấc mình lên được, thì tiến hành chỉnh đốn ra làm sao? Khi đã hạ quyết tâm chỉnh đốn, cũng chẳng thể chỉ bắt tay vào chỉnh đốn một bộ phận riêng lẻ nào đấy, mà cần phải tiến hành chỉnh đốn toàn diện. Vậy thì, đột phá khẩu của công cuộc chỉnh đốn này nằm ở ngách nào? Cả cái gánh động loạn lại được tăng cường bằng động loạn này, phải thọc tay vào trước hết là chỗ nào đây?

Phải đối diện với một vấn đề rất rối ren và vô cùng phức tạp đó, Đặng Tiểu Bình vẫn bình tĩnh phân tích, nắm bắt trọng điểm, nhằm đúng chỗ hiểm, sau đó kiên quyết và quả cảm tiến hành xử lý. Đây là đặc điểm nổi bật trong tính cách của ông. Chu Ân Lai đã từng nói rằng: “Đặng Tiểu Bình là người xốc vác, xông pha”. Muốn tiến hành chỉnh đốn toàn diện, điều quan trọng nhất là phải nắm chắc vấn đề cán bộ, đó cũng chính là vấn đề ê kíp, mà mấu chốt là ê kíp lãnh đạo. Cần phải kiên quyết đấu tranh với bọn bè phái. Cần phải kiên quyết đấu tranh với bọn người mang đầy dã tâm, tranh quyền trục lợi, và đầy những mưu mô quỷ kế. Thấy cần phải phê bình thì phê bình, cần phải điều động là điều động, một bước không nhân nhượng. Sau khi giải quyết xong vấn đề con người, liền phải khôi phục những cực độ, những quy tắc, quy định vốn rất có hiệu quả, nhưng đã bị phá hoại hầu hết. Không có quy củ, không thể thành tròn, thành vuông gì được. Chỉ có lập lại mọi quy định, quy tắc, mới có thể bảo đảm được sự vận hành bình thường trong sản xuất, nếu không, chỉ hoàn toàn là nói suông.

Đó chính là đột phá khẩu mà Đặng Tiểu Bình đã chọn để tiến hành chỉnh đốn toàn diện.

Cuộc đọ sức chỉnh đốn ngành đường sắt

Những vấn đề tích lũy lại trong nền kinh tế quốc dân rối như mớ bòng bong, tật bệnh của nó vón cục lại cũng nhiều không xiết kể, nhưng một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất, đột xuất nhất, phải kể đến đường sắt.

Tháng 2/1975, tình trạng đường sắt trong toàn quốc là như thế này: tổ chức vận tải đường sắt Từ Châu, Nam Kinh, Nam Xương đã bị tắc nghẽn từ lâu, làm ảnh hưởng cực lớn tới việc thông tàu trên bốn trục đường lớn là Tân-phố, Kinh-quảng, Lũng-hải, Chiết-cán, đồng thời còn làm ảnh hưởng tới vận tải của các tuyến đường sắt khác; nó uy hiếp nặng nề tới sản xuất công nghiệp, và ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng tới đời sống nhân dân.

Đặng Tiểu Bình muốn cho nền kinh tế quốc dân khôi phục lại sự vận hành bình thường, thì việc quan trọng đầu tiên là phải chấn chỉnh lại đại động mạch vận hành kinh tế, đó là hệ thống đường sắt. Đặng Tiểu Bình đã nói là làm, làm mạnh mẽ như sấm như sét không do dự trì hoãn.

Trung tuần tháng 2, trong một lần họp Ban Thường vụ của Quốc vụ viện, Đặng Tiểu Bình là người điều khiển cuộc họp này nên khi vừa bước vào hội trường, ông lập tức nói ngay tới những vấn đề bức bối của đường sắt hiện nay, nếu không nắm lấy vấn đề này mà giải quyết trước là không ổn. Sau đó ông tìm Cốc Mục, Chủ nhiệm Ủy ban xây dựng cơ bản nhà nước, và Vạn Lý, Bộ trưởng Đường sắt, bàn chuyên đề về những vấn đề cụ thể của đường sắt. Ngày 25/2 đến ngày 8/3/1975, Đặng Tiểu Bình triệu tập một cuộc họp mang tính toàn quốc bao gồm bí thư quản lý các ngành công nghiệp của các tỉnh, các thành phố, các khu tự trị, chỉ thảo luận một vấn đề cụ thể là chấn chỉnh ngành đường sắt. Ngày 5/3, Đặng Tiểu Bình có bài nói trước hội nghị. Vẫn với lối nói giản dị, chắc nịch của mình, ông chỉ rõ: “Hiện nay ta đang có một công việc cực kỳ to lớn mà toàn đảng đều nhắc tới. Vậy công việc to lớn đó là cái gì? Trong báo cáo công tác của chính phủ tại đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ nhất của khóa ba và khóa bốn đều nói đến hai bước trong sự nghiệp phát triển kinh tế quốc dân của nước ta: bước thứ nhất là đến năm 1980 sẽ xây dựng hệ thống công nghiệp và hệ thống kinh tế quốc dân trở thành độc lập tương đối hoàn chỉnh. Bước thứ hai là tới cuối thế kỷ 20, nói tức cuối thế kỷ cũng là nói tới 25 năm tính từ bây giờ, sẽ xây dựng nước ta thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa có nền nông nghiệp hiện đại, công nghiệp hiện đại, quốc phòng hiện đại và khoa học kỹ thuật hiện

đại. Toàn đảng, toàn quốc đều phấn đấu để thực hiện cho được mục tiêu vĩ đại này. Đó chính là công việc cực kỳ to lớn vậy".

Ông còn nói: "Mao Chủ tịch đã chỉ thị: cần nắm cách mạng để thúc đẩy sản xuất, thúc đẩy công tác, thúc đẩy chiến lược. Nghe nói, bây giờ có những đồng chí chỉ dám nắm cách mạng, mà không dám nắm sản xuất, đó là sai lầm chồng lên sai lầm. Tình hình sản xuất hiện nay ra sao? Nông nghiệp còn có thể gọi là tương đối một tý, nhưng sản lượng lương thực bình quân cho mỗi đầu người trong toàn quốc chỉ có 609 cân (1 cân Trung Quốc bằng 0,5kg), lương thực dự trữ cũng không nhiều, thu nhập của nông dân chỉ lèo tèo có vậy, về phương diện công nghiệp, cũng cần mọi người phải hết sức chú ý. Nhưng năng lực sản xuất vẫn chưa được phát huy lên. Trong cả năm ngoái, tình hình sản xuất công nghiệp rất kém cỏi. Năm nay là năm cuối cùng của kế hoạch năm năm lần thứ tư, nếu tình hình không ra cái gì, chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới việc thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ năm. Chúng ta cần phải nhìn thấy trước tình thế đó, và phải nhìn thẳng vào vấn đề đó".

Ông phân tích tiếp: "Làm thế nào để nâng cao nền kinh tế quốc dân lên được? Kết quả của cuộc phân tích là: khâu yếu kém nhất trước mắt chính là ngành đường sắt. Nếu vấn đề vận tải đường sắt không giải quyết được, thì tất cả các bộ phận sản xuất khác đều bị rối loạn hết, toàn bộ kế hoạch chỉ là con số không. Cho nên Trung ương hạ quyết tâm giải quyết vấn đề này đầu tiên, biện pháp giải quyết vấn đề đường sắt vẫn chỉ là tăng cường sự tập trung thống nhất. Phải xây dựng những chế độ quy tắc, quy định, tăng cường tính kỷ luật trong tổ chức, đó cũng chính là những điều Trung ương nhắc tới trong quyết định. Hiện nay sự cố, tai nạn đường sắt rất kinh khủng, chỉ một năm ngoái, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng và nghiêm trọng về chạy tàu đã có tới 755 vụ. Ông cũng còn nhắc lại với giọng đầy phẫn nộ: trong quyết định của Trung ương còn nhắc tới việc chống bè phái. Việc lôi bè kéo cánh hiện nay đã làm phương hại nghiêm trọng tới đại cục. Cần phải đưa vấn đề này ra trước mặt các cán bộ công nhân viên chức, phải nói cho thật rõ lý lẽ của vấn đề này. Không giải quyết vấn đề này mà chỉ giải quyết những vấn đề cụ thể không thôi là không ổn đâu. Cần phải giáo dục lại đối với những người thích kéo bè kéo cánh, đối với những kẻ cầm đầu cần phải triệt để phản đối. Đại khái là có hai loại tình hình như thế này: có một loại người đã bị tính bè phái nó làm mê muội đi, rồi kéo bè kéo cánh đánh đấm lẫn nhau mấy năm liền lại càng lú lẫn hơn lên, không còn biết gì là chủ nghĩa Mác nữa, không còn biết gì là tư tưởng Mao Trạch Đông, không còn biết gì là Đảng Cộng sản nữa. Đối với họ, cần phải giáo dục, nếu giáo dục được, biết tỉnh ngộ ra, thì xóa

bỏ chuyện cũ không tính, còn nếu không chuyển biến, cần xử lý nghiêm túc. Còn loại thứ hai là một số ít kẻ xấu, các ngành các nghề, các thành phố các tỉnh, đều có loại người ấy, họ lợi dụng sự hỗn loạn đục nước của các bè phái mà mò cá, phá hoại trật tự của xã hội, phá hoại công cuộc xây dựng kinh tế đất nước, họ nhân những cơ hội hỗn loạn mà đầu cơ, mà thăng quan, phát tài. Đối với loại người như thế, không xử lý không được.

Ông lại nói: "Nếu đem tất cả những vấn đề đó nói thật minh bạch, rõ ràng, lẽ đương nhiên là sẽ được cán bộ công nhân viên chức ngành đường sắt ủng hộ. Cho nên trong tháng 3 phải có sự phổ biến, động viên thật sâu sắc, tới được cả gia đình công nhân viên chức, tới các hộ nông dân nằm dọc hai bên đường tàu, khiến cho người người, nhà nhà đều hiểu. Kinh nghiệm giải quyết vấn đề đường sắt sẽ có tác dụng hỗ trợ rất lớn đối với các ngành công nghiệp khác".

Cuối cùng, ông nói: "Đối với những vấn đề tồn tại trước mắt, cần phải có chính sách cho thật rõ ràng. Cần phải xuất phát từ đại cục, giải quyết vấn đề phải mau chóng, không kéo dài. Nếu kéo dài thì kéo dài đến năm nào nữa? Xây dựng xã hội chủ nghĩa làm sao mà chờ được?"

Bài nói chuyện đó có thể coi là bản tuyên ngôn tuyên chiến với những sai lầm cực tả của bọn Cách mạng Văn hóa, một bản tuyên ngôn chiến đấu trong công cuộc tiến hành chỉnh đốn toàn diện.

Ngày 5/3/1975, Trung ương Đảng Cộng sản công bố văn kiện số 9 trong năm đó "về quyết định tăng cường công tác đường sắt". Trong văn kiện này chỉ rõ, trước mắt, vận tải đường sắt vẫn là khâu yếu kém đột xuất trong nền kinh tế quốc dân, không thích ứng được với nhu cầu phát triển sản xuất công, nông nghiệp, quyết định nêu rõ thể chế quản lý toàn bộ đường sắt trong toàn quốc là do Bộ Đường sắt chủ quản, tăng cường tập trung thống nhất, xây dựng và kiện toàn mọi quy chế, quy định cần thiết, lập lại trật tự, và đấu tranh với mọi hành vi phá hoại. Đối với một thiểu số người là cán bộ lãnh đạo và những kẻ cầm đầu các bè phái vẫn còn mang đầu óc bè phái nghiêm trọng, nếu sau khi phê bình, giáo dục vẫn không chịu cải tà quy chính, cần phải kịp thời xử lý.

Văn kiện này mang rất rõ nét đặc điểm của Đặng Tiểu Bình, câu chữ chính xác, lập trường rõ ràng, biện pháp cứng rắn. Đặng Tiểu Bình thân tự xuất tướng, cùng với Bộ trưởng Đường sắt Vạn Lý vừa được phục hồi công tác làm Nguyên soái, thống lĩnh việc chỉnh đốn đường sắt. Ngày 7/3, Bộ Đường sắt mở một hội nghị bằng điện thoại trên toàn quốc, cắm một cây gậy thấu đáy, Bộ trưởng Vạn Lý công bố trước toàn hệ thống đường sắt quyết tâm của cơ quan Trung ương

chấn chỉnh công tác đường sắt cùng những quyết định có liên quan. Sau đó, trên toàn bộ hệ thống đường sắt, Bộ Đường sắt trống giong cờ mở tuyên truyền cho quyết định chấn chỉnh đường sắt, bằng mọi cách mọi giá truyền đạt được quyết định đó tới từng người trong toàn bộ hệ thống, làm cho mọi nhà đều hiểu rõ quyết định đó. Trung ương và Bộ Đường sắt tin tưởng chắc chắn rằng, tinh thần quyết tâm của Trung ương trong việc chấn chỉnh ngành đường sắt nhất định sẽ được quảng đại công nhân viên chức và quần chúng ủng hộ.

Trong hệ thống đường sắt của toàn quốc, vấn đề nghiêm trọng nhất và bè phái điên cuồng nhất là nằm ở cục đường sắt Từ Châu. Từ Châu là mạng lưới đường sắt vô cùng trọng yếu của cả khu vực Hoài Bắc, lại do những kẻ xấu và mang tính bè phái nghiêm trọng cầm quyền, nên sản xuất và vận tải bị ảnh hưởng mang tính chất hủy hoại nghiêm trọng và đã liên tục kéo dài tới 21 tháng không hoàn thành kế hoạch nhà nước.

Từ xưa đến nay, Từ Châu vốn là một yếu địa chiến lược của Trung Quốc. Khoảng gần 30 năm trước, Đặng Tiểu Bình đã từng soái lĩnh 60 vạn đại quân, chính ở mảnh đất này đã đánh thắng quân đội chủ lực chiến lược Quốc Dân đảng với quân số dân là mươi vạn,[82] đông hơn hẳn quân ta. Hôm nay ông lại soái lĩnh sư đoàn quân chính nghĩa, trên mảnh đất nóng bỏng này, tiến hành một cuộc đọ sức chiến lược với thế lực tạo phản của Cách mạng Văn hóa.

Ngày 10/3/1975 dưới sự bố trí và sắp xếp của Đặng Tiểu Bình, Bộ trưởng Đường sắt Vạn Lý dẫn một tổ công tác tiến vào Từ Châu, để chấn chỉnh và giải quyết vấn đề cục đường sắt Từ Châu. Vừa vào Từ Châu, Bộ trưởng Vạn Lý đã triệu tập ngay một cuộc họp quần chúng với quy mô vạn người, để nhắc đi nhắc lại tinh thần của văn kiện số 9, phê phán sự chia rẽ bè phái, xác định đường lối của đảng, phát động một cuộc đấu tranh nhân dân chấn chỉnh đường sắt. Cùng lúc đó, Bộ trưởng Đường sắt hạ quyết tâm giải quyết vấn đề ê kíp lãnh đạo, phê bình những cán bộ lãnh đạo mang tính bè phái một cách nghiêm khắc, có hạn định thời gian sửa chữa sai lầm. Nếu hết hạn mà vẫn chẳng thay đổi gì, sẽ sử dụng những biện pháp cứng rắn, mạnh mẽ hơn, tức là kiên quyết cách chức hoặc điều động đi nơi khác, đối với những kẻ xấu, tham gia vào việc xúi giục gây chia rẽ, bè phái đánh nhau, hoặc đình công, lãn công sẽ hành động không nương tay. Do đích thân Đặng Tiểu Bình phê chuẩn, tòa án Từ Châu đã dùng biện pháp pháp luật bắt tên đầu sỏ, phần tử xấu số Cố Bản Hoa. Cả một hệ thống biện pháp kiên quyết, dứt khoát, đuổi sạch hùm beo, trong veo nguồn nước, nhanh chóng xoay chuyển tình thế.

Được sự ủng hộ của quảng đại quần chúng, tình hình sản xuất, vận tải ở Từ Châu thay đổi rõ rệt trông thấy, đến cuối tháng 4, đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất vận tải của nhà nước trước ba ngày. Ngày 15/3/1975, Vạn Lý triệu tập ba cục đường sắt Tế Nam, Thượng Hải, Trịnh Châu tới họp, giải quyết vấn đề vận tải ách tắc trên các tuyến Tân-phố, Lũng-Hải và đoạn bắc Kinh-quảng. Nối tiếp khí thế ấy, Vạn Lý tiếp tục đi Thái Nguyên, Trịnh Châu, Trường Sa v.v.., tháo đúng cách thức đã làm ở Từ Châu, ông triệu tập những đại hội có hàng vạn, hàng chục vạn người tham dự, lại cắm một cây gậy tới đáy, nói về những biện pháp và chính sách của Trung ương về vấn đề chấn chỉnh đường sắt, để phát động quần chúng.

Do thái độ kiên quyết, biện pháp cứng rắn, lại được quần chúng ủng hộ, nên đến tháng 4, sự ách tắc nghiêm trọng, những vấn đề được tích lũy thành đống ở mấy cục đường sắt được nối tiếp nhau tháo gỡ ra, đường sắt không suốt, sản xuất tăng dần theo. Hơn 20 cục đường sắt ở toàn quốc, trừ cục đường sắt Nam Xương ra, còn tất cả đều hoàn thành vượt mức kế hoạch, việc vận chuyển bốc dỡ than, lần đầu tiên trong năm năm qua, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch vận tải.

Đối với cục đường sắt Nam Xương còn lại, Đặng Tiểu Bình chỉ rõ: “Điều tai hại trong vấn đề cục đường sắt Nam Xương là trong tỉnh có người đứng đằng sau giật dây, nhất định phải cắt đứt mối quan hệ hoạt động bè phái từ bên ngoài lèn vào cục đường sắt”.

Ngày 28/4/1975, Bộ trưởng Đường sắt căn cứ vào chỉ thị của Đặng Tiểu Bình đã tập trung lực lượng chấn chỉnh cục đường sắt Nam xương. Chỉ cần có quyết tâm thì không cửa ải nào là không phá được. Sau khi giải quyết được vấn đề, đến tháng sáu cục đường sắt Nam Xương đã hoàn thành trước thời hạn nhiệm vụ vận tải sáu tháng đầu năm.

Với những quyết sách và sự chỉ đạo của Đặng Tiểu Bình, Bộ trưởng Đường sắt Vạn Lý cùng cán bộ của mình gian khổ đấu tranh thực hiện, một đại nạn trong bao nhiêu năm làm ách tắc trong ngành đường sắt của nền kinh tế quốc dân, cuối cùng đã được giải quyết về cơ bản. Vấn đề đường sắt đã được giải quyết, không những giải tỏa được một trở ngại lớn trói buộc sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, mà còn đưa ra được một hình tượng sáng chói trong công cuộc chỉnh đốn toàn diện một cách hết sức thuyết phục trước nhân dân toàn quốc.

Cuộc đấu tranh trên chiến tuyến đường sắt, thực tế là một cuộc thử nghiệm lần đầu sửa chữa những sai lầm trong Cách mạng Văn hóa kể từ sau khi ông

nhận công việc điều hành Quốc vụ viện, đồng thời cũng lại là một cuộc tuyên chiến chính thức với thế lực Cách mạng Văn hóa do Giang Thanh làm đại diện, giải quyết được vấn đề đường sắt, đó là tin chiến thắng đầu tiên của công cuộc chỉnh đốn toàn diện.

Đặng Tiểu Bình trở lại làm việc mới được hơn một năm, đã được Mao Trạch Đông giao phó cho những sứ mệnh lớn lao trong đảng, chính quyền và quân đội, hơn thế nữa còn được Chu Ân Lai hết lòng ủng hộ, nay lại cờ mở trống giong triển khai chỉnh đốn toàn diện, quả thực đã làm cho thế lực Cách mạng Văn hóa do Giang Thanh cầm đầu hết sức ghen ghét đố kị, phẫn nộ, thậm chí là hoang mang. Bọn họ cảm thấy một cách hết sức sâu sắc rằng, việc chỉnh đốn của Đặng Tiểu Bình sẽ đem lại cho bọn họ một mối uy hiếp cực kỳ to lớn. Ngay từ giờ khắc đầu tiên khi thấy Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại, bọn chúng đã chăm chú theo dõi quan sát, đồng thời lợi dụng mọi cơ hội để gây trở ngại khó khăn cho Đặng Tiểu Bình và những người sẽ sửa chữa chỉnh đốn những sai lầm cực tả của họ. Lần này chúng đã túm lấy cái đầu mối đầu tiên ấy, và phê phán cái gọi là "chủ nghĩa kinh nghiệm".

Ngày 1/3/1975, trong một cuộc tọa đàm với những Chủ nhiệm chính trị của các đơn vị quân đội lớn, Trương Xuân Kiều nói rằng: "Điều nguy hiểm chủ yếu bây giờ chính là chủ nghĩa kinh nghiệm". Hắn nói một cách hiểm độc: "Bây giờ có rất nhiều vấn đề về lý luận, nếu không được làm cho rõ ràng, thì chính sách sẽ mắc phải sai lầm, sự sai lầm về tư tưởng sẽ dẫn tới sai lầm về chính trị, khiến cho chủ nghĩa tư bản ngóc dậy, lan tràn". Cùng ngày, Diêu Văn Nguyên cho in một bài báo trên tạp chí *Cờ đỏ*, cho rằng: Bây giờ, nguy hiểm nhất là "chủ nghĩa kinh nghiệm". Rồi mượn việc phê phán Lâm Bưu dấn thêm một bước nữa mở ra cuộc phê phán mới được gọi là "chủ nghĩa kinh nghiệm". Ngày 21/3/1975, báo *Nhân dân* cho in một bài xã luận tựa đề là "Cán bộ lãnh đạo phải đi đầu trong việc học tập", nói rằng: "Thực tế mười năm gần đây đã chứng minh rằng chủ nghĩa kinh nghiệm là trợ thủ của chủ nghĩa xét lại", rồi phản đối chủ nghĩa kinh nghiệm. Ngày 1/4/1975, Trương Xuân Kiều cũng có một bài mang tên là "Bàn về chuyên chính toàn diện với giai cấp tư sản", và hiểm độc cổ vũ, xúi giục "bao vây". Ngày 4/4/1975, Giang Thanh nói với các kiện tướng dưới trướng rằng: "Chủ nghĩa kinh nghiệm là đồng lõa với chủ nghĩa xét lại, và là kẻ địch lớn nhất hiện nay". Cứ như vậy với bàn tay thao túng trực tiếp của Giang Thanh, trong một thời gian, trong phạm vi cả nước, báo chí, tạp chí liên tục đăng những bài chống "chủ nghĩa kinh nghiệm", chĩa mũi giáo trực tiếp vào Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh và Đặng Tiểu Bình v.v… vốn là những nhà lãnh đạo lão thành, đầy

kinh nghiệm của đảng và nhà nước. Nhìn toàn cảnh tình hình chính trị có thể thấy rằng: một bên là Đặng Tiểu Bình làm đại diện cho tầng lớp cán bộ lão thành, tích cực tiến hành chỉnh đốn những sai lầm cực tả. Còn một bên là thế lực Cách mạng Văn hóa đang tích cực tạo thanh thế, tiến hành phê phán và vu khống hãm hại phía đối địch. Cuộc chiến song phương đang có xu hướng ngày càng kịch liệt.

Ngày 26/3/1975, do ung thư có di căn, nên bác sĩ quyết định mổ cho Chu Ân Lai, tách bỏ u ở bụng. Trước khi mổ, ông phê duyệt thanh lý tất cả các vụ việc còn trao lại kể từ khi ông nằm viện tới bây giờ, và giao những việc còn chưa giải quyết xong cho Đặng Tiểu Bình. Sau khi tiến hành một cuộc đại phẫu thuật như thế, vừa tỉnh lại, Chu Ân Lai đã ba lần cho người tìm Đặng Tiểu Bình tới nói chuyện vào các ngày 2, 11 và 14/4/1975, trao đổi về cách nhìn nhận đánh giá những công việc và tình hình thực cuộc trong thời gian gần đây nhất. Với sự cố gắng đẩy lùi bệnh tật, thêm một lần nữa Chu Ân Lai bày tỏ sự ủng hộ và khích lệ Đặng Tiểu Bình.

Trung tuần tháng 4, trong một cuộc họp Bộ Chính trị Trung ương, Giang Thanh lại thêm một lần nữa đề xuất vấn đề "chủ nghĩa kinh nghiệm" với đầy tính khiêu khích, đòi hỏi Bộ Chính trị phải đưa vào nghị trình thảo luận. Đặng Tiểu Bình chẳng khách khí gì, kiên quyết chống trả sự đòi hỏi, làm ầm ĩ vô lối đó.

Ngày 1/4/1975, Mao Trạch Đông đã từ tỉnh ngoài trở về Bắc Kinh để tiếp kiến Kim Nhật Thành, lãnh đạo đảng và nhà nước Triều Tiên tới thăm Trung Hoa. Mao Trạch Đông và Kim Nhật Thành vốn là bạn cũ, nay gặp lại nhau, rõ ràng là rất cảm động. Mao Trạch Đông đã hoàn toàn cởi mở, nói với Kim Nhật Thành: "Đồng chí Đổng Tất Vũ đã qua đời, Thủ tướng đau nặng, đồng chí Khang Sinh, đồng chí Lưu Bá Thừa bệnh tật, tôi cũng ốm yếu. Năm nay, tôi cũng đã 82 rồi, sắp hỏng to đến nơi. Chỉ còn biết dựa vào các đồng chí". Mao Trạch Đông chỉ vào Đặng Tiểu Bình, người có mặt trong buổi tiếp kiến đó nói: "Tôi chẳng nói chuyện chính trị sẽ do đồng chí này bàn bạc với đồng chí. Đồng chí này là đồng chí Đặng Tiểu Bình, ông ấy biết đánh trận, lại còn biết chống chủ nghĩa xét lại. Hồng vệ binh cũng đấu tố ông ấy, nhưng bây giờ thì vô sự rồi. Ông ấy cũng bị hạ bệ mất nhiều năm, bây giờ đã nguội đi rồi, chúng tôi rất cần ông ấy"…

Nhân dịp cùng với Mao Trạch Đông tiếp kiến Kim Nhật Thành, sau buổi tiếp kiến, Đặng Tiểu Bình đã phản ánh lại với Mao Trạch Đông rằng từ ngày 3 tới nay, Giang Thanh cùng với một số người khác đã đưa ra việc "chống chủ nghĩa

kinh nghiệm", đó là một biện pháp nguy hiểm nhất hiện nay. Mao Trạch Đông đã tỏ ý hoàn toàn đồng với ý kiến của Đặng Tiểu Bình. Đối với cuộc giao đấu giữa Đặng Tiểu Bình và bè cánh Giang Thanh, Mao Trạch Đông có biết. Đối với hành động và việc làm của cả đôi bên, Mao Trạch Đông đều quan sát, theo dõi. Ông ta tỉnh táo mà nhận biết rằng, việc Đặng Tiểu Bình chấn chỉnh ngành đường sắt là thành công. Bè cánh Giang Thanh công khai hò hét những bài đối chọi, và liên tiếp náo loạn, không ngừng không nghỉ, hoàn toàn không phù hợp với tôn chỉ ổn định đoàn kết của Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông thấy rằng không thể không ngăn chặn sự điên cuồng rồ dại của bè cánh Giang Thanh, ông ta cần phải bày tỏ thái độ của mình trước cuộc giao đấu này…

Ngày 23/4/1975, ông ta đã bút phúc vào một bài báo: "Nên đặt vấn đề là chống chủ nghĩa xét lại, bao gồm cả chống chủ nghĩa kinh nghiệm và chống chủ nghĩa giáo điều. Hai điều này đều là chống xét lại chủ nghĩa Mác - Lê, không nên chỉ đề ra một phần mà bỏ mất phần kia đi". Mao Trạch Đông còn phê rõ hơn, kỹ hơn: "Những người hiểu Mác - Lê trong đảng ta không nhiều, nhưng có một người lại cứ tưởng rằng mình hiểu, thực ra là chẳng hiểu biết gì hết, cứ tưởng là mình hiểu, nên lên mặt giáo dục người khác, đó cũng lại là một loại thể hiện sự chẳng hiểu biết gì về Mác - Lê cả". Ông ta còn tiếp: "Vấn đề này, đề nghị Bộ Chính trị thảo luận".

Căn cứ vào Chỉ thị trên đây của Mao Trạch Đông, ngày 27/4/1975 Bộ Chính trị đã họp để thảo luận. Trong hội nghị đó, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình và một số người khác lên tiếng, nghiêm khắc phê bình Giang Thanh, Trương Xuân Kiều… về sự sai lầm trong việc chống "chủ nghĩa kinh nghiệm", đồng thời đưa ra những lời chất vấn sắc bén đối với cái gọi là "cuộc đấu tranh lần thứ 11" mà Giang Thanh đã đưa ra trong hội nghị Bộ Chính trị mở rộng hồi tháng 12/1973, và trong phong trào "phê phán Lâm Bưu, Khổng Tử" đã truyền phát những tài liệu với danh nghĩa cá nhân cùng những hoạt động có tính chất bè phái là "bè lũ bốn tên". Bởi lẽ Mao Trạch Đông đã chỉ thị hết sức rõ ràng rồi, nên Giang Thanh không còn cãi liều và lẩn tránh được nữa, đành phải "tự kiểm điểm" trong hội nghị.

Trong hội nghị này, tuy bề ngoài đã có được sự kiểm điểm của Giang Thanh, nhưng vụ án giao đấu giữa hai bên, trên thực tế vẫn còn chưa được giải quyết. Nằm trong bệnh viện, nhưng Chu Ân Lai cũng rất chú ý đến động tĩnh của hội nghị. Trong hai ngày 29 và 30/4/1975, ông đã lần lượt cho mời Đặng Tiểu Bình, Hoa Quốc Phong, Ngô Đức, Trần Tích Liên, Vương Hồng Văn tới gặp để trao đổi, tìm hiểu tường tận mọi tình hình.

Trong hội nghị của Bộ Chính trị ngày 27/4/1975 Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình và một số người khác đều biết chắc chắn rằng sự việc chưa thể như thế mà kết thúc được, và họ cũng chuẩn bị tư tưởng một cách hết sức kỹ càng để giao đấu hết sức quyết liệt với bè lũ Giang Thanh. Bè lũ Giang Thanh tuy đã bị phê bình, nhưng bọn họ lại càng không chịu yên.

Cả hai phía đều ra sức chiêu binh mãi mã chuẩn bị tiếp tục chiến đấu…

Mao Trạch Đông phê bình “bè lũ bốn tên”

Cánh Giang Thanh gây lộn xộn bừa bãi, lung tung, kết quả là ăn phê bình của Mao Trạch Đông, lại bị buộc phải “kiểm điểm” ở hội nghị Bộ Chính trị, thực tế là găm đầy một bụng tức. Bọn họ phân tích tình thế, nhận định rằng, Vương Hồng Văn là một nhân vật mới, được đích thân Mao Trạch Đông đề bạt, khi nói năng với Mao Trạch Đông chắc chắn phải có sức nặng, liền bàn bạc để cho Vương Hồng Văn xuất tướng, với lý do là báo cáo tình hình hội nghị, nhưng thực chất lại là viết thư tố cáo.

Theo đúng như họ đã bàn bạc, Vương Hồng Văn viết thư cho Mao Trạch Đông, trong thư vu cáo Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh và Đặng Tiểu Bình, bảo rằng họ luôn luôn nhìn mọi tình thế, mọi sự việc bằng cặp mắt đen ngòm, bảo rằng họ bao che, dung túng cho những dư luận đồn đại xấu mạnh mẽ nhất, đồng thời còn xưng xưng bịa đặt ra rằng: “Trong cuộc tranh luận này hoàn toàn là lời lẽ của Chu Ân Lai nhưng chính ông ta lại không tiện nói ra, nên mới đẩy Diệp Kiếm Anh và Đặng Tiểu Bình nói hộ, mục đích là nhằm lật lại bản án trong hội nghị tháng 12 năm ngoái”.

Nhận được thư của Vương Hồng Văn, Mao Trạch Đông tỏ vẻ khó chịu. Ông vừa mới phê bình Giang Thanh và một số người khác về việc chống “chủ nghĩa kinh nghiệm”, thì nay Giang Thanh và cả bè cánh lại bắt đầu quậy phá, ông ta biết rằng, lần này chỉ có đích thân ông ta ra tay mới mong dẹp bỏ được cuộc giao đấu này.

Hôm đó, cũng tức là ngày 3/5/1975, Mao Trạch Đông đích thân triệu tập cuộc họp Ban Thường vụ Bộ Chính trị tại Bắc Kinh. Tại hội nghị này, Mao Trạch Đông nhấn mạnh, nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng cần ổn định đoàn kết, cần hết sức giữ vững “ba cần, ba không cần”, tức là: cần chủ nghĩa Mác, không cần chủ nghĩa xét lại, cần đoàn kết, không cần phân biệt chia rẽ, cần quang minh chính đại, không cần âm mưu quỷ kế. Khi nói về chống chủ nghĩa kinh nghiệm, Mao Trạch Đông nói: “Tôi đã phạm sai lầm, tôi không nhận ra cái ẩn ý của Xuân Kiều. Các ông chỉ hận chủ nghĩa kinh nghiệm mà không hận chủ nghĩa giáo điều”. “Theo tôi, nhiều người phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm, chính bản thân mình cũng là chủ nghĩa kinh nghiệm, mà không có được bao nhiêu chủ nghĩa Mác - Lê”. “Tôi thấy Giang Thanh cũng là một thứ tiểu chủ nghĩa kinh nghiệm”. Tiếp đó, Mao Trạch Đông chuyển ngay mũi nhọn của mình vào việc phê bình

Giang Thanh và một số người khác, ông nói: “Chớ nên lập nhóm bốn người, các vị không nên làm như vậy, mà tại sao lại phải làm như vậy chứ? Tại sao lại không tính đến chuyện đoàn kết với hơn hai trăm Ủy viên Bộ Chính trị? Lập nhóm ít người là không tốt, xưa nay đều là chuyện không tốt”. “Không nên tùy tiện, cần phải có kỷ luật, cần phải thận trọng, không nên tự mình đặt ra chủ trương này nọ mà cần phải thảo luận với Bộ chính trị, có ý kiến cần phải đem ra Bộ Chính trị mà bàn bạc, sau đó in thành văn bản phát xuống dưới. Cần phải dùng danh nghĩa Trung ương, chứ không được dùng danh nghĩa cá nhân, và cũng không nên dùng danh nghĩa cá nhân tôi. Tôi chưa hề gửi đi một thứ tài liệu nào theo kiểu như vậy cả”. “Cần phải biết giữ kỷ luật, quân đội càng cần thận trọng, Trung ương lại càng cần phải thận trọng hơn nữa: Vấn đề này, tôi đã nói với Giang Thanh một lần, tôi đã nói với Đặng Tiểu Bình một lần. Vương Hồng Văn cần gặp tôi, Giang Thanh cũng gọi điện thoại tới cần gặp tôi, tôi nói chẳng cần gặp làm gì, nếu cần gặp xin mời tất cả đến cùng một lúc. Tôi nói hết. Tôi xin lỗi, tôi là con người như thế, tôi chẳng muốn nói gì hơn, ngoài ba câu, ở đại hội 10 tôi cũng chỉ có ba câu như thế: cần Mác-Lê, không cần xét lại, cần đoàn kết, không cần phân biệt, cần quang minh chính đại, không cần âm mưu quỷ kế”.

Mao Trạch Đông phê bình bè lũ Giang Thanh, nhưng không phê bình thẳng vào những sai lầm của họ. Cho nên, đồng thời với việc yêu cầu bè lũ Giang Thanh tự phê bình, Mao Trạch Đông nói: “Tôi thấy vấn đề không có gì, cho nên chớ có bé xé ra to, nhưng có chuyện gì cần phải nói cho rõ ràng minh bạch, nửa năm đầu không giải quyết được thì nửa năm cuối giải quyết tiếp, năm nay giải quyết không xong, sang năm giải quyết nốt, năm sau giải quyết chưa hết, thì để sang năm sau nữa”.

Khi đó Mao Trạch Đông đã bước vào tuổi cao 83 rồi, mắt bị đục thủy tinh thể, nên chẳng còn nhìn thấy gì nữa, tình trạng sức khỏe cũng như nhật nguyệt sớm chiều, với tình trạng người ngợm như thế, lại vẫn phải đích thân lộ diện triệu tập một hội nghị điều hòa, thật quả là một việc bất bình thường. Việc ông ta đích thân đứng ra giải quyết vấn đề, chứng tỏ một điều rằng, ông ta thật lòng muốn dẹp bỏ mọi xô xát cho yên ổn, ông ta không thích rối loạn nữa. Nhưng việc ông ta đau yếu bệnh tật mà vẫn phải đứng ra giải quyết vấn đề, cũng nói lên được một điều khác rằng, bè lũ Giang Thanh ngoài một con người Mao Trạch Đông mà không còn e dè kiêng nể, thì chúng không còn biết sợ ai, không thèm đặt ai vào tầm nhìn của mình. Cũng cần phải nói toạc ra rằng việc Mao Trạch Đông phải đích thân xuất đầu lộ diện chẳng qua chỉ là sự điều hòa, cân bằng trên bề mặt, mà không có khả năng giải quyết vấn đề đến tận gốc. Lần triệu tập Ban

Thường vụ Bộ Chính trị này cũng chính là lần triệu tập và tham gia họp cuối cùng của ông ta. Từ đó về sau, ông ta đã bước vào những ngày tháng bệnh tật chồng chất, những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời.

Vào ngày thứ hai khi Mao Trạch Đông triệu tập họp hội nghị Ban Thường vụ Bộ Chính trị, tức là ngày 4/5/1975, Chu Ân Lai ôm bệnh rời khỏi bệnh viện triệu tập Ban Thường vụ Bộ Chính trị bao gồm: Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều họp tại đại lễ đường Nhân dân, thảo luận, quán triệt tinh thần bài nói chuyện của Mao Trạch Đông ngày 3/5/1975. Sau cuộc họp đó, Chu Ân Lai lại chủ trì khởi thảo chỉ thị về việc học tập lý luận của Mao Trạch Đông, và đưa ý kiến về vấn đề công tác của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chu Ân Lai kiên quyết ủng hộ sự phê bình của Mao Trạch Đông đối với Giang Thanh, ông nói: “Có sai lầm, cần phải có tự phê bình”. Ông tỏ ý “tán thành các ý kiến của Đặng Tiểu Bình”, “tự nguyện phê bình là phải nói, nói nhiều nói ít đều được, không nói cũng được, nhưng không nên gây khó dễ cho người khác”. Ngày 8/5/1975, Chu Ân Lai lại thêm một lần nữa họp Thường vụ Bộ Chính trị tại đại lễ đường Nhân dân bao gồm Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, để tiếp tục nghiên cứu quán triệt về việc Mao Trạch Đông đã nói trong cuộc họp Ban Thường vụ Bộ Chính trị ngày 3/5/1975, đồng thời hội nghị này cũng bàn bạc quyết định: đợi khi Đặng Tiểu Bình đi thăm Pháp trở về, sẽ họp hội nghị toàn thể Bộ Chính trị, và chỉ định Vương Hồng Văn thông báo việc này cho Bộ Chính trị biết. Chu Ân Lai cực kỳ tỉnh táo để nhận ra rằng, đây là một cơ hội khó kiếm. Mao Trạch Đông đã đích thân phê bình bè cánh Giang Thanh, tuy chẳng trị được đến tận gốc, nhưng ít nhất cũng khiến bè lũ Giang Thanh biết tự kiềm chế lại, như vậy Đặng Tiểu Bình cũng sẽ có được một cơ hội tốt, để rảnh tay tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh chỉnh đốn toàn diện. Có được cơ hội ấy cũng chẳng phải chuyện dễ dàng gì, nên tuyệt đối không được bỏ lỡ.

Từ ngày 12 đến ngày 17/5/1975, nhận lời mời của nước Cộng hòa Pháp, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đi thăm hữu nghị nước Pháp. Đây là lần đầu tiên kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, và kể từ năm 1964, hai nước Trung - Pháp lập quan hệ bang giao tới nay, một lãnh đạo nhà nước Trung Quốc đi thăm nước Pháp. Trong tình hình chính trị và chiến lược quốc tế lúc bấy giờ, hai đại quốc siêu cường là Mỹ và Liên Xô đang tiến hành chiến tranh lạnh. Giữa hai đại bá Mỹ Xô ấy, Âu châu là một vùng đất đặc thù. Các quốc gia châu Âu vì những nguyên nhân lịch sử và thực tế đã hình thành một tình trạng vô cùng phức tạp và không ổn định. Toàn bộ

châu Âu chia thành hai phạm vi thế lực lớn, đông và tây. Trong những nước lớn nhất Tây Âu, nước Anh là nước theo Mỹ một cách trung thành nhất, Đức chia làm đôi, đông và tây, Pháp là nước lớn nhất châu Âu lúc bấy giờ. Sau đại chiến thế giới lần thứ hai, dưới sự lãnh đạo của tướng Đờ Gôn, trong quan hệ quốc tế phức tạp và rối rắm, Pháp vẫn giữ vững được tinh thần dân tộc và độc lập, và vẫn giữ được địa vị trọng yếu ở Châu Âu cũng như trong những sự vụ thế giới. Trong khi các nước lớn chủ chốt của phương Tây – đặc biệt là Mỹ - vẫn duy trì lập trường chống cộng, thì Pháp là nước đầu tiên ở châu Âu lập quan hệ bang giao với nước Trung Quốc mới. Kể từ khi Trung - Pháp lập quan hệ bang giao, hai nước vẫn có quan hệ hữu hảo. Năm 1973, tổng thống Pháp Pompidou đã viếng thăm hữu nghị nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đã gặp gỡ và hội đàm với những nhà lãnh đạo của Trung Quốc như Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai. Từ đó về sau, những nhà lãnh đạo của hai nước đã xây dựng mối hữu hảo của hai bên càng gắn bó chặt chẽ hơn. Lần này, đoàn đại biểu của chính phủ Trung Quốc sắp chính thức viếng thăm Pháp, điều đó thể hiện sự phát triển thêm một bước quan hệ hữu nghị giữa hai nước Trung - Pháp. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh đông - tây, trong tình hình hai siêu cường là Liên Xô và Mỹ bá chủ, khống chế thế giới, Mao Trạch Đông với con mắt chiến lược quốc tế phi phàm, đầu tiên quyết định khôi phục quan hệ Trung - Mỹ, rồi theo đó mà khôi phục được quan hệ Trung - Nhật, hai quyết sách lớn đó đã mở ra được một cục diện mới trên chiến tuyến ngoại giao của Trung Quốc, khiến cho Trung Quốc bước được vào cơ cấu lớn của chiến lược quốc tế, đồng thời đã trở thành một lực lượng chính trị không thể xem thường trên cán cân chiến lược quốc tế. Lần này, Mao Trạch Đông quyết định tăng cường thêm một bước mối quan hệ Trung - Pháp, khiến cho thái độ của Trung Quốc tích cực hơn, sinh động hơn trên vũ đài chính trị quốc tế.

Chính phủ Pháp mời những nhà lãnh đạo Trung Quốc tới thăm nước Pháp, Thủ tướng Chu Ân Lai đổ bệnh quá nặng, nên Mao Trạch Đông quyết định để Đặng Tiểu Bình dẫn đầu đoàn đại biểu Trung Quốc đi thăm Pháp. Quyết định này của Mao Trạch Đông, trên thực tế là ông muốn cho Đặng Tiểu Bình làm đại diện cho Trung Quốc, bước lên vũ đài chính trị quốc tế. Đây lại là một quyết định rất quan trọng, chứng tỏ quyết tâm mong muốn Đặng Tiểu Bình phát huy được tác dụng to lớn hơn nữa trong đời sống chính trị tương lai.

Sớm ngày 12/5/1975, sau khi chiếc chuyên cơ hạ cánh xuống nước Pháp, một người Trung Quốc thấp bé, bước lên tấm thảm đỏ trải dài dành cho khách quý. Con người Trung Quốc này, 50 năm trước, đã từng vừa làm vừa học tại nước

Pháp, đã từng bước vào cung điện thần thánh của cách mạng trên chính mảnh đất của nước Pháp này, và cũng đã từng bị quân cảnh của nước Pháp theo dõi truy lùng. Đối với nước Pháp, ông có những kỷ niệm khó quên. 50 năm trước, mang danh là một nhà cách mạng bị quân cảnh tìm bắt, ông đã rời khỏi nước Pháp. Hôm nay ông là khách quý của nước Pháp. Ông được tiếp đón thật long trọng. Con đường của đời người, nó khấp khểnh, quanh co là như vậy, số phận một sinh mệnh thật biến ảo chông chênh, nghĩ lại, lại càng thêm cảm khái.

Từ khi đặt chân lên đất Pháp, Đặng Tiểu Bình lập tức lao vào những công việc ngoại giao bận rộn. Chính phủ Pháp cũng đã bày tỏ sự nhiệt liệt hoan nghênh và tiếp đón long trọng đối với đoàn đại biểu của chính phủ Trung Quốc do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo. Thân phận của Đặng Tiểu Bình chỉ là một Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, nhưng chính phủ Pháp đã dành cho ông sự tiếp đón ngoại giao như đối với các nguyên thủ quốc gia. Tổng thống Pháp D’Estaing và Thủ tướng Chirac đã có những cuộc hội đàm riêng với Đặng Tiểu Bình. Đích thân tổng thống D’Estaing chủ trì bữa tiệc chiêu đãi, và sắp xếp đưa Đặng Tiểu Bình về nghỉ ngơi tại nhà khách của chính phủ Pháp. Sự tiếp đón nhiệt tình vượt quá thường lệ đó chứng tỏ một điều rằng, những nhà chính trị của nước Pháp đã coi Đặng Tiểu Bình là một nhà chính trị của Trung Quốc - mới được phục hồi sau Cách mạng Văn hóa - sẽ là một con người có sức mạnh nghiêng ngửa của Trung Quốc trong tương lai. Đặng Tiểu Bình thăm nước Pháp lần này đã trao đổi ý kiến với các nhà lãnh đạo Pháp về nhiều vấn đề quốc tế quan trọng và phát triển mối quan hệ của hai nước. Cả hai bên đã trao đổi, bàn bạc kỹ lưỡng về tăng cường chính trị, tăng cường thúc đẩy thêm một bước về mậu dịch, kinh tế giữa hai nước, và đã đạt được nhiều những nhận thức chung, hiểu biết lẫn nhau hơn.

Ngày 17/5/1975, Đặng Tiểu Bình dẫn phái đoàn chính phủ Trung Quốc trở về nước. Lần đi thăm Pháp này tuy chỉ ngắn ngủi có năm ngày, nhưng ý nghĩa của nó lại vô cùng quan trọng. Đối với nhà nước mà nói, nó đã hoàn thành thêm một bước rất cụ thể về ngoại giao qua con mắt chiến lược tinh tường của Mao Trạch Động. Đối với Đặng Tiểu Bình thì hàng loạt những hoạt động ngoại giao, bao gồm cả việc đi dự hội nghị đặc biệt của đại hội đồng Liên hợp quốc vào tháng 4/1974, đã xác lập được cho ông địa vị một chính trị gia tầm cỡ thế giới.

Sau khi Đặng Tiểu Bình đi thăm Pháp trở về, do sự bàn định của Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, đã chỉ định Đặng Tiểu Bình sẽ chủ trì các hội nghị của Bộ Chính trị, đồng thời phụ trách các công việc thường nhật của Trung ương. Quyết định quan trọng này chứng tỏ rằng, sau một thời gian quan sát, theo dõi, lòng tín nhiệm và tin tưởng của Mao Trạch Đông vào Đặng Tiểu Bình ngày một đậm nét.

Có thể nói: sau khi suy tính cân nhắc toàn cục, Mao Trạch Đông đã trọng dụng Đặng Tiểu Bình ở mức độ cao, như ở vị trí một người kế cận. Theo quyết định của hội nghị Ban Thường vụ do Chu Ân Lai triệu tập, chủ trì ngày 8/5/1975, hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng sẽ họp để quán triệt tinh thần chỉ thị của Mao Trạch Đông đã đưa ra trong hội nghị Ban Thường vụ Bộ Chính trị họp ngày 3/5/1975, và cũng là cuộc họp để phê bình bè lũ Giang Thanh đã bịa đặt, gây rối, muốn làm bùng lên cái gọi là phê phán "chủ nghĩa kinh nghiệm".

Để có được cuộc hội nghị này, trong khoảng thời gian từ ngày 21 đến ngày 27/5/1975, Chu Ân Lai đã truyền đạt những bút phê, những vấn đề mà Mao Trạch Đông đã đề xuất vào ngày 23/4/1975 bằng thư cho Bộ Chính trị Trung ương. Trong thư Chu Ân Lai nêu rõ, bài nói chuyện của Trương Xuân Kiều trong quân đội về vấn đề chống "chủ nghĩa kinh nghiệm" đã gây xôn xao ảnh hưởng rất lớn. Đồng thời còn nói, đồng chí Đặng Tiểu Bình đã vì bài nói chuyện của Trương Xuân Kiều mà nhiều lần phải nhấn mạnh rằng: "chống chủ nghĩa kinh nghiệm là điều nguy hiểm chủ yếu trước mắt", và đã đưa việc này ra thỉnh thị ý kiến của Mao Chủ tịch.

Mục đích của việc viết thư của Chu Ân Lai là, cần nói thật rõ ràng cho mọi người biết trước khi bước vào hội nghị rằng: Đặng Tiểu Bình đã từng thỉnh thị trực diện với Mao Trạch Đông về những vấn đề có liên quan, và đã nhận được sự đồng ý của Mao Trạch Đông. Đặng Tiểu Bình sau khi nhận được thư này của Chu Ân Lai, còn bổ sung thêm: khi thỉnh thị ý kiến của Chủ tịch, ông còn trực tiếp đề cập tới việc Giang Thanh đề xuất việc chống "chủ nghĩa kinh nghiệm" tại hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Trương Xuân Kiều nhận được bức thư của Chu Ân Lai, vô cùng tức tối, bèn viết đè lên bức thư những lời ngang trái rằng: "Thư của Thủ tướng có nhiều điều không chính xác".

Trước sự miệt thị láo xược của Trương Xuân Kiều, ngày 27/5/1975, Chu Ân Lai tung chăn, vùng dậy khỏi giường bệnh, kiên quyết bác bỏ những lời lẽ ấy. Một con người nho nhã vốn kính trên nhường dưới như Chu Ân Lai, đã phải dùng những lời phẫn nộ viết trong thư: "Trong lời ghi của ông trên bức thư nói bằng, trong thư của tôi có nhiều điều không chính xác. Vâng, vì thần kinh dưới da đầu tôi vẫn còn nhức nhối, những mạch máu dưới chân tôi vẫn còn đau đớn, tôi phải cố gắng trong hai ngày trời mới tìm được những câu chữ thích hợp để viết lại cho tương đối chính xác tình hình lúc bấy giờ". Sau đó, Chu Ân Lai dành phần lớn bức thư cho những lời tranh luận khó có thể bác bỏ được, đồng thời

cũng chính xác, tường tận bác bỏ những chỉ trích, trách cứ ác ý của Trương Xuân Kiều. Cuối cùng, ông viết bằng đầy những giận dữ bất bình: "Không biết rằng cái đoạn ghi nhớ này của tôi có tương đối chính xác hay không, nếu không chính xác, xin kính mời ông đồng chí cứ thực lòng sổ toẹt, sửa chữa, hoặc trả về để viết lại, tôi quyết không lấy điều đó làm phiền lòng, bởi vì chúng ta là những người thực sự cầu thị, tôn thủ lời dạy dỗ của Chủ tịch là 'ba cần, ba không cần' vậy".

Hội nghị còn chưa họp, mà mùi thuốc súng đã nồng nặc lên như thế đó.

Tiếp thu ý kiến của Mao Trạch Đông, ngày 27/5/1975 và ngày 3/6/1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng có hai cuộc họp đều do Đặng Tiểu Bình điều khiển, học tập quán triệt tinh thần bài nói của Mao Trạch Đông ở hội nghị Ban Thường vụ Bộ Chính trị ngày 3/5/1975, và tiến hành "giúp đỡ" Giang Thanh cùng một số người khác.

Ngay từ khi hội nghị còn chưa bắt đầu, trận tuyến của đôi bên đã bày đặt rõ ràng, hai quân đã sẵn sàng chiến đấu. Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm và một số người khác ngồi về một phía bàn hội nghị, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn ngồi ở phía đối diện bên kia.

Bước vào cuộc họp, Đặng Tiểu Bình nói nghiêm túc và trịnh trọng:

- Trong bài nói, trong chỉ thị của Chủ tịch tại hội nghị Bộ Chính trị ngày 3/5/1975, có nhắc tới rất nhiều nguyên tắc trong sinh hoạt nội bộ đảng, đó là những lời răn dạy, nhắc nhở đối với Bộ Chính trị, cơ cấu hạt nhân của đảng. Điều đó hết sức quan trọng đối với đảng chúng ta. Chính các đồng chí ở Bộ Chính trị phải ổn định đoàn kết, ba cần, ba không cần trước hết, có như vậy mới làm gương được cho toàn đảng.

Đặng Tiểu Bình gay gắt, sắc nhọn phê bình sai lầm của Giang Thanh và bè cánh, ông nói:

- Sau khi Chủ tịch ra chỉ thị vào ngày 23/4/1975, thì ngày 27/4/1975 Bộ Chính trị bắt đầu thảo luận. Có đồng chí bảo rằng trong hội nghị đó đã nói quá mức, quá đáng, cũng có đồng chí lại bảo rằng bỗng dưng bị công kích, bị bao vây. Tôi cho rằng, chẳng có gì là quá mức, quá đáng, hay bỗng dưng bị công kích cả. 40% của vấn đề còn chưa nói ra được, những điều nói ra được cũng còn đến 20% là những điều khó nói. Hội nghị năm ngoái phê bình Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh, Giang Thanh lại bảo rằng đó là cuộc đấu tranh về đường lối lần thứ

11 trong nội bộ đảng, đó hoàn toàn không phải là ý kiến của Chủ tịch, về sau đích thân Chủ tịch phải uốn nắn, cải chính. Phê phán Lâm Bưu, Khổng Tử lại đặt điều ra phê phán những người đi sau, và chỉ mặt điểm danh rất nhiều người. Khi học tập lý luận về chuyên chính vô sản, rồi phòng và chống xét lại, lại bè ra thành nguy hiểm chủ yếu là do chủ nghĩa kinh nghiệm với đầy vẻ hung hãn điên cuồng. Những việc khác sao chẳng mạnh mẽ ghê gớm cho, nhưng phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm sao lại ghê gớm mạnh mẽ thế. Chủ tịch đề xuất ra ba vấn đề lớn, nhưng lại chỉ tòi ra được sự việc nhỏ nhoi, rồi lại đề xuất ra được vấn đề khác, xin hỏi, thế là tại làm sao?

Trong bài nói của mình, Đặng Tiểu Bình đặc biệt nhấn mạnh là chỉ rõ "ba cần, ba không cần" là do tổng kết kinh nghiệm lịch sử mới có được, nên Bộ Chính trị phải hết sức chú ý nếu không loại trừ được sự bè phái là không xong. Nhìn không thấu chủ nghĩa bè phái, lũ bốn tên, điều đó phải hết sức cảnh giác.

Trong hội nghị, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Trần Tích Liên… tiếp nhau phát biểu ý kiến, gay gắt, nghiêm túc phê bình "bè lũ bốn lên". Cuối hội nghị, Vương Hồng Văn, Giang Thanh bị buộc phải kiểm điểm. Giang Thanh và một số người khác còn bị buộc phải viết thành bản kiểm thảo.

Mao Trạch Đông ủng hộ việc Đặng Tiểu Bình phê bình Giang Thanh, nhưng ông ta chỉ muốn vặn tắt ngọn lửa điên rồ của Giang Thanh, ngăn chặn những phiền hà rắc rối mà "bè lũ bốn tên" gây ra với việc "ổn định đoàn kết", tạo ra cho Đặng Tiểu Bình một không khí làm việc, nhưng tuyệt đối không phải là ông ta muốn hạ bệ Giang Thanh. Điều ông ta mong muốn là qua lần phê bình này, Giang Thanh biết co lại, giữ mình, còn Đặng Tiểu Bình cũng sẽ hài lòng. Thậm chí ông ta còn rất hy vọng rằng, giữa Giang Thanh và Đặng Tiểu Bình sẽ xua tan được hiềm khích cũ, và trong tương lai sẽ xích lại bên nhau đoàn kết, ít nhất cũng là bình an vô sự. Vì chuyện này mà ông ta đã thúc giục Giang Thanh đi tìm gặp Đặng Tiểu Bình chuyện trò trao đổi, với cái ý là để hai người hòa giải. Với áp lực đó của Mao Trạch Đông, Giang Thanh đành phải dẹp sự "kiêu kỳ", "tự hạ mình" đến nhà Đặng Tiểu Bình gặp gỡ, trao đổi với vẻ "thành tâm thành ý" vờ vịt.

Cả gia đình nhà tôi vẫn nhớ rõ ngày hôm đó. Nghe nói Giang Thanh muốn đến nhà chúng tôi ở phố Rộng, lập tức cả nhà đã ở tư thế cảnh giác. Mẹ tôi dặn dò mọi người, ai ở phòng người nấy, cấm hẳn việc bước ra khỏi phòng. Nếu như Giang Thanh mượn cớ đi xem một thứ gì đó, không ai được tùy tiện tiếp chuyện. Cần phải nhớ rằng, một câu nói tùy tiện, sơ hở nào đấy, đều có thể mang lại

những phiền toái không cần thiết. Ôi chao, cứ như là chuyện phòng dịch vậy, toàn gia rút vào lô cốt thâm nghiêm, tất cả đều đóng kín cửa ra vào, cửa sổ. Qua khe rèm cửa sổ, chúng tôi nhìn thấy Giang Thanh tới nhà. Bà ta trên đầu đội một chiếc mũ, trên mình mặc một chiếc áo khoác dài, vẫn cái kiểu vênh mặt, ưỡn ngực, đầy vẻ ngạo nghễ, tai ngược, và cố tình ra vẻ ta đây. Cha tôi chờ trong phòng khách, không ra đón, ngay cả mẹ tôi cũng ở trong phòng mình, không xuất hiện. Giang Thanh bước thẳng vào phòng khách của cha tôi, trò chuyện với "địch thủ" của mình - Đặng Tiểu Bình. Thời gian trò chuyện của hai bên không dài, khi bà ta từ phòng khách bước ra, ra về, cha tôi cũng không tiễn. Giang Thanh đã đến như thế, và cũng như thế ra về. Cuộc trò chuyện ấy, không có tranh luận, nhưng cũng chẳng có được chút hòa hoãn mâu thuẫn nào của cả đôi bên. Sau này, trong hồi ức, cha tôi nói: "Giang Thanh đến tìm tôi. Mao Chủ tịch bảo bà ta đến, bà ta không thể không đến. Chuyện trò cũng chẳng ra làm sao, bà ta tự tâng bốc một hồi, trình độ cũng xoàng thôi". Thực ra, giữa Đặng Tiểu Bình và Giang Thanh, tâm lý của nhau, hai bên đều nắm được hết sức rõ ràng, sự rẽ lối phân kỳ của hai người đã thuộc về căn bản, về nguyên tắc, cho nên một lần gặp gỡ, trao đổi làm sao có thể vá víu, kết hợp lại được.

Trong thời gian đó, Giang Thanh bị Mao Trạch Đông phê bình tuy trong lòng hận đến ghi xương khắc cốt, nhưng bề ngoài vẫn phải giả vờ làm ra vẻ "hòa hoãn". Mụ ta xưa nay vốn là kẻ lắm trò, nên chỉ cần một dây thần kinh nào đó co giật, là sinh ngay ra một trò mới. Mụ ta vốn hay phê phán sự "phục cổ", rồi lại phê phán Khổng Phu Tử, chẳng hiểu làm sao, đột nhiên lại tung ra và cổ động mốt y phục đời Đường. Có lẽ mụ ta cho rằng, sớm muộn thế nào, thì Mao Trạch Đông cũng đi sang thế giới bên kia, khi ấy mụ ta sẽ được sắm vai nữ vương. Khi làm vua đàn bà, mụ phải "lên ngôi", tất nhiên cần phải có "lễ phục". Ôi chao! Mụ ta phải mất bao tâm trí để khoe khoang bộ váy áo mang mùi vị triều đại nhà Đường, bên dưới là chiếc váy trắng đầy những nếp gấp, trông xấu xí, chẳng giống cái quái quỷ gì. Giang Thanh lại cảm thấy "cực đẹp", "cực mốt", mụ tự thiết kế, rồi gọi thợ đến, cắt may, mình mặc rồi đi khắp nơi tự quảng cáo, tự "bốc thơm". Vừa hay, vào lúc đó, lại là lúc mụ muốn chứng tỏ sự "hòa hoãn" của mình với mọi người, nên mụ đã tự động tìm đến Trác Lâm, phu nhân của Đặng Tiểu Bình, tìm mời Lâm Giai My phu nhân của Lý Tiên Niệm đến nhà mình để quảng cáo, tiếp thị món hàng rất đắc ý của mình, chẳng cần biết người ta có thích hay không, cứ ấn vào, bắt mỗi người may một bộ, và cũng bắt buộc phải chọn vải chọn mẫu ngay lập tức. Sau khi từ nhà Giang Thanh trở về, mẹ tôi rất chi là đau khổ, bởi vì cái thứ "trang phục đời Đường" ấy, nó chẳng ra cái của nợ nào hết, nó xấu xí, khó coi đến mức không làm sao mà mặc nổi. Mẹ tôi không hề

có một chút thích thú nào khi phải đến nhà mụ, bởi bà không muốn nhìn cái điệu bộ ngạo mạn, ngang ngược của mụ, đến gần như một thứ phải đi chịu tội vậy. Nhưng khi đó, không muốn đi cũng phải đi, không muốn may cũng phải may. Bộ "trang phục đời Đường" ấy sau khi may xong, cả nhà cùng "thưởng thức" bộ quần áo kỳ dị. Tất cả nhà cùng quây lại, đem bộ váy áo lật đi lật lại, ngắm nghía, rồi người này mặc thử, người kia mặc thử, mặc vào xong, lại vung tay, hất chân, làm điệu bộ, hát theo kiểu tuồng Kinh kịch, đi đi lại lại, múa may các động tác vui nhộn, khiến cho cả nhà được một mẻ cười vỡ bụng. Trong những năm đấu tranh tàn khốc, có được việc "quần áo đời Đường" cũng coi như một niềm vui hiếm có vậy…

Trong khoảng tháng 4, tháng 5/1975, là một cuộc đại giao đấu trực tiếp, xáp lá cà, cực kỳ gian nan đối với "bè lũ bốn tên", Chu Ân Lai sau khi tham dự hội nghị Bộ Chính trị ngày 3/5/1975, vì ốm đau nên không còn tham dự được buổi họp nào nữa, nhưng ông rất quan tâm, chăm chú theo dõi mọi diễn biến. Trước khi bước vào cuộc họp đấu tranh này, Chu Ân Lai đã trao đổi rất lâu với Đặng Tiểu Bình. Trong thời gian diễn ra hội nghị, ông lại tiếp tục trao đổi với Lý Tiên Niệm, Kỷ Đăng Khuê, Trần Tích Liên, Vương Hồng Văn, Tô Chấn Hoa…[83] để nắm biết cho thật tường tận tình hình hội nghị. Sau hội nghị, ông lại quên bệnh tật, vào ngày 7/6, ông trao đổi rất lâu với Đặng Tiểu Bình, Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh. Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình đề nghị Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh báo cáo thật chân thực những lời phát biểu tại hội nghị của Giang Thanh, Vương Hồng Văn v.v… với Mao Trạch Đông.

Tuy hội nghị Bộ Chính trị đã tiến hành phê bình "bè lũ bốn tên", và tại hội nghị Giang Thanh và một số người khác bị buộc phải làm "kiểm điểm", nhưng cuộc giao đấu ấy vẫn chưa kết thúc. Vào trung tuần tháng 6, Đặng Tiểu Bình đưa khách nước ngoài đi thăm Thượng Hải, đã chính thức truyền đạt với một kiện tướng của "bè lũ bốn tên" nằm tại Thượng Hải là Mã Thiên Thủy[84] về việc Mao Trạch Đông đã phê bình Giang Thanh và những người khác, cảnh cáo họ không nên bạ cái gì cũng nâng lên thành "pháp quyền của giai cấp tư sản" để phê phán lung tung, cần phải duy trì sự lãnh đạo của đảng, trên thực tế là nhắc nhở những con tốt biên của "bè lũ bốn tên" này không nên cứ liên tục mắc sai lầm như vậy nữa. Nhưng Mã Thiên Thủy và một số người khác lại là những bầy tôi trung thành của "bè lũ bốn tên", nên sau cuộc chuyện trò đó đã lập tức báo cáo mọi nội dung với "bè lũ bốn tên".

Căn cứ vào ý kiến của Mao Trạch Đông để dỡ bỏ, phân tán "bè lũ bốn tên",

Vương Hồng Văn bị đưa về Thượng Hải để hỗ trợ công tác. Do tình thế bức bách, ngày 28/6/1975, Giang Thanh bắt buộc phải giao nộp bản kiểm thảo cho Mao Trạch Đông và những Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị tại Bắc Kinh, với những lời lẽ vờ vịt cho có gọi là "tự phê bình". Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn ba người, ngoài miệng cũng thừa nhận sai lầm khuyết điểm của mình. Ngày 30/6/1975, Chu Ân Lai chuyển "bản kiểm thảo" của Giang Thanh tới Mao Trạch Đông để ông ta thẩm duyệt, đồng thời gửi cả tới các Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị tại Bắc Kinh. Trong lời phê của Chu Ân Lai, ông tỏ ý hoan nghênh bản kiểm thảo đó. Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình sau khi đọc xong cũng đồng tình với kiến nghị của Chu Ân Lai. Mao Trạch Đông phê duyệt bản kiểm thảo này.

Sau trận phê bình, Giang Thanh tuy đã cả một đời ngạo ngược, ngang ngạnh, cũng không thể không co vòi lại. Con người ngổ ngáo, ương bướng ấy nay phải nén lòng chịu ép một bề, và không còn thấy xuất đầu lộ diện trong một thời gian…

Vào tháng 6, trong một lần tiếp khách nước ngoài, Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình có chuyện trò với nhau. Khi nói tới Bộ Chính trị phê bình "bè lũ bốn tên", Mao Trạch Đông nói: "Tôi có thành tích là đã làm tạnh được vấn đề". Đặng Tiểu Bình nói: "Cuối cùng họ phủ nhận chuyện bốn người, các đồng chí ở Bộ Chính trị rất giận dữ, tôi nói cũng chẳng nên nói hết lời". Mao Trạch Đông nói một cách khẳng định: "Biện pháp đó là rất tốt, cũng phải dành cho họ một chỗ đất lui, chỉ cần mọi người hiểu là được. Tôi sẽ gặp Vương Hồng Văn, bảo ông ta đến gặp ông, và phải biết nghe lời ông, uy tín của ông ta chưa có". Đặng Tiểu Bình nói: "Lời nói cuối cùng của ông ta (chỉ Vương Hồng Văn), nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị thấy không thực". Mao Trạch Đông đành nói: "Giang Thanh cũng chẳng thích ông ta đâu, vẫn thường kêu ca về ông ta với tôi, ông ta cần phải làm việc cho tốt". Mao Trạch Đông đã chỉ đích danh một số người cùng với Giang Thanh: "Trước đây có thành tích chống Lưu Thiếu Kỳ, chống Lâm Bưu. Bây giờ lại đâm ra hỏng, chống Thủ tướng, chống Đặng Tiểu Bình, chống Nguyên soái Diệp Kiếm Anh, chống Trần Tích Liên. Cần phải nói cho Trang Tác Đống[85] biết rằng, có việc, cần tìm đến Trần Tích Liên chứ không nên chạy tới chỗ Vương Hồng Văn, Giang Thanh. Ở Bộ Chính trị, gió đã đổi chiều rồi. Ông làm Tổng Tham mưu trưởng là do Diệp Kiếm Anh đề nghị, tôi đồng ý". Mao Trạch Đông nói với Đặng Tiểu Bình mang đầy kỳ vọng: "Cây đẹp ở rừng, gió tất phải thổi, ông cần phải làm tốt mọi việc đi". Đặng Tiểu Bình cũng rất chân thành nói với Mao Trạch Đông: "Về mặt này, tôi rất có quyết tâm".

Cuộc giao đấu với “bè lũ bốn tên” do Đặng Tiểu Bình và các nhà cách mạng lão thành, với sự ủng hộ của Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đã kết thúc thắng lợi một phần, bởi cuộc đấu tranh còn lâu mới thực sự kết thúc, và cuộc đấu tranh về sau này vẫn vô cùng phức tạp và kịch liệt. Nhưng sự thắng lợi tạm thời này đã đặt một viên gạch vững chắc cho công cuộc chỉnh đốn toàn diện của Đặng Tiểu Bình.

Chỉnh đốn toàn diện

Được sự ủng hộ của Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình đao to búa lớn tiếp tục triển khai cuộc chỉnh đốn toàn diện. Những vấn đề tích lũy lại từ Cách mạng Văn hóa quả thật là quá nhiều, bây giờ muốn xoay chuyển được tình thế, chỉ có một cách chỉnh đốn toàn diện, chỉnh đốn toàn diện đến triệt để.

Tháng 4/1975, với sự thúc đẩy của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình, Trung ương đã ra quyết định: Trừ những đối tượng liên quan tới tập đoàn Lâm Bưu bị kiểm tra và một số ít người khác, còn tuyệt đại đa số những người bị giam khác đều được phóng thích. Trong đó, những người thuộc vấn đề "mâu thuẫn địch ta", những người có năng lực lao động đều được phân phối công tác hoặc lao động, nhưng người bị mất sức lao động cần được chăm nuôi, những người có bệnh tật được đưa đi bệnh viện chữa trị. Những người thuộc loại mâu thuẫn nội bộ nhân dân, sẽ sắp xếp bố trí thật thỏa đáng, được truy lĩnh lương, phân phối công tác một cách thích đáng, đảng viên được phục hồi đảng tịch, tham gia sinh hoạt đảng. Những người bị oan sai được minh oan. Đối với những người không thể có kết luận chính xác được về trở lại, đợi những kết luận của các cơ quan có liên quan. Đợt công tác kết thúc, Tổ chuyên án Trung ương sẽ tự giải tán. Căn cứ vào quyết định đó của Trung ương, có tới hơn ba trăm cán bộ cao cấp của Trung ương bị giam giữ lâu ngày được giải phóng, được nghỉ ngơi, khám bệnh, truy lĩnh lương, nhiều người trong số đó được bố trí công tác.

Ngày 17/5/1975, Mao Trạch Đông ra chỉ thị riêng biệt đối với cựu Hồng quân: Hạ Thành[86] và Phó Liên Chương.[87]

Khi Đặng Tiểu Bình chuyển thư của con gái Hạ Thành tới, Mao Trạch Đông phê: "Hạ Thành vô tội, đương nhiên cần phải bố trí công tác. Tất cả những điều vu cáo thất thiệt trước kia, đều xóa bỏ". Đối với Phó Liên Chương, Mao Trạch Đông phê: "Phó Liên Chương đã bị bức tử, cần phải phục hồi danh dự triệt để. Hạ Thành may còn sống, Phó Liên Chương đã về với đất. Ô hô buồn thay".

Hạ Thành và Phó Liên Chương đều là những bậc lão thành cách mạng, cả hai đều là thầy thuốc Hồng quân trị bệnh cứu người, trong suốt cuộc đời của hai ông, đã cứu được không biết bao nhiêu sinh mạng, vậy mà trong những ngày hòa bình, lại bị những kẻ xấu vu oan, hãm hại, khiến người ta ai ai cũng đau lòng đứt ruột. Hai bút phê đó của Mao Trạch Đông cũng có nghĩa là thêm một lần nữa,

chấp nhận công tác giải phóng cán bộ của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình là đúng đắn, và còn tạo thêm điều kiện cho việc sáng tạo, vạch chính sách thiết thực hơn. Với chính sách thiết thực vững chắc lần này, việc giải phóng cán bộ là một hành động lớn, tuy không triệt để, nhưng cũng đã có một số lớn cán bộ được giải phóng khiến cho tình thế đi theo chiều hướng có lợi, bước vào một bước mới quan trọng hơn.

Trong khi hết sức cố gắng vạch một chính sách thiết thực, giải phóng cán bộ, thì đồng thời, Đặng Tiểu Bình đã đẩy mạnh công tác chỉnh đốn toàn diện về các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, gang thép, quân đội v.v…

Tiếp theo việc chỉnh đốn toàn bộ hệ thống đường sắt, Đặng Tiểu Bình lại nắm chắc và tiến hành chỉnh đốn trong ngành sản xuất gang thép. Vào khoảng tháng 4, khi Đặng Tiểu Bình nghe tin ngành sản xuất gang thép còn tồn đọng những vấn đề rất nghiêm trọng, ông đã giận dữ nói: “Nếu cứ để tình hình tiếp diễn như vậy, thì đó chính là sự phá hoại, bây giờ là lúc phải hạ quyết tâm giải quyết vấn đề gang thép rồi”. Ông đề xuất, phải triệu tập một hội nghị gang thép toàn quốc.

Từ ngày 8 đến ngày 29/5/1975, Trung ương triệu tập, tổ chức một cuộc tọa đàm về ngành công nghiệp gang thép, do Đặng Tiểu Bình chủ trì. Trung ương đã triệu tập tới Bắc Kinh những bí thư phụ trách ngành công nghiệp của 17 tỉnh, thành phố và khu tự trị, những người phụ trách 11 xí nghiệp gang thép lớn, cùng những người phụ trách các bộ, các ủy ban có liên quan của Quốc vụ viện quyết tâm hết sức vươn lên, tiến hành chỉnh đốn, giải quyết những vấn đề nghiêm trọng, tồn đọng trong ngành gang thép. Trong hội nghị này, đầu tiên là Bộ trưởng Đường sắt Vạn Lý giới thiệu những kinh nghiệm chỉnh đốn ngành đường sắt. Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Cốc Mục có những bài nói hết sức quan trọng với hội nghị. Ngày 21/5/1975, tại hội nghị của Quốc vụ viện Đặng Tiểu Bình đã phát biểu những ý kiến quan trọng trong việc chỉnh đốn ngành công nghiệp gang thép. Ngày 29/5/1975 ông đã đến phát biểu ý kiến tại buổi tọa đàm. Trong bài nói của mình, Đặng Tiểu Bình vẫn với phong cách cũ là gọn gàng, mạch lạc, chỉ với hai câu sau khi mở đầu là ông đi thẳng vào vấn đề, ông nói: Trước mắt, ngành công nghiệp gang thép cần chú trọng giải quyết bốn vấn đề. Bốn vấn đề ông đưa ra là: thứ nhất, cần phải thành lập một ê kíp lãnh đạo kiên cường. Ông nói: sản xuất gang thép kém cỏi, vấn đề then chốt nằm ở ê kíp lãnh đạo, đó là ê kíp lãnh đạo nhu nhược, lười biếng, phân tán. Ê kíp lãnh đạo của Bộ Luyện kim cũng nhu nhược. Có ê kíp lãnh đạo phân tán, điều đó có liên quan đến hoạt động bè phái. Hiện nay có một vấn đề rất gay go trong hàng ngũ cán bộ là sợ hãi. không dám vuốt râu hùm. “Ê kíp lãnh đạo là bộ chỉ huy tác chiến. Sản xuất cũng

vậy, nghiên cứu cũng vậy, chống bè phái cũng vậy, tất cả đều là tác chiến. Bộ chỉ huy yếu kém, sẽ không có sức để tác chiến". Ông nói: "Nếu như vấn đề này không được giải quyết tốt, thì đừng nói chuyện dẫn đầu quần chúng tiến lên, mà ngay tới việc nhấc chân cũng chẳng nổi". Thứ hai là, cần phải kiên quyết đấu tranh với tính bè phái. Bước vào vấn đề này, thái độ của Đặng Tiểu Bình vô cùng kiên quyết. Ông nói: "Đối với tính bè phái, thái độ của lãnh đạo phải hết sức rõ ràng, tức là kiên quyết phản đối chống lại. Có những người làm khuấy đảo sự nghiệp của đảng tới mức trời u đất ám, mà còn đợi họ giác ngộ sao, liệu có kịp đợi được không? Cần phải học cách đương đầu với họ. Đối với bọn người bè phái, cần điều nên điều, cần phê nên phê, cần đấu nên đấu, không thể cứ chậm rì rì, ngồi yên mà chờ đợi. Đối với tính bè phái, cần phải hiệu triệu quần chúng, phát động quần chúng lên, cùng chống lại nó". "Biện pháp trị bọn người ấy, tức là phát động quần chúng, đấu tranh với họ, một tấc không nhường, mà cần phải có một thanh thế chứ không thể im lặng ù ờ ú ớ được. Chúng ta cần phải tin tưởng ở quần chúng, cầm văn kiện của Trung ương mà đi gặp trực tiếp, đối diện với quần chúng, làm cho tinh thần chân chính của Trung ương, nhà nhà đều hiểu, làm cho bà già, phụ nữ, trẻ con đều biết, huy động tính tích cực của quảng đại quần chúng chống chọi lại với tính bè phái". Ông nói tới sự kiên quyết đấu tranh với tính bè phái, nhưng ông cũng nói tới sự phức tạp của cuộc đấu tranh, ông nói: "Nói vậy không có nghĩa là không có ai phản đối. Tháng 3 năm nay, khi tôi nói chuyện ở hội nghị các bí thư các ngành công nghiệp toàn quốc, cũng đã có người nói rằng, đây là cương lĩnh của kẻ 'ngóc đầu dậy'. Loại người đó, có đấy, song ta chẳng sợ. Chỉ cần thái độ của chúng ta minh bạch rõ ràng, có một phương châm chính xác mọi việc sẽ ung dung hơn". Thứ ba: chính sách phải thiết thực chu đáo, ông nói: "Qua kinh nghiệm của Từ Châu khi giải quyết vấn đề đường sắt, thấy rằng, chính sách thiết thực, chu đáo là một vấn đề vô cùng quan trọng". "Với ngần ấy con người mà chính sách không thiết thực, vững chắc, liệu có thể phát động tính tích cực của quần chúng lên được không?" Thứ tư: nhất thiết phải xây dựng cho được những chế độ, quy tắc, quy định. Ông nói: sau khi đã làm tốt làm kỹ mấy vấn đề vừa nói ở trên, bước khẩn cấp tiếp theo là phải phát động quần chúng xây dựng những chế độ nội quy cần thiết, và kiện toàn chúng cho đầy đủ trọn vẹn. Đây chính là vấn đề tăng cường tính tổ chức, tính kỷ luật: "Đã có một thời kỳ trước đây, vấn đề chế độ quy định, quy tắc đều bị xếp xó, cho nên đã nảy sinh không biết bao nhiêu vấn đề. Có công xưởng kỷ luật rất lỏng lẻo, cán bộ công nhân viên có thể đi làm, cũng có thể nghỉ bỏ tùy tiện, có thể chấp hành chế độ, mà không chấp hành chế độ cũng không sao. Cần phải nói một cách hết sức minh bạch rằng, những hiện tượng đó, trước đây cho

qua, bây giờ không cho phép nó tồn tại". "Việc chấp hành mọi chế độ, quy tắc, quy định cần phải thật nghiêm minh, không nghiêm minh sẽ không xây dựng được cái gì hết". Lối nói của Đặng Tiểu Bình, khi mở đầu giản dị, khúc chiết thì khi kết thúc cũng cần phải gọn gàng khúc chiết như vậy. Cuối cùng ông nói: "tóm lại, muốn đẩy được sản xuất gang thép lên, có rất nhiều công việc phải làm. Theo tôi, nắm cho chắc bốn vấn đề nói trên là quan trọng nhất". Trong lần nói chuyện này, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra một khẩu hiệu nổi tiếng: "Lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh gang thép". Đặng Tiểu Bình đã lấy ba chỉ thị của Mao Trạch Đông "Về vấn đề lý luận", "Cần ổn định đoàn kết", và "Nâng nền kinh tế quốc dân lên cao" làm vũ khí, để triển khai cuộc đấu tranh kiên quyết với "bè lũ bốn tên".

Bài nói của Đặng Tiểu Bình từ đầu đến cuối không đầy ba nghìn chữ, nhưng quan điểm rõ ràng, thái độ rõ ràng và biện pháp cũng rõ ràng. Sau hội nghị này, Trung ương điều chỉnh ê kíp lãnh đạo Bộ Luyện kim, ra văn kiện mang số 13 của Trung ương: chỉ thị về việc cố gắng hoàn thành kế hoạch gang thép năm nay. Quốc vụ viện cũng thành lập một tổ chuyên môn để lãnh đạo công nghiệp gang thép. Chỉ sau không đến một tháng chỉnh đốn, tình hình sản xuất gang thép đã bắt đầu có chuyển biến tốt. Khoảng tháng 6, tình trạng sản xuất sa sút nghiêm trọng của mấy nhà máy gang thép lớn cũng đã chuyển biến theo phương hướng nhích lên, lượng sản xuất gang thép bình quân trong một ngày của toàn quốc đã vượt qua bình quân một ngày theo kế hoạch. Đến cuối tháng 6, việc chỉnh đốn ngành luyện kim đã thu được thành quả bước đầu.

Các xí nghiệp công nghiệp quân đội, bắt đầu từ tháng 3, đã tiến hành chỉnh đốn theo chỉ thị số 9 của Trung ương. Các xí nghiệp công nghiệp quân đội cũng chẳng khác gì các ngành khác, vấn đề nghiêm trọng nhất vẫn là vấn đề bè phái, và những kẻ cầm đầu các phái tạo phản nắm quyền hành. Ban công nghiệp quốc phòng đã dùng biện pháp "điệu hổ ly sơn" cho triệu tập tất cả những kẻ cầm đầu của các phái tạo phản nắm quyền trong các xí nghiệp lớn về Bắc Kinh "khai hội", tổ chức các lớp học tập, nhường quyền nắm sản xuất, nắm công tác cho những người có kỹ thuật chuyên nghiệp và có kinh nghiệm quản lý, làm cho tình hình sản xuất được chuyển hóa. Tháng 4, Đặng Tiểu Bình triệu tập và chủ trì hội nghị các xí nghiệp trọng điểm của công nghiệp quốc phòng, và ông nhấn mạnh lại việc thu gọn chiến tuyến, tinh giản loại hình, tăng cường tập trung thống nhất quản lý, nắm chắc và đi sâu vào nghiên cứu khoa học. Tháng 5, Quân ủy Trung ương triệu tập hội nghị Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, thảo luận đề nghị của Ủy ban khoa học quốc phòng về công tác sắp xếp việc nghiên cứu chế tạo

tên lửa chiến lược, và định rõ yêu cầu đầu tiên là phải nghiên cứu chế tạo tên lửa vượt đại châu. Từ ngày 20/7 đến ngày 4/8/1975 Trung ương lại triệu họp hội nghị công nghiệp quốc phòng, nghiên cứu vấn đề chỉnh đốn các xí nghiệp quân đội. Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm đến nói chuyện với hội nghị. Đặng Tiểu Bình nói vào ngày 3/8/1975, có ba điều chủ yếu, theo nguyên văn, tức là: “Vẫn là những điều đã nói”. Cái gọi là “đã nói”, cũng chính là nội dung đã được Trung ương nhấn mạnh nhiều trong suốt cả cuộc chỉnh đốn này. Lần này nói tới ba điều: điều thứ nhất, nhất định phải thành lập một ê kíp lãnh đạo dám đương đầu với công việc. Thứ hai, nhất định vẫn phải giữ vững chất lượng là hàng đầu. Thứ ba, phải quan tâm tới đời sống của quần chúng. Bài nói chuyện của Lý Tiên Niệm cũng nhấn mạnh, phải xây dựng được chế độ trách nhiệm trong xí nghiệp và trật tự sản xuất chặt chẽ. Sau hội nghị này, và qua hàng loạt những cố gắng, tình trạng hỗn loạn trong các xí nghiệp quân đội đã từng bước được uốn nắn lại, và tình hình sản xuất có chuyển biến tốt.

Đồng thời với việc chỉnh đốn ở ngành đường sắt, ngành gang thép, ngành công nghiệp quân đội và một số bộ môn khác, thì ngày 16/6/1975 và ngày 11/8/1975, Quốc vụ viện triệu tập hội nghị bàn về công tác kế hoạch. Lý Tiên Niệm, Trần Tích Liên, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong, Ngô Quế Hiền, Vương Chấn, Cốc Mục, Tôn Kiện cùng những đồng chí Phó Thủ tướng khác, và các ngành có liên quan, những người phụ trách các bộ môn kinh tế đều có mặt tham dự hội nghị. Trong thời gian đó, Quốc vụ viện cũng đã họp hội nghị lần thứ 6 để nghe báo cáo của hội nghị kế hoạch này. Hội nghị này đã thúc đẩy thêm một bước việc chỉnh đốn toàn diện trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, và xác minh phương châm tăng tốc phát triển nền kinh tế quốc dân.

Sau mấy tháng kiên quyết quả cảm chỉnh đốn, tình hình kinh tế của sáu tháng đầu năm 1975 đã bắt đầu có những dấu hiệu chuyển biến tốt. Vào tháng 10, Trung ương đã cho chuyển phát báo cáo về “tình hình sản xuất công nghiệp sáu tháng đầu năm nay” của Quốc vụ viện. Trong báo cáo nêu rõ: “Ba tháng trở lại đây, sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải đều ở mức tháng sau hơn tháng trước, dầu thô, than nguyên khai, sản lượng điện, phân bón hóa học, xi măng, động cơ đốt trong, giấy và bìa, lượng vận chuyển đường sắt ở tháng 5 và tháng 6 đã đạt được sản lượng trung bình ở mức độ cao chưa từng có. Tình hình sản xuất của công nghiệp quân đội cũng tương đối tốt”. “Giá trị tổng sản lượng công nghiệp trong toàn quốc sáu tháng đầu năm hoàn thành được 43% kế hoạch cả năm, thu chi thăng bằng, hơi có phần dư”. Mới chỉ có qua nửa năm cố gắng công tác và chỉnh đốn mà đã làm chuyển biến được tình trạng hỗn loạn toàn diện của

nền công nghiệp đình đốn do Cách mạng Văn hóa đem lại. Sản xuất công nghiệp đã xuất hiện một xu thế đầy triển vọng…

Điều đó chứng minh rằng Cách mạng Văn hóa làm cho sản xuất tụt xuống, sự phát triển kinh tế quốc dân bị ngưng trệ không nhích lên được, đời sống nhân dân đói khổ, không phải là không thể sửa chữa được, không phải là không thể làm thay đổi, mà chỉ cần ra sức chỉnh đốn, tình trạng hỗn loạn, mất trật tự hoàn toàn có thể uốn nắn lại được, trật tự kinh tế hoàn toàn có thể khôi phục, đời sống của nhân dân hoàn toàn có thể cải thiện được. Cứ nghĩ mà xem, nếu như không xảy ra mọi sự động loạn của Cách mạng Văn hóa, nếu như trong toàn quốc trên dưới nhất trí, toàn tâm toàn ý thực hiện phương châm đưa nền kinh tế quốc dân lên cao, thì trong vòng chín năm ấy, đất nước chúng ta hoàn toàn có thể phát triển tới trình độ có một thực lực kinh tế tương đối, đời sống của nhân dân có cơ thoát khỏi cảnh đói nghèo, vươn tới đời sống sung túc hơn. Chín năm trước, nước Nhật Bản bên cạnh chúng ta, về cơ sở và thực lực kinh tế, cũng chẳng hơn chúng ta là bao nhiêu. Nhưng trong chín năm, chúng ta làm Cách mạng Văn hóa, làm đại loạn, thì nước Nhật Bản lại dốc sức vào phát triển kinh tế và nghiên cứu kỹ thuật. Sau chín năm đó, nước Nhật Bản đã phát triển thành một cường quốc kinh tế trên thế giới, còn như chúng ta lại đang phải lao tâm khổ tứ, đổ sức vào làm chuyển biến một xã hội, một nền kinh tế đang hỗn loạn toàn diện. Sự động loạn của cuộc Đại Cách mạng Văn hóa này đã tiêu phí của chúng ta tròn trặn chín năm thời gian. Ôi chao, tròn trặn chín năm trời, quả thật là quá dài. Đất nước chúng ta, nhân dân chúng ta đã phải trả giá, một cái giá quá đắt!

Một giấc mộng chín năm phảng phất, khi mộng vừa chợt tỉnh, thế giới đã thay đổi quá nhiều. Khoa học kỹ thuật của các nước phát triển đã bước được một bước khá dài, sức sản xuất đã nhanh chóng bốc lên, thực lực kinh tế đã tăng lên quá mạnh mẽ. Ngay cả những nước lạc hậu đang phát triển, cũng đã có được những tiến bộ khiến chúng ta phải kính nể cúi đầu. Những quốc gia khu vực bên cạnh chúng ta, trình độ phát triển kinh tế so với chúng ta, họ đã vượt quá xa. Nhìn những cái đó ai không sốt ruột, ai có thể bình chân như vại được. Có người nói: Đặng Tiểu Bình tiến hành chỉnh đốn toàn diện là đúng, song quá gấp gáp. Đúng vậy, Đặng Tiểu Bình có gấp gáp thật. Nhưng làm sao lại không gấp gáp chứ? Ông phải đợi chờ khốn khổ trong sáu năm trời ròng rã, mới phục hồi được công tác, mới được xuất hiện trở lại. Ông đã phải trải qua một cuộc đấu tranh đầy gian nan nguy hiểm mới giành được quyền lực và cơ hội để tiến hành chỉnh đốn. Bản thân ông cũng đã bước vào tuổi cao 71 rồi, hơn nữa cuộc đấu tranh chính trị vẫn rối như tơ vò, bối cảnh chính trị trước mắt vẫn đầy những con số

luôn thay đổi khiến người ta chẳng được yên tâm. Thời gian, cơ hội đối với ông thực vô cùng quý giá. Ông muốn dẹp ngay bão tố cho biển yên sóng lặng, ông muốn đền đáp công ơn của nhà nước và nhân dân, chỉ có một cách là nắm cho chặt cơ hội khó có và cũng là cơ hội cuối cùng này. Ông buộc phải kiên quyết quả cảm, triệt để, vả lại đạo lý không cho phép ông chùn bước. Ông hoàn toàn biết rõ ràng như vậy sẽ làm cho thế lực của Cách mạng Văn hóa phẫn nộ, hơn nữa rất dễ có thể làm cho Mao Trạch Đông khó chịu. Ông điềm nhiên bước lên con đường mà ông đã sau nhiều năm tính toán quyết tâm lựa chọn. Một khi ông đã bước lên con đường ấy rằng thì thôi, không còn đắn đo gì nữa, bởi ông đã sớm gác cả tiền đồ chính trị, thậm chí cả tính mạng của ông ra bên ngoài rồi.

Kể từ ngày Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập, điều ông tin tưởng, phụng thờ chính là cái chính quyền ra đời từ trong gươm súng. Chỉnh đốn, toàn diện tất phải tiến hành chỉnh đốn quân đội. Từ ngày 24/6/1975 đến ngày 15/7/1975 Quân ủy Trung ương triệu tập hội nghị mở rộng, tham gia hội nghị có tới 70 người bao gồm các cán bộ phụ trách các tổng cục của quân giải phóng, các quân chủng, binh chủng, các học viện quân sự. Hội nghị trọng điểm thảo luận chấn chỉnh những tác phong sai trái trong quân đội và vấn đề giảm quân số, điều chỉnh biên chế thể chế, điều chỉnh lại cán bộ vượt ngưỡng biên chế v.v… Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn đến nói chuyện với hội nghị. Trong bài nói của mình, Diệp Kiếm Anh gay gắt lên án sự khuyến khích bè phái của “bè lũ bốn tên” làm cả toàn quốc chìm đắm trong khói đen khí độc. Ông phẫn nộ vạch tội Giang Thanh thọc tay vào quân đội với những âm mưu mong làm rối loạn toàn quân. Ông lớn tiếng kêu gọi những người dự hội nghị: “Các đồng chí hãy chống lại!” Ngày 14/7/1975, Đặng Tiểu Bình đến nói chuyện với hội nghị với tiêu đề “Nhiệm vụ chỉnh đốn quân đội”. Trong bài nói, ông mạnh bạo chỉ rõ, do bè lũ Lâm Bưu phá hoại, nên trong quân đội đang tồn tại những vấn đề nghiêm trọng: cồng kềnh, không tập trung, kiêu căng, xa xỉ, trì trệ v.v… Ông nói: “Quân đội chỉnh đốn cái gì? Tức là chỉnh năm từ nêu trên”. Ông nói: Quân đội phải kiên quyết chống bè phái, phải khôi phục lại truyền thống tốt đẹp. Công tác của quân ủy có hai việc. Một là: Quân đội phải chỉnh đốn. Việc thứ hai là cần chuẩn bị đánh trận. Quân đội phải nắm vững biên chế, nắm vững trang bị, còn phải nắm vững cả chiến lược nữa. Phải điều chỉnh các ê kíp lãnh đạo từ trên xuống dưới. Ê kíp lãnh đạo cần phải có uy tín, cần biết đám đương đầu. Ông nói: “Hiện nay rõ ràng rằng trong quân đội còn rất nhiều hiện tượng cần phải được chú ý, tất cả chúng ta cùng lo”. Ông nói tiếp: “Những hiện tượng xấu trong quyết định hiện nay, không thể không khắc phục truyền thống tốt đẹp mấy chục năm có thể kế thừa và phát huy nên được hay không là trông

nhờ vào bộ dây cua-roa của các đồng chí lão thành. Chỉ cần những người dẫn đầu vận hành cố gắng, chỉ cần làm được đúng tám chữ mà đồng chí Mao Trạch Đông đã nói: Đoàn kết, khẩn trương, nghiêm túc, linh hoạt, thì những vấn đề của quân đội giải quyết chẳng khó gì, đường lối, phương châm, chính sách của đảng đều có thể quán triệt được". Vào cuối hội nghị, Nguyên soái Diệp Kiếm Anh đích thân dặn dò, trò chuyện với những cán bộ cao cấp của quân đội, truyền đạt tới họ việc Mao Trạch Đông phê bình "bè lũ bốn tên". Nguyên soái Diệp Kiếm Anh còn nói cho họ biết rằng, Mao Trạch Đông nói: "Hiện nay có một 'Bang Thượng Hải', nên mọi người phải hết sức đề cao cảnh giác, giữ ổn định trong quân đội và nắm quân đội cho thật chắc"…

Ngày 15/7/1975, Diệp Kiếm Anh báo cáo tình hình hội nghị với Mao Trạch Đông. Ngày 19/7/1975, sau khi được Mao Trạch Đông phê chuyển, Trung ương cho chuyển phát những văn kiện có liên quan tới hội nghị này, và Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình sẽ nói chuyện với hội nghị. Tinh thần của hội nghị lần này đã được cán bộ chiến sĩ toàn quân nhiệt liệt hưởng ứng, ủng hộ. Sau hội nghị đó, đích thân Diệp Kiếm Anh lựa chọn, điều chỉnh, điều động các ê kíp lãnh đạo của các đơn vị lớn trong toàn quân, nên đã ngăn chặn được âm mưu chiếm đoạt quân quyền của Lũ bốn tên…

Khi Lâm Bưu rớt đài, lũ bốn tên do Giang Thanh cầm đầu, luôn luôn tìm mưu mẹo tiếm đoạt quyền của quân đội, nhưng chưa bao giờ có được quân đội trong tay, nên trong lòng đầy hằn học, tức tối. Đối với việc quân đội tiến hành chỉnh đốn, đối với lần hội nghị này, bọn chúng càng lộn tiết, ngứa mắt hơn, hận thù chất đầy trong đó. Khi hội nghị tiến hành chưa được bao lâu, Vương Hồng Văn và Trương Xuân Kiều đã vu cáo, công kích hội nghị quân ủy mở rộng rằng: "Lắm vấn đề quá". Khi Diệp Kiếm Anh và Đặng Tiểu Bình nói chuyện với hội nghị, họ lại nói một cách nham hiểm rằng: "Cần phê phán chẳng phải chỉ là hai người diễn thuyết này". Chính xác là như vậy, bọn họ tuy nhất thời chưa ngăn cản được Đặng Tiểu Bình tiến hành chỉnh đốn, nhưng quyết không chịu cam lòng nản chí, "hồi kịch hay" còn nằm ở phía sau.

Đồng thời với việc tiến hành chỉnh đốn ở lĩnh vực kinh tế và quân đội, Đặng Tiểu Bình còn bắt tay vào chỉnh đốn ở hai khu vực khác là giáo dục và văn hóa.

Bắt đầu từ tháng 5, Bộ trưởng Giáo dục, Chu Vinh Hàm, được sự giúp đỡ, ủng hộ của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình, căn cứ vào tinh thần của những cuộc nói chuyện nhiều lần của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình, tích cực bắt tay vào chỉnh đốn công tác giáo dục, ông đã nhiều lần đứng ra triệu tập những cuộc họp

gồm các giáo sư, cán bộ trong ngoài bộ, để nghe ý kiến và nắm bắt tình hình, nhằm đúng vào sự phá hoại của bè lũ Lâm Bưu và Giang Thanh đối với ngành giáo dục, đề xuất lại vấn đề giáo dục phải thích ứng với cơ sở kinh tế, cần phải phục hồi lại danh dự cho các nhà trí thức và các nhà giáo, phục hồi lại các mặt công tác trong hệ thống giáo dục đã bị phá hoại nghiêm trọng. Ông đã nhiều lần đến phát biểu ý kiến tại các hội nghị, trong hệ thống giáo dục, để quán triệt tới mọi người những chỉ thị của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình, xác định chính sách thiết thực với các nhà trí thức, đồng thời nghiêm khắc bác bỏ những tà thuyết phá hoại sự nghiệp giáo dục của lũ bốn tên. Những ý kiến và những biện pháp của Chu Vinh Hàm đã được các nhà giáo dục, quảng đại quần chúng, đã từng bị Cách mạng Văn hóa hãm hại, nhiệt liệt ủng hộ. Những người trong hệ thống giáo dục, căn cứ vào tinh thần của những cuộc nói chuyện đó, đã viết hàng loạt những bài báo, bài bình luận, và đã dẫn tới những phản ứng rất tích cực của xã hội. Chỉnh đốn công tác giáo dục như một ngọn gió xuân lành ấm áp lòng người, thổi tới tất cả những người trong ngành giáo dục, một ngành đã bị bọn Cách mạng Văn hóa đánh tới tấp đầu tiên.

Nhiệm vụ của công tác chỉnh đốn tiến hành trong toàn quốc là vô cùng gian nan và cũng vô cùng to lớn, cần phải kiến lập một ê kíp viết lý luận với đầy đủ sức chiến đấu. Sau khi đã suy nghĩ chín chắn, vào trung tuần tháng 6, Đặng Tiểu Bình đề nghị với Trung ương cho thành lập phòng nghiên cứu chính trị của Quốc vụ viện, chẳng bao lâu sau, phòng nghiên cứu chính trị của Quốc vụ viện được thành lập, người phụ trách là Hồ Kiều Mộc,[88] các thành viên gồm có Ngô Lãnh Tây,[89] Hồ Thắng,[90] Hùng Phúc,[91] Vu Quang Viễn,[92] Đặng Lực Quần[93] v.v… Qua danh sách của những thành viên ấy đã có thể thấy được rằng, đây là một đội ngũ gồm những “cây bút cứng”, có trình độ lý luận rất cao, cùng với sức chiến đấu rất mạnh. Khi phòng nghiên cứu chính trị của Quốc vụ viện vừa được thành lập, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đặng Tiểu Bình, họ đã bắt tay ngay vào việc khởi thảo các văn kiện về công tác chỉnh đốn toàn diện, và bắt đầu dùng ngòi bút sắc nhọn như gươm đao của mình, mở một cuộc đấu tranh kịch liệt nhằm thẳng vào phái tạo phản, lũ bốn tên kia.

Trong lĩnh vực văn hóa, kể từ khi Cách mạng Văn hóa tới nay, vẫn được lũ bốn tên coi như nằm trong “phạm vi thế lực” của mình, và được bọn họ khống chế nghiêm ngặt nhất. Muốn tiến hành chỉnh đốn trong lĩnh vực văn hóa, cái khó tương đối lớn. Ngày 9/7/1975, Đặng Tiểu Bình chỉ thị cho phòng nghiên cứu chính trị của Quốc vụ viện, thu thập, chỉnh lý mọi tình hình có liên quan tới lĩnh vực văn hóa giáo dục. Đặng Tiểu Bình nói, ngoài trăm hoa đua nở ra, còn có cả

trăm nhà đua tiếng nữa. Cần phải phòng ngừa đông cứng, văn chương bây giờ, nghìn cuốn như một, rặt một lối văn chương "bát cổ mới", phương châm của "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng" không được chấp hành đến nơi đến chốn, văn học, nghệ thuật phải sinh động hơn, phong phú hơn. Căn cứ vào chỉ thị đó của Đặng Tiểu Bình, phòng nghiên cứu chính trị của Quốc vụ viện bắt đầu thu thập, chỉnh lý các vấn đề trong lĩnh vực văn nghệ, đồng thời đưa những tình hình đã thu thập được trình Đặng Tiểu Bình đọc duyệt.

Những vấn đề nghiêm trọng tồn tại trong văn nghệ, cũng đã được Mao Trạch Đông cảm thấy và nhận ra. Vào đầu tháng 7 khi trao đổi với Đặng Tiểu Bình, ông ta cũng đã từng nêu ra: "Toàn chỉ là một thứ công thức cứng ngắc, đây đó lại còn những sai lầm nho nhỏ bị phê bình. Chẳng thấy trăm hoa đua nở ở chỗ nào. Người khác không được phép có ý kiến, không hay". Ngày 14/7/1975, Mao Trạch Đông đã có cuộc trao đổi bằng thư về vấn đề điều chỉnh chính sách văn nghệ. Mao Trạch Đông nêu ra: "Chính sách văn nghệ của đảng cần phải điều chỉnh một chút, một năm, hai năm, ba năm, cần phải mở rộng các tiết mục văn nghệ. Thiếu thơ ca, thiếu tiểu thuyết, thiếu tản văn, thiếu bình luận văn nghệ. Đối với các nhà văn, cần trừng trị kẻ trước cốt để răn đe người sau, ông ta còn nói: "Vấn đề văn nghệ chính là vấn đề tư tưởng, nhưng không thể gấp vội được, nhân dân không được đọc, thì cũng chẳng có cách gì mà bình luận được". "Xử lý con người cần phải chú ý, chưa chi đã cách chức người ta, chưa chi đã tống cổ người ta vào tù, đó chính là chứng thần kinh suy nhược". Thái độ của Mao Trạch Đông rõ ràng minh bạch là thế, nên đó chính là một cách ủng hộ có hiệu lực đối với việc chỉnh đốn ngành văn nghệ…

Chỉnh đốn văn nghệ, hoàn toàn không giống với cách thức chỉnh đốn các ngành khác. Đối với các ngành khác, biện pháp tiến hành chỉnh đốn bằng cách chế định chính sách, mở hội nghị, phát động quần chúng, điều động cán bộ, khôi phục và xây mới những chế độ, quy tắc, nội quy. Còn chỉnh đốn ngành văn nghệ, lại phải tiến hành trong hoàn cảnh đấu tranh gian nan, kiên quyết từng bước, từng bước một với lũ bốn tên.

Ngày 18/7/1975, Giang Thanh tùy tiện vu cáo bôi nhọ bộ phim "Lập nghiệp", phản ánh sự gian khổ xây dựng sự nghiệp của công nhân mỏ dầu Đại Khánh, là có vấn đề nghiêm trọng, ra lệnh cấm chiếu, và kêu gào bắt bớ "bóng đen hậu đài". Người đạo diễn phim này là Trương Thiên Dân thuộc xưởng phim Trường Xuân viết thư gửi Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình, thẳng thắn, không hề né tránh trình bày cách nhìn khác của mình so với cách nhìn, cùng sự phê phán của Giang Thanh và tổ hạt nhân của Bộ Văn hóa, đồng thời kiến nghị cho chiếu lại

phim này. Đặng Tiểu Bình đem trình thư của Trương Thiên Dân lên Mao Trạch Đông. Ngày 25/7/1975, Mao Trạch Đông bút phê vào thư của Trương Thiên Dân. Trong bút phê ghi rõ: "Phim này không có sai lầm lớn, kiến nghị cho phát hành. Không nên cầu toàn trách bị, bảo phim có đến những mười tội danh là quá đáng, như vậy không có lợi cho việc điều chỉnh chính sách văn nghệ của đảng. Thư này nên phát tới Bộ Văn hóa và đơn vị của người gửi thư". Sau khi những lời phê đó của Mao Trạch Đông được phổ biến xuống dưới, Giang Thanh đã ra sức chối cãi chống đỡ, đổ trách nhiệm cho người khác, bảo rằng mười tội danh đó không phải là của họ ấn áp vào, mụ độc miệng xưng xưng nói: "Trương Thiên Dân đi kiện điêu tôi". Mụ lu loa tiếp: "Cái thằng ôn con Trương Thiên Dân này, dám viết thư cho Chủ tịch, chắc hẳn là có người đứng đằng sau chống đỡ cho nó, đúng là có kẻ xấu". Mụ còn nói: "Có người buộc Chủ tịch phải phê thế". Mụ có ý chỉ Đặng Tiểu Bình là "bóng đen hậu đài". Mụ đã đoán đúng rằng, đã đến lúc chỉnh đốn văn nghệ, Giang Thanh nói một cách lộ liễu rằng: "Hiện nay có người đang tấn công bộ Văn hóa, đè nén, áp đặt lên Bộ Văn hóa. Con mẹ này sẽ địch lại bọn họ, con mẹ này không sợ".

Bất chấp Giang Thanh đanh đá chua ngoa như thế nào, Trung ương căn cứ vào chỉ thị của Mao Trạch Đông bắt đầu tiến hành chỉnh đốn chính sách thuộc một số bộ môn văn nghệ. Do Trung ương phê chuẩn, tạp chí *Nhân dân văn học*, tạp chí *Thi San* và một số tạp chí khác bắt đầu xuất bản trở lại, tổ chức những buổi diễn để kỷ niệm Nhiếp Nhĩ và Tẩy Tinh Hải, cho chiếu lại một số bộ phim mà Giang Thanh đã vu cho là "cỏ độc" và cấm chiếu. Trận sóng gió đối với phim "Lập nghiệp" thế là đã qua đi, nhưng cuộc đấu tranh để chỉnh đốn nền văn nghệ vẫn còn tiếp tục, thậm chí còn gay gắt hơn.

Cuộc đấu tranh dưới đây, đã được mở ra xoay quanh bộ phim "Ráng biển" (Hải Hà).

Bộ phim "Ráng biển", sau khi đã được hoàn thành vào đầu năm 1975, Chu Ân Lai, Chu Đức, Diệp Kiếm Anh v.v… đã lần lượt xem để duyệt, đều có sự khẳng định và đề nghị cho phát hành. Nhưng Bộ Văn hóa bị lũ bốn tên gợi ý, xúi giục, đã cho niêm phong toàn bộ âm bản và dương bản của bộ phim này, và chồng chất tội lỗi lên nó, bảo rằng đó là "tác phẩm tiêu biểu cho những đường dây đàn, ngóc đầu, quay trở lại". Đạo diễn của phim này là Tạ Thiết Li và Tiền Giang viết đơn kiện lên tận Mao Trạch Đông. Đơn thư của hai nhà đạo diễn này được Hồ Kiều Mộc và Đặng Lực Quần ở phòng nghiên cứu chính trị của Quốc vụ viện đọc, đọc xong trao ngay cho Đặng Tiểu Bình, Đặng Tiểu Bình đem thư đó chuyển trình lên Mao Trạch Đông. Ngày 29/7/1975, Mao Trạch Đông bút phê

lên thư kiện của Tạ Thiết Li và Tiền Giang: “In, phát tới toàn thể các đồng chí trong Bộ Chính trị”. Ngay hôm sau có bút phê của Mao Trạch Đông, rồi căn cứ vào ý kiến của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình cùng các đồng chí trong Bộ Chính trị có mặt ở Bắc Kinh, trong một hội trường nhỏ của Đại lễ đường Nhân dân, cùng xem duyệt bộ phim “Ráng biển”. Khi bộ phim được chiếu, người ta thấy nhà đạo diễn Tạ Thiết Li ngồi giữa Đặng Tiểu Bình và Lý Tiên Niệm, cùng xem và cùng bàn bạc. Kiện tướng của lũ bốn tên, Bộ trưởng Văn hóa Vu Hội Vịnh, ngồi sang một bên quan sát nhất cử nhất động trong hội trường, sau đó lập tức đến báo cáo với Giang Thanh.

Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm và các Ủy viên Bộ Chính trị khác nhận xét rằng “Ráng biển” chẳng có vấn đề gì, và Trung ương lập tức ra quyết định, phim này có thể cho chiếu trong toàn quốc. Sau khi “Ráng biển” được tung ra, Giang Thanh đành ngậm đắng nuốt cay trong dạ, đợi đến khi phê phán Đặng Tiểu Bình lần thứ hai, mụ liền “lật lại vụ án” này để tấn công và thanh toán nợ cũ. Mụ nói: “Ráng biển” là bộ phim được Đặng Tiểu Bình dung túng, bao che, và kêu gọi “thanh toán nợ nần”, và còn định bắt những người làm ra bộ phim này.

Rất nhiều nhà bình luận, tường thuật lại giai đoạn lịch sử này đều nói, năm 1975, là năm sân khấu lắm trò hay, là có ý chỉ đến việc sau khi Đặng Tiểu Bình điều khiển công tác của Trung ương, ông đã cùng với các đồng chí của mình, đầy khí phách và gan dạ, đao to búa lớn tiến hành chỉnh đốn toàn diện, khiến cho các mặt về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, quân đội và nhiều lĩnh vực khác đang bị phá hoại một cách nghiêm trọng trong Cách mạng Văn hóa có được cơ hội chấn chỉnh, khôi phục lại, và đã thu được những thành quả to lớn. Thành quả to lớn của lần chỉnh đốn này, được nhân dân toàn quốc, những người đã phải trải qua mọi nỗi khốn khổ của Đại Cách mạng Văn hóa, chính mắt nhìn thấy, đích thân chứng kiến sự khôi phục sản xuất, ổn định chính trị, khôi phục đời sống yên lành. Từ thực tiễn của sự chỉnh đốn, người ta đã nhìn thấy ý chí, nhìn thấy lòng tin, nhìn thấy chính nghĩa, nhìn thấy hy vọng…

Trong giai đoạn chỉnh đốn toàn diện của năm 1975, quả thật người ta đã thấy trên sân khấu lắm trò hay. Nhưng trong những lời thoại của diễn viên của những vở hát ấy, từ đầu đến cuối chỉ thấy những cuộc đấu tranh gay gắt, chỉ thấy những cuộc giao đấu giữa chính nghĩa với gian tà, và thấy rất nhiều những nhân tố biến ảo bất thường. Sân khấu lắm trò hay, vâng, kịch hay, giọng ngọt, hát có màu có vẻ, nhưng hát được cũng chẳng phải dễ dàng gì.

Ba văn kiện chỉnh đốn toàn diện

Vào giữa năm 1975, bệnh tật của Chu Ân Lai lại càng thêm nặng.

Lúc 8 giờ tối 5/6/1975, Đặng Tiểu Bình tổ chức một cuộc họp, để các đồng chí Trung ương nghe tình hình bệnh trạng và điều trị cho Chu Ân Lai do tổ bác sĩ điều trị thông báo.

Vào trung tuần tháng 6/1975, tổng thống Philippin, Mác-cốt đến thăm Trung Hoa, hội đàm với Mác-cốt là Đặng Tiểu Bình. Ngày 7/6 Chu Ân Lai hội kiến với Mác-cốt. Chu Ân Lai nói với khách rằng: “Bây giờ các cuộc hội đàm, các bữa tiệc mời khách đều do Phó Thủ tướng Đặng Tiểu Bình đảm nhiệm, để dành cho tôi có được một số thời gian nghỉ ngơi. Xin ngài thứ lỗi cho, tôi đang đau yếu nặng”. Thế là Chu Ân Lai đã dấn thêm một bước nữa giới thiệu Đặng Tiểu Bình với bạn bè thế giới, ông muốn tạo cho Đặng Tiểu Bình một hoàn cảnh công tác thuận lợi hơn.

Ngày 9/6/1975, tại nghĩa trang cách mạng Bát Bảo sơn tiến hành nghi lễ đặt xương tro của Hạ Long. Nguyên soái Hạ Long bị Lâm Bưu và Giang Thanh hãm hại trong Cách mạng Văn hóa, phải chịu đựng mọi sự đối xử tàn tệ cả về linh hồn lẫn thể xác. Tháng 6/1969, vì phẫn nộ mà chết cô đơn lặng lẽ trong nhà giam. Tháng 12/1973, trong một cuộc hội nghị, khi nhắc tới Hạ Long, Mao Trạch Đông đã nói sau khi tỉnh ngộ ra được: “Tôi thấy đã làm sai với đồng chí Hạ Long rồi. Tôi xin chịu trách nhiệm”. “Cần phải lật lại vụ án này”. Năm 1974, trong một lần nói chuyện với Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông nhắc tới việc minh oan cho Hạ Long. Lập tức Đặng Tiểu Bình truyền đạt chỉ thị đó với Bộ Chính trị trong một cuộc họp. Ngày 29/9/1974, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra quyết định phục hồi danh dự cho Nguyên soái Hạ Long. Sau năm năm ngậm hờn mà chết, vụ án oan của Nguyên soái Hạ Long cuối cùng đã được chiêu tuyết. Qua đời đã được sáu năm, cuối cùng xương cốt của vị khai quốc công thần này mới được mai táng. Những lão đồng chí của Hạ Long như Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình đều có mặt, họ dâng vòng hoa để tưởng niệm tới người chiến hữu đã chết oan. Chu Ân Lai bệnh tật cũng có mặt. Vừa bước chân tới, ông đã khóc thảm thiết gọi tên Hạ Long phu nhân là Tiết Minh với dòng lệ nóng hổi ròng ròng, ông nói bằng giọng run rẩy: “Tiết Minh ơi! Tôi không bảo vệ được anh ấy!” Sau khi Hạ Long mất, Tiết Minh bị tập đoàn Lâm Bưu bí mật áp giải đi giam giữ ở vùng núi Quý Châu, và cũng lại do Chu Ân Lai trăm kế

nghìn phương mới kéo được bà về. Tiết Minh cũng sụt sùi giàn giụa nước mắt nói với Chu Ân Lai: “Cảm ơn Thủ tướng đã quan tâm tới cả gia đình nhà tôi”. Con gái Hạ Long là Hiểu Minh thì nói: “Bác Chu, bác phải bảo trọng thân mình”. Chu Ân Lai chậm rãi nói với họ: “Tôi cũng chẳng còn được bao lâu nữa đâu”. Bất chợt, những tiếng khóc bi thương của những người có mặt cùng ào lên bởi không sao nén nổi nữa, những tiếng khóc thảm thê cùng một lúc vang lên. Những tiếng khóc này chính là sự bộc lộ mọi nỗi bi thương đã chứa chất trong trái tim mỗi người suốt chín năm nay trong phong trào Cách mạng Văn hóa, chính là những lời phản đối quyết liệt nhất, bi thương nhất đối với tội ác tày trời của bọn Cách mạng Văn hóa Lâm Bưu và Giang Thanh, và cũng là những lời tố cáo mạnh mẽ nhất đối với những sai lầm cực tả. Trong lễ truy điệu, Chu Ân Lai đã thay mặt Trung ương, trịnh trọng đọc điếu văn. Lật án, lật án, bắt buộc phải lật án. Nếu không lật lại án cũ, anh linh của những người dưới suối vàng làm sao yên ổn được! Nếu không lật lại án cũ, dân đen trăm họ trên đại địa Thần Châu làm sao được thong dong.

Sau khi dự lễ đặt xương tro hài cốt cho Hạ Long xong, lòng dạ Chu Ân Lai lại càng bối rối. Ông cần phải đem cái sợi sống mỏng manh cuối cùng ra giúp Đặng Tiểu Bình tiến hành cuộc chỉnh đốn đầy gian nan mà cũng đầy quả cảm này. Ngày 15/6, Chu Ân Lai có cuộc gặp gỡ với Đặng Tiểu Bình. Cũng trong thời gian này, trước sau ông cũng đã có nhiều cuộc trao đổi với Lý Tiên Niệm, Hoa Quốc Phong, Kỷ Đăng Khuê v.v… để nắm bắt tình hình. Ngày 27/6/1975, ngày 4/7/1975 và ngày 16/7/1975, là những ngày Chu Ân Lai gặp Đặng Tiểu Bình để trao đổi. Chu Ân Lai biết rằng, đấu tranh là ác liệt tàn khốc, là đầy những đá ngầm bãi cạn. Ngày 1/7/1975, sau khi chụp ảnh chung với những người làm việc bên ông xong, ông nói: “Đây là lần cuối cùng tôi chụp ảnh chung với các đồng chí, mong sao sau này các đồng chí đừng chỉ vào ảnh mà xỉa xói dằn mặt tôi”. Chu Ân Lai biết rằng lũ bốn tên hận ông đến thâm gan tím ruột, ông còn sống lúc nào bọn họ sẽ bới móc ông lúc ấy. Ngay cả ở sau lưng ông, bọn họ cũng chẳng chịu cam tâm nín miệng, và vẫn liên tục điêu toa vu vạ, và áp đặt lên ông các loại tội danh. Đối với cuộc đời, thế sự, ông đã nhìn thấu đáy. Đối với lũ bốn tên ông cũng không hề có một ảo tưởng nào. Đối với cuộc đấu tranh trong tương lai, lòng ông trĩu nặng lo âu.

Không ngoài dự đoán của Chu Ân Lai, những lời phê bình của Mao Trạch Đông với lũ bốn tên đúng chỉ là gió thoảng ngoài tai, Giang Thanh và đồng bọn lại thổi bùng lên một cuộc tấn công Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Ngày 12/7/1975 với sự bố trí của lũ bốn tên, báo *Văn hối ở* Thượng Hải cùng một lúc

đã cho in liền hai bài báo, lấy việc tể tướng Triều Cao định thoán đoạt ngôi báu từ thời từ xa xôi hơn hai nghìn năm trước làm nội dung phê phán nho gia, mà ẩn ý là nói Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình, vu cáo Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình là đại diện cho thế lực "khôi phục ngai vàng", kêu gào mở ra cuộc đấu tranh với thế lực của phái nho gia "khôi phục ngai vàng" này. Ngày 13/7/1975, báo *Quang Minh* cho in bài, lớn tiếng chống "chủ nghĩa kinh nghiệm" mà mũi giáo đã chĩa thẳng về phía Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Ngày 14/7/1975, báo *Giải phóng* ở Thượng Hải và một số báo chí khác đăng những bài phê phán, ám chỉ vào đích thân Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Chỉ trong một thời gian ngắn, đã có cả một cao trào phê phán, ám chỉ Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình, với mùi vị thuốc súng nồng nặc. Tháng 8, Vương Hồng Văn đã nhiều lần triệu tập hội nghị họp ở Thượng Hải, tung hỏa mù: "Phải cảnh giác với chủ nghĩa xét lại thượng đài", "cần chuẩn bị đánh du kích", "đánh trong ngõ hẻm", và đích thân đi kiểm tra, thị sát trang bị của dân quân, huấn luyện dân quân. Trong lòng trong dạ lũ bốn tên, cuộc đấu tranh kỳ này quyết liệt, nếu cá không chết, lưới sẽ phải rách. Nếu "văn đấu" mà không ăn thua gì, thì phải "võ đấu". Nhân vật Vương Hồng Văn dựng nghiệp bằng Cách mạng Văn hóa này, chẳng qua cũng mới là chỉ huy những trận võ đấu mang tính bè phái, vậy mà hoang tưởng đến độ định soái lĩnh dân quân "đánh trận", quả đúng là một cuồng vọng thảm hại.

Trong cuộc chiến giữa hai phe đối địch, trận tuyến đã chia ra phân minh như thế mà sự nguy hiểm vẫn luôn luôn rình rập, và hậu quả tử sinh vẫn còn chưa sao đoán trước được, Đặng Tiểu Bình vẫn bình thản như không. Ông không những đã không có những ảo tưởng phi thực tế, và cũng chẳng hề có một sự thỏa hiệp nào. Anh cứ việc đi mà chửi bới, còn tôi làm việc tôi, không có bất kỳ một động tĩnh nào. Lòng ông sáng như tuyết, chỉ có một điều là phải gấp gáp lên thôi, cần phải nắm chắc lấy thời gian, bằng mọi sự cố gắng, nỗ lực của mình. Cơ hội ấy, nó rất có thể biến đi trong nháy mắt.

Từ ngày 20/6 đến ngày 4/8/1975, Trung ương và Tỉnh ủy Chiết Giang, hội họp bàn bạc việc chỉnh đốn ở tỉnh Chiết Giang. Trong thời gian ấy, Đặng Tiểu Bình đã nhiều lần nghe báo cáo để nắm bắt tình hình ở Chiết Giang và công tác chỉnh đốn, đồng thời còn cử người đi điều tra nghiên cứu và hỗ trợ, giúp đỡ xử lý vấn đề Chiết Giang. Với sự giúp đỡ và bàn bạc của đích thân Đặng Tiểu Bình, Tỉnh ủy Chiết Giang trước hết xử lý về mặt tổ chức đối với những kẻ cầm đầu các bè phái, rồi trên cơ sở đó nắm chặt việc phục hồi sản xuất, thúc đẩy sự ổn định đoàn kết trong toàn tỉnh.

Ngày 4/7/1975, Đặng Tiểu Bình nói chuyện với học viên lớp thư viện khóa

bốn của Trung ương về chủ đề "Tăng cường sự lãnh đạo của đảng, chỉnh đốn tác phong của đảng". Trong khi nói chuyện, Đặng Tiểu Bình chỉ rõ: "Hiện nay, lãnh đạo của khá nhiều địa phương vẫn chưa xây dựng lại được, sự lãnh đạo của đảng bị suy yếu. Các cấp, cấp nào cũng có vấn đề này". Ông nói: giải quyết vấn đề này, then chốt của nó là phải xây dựng cấp lãnh đạo tỉnh, tăng cường sự lãnh đạo của đảng. Đặng Tiểu Bình gay gắt, nghiêm khắc phê phán tính bè phái. Ông nói: "Nếu như nói hồi đầu Cách mạng Văn hóa có hai phái hình thành một cách tự nhiên, bây giờ vẫn còn có hai phái, nhưng tính chất của nó đã khác đi rồi. Đồng chí Mao Trạch Đông nói, cần phải ổn định đoàn kết. Nhưng ta cứ để cho một thiểu số người nằm ở đó mà quậy phá, thử hỏi liệu có ổn định đoàn kết được không?" Ông nhấn mạnh thêm: "Cần phải lấy ba chỉ thị của Mao Chủ tịch làm cương lĩnh". Ông nói: "Muốn làm tốt việc ổn định đoàn kết, làm tốt việc phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, cần phải tăng cường sự lãnh đạo của đảng, phải phát huy cho được cái truyền thống tác phong ưu việt của đảng viên, và cũng rất cần phải kiên trì. Đây là một vấn đề vô cùng quan trọng".

Đồng thời với việc chỉnh đốn nối tiếp nhau trong các lĩnh vực đường sắt, công nghiệp gang thép, quân đội, giáo dục, văn hóa, và xây dựng đảng, xây dựng phong cách đảng, trung tuần tháng 7, Đặng Tiểu Bình đã cử Hồ Diệu Bang,[94] Lý Xương[95] đến Học viện khoa học, để triển khai công tác chỉnh đốn về mặt khoa học kỹ thuật. Khi gặp gỡ với các thành viên của tổ công tác cắm ở Học viện khoa học này, Đặng Tiểu Bình nêu rõ: "Then chốt của việc chỉnh đốn chính là ê kíp lãnh đạo, thông qua việc chỉnh đốn phải xây dựng cho được một ê kíp lãnh đạo có sức mạnh với chữ 'dám đương đầu'. Với tiền đề làm tốt việc ổn định đoàn kết, cần kiên quyết đấu tranh với tính bè phái, mới phát triển được nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và nghiệp vụ của các ngành".

Ông chỉ thị cho tổ công tác khi tới Học viện khoa học, thứ nhất, phải nắm vững tình hình, rồi báo cáo với Quốc vụ viện, thứ hai, cần phải làm được một danh sách tổ hạt nhân của đảng tại Học viện khoa học rồi báo cáo về Trung ương Đảng. Còn bản thân ông, ông tự nhận làm tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần để chi viện cho giới khoa học. Đồng thời với những lời căn dặn đó, Đặng Tiểu Bình còn đặc biệt quan tâm tới những chính sách sửa sai thiết thực, bố trí những công tác chuyên môn đúng với tài năng của những nhà khoa học nổi tiếng và ông cũng không quên hỏi han về đời sống cùng công việc của họ. Với sự quan tâm đó, những nhà khoa học nổi tiếng như Hoàng Côn,[96] Uông Đức Chiêu,[97] Ngô Trọng Hoa,[98] Đàm Cảo Hành,[99] Dương Nhạc,[100] Đường Hiếu Uy[101] v.v… đều được hưởng chính sách sửa sai thiết thực, và đều đã có những cống hiến

trong công tác bằng ngành nghề chuyên môn của mình.

Khi việc chỉnh đốn toàn diện đã đạt được một độ sâu nhất định, Đặng Tiểu Bình quyết định khởi thảo một số văn kiện để khẳng định những thành quả của chỉnh đốn lại.

Văn kiện thứ nhất do Ủy ban kế hoạch nhà nước khởi thảo với tiêu đề là: "Về một số vấn đề tăng tốc sự phát triển công nghiệp". Đặng Tiểu Bình rất coi trọng văn kiện này. Những thành quả rõ rệt của việc chỉnh đốn tiến hành trong một số lĩnh vực công nghiệp đã thu hoạch được, và bằng vào cơ sở đó nắm chắc thời cơ, đẩy mạnh thêm một bước việc chỉnh đốn là có thể làm cho cả một ngành công nghiệp khôi phục được trật tự, phát triển sản xuất, đồng thời lại còn thúc đẩy luôn được sự phát triển mạnh mẽ của cả một nền kinh tế quốc dân. Ngày 18/8, khi thảo luận về văn kiện này ở Quốc vụ viện, Đặng Tiểu Bình đã có bài nói chuyện quan trọng. Về văn kiện này, ông nêu rõ:

- Thứ nhất là phải xác định cho rõ tư tưởng lấy nông nghiệp làm cơ sở, và phục vụ nông nghiệp. Công nghiệp phải chi viện cho nông nghiệp, thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp, là nhiệm vụ trọng đại của công nghiệp.

- Thứ hai, cần phải nhập khẩu những thiết bị khoa học kỹ thuật mới. Cần phải tranh thủ xuất khẩu nhiều hàng hóa hơn để đổi lấy những thiết bị khoa học kỹ thuật cao, tinh xảo, mũi nhọn, tăng cường tăng tốc cải tạo khoa học kỹ thuật công nghiệp, để nâng cao năng suất lao động.

- Thứ ba: cần phải tăng cường việc nghiên cứu khoa học của xí nghiệp.

- Thứ tư: cần phải chỉnh đốn trật tự quản lý xí nghiệp:

- Thứ năm: cần phải nắm vững chất lượng sản phẩm.

- Thứ sáu: phải khôi phục và kiện toàn mọi chế độ quy tắc nội quy.

- Thứ bảy: cần nắm vững nguyên tắc phân phối theo sức lao động, bởi đó là vấn đề rất lớn từ đầu tới cuối của cả công cuộc kiến thiết xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ủy ban kế hoạch nhà nước căn cứ vào tinh thần của bài nói chuyện này, sửa chữa lại văn kiện đó, về sau văn kiện này được gọi là "20 điều về công nghiệp". Nội dung chủ yếu của văn kiện này là: một, học tập lý luận phải thúc đẩy ổn định đoàn kết, thúc đẩy sản xuất phát triển, không được đem việc làm tốt sản xuất ra mà phê phán là "Duy sản xuất luận" và "Chỉ coi trọng nghiệp vụ". Hai,

việc đầu tiên chỉnh đốn xí nghiệp là phải chỉnh đốn cho tốt ê kíp lãnh đạo trong khoảng thời gian trên dưới một năm, phái chỉnh đốn cho xong ê kíp lãnh đạo mới của tất cả các xí nghiệp, sẽ thay thế cho ê kíp lãnh đạo nhu nhược, lười biếng, phân tán, đoạt lại những quyền lực mà bọn người xấu đã đoạt được, xây dựng thành lập một ê kíp lãnh đạo nòng cốt, không trì trệ, có sức mạnh kiên cường chứ không phải lỏng lẻo và nhu nhược, có thể đánh những trận ác chiến chứ không phải những ê kíp chỉ khẽ kéo đã đổ. Ba, chỉnh đốn quản lý xí nghiệp, phải nghiêm chỉnh tuân thủ chấp hành chế độ. Tất cả các xí nghiệp đều phải xây dựng chế độ quản lý sản xuất, lấy quy định trách nhiệm theo cương vị công tác làm hạt nhân. Cần tăng cường tính kỷ luật của tổ chức để đấu tranh với tất cả những hiện tượng vi phạm chính sách, chế độ, kế hoạch và kỷ luật. Không hoàn thành kế hoạch nhà nước, cần truy cứu trách nhiệm lãnh đạo. Bốn, cần thực hiện chính sách sửa sai của đảng, những từ ngữ thất thiệt và những chiếc "mũ sai lầm" cưỡng chế, chụp lên đầu cán bộ, nhân viên kỹ thuật, công nhân, phải bãi bỏ cho hết. Cần phải tin tưởng vào cán bộ công nhân, khoa học kỹ thuật, phải tích cực phát huy tài năng cùng tác dụng của họ, thấy không cần thiết phải đổi nghề, thì nên có sự điều chỉnh thích đáng. Năm, đối với hành vi "cách mạng" được đề xướng của những người "tạo phản" và Cách mạng Văn hóa, cần phải tiến hành phân tích cho thật cụ thể. Nếu đúng, thì duy trì, ủng hộ, nếu sai thì phê phán, nếu phản động phải đình chỉ. Tất cả những người lấy danh nghĩa "tạo phản" chìa tay ra với đảng, xin vào đảng, xin làm quan, nhất luật không cho, cần kiên quyết đấu tranh với tính bè phái, phải quyết liệt đối đầu, một tấc không nhường. Sáu, giữ vững nguyên tắc, phân phối theo sức lao động. Không phân biệt lao động nặng hay nhẹ, năng lực yếu hay mạnh, cống hiến nhiều hay ít mà phân phối đều như nhau, sẽ không có lợi cho phát triển sản xuất. Cần quan tâm đến đời sống của công nhân viên chức. Bảy, cần phải thực lòng học tập những cái gì là tiên tiến của nước ngoài. Tất cả những quốc gia lạc hậu về công nghiệp trên thế giới, đều sử dụng biện pháp dựa vào kỹ thuật tiên tiến nhất, nước ta cũng phải làm như thế. Cần phải duy trì phương châm kết hợp giữa học tập người ta và sáng tạo của mình, học tập tất cả những gì gọi là tiên tiến của nước ngoài, có kế hoạch, có trọng điểm du nhập kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài, biến thành của mình, để tăng mạnh tốc độ phát triển nền kinh tế quốc dân. Tám, muốn thực hiện được hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, cần phải có rất nhiều nhân tài, cán bộ công nhân, nhân viên kỹ thuật đều phải đi theo con đường vừa hồng vừa chuyên.

Với quan điểm bây giờ mà xem xét, những điều được nhấn mạnh trong bài nói của Đặng Tiểu Bình cũng như trong "20 điều về công nghiệp" của Ủy ban kế hoạch nhà nước, đều là những đạo lý thẳng đuột, không lắt léo. Nhưng với Đại

Cách mạng Văn hóa, lại là thời đại của những kẻ tạo phản cầm trịch, là sự vô pháp vô thần, phải trái lẫn lộn, tất cả mọi chế độ, nội quy đều bị đập vụn, bóp nát. Trong xí nghiệp công nghiệp và toàn xã hội, phân phối theo lao động, nhập những kỹ thuật tiên tiến, tăng cường nghiên cứu, xây dựng nội quy, chế độ, quản lý nghiêm ngặt, phát huy tính tích cực của công nhân viên chức, của cán bộ và nhân viên kỹ thuật v.v… không những không được đề xướng, mà tất cả đều bị phê phán. Do đó bài nói về phát triển công nghiệp của Đặng Tiểu Bình, và trong "20 điều về công nghiệp" của Ủy ban kế hoạch nhà nước, từng điểm một đều chính xác nhằm đúng chỗ, đều đánh trúng vào cái huyệt tệ nạn, sai lầm của thời đại. Muốn sửa chữa, chấn chỉnh sự hỗn loạn của Cách mạng Văn hóa, muốn khôi phục và phát triển được sản xuất, muốn thực hiện hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, không phải là việc nói suông dăm ba câu ngoài miệng, hoặc hô hào vài ba câu khẩu hiệu nhẹ nhàng là xong. Chín năm Cách mạng Văn hóa tất cả mọi sự đúng sai, phải trái, nhân sinh quan, đạo đức quan, tất cả, tất cả đều bị bóp méo đến xuệch xoạc đi hết. Không hận thù nó, không nắm vững làm tới, không đập mạnh vào những sai trái cũ, không "có lỗi với người", dứt khoát không giải quyết được vấn đề.

Để tranh thủ được sự chấp thuận và ủng hộ của quảng đại cán bộ, quần chúng, Trung ương quyết định in ấn phát hành rộng rãi văn kiện này để trưng cầu ý kiến của mọi người. Mặc dù văn bản "20 điều về công nghiệp" mà vì nó Đặng Tiểu Bình bị phê phán lần thứ hai này, còn chưa kịp chính thức phát xuống dưới, nhưng lại do niềm khát vọng, mong mỏi sự ổn định đoàn kết, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống, cho nên trong quá trình khởi thảo cũng như trưng cầu ý kiến, văn kiện này đã được cán bộ các cấp lãnh đạo và giới công nghiệp cùng quảng đại quần chúng khắp nơi hoan nghênh, ủng hộ tiếp đón, đồng thời đối với việc chỉnh đốn ngành công nghiệp có một ảnh hưởng rất tích cực.

Văn kiện thứ hai là "Đề cương báo cáo" công tác của Học viện khoa học do đảng ủy của Học viện khoa học viết với tiêu đề: "Mấy vấn đề về công tác khoa học kỹ thuật". Văn kiện này được viết ra là căn cứ vào chỉ thị nhiều lần của Đặng Tiểu Bình, có sự phối hợp chặt chẽ của Hồ Kiều Mộc phụ trách Phòng nghiên cứu chính trị của Quốc vụ viện, và đích thân Hồ Diệu Bang, người do Trung ương cử tới cắm ở Học viện khoa học chủ trì, bắt đầu được khởi thảo luận từ tháng 7. Nội dung chủ yếu của "Đề cương" như sau: Một, bộ môn khoa học kỹ thuật nhất định phải có được sự lãnh đạo kiên cường về chính trị lại phải có cả sự lãnh đạo nghiệp vụ thiết thực, cụ thể. Đảng, chính quyền, cán bộ lãnh đạo cần phải cố gắng đi theo hướng vừa hồng vừa chuyên. Hai, khoa học kỹ thuật

cũng là sức sản xuất, nghiên cứu khoa học cần đi trước, để thúc đẩy, lôi kéo sản xuất cùng phát triển. Không có khoa học kỹ thuật hiện đại hóa cũng có nghĩa là không có khả năng hiện đại hóa công nghiệp, nông nghiệp và quốc phòng. Ba, cần phải bổ sung đầy đủ và tăng cường đội ngũ chuyên nghiệp, cần phải đi trước xây dựng một loạt những cơ cấu nghiên cứu khoa học kỹ thuật mới. Thực tiễn của khoa học kỹ thuật cũng là một loại thực tiễn của xã hội, những cuộc đấu tranh trong xã hội không thể thay thế cho nó được. Không thể không có phản biện, khi yêu cầu bất cứ công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật nào cũng đều phải lấy "công xưởng và nông thôn làm đất gốc", nó hoàn toàn không thích hợp với cái khẩu hiệu chung chung là mở toang cửa để nghiên cứu khoa học kỹ thuật". Bốn, tự lực cánh sinh, nhưng không đóng cửa giữ mình. Trình độ khoa học kỹ thuật của chúng ta so với trình độ của các nước tiên tiến, còn có một khoảng cách khá xa, để tranh thủ thời gian, để gia tăng tốc độ tất yếu là phải nhập những kỹ thuật và thiết bị tiên tiến đó. Năm, đồng thời với việc ra sức nghiên cứu ứng dụng, lẫn phải xem trọng và tăng cường nghiên cứu lý luận, không thể đánh đồng việc nghiên cứu lý luận với "ba thoát ly" v.v… được. Sáu, trên mặt trận khoa học kỹ thuật cần tăng cường mạnh mẽ hoạt động học thuật, mở thật rộng việc giao lưu học thuật, khuyến khích và cổ vũ việc tranh biện và thảo luận những ý kiến bất đồng trong học thuật, thay đổi không khí nhạt nhẽo và giản đơn do dùng biện pháp hành chính để xử lý vấn đề học thuật, đồng thời đề xuất chính sách sửa sai thiết thực, để có thể huy động được tính tích cực của các nhà trí thức.

Đặng Tiểu Bình vô cùng quan tâm tới việc khởi thảo "Đề cương" này, ông đã góp ý kiến rất nhiều và đích thân sửa chữa "Đề cương". Ngày 26/9/1975, khi nghe Hồ Diệu Bang đại diện cho tổ công tác tại Học viện khoa học báo cáo, Đặng Tiểu Bình đã xen vào rất nhiều lần tỏ ý chấp nhận, tán thành. Ông nêu rõ: "Nghiên cứu khoa học là một đại sự, nên cần suy nghĩ bàn bạc cho kỹ". "Nếu như công tác nghiên cứu khoa học của chúng ta không đi trước, chúng ta sẽ thành người kéo cẳng toàn bộ công cuộc xây dựng của quốc gia". Ông nói: đội ngũ khoa học kỹ thuật quá yếu kém, không đủ sức theo cho kịp người ta. Có một số rất ít người phải làm ăn theo kiểu bí mật, cứ như phạm tội vậy. Trần Cảnh Nhuận[102] là người nghiên cứu bí mật. Vậy thì tính là hồng chuyên hay bạch chuyên đây? Chẳng nói làm gì đến chuyện "bạch chuyên" cả, chỉ cần có ích cho nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, thì cũng còn hay hơn nhiều so với những người chỉ tính chuyện bè phái, hoặc kéo cẳng người khác. Ông nói, nhiều nhà khoa học lão thành đã bỏ nghề, đi làm nghề khác, người làm ăn không theo đúng

học vấn của mình, có số lượng rất lớn, cần phải phát huy cho được tác dụng của những người này. “Để ông ta làm Bí thư Đảng ủy, hay để ông ta làm nhân viên tạp vụ đây?” Ông nêu rõ: “Quy cho đến cùng, về nguồn về gốc, thì lại là vấn đề ê kíp lãnh đạo”. “Những người, thứ nhất là không hiểu nghề, thứ hai là thiếu nhiệt tình, thứ ba là bè phái, tại sao lại cứ vẫn lưu giữ ở lại trong ê kíp lãnh đạo? Trong số những nhân viên nghiên cứu khoa học kỹ thuật có người có học vấn, có kiến thức, sao họ lại không làm giám đốc được?” Ông nêu rõ: “Vẫn có những người kế tục sự nghiệp, đó chính là vấn đề đặt ra với Bộ Giáo dục. Bậc đại học, cuối cùng có được tác dụng gì? Bồi dưỡng ra người kiểu gì vậy? Có một số người tốt nghiệp đại học mà chỉ có trình độ của bậc trung cấp kỹ thuật, thì lập trường đại học để làm gì?” Ông đã chỉ đúng vào huyệt hiểm mà nói: “Chúng ta có một nguy cơ, mà có thể nó phát sinh từ ngành giáo dục, tức là kéo lùi toàn bộ trình độ hiện đại hóa của ta lại”. Khi nói về địa vị các thầy giáo, ông chỉ rõ: “Chỉ suốt ngày nghe bới móc nhiếc mắng làm sao mà huy động được tính tích cực của các nhà giáo?” Ông nhận định rằng, văn kiện này rất quan trọng, nó không chỉ có tác dụng quản lý được Học viện khoa học, mà nó có tác dụng với toàn thể giới khoa học kỹ thuật, giới giáo dục và các ngành khác. Với những chỉ thị chuẩn xác của Đặng Tiểu Bình, “Đề cương báo cáo” đã đánh thẳng vào khu cấm của Cách mạng Văn hóa, và chỉ rõ ra rằng: khoa học kỹ thuật cũng là sức sản xuất.

Do thực chất của “Đề cương báo cáo” này có quan điểm rõ ràng, thái độ minh bạch, nó cách nhau một trời một vực với tư tưởng tả khuynh vốn được thờ phụng xưa nay, nó quá ngược chiều nghịch mắt đối với thế lực của Cách mạng Văn hóa, cho nên sau khi đưa trình Mao Trạch Đông, mãi không được ông ta đồng ý cho chuyển phát xuống dưới, nhưng ngay từ khi nó được khởi thảo, nó đã mang một tinh thần mới, đầy thiết thực, khiến mọi người phải nghiêng đầu tròn mắt kinh ngạc, nó có sức cảm hóa, kêu gọi, đầy hấp dẫn, khiến lòng người phấn chấn, nó có được sự hưởng ứng mạnh mẽ nhiệt liệt trong toàn bộ các nhà khoa học, nhà giáo dục và nhà sản xuất, và nó cũng lại như một bó đuốc sáng trong đêm đen thăm thẳm, làm bùng cháy ngọn lửa hy vọng trong lòng người.

Thực tiễn của công cuộc chỉnh đốn toàn diện, tức là phải có gan, dám đánh phá vào tận khu cấm của Cách mạng Văn hóa và cũng lại rất cần có tư tưởng chỉ đạo thật rõ ràng, chính xác. Với những chỉ thị trực tiếp của Đặng Tiểu Bình, rồi do Lực Quần chủ trì, từ tháng 8, Phòng nghiên cứu chính trị của Quốc vụ viện bắt đầu khởi thảo một văn kiện khác mang tên: “Bàn về cương lĩnh tổng quát các loại công tác của toàn đảng, toàn đất nước”. Đây là văn kiện thứ ba, và gọi là “Cương lĩnh tổng quát”.

“Cương lĩnh tổng quát”, căn cứ vào tinh thần chỉ thị của Mao Trạch Đông về “Học tập lý luận của giai cấp vô sản chuyên chính”,” ổn định đoàn kết vẫn là tốt nhất”, và “Đẩy nền kinh tế quốc dân lên cao”, rồi đề xuất phải lấy ba chỉ thị đó làm cương lĩnh hoàn thành mục tiêu chiến lược hùng vĩ là thực hiện bốn hiện đại hóa.

“Lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh”, trên thực tế chính là thay đổi cách thức duy nhất xưa nay của bọn Cách mạng Văn hóa là “Lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh” và đặt hai nhiệm vụ: “ổn định đoàn kết” và “đẩy nền kinh tế quốc dân lên cao” vào “vị trí ngang hàng, đồng đẳng với việc đấu tranh giai cấp”. Trong hoàn cảnh như vậy lúc bấy giờ, giải pháp mang tính chất cương lĩnh này, có thể nói, nó là một cuộc đại đột phá vào Cách mạng Văn hóa kéo dài đã chín năm nay. “Cương lĩnh tổng quát” nêu rất rõ ràng: “Chúng ta phải tuân thủ sự giáo dục chỉ đạo của Mao Chủ tịch, chúng ta phải lý giải quan hệ đối lập thống nhất chính trị và kinh tế một cách biện chứng, và cũng phải nhận thức được rằng chính trị làm thống soái, song cũng cần phải biết công tác chính trị là để bảo đảm cho công tác kinh tế hoàn thành, và là cơ sở phục vụ kinh tế. Nhưng trong một số đồng chí chúng ta, cho đến nay vẫn dùng siêu hình học để nhìn nhận chính trị và kinh tế. Trong mối quan hệ cách mạng và sản xuất, người ta luôn luôn đem chính trị và kinh tế cắt rời ra khỏi nhau, cũng đem cắt rời cả cách mạng và sản xuất ra khỏi nhau, và cho nói chính trị mà không nói kinh tế, không nói sản xuất; khi chợt nghe thấy nói ‘cần nắm sản xuất, làm tốt việc xây dựng kinh tế’ là đã vội chụp cho người ta cái mũ ‘duy sản xuất luận’, và bảo người ta là xét lại. Loại quan điểm này, về căn bản là không có chỗ đậu chân”.

“Cương lĩnh tổng quát” cũng nêu rõ: “Trong những năm chiến tranh cách mạng gian khổ, Mao Chủ tịch luôn luôn coi trọng công tác xây dựng kinh tế, vẫn luôn luôn coi trọng tăng cường cơ sở vật chất cho chiến tranh cách mạng. Bây giờ đất nước chúng ta đã trở thành một nước xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản chuyên chính, đã có được công cuộc xây dựng hòa bình bằng điều kiện trong nước, song đất nước chúng ta vẫn phải đối diện với sự uy hiếp lật đổ và xâm lược của đế quốc chủ nghĩa và đế quốc xã hội chủ nghĩa, lẽ nào chúng ta lại không nên tranh thủ thời gian, dốc sức, nhanh chóng đưa nền kinh tế quốc dân của chúng ta lên để tăng cường cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội?”

“Cương lĩnh tổng quát” đã dùng lời lẽ theo kiểu “gậy ông đập lưng ông” tấn công một cách quyết liệt vào lũ bốn tên. Lời văn viết: “Những kẻ thù giai cấp phản chủ nghĩa Mác này, đã kế thừa trò ranh ma của Lâm Bưu, tiếp nhận tất cả những khẩu hiệu của cách mạng, rồi bẻ quẹo cắt xén đi, nhét đồ dởm của mình

vào, làm lẫn lộn trắng đen, đảo điên phải trái, làm cho tư tưởng của một số đồng chí chúng ta, của quần chúng bị nhiễu loạn, làm một số tổ chức đảng, một số địa phương bị hỗn loạn, làm phân liệt đảng, phân liệt giai cấp công nhân, phân liệt đội ngũ quần chúng, bọn chúng giương cao lá cờ chống chủ nghĩa xét lại để xét lại, giương cao ngọn cờ chống ngóc đầu dậy để ngóc đầu dậy. Họ hạ bệ tất cả những cán bộ tốt của đảng và những nhân vật tiên tiến gương mẫu, họ tiếm đoạt quyền lãnh đạo của một số địa phương và một số đơn vị, và họ thực hiện chuyên chính tư bản ở một số địa phương và một số đơn vị này".

"Cương lĩnh tổng quát" cũng lại nêu rõ: "Lê-nin đã từng nói: 'Thành quả của giáo dục chính trị chỉ có thể dùng việc cải thiện tình trạng kinh tế để đánh giá'. Mao Chủ tịch cũng đã từng nói: 'Những chính sách của tất cả chính đảng của Trung Quốc cùng tác động thực tiễn tốt xấu, lớn nhỏ như thế nào đều được trưng bày ra trước mắt nhân dân Trung Quốc, nói cho cùng, là xem nó, đối với sức sản xuất của nhân dân Trung Quốc có trợ giúp gì được hay không, và sự trợ giúp đó to nhỏ ra sao, xem nó có trói buộc sức sản xuất hay giải phóng được sức sản xuất'. Muốn phân biệt được chủ nghĩa Mác thật và chủ nghĩa Mác giả, phân biệt đường lối đúng đắn hay đường lối sai lầm, phân biệt cách mạng thật hay cách mạng vờ, phân biệt tiến hành xã hội chủ nghĩa thật hay xã hội chủ nghĩa giả, phân biệt những thành tích mà cán bộ đã làm được là tốt hay xấu, là lớn hay bé, suy cho cùng, chỉ có thể, và chỉ nên lấy những tiêu chuẩn mà Lê-nin và Mao Chủ tịch đã để ra mà cân đong đo đếm".

"Cương lĩnh tổng quát" đã đâm một nhát chết ngay và cũng không kém phần hài hước nêu rõ: "Sản xuất của một địa phương, một đơn vị rất xấu, mà lại cứ khăng khăng nói rằng, cách mạng làm được rất tốt, thì đó chỉ là những lời ma bùn dối trá. Những loại người đó cho rằng cứ nắm được cách mạng, tất yếu sản xuất phải đi lên, cái cách đặt vấn đề nắm sản xuất mà chẳng phải bỏ ra một chút sức lực nào, thì chỉ có những người chìm đắm trong huyền thoại, ma thuật luyện vàng, mới có thể tin được".

Nếu như nói hai văn kiện "Về một số vấn đề tăng tốc phát triển công nghiệp", và "Về mấy vấn đề của công tác khoa học kỹ thuật" của Học viện khoa học (tức "Đề cương báo cáo") là từ hai góc độ của hai ngành, phê phán và uốn nắn những sai lầm cực tả, thì "Cương lĩnh tổng quát" về mặt lý luận đã trình bày toàn bộ tư tưởng chỉ đạo cùng phương châm chính sách của nó, đã đưa mũi giáo đấu tranh chỉ thẳng vào lũ bốn tên, và sai lầm cực tả. Kể từ Cách mạng Văn hóa tới nay, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên… những tên tay đề gươm bút, đã lợi dụng cây bút trong tay mình, lợi dụng công cụ tuyên truyền là chúng khống chế được,

chế biến ra không biết bao nhiêu tà thuyết, ma luận, lập lờ đánh lận con đen, tung ra những lời phản phúc nhiễu tạp làm rợn tóc gáy, làm tắc nghẽn và giết chết không biết bao nhiêu tiếng nói, vu khống, hãm hại không biết bao nhiêu nhân sĩ chân chính, vô tội. Hôm nay, cũng là trong chín năm Cách mạng Văn hóa này, lần đầu tiên có người dám cầm bút lên, công khai, toàn diện giao tranh với chúng. Với sự lãnh đạo trực tiếp của Đặng Tiểu Bình, những người lãnh đạo của các ngành trong Quốc vụ viện như Cốc Mục, Hồ Diệu Bang, Chu Vinh Hàm v.v… cùng với Hồ Kiều Mộc cùng những người khác trong Phòng nghiên cứu chính trị nhằm thẳng vào lũ bốn tên tội ác rề rề mà tấn công toàn diện.

Lấy "Cương lĩnh tổng quát" làm gốc, hàng loạt văn kiện khác tung ra, như vạn mã đồng thanh, rung bờm vang hý, đó là tiếng của chính nghĩa, là tiếng của hy vọng, đó là mũi gươm chính nghĩa xọc thẳng vào thế lực tội ác của lũ bốn tên, là văn bản tuyên chiến của một cuộc chiến không thỏa hiệp với bọn chúng.

Thành tựu vĩ đại

Chỉnh đốn tiến hành toàn diện, công việc trăm đầu nghìn mối. Chín năm động loạn, đất nước bị trọng thương, khó bề đứng dậy nổi. Ba tháng 7, 8, 9 năm 1975, Đặng Tiểu Bình bận bịu ngập đầu.

Cùng với việc khởi thảo ba văn kiện, việc chỉnh đốn trong các lĩnh vực cũng trống chiêng rầm rộ khẩn trương tiến hành.

Vào tháng 8, Bộ Giáo dục triệu tập hội nghị tọa đàm, thảo luận vấn đề chỉnh đốn tiến hành trong toàn bộ hệ thống giáo dục. Từ ngày 26/9/1975 đến ngày 8/11/1975, căn cứ vào chỉ thị "Ngành Giáo dục cần chỉnh đốn" của Đặng Tiểu Bình, Bộ trưởng Giáo dục Chu Vinh Hàm chủ trì khởi thảo: "Đề cương báo cáo công tác giáo dục". Trong quá trình viết văn bản, Đặng Tiểu Bình còn tiếp tục ra chỉ thị nhiều lần. Ông cũng nhiều lần nhấn mạnh, thực hiện bốn hiện đại hóa là công tác lớn của đảng, ngành giáo dục có liên quan tới toàn bộ trình độ của hiện đại hóa. Đặng Tiểu Bình đã chỉ thị cụ thể như sau: "Viễn cảnh phát triển của 25 năm sau này, vấn đề then chốt là ngành giáo dục ta phải bồi dưỡng ra nhân tài". "Vấn đề người kế tục công tác nghiên cứu khoa học là vấn đề trọng tâm của ngành giáo dục. Hiện nay đang có một nguy cơ: không học. Giáo sư có vấn đề chức vị, ngành giáo dục cũng có vấn đề là phải huy động được tính tích cực của các giáo sư". "Đề cương báo cáo công tác giáo dục" cũng giống như ba văn kiện trong đó có "Cương lĩnh tổng quát", đã trở thành một trong những văn kiện có tính cương lĩnh để chỉnh đốn toàn diện. Văn bản này tung ra sẽ được quảng đại thầy trò trong ngành giáo dục nhiệt liệt hưởng ứng và ủng hộ, và cũng đã bị cả đám lũ bốn tên nhìn bằng cái nhìn kình địch.

Tháng 8, Đặng Tiểu Bình đề xuất phải chỉnh đốn toàn diện xí nghiệp. Đồng thời, trong cuộc nói chuyện với hội nghị các xí nghiệp công nghiệp trọng điểm của quốc phòng, với tiêu đề "Về việc chỉnh đốn các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng". Trong bài nói của mình, vẫn như xưa, vào đầu là ông đã nói toạc móng heo, cờ phướn rõ ràng nêu ra mấy điều: điều một, nhất định phải thành lập một ê kíp lãnh đạo với chữ "dám": dám đương đầu, dám kiên quyết đấu tranh chống bè phái, và phải xây dựng cho được nội quy, chế độ. Điều hai, nhất định phải duy trì chất lượng của điều một. Không có chế độ trách nhiệm cần thiết, chất lượng khó có thể bảo đảm được. Cần phát huy tính tích cực của cán bộ kỹ thuật. Chẳng phải là các cán bộ kỹ thuật đã từng bị gọi là "Lão Chín" đó sao?[103] Mao Chủ

tịch nói: “Lão Chín không bỏ đi được”. Nói vậy có nghĩa là, cán bộ kỹ thuật cần phải được coi trọng. Điều ba, phải quan tâm tới đời sống của quần chúng. Vấn đề này không phải chỉ nói một câu là giải quyết xong mọi chuyện, mà còn phải làm nhiều công việc thiết thực nữa. Thí dụ như lao động của công nhân gang thép nặng nhọc là như thế, mà rau thiếu, thịt thiếu, điều kiện cơ bản không đủ bảo đảm, vấn đề ấy cần phải được nghiên cứu giải quyết một cách cụ thể. Đặng Tiểu Bình là một con người làm những công việc cụ thể, trong bài nói của mình, ông cũng chẳng ngần ngại gì mà không nói đến việc phát triển nghề phụ, như thế vừa giải quyết được vấn đề đời sống của công nhân viên chức trong xí nghiệp, lại vừa có thể tăng được thu nhập kinh tế của nông dân.

Tháng 7, Đặng Tiểu Bình còn chỉ thị cho Hồ Kiều Mộc đem bài nói “Bàn về mười mối quan hệ lớn” của Mao Trạch Đông đã nói tại hội nghị Bộ Chính trị ở rộng năm 1956 ra chỉnh lý lại. Đặng Tiểu Bình viết thư kiến nghị với Mao Trạch Đông cho phép được đưa văn kiện này ra công khai. Trong thư Đặng Tiểu Bình viết: “Văn kiện này vô cùng trọng yếu, đối với bây giờ và sau này, đều mang ý nghĩa rất lớn về định hướng và chỉ đạo lý luận, mong sao văn kiện được đọc duyệt lại sớm, đọc duyệt xong sẽ cho in ấn công khai ngay, đồng thời làm tài liệu quan trọng trong việc học tập lý luận trên toàn quốc”.

Với kiến nghị của Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông tỏ ý đồng tình nhưng cũng lại có ý kiến là tạm thời chưa đưa ra công khai vội.

Tháng 8, trong không khí bận rộn trăm công nghìn việc, Cục Xuất bản nhà nước đưa tin về quy hoạch mười năm về việc in ấn từ điển ngôn ngữ Trung Quốc và nước ngoài, quy hoạch này đã được Chu Ân Lai phê chuẩn, lại đã được Đặng Tiểu Bình thẩm duyệt phê chuẩn.

Trong chín năm Cách mạng Văn hóa, chín năm từ bỏ văn hóa, chín năm không có sách, còn nói gì đến chuyện in ấn phát hành sách công cụ được. Đến nay Trung ương đã đề xuất, cần phải điều chỉnh chính sách văn nghệ, chính sách đối với trí thức, đến ngay việc xuất bản từ điển cũng lại được Trung ương, Quốc vụ viện trực tiếp mó tay tới, thật đúng là chuyện đáng mừng. Sự nghiệp văn hóa đã bị dày xéo chà đạp đến thảm hại trong Cách mạng Văn hóa, phải chăng thật sự là cây héo gặp mưa xuân, khổ tận cam lai rồi đây?

Tháng 9, trong điều kiện việc chỉnh đốn được tiến hành trong các xí nghiệp, tổ chức công đoàn, cũng bắt tay vào việc khôi phục, đồng thời chuẩn bị việc triệu tập đại hội đại biểu công đoàn toàn quốc lần thứ IX. Trong bút phê “Báo cáo chuẩn bị đại hội công đoàn lần thứ IX”, Đặng Tiểu Bình có chỉ thị: “Công

đoàn cần phải nắm sản xuất và đời sống, phúc lợi, không nên vì đã bị phê phán về "Duy sản xuất luận" mà không dám nắm sản xuất, không nên vì đã bị phê phán là "Công đoàn cơm áo gạo tiền" mà sau này không quản đời sống của công nhân viên chức nữa. Điều mà Đặng Tiểu Bình quan tâm, chú trọng là khôi phục sản xuất, hơn thế nữa, là đời sống và phúc lợi của quảng đại công nhân viên chức. Loạn lạc đã ngần ấy năm, mọi nỗi khốn khổ làm quảng đại công nhân viên chức đã phải nếm chịu, quả là quá nhiều rồi. Mọi sự động loạn cần phải chấm dứt, cần phải để cho nhân dân quần chúng được sống một cuộc sống no cái bụng với áo quần đủ ấm. Điều đó chẳng phải là một yêu cầu cao xa gì, nhưng lại là một nhiệm vụ cực kỳ gian nan.

Việc chỉnh đốn quân đội vẫn đang tiếp tục. Ngày 30/8, được Mao Trạch Đông và Trung ương phê chuẩn, Quân ủy Trung ương ra thông báo điều động bổ sung hàng loạt các sĩ quan cao cấp trong các đơn vị lớn của quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Một loạt tướng lĩnh của quân ta, đã từng bị hãm hại và đối xử tồi tệ không công bằng trong Cách mạng Văn hóa, nay đã trở lại đảm trách những chức vụ lãnh đạo trọng yếu. Trong quân đội, tuy Trương Xuân Kiều vẫn là Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, tuy những tàn dư độc hại trong bao nhiêu năm tập đoàn Lâm Bưu nắm quyền vẫn chưa hoàn toàn tẩy rửa hết, nhưng tổng thể mà nói, quân đội ta đã quay trở lại nằm dưới sự lãnh đạo của đảng, và lại do những tướng lĩnh trung thành của đảng nắm giữ. Tầng lớp lãnh đạo được đổi mới và quân quyền được ổn định, vững chắc, điều đó đã đặt được một nền móng vô cùng vững chắc cho cuộc chiến đấu quyết liệt sau này thu được thắng lợi quyết định.

Những vấn đề mà Đặng Tiểu Bình cần quan tâm thực tế là rất nhiều. Tháng 8, ông triệu tập cán bộ lãnh đạo ngành hàng không, điện tử, Bộ Công nghiệp binh khí và không quân họp, nghe báo cáo, và nhiều lần nhấn mạnh rằng, sản xuất của công nghiệp quân đội phải đặt chất lượng lên hàng đầu, đặc biệt là trang bị không quân. Ngày 19/8, khi ông ra sân bay tiễn khách nước ngoài, ông đã có cuộc nói chuyện với cán bộ phụ trách hàng không dân dụng về công tác phục vụ của hàng không, ông nhắc tới việc nhân viên công tác hàng không dân dụng cần phải thuần thục nghiệp vụ, cần cố gắng cải thiện chất lượng phục vụ, nâng cao trình độ và cần phải tăng cường bồi dưỡng, huấn luyện nhân viên nghiệp vụ.

Tháng 9, Đặng Tiểu Bình phát biểu ý kiến về vở kịch nói "Trăm núi nghìn sông" (Vạn thuý thiên sơn), đề nghị các tác giả văn nghệ cần phải dùng thủ pháp của văn nghệ để tái hiện chân thực lịch sử cuộc trường chinh. Có được sự quan tâm của Đặng Tiểu Bình và một số người khác, chẳng bao lâu sau, đã phá bỏ

được những rào cản của Giang Thanh và những kẻ khác, những tác phẩm ưu tú như "Ráng biển", "Ca vũ kịch Trường Chinh" tiếp nối nhau ra đời. Mùa xuân của văn nghệ tuy còn chưa tới, nhưng đã có thể nói cục diện thâu tóm thiên hạ của bè lũ Giang Thanh, cuối cùng đã bị đánh phá.

Từ ngày 12 đến ngày 28/9/1975, đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ 3 được tiến hành tại Bắc Kinh. Một cuộc hội nghị tưng bừng của giới thể dục thể thao, 31 đoàn vận động viên từ khắp nơi trong toàn quốc, với hơn một vạn vận động viên tham gia đại hội lần này, trong thời gian đại hội, bốn người trong một đoàn, đã sáu lần phá vỡ kỷ lục thế giới, hai người, hai lần lặp lại kỷ lục thế giới, còn có rất nhiều người đạt những thành tích ưu tú. Có được thành quả đó, chính là do Đặng Tiểu Bình sau khi xuất hiện trở lại, phụ trách hệ thống công tác thể dục thể thao, đã cùng với cán bộ quần chúng ngành thể dục thể thao đấu tranh với Giang Thanh cùng bè lũ đang thọc tay vào công tác này. Người gặp chuyện mừng, tinh thần bốc, các nhà lãnh đạo nhà nước như Chu Đức, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình v.v… đã thay nhau đến dự lễ khai mạc và bế mạc đại hội.

Năm 1975, sau khi Đặng Tiểu Bình điều khiển công tác thường ngày của đảng và nhà nước, ông đã kiên định và quả cảm thúc đẩy công cuộc chỉnh đốn toàn diện. Do được toàn đảng và toàn thể cán bộ trong toàn quốc ủng hộ, nên công cuộc chỉnh đốn toàn diện lập tức thấy hiệu nghiệm, nền kinh tế quốc dân đang bị đình trệ, giảm sút đã lập tức có chuyển biến hữu hiệu, bắt đầu nhích lên. Tổng giá trị sản lượng công nông nghiệp, so với năm trước tăng lên được 11,9%, trong đó giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp, lương thực, gang thép, than nguyên khai, dầu thô, điện, đầu tư xây dựng cơ bản, vận tải hàng hóa đường sắt, tổng kim ngạch bán lẻ, đều được tăng lên ở mức độ khác nhau. Thành quả của chỉnh đốn toàn diện, chính là thành quả vĩ đại của cuộc đấu tranh mà đảng và nhân dân chống sai lầm tả khuynh và lũ bốn tên, ý nghĩa của nó không chỉ nằm riêng ở chỗ làm xoay chuyển được nền kinh tế nguy ngập.

Từ một góc độ khác sâu sắc hơn mà nói, thì cuộc đấu tranh gian nan và vĩ đại này đã làm cho đảng và nhân dân toàn quốc nhìn thấy thành quả của cuộc chỉnh đốn, nhìn thấy sức mạnh của hành động, từ đó đã làm thức tỉnh được những hy vọng trong lòng nhân dân quần chúng, củng cố thêm ý chí của nhân dân quần chúng đấu tranh với thế lực tà ma của lũ bốn tên, và làm tăng thêm lòng tín nhiệm của nhân dân đại chúng đối với đảng và tiền đồ của đất nước. Kể từ sau khi phục hồi và trở lại công tác, cuộc đấu tranh giữa Đặng Tiểu Bình và lũ bốn tên chưa có một phút giây ngừng nghỉ. Đặng Tiểu Bình và những người khác ra sức đẩy mạnh chỉnh đốn toàn diện, đao to búa lớn, kiên cường quả quyết, lũ bốn

tên cũng ra sức cướp quyền đoạt vị, thu thập tài liệu, tìm kiếm tội danh. Còn Mao Trạch Đông ngồi ở vị trí cao chót vót, lại mong muốn hai bên thỏa hiệp, hợp tác cùng nhau. Hy vọng của Mao Trạch Đông là không phù hợp với thực tế. Trận chiến này là trận quyết chiến tử sinh có liên quan tới tiền đồ của đất nước và số phận của nhân dân, không hề có một mảnh đất trắng nào dành cho việc tháo lui, quay về.

Ba tháng 7, 8, 9/1975, việc chỉnh đốn toàn diện đã lên đến cao trào, cuộc sống mái của đôi bên cũng đã lên đến cao trào sinh tử.

Từ ngày 15/9/1975 đến ngày 19/10/1975, Quốc vụ viện triệu tập một hội nghị "Nông nghiệp học Đại Trại", tham gia hội nghị gồm có người phụ trách các đơn vị có liên quan của Quốc vụ viện, người phụ trách của các tỉnh, địa,[104] huyện và đại biểu của rất nhiều đơn vị nông nghiệp, khoa học kỹ thuật, tài mậu v.v… Mục đích của hội nghị này nhằm thảo luận những vấn đề như xây dựng cấp huyện kiểu Đại Trại, cơ giới hóa nông nghiệp, chỉnh đốn hợp tác xã, đội sản xuất v.v…

Ngày 15/9/1975, đại hội được triệu tập họp tại đội sản xuất Đại Trại tỉnh Sơn Tây, Đặng Tiểu Bình nói chuyện tại buổi lễ khai mạc. Đặng Tiểu Bình nêu rõ hội nghị này là hội nghị rất quan trọng, có nhiều cán bộ lãnh đạo các cấp cao nhất đến dự, sau đại hội bảy nghìn người hồi năm 1962. Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh vào sự quan trọng của hiện đại hóa nông nghiệp, ông nói, nông nghiệp hiện đại hóa, công nghiệp hiện đại hóa, quốc phòng và khoa học kỹ thuật hiện đại hóa, đem bốn cái hiện đại hóa này so sánh với nhau, thì hiện đại hóa nông nghiệp là tốn sức nhất. Ông nói, nông nghiệp là cơ sở, không kể là công nghiệp phát triển nhanh như thế nào, không kể là trình độ khoa học kỹ thuật của ta nâng cao lên được đến đâu, vẫn còn phải có sự phát triển của cơ sở nông nghiệp này, mới có thể đẩy được ba cái hiện đại hóa kia tiến tới. Nếu nông nghiệp làm ăn không ra làm sao, rất có thể sẽ kéo áo công cuộc xây dựng đất nước ta thụt lùi. Ông yêu cầu các địa phương trong toàn quốc, các tỉnh ủy phải nắm cho được nông nghiệp, những khu vực công nghiệp càng phát triển bao nhiêu lại càng phải nắm bắt nông nghiệp bấy nhiêu, càng phải đặt nông nghiệp lên vị trí thứ nhất. Ông còn nói cả đến vấn đề chỉnh đốn nữa. Ông nói hiện nay trong toàn quốc chúng ta đang tồn tại một vấn đề là cần phải chỉnh đốn các phương diện. Phải chỉnh đốn quân đội, đó là chỉ thị của Mao Chủ tịch. Mao Chủ tịch nói: quân đội phải chỉnh đốn, các địa phương phải chỉnh đốn, địa phương tức là rất nhiều mặt. Công nghiệp cần phải chỉnh đốn, nông nghiệp phải chỉnh đốn, thương nghiệp cũng cần

phải chỉnh đốn, văn hóa giáo dục cũng cần phải chỉnh đốn, đội ngũ khoa học kỹ thuật cũng cần chỉnh đốn. Về văn nghệ Mao Chủ tịch gọi là điều chỉnh, trên thực tế vẫn là chỉnh đốn. Ông nói, các mặt công tác đều phải chỉnh đốn cả.

Bài nói chuyện của Đặng Tiểu Bình nhận được sự hưởng ứng và ủng hộ nhiệt liệt trong đại hội và quần chúng. Đối với việc này, bè phái lũ bốn tên tất nhiên phải găm đầy một bụng tức. Giang Thanh không sao chịu đựng nổi. Trong khi Đặng Tiểu Bình nói chuyện, mụ ta ngồi một bên, thỉnh thoảng lại cạnh khóe, châm chọc, xen lời vào, tỏ vẻ không tán thành. Có một lần ở cuộc tiếp kiến quần chúng Đại Trại và cán bộ, mụ đã nhảy ra tung lên những lời ngông cuồng. Hội nghị thảo luận vấn đề nông nghiệp, mà mụ lại đại ngôn bình luận *Thủy Hử*.[105] Mụ nói: "Không nên coi việc bình luận *Thủy Hử* chỉ là việc bình luận văn nghệ, các đồng chí ạ, không thể nói như thế được đâu. Không đúng, không chỉ là đơn thuần bình luận văn nghệ, không phải chỉ là chuyện lịch sử đơn thuần. Đối với hiện tại nó vẫn có ý nghĩa hiện thực của nó. Bởi vì trong đảng ta đã có tới mười lần sai lầm về đường lối. Từ nay về sau vẫn còn có thể có, kẻ địch biết thay hình đổi dạng để ẩn náu trong đảng chúng ta". Mụ nói với ý chỉ mặt: "Tống Giang[106] lên Lương Sơn, tiếm đoạt quyền lãnh đạo. Lão ta đã tiếm đoạt quyền lãnh đạo như thế nào? Các đồng chí ạ, sau khi lên núi, lão ta lập tức cho Tiều Cái[107] ngồi chơi xơi nước. Lão ta đã cho ngồi chơi xơi nước như thế nào? Lão gom tất cả các quan lớn, tướng to, võ quan, thư lại, đưa lên Lương Sơn tất tật, rồi bá chiếm cương vị lãnh đạo. Đây là đường lối tổ chức của lão". Mụ hằn học kêu gọi: "Chúng ta không chỉ thừa nhận rằng ngọn lửa đấu tranh giai cấp chưa tắt, mà còn nhìn thấy cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai đường lối trong đảng ta".

Điều hiểm trong câu chuyện này của Giang Thanh là nói về chuyện *Thủy Hử*: "… khi vừa mới lên đến Lương Sơn, Tống Giang đã cho ngay thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Lương Sơn là Tiều Cái ngồi chơi xơi nước". Dụng ý của Giang Thanh chỉ nghe qua đã rõ, mụ nói Tống Giang nhưng lại là chỉ Đặng Tiểu Bình. Tống Giang cho Tiều Cái ngồi chơi xơi nước tức là Đặng Tiểu Bình cho Mao Trạch Đông ngồi chơi xơi nước vậy. Cái hiểm độc của Giang Thanh trong chuyện này là ở chỗ tuy mụ chỉ là kể chuyện cho nông dân, cho cán bộ tham dự hội nghị nghe, nhưng chính là kể cho Mao Trạch Đông nghe vậy. Ở Đại Trại, Giang Thanh còn triệu tập một số đơn vị văn hóa giáo dục tổ chức một buổi tọa đàm. Trong cuộc họp mụ còn nham hiểm nói: "Bình luận chuyện *Thủy Hử* là có chuyện đáng nói của nó. Tống Giang cho Tiều Cái ngồi chơi xơi nước, vậy bây giờ có ai cho Chủ tịch nói chơi xơi nước không? Theo tôi là có đấy". Mụ còn vô liêm sỉ nói: "Trong đảng ta, có phái ôn hòa, có phái hữu, lãnh tụ phái hữu chính

là bỉ nhân đây". Mụ còn bịa tác ra nói thêm: "Gần đây còn có một số người đem lá thư của Chủ tịch phê bình tôi - chính Giang Thanh và bọn họ chuyển cho Bộ Chính trị - Bộ Chính trị còn chưa thảo luận, đã cho tung ra ngoài rồi". Mụ lại điên cuồng gào thét: "Tôi, con người này, ngày nào cũng bị trách mắng, bọn theo chủ nghĩa xét lại chửi tôi, một người đảng viên cộng sản có sợ chửi không?" "Ở Bắc Kinh tôi đã đấu lại bọn họ già nửa năm nay rồi". Giang Thanh còn đưa những đòi hỏi vô lý, mụ đòi đại hội cho phát băng ghi âm bài nói của mụ, đòi phải in ấn phát cho mọi người bài nói của mụ.

Một hội nghị nông nghiệp học tập Đại Trại, trên thực tế đã trở thành chiến trường trực tiếp giao đấu giữa Đặng Tiểu Bình và lũ bốn tên. Ở hội nghị, người nào nói việc của người ấy, sự phân liệt về chính trị đã thật rõ ràng. Gần bốn nghìn cán bộ các cấp, các địa phương trong toàn quốc, đã được chứng kiến tận mắt những việc đó. Đặng Tiểu Bình là con người làm những công việc cụ thể và kiên định, Giang Thanh thì điên cuồng và ngạo mạn, đã để lại cho người tham dự hội nghị những ấn tượng cực kỳ sâu đậm. Trong khi toàn đảng toàn dân đang có một đòi hỏi khẩn thiết là ổn định, đoàn kết và nâng nền kinh tế lên cao thì lòng người hướng về đâu, chẳng còn phải dài lời vô ích.

Giang Thanh vô lý quậy phá, đòi phát băng và in ấn tuyên truyền bài nói của mình, Phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp Hoa Quốc Phong phải thỉnh thị ý kiến của Mao Trạch Đông. Sau khi biết được thái độ ngang ngược của Giang Thanh ở hội nghị Đại Trại, Mao Trạch Đông nổi cáu lên. Ông ta đã từng, một rồi hai, hai rồi ba lần, cạn lời hết nhẽ năn nỉ, dặn dò và phê bình, nhưng Giang Thanh chỉ nghe mà chẳng thấy, chứng nào vẫn tật ấy không thay đổi sửa chữa. Mao Trạch Đông bắn gắt dùng lời thô tục phán bài nói của Giang Thanh: "Rắm rít, lạc đề". Mao Trạch Đông chỉ thị: "Văn bản không nên phát, ghi âm không nên mở, bài nói không nên in!" Mao Trạch Đông đã dùng liền ba chữ "không nên", để thêm một lần nữa ủng hộ Đặng Tiểu Bình, và cũng là thêm một lần nữa đánh vào đám khói đen lửa độc của lũ bốn tên. Hoa Quốc Phong căn cứ vào chỉ thị của Mao Trạch Đông, cự tuyệt sự đòi hỏi vô lý của Giang Thanh, đồng thời chỉ thị cho Vương Khiêm, bí thư Tỉnh ủy Sơn Tây, không được cho phổ biến bài nói của Giang Thanh ở Sơn Tây. Cuộc ác chiến ở hội nghị học Đại Trại đã hạ màn như thế.

Từ ngày 23/9 đến ngày 21/10/1975, Trung ương triệu tập một cuộc tọa đàm ở Bắc Kinh, trong hội nghị có thảo luận về một lá thư của Trần Vĩnh Quý.[108] Trong thư có đề xuất một vấn đề, trong công xã nhân dân ở nông thôn hiện nay

vẫn lấy đội sản xuất làm đơn vị hạch toán cơ bản, sắp tới, nên chuyển sang lấy đại đội sản xuất làm đơn vị hạch toán. Kiến nghị do Trần Vĩnh Quý đề xuất này, trên thực tế là lấy danh nghĩa "bình quân giàu nghèo", để tiến hành bình quân chủ nghĩa mới và "quá độ nghèo". Khi đó sức sản xuất ở nông thôn vô cùng thấp, cách đặt vấn đề như thế là hoàn toàn không thiết thực. Nên ở hội nghị, vừa mới bắt đầu là đã có sự phân rẽ rất lớn. Có người tán thành cách đặt vấn đề của Trần Vĩnh Quý, nhưng đa số người đã có nhiều năm công tác thực tế thì tỏ ý phản đối. Đàm Khải Long Bí thư Tỉnh ủy Chiết Giang, Triệu Tử Dương Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Quảng Đông, xôn xao, rành rẽ, lộ sự bất đồng. Vì trong thời gian họp hội nghị ở Đại Trại, Giang Thanh đã bị Mao Trạch Đông phê bình, nên trở lực cũng được giảm bớt đi, cho nên nói chung, lần hội nghị này tương đối thuận lợi. Với sự điều khiển hội nghị của Lý Tiên Niệm, hội nghị đã ra quyết định tạm thời không thay đổi những điều hiện hành ở nông thôn, mà vẫn lấy "Sở hữu ba cấp, đội làm cơ sở" làm chính sách hiện nay. Quốc vụ viện đã dùng biện pháp trì hoãn, ngăn chặn đánh phá mọi cung cách can thiệp của bọn "tả khuynh", sao cho nông thôn có thể né tránh được những tai nạn có thể phát sinh. Lần này có thể thanh trừ được sự quấy rối của "cánh tả", là việc vô cùng quan trọng đối với nông thôn, khiến cho tính liên tục, tính ổn định của chính sách kinh tế ở nông thôn có được sự bảo đảm hữu hiệu. Trong lần hội nghị này, Đặng Tiểu Bình đã đến nói chuyện với hội nghị hai lần vào ngày 27/9/1975 và ngày 4/10/1975. Trong bài nói lần này, Đặng Tiểu Bình vẫn nhắc lại: "Hiện nay, các phương diện, mặt nào cũng tồn tại một vấn đề cần chỉnh đốn. Nông nghiệp cần chỉnh đốn, công nghiệp cần chỉnh đốn, chính sách văn nghệ cần điều chỉnh, điều chỉnh thực ra cũng vẫn là chỉnh đốn. Cần phải nhờ vào chỉnh đốn mà giải quyết vấn đề của khoa học kỹ thuật, giải quyết vấn đề của các mặt. Ở Bộ Chính trị, tôi đã đề xuất một số mặt cần chỉnh đốn, báo cáo với đồng chí Mao Trạch Đông, đồng chí Mao Trạch Đông đã tán thành". Ông nói: "Trọng tâm của chỉnh đốn là chỉnh đốn đảng. Chỉ cần nắm chắc khâu trung tâm chỉnh đảng này, thì chỉnh đốn các mặt khác đều không khó". Trong lần nói chuyện này, ngoài việc nói về chỉnh đốn ra, Đặng Tiểu Bình còn đặc biệt nói đến một vấn đề quan trọng khác, tức là vấn đề tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông. Ông nói: "Tôi luôn cảm thấy bây giờ đang có một vấn đề rất lớn, tức là vấn đề tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông như thế nào. Cái kiểu dung tục hóa tư tưởng Mao Trạch Đông của Lâm Bưu, đã bị người đầu tiên phản đối là La Vĩnh Hằng, học tập, nói học tập tác phẩm của Mao chủ tịch là học tập cái tinh thần thực chất. Khi ấy Ban bí thư cũng đã có thảo luận, và đã tán thành ý kiến của đồng chí La Vĩnh Hằng. Lâm Bưu chủ trương học tập *ba pho sách cũ*[109] tức là cắt xén tư tưởng Mao Trạch Đông.

Tư tưởng Mao Trạch Đông có nội dung vô cùng phong phú, là một bộ hoàn chỉnh, làm sao lại có thể đem ‘ba pho sách cũ’ với ‘năm pho sách cũ’[110] gọi là tư tưởng Mao Trạch Đông, rồi đem quẳng bỏ tất cả những tác phẩm khác của đồng chí Mao Trạch Đông đi? Làm sao có thể chỉ nắm lấy một hai câu, một hai quan điểm, rồi đem tuyên truyền một cách phiến diện như thế. Vấn đề cắt xén tư tưởng Mao Trạch Đông, cho đến nay, trên thực tế vẫn chưa được giải quyết”.

Ông nói: “Tôi cho rằng trong khá nhiều lĩnh vực, vẫn còn đang tồn tại vấn đề học tập toàn diện, tuyên truyền, quán triệt tư tưởng Mao Trạch Đông như vậy. Tư tưởng Mao Trạch Đông liên hệ mật thiết với nhau trong đường lối của các lĩnh vực, liên hệ mật thiết với nhau trong mỗi phương châm, chính sách và phương pháp của tất cả các phương diện. Chúng ta cần phải học tập, tuyên truyền và thực hành một cách toàn diện, không thể mới thấy gió mà đã tưởng là mưa”.

Tư tưởng Mao Trạch Đông là phong phú và hoàn chỉnh, cần phải học tập, tuyên truyền, quán triệt toàn diện tư tưởng Mao Trạch Đông, không thể tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông theo cách dung tục hóa, phiến diện hóa, không thể cắt xén tư tưởng Mao Trạch Đông. Đó là một vấn đề trọng đại đã vấn vít quanh quẩn trong đầu óc Đặng Tiểu Bình từ lâu lắm rồi. Năm 1960, ông đã đặt vấn đề là phải tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông một cách chính xác, phản đối dung tục hóa. Đến hôm nay, 15 năm sau, Khi Mao Trạch Đông đang ở vào vị trí quyền uy tuyệt đối, khi sinh hoạt dân chủ trong nội bộ đảng rơi vào tình thế hết sức bất thường, thêm một lần nữa, ông lại đề xuất vấn đề này. Nên nói rằng, ông đang dấn mình vào một trận phong ba nguy hiểm. Nhưng đánh giá Mao Trạch Đông như thế nào, lý giải, học tập, tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông ra làm sao, đối với đảng ta, đất nước ta mà nói, là một vấn đề lớn, cực kỳ quan trọng, là một vấn đề có tính nguyên tắc trọng đại không thể tránh né được, và cũng là một vấn đề chính trị trọng đại. Vấn đề này, theo cách nhìn của Đặng Tiểu Bình, nó có liên quan tới vận mệnh của đảng, liên quan tới tiền đồ của đất nước, liên quan tới số phận của dân tộc. Nắm vững được, xử lý chính xác được, sẽ là cái phúc lớn cho con cháu muôn đời. Nếu nắm không chắc, xử lý thiên lệch, hoặc để cho kẻ xấu lợi dụng, sẽ nảy sinh ra những tổn thất khó lường, thậm chí có thể tạo thành sự phá hoại không sao cứu vãn nổi. Đặng Tiểu Bình biết rõ ràng, vấn đề trong Cách mạng Văn hóa là một khu cấm, là một vùng đất hiểm, đầy bất trắc, nhưng ông vẫn cứ đụng chạm tới. Bởi vì ông biết rằng, vấn đề này dù tự nguyện hay không, trước sau sớm muộn gì rồi cũng phải phanh phui, đây là vấn đề không thể dùng ý chí mà làm cho nó xoay chuyển được, cần nhớ rằng

mấy chữ tư tưởng Mao Trạch Đông nhưng hàm ý nó mang theo không chỉ là tên và cuộc đời ông ta. Nó là đại diện cho cả một chương trong cuốn lịch sử dài của Trung Quốc, là cả một thời đại của Trung Quốc hiện đại. Với việc nắm bắt tư tưởng Mao Trạch Đông như thế nào, với việc bình giá con người Mao Trạch Đông ra làm sao, là điều có liên quan trực tiếp với việc đánh giá và định vị lịch sử cách mạng hiện đại Trung Quốc, nó cũng có liên hệ trực tiếp đến tiền đồ vận mệnh của Trung Quốc, đến nhân dân Trung Quốc, đến Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình biết rõ ràng, những điều ông đề cập tới vấn đề học tập tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông như thế nào, hoàn toàn có thể bị kẻ xấu bóp méo, lợi dụng, và cũng có thể là đích thân Mao Trạch Đông không đồng tình, song ông vẫn cứ nói. Ông cần phải nói. Sau sáu năm bị dày vò, ông đã phải gắng sức biết bao nhiêu để có thể xuất hiện trở lại, nên ông cần phải sử dụng, vận dụng cơ hội được trở lại làm việc này để trình bày chính nghĩa, dốc cạn tấm lòng son, vì đảng vì nước, vì nhân dân mà ông hằng mến yêu sâu sắc. Đã từ lâu, ông chẳng còn gì băn khoăn, lo lắng. Ông sớm gác gia đình, tính mạng của mình ra bên ngoài rồi, và cũng đã sớm chuẩn bị tinh thần hết sức đầy đủ để đón nhận bất cứ hậu quả nào.

“Bình Thủy Hử” và những ngày cuối cùng của Chu Ân Lai

Năm 1975, đã xảy ra rất nhiều sự kiện lớn. Năm đó, trong lịch sử của Trung Quốc mới, bất kể từ ý nghĩa nào mà nói, vẫn là một năm không thể xem thường.

Năm đó Mao Trạch Đông bị bệnh đục thủy tinh thể, đôi mắt gần như đã bị lòa, không thể đọc công văn cũng không thể đọc được sách nữa. Trong tình trạng đó, nội dung trọng yếu nhất, đồng thời cũng là niềm vui thú nhất trong đời sống của Mao Trạch Đông coi như bị tước bỏ. Sự bất lực, sự buồn phiền và đau khổ mà Mao Trạch Đông phải chịu đựng, có thể nghĩ mà thấy được.

Mao Trạch Đông bị rơi vào tình trạng ấy, những đồng chí ở Trung ương mà đại diện là Chu Ân Lai lo lắng cho ông ta nhất. Bệnh mắt của Mao Trạch Đông, có thể điều trị được hay không, điều trị như thế nào, và làm thế nào bảo đảm được an toàn khi điều trị, đã trở thành một vấn đề lớn mà Bộ Chính trị Trung ương hết sức quan tâm.

Ngày 6/7/1975, mặc dù bệnh tật đầy người, Chu Ân Lai vẫn cố gắng điều khiển hội nghị Ban Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng, bao gồm Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, Uông Đông Hưng cùng Vương Hải Dung, Đường Văn Sinh v.v… tham gia, để nghiên cứu phương án điều trị mắt cho Mao Trạch Đông. Ngày 20/7/1975, thêm một lần nữa, Chu Ân Lai lại điều khiển hội nghị Ban Thường vụ Bộ Chính trị mở rộng, có Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, Uông Đông Hưng v.v… tham gia, bàn bạc việc mổ mắt điều trị cho Mao Trạch Đông, đồng thời nghiên cứu phương án mổ cụ thể. Chữa đục thủy tinh thể chỉ có một biện pháp duy nhất là mổ. Mao Trạch Đông không thích khám bệnh và lại càng không thích mổ. Nhưng chỉ có mổ mới có thể nhìn lại được, cuối cùng ông ta phải đồng ý với Bộ Chính trị, mổ mắt.

Tối ngày 23/7/1975, chuyên gia nhãn khoa nổi tiếng Đường Do Chi chủ trì kíp mổ, tiến hành mổ mắt cho Mao Trạch Đông, một người đã gần 82 tuổi.

Chu Ân Lai, đặc biệt rời khỏi bệnh viện đang điều trị của mình, tới nơi ở của Mao Trạch Đông, ngồi trực cho đến khi ca mổ được hoàn tất an toàn, thuận lợi. Sau khi mổ, Mao Trạch Đông có thể đeo kính, đọc sách trở lại, ông ta vô cùng phấn khởi. Lại có được ánh sáng, lại có thể đọc sách, đọc công văn, phê văn

kiện, tâm tư tình cảm của Mao Trạch Đông đương nhiên cũng tốt lên rất nhiều. Trong khi Mao Trạch Đông chữa mắt, công tác chỉnh đốn toàn diện cũng phát triển với quy mô lớn hơn, đối với việc chỉnh đốn và những thành quả mà chỉnh đốn thu được, về cơ bản là Mao Trạch Đông ủng hộ và tán thành. Nhưng đối với những vấn đề mà ông ta còn nghi ngờ, ông ta tỏ thái độ giữ gìn, như "về mấy vấn đề của công tác khoa học kỹ thuật" (tức "Đề cương báo cáo") của Học viện khoa học khởi thảo, vẫn còn nằm lỳ ở chỗ Mao Trạch Đông, không được thông qua. Khi làn gió phấn chấn mới của công cuộc chỉnh đốn thổi tràn trên, dưới, khắp toàn quốc, chẳng ai lại ngờ rằng, chẳng bao lâu sau, tình hình đã phát sinh sự chuyển xoay cực kỳ quan trọng. Nguyên nhân của sự việc là như sau:

Bệnh thủy tinh thể bị đục của Mao Trạch Đông được điều trị, tuy có chuyển biến tốt, nhưng thị lực vẫn còn rất kém, vì thế khi muốn xem sách lại cần nhờ người đọc cho nghe. Ngày 14/8 nữ giáo sư Trung văn trường đại học Bắc Kinh, Lô Địch đọc cho ông ta nghe bộ tiểu thuyết cổ điển *Thủy Hử*, Mao Trạch Đông vừa nghe vừa tiện miệng bàn bạc và đánh giá về tiểu thuyết cổ điển. Đầu tiên ông ta nói về *Tam quốc diễn nghĩa*, *Hồng Lâu mộng*[111] v.v… sau đó nói tới *Thủy Hử*. Mao Trạch Đông nói: "Bộ sách *Thủy Hử* này, hay là hay ở chỗ đầu hàng. Có thể coi như tài liệu phản diện, để cho nhân dân biết về cái phái đầu hàng. *Thủy Hử* chỉ chống tham quan, không chống hoàng đế. Gạt Tiều Cái ra ngoài 108 người, Tống Giang đầu hàng, theo chủ nghĩa xét lại, đem Tụ Nghĩa Sảnh của Tiều Cái đổi thành Tụ Nghĩa Đường để chiêu an lòng người. Tống Giang đấu nhau với Cao Cầu[112] chỉ là phái này đấu với phái kia trong nội bộ giai cấp địa chủ là thôi. Tống Giang đầu hàng xong, liền đi đánh nhau với Phương Tạp.[113] Ông ta nói: "Lãnh tụ của cánh quân nông dân khởi nghĩa này, kém! Lỗ Tấn[114] bình *Thủy Hử*, bình rất hay. Lỗ Tấn nói: Bộ *Thủy Hử* đã nói được rất phân minh rõ ràng: vì không chống lại Thiên Tử, nên khi đại quân tới là nhận chiêu hồi ngay, thay thế nhà nước đi đánh cường đạo khác, không là cường đạo 'Thế Chiến hành đạo' cuối cùng sẽ thành nô lệ".

Mao Trạch Đông yêu quý mãnh liệt văn học cổ đại Trung Quốc, đối với mỗi bộ sách cổ điển nổi tiếng không những ông ta thuộc làu, mà còn có những kiến giải độc đáo. Khi ông ta đọc lại *Thủy Hử*, ông ta vừa nghe, vừa cảm thụ và suy xét, đó là một việc vô cùng tự nhiên. Nhưng chuyện rắc rối lại chính từ đó mà sinh ra. Nếu chỉ là một con người bình thường, đưa ra một lời bàn, dù đưa ra lời bàn thế nào đi nữa, đều chẳng liên quan gì tới đại cục. Nhưng đưa ra lời bàn lần này, chẳng phải là một con người bình thường, mà lại là Mao Trạch Đông, một người có quyền uy tuyệt đối và một địa vị tối cao vô thượng. Trong những năm

tháng ấy, chỉ thị của Mao Trạch Đông là "một câu chọi vạn câu", dù rằng đó chỉ là một câu nói rất bất chợt, rất tùy tiện mà nói ra, đều có thể biến thành "chỉ thị tối cao", cao chót vót, không gì cao hơn. Những người sống trong thời lại đó, đều nhớ được rằng mỗi khi có "chỉ thị mới nhất của Mao Chủ tịch" đưa ra, liền lập tức truyền đi khắp đông tây nam bắc, khắp hang cùng ngõ hẻm của đất nước. Bất luận là ngày trắng hay đêm sâu, chỉ cần có "Chỉ thị mới nhất" đưa ra, là người người lập tức đua nhau xô ra hè phố, ào đến quảng trường Thiên An Môn, để hoan hô, để mít tinh tuần hành. Rất nhiều những "tiến trình cách mạng" trong Cách mạng Văn hóa, đều dùng cách thức đó để chỉ đạo tiến hành. Mỗi một "chỉ thị mới nhất" được đưa ra, bao giờ cũng được tính toán trước, cho một "phong trào", hay "một cuộc đấu tranh" bùng nổ. Hơn nữa, trong Cách mạng Văn hóa, còn có rất nhiều người sẵn có "tấm lòng", giống y như lũ bốn tên, dù vào lúc nào, ở chỗ nào cũng chú tâm nghe ngóng những động thái mới, những phát ngôn mới của Mao Trạch Đông để một khi nhận thấy có thời cơ, là lập tức "không để mất thời cơ", thêm mắm muối, tô vẽ, lợi dụng, làm "vũ khí đấu tranh" của họ. Ngay rạng ngày Mao Trạch Đông nói chuyện về *Thủy Hử*, giáo sư Lô Địch đem những lời nói của Mao Trạch Đông chỉnh lý thành văn. Cũng ngay hôm đó, cây bút "nhớn" của lũ bốn tên, Diêu Văn Nguyên đã biết mọi sự tình, hắn như vớ được của báu, thấy rằng thời cơ đã đến, lập tức viết thư cho Mao Trạch Đông. Trong thư có câu "Vấn đề này rất quan trọng", đối với những người cộng sản Trung Quốc, giai cấp vô sản Trung Quốc, bần nông, trung nông lớp dưới và tất cả quần chúng cách mạng trong hiện tại và trong tương lai, những người kiên trì chủ nghĩa Mác, những người chống chủ nghĩa xét lại của thế kỷ này và thế kỷ sau, cùng những người kiên trì đường lối cách mạng của Mao Trạch Đông, đều có một ý nghĩa rất trọng đại, rất sâu sắc. Cần phát huy hết tác dụng của bộ "tài liệu phản diện" này. Diêu Văn Nguyên đề nghị cho đem bài nói về "Bình *Thủy Hử*" và thư của hắn viết cho Mao Trạch Đông "in và phát tới các đồng chí trong Bộ Chính trị ở Bắc Kinh, phát thêm cho Cục xuất bản, báo *Nhân dân*, *Cờ đỏ*, báo *Quang Minh*, cùng đồng chí Tạ Tĩnh Nghi ở tổ phê phán của trường đại học Bắc Kinh và tổ văn bản của Thành ủy Thượng Hải". Sau khi đọc xong thư của Diêu Văn Nguyên, Mao Trạch Đông vui vẻ bút phê: "Đồng ý".

Như vậy là việc bình *Thủy Hử* đã trở thành một sự kiện chính trị to lớn. Trung ương Đảng chuyển phát bài nói chuyện của Mao Trạch Đông về *Thủy Hử*. Ngày 28/8/1975, với kế hoạch của Diêu Văn Nguyên, tạp chí *Cờ đỏ* của đảng cho in bài bình luận ngắn với đầu đề "Cần coi trọng bài bình luận *Thủy Hử*". Hạ tuần tháng 8, Giang Thanh triệu tập Bộ trưởng Văn hóa tới họp, nói điểm cốt yếu của bình *Thủy Hử* là nằm ở chỗ Tiểu Cái ngồi chơi xơi nước. Mụ rắp tâm hiểm độc

lập lờ nói: “Bút phê của Chủ tịch với *Thủy Hử* mang ý nghĩa hiện thực. Huyệt hiểm của bài ‘bình luận *Thủy Hử*’ là Tiều Cái ngồi chơi xơi nước. Hiện nay ở Bộ Chính trị cũng cho Chủ tịch ngồi chơi xơi nước đó”. Với sự bố trí khéo léo của lũ bốn tên, ngày 31/8/1975, báo *Nhân dân* của đảng in lại bài bình luận ngắn đã đăng trên tạp chí *Cờ đỏ* ngày 28/8/1975. Cùng hôm đó, báo *Nhân dân* còn cho in một bài văn chương trứ danh “Bình *Thủy Hử*”. Đọc những tiêu đề nhỏ của bài văn chương này một chút xem sao: Một, Một đường lối đầu hàng chủ nghĩa. Hai, Một phái đầu hàng điển hình. Ba, Một pho triết học đầu hàng chủ nghĩa. Nhưng, phàm là những người sáng mắt, chỉ cần nhìn qua những tiêu đề nhỏ giật gân trắng trợn đó, là đã thấy ngay dụng ý sâu độc, mê hoặc lòng người.

Sau khi báo *Nhân dân* đăng bài viết này, với sự giật dây, gây rối của lũ bốn tên đã bùng lên một phong trào “Bình *Thủy Hử*”, “Phê phán phái đầu hàng”.

Ngày 4/9, báo *Nhân dân* cho in bài xã luận: “Mở rộng việc bình luận *Thủy Hử*, công bố cuộc nói chuyện tình *Thủy Hử* của Mao Trạch Đông”. Với sự bày đặt kế hoạch của lũ bốn tên, bài xã luận này đã tăng việc “Bình *Thủy Hử*” lên thành: Lại thêm một cuộc đấu tranh to lớn trên mặt trận tư tưởng chính trị của nước ta, và chỉ trong chốc lát đã mở ra một không khí đại phê phán, và mũi nhọn của lưỡi gươm phê phán trực tiếp chỉ vào những người lãnh đạo đảng và nhà nước là Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình v.v…

Mục đích trận phê phán mới của lũ bốn tên này, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình đã biết rõ ngay lập tức. Chu Ân Lai nói với một người trong một cuộc trao đổi rằng: “Bọn người này [chỉ lũ bốn tên] làm một số việc thật quá đáng! Gần đây việc ‘Bình *Thủy Hử*’, phê phán phái đầu hàng, hướng chỉ mũi giáo của họ thật rõ ràng”.

Trong khoảng tháng 9 và tháng 10, trong một cuộc tọa đàm có một số bí thư tỉnh ủy của một số tỉnh, Đặng Tiểu Bình có nói: “Bình luận *Thủy Hử* là cái chuyện gì vậy nhỉ? Chủ tịch đọc bản 71 hồi trong vòng ba tháng, đọc xong liền đưa ra một thông tin như vậy. Thế mà có người túm lấy muốn làm văn chương, làm âm mưu”.

Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình đều nhận thấy rằng, họ đang phải đối diện, đương đầu với một cuộc ác chiến sinh tử.

Bắt đầu từ tháng 8/1975, Chu Ân Lai cố nén nỗi đau đớn do chứng ung thư gây ra, để có những cuộc gặp gỡ, trao đổi nhiều lần với Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng, Trần Tích Liên, Kỷ Đăng Khuê,

Ngô Đức, Kiều Quán Hoa, và cũng gặp gỡ trao đổi nhiều lần với Vương Hải Dung, Đường Văn Sinh, thậm chí phải tìm cả Giang Thanh để trao đổi. Ông biết rằng, thời gian của ông không còn nhiều. Ông phải tranh thủ từng giây từng phút, phải dùng chút sức lực cuối cùng của sinh mệnh ông để đấu tranh với lũ bốn tên.

Trong cái giờ phút nguy nan ấy, trái tim Đặng Tiểu Bình gắn chặt với trái tim Chu Ân Lai. Ngày 7/8/1975, khi Chu Ân Lai phải lên giường mổ, Đặng Tiểu Bình, người chiến hữu trung thành của ông ngồi trực ở bệnh viện. Ngày 17/9/1975, Chu Ân Lai lại có cuộc trao đổi với Đặng Tiểu Bình. Sáng ngày 19/9/1975, Đặng Dĩnh Siêu đến nhà Đặng Tiểu Bình bàn về việc điều trị cho Chu Ân Lai. Tình hình bệnh tật của Chu Ân Lai rất đáng lo ngại.

Ngày 7/9/1975, tại bệnh viện, Chu Ân Lai hội kiến với bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Rumani. Ông nói với khách: “Thiếp mời của Mác, tôi đã nhận được rồi. Điều đó cũng chẳng làm sao, ý chí con người cũng không thay đổi được quy luật của tự nhiên”. Ông còn nói: “Đảng Cộng sản Trung Quốc sau hơn nửa thế kỷ được tư tưởng Mao Trạch Đông tài ba giáo dục, đã có được rất nhiều nhà lãnh đạo tài ba đầy năng lực. Tôi hiện nay bệnh nặng, không thể làm việc được nữa. Đồng chí Đặng Tiểu Bình sẽ thay thế tôi, điều khiển công việc của Quốc vụ viện. Đồng chí Đặng Tiểu Bình là người rất có tài năng, các đồng chí có thể hoàn toàn tin tưởng được, đồng chí Đặng Tiểu Bình sẽ tiếp tục chấp hành phương châm đối nội và đối ngoại của đảng tôi. Bây giờ, Phó Thủ tướng (chỉ Đặng Tiểu Bình), đã hoàn toàn phụ trách mọi mặt công tác rồi”. Ông còn nói một câu mang đầy ngụ ý: “Đảng Cộng sản Trung Quốc có lịch sử vẻ vang 55 năm rất dám đấu tranh”. Đây là lần gặp gỡ khách nước ngoài cuối cùng trong cuộc đời ngoại giao huy hoàng của Chu Ân Lai.

Buổi chiều ngày 20/9/1975, các bác sĩ chuẩn bị một cuộc đại phẫu thuật cho Chu Ân Lai. Đặng Tiểu Bình, Trương Xuân Kiều, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng và Đặng Dĩnh Siêu đều có mặt tại bệnh viện. Trước khi bước vào phòng mổ, ông nhờ nhân viên văn phòng tìm lại cho ông văn bản và bản ghi âm của bản báo cáo tại hội nghị “Chỉnh phong phê phán Lâm Bưu của Trung ương” ngày 23/6/1972, trong đó, ông có trình bày rõ về vấn đề “Năm người ngang ngạnh” mà bọn Quốc Dân đảng đã vu cáo nói xấu bôi nhọ ông. Ông để rất nhiều thời gian đọc lại một lần, rồi bằng bàn tay run rẩy, trịnh trọng ký tên mình lên đó, và ghi chú: Trước khi vào phòng mổ, 20/9/1975. Bè cánh lũ bốn tên đã từng âm mưu hãm hại Chu Ân Lai là “phản bội”. Chu Ân Lai biết chắc chắn rằng mình đang đi vào giờ phút cuối cùng của cuộc đời, ông biết lũ bốn tên hận ông

đến tận xương tủy, kể cả sau khi ông mất, bọn chúng cũng chẳng quên đi. Ông muốn dùng sự thực bằng thép của chữ đen trên giấy trắng, chứng minh mình là người quang minh chính trực, là một đảng viên Đảng Cộng sản trung thành với đảng, ông muốn làm cho âm mưu vu khống của lũ bốn tên định dìm đẩy ông vào tử địa bị phá sản. Chu Ân Lai, người chiến sĩ trung thành, đã đem cả bầu nhiệt huyết và sinh mạng mình hiến dâng cho đảng, cho đất nước, cho nhân dân là như vậy, trong giây phút cuối cùng của cuộc đời mình, ông đã phải dùng biện pháp ấy để bảo vệ sự trong sạch và trung trinh của mình, lẽ nào lại chẳng phải là một câu chuyện bi thương hùng tráng đáng để cho chúng ta ghi nhớ hay sao!

Sau khi đã hoàn thành cái tâm nguyện cuối cùng của mình, khi nằm lên chiếc xe đẩy vào phòng phẫu thuật, Chu Ân Lai còn hỏi những người đứng bên: "Đồng chí Tiểu Bình đến chưa?" Nghe tiếng hỏi, Đặng Tiểu Bình tiến lên phía trước, và cúi người xuống phía Chu Ân Lai. Chu Ân Lai cố gắng giơ tay mình ra, nắm chặt lấy tay Đặng Tiểu Bình. Ông cố sức nói to: "Năm nay ông làm được rất lắm việc, mạnh hơn tôi nhiều". Khi vào đến ngưỡng cửa phòng phẫu thuật, Chu Ân Lai đã dùng toàn bộ sức lực của sinh mạng mình, nói thật to: "Tôi trung với Đảng, trung với dân, tôi không phải là kẻ đầu hàng!" Nghe tiếng gào đầy bi thương, phẫn nộ ấy, những người có mặt tại chỗ, chỉ cần có một chút lương tri, thì không ai là người không xúc động. Lần mổ ấy kéo dài suốt 5 tiếng đồng hồ. Với sức ngoan cường của sinh mệnh, Chu Ân Lai lại thêm một lần chịu đựng được cuộc phẫu thuật ấy. Nhưng điều bất hạnh là, trong quá trình phẫu thuật đã phát hiện ra rằng tế bào ung thư đã di căn ra toàn thân, bác sĩ cho rằng, không còn cách gì điều trị được nữa. Biết được tình hình ấy, Đặng Tiểu Bình bồi hồi thương cảm, chỉ thị cho nhóm bác sĩ "giảm thiểu nỗi đau đớn, kéo dài ngày sống". Đây là việc làm duy nhất Đặng Tiểu Bình có thể làm được với người lão chiến hữu của ông, với người huynh trưởng của ông.

16 năm sau, ngày 29/9/1991, khi xem bộ phim "Chu Ân Lai", ông vẫn còn vô cùng xúc động. Những cảnh tượng năm xưa vẫn như còn sống nguyên trước mắt ông, ông vẫn còn ghi nhớ được tường tận rằng khi ấy, những đồng chí trong Ban Thường vụ Bộ Chính trị đã chầu chực trong bệnh viện như thế nào, ghi nhớ tường tận lời Chu Ân Lai khi được đẩy xe vào phòng mổ đã thét lên như thế nào. Ông nói: "Lời gào thét của Thủ tướng là tiếng lòng của ông, và cũng là tiếng gào thét cho lũ bốn tên nghe".

Trong cả quá trình bệnh tật của Chu Ân Lai, tất cả ông đã phải trải qua sáu lần đại phẫu và tám lần tiểu phẫu. Tháng 9, bệnh tình đã quá xấu, tế bào ung thư vẫn tiếp tục di căn ra toàn thân. Ông phải chịu đựng nỗi dày vò đau đớn của căn

bệnh ung thư, vậy mà ông không tỏ chút sợ hãi, ý chí vẫn kiên cường. Phải đối diện với cái chết cận kề mà tinh thần vẫn tự tại, lòng dạ vẫn điềm nhiên. Với tâm hồn không biết sợ của một người theo chủ nghĩa duy vật triệt để, ông dặn dò về việc hậu sự của ông, ông nói: "Người chết rồi thì còn cần gì xương cốt? Đem nó rải xuống đất, có thể làm phân bón, rải xuống nước có thể nuôi cá". Ông cho rằng, người chết rồi, có thể giải phẫu thi thể. Ông nói với những người thầy thuốc: "Hiện nay đối với việc điều trị bệnh ung thư chưa có phương pháp hay nào, một khi tôi mất đi, các ông có thể giải phẫu kiểm tra toàn bộ, nghiên cứu cho kỹ, để có thể có được chút cống hiến nào đó phát triển ngành y học nước nhà, điều đó cũng làm tôi vui lòng". Ông còn dặn dò về việc hậu sự cho ông, tang lễ cần làm đơn giản, quy mô không vượt quá bất cứ đồng chí Trung ương nào, không nên có bất cứ một sự đặc biệt nào. Ông đã sớm hẹn với người bạn đời Đặng Dĩnh Siêu của ông rằng, sau khi ông mất, tro xương của ông đem rải khắp non sông tươi đẹp này.

Trong giờ phút cuối cùng của cuộc sống, điều duy nhất còn làm ông lo lắng vẫn chỉ là tiền đồ của đảng, vận mệnh của quốc gia, là sự điên cuồng ngang ngược của lũ bốn tên, là chân lý vẫn chưa thắng được tà thuyết. Mắt ông đã chứng kiến sự điên cuồng của lũ bốn tên, nhìn thấy tình hình ngày càng thêm nguy ngập, nhìn thấy những hiểm nguy mà các chiến hữu của ông còn đang phải đương đầu, làm sao ông có thể yên tâm được. Ngày 11,12 và 17/10/1975, ông đã lần lượt chuyện trò, trao đổi với những người đến thăm ông như Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng, Kỷ Đăng Khuê, Ngô Đức. Ngày 2/11/1975, ông lại có cuộc chuyện trò với Đặng Tiểu Bình. Ngày 3/11/1975, ông cho mời Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh tới trao đổi. Khi không có người tới thăm, nhân viên y vụ thường thấy một mình Chu Ân Lai nằm yên lặng trên giường bệnh, mắt ông nhìn ngước lên cao, hình như muốn nhìn xuyên qua trần nhà để trông thấy trời xanh mênh mông vô tận. Lúc ông im lặng chìm vào trong trầm mặc, lúc lại thấy ông khe khẽ lắc đầu, thở dài.

Kẻ ác đi kiện trước

Mãi đến tận tháng 9/1975, đối với việc chỉnh đốn toàn diện mà Đặng Tiểu Bình tiến hành, Mao Trạch Đông vẫn còn giữ thái độ ủng hộ. Trong thâm tâm ông ta, Đặng Tiểu Bình vẫn là người được tuyển chọn số một, thay thế Chu Ân Lai và đứng phía sau ông ta nắm chính quyền. Ngày 24/9/1975, khi Mao Trạch Đông hội kiến với Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam là Lê Duẩn, ông ta còn nói với khách: "Bây giờ, người nghèo trong thiên hạ không phải là các ông, mà là chúng tôi. Chúng tôi có tám trăm triệu nhân khẩu. Chúng tôi đang có nguy cơ về lãnh đạo. Thủ tướng ốm yếu trong một năm phải mổ tới bốn lần, nguy hiểm lắm. Khang Sinh cũng chẳng khỏe mạnh gì, Diệp Kiếm Anh sức khỏe cũng kém. Tôi 82 tuổi rồi, cũng bệnh tật đầy mình", Mao Trạch Đông chỉ vào Đặng Tiểu Bình cùng ngồi tiếp khách với ông ta, nói: "Chỉ có ông này được coi như một tráng đinh".

Từ câu chuyện nói trên có thể thấy, đối với tình hình nội bộ Trung Quốc lúc bấy giờ, Mao Trạch Đông có nắm được. Thứ nhất, Trung Quốc lúc bấy giờ có thể coi như "nghèo nhất thiên hạ". Thứ hai: tình hình cán bộ lãnh đạo của Trung Quốc đang có nguy cơ. Thứ ba: Đặng Tiểu Bình được coi là một "tráng đinh". Ý nghĩa của chữ "tráng đinh" là người tháo vát, được việc, hoặc cũng là người kế cận. Mao Trạch Đông gọi Đặng Tiểu Bình là "tráng đinh", chứng tỏ rằng cho đến lúc bấy giờ, ông ta vẫn còn đặt rất nhiều hy vọng vào Đặng Tiểu Bình. Trong quá trình chỉnh đốn toàn diện, mọi việc làm, mọi hành động của Đặng Tiểu Bình, tuy không hoàn toàn phù hợp với cách nghĩ của Mao Trạch Đông, nhưng Mao Trạch Đông đã chọn cách thức là chiếu cố tới toàn cục. Nhưng vì những tình huống, những vấn đề mà đảng và nhà nước đang phải đối diện, ông ta cũng nắm bắt được, và cũng biết rằng cần phải có một ai đó đứng ra tiến hành chỉnh đốn toàn diện, chỉ cần việc chỉnh đốn không được phá rào "vượt quá khuôn khổ" ông ta đều chấp nhận. Còn có một điểm này, trong quá trình chỉnh đốn toàn diện, Mao Trạch Đông đã nhìn thấy rõ năng lực của Đặng Tiểu Bình. Có thể nói rằng: cái "lá gan" của Đặng Tiểu Bình, cái khí phách và tài năng của Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông khẳng định và chấp nhận. Với tiền đề to lớn như vậy, trong quá trình chỉnh đốn toàn diện, tuy bè cánh "lũ bốn người" phản đối và gây khó dễ từ bên trong, Mao Trạch Đông vẫn giữ nguyên một cách thức: hạn chế "bè lũ bốn tên", ủng hộ Đặng Tiểu Bình.

Nhưng điều bất hạnh lại là chỉ ít lâu sau, thái độ của Mao Trạch Đông thay đổi, vì thế mà tình thế cũng thay đổi theo, thay đổi đến mức nghiêng trời lệch đất.

Nguồn gốc của sự việc là ngày 13/8 và ngày 13/10/1975, phó Bí thư Đảng ủy trường Đại học Thanh Hoa Lưu Băng cùng một số người đã hai lần viết thư lên Mao Trạch Đông phản ánh một số vấn đề về tác phong sinh hoạt và vi phạm chính sách đảng của Trì Quần, Bí thư Đảng ủy, và Tạ Tĩnh Nghi, phó Bí thư Đảng ủy trường Đại học Thanh Hoa. Trong thư, Lưu Băng và một số người tố cáo Trì Quần, Tạ Tĩnh Nghi vốn là hai kiện tướng của "bè lũ bốn tên", đã chuyên quyền làm bậy, và có những hoạt động vi phạm nguyên tắc của đảng, đặc biệt là Trì Quần, vì không được làm ủy viên Trung ương và bộ trưởng trong chính phủ, mà ăn nói lung tung, bất mãn, nên họ quyết định báo cáo thực với Mao Trạch Đông. Hai lá thư đề lên cấp trên này là do Đặng Tiểu Bình chuyển trình lên.

Xem xong thư đệ trình đó của Lưu Băng, tuy Mao Trạch Đông chẳng để ý đến, nhưng trong lòng nhất định là cũng chẳng được vui. Bởi vì trong đầu, trong lòng ông ta, Tiểu Tạ[115] và Trì Quần tuy có "khuyết điểm", nhưng dù sao cũng là "công thần" của Cách mạng Văn hóa. Đặng Tiểu Bình chuyển thư của Lưu Băng chứng tỏ rằng lập trường của Đặng Tiểu Bình là ủng hộ Lưu Băng và phản đối Tiểu Tạ, Trì Quần vậy. Điều này cũng làm cho Mao Trạch Đông không vui trong dạ. Việc này, lúc đó cũng chẳng có gì đáng quan tâm nhiều, nhưng chỉ ít lâu sau, nó lại trở thành lý do và ngòi nổ hết sức quan trọng.

Sau khi đã phải trải qua sự kiện Lâm Bưu tự hủy diệt, Mao Trạch Đông đã ốm một trận kịch liệt, bệnh tình kéo dài cho đến nay vẫn chập chờn khi nặng, khi nhẹ. Đến năm 1975, Mao Trạch Đông đã thuộc loại cao niên, 82 tuổi rồi, già yếu suy nhược, lực bất tòng tâm. Nhưng khi đó thực hiện chế độ lãnh đạo suốt đời, tất cả các loại quyền hành lớn của đảng, của chính phủ, của quân đội tập trung vào một người và chỉ cần một người nói là xong, cho nên ngay trong những giờ khắc nghiêm trọng đó, tiền đồ, vận mệnh của đảng và nhà nước vẫn tập trung trong tay Mao Trạch Đông, một con người đang dở sống, dở chết. Nửa cuối năm 1975, bệnh tình của Mao Trạch Đông càng nặng hơn, cử động khó, nói năng cũng khó. Căn cứ vào chính đề nghị của ông ta, người cháu trai là Mao Viễn Tân sẽ đảm nhiệm công việc làm liên lạc giữa ông ta và Bộ Chính trị. Quyết định này của Mao Trạch Đông chứng tỏ rằng cái nút thắt ở trong đầu ông ta vẫn chưa được cởi bỏ, tức là sau sự kiện Lâm Bưu, Mao Trạch Đông không còn đem quyền lợi đặt vào một cá nhân người nào nữa. Về chính trị mà nói, ông ta đã

dùng biện pháp để cho các thế lực chính trị khống chế lẫn nhau. Về mặt tín nhiệm cá nhân, cuối cùng ông ta cũng đã lựa chọn xong, vẫn là người thân của mình. Tình trạng đó càng vào tuổi vãn niên, càng thêm nghiêm trọng ở Mao Trạch Đông.

Mao Viễn Tân là con trai của Mao Trạch Dân, em trai ruột của Mao Trạch Đông. Mao Trạch Dân đã anh dũng hy sinh trong thời kỳ chiến tranh, chỉ có một người con trai duy nhất này. Khi Cách mạng Văn hóa bùng nổ, Mao Viễn Tân đang theo học ở học viện Công trình quân sự tại Cáp Nhĩ Tân, sau khi bùng nổ Cách mạng Văn hóa. Mao Viễn Tân trở thành một đầu mục của phái tạo phản, sau đó nhanh chóng thăng lên đến Ủy ban Cách mạng tỉnh Liêu Ninh và người phụ trách quân khu Thẩm Dương. Trước Cách mạng Văn hóa, quan hệ của Mao Viễn Tân và Giang Thanh rất hững hờ. Nhưng kể từ khi phong trào Cách mạng Văn hóa bùng nổ, do việc hai bên phải cần tới nhau, nên quan hệ giữa hai người bỗng trở nên vô cùng mật thiết, theo thời thế, Mao Viễn Tân trở thành một đại nhân vật có quyền hô phong hoán vũ, chỉ một không hai ở tỉnh Liêu Ninh, đồng thời cũng là một đại kiện tướng dưới trướng của "bè lũ bốn tên". Nay Mao Trạch Đông dùng anh ta làm liên lạc viên, nên chỉ trong nháy mắt đã bốc lên, được đặt vào bộ phận trung tâm quyền lực chính trị Trung ương. Mao Viễn Tân với danh phận là cháu ruột Mao Trạch Đông, không những trở thành người truyền ngôn, mà còn là một trong số rất ít người thường được gặp mặt Mao Trạch Đông, và có thể nói được với Mao Trạch Đông điều này điều nọ.

Đặng Tiểu Bình nhìn thấy rõ việc Mao Viễn Tân không chỉ làm liên lạc viên cho Mao Trạch Đông, mà còn là người luôn luôn sát gót với "bè lũ bốn tên", đặc biệt với Giang Thanh lại càng gần gũi hơn bao giờ hết. Với việc đó, ông biết ông cần phải có những cảnh giác cần thiết. Ngày 31/10/1975, ông viết cho Mao Trạch Đông một lá thư, trong thư, Đặng Tiểu Bình đề xuất: "Tôi có việc muốn được diện kiến Chủ tịch để trao đổi, đồng thời muốn xin chỉ thị và tranh thủ sự dạy dỗ của Chủ tịch. Ngày mai, sáng hoặc tối đều được. Nếu như được phép xin cho thông báo". Tối ngày 1/11/1975, Mao Trạch Đông đã cho tìm Đặng Tiểu Bình tới. Trong lần gặp mặt ấy, Mao Trạch Đông đã phê bình Đặng Tiểu Bình về việc chuyển thư của Lưu Băng và những người khác. Đặng Tiểu Bình xin Mao Trạch Đông cho biết về phương châm, chính sách công tác gần đây của Trung ương có đúng hay không. Mao Trạch Đông khẳng định: "Đúng".

Mao Trạch Đông cho Mao Viễn Tân làm liên lạc viên, khiến cho "bè lũ bốn tên" vô cùng phấn chấn. Vào tuổi vãn niên của Mao Trạch Đông, tuyệt đại đa số cán bộ lãnh đạo Trung ương khó có thể được gặp ông ta. Ngay đến cả Giang

Thanh là vợ ông ta mà cũng khó gặp được. “Bè lũ bốn tên” muốn dâng “sớ kiện cáo”, tung lời sàm bậy cũng tương đối khó khăn. Vậy mà bây giờ, người của bọn họ, lại có thể luôn luôn bám sát gót Mao Trạch Đông, cuối cùng đã trở thành một nhân vật quan trọng, lúc nào cũng có thể tỉ tê bên tai Mao Trạch Đông được. Đối với “bè lũ bốn tên” quả đây là một đại hỷ, có đến nằm mơ cũng không mơ thấy được, nên chúng đã vui mừng khôn xiết, lập tức bàn kế hoạch trong phòng kín. Lần này chúng sẽ đẩy Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình vào chỗ chết, chết không có đất chôn.

Kể từ khi Mao Viễn Tân được làm “Thiên tử cận thần”, đã mang thân tình nguyện làm công cụ đắc lực cho “bè lũ bốn tên”. Đương nhiên rằng, Mao Viễn Tân chả làm tay sai “vô tư” cho “bè lũ bốn tên”. Khi anh ta nhảy được vào trung tâm hạt nhân quyền lực Trung ương, thì dã tâm cũng như nỗi đam mê quyền lực của anh ta cũng vọt lên rất cao, anh ta cần một cái gì đó về chính trị để vênh vang. Khi Mao Trạch Đông chết đi, và sau khi Giang Thanh lên làm “nữ hoàng”, anh ta cũng sẽ được chia một muôi canh trong trung tâm quyền lực chính trị. Mao Viễn Tân quả là “không hổ thẹn với chức trách” của mình, mới chân ướt chân ráo đã bắt đầu phát huy ngay tác dụng.

Buổi sáng ngày 2/11/1975, Mao Viễn Tân báo cáo với Mao Trạch Đông. Anh ta nói với Mao Trạch Đông: “Trong vòng một năm nay, công tác ở tỉnh, cháu thấy có một luồng gió lạ, mà chủ yếu là đối với Cách mạng Văn hóa. Thứ nhất là cần phải xem xem Cách mạng Văn hóa như thế nào, nó là dòng chủ lưu hay là dòng nhánh, về mặt đánh giá thì ba phần bất cập, bảy phần thành tích hay bảy phần sai lầm, ba phần thành tích, là khẳng định nó, hay phủ định nó. Thứ nữa là, cần nhìn nhận cuộc phê phán Lâm Bưu, Khổng Tử như thế nào. Hiện nay, người ta chỉ nói trên miệng vài ba câu thành tích, còn ở chỗ riêng tư lại nói đến cả đống việc xấu khác, chẳng thèm nhắc gì tới thành tích của việc phê phán Lâm Bưu, Khổng Tử nữa. Thứ ba là có nên tiếp tục phê phán đường lối của Lưu Thiếu Kỳ, Lâm Bưu nữa không. Đến nay mà nói, chẳng còn ai nhắc gì tới việc phê phán Lưu Thiếu Kỳ”.

Mao Viễn Tân nói y như thật rằng, đối với Cách mạng Văn hóa có một luồng gió lạ; hình như còn mạnh hơn cả hồi năm 1972 phê phán cực tả và phủ định Đại Cách mạng Văn hóa nữa kia. Mao Viễn Tân nhằm đúng vào việc mà Đặng Tiểu Bình đã đề xuất là “lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh”, anh ta nói: “Hầu như bây giờ người ta chẳng còn nhắc gì tới đấu tranh giai cấp nữa, cứ nói là lại chỉ nhắc tới ‘lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh’, cháu không tán thành. Phải là lấy đấu tranh giai cấp, đường lối đấu tranh làm cương lĩnh. Bây giờ tất cả chỉ còn lại một chỉ thị

mà thôi, ấy là nâng cao sản xuất". Mao Viễn Tân không chấp nhận những thành tích nhờ có cuộc chỉnh đốn mới bắt đầu đem lại cho công nông nghiệp, tài mậu, giáo dục và văn hóa văn nghệ v.v… Anh ta kiến nghị với Mao Trạch Đông: "Trước mắt, cần phải đẩy mạnh chính sách cán bộ thiết thực hơn một bước nữa, mặt khác cũng lại cần phải giáo dục cán bộ, làm cho cán bộ có thái độ chính xác, là cán bộ phải cảm ưu quần chúng cách mạng đã giáo dục, giúp đỡ mình". Anh ta, còn tỏ ý với Mao Trạch Đông rằng: "Lo Trung ương bị làm phản"

Mao Viễn Tân nhân có được cơ hội vạch vòi bịa đặt này, anh ta nói với Mao Trạch Đông, có một số đồng chí khi tụm lại với nhau, chỉ rặt nói chuyện xấu của Đại Cách mạng Văn hóa, họ dè bỉu, có người còn coi Cách mạng Văn hóa như một thứ tai nạn. Anh ta nói: "Cháu rất chú ý đến những bài nói chuyện của Đặng Tiểu Bình, cháu cảm thấy có một vấn đề, ông ta rất ít nói đến thành tích của Cách mạng Văn hóa, rất ít nhắc đến việc phê phán đường lối xét lại của Lưu Thiếu Kỳ. Cả năm nay, chưa hề nghe ông ta nói về vấn đề học tập lý luận, chẳng nghe thấy việc phê phán *Thủy Hử*, chẳng nghe thấy nói về phê phán chủ nghĩa xét lại".

Khi Mao Trạch Đông đưa thư của Lưu Băng và một số người ở trường Đại học Thanh Hoa tố cáo Trì Quần, Mao Viễn Tân lập tức túm lấy vấn đề, biện hộ cho Trì Quần. Anh ta nói với Mao Trạch Đông rằng nhóm Trì Quần là những người chấp hành đường lối giáo dục cách mạng của Chủ tịch tương đối kiên quyết, mười ngón tay, có bảy ngón là tốt.

"Báo cáo" của Mao Viễn Tân đã làm cho Mao Trạch Đông quan tâm. Bởi vì khi "báo cáo", Mao Viễn Tân đã đánh được đúng vào cái huyệt hiểm yếu nhất của Mao Trạch Đông, đó là việc đánh giá Cách mạng Văn hóa như thế nào. Như vậy, cũng có nghĩa là, phải chăng còn có người dám lật lại vụ án Cách mạng Văn hóa. Nếu như còn có ai đó dám có lời dị nghị về Cách mạng Văn hóa, Mao Trạch Đông quyết không thể chỉ ngồi giương mắt ra mà nhìn. Thái độ của Mao Trạch Đông là tán thành cách nhìn nhận của Mao Viễn Tân. Mao Trạch Đông nói: "Có hai loại thái độ: một là bất mãn với Đại Cách mạng Văn hóa. Hai là muốn thanh toán nợ nần, thanh toán món nợ Đại Cách mạng Văn hóa". Ông ta còn nói: "Có một số đồng chí, chủ yếu là các đồng chí già, về mặt tư tưởng chỉ dừng lại ở giai đoạn cách mạng dân chủ của giai cấp tư sản, còn đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa lại không hiểu biết thấu đáo, nên có những bức xúc, thậm chí chống đối". Mao Trạch Đông nói tiếp: "Vấn đề mà Thanh Hoa đề cập tới, không phải là riêng lẻ, mà là sự phản ánh của công cuộc đấu tranh giữa hai con đường". Ông ta nói về bức thư của Lưu Băng: "Lưu Băng và một số người ở Đại

học Thanh Hoa viết thư tố cáo Trì Quần và Tiểu Tạ, tôi đọc thư, thấy động cơ có phần không trong sáng, muốn đánh đổ Trì Quần và Tiểu Tạ. Mũi giáo trong thư của họ là chĩa vào tôi", rồi nói thầm: "Tiểu Bình thiên lệch về phía Lưu Băng".

Mao Trạch Đông nổi cáu, ông ta cáu là vì, đã qua một thời gian dài như thế, đã qua sự vỗ về, sắp xếp khốn khổ của ông ta, vậy mà vẫn còn nhiều người tỏ vẻ bất mãn bất bình với Cách mạng Văn hóa, vẫn còn muốn lật lại vụ án Cách mạng Văn hóa. Đó là điều tuyệt đối không thể tha thứ. Cho đến tận lúc đó, thái độ đối với phong trào Cách mạng Văn hóa, coi như một hòn đá thử vàng đối với thái độ ủng hộ hay phản đối ông ta. Ông ta sẽ đem dùng toàn bộ lực lượng của mình để bảo vệ phong trào "cách mạng", đối với ông ta mà nói, là vấn đề vô cùng hệ trọng.

Nhưng trong tình thế này, ông ta vẫn còn giữ được một phần bình tĩnh. Ai chống đối Cách mạng Văn hóa, tất nhiên người đó phải chịu phê phán. Nhưng thực tế, ông ta đã vào tuổi cao niên nên hoàn toàn không muốn sự "cân bằng" của cục diện chính, mà ông ta đã phải dày công sắp xếp, bị phá vỡ một lần nữa. Cần nói một câu rất thực lòng rằng, ông ta đã chẳng còn tinh lực, và cũng chẳng còn tâm lực để sắp xếp lại, tổ chức lại một cục diện chính trị đại quy mô. Người mà Mao Viễn Tân nhằm vào trong vụ kiện cáo này chủ yếu là Đặng Tiểu Bình, đối với Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông thấy cần phải phê bình, nhưng lại không hề nghĩ tới việc đánh đổ Đặng Tiểu Bình một lần nữa. Ông ta nói với Mao Viễn Tân:

- Cháu đi gặp Đặng Tiểu Bình, Uông Đông Hưng, Trần Tích Liên nói rằng, tôi sai cháu đến gặp họ, còn Lý Tiện Niệm, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong thì bảo đến đây, nói trực tiếp với họ rằng, đừng có lúng ba lúng búng như thế, hãy mở toang cửa ra, có gì nói nấy, nói cho thật hết xem nào? Tôi đã gặp Đặng Tiểu Bình hai lần, tối hôm qua tôi lại nói rồi.

Mao Trạch Đông sau một lát suy nghĩ nói tiếp:

- Trước hết là tìm gặp đồng chí Tiểu Bình, Tích Liên, Đông Hưng, làm một cuộc họp, cháu nói cho hết những ý kiến vừa rồi, nói cho thật hết.

Quả thật Mao Trạch Đông đã từng khổ công một phen để sắp xếp, ông ta muốn Mao Viễn Tân tới gặp những người đó để trao đổi, đặc biệt là còn gặp Đặng Tiểu Bình để chuyện trò, và Mao Viễn Tân đề xuất ý kiến của mình ra, rồi đối diện, trực tiếp bàn bạc với Đặng Tiểu Bình, cùng những người khác cho rõ ràng. Để tiện cho việc Đặng Tiểu Bình cùng những người khác tiếp nhận ý kiến

của Mao Viễn Tân, ông ta đặc biệt không cho mấy người trong "bè lũ bốn tên" tham gia. Bởi ông ta biết rằng, mâu thuẫn giữa Đặng Tiểu Bình và "bè lũ bốn tên" là quá sâu sắc, ông ta lo "bè lũ bốn tên" tới đó quấy phá, làm sự việc không thể thu vén lại được. Mao Trạch Đông bố trí chu đáo như vậy, là cốt mong sao Đặng Tiểu Bình và những người khác có thể nghe lọt những ý kiến của Mao Viễn Tân, và tiếp nhận những ý kiến của Mao Viễn Tân. Nếu như sự sắp xếp đó thành công, thì *A di đà phật*, lạy trời lạy đất, vạn sự đại cát rồi.

Nhưng đó chỉ là nguyện vọng một phía của Mao Trạch Đông, sự việc hoàn toàn phát triển theo hướng ngược lại.

Lý do rất giản đơn bởi vì về phía Mao Viễn Tân mà nói, anh ta hoàn toàn không chân tâm thành ý "đề xuất ý kiến", mà anh ta đã rùm beng khiêu khích dưới sự điều khiển của "bè lũ bốn tên". Còn Đặng Tiểu Bình và các đồng chí khác đều đã nhìn tới đáy sự bí mật của con người không đáng tin cậy này. Hơn nữa, đối với những lời thất thiệt và vi phạm nguyên tắc của Mao Viễn Tân, thì một người thẳng đuột, trực tính như Đặng Tiểu Bình dù một tấc cũng không nhường. Cuộc chiến đấu đã nổ bùng ra như thế.

Căn cứ vào chỉ thị của Mao Trạch Đông, tối ngày 2/11/1975, Mao Viễn Tân với tư cách là "liên lạc viên" mời Đặng Tiểu Bình, Trần Tích Liên, Uông Đông Hưng… trong Ban Thường vụ Bộ Chính trị tới họp. Trong cuộc họp, Mao Viễn Tân ỷ vào chỗ dựa của mình, đã đem "cái vở tham mưu" của mình với Mao Trạch Đông nói mọi "ý kiến" ra, trích ý của Mao Trạch Đông là mở cửa bảo nhau.

Đặng Tiểu Bình ngồi trong phòng họp, lặng lẽ hút thuốc, lặng lẽ nghe "ý kiến" của Mao Viễn Tân. Và rồi không một chút do dự, ông đã bật lên nói, từ tốn mà sắc bén, bác bỏ mọi "ý kiến" của Mao Viễn Tân vừa nói ra. Ông xọc thẳng vào những lời Mao Viễn Tân nói: "Vấn đề này có thể phải nghĩ thêm xem, cứ theo như lời ông nói, thì ra cả cái Trung ương này đều đi theo đường lối của chủ nghĩa xét lại hay sao, hơn nữa, như vậy là trong tất cả mọi lĩnh vực đều không chấp hành đường lối của Chủ tịch hay sao? Nói rằng Trung ương dưới sự lãnh đạo của Mao Chủ tịch đi theo đường lối của chủ nghĩa xét lại, như vậy nghe sao được". Đối với những công tác chủ yếu và những bài nói chuyện của mình, Đặng Tiểu Bình tóm tắt sơ lược, ông nói: "Bắt đầu từ khi có văn kiện số 9 vào tháng 3 năm nay, tôi mới nắm công việc. Tôi cũng mới điều khiển công tác của Trung ương từ tháng 7. Đường lối từ sau khi có văn kiện số 9 như thế nào, ba tháng tôi điều khiển công tác của Trung ương ra làm sao, có thể xem xét mà!

Nếu định thanh toán nợ nần với tôi, chỉ tính từ khi có văn kiện số 9 thôi. Tình thế trong toàn quốc từ sau khi có văn kiện số 9, tốt lên một chút, hay xấu đi một tý, điều đó có thể nghĩ ra được ngay thôi. Với việc đánh giá của đồng chí Viễn Tân từ sau khi có văn kiện 9, tôi có cách nhìn khác đấy. Là tốt là xấu, thực tiễn đã chứng minh rồi". Cuối cùng ông đã nói giản dị nhưng thật mạch lạc với những người có mặt tại cuộc họp: "Tối qua tôi có hỏi Mao Chủ tịch rằng, phương châm, chính sách của giai đoạn công tác này ra sao? Chủ tịch đáp: 'Đúng!'"

Ngày 4/11/1975, Mao Viễn Tân báo cáo với Mao Trạch Đông tình hình cuộc "tranh luận" vào tối mùng 2 của mình với Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình hoàn toàn không chịu tiếp thu "ý kiến" của Mao Viễn Tân, hơn thế nữa, thái độ còn căng thẳng như vậy, điều đó khiến Mao Trạch Đông rất thất vọng. Nghe xong "báo cáo", Mao Trạch Đông không hài lòng, chỉ thị cho Mao Viễn Tân: "Tiếp tục họp, mở rộng phạm vi ra, mời cả Lý Tiên Niệm, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong, Trương Xuân Kiều cùng tham gia, tám người thảo luận trước".

Mao Trạch Đông đã nổi máu lên rồi, ông ta kiên trì khẳng định lập trường của Đại Cách mạng Văn hóa. Ông ta nói: "Đối với Đại Cách mạng Văn hóa, cách nhìn tổng quát là: cơ bản là chính xác, nhưng cũng còn có khiếm khuyết". Ông ta cho rằng: chia bên ba bên bảy, bảy phần là thành tích, ba phần là sai lầm. Mao Trạch Đông nói: "Đại Cách mạng Văn hóa có phạm hai sai lầm: 1. Đánh đổ tất cả. 2. Nội chiến toàn diện". Mao Trạch Đông đã quy định việc đánh giá Cách mạng Văn hóa. Ông ta yêu cầu mở hội nghị tám người, và chỉ thị rằng, phải lấy cái kết luận này của ông ta làm cơ sở, rồi đưa ra quyết nghị về Cách mạng Văn hóa.

Ngày 3/11/1975, đảng ủy trường Đại học Thanh Hoa họp mở rộng, Bí thư thứ nhất Thành ủy Bắc Kinh Ngô Đức tới truyền đạt về cuộc nói chuyện với Mao Trạch Đông vào hạ tuần tháng 10. Trong cuộc trò chuyện đó Mao Trạch Đông nói: "Lưu Băng và một số người ở trường Đại học Thanh Hoa viết thư tố cáo Trì Quần và Tiểu Tạ. Tôi đọc thư, thấy động cơ không trong sáng, có ý muốn đánh đổ Trì Quần và Tiểu Tạ. Mũi giáo trong thư của họ lại chỉ vào tôi". Mao Trạch Đông còn nói: "Tôi ở Bắc Kinh viết thư, làm sao không gửi trực tiếp cho tôi mà lại phải nhờ Tiểu Bình chuyển. Tiểu Bình thiên lệch về phía Lưu Băng. Những vấn đề Đại học Thanh Hoa đề cập tới, chẳng phải đơn lẻ một mình, mà nó là sự phản ánh của cuộc đấu tranh về hai con đường trước mắt". Thái độ của Mao Trạch Đông như vậy, là ủng hộ Trì Quần và Tạ Tĩnh Nghi, chỉ mặt vạch tên phê bình Lưu Băng là động cơ không trong sáng, và cũng chỉ mặt vạch tên Đặng Tiểu Bình là thiên lệch. Thái độ như vậy là mang theo ý nghĩa quyết định có tính

chất định tính. Đảng ủy trường Đại học Thanh Hoa triệu tập hội nghị mở rộng vào ngày 12/11/1975, 1.700 con người tham gia học tập, thảo luận chỉ thị của Mao Trạch Đông. Ngày 18, trường Đại học Thanh Hoa triệu tập một đại hội toàn trường, vạch tội, phê phán Lưu Băng, và cả Bộ trưởng Giáo dục Chu Vinh Hàm cũng bị phê bình, và đổ tội cho bọn họ là: "Phủ nhận giáo dục cách mạng, lật án Cách mạng Văn hóa". Sau đại hội đó, trường Đại học Thanh Hoa, trường đại học Bắc Kinh tiếp tục dán báo chữ to, công khai chỉ tên phê phán Lưu Băng và Chu Vinh Hàm v.v… Thành phố Bắc Kinh và một số tỉnh khác được lệnh tổ chức cán bộ và quần chúng đến trường Đại học Thanh Hoa, trường đại học Bắc Kinh đọc báo chữ to.

Nội dung của những bài báo chữ to đó, nhanh chóng được lan truyền ra, một số trường học trong toàn quốc cũng tiếp tục triển khai "đại biện luận về giáo dục cách mạng". Tất cả những điều đó đều do một tay của "bè lũ bốn tên" bày đặt, điều khiển. Nhưng phê phán Lưu Băng, Chu Vinh Hàm đâu phải là mục đích cuối cùng của "bè lũ bốn tên". Mục đích thực của chúng là đánh đổ Đặng Tiểu Bình. Theo yêu cầu của Mao Trạch Đông, phải triệu tập một cuộc họp tám người gồm Đặng Tiểu Bình, Trần Tích Liên, Uông Đông Hưng, Lý Tiên Niệm, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong, Trương Xuân Kiều và Mao Viễn Tân. Trương Xuân Kiều, một trong "bè lũ bốn tên" có mặt trong hội nghị này, không khí của hội nghị như thế nào, chỉ tưởng tượng cũng biết. Sau hội nghị, Mao Viễn Tân lập tức báo cáo tình hình hội nghị với Mao Trạch Đông ngay. Nghe xong, Mao Trạch Đông nói: "Đối với Đại Cách mạng Văn hóa mà nói, cách nhìn tổng quát là: cơ bản chính xác, nhưng cũng còn có những khiếm khuyết. Cái cần nghiên cứu, bây giờ lại đi nhằm vào các mặt khiếm khuyết của nó, thành ra cách nhìn không thống nhất được rồi".

Mao Trạch Đông chỉ thị rằng, mục đích của hội nghị tám người là làm công tác thông qua tiến hành phê bình, để đạt tới nhận thức chung là thống nhất tư tưởng. Mao Viễn Tân hỏi Mao Trạch Đông: "Lần hội nghị này, từ vấn đề Đại Cách mạng Văn hóa, có thể tranh thủ được sự thống nhất nhận thức bước đầu, sẽ có lợi cho đoàn kết. Mục đích: thông qua thảo luận, đoàn kết lại, cùng làm tốt công tác. Có phải như vậy không ạ?" Mao Trạch Đông khẳng định trả lời: "Đúng". Mao Trạch Đông còn chú ý dặn dò Mao Viễn Tân rằng: "Điều này không được nói với Giang Thanh, không nói bất cứ cái gì". Ông ta sợ Giang Thanh phá thối. Điều đó chứng tỏ rằng, đến lúc bấy giờ, Mao Trạch Đông vẫn muốn chẳng qua chỉ là sự thống nhất tư tưởng để "biển lặng, người yên", duy trì cục diện và kết cấu "đoàn kết ổn định" mà ông ta đã sắp xếp, và không muốn

bọn Giang Thanh làm to, rách việc. Không biết Mao Trạch Đông đặt vấn đề quá giản đơn hay về căn bản ông ta không biết được rằng Mao Viễn Tân sớm đã thành người chân sào của "bè lũ bốn tên" Giang Thanh, nên ông ta mới dặn dò Mao Viễn Tân đừng đem nói việc này cho Giang Thanh biết. Thử nghĩ xem, Mao Viễn Tân thu xếp việc này, Trương Xuân Kiều lại tham gia hội nghị, làm sao mà Giang Thanh không biết cho được? Rất có thể rằng, Mao Trạch Đông dùng cái cung cách đó, cảnh cáo Mao Viễn Tân, chớ có đi quá gần với Giang Thanh.

Thời buổi khó khăn

Tháng 10/1975, chúng tôi lại dọn nhà, bởi vì nhà chúng tôi ở đúng vào ngã tư phố Rộng, vào ra rất bất tiện. Từ ngày cha tôi điều khiển công tác của Trung ương, trong nhà tôi luôn luôn có những cuộc họp hành, tìm người tới trao đổi công việc, trong khi đó cái vuông sân nhà chúng tôi lại rất hẹp, nên ô-tô của khách không có chỗ đậu. Một số khách quan trọng, như xe của Ban Thường vụ Bộ Chính trị, nói chung là không được phép đậu ngoài đường phố, nó phiền toái mà lại không an toàn.

Do văn phòng Trung ương sắp xếp, cha mẹ tôi dọn nhà tới số 17 ngõ Đông Giao Dân. Nhà này, trước kia là số 8 cũ, xây dựng từ đầu những năm 50. Trong khuôn viên, từ nam lên bắc có tất cả bốn căn nhà. Có thể nói, chúng tôi rất có duyên với khu nhà này. Năm 1952, khi gia đình tôi dọn từ Tứ Xuyên lên Bắc Kinh, chúng tôi đã được phân phối căn thứ ba của khu nhà này. Trong khi chúng tôi còn chưa dọn tới, thì có một lần, cha tôi đi thăm Nguyên soái La Vinh Hằng. Sức khỏe của Nguyên soái La Vinh Hằng rất kém, lại thấy ông phải ở trong một ngôi nhà rất ẩm ướt, cha tôi liền nói ngay với Nguyên soái La Vinh Hằng: “Ông ở thế này không ổn, Trung ương có phân phối cho tôi một ngôi nhà, thôi ông dọn đến đó mà ở”. Với sự sắp xếp của đích thân cha tôi, Nguyên soái La Vinh Hằng đã dọn nhà tới ngõ Đông Giao Dân đó, còn gia đình chúng tôi về sau dọn vào Trung Nam Hải. Trước Cách mạng Văn hóa, khu nhà trong ngõ Đông Giao Dân có bốn gia đình ở, bao gồm Nguyên soái La Vinh Hằng, Nguyên soái Hạ Long, viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao Trương Đỉnh Thừa… Khi Cách mạng Văn hóa vừa bắt đầu, vợ góa của Nguyên soái La Vinh Hằng là cô Lâm Nguyệt Cầm cùng con cái bị đuổi ra khỏi đây. Sau khi Hạ Long bị đem ra đấu tố, đầu tiên Chu Ân Lai đem vợ chồng ông giấu về chỗ ở của mình là sảnh Tây Hoa trong Trung Nam Hải, và một số nơi khác, nhưng sau bị bè lũ Lâm Bưu bắt đem đi giam giữ, con cái ông đều bị quét ra khỏi cửa. Sau Cách mạng Văn hóa, khu nhà số 17 trong ngõ Đông Giao Dân này không có người ở. Về sau, khi Chu Ân Lai bị đau bệnh, Trung ương đã cho sửa chữa căn nhà gác nơi Hạ Long ở cũ, chuẩn bị làm thành chỗ dưỡng bệnh cho Chu Ân Lai, nhưng Chu Ân Lai chưa hề tới ở lấy một ngày. Thế là cả một khuôn viên lớn với bốn căn nhà bỏ hoang, không có người ở.

Đến nay, đúng lúc chỗ ở của gia đình chúng tôi đang có vấn đề, nên cha tôi

được sắp xếp tạm thời về ở đây. Căn nhà chúng tôi ở chính là căn nhà mà Nguyên soái Hạ Long ở cũ, rồi sau đó sửa chữa chuẩn bị để Thủ tướng ở. Lúc ban đầu, cha tôi vẫn nói là ở tạm, nên không mang bọn tôi đi theo. Nhưng chỉ ít lâu sau, ở một mình, ông cảm thấy buồn, nên cho thêm hai đứa cháu ngoại là Miên Miên và Manh Manh đến ở cùng. Về sau nữa, đến lượt Đặng Lâm, Đặng Nam và tôi, ba chị em cũng dọn về đấy. Khổ một nỗi gia đình chúng tôi toàn những người thích nói cười vui nhộn, thích quần tụ. Căn gác này vốn là sửa chữa để Thủ tướng ở, mà nhà Thủ tướng lại không có trẻ con, nhân khẩu ít, cho nên số phòng trong căn nhà rất ít. Cả nhà tôi những mười mấy con người, dọn cả đến đây ở, nên thành ra thiếu phòng. Thế là chúng tôi biến những căn phòng vốn để làm phòng làm việc thành chỗ ở tất. Tôi và Hạ Bình ở trong phòng vốn là thư viện bên cạnh phòng khách. Không còn thư viện nữa, nên cha tôi phải đặt một cái bàn, một chiếc ghế ra ngoài hành lang phía nam. Ông bảo, ánh sáng ở đây tốt, không khí cũng tốt, lại có thể trông thấy lũ trẻ đi đi lại lại, đây là thứ "văn phòng làm việc" tốt nhất đời. Như vậy là từ năm 1973 sau khi trở lại Bắc Kinh, đầu tiên chúng tôi ở thôn Hoa Viên, rồi từ thôn Hoa Viên dọn về phố Rộng, sau đó lại từ phố Rộng dọn về ngõ Đông Giao Dân. Trong hai năm trời mà có đến ba lần dọn nhà, thật là quá tất bật.

Chúng tôi dọn nhà đến ngõ Đông Giao Dân được ít lâu, không khí chính trị đã bắt đầu có những thay đổi, cái sự bận rộn về dọn nhà dọn cửa ấy đã nhanh chóng bị ngọn gió chính trị đột nhiên biến ảo phủ kín đi hết.

Khi đó Mao Trạch Đông đã sai Mao Viễn Tân triệu tập hội nghị tám người. Hội nghị đó được triệu tập, đã dự báo một trận sóng to gió cả chính trị mới đang sẵn sàng ập tới. Không khí trong gia đình chúng tôi vốn thường ngày là cả một sự ồn ào huyên náo, nay bỗng trầm hẳn xuống. Hàng ngày, cha tôi phải điều khiển những công việc của Trung ương và Quốc vụ viện bận ngập đầu. Ông cũng còn phải thường xuyên tiếp đón khách nước ngoài quan trọng. Chỉ riêng trong tháng 10, ông đã phải tiếp người đại diện của Thủ tướng Nhật Bản đến thăm Trung Hoa, chuyển ý kiến của Thủ tướng tiếp chủ tịch Ban chấp hành liên bang Nam Tư, tiếp Kitsinhgiơ, quốc vụ khanh nước Mỹ, tiếp Thủ tướng nước Cộng hòa liên bang Đức. Khi nhìn thấy ông trong những trường hợp công khai, người ta vẫn thấy ông rất quắc thước, nói cười vui vẻ. Nhưng khi về tới nhà, chúng tôi lại thường thấy ông lặng lẽ, ngồi một mình trên chiếc ghế kê ở hành lang, đôi mắt nhắm lại, cặp lông mày nhíu chặt. Đã được sống bên cha tôi trong những trận cuồng phong chính trị, nên chỉ bằng vào kinh nghiệm của mình, tôi đã biết rằng nỗi đa đoan lại sắp bắt đầu, lại sắp có một tình huống nguy hiểm

khó mà dự đoán trước được. Tuy cha tôi đang ở vào một hiểm cảnh chính trị, nhưng trên gương mặt ông, hầu như không có một chút biến đổi về tình cảm nào. Hàng ngày, ông vẫn tuân thủ đúng giờ giấc sinh hoạt và nghỉ ngơi, dậy đúng giờ, ăn đúng giờ, làm việc đúng giờ, và đúng giờ lên giường đọc sách, đi ngủ. Song chúng tôi là người trong nhà, nên cũng phải luôn luôn quan tâm đến tình hình phát triển của mọi sự việc. Có một lần, sau khi cha tôi cùng Mao Trạch Đông tiếp khách nước ngoài trở về, lúc đó đã rất muộn. Thấy ông có vẻ vô cùng mệt mỏi, mẹ tôi đưa ông thuốc ngủ và thu xếp giường chiếu để ông đi nằm. Khi cha tôi đã ngủ đi được, tôi và mẹ tôi sắp xếp lại quần áo của ông. Chúng tôi vô cùng kinh ngạc khi thấy trong túi áo ông có một tờ giấy loại viết thư, chúng tôi xem tờ giấy, trên đó có mấy chữ viết rất to, đó là chữ viết của Mao Trạch Đông! Chúng tôi biết rằng, việc nói năng của Mao Trạch Đông đã rất khó khăn, nhiều lúc phải dùng giấy viết chữ để diễn tả ý kiến của mình. Điều bất ngờ là chúng tôi lại được chính mắt trông thấy chữ viết của Mao Trạch Đông! Chúng tôi đánh bạo rút hẳn tờ giấy ra. Dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn bàn, mẹ tôi, Đặng Nam và tôi rất cẩn thận xem xét tờ giấy. Mấy chữ trên tờ giấy viết rất to, mỗi nét chữ đều run rẩy cong queo, có những chữ hoàn toàn không đọc được bởi chữ đó không liền mạch với chữ trên, có thể là chữ bổ sung trong khi Mao Trạch Đông đang nói một câu gì đó, cho nên chúng tôi phải mày mò vừa đọc vừa đoán rất lâu, mà vẫn chẳng hiểu ý nghĩa của những chữ đó định nói gì. Thực tình, chúng tôi cũng chẳng thích thú gì đối với chữ Mao Trạch Đông, mà chúng tôi chỉ thiết tha muốn tìm bới ra những gì có liên quan tới số phận chính trị của cha tôi chứa đựng trong có. Cha tôi xưa nay là người rất nghiêm khắc, chúng tôi xem trộm bất cứ thứ gì của ông đều là phạm “luật cấm”. Chúng tôi im lặng, không dám ho he. Đọc xong, liền vội vã đem bỏ trả tờ giấy có chữ viết của Mao Trạch Đông vào trong túi áo ông. Nếu như không phải sống trong thời kỳ nhộn nhạo bất thường như vậy, những người trong gia đình nhà tôi tuyệt đối không để xảy ra việc “phạm trường quy” như thế. Chúng tôi biết, cha tôi đang bị phê bình, nhưng không hề hỏi ông một câu nào. Với lại, có hỏi, ông cũng chẳng cho chúng tôi biết chuyện gì, hai nữa, chúng tôi cũng chẳng dám làm ông phiền lòng thêm. Lúc ấy, điều duy nhất chúng tôi có thể làm được là thân thiết chu đáo với ông hơn, bằng mọi sự ấm cúng của gia đình, xua tan những âu sầu trong lòng ông. Chúng tôi luôn cố gắng có mặt bên cạnh ông, để cho các cháu đùa nghịch trước mặt ông. Nhưng khi cha tôi nhắm mắt, chìm vào trong trầm tư, chúng tôi vội vã đưa các cháu đang đùa nghịch đó đi ngay chỗ khác. Mỗi người chúng tôi đều hạ thấp giọng của mình xuống, hoặc lặng lẽ ngồi cùng ông ở đó, rất sợ quấy rầy và làm phiền ông. Thường ngày, trong nhà chúng tôi luôn chật ních trong đùa vui, bây

giờ đột nhiên yên ắng đến kỳ lạ. Ban đêm, nơi hành lang tăm tối, chỉ có một ngọn đèn bàn được bật sáng. Một mình cha tôi ngồi dưới ánh đèn, thường là ngồi rất lâu rất lâu.

Trong ngôi nhà gác số 17 ở ngõ Đông Giao Dân này, khi đó vẫn tấp nập kẻ ra người vào. Chỉ có điều, người ra vào khác nhau, và mục đích ra vào cũng khác.

Phó Thủ tướng Lý Tiên Niệm, Kỷ Đăng Khuê và Hồ Kiều Mộc v.v… vẫn thường hay lui tới, họ đến là để bàn công kia việc nọ. Đặng Dĩnh Siêu cũng thường hay lui tới. Bà đến để bàn việc chữa chạy và bệnh tình của Chu Ân Lai. Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh còn lui tới thường xuyên hơn, hai bà có khi đến tìm cha tôi bàn công việc, có khi đến chỉ để tìm người thư ký của cha tôi là Vương Thụy Lâm. Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh vì thường tiếp khách nước ngoài, nên được gặp Chủ tịch cũng nhiều, lại có thể trao đổi dăm ba câu với Chủ tịch, nên hai bà lúc đó có một vị trí vô cùng quan trọng. Mao Trạch Đông sức khỏe kém, vào tuổi vãn niên lại càng không muốn gặp ai. Cho nên nếu như có việc cần báo cáo với Mao Trạch Đông, chỉ có cách là nhờ Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh. Hai người sau khi cùng Mao Trạch Đông tiếp khách, tìm cơ hội, nói giúp cho với Mao Trạch Đông vài ba câu. Giang Thanh cũng đã nhiều lần cho tìm Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh, nhờ hai bà chuyển tới Mao Trạch Đông những ý kiến của mình. Nhưng trong lòng Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh lại vô cùng chán ngán Giang Thanh, và cả "bè lũ bốn tên" cũng chẳng làm sao ăn nhập vào với hai bà được. Hai bà kính trọng Chu Ân Lai, kính trọng Đặng Tiểu Bình, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình cũng rất tín nhiệm hai bà. Trong khi Chu Ân Lai ốm nặng vẫn thường cho tìm hai bà đến bàn công việc, trong đó có công tác đối ngoại, kể cả những việc phải đấu tranh với "bè lũ bốn tên". Cũng với nguyên nhân tương tự như thế mà Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh là khách thường xuyên ở nhà tôi. Mỗi khi có công việc gì, cha tôi thường cho mời hai bà đến, thí dụ như có việc cần phải báo cáo với Chủ tịch, có việc cần phải tranh thủ xin ý kiến của Chủ tịch, đều là nhờ hai bà đi làm hộ. Khi đó, cha tôi giữ được liên lạc thông suốt với Mao Trạch Đông, chính là nhờ vào tác dụng rất tích cực của hai bà. Khi Mao Viễn Tân đặt điều, cáo kiện với Mao Trạch Đông, cha tôi bị phê bình, thì Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh cũng bị liên lụy dắt dây, và không còn được nói điều này nhẽ khác với Mao Trạch Đông nữa, nhưng hai bà vẫn thường hay đi lại nhà tôi, thường hay nói chuyện với Vương Thụy Lâm, mà đã nói là nói hết buổi. Hai bà cũng giống như mọi người trong nhà tôi, cũng đánh giá tình thế… Cả hai bà đều cảm thấy không khí càng ngày càng chẳng hay ho gì. Khi cuộc "phê phán Đặng Tiểu Bình" bắt đầu,

người khách cuối cùng đến nhà tôi ở ngõ Đông Giao Dân, chính là Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh.

Ở nhà số 1, ngõ Đông Giao Dân ấy còn có một người khách rất đặc biệt, đó chính là Mao Viễn Tân. Mao Viễn Tân ton hót với Mao Trạch Đông về Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông biết Mao Viễn Tân có nhận định khác và cách nhìn khác với Đặng Tiểu Bình, nên ông ta sai Mao Viễn Tân đi tìm gặp Đặng Tiểu Bình trao đổi, nói tất cả những ý kiến riêng của mình ra với Đặng Tiểu Bình. Mao Viễn Tân phụng mệnh Mao Trạch Đông tới đó. Hôm đó biết Mao Viễn Tân sẽ tới, cha tôi biết rằng, "người lương thiện thì không tới, người tới lại bất lương" (lai giả bất thiện, thiện giả bất lai), mọi người trong nhà tôi đều rất cảnh giác. Mao Viễn Tân đã tới, dáng bộ hống hách kênh kiệu. Cha tôi hút thuốc trầm mặc ngồi chờ ở phòng khách. Người đó ngồi xuống ghế, bắt đầu nói ngay. Cạnh phòng khách, chính là thư viện, hiện tôi đang ở, chỉ cần tiếng nói bên phòng khách to một chút là bên phòng tôi có thể nghe thấy hết, bởi hai phòng ngăn cách nhau chỉ là một giá sách. Hôm đó, đúng lúc tôi và Đặng Nam lại đang ở trong phòng, đôi khi tiếng nói từ bên phòng khách vọng sang chúng tôi cũng nghe thấy, cuộc chuyện trò giữa cha tôi và Mao Viễn Tân chẳng vui vẻ gì. Khi Mao Viễn Tân ra về, cha tôi không tiễn khách. Từ phòng khách bước ra, cha tôi vẫn im lặng như xưa, và cũng vẫn ung dung như cũ. Ông không thể vì sự gièm pha kiện cáo của Mao Viễn Tân mà thay đổi phương châm rất chính đáng là chỉnh đốn toàn diện. Lòng quyết tâm ấy đã sớm cố định lại được rồi, ngay từ giờ phút đầu tiên về tới Bắc Kinh là nó đã được định hình, ngay từ khi vừa phục hồi công tác nó đã được định hình, và cũng được định hình ngay từ khi ông bắt tay vào công cuộc chỉnh đốn toàn diện một cách kiên cường. "Bè lũ bốn tên" phá cũng chẳng làm ông dao động, rồi thêm Mao Viễn Tân lao vào phá, tuy làm cho tình hình thêm khó khăn, nhưng ông vẫn như xưa, không hề dao động. Gió mưa tầm tã trong chín năm nay sớm đã tôi luyện cho ông niềm tin kiên định đó, sớm đã rèn đúc cho ông một quyết tâm tuyệt đối không biết dao động là gì.

Ngày 10/11/1975, khi Đặng Tiểu Bình tìm Hồ Kiều Mộc bàn công việc, Đặng Tiểu Bình có nhắc tới việc vì ông chuyển thư cho Lưu Băng mà bị phê bình. Hồ Kiều Mộc nói với Đặng Tiểu Bình, chẳng phải chỉ là một vấn đề chuyển thư, mà có thể đối với cách thức Đặng Tiểu Bình tiến hành chỉnh đốn toàn diện, Mao Trạch Đông đã sớm có ý kiến rồi. Hai người nhận định về tình thế, thấy càng ngày càng rõ ràng hơn. Phê bình Đặng Tiểu Bình, mà nguyên nhân sâu sắc của nó lại là chính trị. Trận lốc xoáy này không thể dập tắt được.

Trong thời gian này, Vương Hồng Văn được Mao Trạch Đông phái đi

Thượng Hải với danh nghĩa "giúp đỡ công tác" đã quay trở lại Bắc Kinh. Trước khi Vương Hồng Văn ra đi, Vương Hồng Văn là người điều khiển công tác của Trung ương. Vương Hồng Văn đi rồi, việc điều khiển công tác của Trung ương sang tay Đặng Tiểu Bình. Bây giờ Vương Hồng Văn đã trở về, nên ngày 15/11/1975, Đặng Tiểu Bình viết thư cho Mao Trạch Đông. Đặng Tiểu Bình viết trong thư: "Hiện nay đồng chí Vương Hồng Văn đã trở về, theo thông lệ, bắt đầu từ ngày về, công việc thường nhật của Trung ương vẫn mời đồng chí Hồng Văn điều khiển. Sắp tới có một hội nghị bao gồm 17 người, nên mời đồng chí Hồng Văn điều khiển". Sau khi Mao Trạch Đông đọc thư của Đặng Tiểu Bình, ngay tối hôm đó Mao Trạch Đông đã bút phê: "Tạm thời hãy cứ do đồng chí Tiểu Bình điều khiển, đợi ít ngày sau sẽ tính". Mao Trạch Đông không nhân cái cớ Vương Hồng Văn trở lại kinh đô để thôi chức của Đặng Tiểu Bình, chứng tỏ ông ta vẫn còn chưa hạ quyết tâm trừ bỏ Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông không để cho Vương Hồng Văn nhận lại công việc cũ, chứng tỏ rằng, tuy ông ta có cho Vương Hồng Văn trở lại Bắc Kinh, nhưng lại không muốn giao quyền lực vào tay Vương Hồng Văn, hoặc giao cho "bè lũ bốn tên". Tuy Mao Trạch Đông đã bắt đầu không hài lòng về Đặng Tiểu Bình, nhưng đối với "bè lũ bốn tên" ông ta cũng chẳng thích thú gì, nên không vì thế mà thay đổi. Liệu Đặng Tiểu Bình có còn điều khiển công tác của Trung ương nữa không? Nếu không, thì phải thay người. Nếu thay người, sẽ thay ai vào đây? Mao Trạch Đông còn đang quan sát, còn đang xem xét, còn chưa suy tính xong, do đó mà "tạm thời hãy cứ do đồng chí Đặng Tiểu Bình điều khiển", vì thế mà "đợi ít ngày sau sẽ tính". Tâm trạng của Mao Trạch Đông lúc này quá thật là phức tạp. Chẳng bao lâu sau, tình thế gấp gáp đi xuống.

Trong thời gian đó ngoài tác dụng của Mao Viễn Tân, thì Khang Sinh bệnh tật đã hết phương cứu chữa cũng nhân cơ hội đó dâng lên Mao Trạch Đông những lời sàm tấu, bảo rằng Đặng Tiểu Bình muốn lật án Đại Cách mạng Văn hóa. Thêm vào đó là những lần hội nghị, Đặng Tiểu Bình lại cứng rắn không thỏa hiệp, tất cả những nhân tố đó đem cộng lại, khiến Mao Trạch Đông cho rằng, đến lúc này, vấn đề chẳng phải chỉ giản đơn là "thống nhất tư tưởng", "tăng cường đoàn kết", mà nó đã ở vào mức độ nghiêm trọng: có người muốn lật án Cách mạng Văn hóa. Mao Trạch Đông liền hạ quyết tâm, còn phải đóng đinh cho chắc cái kết luận về Cách mạng Văn hóa ngay từ khi ông ta còn sống, làm cho vĩnh viễn không còn một kẻ bất mãn nào có thể lật lại vụ án Cách mạng Văn hóa này nữa.

Ngày 20/11/1975, Bộ Chính trị họp, đó chính là hội nghị 17 người mà trước

đây đã nhắc tới, thảo luận chuyên đề: đánh giá Đại Cách mạng Văn hóa. Mao Trạch Đông hy vọng rằng qua hội nghị này, dù vấn đề đánh giá Đại Cách mạng Văn hóa như thế nào cũng phải có được sự nhận thức tư tưởng thống nhất. Trước khi họp, Mao Trạch Đông đề xuất: hội nghị sẽ do Đặng Tiểu Bình điều khiển, Trung ương phải ra được quyết nghị khẳng định Cách mạng Văn hóa. Theo cách nói ấy của Mao Trạch Đông, thì dáng dấp cơ bản của "quyết nghị" này sẽ phải là: đối với Cách mạng Văn hóa, đánh giá tổng thể là "bảy phần thành tích, ba phần khuyết điểm". Mao Trạch Đông muốn để Đặng Tiểu Bình điều khiển hội nghị ra cho được quyết nghị đó, bởi vì một là: để cho Đặng Tiểu Bình, một người có cách nhìn khác đối với Cách mạng Văn hóa, đưa ra quyết nghị này, sẽ có thể bịt miệng tất cả những người vẫn có nhiều điều dị nghị đối với Cách mạng Văn hóa, khích họ không còn dám hát những bài hát ngược chiều nữa. Mao Trạch Đông đối với Đặng Tiểu Bình như thế, có thể nói là thật "hết tình hết nghĩa" vậy. Phân tích nội tâm của Mao Trạch Đông, ông ta vừa thành tâm tán thưởng tài năng và phẩm chất của Đặng Tiểu Bình, lại cáu giận tức tối với thái độ của Đặng Tiểu Bình đối với Cách mạng Văn hóa. Ông ta thêm một lần nữa lưu lại cho Đặng Tiểu Bình một chút tình ý, là hy vọng Đặng Tiểu Bình từ đó mà chịu thỏa hiệp nhân nhượng, thuận theo ý nguyện cuối cùng này của ông ta. Thực tế, Mao Trạch Đông đã quá già lão rồi, đã quá mệt mỏi rồi, nên sự "ổn định đoàn kết" cho Bộ Chính trị lần này, là ông ta đã chọn lựa quyết định, sau một thời gian suy ngẫm, tính toán rất lâu dài.

Nhưng có điều đáng buồn cho ông ta là, Đặng Tiểu Bình cũng có một tính cách y như Mao Trạch Đông, tức là về vấn đề nguyên tắc, tuyệt đối không thể nhân nhượng bất kỳ ai. Sự thiết tha mong muốn của Mao Trạch Đông là như vậy, nhưng Đặng Tiểu Bình đã không chấp nhận đề nghị của Mao Trạch Đông. Đặng Tiểu Bình nói dứt khoát rõ ràng rằng "tôi chủ trì viết ra nghị quyết này là hoàn toàn không thích hợp, tôi là 'người lạc loài ở chốn đào nguyên', chẳng biết đến người, không bàn Ngụy, Tấn". Ý tứ của Đặng Tiểu Bình thật minh bạch, chín năm Cách mạng Văn hóa, thì sáu năm ông bị đánh đổ, hạ bệ, là một con người ở "bên ngoài thế giới", thoát ly khỏi các phong trào, đối với Cách mạng Văn hóa, ông không tham dự, và cũng "không nắm bắt được", cho nên mới "không thích hợp" trong việc viết ra. Thực ra, điều căn cốt nhất là ông không nỡ lòng vi phạm tâm nguyện của mình, viết ra một cái nghị quyết ngợi khen Cách mạng Văn hóa.

Thái độ hoàn toàn không chịu nhượng bộ của Đặng Tiểu Bình làm cho Mao Trạch Đông hạ quyết tâm "phê bình" Đặng Tiểu Bình. Cái cửa quan cuối cùng trong sinh mệnh chính trị của Mao Trạch Đông là ông ta kiên định, bất di bất

dịch, bảo vệ Cách mạng Văn hóa, ông ta không tha thứ cho bất cứ người nào còn nghi ngờ nó, và càng không cho phép, không tha thứ những ai đòi lật án Cách mạng Văn hóa. Đây là nguyên tắc cuối cùng mà ông ta hết sức giữ gìn, bảo vệ.

Căn cứ vào chỉ thị của Mao Trạch Đông, ở Bắc Kinh sẽ triệu tập một hội nghị lấy tên "Nhắc nhở". Mục đích của hội nghị là: truyền đạt chỉ thị của Mao Trạch Đông về bức thư của Lưu Băng cùng một số người khác, và những chỉ thị có liên quan tới tầng lớp cán bộ cao cấp của Đảng, của chính quyền và quân đội. Vì lúc đó, Đặng Tiểu Bình vẫn là người điều khiển mọi công tác của Trung ương, nên trước khi hội nghị "nhắc nhở" được triệu tập, việc viết những điểm quan trọng nói trong hội nghị "nhắc nhở" cũng lại do Đặng Tiểu Bình viết, gửi tới Mao Trạch Đông thẩm duyệt, đồng thời báo cáo cả cách thức tiến hành hội nghị.

Ngày 21/11/1975, Đặng Tiểu Bình viết thư cho Mao Trạch Đông, trong thư có viết: "Tuân theo chỉ thị của Chủ tịch, nên có đôi lời nhắn nhủ tới các cán bộ để tránh vướng phải sai lầm. Hiện nay đã lập danh sách 136 người, những điểm quan trọng sẽ nói trong hội nghị nhắc nhở này, nó đã được Bộ Chính trị thảo luận và sửa chữa, nay trình lên, xin duyệt phê. Biện pháp tiến hành hội nghị nhắc nhở là tập trung cán bộ cùng thảo luận, tất cả các đồng chí ở Bộ Chính trị đều tham gia. Bộ Chính trị đã bàn tính là, sẽ đưa trước những điều quan trọng nói trong hội nghị tới các Tư lệnh, chính ủy của các quân khu lớn, Bí thư thứ nhất của các tỉnh, thành phố, coi như gửi tới họ một lời nhắc nhở. Việc này cũng xin Chủ tịch phê duyệt".

Với báo cáo của Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch đồng phê: "Rất tốt. Nhưng không phải chỉ có các đồng chí lão thành mà phải gửi tới cả các đồng chí trung niên, thanh niên để cùng biết. Nên như hội nghị 17 người vậy. Nên gửi cả những lời nhắc nhở tới thanh niên, nếu không thanh niên cũng sẽ mắc sai lầm. Đề nghị Bộ Chính trị bàn bạc lại: hoặc chia làm hai hội nghị họp hai lần, hoặc là chia trước, rồi họp sau". Vào ngày hôm sau, sau khi viết những dòng đó, có thể là Mao Trạch Đông đã suy tính thêm, nên có thay đổi lại, ông ta viết thư cho Đặng Tiểu Bình nói rằng: "Có lẽ nên làm như các đồng chí thì hơn, trước hết hãy gửi lời nhắc nhở tới các đồng chí lão thành. Vấn đề thanh niên tạm hoãn. Bởi còn chưa yên ổn, có nơi vẫn đánh nhau vì bè phái (như Bộ Cơ khí số 7), có nơi bằng mặt mà chẳng bằng lòng (như Đại học Thanh Hoa), không triệu tập được".

Chiều ngày 24/11/1975, Trung ương triệu tập "Hội nghị nhắc nhở". Về sau hội nghị này được gọi là "hội nghị nhắc nhở lần thứ nhất". Tham gia hội nghị bao gồm toàn thể Ủy viên Bộ Chính trị tại Bắc Kinh, và một số đồng chí lão

thành phụ trách một số cơ quan của Đảng, chính quyền và quân đội, tổng cộng hơn 130 người. Hội nghị vẫn do người phụ trách công tác của Trung ương là Đặng Tiểu Bình điều khiển. Đặng Tiểu Bình nói đầu tiên, ông nói: "Họp hôm nay là hội nghị nhắc nhở. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị có mặt tại Bắc Kinh đều tới dự, ngoài ra còn mời tham hơn một trăm người nữa. Trước hết xin đọc những điểm quan trọng nói trong 'hội nghị nhắc nhở', đã được Mao Chủ tịch phê duyệt". Sau vài câu mở đầu, Đặng Tiểu Bình đọc bản "những điểm quan trọng nói trong hội nghị nhắc nhở" đã được đích thân Mao Trạch Đông đọc và phê duyệt. Nội dung của các "điểm quan trọng" như sau: một, phó Bí thư Đảng ủy trường Đại học Thanh Hoa, Lưu Băng và một số người khác tố cáo Trì Quần và Tạ Tĩnh Nghi, mà thực là chĩa mũi giáo vào Mao Chủ tịch. Căn cứ vào chỉ thị của Mao Chủ tịch, đảng ủy trường Đại học Thanh Hoa đã triệu tập hội nghị đảng ủy mở rộng để tranh luận về lá thư của đồng chí Lưu Băng và một số đồng chí khác, đồng thời mở rộng cuộc tranh luận tới toàn bộ thầy giáo, học trò trong toàn trường. Hai, Mao Chủ tịch nêu rõ: thư của Lưu Băng và một số người kiện cáo Trì Quần và Tiểu Tạ, "động cơ không trong sáng, muốn đánh đổ Trì Quần và Tiểu Tạ, mà mũi giáo trong thư là chĩa vào tôi".

Chỉ thị của Mao Chủ tịch là vô cùng quan trọng, vấn đề xuất hiện ở trường Đại học Thanh Hoa không phải là riêng lẻ, nó là sự phản ánh cuộc đấu tranh hai giai cấp, hai con đường, hai đường lối hiện nay. Đây là ngọn gió mang tính hữu khuynh và muốn lật lại án cũ. Có một số người bất mãn với cuộc Đại Cách mạng Văn hóa, nên lúc nào cũng muốn tính toán nợ nần với Cách mạng Văn hóa, tóm lại là muốn lật án. Thông qua việc tranh luận, làm rõ tư tưởng, đoàn kết đồng chí, là việc làm rất cần thiết. Ba, Mao Chủ tịch chỉ thị: cần phải nhắc nhở một số đồng chí, để tránh cho một số đồng chí mắc phải sai lầm mới.

Đọc xong "những điểm quan trọng", Đặng Tiểu Bình nói tiếp: "Dưới đây xin có đôi lời thuyết minh". Những điều mà ông gọi là "thuyết minh" mang mấy điểm chủ yếu dưới đây: một, vấn đề gọi là ba điều hành xử chính xác mà Mao Chủ tịch nói tức là, cần phải hành xử chính xác với Đại Cách mạng Văn hóa, hành xử chính xác với quần chúng, và hành xử chính xác với mình. Hai, Mao Chủ tịch nói, cần phải lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh, đó là đường lối cơ bản của đảng, còn như có một lối nói rằng: lấy ba chỉ thị của Mao Chủ tịch "làm cương lĩnh", là lối nói không chính xác. Đấu tranh giai cấp là cương lĩnh, còn hai chỉ thị kia chỉ là mục đích. Ba, cần phải hành xử chính xác với những sự việc mới nảy sinh, cần phải ủng hộ và khẳng định, chứ không nên hoa chân múa tay, dè bỉu, giới giáo dục và các ngành các ban đều phải chú ý tới điểm này. Bốn, cần

phải kết hợp ba lớp: lão niên, trung niên và thanh niên, đặc biệt là đối với các cán bộ trẻ dùng biện pháp một gậy đánh chết tươi là không đúng. Cuối cùng, cuộc tranh luận lần này của trường Đại học Thanh Hoa sẽ nhanh chóng mở rộng ra đến toàn quốc, ít nhất cũng sẽ mở rộng tới lĩnh vực giáo dục và văn hóa.

Cuộc truyền đạt "những điểm quan trọng" và bài nói của Đặng Tiểu Bình, thực tế là ông phải "phụng mệnh" để làm một cuộc thông báo tới các đồng chí lão thành về việc Mao Trạch Đông phê bình Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông chỉ thị triệu tập hội nghị này, có hai mục đích, một là, khi truyền đạt Đặng Tiểu Bình sẽ tự kiểm điểm trước mặt mọi người, hai là thông qua cuộc truyền đạt này, có một lời nhắn nhủ thiết thực tới các đồng chí lão thành, để mọi người phải biết đến thái độ của Mao Trạch Đông, mong sao các đồng chí lão thành có chuyển biến, quay trở lại, đừng có phạm "sai lầm" thêm nữa.

Ngày 26/11/1975, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông báo, sẽ truyền phát rộng rãi "những điểm quan trọng nói trong hội nghị nhắc nhở" tới người phụ trách của đảng, chính quyền và các đơn vị lớn của quân đội, đồng thời yêu cầu tổ chức thảo luận và báo cáo tình hình thảo luận về Trung ương. Sau "hội nghị nhắc nhở" và sau khi Trung ương ra thông báo, phát văn bản xuống dưới, đã có ngay một phong trào mới: "phản kích làn gió hữu khuynh lật án". Phong trào này nhanh chóng mở rộng ra khắp toàn quốc. Công cuộc chỉnh đốn toàn diện mới liên tục kéo dài được chín tháng, coi như bị chết đứng. Phong trào "phản kích làn gió hữu khuynh lật án" càng ngày càng đi sâu và mở rộng, từ chỗ chỉ cạnh khóe phê phán Đặng Tiểu Bình, cuối cùng đã phát triển tới mức công khai vạch mặt chỉ tên Đặng Tiểu Bình để phê phán. Giấc mộng "phê phán Đặng Tiểu Bình" từ lâu, cuối cùng đã được thực hiện, "bè lũ bốn tên" hớn hở ra mặt. Ngay từ tháng 10, Vương Hồng Văn ở Thượng Hải đã nhiều lần bàn bạc bí mật với người phụ trách Ủy ban Cách mạng thành phố Thượng Hải và người của Bộ Văn hóa là Lưu Khánh Đường[116] cùng một số người khác. Vương Hồng Văn đã dặn dò những chân tay bè đảng của "bè lũ bốn tên" này rằng: "Còn phải chú ý tới mọi động tĩnh của Đại học Thanh Hoa, đại học Bắc Kinh, ở đó có sự kiện lớn đấy". Hắn còn cho những người này "nghiên cứu sách lược", cần "đầy đủ tinh thần, chuẩn bị đấu tranh". Sau đó Vương Hồng Văn còn cho gọi những tay chân nanh vuốt ở Thượng Hải này lên Bắc Kinh căn dặn, nhắc nhở. Hắn còn ngụy tạo, vu khống rằng: "Đặng Tiểu Bình là tổng đoàn trưởng đoàn quân Hoàn Hương, còn Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm v.v… là phân đoàn trưởng đoàn Hoàn Hương".[117]

Đối với Đặng Tiểu Bình mà nói, việc phát động phong trào phê phán ông là việc đã nằm trong dự liệu của ông. Một khi ông đã hạ quyết tâm tiến hành chỉnh đốn toàn diện, một khi đã hạ quyết tâm giữ thái độ kiên trì không thỏa hiệp, ông sớm đã chuẩn bị tinh thần cho việc bị phê phán và đánh đổ một lần nữa rồi. Trong quá trình chỉnh đốn toàn diện, ông đã từng nói rất nhiều lần: cần phải làm một người không sợ bị đánh đổ. Ông đã từng nói rằng: "Những cán bộ lão thành cần phải quyết một bề, liều cái thân già, với một chữ dám đương đầu, không biết sợ dù rằng đó là lần bị hạ bệ, đánh đổ thứ hai. Không nên sợ bị hạ bệ lần thứ hai, cứ làm tốt công tác, dù có bị hạ bệ đánh đổ lần thứ hai cũng là cống hiến". Đồng thời với việc nhẫn nhịn chịu phê phán, và ngoài việc tiếp tục điều khiển công việc thường nhật của Trung ương và Quốc vụ viện đâu vào đấy, Đặng Tiểu Bình còn rất quan tâm đến bệnh tình và điều trị của Chu Ân Lai. Ông thường đi thăm Chu Ân Lai, và bằng tất cả mọi khả năng của mình, thu xếp việc chữa chạy cho Chu Ân Lai, làm tất cả mọi việc cho Chu Ân Lai.

Chiều ngày 16/10/1975, ông cùng các đồng chí lãnh đạo Trung ương nghe các bác sĩ báo cáo về tình hình bệnh trạng của Chu Ân Lai tại đại hội đồng. Chiều ngày 17/10/1975, ở nơi ở của mình, ông lại cùng với Đặng Dĩnh Siêu bàn một số công việc có liên quan tới việc chữa chạy cho Chu Ân Lai. Buổi chiều ngày 4/11/1975, ông hẹn Đặng Dĩnh Siêu tới nơi ở của mình để lại bàn về việc đó. Chín giờ rưỡi tối ngày 11/11/1975, ông cùng với cán bộ lãnh đạo Trung ương nghe các bác sĩ báo cáo về bệnh tình của Chu Ân Lai. 10 giờ rưỡi tối ngày 16/11/1975, ông cùng với Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng nghe tổ điều trị thỉnh thị về những vấn đề có liên quan tới bệnh tật của Chu Ân Lai. 3 giờ chiều ngày 27/11/1975, ông cùng các cán bộ lãnh đạo khác của Trung ương nghe tổ điều trị cho Chu Ân Lai báo cáo tình hình điều trị.

Khi phong trào phản kích "làn gió hữu khuynh lật án" bắt đầu, Chu Ân Lai vô cùng phẫn nộ, và cũng vô cùng lo lắng. Ngày 8/12/1975, Đặng Tiểu Bình vào bệnh viện thăm Chu Ân Lai. Cùng ngày, Uông Đông Hưng, Vương Hồng Văn, Lý Tiên Niệm, Trần Vĩnh Quý, Vương Hải Dung, Đường Văn Sinh v.v… cùng vào thăm Chu Ân Lai. Trong chuyện nói với Vương Hồng Văn, Chu Ân Lai đã nhắc nhở Vương Hồng Văn cần ghi nhớ cuộc chuyện trò với Mao Trạch Đông ở Trường Sa năm 1974 về lời cảnh báo "Giang Thanh có dã tâm". Trong khi Chu Ân Lai mang trọng bệnh, đây là việc duy nhất ông có thể làm cho Đặng Tiểu Bình. Chu Ân Lai thấy ngọn lửa phê phán ngày càng bốc to, ông lo lắng cho người đồng chí già của mình. Ông lo Đặng Tiểu Bình liệu có trụ được trước cơn

sóng gió của lần phê phán này không, nên đã đặc biệt mời Đặng Tiểu Bình tới, trịnh trọng và quan tâm hỏi Đặng Tiểu Bình: “Thái độ có thể thay đổi không?”, Đặng Tiểu Bình dứt khoát, mạch lạc trả lời Chu Ân Lai: “Vĩnh viễn không thể!” Chu Ân Lai nghe xong, thấy yên tâm và vui. Ông nói: “Vậy thì tôi yên tâm rồi!” Cuộc trao đổi lần này là cuộc giao lưu tâm thức của hai vị đồng chí già có hai tâm hồn đồng điệu, là một lời thề chính trị bỏ qua mọi nỗi vinh nhục cá nhân, thậm chí cả sự an nguy của tính mạng. Lần trao đổi ấy, thực tế là vô cùng quan trọng. Cho mãi tới hơn mười năm sau, Đặng Tiểu Bình vẫn nhớ như in trong tâm khảm mình. Ông đã từng nhiều lần nhắc nhở lại cảnh tình lúc đó, rất nhiều lần nói lại cho chúng tôi nghe cái giây phút bi tráng ấy.

Tháng 12/1975, Bộ Chính trị liên tục họp, phê phán Đặng Tiểu Bình, không khí ở đại hội rất căng thẳng, cả bè cánh “bè lũ bốn tên” gầm gào như lửa cháy, thỏa thích phê phán Đặng Tiểu Bình và cuộc chỉnh đốn toàn diện do ông lãnh đạo. Thật là một sự kỳ quái đến khó hiểu, hội nghị phê phán Đặng Tiểu Bình, mà lại vẫn do Đặng Tiểu Bình điều khiển. Song thực tế, cái gọi là điều khiển ở đây chẳng qua chỉ là chuyện hình thức mà thôi. Khi nhớ lại hội nghị này, ông nói: “Tôi điều khiển hội nghị, mà chỉ nói được một câu ‘bắt đầu’ khi khai mạc, và ‘kết thúc’ khi bế mạc”. Còn tất cả các thời gian khác, ông ngồi lặng lẽ ở hội trường không nói một câu. Ngày 20/12/1975, Đặng Tiểu Bình làm “kiểm điểm” trong hội nghị Bộ Chính trị. Trong khi làm “kiểm điểm”, mà một chữ chính thức ông cũng không viết, cũng đã đủ thấy thái độ của ông với cái gọi là “kiểm điểm” này.

Lần “kiểm điểm” này chỉ lưu lại được những biên bản hội nghị. Khi bắt đầu tiến hành “kiểm điểm”, ông nói: “Đầu tiên tôi xin cảm ơn sự lãnh đạo của Chủ tịch, cảm ơn sự giúp đỡ của các đồng chí, đặc biệt là sự giúp đỡ của các đồng chí trẻ. Bản thân tôi, nhận thức được sự sai lầm này có thể gọi là chậm chạp”. Tiếp đó ông nói: “Trước hết hãy xin nói tới trạng thái tư tưởng của tôi”. Ông nhắc tới thời gian trước khi có văn kiện số 9: “Tôi thấy có tương đối nhiều bộ phận công nghiệp sản xuất không đưa lên được, sự cố lại tương đối nhiều, không ít địa phương, tính bè phái quá nặng nề, rõ ràng là rất nguy hiểm. Tháng 2, tháng 3, vận tải đường sắt có rất nhiều vấn đề, ảnh hưởng tới các mặt sản xuất khác, cho nên tôi nói đề xuất phải bắt tay vào giải quyết vấn đề đường sắt đầu tiên. Về vấn đề này, ngoài việc nhấn mạnh, tập trung vào việc thống nhất thể chế quản lý ra, tôi đặc biệt coi trọng việc phóng tay phát động quần chúng, phê phán tình trạng bè phái tư sản, hết sức tranh thủ thời gian mong sao giải quyết vấn đề thật nhanh. Vì thế, về mặt biện pháp, tôi kiên quyết chống lại một số ít thuộc loại đầu sỏ bè

phái, dứt khoát điệu hổ ly sơn. Vấn đề Từ Châu được giải quyết, diện mạo ngành đường sắt đã được thay đổi, khi đó tôi cảm thấy rằng, kết quả của cách thức này, diện đánh phá rất nhỏ, mà diện giáo dục lại cực lớn, kiến hiệu cũng nhanh. Đồng thời, tôi cũng thấy rằng, Giang Tô vận dụng kinh nghiệm của ngành đường sắt cũng giải quyết được các vấn đề khác trong toàn tỉnh, và cũng thu được hiệu quả vừa nhanh vừa rõ rệt, cho nên tôi thấy phương pháp này có thể vận dụng vào các mặt khác. Liền sau đó, vận dụng phương pháp ấy vào ngành gang thép, vận dụng vào Bộ Cơ khí số 7, vận dụng vào một số địa khu, một số tỉnh, vận dụng vào công tác chỉnh đốn ở Học viện khoa học đều có kết quả. Ngay trước khi bước vào cuộc hội nghị này, tôi vẫn cứ cho rằng phương pháp đó là đúng, cho nên khi có một số đồng chí đề ra việc phê bình đối với phương châm, phương pháp này, tôi còn cảm thấy có ít nhiều đột ngột, và cũng thấy có phần kinh ngạc". Trong lần "kiểm điểm" này, Đặng Tiểu Bình còn bày tỏ thái độ mình với tính bè phái, với sản xuất công nghiệp, với hệ thống văn hóa giáo dục, với kết hợp lực lượng lão niên, trung niên và thanh niên, với những sự việc mới nảy sinh, đặc biệt là với Đại Cách mạng Văn hóa. Ông nhắc tới, rồi kiểm tra nguyên nhân chủ yếu nhất, căn bản nhất, là vấn đề thái độ Đại Cách mạng Văn hóa. Ông nói: "Tôi là 'người lạc loài trong chốn đào nguyên', tám năm không làm việc gì, không phải là nguyên nhân chủ yếu. Nguyên nhân chủ yếu là vấn đề nhận thức tư tưởng".

Đặng Tiểu Bình nói trong khi "kiểm điểm", là những lời nói chân thành xuất phát tự đáy lòng. Ông lấy cuộc "kiểm điểm" để chứng minh rằng "những phương pháp" chỉnh đốn toàn diện là chính xác, đối với việc phê bình ông là đột ngột, gây cho ông cảm giác ngỡ ngàng bức bối. Ông thành thực thừa nhận, nguyên nhân cơ bản để ông mắc sai lầm, không phải do nguyên nhân bị hạ bệ, không làm việc trong tám năm, mà vấn đề nằm ở thái độ của ông đối với Đại Cách mạng Văn hóa. Đó là bản "kiểm điểm", đó cũng chính là một bản tự bạch về toàn bộ nhận thức tư tưởng, mà không hề có sự né tránh nào.

Sau hội nghị đó, Đặng Tiểu Bình viết thư cho Mao Trạch Đông, kèm theo thư là biên bản ghi chép lần "kiểm điểm" này. Trong thư Đặng Tiểu Bình viết: "Thưa Chủ tịch, hôm nay (ngày 20), vào cuộc họp buổi tối, tôi đã phát biểu ý kiến mang tính kiểm thảo đối với những sai lầm của bản thân tôi, nay xin trình những ý kiến đó lên để Chủ tịch thẩm duyệt. Tất nhiên đấy mới là kiểm thảo bước đầu. Tôi hy vọng được Chủ tịch trực diện giáo dục. Tất nhiên là khi nào Chủ tịch cảm thấy thật cần thiết". Lúc này, Đặng Tiểu Bình không thể gặp mặt Mao Trạch Đông được nữa, nên ông thông qua việc đệ trình bản "kiểm điểm", tỏ ý muốn gặp trực tiếp Mao Trạch Đông.

Thư và bản "kiểm điểm" của Đặng Tiểu Bình, lúc bấy giờ không có một dòng bút phê nào của Mao Trạch Đông. Nhưng những cuộc họp phê phán, "giúp đỡ" Đặng Tiểu Bình, vẫn được tiếp tục mở ra.

Tháng 12/1975, một nhân vật làm mưa làm gió của Cách mạng Văn hóa là Khang Sinh qua đời.

Trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, Khang Sinh là một nhân vật tương đối đặc biệt. Ông ta xuất thân trong một gia đình giàu sang quyền thế ở Sơn Đông, tham gia Đảng Cộng sản Trung Quốc từ rất sớm. Ông ta có một nền học vấn uyên thâm, thư tịch cố điển, lịch sử không gì là không thuộc. Ông ta đã được giáo dục "chính quy" về chủ nghĩa Mác-Lênin ở Liên Xô, có thể coi như một lý luận gia trong đảng. Ông ta thích thú nhiều thứ, tinh thông đồ cổ, say mê Kinh kịch, rất giỏi trong việc nghe lời nói, nhìn sắc mặt của người ta mà bắt hình dong. Trong đảng, bất cứ ai, không kể chức vụ cao thấp thế nào, đều gọi ông ta là "Khang Lão". Khang Sinh tuy bên ngoài đầy vẻ hiền hòa, nhưng lại là một nhân vật khá phức tạp và lá mặt lá trái. Chân tướng bản chất của ông ta hoàn toàn chả phải là sự hiền hòa dí dỏm như mọi người bình thường vẫn tưởng, mà là một con người rất nham hiểm, lật lọng. Con người này thuộc biết hết mọi lối quyền thuật, kỹ nghệ chẳng vẻ vang gì trong các loại đấu đá ở nội bộ đảng, bình thường ông ta luôn giả vờ ốm, nhưng mỗi lần có chuyện gió thổi cỏ bay, là bộ mặt độc ác của ông ta lộ ra ngay lập tức. Ông ta và Giang Thanh là bạn cũ, mẹ của Giang Thanh vốn là nô bộc cũ trong nhà Khang Sinh. Tình cảm của ông ta với Mao Trạch Đông cũng chẳng phải thuộc loại thông thường, hai đứa con trai ở nước ngoài của Mao Trạch Đông chính là do Khang Sinh đưa về Trung Quốc. Hồi chỉnh phong ở Diên An, Khang Sinh đã lợi dụng sự tín nhiệm của Mao Trạch Đông mà chỉnh vô số người, ông ta là một kẻ mang nợ. Từ đó về sau, ông ta biết rằng càng lộng hành bao nhiêu càng khó có chỗ dung thân, nên ông ta giả vờ có bệnh, nằm nhà. Cho đến khi phong trào Cách mạng Văn hóa bùng nổ, cơ hội lại đến với ông ta một lần nữa, thế là ông ta lại giặt giũ cờ xí, tô son trát phấn lên sân khấu. Trong Cách mạng Văn hóa, ban đầu Khang Sinh làm cố vấn cho Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, rồi từ đó, đường mây rộng mở, ông ta leo vọt lên đến Ban Thường vụ Bộ Chính trị, thậm chí leo tới chức Phó Chủ tịch đảng. Trong Cách mạng Văn hóa, kỹ nghệ và kỹ thuật hãm hại người tàn bạo, ác độc, được ông ta phát huy lên đến tối đa, những người bị ông ta chỉ tên, bị ông ta thẩm tra, bị ông ta hành hạ, không biết được là tới bao nhiêu. Ban đầu, ông ta vốn cùng một giuộc với "bè lũ bốn tên", nhưng sau chỉ vì tranh quyền đoạt lợi, mà trở thành thù hận, đối địch nhau. Năm 1973, sau khi gia đình tôi trở lại Bắc

Kinh, cha mẹ tôi đã đưa chúng tôi tới thăm ông ta tại nơi ở của ông ta là Điếu Ngư đài. Chúng tôi thấy Khang Sinh lúc đó, bệnh tật đã gần đất xa trời, gầy như một cành củi khô, nằm trên giường bệnh.

Vừa gặp mặt cha mẹ tôi, Khang Sinh đã ngoác miệng lên chửi Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, cùng một số kẻ khác, ông ta chửi bới thật dữ dằn, tràn ngập hận thù. Nếu như là một người khác mà chửi bới "bè lũ bốn tên", điều đó chẳng lấy gì làm lạ, nhưng đây, cuộc chửi bới đó lại từ miệng Khang Sinh phun ra, nên thấy có nhiều mùi vị khác lạ. Nghe Khang Sinh chửi bới, chúng tôi vừa chợt về tới Bắc Kinh, thật tình chẳng còn hiểu trời đất ra làm sao nữa. Nhưng thấy rằng, tới lúc đó, mối quan hệ giữa Khang Sinh và "bè lũ bốn tên", đã coi nhau như quân thù quân hằn.

Cuối năm 1975, khi Khang Sinh sắp bước chân xuống mồ, mà tính ác vẫn không sửa. Con người ta ngay cả đến khi sắp chết rồi vẫn chẳng chịu để cho mình rơi vào tịch mịch, Khang Sinh vẫn chơi trò hai mặt. Một mặt ông ta vẫn cho tìm Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đến chuyện trò trao đổi, để hai bà chuyển lời giúp tới Mao Trạch Đông, một là chứng tỏ mình không có phản bội gì trong quá khứ, hai là "tố cáo" Trương Xuân Kiều và Giang Thanh, trong quá khứ đều là phản bội. Khang Sinh nói, việc này ngay từ ở Diên An cũng đã rõ ràng rồi, nhưng từ trước đến nay vẫn chưa phản ánh với Trung ương và Mao Trạch Đông. Một mặt khác, ông ta dâng lên Mao Trạch Đông những lời sàm tấu, bảo rằng: Đặng Tiểu Bình muốn lật lại án Cách mạng Văn hóa, muốn lập công, giấu giếm đằng sau lưng Mao Viễn Tân. Chết đến chân rồi, mà ông ta vẫn dùng cái tiếng te le của chiếc kèn lưỡi gà, giãy giụa làm đảo lộn thị phi.

Ngày 16/12/1975, Khang Sinh chết, thế là một nhân vật đã từng làm mưa làm gió trong Cách mạng Văn hóa không còn nữa. Đại Cách mạng Văn hóa đúng là một cái sân khấu cho đủ các loại nhân vật nhảy múa, diễn trò, "ông hát xong đến lượt tôi", không biết bao nhiêu người xuất hiện, xuống lên, trăm màu trăm vẻ. Khang Sinh, tên ác quỷ, thằng hề xấu xa bỉ ổi, đã từng có một thời vênh vang nhảy múa trên vũ đài chính trị, đã đem lại cho đất nước chúng ta, cho nhân dân và đảng ta không biết bao nhiêu lại nạn, hiểm họa, đã gây ra bao nhiêu tổn thất không sao cứu vãn nổi.

Cuộc tuẫn nạn bi tráng

Mùa đông năm 1975, trời quá giá rét. Mới bước vào tháng 12 mà gió bấc đã hun hút. Ngoài đường, những người đạp xe đạp ai nấy đều phải mặc áo bông, quần bông, mũ bông thật dày, mà vẫn còn phải kéo vành mũ che tai buộc chặt xuống cằm. Đạp xe hết một đoạn đường, đôi tay đi găng vẫn bị cứng lại, tím ngăn ngắt. Cuối năm đó, trời lạnh, lòng người còn lạnh hơn.

Thực ra, năm đó là năm đầu tiên trong chín năm Cách mạng Văn hóa, nền kinh tế quốc dân có được sự phát triển khá nhất. Tổng giá trị sản lượng, tăng lên được 11,9% so với năm trước, trong đó giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng 4,6%, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 15,9%, lương thực, gang thép, than nguyên khai, dầu mỏ, điện, thu nhập tài chính, đều có những tăng trưởng tương đối khá. Qua cuộc chỉnh đốn toàn diện, sản xuất được phục hồi, trật tự được xây dựng lại, hoạt động bè phái bị hạn chế, lòng tin của cán bộ và quần chúng tăng lên, tình hình làm phấn khởi lòng người. Nhưng cảnh đẹp chẳng bền, đất bằng bỗng nổi lên cuộc phong ba phản kích “làn gió hữu khuynh lật án”, những thành quả do cuộc chỉnh đốn mang lại hoàn toàn bị phủ nhận. Cuộc chỉnh đốn bị cưỡng bức đình chỉ chín tháng liền, tình hình kinh tế lại thêm mỗi lần tụt dốc.

Trong tình hình như thế, điều đau đớn nhất chính là lòng người. Quảng đại quần chúng vừa mới chợt nhìn thấy những thành quả của cuộc chỉnh đốn toàn diện, và niềm hy vọng vừa mới được nhen nhóm, lại thêm một lần nữa rơi tõm vào nỗi bất an, mù mịt. Nhưng phong trào phát triển tới ngày nay, nó cũng chẳng còn giống như những năm tháng bão tố cuồng phong dữ dội như hồi đầu của cuộc Cách mạng Văn hóa nữa, trong lòng mỗi con người đều chỉ có một nỗi chán ghét, họ không còn phấn khởi mù quáng, mà lại là một cái dấu hỏi to đùng.

Năm 1975, một năm chập chờn lên lớn xuống to, và qua đi từng sự nhốn nháo “phê phán Đặng Tiểu Bình” lầm lạc. Năm mới 1976, Đặng Tiểu Bình bị bắt buộc phải viết kiểm thảo trong không khí đầu năm ấy.

Cuộc phê phán đối với Đặng Tiểu Bình không hề có một chút lơi lỏng nào dù là trong đầu năm mới. Ngày Tết vừa qua được hai ngày, tức ngày 3/1, Đặng Tiểu Bình bị bắt buộc kiểm thảo lần thứ hai trước hội nghị Bộ Chính trị - còn gọi là kiểm thảo bổ sung - có thể do cuộc kiểm thảo lần thứ nhất chưa được gọi chính

thức chăng, nên mới có thêm lần này, Đặng Tiểu Bình phải kiểm thảo bằng văn bản. Thực ra, những điều cần nói, Đặng Tiểu Bình đã nói hết cả rồi, cần phải tỏ rõ thái độ cũng đã tỏ rõ đủ rồi, có kiểm thảo nữa cũng vẫn chỉ là như thế. Nội dung của bản kiểm thảo này vẫn giống về đại thể nhưng có cái không giống về tiểu tiết, bởi vì "người ta" có "ý kiến", nên cần phải kiểm điểm thêm một điều rằng: đề xuất "lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh", một việc to lớn trọng đại như thế, mà không thỉnh thị Chủ tịch, không đưa ra Bộ Chính trị thảo luận.

Sau lần kiểm thảo đó, Đặng Tiểu Bình lại một lần nữa viết thư cho Mao Trạch Đông. Trong thư viết: "Sau khi kiểm điểm sơ bộ tại hội nghị Bộ Chính trị lần trước, lại thấy Mao Viễn Tân truyền đạt một số chỉ thị quan trọng của Chủ tịch. Trước hết là sáu vị đồng chí, sau đó là tại hai hội nghị lớn khác, các đồng chí đó đã nghiêm túc phân tích phê phán và giúp đỡ, đối với sai lầm của tôi, khiến tôi cũng nhận thấy rằng lần kiểm điểm trước là chưa đủ". Đặng Tiểu Bình còn gửi kèm theo bản "kiểm thảo bổ sung" của lần kiểm điểm này. Trong thư gửi cho Mao Trạch Đông, ông còn viết tiếp: Nên tiếp tục mở hội nghị phê phán tôi, ngoài việc tôi cần tiếp tục nghe phê phán ra, tôi còn cần được báo cáo trực tiếp với Chủ tịch những nhận thức về sai lầm của mình, và muốn được nghe những lời giáo dục trời biển của Chủ tịch. Tất nhiên là vào khi nào được Chủ tịch cho phép. Đặng Tiểu Bình, thêm một lần nữa đòi "đối mặt" với Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông không cho Đặng Tiểu Bình gặp mặt, đợi đến khi Đặng Tiểu Bình "kiểm thảo lần thứ hai" xong, ngày 14/1/1976, Mao Trạch Đông mới bút phê vào hai bản kiểm thảo của Đặng Tiểu Bình trong hai ngày 20/12/1975 và ngày 3/1/1976: "In phát cho Bộ Chính trị thảo luận". Ý tứ của những lời bút phê đó là rất rõ ràng, Mao Trạch Đông vẫn còn chưa hài lòng về những bản kiểm thảo của Đặng Tiểu Bình, cần phải để cho mọi người "tiếp tục thảo luận", cũng có nghĩa là tiếp tục phê phán.

Trong bầu không khí chính trị nặng trĩu áp lực của các hội nghị được liên tục mở ra để phê phán Đặng Tiểu Bình, tính mạng của Chu Ân Lai cũng bước vào thời kỳ nguy hiểm cuối cùng. Bằng vào nghị lực tối đa của mình, nén chịu những cơn đau của bệnh tật dày vò, Chu Ân Lai nằm trên giường bệnh, gắng gượng lắng nghe tin tức trên báo chí do người khác đọc hộ, để theo dõi, lo âu cho tình hình của cuộc đấu tranh chính trị trong toàn quốc, mỗi khi những cơn đau dữ dội ập tới, ông lại nắm chặt lấy tay người hộ lý, và cố gắng giấu giếm, không để lộ nỗi đau đớn đó ra ngoài. Khi Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng, Trần Tích Liên, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong, Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh tới thăm, ông thực tình muốn nói, muốn trao đổi rất nhiều với mọi

người, nhưng thể lực ông đã quá suy kiệt, chỉ còn có thể nói được đôi câu đứt đoạn. Hạ tuần tháng 12, khi những ngày trọng đông bao phủ cả Bắc Kinh, bệnh tình của Chu Ân Lai đã trở nên quá nguy cấp, luôn luôn rơi vào trạng thái hôn mê. Để giảm bớt những cơn đau cho ông, các bác sĩ đã phải sử dụng thuốc an thần và giảm đau cho ông, mong sao kéo dài sinh mệnh ông được chút nào hay chút ấy. Trong những giây phút cuối cùng ấy, Đặng Tiểu Bình đã hai lần tới bệnh viện thăm người huynh trưởng, người đồng chí già của mình. Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm cũng liên tục vào bệnh viện với ông. Khi gặp Diệp Kiếm Anh, Chu Ân Lai đã dặn dò những lời cuối cùng của ông với Diệp Kiếm Anh. Ông nói với Diệp Kiếm Anh cần chú ý tới phương pháp đấu tranh, bất kể ra làm sao cũng không để quyền lực rơi vào tay lũ bốn tên. Trong những cơn đau đớn, ông đã cùng với người bạn chiến đấu, người bạn đời đã gắn bó keo sơn với ông trong hơn 50 năm trời là Đặng Dĩnh Siêu luôn luôn túc trực bên giường bệnh ông, cùng hát *Quốc tế ca*, để tỏ lòng quyến luyến và sát cánh bên nhau.

Từ ngày 1/6/1974 ông vào nằm trong bệnh viện, cho đến ngày 8/1/1976, Chu Ân Lai đã phải chịu đựng hơn mười lần phẫu thuật cả lớn lẫn nhỏ. Trong khi bệnh tình trầm trọng là như thế mà ông vẫn kiên trì làm việc, phê duyệt công văn giấy tờ, chỉnh lý một số văn kiện và vẫn có những cuộc nói chuyện với những đồng chí phụ trách công tác của Trung ương, tất cả 161 lần, với những người phụ trách các ngành, các bộ môn có liên quan 55 lần, tiếp 63 đoàn khách nước ngoài. Đồng thời với những cuộc vật lộn cùng tử thần, ông vẫn một niềm tận tụy, son sắt thủy chung trước sau như một với lời thề nguyện của mình. Cùng với việc tiếp nhận phê phán mình, Đặng Tiểu Bình vẫn hết sức dành nhiều tâm sức và trách nhiệm của mình đối với người đồng chí già, đồng thời là người tri kỷ rất đáng kính trọng đã quen biết nhau tự thuở còn trai trẻ. 7 giờ sáng ngày 20/12, với bệnh tình trầm trọng, Chu Ân Lai cho tìm La Thanh Trường[118] đến, để bàn về việc Đài Loan.

Cán bộ y tế gọi điện thoại xin ý kiến của Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình nói một cách đau đớn: “Bệnh trạng của Thủ tướng đã như thế rồi, thôi thì, Thủ tướng muốn tìm ai cứ cho tìm người ấy”. 1 giờ rưỡi chiều ngày 22/12, Đặng Tiểu Bình và một số đồng chí lãnh đạo Trung ương nghe tổ điều trị báo cáo khẩn cấp về tình hình bệnh trạng của Chu Ân Lai. Đêm 28, tổ điều trị phải cấp cứu cho Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình đang ngủ cũng trở dậy cùng năm đồng chí phụ trách Trung ương khác vào bệnh viện 305, cùng với Đặng Dĩnh Siêu ngồi trực bên giường bệnh Chu Ân Lai cho đến 2 giờ 10 phút sáng, khi thấy Chu Ân Lai đã từ bên cái chết tỉnh lại, mới rời khỏi bệnh viện.

Năm 1976 đã tới. Chiếc kim đồng hồ chỉ vào ngày Tết cũng đã chuyển dịch đi, nhưng bầu không khí u uất đau thương, lặng lẽ như đông cứng vẫn không sao giải hóa đi được.

Sáng sớm ngày 5/1/1976, Chu Ân Lai được phẫu thuật lần cuối cùng. Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Uông Đông Hưng… vẫn chờ trực bên cạnh ông. Từ chiều cho đến đêm ngày hôm đó, Diệp Kiếm Anh cùng những thành viên khác của Bộ Chính trị, được tin bệnh tình của Chu Ân Lai nguy cấp, đã lần lượt vào bệnh viện thăm ông. 11 giờ đêm 7/1/1976, Chu Ân Lai rơi vào tình trạng hấp hối.

9 giờ 57 phút sáng ngày 8/1/1976, người con của nhân dân Trung Quốc vĩ đại, người đảng viên Cộng sản trung thành, nhà lãnh đạo đảng và quốc gia ưu tú Chu Ân Lai đã vĩnh biệt cuộc đời, hưởng thọ 78 tuổi.

Chu Ân Lai đã qua đời, tin đau buồn đó lập tức làm rung động toàn đại địa Thần Châu.

Thủ tướng kính yêu đã ra đi! Tin tức bi thương đó như một lực xung kích lớn, làm mở toang cánh cửa của lòng đau khổ. Những dòng nước mắt xúc động đến nghẹn ngào không sao kìm nén nổi trong khóe mắt của mọi người cứ ròng ròng tuôn rơi. Dân lành bách tính không thể nào tin được rằng, vị Thủ tướng tốt với họ đến thế mà lại phải rời bỏ họ, ra đi. Họ không muốn phải chứng kiến người tốt đến như thế, mà lại phải xa rời cõi thế gian này, với sự âu lo buồn thảm còn chất chứa đầy lòng đầy dạ. Thủ tướng lâm bệnh nặng, Thủ tướng chết trong trĩu nặng đau buồn, mệt mỏi, Thủ tướng chết vì sự tức giận bọn dã man độc địa! Nỗi đau thê thảm trong lòng muôn dân trong sáng như một tấm gương. Trong giờ phút mà người trong cả nước nghẹn ngào khóc thương Thủ tướng Chu Ân Lai giã từ cõi thế, thì một niềm uất ức phẫn nộ cũng trào dâng trong lồng ngực nhân dân Trung Quốc.

Chu Ân Lai qua đời, những cuộc phê phán Đặng Tiểu Bình bị "loãng" ra. Về danh nghĩa, Đặng Tiểu Bình vẫn là người chủ trì điều hành mọi công tác thường nhật của Trung ương, ông kìm nén nỗi đau đớn to lớn trong lòng, dốc hết tâm sức vào việc lo liệu thu xếp lễ an táng cho Chu Ân Lai.

Vào hôm Chu Ân Lai qua đời, Đặng Tiểu Bình đã viết báo cáo gửi Mao Trạch Đông, nói rằng, Bộ Chính trị đã có một buổi họp chuyên đề, thảo luận về việc tang lễ của Chu Ân Lai, đã quyết ba việc như sau: Thứ nhất, báo cáo và xin chỉ thị của Chủ tịch. Thứ hai, cáo phó việc Chu Ân Lai qua đời. Thứ ba, danh sách

Ban tang lễ Chu Ân Lai. Đặng Tiểu Bình đề nghị: Việc thứ hai, việc thứ ba đều phải cho phát thanh vào tối nay, nay xin ý kiến, xin trả lời cho Uông Đông Hưng để thi hành". Ngày 9, Mao Trạch Đông bút phê: "Đồng ý".

Ngày 9/1/1976 vì việc tang lễ của Chu Ân Lai, nên Đặng Tiểu Bình lại viết thư cho Mao Trạch Đông xin ý kiến: "Sau khi tin tức về Thủ tướng qua đời được phát đi, không ít quốc gia đề nghị gửi phái đoàn hoặc người đại diện tới dự lễ tang", trong đó Sescu, Alia[119] của Anbani, ngày mai lên đường. Có Mi-ki Tha-kê-ô[120] của Nhật Bản, cũng lên đường vào sớm mai. Có nữ Thủ tướng Bandalanaico[121] của Sri Lanca, chiều nay sẽ lên đường.

Đặng Tiểu Bình viết: "Bộ Chính trị đã thảo luận riêng vấn đề này, quyết định vẫn thảo như phương án Chủ tịch đã phê chuẩn - nhất luật không mời ai. Bộ Chính trị định phải ra một thông cáo, nay cũng gửi đến để xin được phê duyệt cho tiện lợi trong công việc. Xin báo lại cho Uông Đông Hưng chấp hành". Đặng Tiểu Bình đề nghị, bản thân ông sẽ tiếp đại sứ Anbani, Kiều Quán Hoa sẽ tiếp đại sứ Nhật Bản, Hàn Niệm Long[122] sẽ tiếp đại sứ Sri Lanca. Mao Trạch Đông phê chuẩn phương án này.

Ngày 9/1/1976, Trung ương công bố danh sách Ban lễ tang Chu Ân Lai do Mao Trạch Đông, Vương Hồng Văn, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Chu Đức… tất cả bao gồm 107 người.

Ngày 9/1/1976, khắp nơi như Thiên An Môn, Tân Hoa Môn, Cung Văn hóa Nhân dân lao động, Bộ Ngoại giao v.v… treo cờ rủ, để tang. Trong ngọn gió lạnh buốt mùa đông, lá cờ năm sao màu đỏ máu, từ từ kéo lên nửa cột, dưới trời xanh mây trắng tôn thêm màu sắc cho nhau, phấp phới bay. Ngày 10, ngày 11/1/1976, các nhà lãnh đạo đảng, nhà nước và đại biểu các giới tất cả hơn một vạn người tới bệnh viện Bắc Kinh viếng, vĩnh biệt Chu Ân Lai. Nguyên soái Chu Đức tuổi đã quá cao, nhấc những bước chân nặng nhọc, đi tới bên thi thể người đồng chí già, trịnh trọng giơ tay phải, gửi tới Chu Ân Lai lời chào vĩnh biệt. Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Tống Khánh Linh, Lý Tiên Niệm cũng đau đớn xót xa vĩnh biệt Chu Ân Lai. Ở bệnh viện Bắc Kinh nhân dân tự động kéo đến đứng đông nghịt trước cổng bệnh viện, người người đều đưa tay lau những giọt nước mắt trào rơi, họ hy vọng được nhìn thấy vị Thủ tướng của họ lần cuối cùng, hy vọng được bày tỏ nỗi tiếc thương, niềm kính trọng tới vị Thủ tướng của họ. Chu Ân Lai, một đại danh từ có nhân cách vĩ đại, một đại danh từ mang tinh thần bất hủ của một dân tộc. Cả đời ông là một cuộc chiến đấu không ngừng không nghỉ, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc giải phóng nhân dân và vì sự nghiệp xây dựng

đất nước, dù chết đi cũng vẫn là đại diện cho chí khí của nhân dân. Chu Ân Lai lấy cái chết giống như cuộc tuẫn nạn bi tráng, làm trỗi dậy một phong trào cách mạng của nhân dân tràn lan khắp nơi và làm xúc động lòng người.

Chu Ân Lai qua đời, nơi nơi đau đớn, duy chỉ có lũ bốn tên là sung sướng. Khi Chu Ân Lai còn sống, bọn chúng đã phải dốc cạn tâm cơ vẫn không làm sao đánh đổ được ông. Nay Chu Ân Lai đã ra đi, như nhổ được một địch thủ đáng gờm nhất, làm sao mà chúng không khấp khởi mừng thầm được. Giang Thanh đối với bệnh tật của Chu Ân Lai hầu như không hề có một chút quan tâm nào. Ngày 7/1/1976, khi Chu Ân Lai đang trong cơn hấp hối, mà ở hội nghị Bộ Chính trị mụ vẫn ra sức, điên cuồng "phê phán Đặng Tiểu Bình", đổ tội cho Đặng Tiểu Bình xúi giục hữu khuynh lật án trong toàn quốc, rồi thụt lùi, rồi ngóc đầu dậy, còn bảo Đặng Tiểu Bình kêu gọi mọi người ông không sợ bị lật đổ lần thứ hai, dù phải liều tấm thân già cũng làm. Ngày 9/1/1976, Tân Hoa xã xin ý kiến về việc đưa tin Chu Ân Lai qua đời cùng một số công việc có liên quan, Diêu Văn Nguyên đột ngột ra lệnh cấm, không được đưa tin về tổ chức truy điệu. Với sự khống chế của lũ bốn tên, trong sáu ngày đầu khi Chu Ân Lai qua đời, chỉ phát có hai mẩu tin có liên quan. Trong nghi thức vĩnh biệt trước di thể của Chu Ân Lai, tất cả mọi người đều chìm đắm vào nỗi đau thương khôn tả, duy chỉ riêng một mình Giang Thanh, không những đã không ngả mũ, mà ngay cả khi đọc điếu văn mụ vẫn ngơ ngáo, nghiêng bên nọ ngả bên kia, láo liên nhìn ngược nhìn xuôi. Sự vô lễ của Giang Thanh đối với Chu Ân Lai cùng những hành vi xấc xược của mụ, đã được máy ghi hình vô tình ghi vào trong ống kính, làm phẫn nộ cả triệu triệu con tim của nhân dân toàn quốc. Trong những ngày tang lễ Chu Ân Lai, lũ bốn tên hạ lệnh, cấm không cho quần chúng đeo băng đen, cấm không cho gửi vòng hoa viếng, cấm không được thiết lập bàn thờ, cấm không được tổ chức lễ truy điệu, cấm không được đeo huy hiệu Chu Ân Lai. Thậm chí còn hạ lệnh cho các đơn vị nghiêm khắc kiểm tra, không cho bất kỳ ai đeo băng đen và đeo huy hiệu Chu Ân Lai. Còn hơn thế nữa, tay chân của lũ bốn tên, Bộ trưởng Văn hóa, Vu Hội Vịnh còn cưỡng bức các đơn vị văn nghệ vẫn biểu diễn ca múa hát hò y như thường lệ, còn ra lệnh cho cơ quan công an tra xét những điện thoại mà quần chúng gọi tới để chất vấn và phản đối những điều vô lễ đó.

Lũ bốn tên với những hành động ngỗ ngược, nghịch chiều đó, đã trở thành sự đối lập rõ nét nhất với sự đau thương to lớn của nhân dân quần chúng. Lũ bốn tên bó buộc, áp chế nhân dân, không cho làm lễ tưởng niệm, chỉ khiến mọi người càng thêm uất ức, phẫn nộ. Không cho đeo băng đen, người ta đeo vào bên trong áo khoác ngoài; không cho làm lễ tưởng niệm, người ta đứng nghiêm nhìn vào lá

cờ rủ, dưới bầu trời xanh mây trắng, lặng lẽ gửi niềm thương tiếc. Chuyên gia sản khoa Lâm Xảo Trĩ nổi tiếng ở bệnh viện Hiệp Hòa là người vốn vô cùng kính trọng Thủ tướng Chu Ân Lai bị bệnh viện đưa người tới kiểm tra, và hạ bức ảnh Chu Ân Lai bà treo trong phòng bà xuống, khiến người nữ bác sĩ già 70 tuổi, uất ức nghẹn ngào, nước mắt chảy ròng ròng, những tên kiểm tra đi khỏi, bà lại ngoan cường đem bức ảnh treo cao lên chỗ cũ. Lòng kính yêu của nhân dân đối với Chu Ân Lai đã được in khắc vào sâu trong tâm khảm, có cướp cũng chẳng được, có đoạn cũng chẳng xong. Sự oán ghét lũ bốn tên của nhân dân đã trở thành mối thù hận chứa chất, tràn đầy trong lòng họ.

Ngày 11/1/1976, di thể của Thủ tướng Chu Ân Lai được đưa tới nghĩa trang Cách mạng ở Bát Bảo Sơn, làm lễ hỏa táng. Nhân dân biết được tin đó, ùn ùn kéo tới. Họ từ bốn phương tám hướng trong thành phố kéo tới, họ từ các vùng ngoại ô cách thành phố mấy chục dặm đường, đi bộ dồn về, họ từ các hướng đông, tây, nam, bắc của tổ quốc đổ về. Giữa những ngày đông tháng giá, gió bấc hun hút thổi, họ đứng lặng lẽ dọc hai bên đường phố Trường An. Hàng triệu con người, kéo dài không dứt, trở thành một bức tường ngạo nghễ, hùng tráng dài mấy chục dặm đường phố để tiễn đưa linh cữu của Thủ tướng Chu Ân Lai. Quần chúng nhân dân Trung Quốc muốn được tiễn đưa vị Thủ tướng ưu tú của họ một đoạn đường, xe tang đã tới, xe chở linh cữu từ từ đi qua, những dòng nước mắt nóng hổi tuôn rơi, những tiếng sụt sịt nghẹn ngào vang lên, không khí thật tiêu điều, buồn thảm. Chu Ân Lai đã phải ôm một mối bi thương, nuối tiếc trong lòng mà từ giã cõi nhân gian, nhưng mọi người tin rằng, khi ông được chứng kiến cảnh bi tráng này, khi được nghe thấy tiếng lòng của mỗi người dân, thì linh hồn ông từ chốn cao xanh nhất định sẽ được an ủi, nhất định cảm thấy yên lòng, nhất định ông sẽ cảm thấy tự hào và hãnh diện vì dân chúng của ông. Từ ngày 12 đến ngày 14/1/1976, tại Cung Văn hóa Nhân dân lao động, bốn vạn người dân các giới thủ đô long trọng làm lễ phúng viếng Thủ tướng Chu Ân Lai. Trong thời gian tiến hành lễ phúng viếng này, lại càng có nhiều nhân dân quần chúng phá bỏ lệnh cấm của lũ bốn tên, tự phát tổ chức các hoạt động phúng viếng. Không biết có bao nhiêu con người, cánh tay đeo băng đen, cầm những bông hoa trắng, đến trước đài liệt sĩ Anh hùng nhân dân cao vút trước quảng trường Thiên An Môn. Trong những ngày ấy, đài liệt sĩ Anh hùng nhân dân tràn ngập những vòng hoa, nhân dân ngậm lệ đem những vành hoa tự tay mình kết lại, treo đầy những bức tường bằng cây tùng, trồng đầy bốn xung quanh quảng trường Thiên An Môn. Những bông hoa trắng đó, đóa nọ chồng lên đóa kia, lớp này chồng lên lớp khác, có màu trắng tuyết thần thánh, trùm bọc những cây tùng xanh không bao giờ héo úa. Những hoạt động phúng viếng, truy điệu ở Bắc Kinh, ở Thượng Hải,

Thiên Tân, ở Quảng Châu, Vũ Hán, Tây An, ở Nam Kinh, Trùng Khánh được tiếp nhau tổ chức, và không ngừng mở rộng. Trăm họ Trung Quốc dùng phương thức không lời này để truy điệu, để tưởng niệm Chu Ân Lai kính yêu của họ, biểu lộ sự âu lo đối với tiền đồ của đảng và đất nước, và mạnh mẽ hơn chính là biểu lộ ngọn lửa căm phẫn đối với lũ bốn tên đang bùng cháy trong tâm can của họ.

Để cử hành lễ truy điệu Chu Ân Lai, ngày 12/1/1976, Đặng Tiểu Bình gửi công văn thỉnh thị Mao Trạch Đông: "Điếu văn đã được Bộ Chính trị thẩm định. Nay gửi lên đề nghị đọc và duyệt". Mao Trạch Đông múa bút phê "Đồng ý". Lễ truy điệu đã được định xong, điếu văn cũng đã được định xong, nhưng trong lễ truy điệu này, ai sẽ là người đọc điếu văn, đã trở thành một cuộc đấu tranh gay gắt. Mặc dù Đặng Tiểu Bình đang bị phê phán, nhưng vẫn chưa bị hạ bệ, về danh nghĩa vẫn là người chủ trì điều khiển công tác của Trung ương, về lý, về thể thức, tất cả đáng ra phải là Đặng Tiểu Bình đọc điếu văn mới đúng. Nhưng Trương Xuân Kiều lại có ý kiến, để cho Diệp Kiếm Anh; Nguyên soái Diệp Kiếm Anh đã biết tỏng âm mưu của lũ bốn tên, nhân lễ truy điệu này, chúng cố tình bóc bỏ địa vị chính trị của Đặng Tiểu Bình đi. Nhưng Diệp Kiếm Anh lại giữ vững ý kiến mình, để Đặng Tiểu Bình đọc điếu văn, làm cho âm mưu của lũ bốn tên bị phá sản. Không ngăn cản được việc Đặng Tiểu Bình đọc điếu văn, nên vào một ngày trước khi lễ truy điệu Chu Ân Lai được tổ chức, Diêu Văn Nguyên đã tự sắp xếp tổ chức cho báo *Nhân dân* in bài báo trên trang đầu mang tên "Cuộc tranh luận lớn đem lại những thay đổi lớn" hòng dùng những tin tức của cuộc "phản kích làn gió hữu khuynh lật án" làm mờ nhạt, đánh loãng bầu không khí bi thương của nhân dân quần chúng truy điệu Chu Ân Lai. Trong vòng một ngày 13/1/1976, Diêu Văn Nguyên đã ba lần ra chỉ thị xuống cho Tân Hoa xã: không nên vì phải đăng những tin hoạt động truy điệu Thủ tướng, mà bỏ đi mất những tin tức thường ngày là "nắm cách mạng thúc đẩy sản xuất". Còn khiển trách rằng: "Trong mấy ngày hôm nay, báo chí đăng quá nhiều điện chia buồn, tập trung quá". Đồng thời còn chỉ thị cụ thể là từ nay những điện chia buồn phải in lùi về các trang sau. Cũng bắt đầu từ đó, một cuộc vật lộn, không đội trời chung giữa quần chúng nhân dân và lũ bốn tên, đã được chính thức bày binh bố trận.

Trong lòng dạ Đặng Tiểu Bình không còn việc gì khác ngoài việc chuyên tâm vào tang lễ của Chu Ân Lai, hoàn thành nốt những nguyện vọng cuối cùng của Chu Ân Lai. Ngày 14/1/1976, ông gửi thư tới các Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, trong thư viết: "Đồng chí Đông Hưng bàn với chị cả Đặng Dĩnh Siêu về địa

điểm rải tro xương của Thủ tướng. Theo điều tra được biết hiện nay, núi Ngọc Tuyền không có nước chảy, nên đã bàn định xong việc sẽ thay bằng máy bay AN-2 đem rải tro xương xuống khắp sông suối núi đồi, bản thân chị cả Đặng Dĩnh Siêu chỉ ra đến sân bay, còn việc rải tro xương là do tổ công tác thực hiện. Cách thức trên, chỉ rải tro xương ở một vùng đất cố định là tốt nhất, nên tán thành. Đồng chí Đông Hưng chuẩn bị theo hướng này". Mười bốn vị ủy viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị đều ghi ý kiến tán thành lên thư này. Đến đây, Đặng Tiểu Bình coi như đã hoàn thành việc tang lễ cho Chu Ân Lai. Điều ông được an ủi nhất trong lúc này, là ông còn được làm một số công việc cụ thể cho Chu Ân Lai, vì người bạn thân thiết, ông đã dốc ra được một chút sức lực cuối cùng.

Ngày 15/1/1976, tại đại lễ đường Nhân dân, lễ truy điệu Chu Ân Lai được long trọng cử hành. Lễ truy điệu trang trọng, nghiêm túc, một bức ảnh lớn của Chu Ân Lai được treo lên, đảng kỳ tươi thắm của Đảng Cộng sản Trung Quốc phủ lên hộp tro xương của Chu Ân Lai. Những người tham gia lễ truy điệu đứng nghiêm trang với nét mặt rầu rĩ. Đặng Tiểu Bình, Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, đại diện cho Trung ương Đảng, cho Quốc vụ viện, cho Quân ủy Trung ương đọc điếu văn. Điếu từ đã đánh giá cao cả cuộc đời huy hoàng của Chu Ân Lai, đánh giá cao những công trạng, cống hiến của Chu Ân Lai cho cách mạng và công cuộc xây dựng đất nước, đánh giá cao tinh thần và phẩm chất của Chu Ân Lai vĩ đại. Đặng Tiểu Bình nói: "Đồng chí Chu Ân Lai trung với đảng, trung với dân, ông đã anh dũng đấu tranh, cúc cung tận tụy, vô tư cống hiến mọi tinh lực của cả cuộc đời mình để quán triệt đường lối cách mạng vô sản của Mao Chủ tịch, giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng nhân dân Trung Quốc, cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản". "Cả một đời của đồng chí Chu Ân Lai là cả một đời chiến đấu vinh quang cho chủ nghĩa cộng sản, là cả một đời kiên trì liên tục cách mạng". Bài điếu văn mà Đặng Tiểu Bình viết cho Chu Ân Lai chính là đại diện cho tiếng lòng của những người bạn trung thành với Chu Ân Lai, của toàn thể nhân dân Trung Quốc. Bài điếu văn ấy là nén tâm nhang cuối cùng của Đặng Tiểu Bình dâng tặng Chu Ân Lai sau nửa thế kỷ lương thức lương tri, cùng sát vai chiến đấu, đồng thời nó cũng lại là lời tuyên bố trang nghiêm về chính nghĩa và chân lý của quần chúng nhân dân toàn quốc mà ông làm đại diện để nói ra. Điều mà Đặng Tiểu Bình ca ngợi là cuộc đời rực sáng của Chu Ân Lai, đồng thời cũng lại là tinh thần, phẩm cách vĩ đại của dân tộc Trung Hoa mà Chu Ân Lai là người đại diện. Kết thúc lễ truy điệu, tất cả những người đến dự lễ đều đứng trang nghiêm cúi đầu kính chào trước ảnh Chu Ân Lai ba lần. Sau lễ truy

điệu, căn cứ vào nguyện vọng cuối cùng của Chu Ân Lai, tro xương của ông được đem đi rải khắp mọi miền non sông đất nước của Tổ quốc. Chu Ân Lai, một vĩ nhân Trung Quốc trong thế kỷ XX này cùng sáng láng với nhật nguyệt, cùng tồn tại với Tổ quốc và sẽ vĩnh viễn sống trong lòng nhân dân.

Phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh lấn át

Ngày 15/1/1976, Đặng Tiểu Bình đọc điếu văn trong lễ truy điệu Chu Ân Lai, đó cũng là lần cuối cùng Đặng Tiểu Bình xuất hiện trên sóng truyền hình trước khi bị hạ bệ lần thứ hai. Bởi vì từ đó về sau phong trào phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích "làn gió hữu khuynh lật án", quy mô hơn, đã bắt đầu.

Sau hai lần kiểm thảo Đặng Tiểu Bình vào ngày 20/12/1975 và ngày 3/1/1976, Mao Trạch Đông chỉ thị cho Bộ Chính trị phải tiến hành thảo luận về các cuộc kiểm thảo đó. Vì bận vào việc tang lễ Chu Ân Lai, nên hội nghị thảo luận phải đẩy lùi về sau. Khi việc tang của Chu Ân Lai vừa xong, ngọn lửa "phê phán Đặng Tiểu Bình" lại bắt đầu bùng cháy. Ngày 20/1/1976, Bộ Chính trị Trung ương triệu tập họp hội nghị, để Đặng Tiểu Bình thêm một lần nữa phát biểu ý kiến kiểm thảo và hội nghị tiến hành thảo luận.

Kể từ khi Đặng Tiểu Bình được khôi phục công tác đến nay, đã định sẵn quyết tâm là không sợ bị đánh đổ lần thứ hai. Ông biết rằng, Mao Trạch Đông bắt "tiếp tục thảo luận", tức là có ý duy trì tiếp cuộc phê phán này, hơn nữa nó sẽ càng ngày càng gay go quyết liệt. Với cuộc phê phán này Đặng Tiểu Bình đã chuẩn bị tinh thần đầy đủ về mọi phương diện. Mới đầu Mao Trạch Đông sai Mao Viễn Tân tới thuyết phục ông, nhưng ông không thỏa hiệp. Hôm nay, ông phải đối diện với một nguy cơ là bị hạ bệ, ông vẫn không chịu thỏa hiệp.

Đúng như Đặng Tiểu Bình đã dự liệu trước, ở hội nghị Bộ Chính trị, lũ bốn tên đã công kích ông vô cùng mãnh liệt. Vì trong hai lá thư gửi Mao Trạch Đông ông đều đòi được gặp trực diện Mao Trạch Đông để tường thuật lại mọi việc, nên lũ bốn tên truy vấn ông: tại sao lại đòi gặp Mao Chủ tịch. Ông đã trả lời đúng vào sự chất vấn cũng như sự gây khó dễ của lũ bốn tên, ông bình tĩnh điềm nhiên nói, ông muốn trực tiếp tường thuật, báo cáo với Chủ tịch về những nhận thức đối với sai lầm của mình, đồng thời còn muốn đề xuất thêm những vấn đề công việc của mình. Ông nói: "Tôi thấy rằng sự đòi hỏi như thế là bình thường, bây giờ vẫn mong mỏi được như thế!" Ông thẳng thắn không hề giấu giếm nói rằng, không nói tới đấu tranh giai cấp vẫn là căn bệnh cũ của ông, - nói một cách khác, tức là ông vẫn nhất quán về tư tưởng - ông còn nói một cách bộc trực, ông phạm "sai lầm" tức là "lập trường sai về căn bản", công việc cụ thể cũng sẽ "sai

theo", ông đã lợi dụng cơ hội này để nói thẳng lập trường của mình ra. Ông lại trả lời đúng vào câu hỏi mà lũ bốn tên đã từng hỏi ông rằng: sự kiểm thảo của ông trong bản "tự luận" phải chăng là đã chịu nhận nợ, ông nói: "Thêm một lần nữa, tôi nhìn nhận rằng bản 'Tự thuật của tôi' vẫn là toàn bộ nội dung mà tôi kiểm điểm". Nhân đó ông cũng tỏ rõ cho Bộ Chính trị biết rằng: "Tôi là người không thích hợp để đảm nhiệm, phụ trách những công việc quan trọng". Trên thực tế, đây là một đề nghị chính thức với Bộ Chính trị bãi chức mình. Đặng Tiểu Bình biết rõ rằng, kiểm thảo ông đã kiểm đi kiểm lại nhiều lần rồi, dù bây giờ có kiểm nữa, cũng sẽ chẳng có nhận thức mới nào. Với cung cách kiểm thảo của ông rõ ràng là không làm cho Mao Trạch Đông hài lòng, lũ bốn tên lại càng không chịu ngừng chiến, việc đánh đổ ông thêm một lần nữa chỉ còn là vấn đề thời gian. Một khi đã biết rằng, chẳng còn cách nào duy trì tiếp tục công tác được nữa, ông điềm nhiên, tự động nêu ra vấn đề bãi chức.

Sau khi Đặng Tiểu Bình nói xong, lũ bốn tên thấy thái độ của ông vẫn cứng rắn như thế, liền bắt đầu luân phiên luận tội và phê phán ông. Đặng Tiểu Bình là người nổi tiếng điếc lòi điếc tói, nên đối với tạp âm khó nghe đó, ông chẳng nghe thấy gì hết, vả lại ông cũng chẳng thèm nghe. Ông chẳng nói năng gì thêm nữa, chỉ thỉnh thoảng nhấc cốc trà của mình lên nhấp miệng. Uống nhiều nước, ông liền rời bỏ cái hội trường đầy mây đen chướng khí đó để vào nhà xí. Lũ bốn tên lại ra uy, chỉ trích Đặng Tiểu Bình cứ mượn cớ đi vào nhà xí, không chịu nghe phê phán.

Ngay tối hôm hội nghị đó kết thúc, chẳng quản đêm đã quá khuya, ông vẫn cầm bút viết cho Mao Trạch Đông. Trong thư ông viết: "Thưa Chủ tịch: Ngày 20/12/1975 và ngày 3/1/1976, tôi đã kiểm thảo hai lần, theo chỉ thị của Chủ tịch, Bộ Chính trị đã đưa ra thảo luận. Ở hội nghị, trước khi bước vào thảo luận, nhiều đồng chí buộc tôi phải nói xem muốn gặp Chủ tịch để nói những cái gì. Cho nên trong hội nghị vào tối nay - ngày 20/1/1976 - tôi có nói đôi câu ngắn ngủi. Nay xin được trình lên Chủ tịch đọc duyệt". Đặng Tiểu Bình đã gửi kèm thư ấy biên bản bài nói của ông.

Trong thư ông tiếp tục viết: "Tôi đã hai lần xin gặp Chủ tịch, ngoài việc trình bày những sai lầm của mình để xin Chủ tịch chỉ giáo ra, thực tình, tôi còn muốn nói đến cả vấn đề công tác nữa. Trong khi phê phán có nhắc tới vấn đề công tác của tôi có thật thỏa đáng không, khiến tôi vô cùng phân vân. Nếu nhắc tới, tôi e rằng tôi sẽ không chịu đựng nổi, còn như không đề cập tới, tôi lại e như có sự tham quyền cố vị. Sau nhiều lần suy nghĩ tôi cho rằng, được trực tiếp gặp mặt để nói về vấn đề này có lẽ hay hơn. Nếu không đề cập tới, có thể sẽ ảnh hưởng tới

công tác của Trung ương, tăng thêm cho tôi sự lầm lẫn. Vì thế, tôi xin đề ra trước với Chủ tịch, giải trừ cho tôi trách nhiệm phụ trách, chủ trì công tác thường nhật của Trung ương. Rất mong được Chủ tịch phê chuẩn. Tôi là người không thích hợp để phụ trách những công việc quan trọng. Nếu tự mình không đặt vấn đề này ra, tôi thật ngượng trong lòng. Về bản thân tôi, luôn luôn nghe theo, phục tùng mọi quyết định của Chủ tịch và Trung ương".

Cuối thư, Đặng Tiểu Bình trịnh trọng ký tên mình và ghi ngày tháng: đêm 20 tháng giêng".

Ngày hôm sau, cũng tức là ngày 21/1/1976, Mao Trạch Đông nghe Mao Viễn Tân báo cáo mọi tình hình ở hội nghị Bộ Chính trị ngày 20/1/1976, nói: "(Đặng Tiểu Bình), vẫn là vấn đề (mâu thuẫn) nội bộ nhân dân, dẫn dắt chỉ đạo tốt, có thể sẽ không đi tới chỗ đối kháng, giống như Lưu Thiếu Kỳ, giống như Lâm Bưu". Mao Trạch Đông còn nói: "Giữa Đặng Tiểu Bình với Lưu Thiếu Kỳ và Lâm Bưu vẫn có những chỗ khác biệt. Đặng Tiểu Bình tự nguyện phê bình, còn Lưu Thiếu Kỳ và Lâm Bưu lại không có một chút tự nguyện nào". Mao Viễn Tân báo cáo rằng: Đặng Tiểu Bình đề nghị trực tiếp gặp Chủ tịch, để trực tiếp báo cáo những sai lầm của mình, trực tiếp nghe lời răn dạy, và còn muốn nói đến vấn đề công tác nữa. Mao Trạch Đông nói: "Vấn đề công tác của Đặng Tiểu Bình để bàn sau. Theo ý tôi, công tác có thể giảm bớt, nhưng không thoát ly công tác, tức là không nên đánh một đòn chết tươi". Mao Viễn Tân dò hỏi Mao Trạch Đông: "Vẫn là ngăn ngừa răn đe, trị bệnh cứu người?" Mao Trạch Đông khẳng định đáp: "Đúng". Sự việc đã lên tới mức đó, quả là ít thấy, Đặng Tiểu Bình không tiếp tục duy trì điều khiển công tác của Trung ương. Vậy thì ai sẽ là người thay thế Đặng Tiểu Bình để điều khiển công tác thường ngày này? Mao Viễn Tân hỏi lại Mao Trạch Đông: Vậy có ba vị Phó Thủ tướng là Hoa Quốc Phong, Kỷ Đăng Khuê, Trần Tích Liên, đề nghị cho biết nên lấy người nào làm chính để đảm nhiệm công việc của Quốc vụ viện, và công tác cụ thể của ba người này. Mao Trạch Đông phê: "Hoa Quốc Phong là người dẫn đầu chính, mặc dù ông ấy đã tự nhận rằng mình là người có trình độ chính trị không cao. Đặng Tiểu Bình chuyên trách công việc ngoại vụ".

Mao Trạch Đông phê bình Đặng Tiểu Bình, đương nhiên rằng lũ bốn tên vui mừng múa tay trong bị. Nhưng nghe lại cuộc nói chuyện này của Mao Trạch Đông, họ lại cảm thấy không sao hiểu nổi. Tại sao đến tận lúc bấy giờ, Mao Trạch Đông vẫn nói rằng vấn đề Đặng Tiểu Bình vẫn chỉ là mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, vẫn còn nói không nên đánh một đòn chết tươi, lại vẫn để Đặng Tiểu Bình "chuyên trách ngoại vụ". Mao Trạch Đông vẫn còn nể nang Đặng

Tiểu Bình như vậy, thì căn cốt là do cái gì đây. Cứ theo như luật lệ của Cách mạng Văn hóa, một người như Đặng Tiểu Bình, rõ ràng mười mươi là muốn lật cái án Cách mạng Văn hóa, thì sớm đã bị hạ bệ lật đổ rồi. Nhưng xem ra Đặng Tiểu Bình không vì thế mà bị Mao Trạch Đông đánh đổ. Thái độ của Mao Trạch Đông thực tình đã làm cho người ta không sao lần mò ra được. Còn một việc nữa cũng khiến lũ bốn tên vô cùng tức tối, khó chịu, bởi trong thâm tâm chúng, sau khi đã đánh đổ Đặng Tiểu Bình đi rồi, phải giao trả công việc điều khiển công tác thường ngày của Trung ương cho Vương Hồng Văn, và Trương Xuân Kiều chủ trì công tác của Quốc vụ viện mới là hợp lẽ, là phải, chẳng ngờ Mao Trạch Đông lại chỉ định Hoa Quốc Phong dẫn đầu chính. Điều đó hoàn toàn nằm ngoài dự kiến của bọn họ, ngay đến như Giang Thanh, một con người nhìn người bằng nửa con mắt, xưa nay cũng chưa bao giờ thèm để ý tới Hoa Quốc Phong. Lũ bốn tên cho rằng, họ đã buôn buôn bán bán đến khổ sở, mới có được chút "quả thực", vậy mà đột nhiên bị Hoa Quốc Phong nhẹ nhàng, gọn ghẽ, nẫng tay trên. Quyết định đó của Mao Trạch Đông đã làm cho lũ bốn tên quá ư thất vọng. Mục đích của lũ bốn tên thế là còn lâu mới đạt tới được, bọn họ quyết tâm không chịu giải binh. Bọn họ nhận định rằng, Mao Trạch Đông chết đi, giang sơn này, thiên hạ này, phải là của họ. Để thực hiện được mục đích đánh đổ Đặng Tiểu Bình, ngày 24/1, Vương Hồng Văn viết một lá thư cho Mao Trạch Đông tố cáo Đặng Tiểu Bình. Vương Hồng Văn đệ trình lên Mao Trạch Đông một tài liệu tố cáo, do con tốt biên của hắn ở Thượng Hải là Mã Thiên Thủy viết ra. Trong tài liệu này nói rằng, vào ngày 12/6/1975, trong một lần nói chuyện với Mã Thiên Thủy, Đặng Tiểu Bình đã cảnh cáo là không nên tham gia vào đội ngũ của lũ bốn tên, và có nhắc tới tên Trương Xuân Kiều. Vương Hồng Văn nham hiểm vạch tội rằng: "Tôi cảm thấy, trong cuộc nói chuyện này, đồng chí Tiểu Bình từ mặt chính trị đến mặt tổ chức đều mắc sai lầm, không có gì là quang minh chính đại mà là khiêu khích, làm phản".

Ngày 31/1/1976, Trung ương quyết định họp hội nghị nhắc nhở việc "phê phán Đặng Tiểu Bình", "phản kích làn gió hữu khuynh lật án". Vương Hồng Văn đã tự mình viết một bài nói dài dằng dặc, nhưng lại lấy danh nghĩa là người chủ trì điều khiển công tác của Trung ương viết ra.

Ngày 1/2/1976, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều đích thân bố trí cho Vu Hội Vịnh, kẻ chân tay thân tín ở Bộ Văn hóa viết ra một tác phẩm tiến hành đấu tranh với phái đi theo "tư bản", cần phải hiểu được sự trọng yếu của nhiệm vụ này, mà mục đích của nó là mượn tác phẩm văn nghệ để tấn công vu cáo Đặng Tiểu Bình cùng tất cả những kẻ lớn nhỏ đi theo "tư bản" của các ngành, các bộ

trong toàn quốc.

Ngày 2/2/1976, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông báo. Đó chính là "văn kiện số 1" của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1976. Thông báo nói: được sự đề nghị của Mao Chủ tịch lãnh tụ vĩ đại, được sự nhất trí thông qua của Bộ Chính trị, nay cử đồng chí Hoa Quốc Phong làm quyền Thủ tướng Quốc vụ viện. Được sự đề nghị của Mao Chủ tịch, lãnh tụ vĩ đại, được Bộ Chính trị nhất trí thông qua, trong khi đồng chí Diệp Kiếm Anh đang lâm bệnh, nay cử đồng chí Trần Tích Liên phụ trách điều khiển công tác của Quân ủy Trung ương".

Một năm trước đây, "văn kiện số 1" của Trung ương năm 1975 cử Đặng Tiểu Bình làm Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, và làm Tổng Tham mưu trưởng quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Chỉ cách nhau trong vòng một năm, lại vẫn là "văn kiện số 1" nhưng đã thay đổi đến lệch đất nghiêng trời. Căn cứ vào cái "văn kiện số 1" này, không những chỉ có Đặng Tiểu Bình thôi không chủ trì điều khiển công tác của Trung ương và Quốc vụ viện nữa, mà cả đến Diệp Kiếm Anh cũng bị chụp cho cái mũ "lâm bình", phải thôi phụ trách công tác của Quân ủy Trung ương. Sự thay đổi nhân sự ấy, đâu phải là chuyện nhỏ. Lần thay đổi nhân sự này đâu phải chỉ một mình Đặng Tiểu Bình, mà còn dắt dây sang một nhân vật quan trọng, rất có khả năng sẽ lật lại bản án Cách mạng Văn hóa - Diệp Kiếm Anh - cũng bị thải hồi. Rõ ràng rằng, sự biến động nhân sự lần này là một hành động trọng đại của Mao Trạch Đông đã hạ quyết tâm, cố kiết bảo vệ thành quả của Cách mạng Văn hóa. Nhưng trong cái thời khắc quá bất bình thường đó, Mao Trạch Đông vẫn còn giữ được một sự tỉnh táo vô cùng trọng yếu: ông ta không giao những đại quyền của đảng, của chính quyền, của quân đội cho lũ bốn tên.

Với quyết định đó của Mao Trạch Đông, lũ bốn tên vô cùng tức tối bực bội. Bởi vì Trương Xuân Kiều đối với lần thay đổi nhân sự này, vốn mang một kỳ vọng rất cao, nhưng "văn kiện số 1" này đã làm ông ta thất vọng, ông ta tức tối giận dữ tới mức không còn kiên trì nhẫn nại trong lòng được nữa, không còn giữ kín trong đầu được nữa nên đã bục ra một tác phẩm, để tuôn những điều bất mãn ra:

Lại thêm văn kiện số 1 ra đời.
Năm ngoái đã ra số 1 rồi.
Thật càng đắc chí, càng ngang ngược.
Leo lên nhanh, leo quá bước,
Rồi ra, đổ sụp cũng nhanh thôi.

Trương Xuân Kiều muốn nói, Đặng Tiểu Bình leo lên nhanh, đổ sụp cũng nhanh. Đồng thời cũng lại nguyền rủa Hoa Quốc Phong leo lên nhanh, sụp đổ cũng nhanh. Mối hận trong lòng bè lũ Trương Xuân Kiều không chỉ còn đơn lẻ với Đặng Tiểu Bình và Diệp Kiếm Anh v.v… bắt đầu từ hôm đó, Hoa Quốc Phong cũng được gom vào đấy. Nơi đáy sâu trong lòng bọn họ, họ còn hận một người không đáng tin cậy nhất, đó là Mao Trạch Đông.

Sau khi "văn kiện số 1" được phát xuống dưới, Đặng Tiểu Bình không còn điều khiển công tác hàng ngày của Trung ương nữa, việc chuyên trách ngoại vụ cũng chỉ là chuyện bóng chim tăm cá vậy thôi. Trong đảng, trong chính quyền và trong quân đội, mọi chức vụ của ông còn chưa bị bãi miễn, song trên thực tế ông chẳng còn làm được công việc gì. Hội nghị Bộ Chính trị, gọi thì tới, không gọi không đi. Hàng ngày ở nhà, ông vui chơi với con cháu, xem ra còn thú vị, thoải mái hơn nhiều khi phải nghe những miệng lưỡi ngạo ngược của lũ bốn tên.

Đến tháng 2/1976, tình hình sức khỏe của Mao Trạch Đông đã có những thay đổi cực lớn. Cuối tháng 2, tổng thống Mỹ Nichxơn đi thăm Trung Quốc, sau kỳ hội kiến với Mao Trạch Đông đã viết: tình hình bệnh tật của Mao đã quá nghiêm trọng, tiếng nói của ông ta giống như một xâu những đơn âm, lẫn lộn không rõ ràng. Nhưng tư tưởng của ông ta vẫn rất mẫn tiệp và mạch lạc. Ông ta hiểu rõ những điều tôi nói, nhưng khi phải trả lời, thì lại nói không ra chữ. Nếu như ông thấy phiên dịch có vẻ như không hiểu ý tứ của mình, ông ta chẳng nề hà gì, cầm ngay một tờ giấy viết những câu ông ta định nói ra. Ông ta đang phải đắm mình trong nỗi thống khổ đó". Tình thực chính trị đang nằm trong giờ khắc cực kỳ nguy cấp, tiền đồ và vận mệnh của đất nước Trung Quốc vẫn do Mao Trạch Đông, một con người mà thân thể đã quá ư suy nhược, và có thể chết đột ngột vào bất cứ lúc nào, nắm giữ, quyết định. Tình trạng đó, đối với Trung Quốc mà nói, thậm chí ngay cả với Mao Trạch Đông mà nói, đều là một loại bất hạnh.

Ngày mạng 3/3/1976, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc sau khi nhờ Mao Viễn Tân thỉnh thị, được Mao Trạch Đông đồng ý, cho Mao Viễn Tân đem chỉnh lý "Chỉ thị quan trọng của Mao Chủ tịch", rồi coi như một văn kiện của Trung ương phát xuống dưới, làm văn kiện chỉ đạo để phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh lật án.

Nội dung chủ yếu trong "Chỉ thị quan trọng của Mao Chủ tịch" như sau:

> Xã hội chủ nghĩa có đấu tranh giai cấp hay không? Thế nào là "lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh", ổn định đoàn kết, không phải không cần đấu tranh giai cấp, đấu tranh giai cấp mới là cương lĩnh, những cái khác đều

chỉ là mục đích. Đại Cách mạng Văn hóa là cái gì vậy?

Chính là đấu tranh giai cấp đấy. Chính mình làm đại diện của giai cấp tư sản, lại đổ tại nhìn nhận mâu thuẫn giai cấp không rõ ràng, đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa không hiểu thấu, nên ngăn cản, thậm chí chống đối. Đối với Đại Cách mạng Văn hóa, mang hai loại thái độ, thứ nhất, bất mãn, thứ hai, đòi thanh toán nợ nần. Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà không biết giai cấp tư sản nằm ở đâu. Ở ngay nội bộ Đảng Cộng sản, lập bè phái cầm quyền trong đảng đi theo đường lối tư sản chủ nghĩa. Phái đi theo tư bản vẫn còn đang đi đó. Đối với Đại Cách mạng Văn hóa, phải có cái nhìn tổng quát: cơ bản đúng đắn, cũng còn khiếm khuyết. Điều cần nghiên cứu bây giờ là nghiên cứu về mặt khiếm khuyết của nó, chia thành bên ba bên bảy, bảy phần thành tích, ba phần sai lầm, xem ra cách đánh giá này vẫn còn chưa được nhất trí. Đại Cách mạng Văn hóa có mắc hai sai lầm: 1. Đánh đổ tất cả. 2. Nội chiến toàn diện. Đánh đổ tất cả, trong đó đa phần đánh trúng như tập đoàn Lưu (Thiếu Kỳ), Lâm (Bưu). Một số bộ phận đánh sai như có nhiều đồng chí lão thành, những đồng chí này cũng có sai lầm, chỉ cần phê bình là đủ. Không có kinh nghiệm chiến tranh đã hơn mười năm rồi nên có nội chiến toàn diện, có súng nổ, nhưng đại đa số tự phát, mà đánh nhau chốc lát, cũng coi như một lần rèn luyện. Tiểu Bình… con người này không chịu nắm đấu tranh giai cấp, xưa nay chưa ai đề ra cương lĩnh kiểu như thế. Lại còn những "mèo trắng, mèo đen", bất kể chủ nghĩa đế quốc hay chủ nghĩa Mác. Tiểu Bình… vẫn là vấn đề nội bộ nhân dân, hướng dẫn chỉ đạo tốt, có thể sẽ không rơi vào diện đối kháng như Lưu Thiếu Kỳ và Lâm Bưu… Phúc thì nên phê, nhưng không nên đánh một đòn chết tươi.

Mao Trạch Đông cho tung ra "Chỉ thị quan trọng" nhằm giải quyết vấn đề quan trọng nhất, ấy là ông ta cố định lại cuộc Đại Cách mạng Văn hóa do đích thân ông ta phát động bằng một kết luận chính trị cuối cùng, khiến người sau không ai có thể lật lại vụ án này được nữa. Trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời mình, ông ta phê bình Đặng Tiểu Bình, phát động phong trào phản kích làn gió hữu khuynh lật án, chính là để ngăn chặn có người lật lại vụ án Cách mạng Văn hóa, chính là để bảo vệ Cách mạng Văn hóa mà ông ta vẫn coi như "sự kiện lớn thứ hai" trong cuộc đời chính trị của ông ta. Trong lịch trình đời sống đã trải qua hơn 80 năm của Mao Trạch Đông, ông ta có vô số những thắng lợi huy hoàng, ông ta đã có vô số những công tích vĩ đại, đáng ca ngợi, mang tính sử thi, song đáng tiếc, điều bất hạnh là trong tuổi vãn niên ông ta càng ngày càng trở nên cố chấp, ngày càng mê muội, ngu ngơ. Ông ta đã gác bỏ vô số những sự nghiệp vĩ đại trong cả cuộc đời mình sang một bên, ngoan cố đem Cách mạng Văn hóa, cái sai lầm to lớn nhất này biến thành một trong hai sự kiện đáng kể nhất, đáng giá nhất trong cả cuộc mưu sinh chính trị trọn đời mình. Sai lầm này không chỉ là một bi kịch trong cuộc đời của cá nhân Mao Trạch Đông, mà còn là một bi kịch chính trị trong lịch sử hiện đại của Trung Quốc.

Ngày 3/3/1976, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông báo về học tập "Chỉ thị quan trọng của Mao Chủ Tịch", cho chuyển phát xuống dưới bài nói của Mao Trạch Đông về phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh lật án, và yêu cầu tổ chức cho cán bộ cấp huyện, cấp trung đoàn lên học tập. Phong trào "phê phán Đặng Tiểu Bình" chính thức bắt đầu, với một quy mô to lớn.

Thời cơ lũ bốn tên mong chờ từ lâu đã đến. Trong hội nghị nhắc nhở vào tháng 2, Trương Xuân Kiều đã nhiều lần công kích Đặng Tiểu Bình là "giai cấp tư bản lũng loạn, giai cấp tư bản mại bản, là đối nội: tiến hành xét lại, đối ngoại: thực hiện đầu hàng". Ngày 2/3/1976 Giang Thanh tự động triệu tập một hội nghị bao gồm những người lãnh đạo mười hai tỉnh và khu tự trị, đọc một bài diễn văn rất dài, với giọng lưỡi ác độc nhất: "Đặng Tiểu Bình là tổng giám đốc 'công ty tin vịt', là Nguyên soái của phản cách mạng, là tên đại Hán gian, là giai cấp tư bản mại bản, là đại biểu của giai cấp mại bản, địa chủ, là tư bản, người đại diện cho các nhà tư bản ở Trung Quốc, chính là Đặng Tiểu Bình", "ta phải đánh phá lại kẻ địch, đánh phá Đặng Tiểu Bình". Mụ lộ rõ dã tâm của mình, nói: "Có người viết thư cho Lâm Bưu bảo tôi là Võ Tắc Thiên,[123] có người lại bảo tôi là Lữ Hậu,[124] tôi đâu có được cái vinh hạnh ấy. Lữ Hậu là một vị hoàng đế không vương miện, nhưng thực tế chính quyền nằm trong tay bà ấy".

Mụ còn nói một cách không biết nhục rằng: "Phỉ báng Lữ Hậu, phỉ báng tôi, thực chất là phỉ báng Chủ tịch đấy". Giọng lưỡi lem lém, xoen xoét, lăng loàn của Giang Thanh, làm cho Mao Trạch Đông bất bình. Mao Trạch Đông đã phải ra mặt quở trách: "Giang Thanh can thiệp vào quá nhiều việc".

Nhưng trong lúc đang đắc chí, Giang Thanh đã coi việc phê bình của Mao Trạch Đông như nước đổ lá khoai, lũ bốn tên vẫn ra sức hoạt động, quyết trong một lần này, nhanh chóng đẩy Đặng Tiểu Bình vào đất chết. Lũ bốn tên làm bùng nổ dư luận bằng cách lôi kéo các báo hàng ngày, các tạp chí lớn, những tổ phê phán liên tiếp viết bài, tung ra hàng đống những bài viết: phê phán Đặng Tiểu Bình, phản đối làn gió hữu khuynh lật án. Cả cái đống văn chương này chỉ xoay quanh việc phê phán Đặng Tiểu Bình đã tiến hành chỉnh đốn toàn diện, phê phán việc lấy "ba chỉ thị làm cương lĩnh", phê phán "duy sản xuất luận", phê phán "Cơn gió đen" trong giới văn nghệ, phê phán giới giáo dục là "lật án và phục cổ", phê phán giới khoa học kỹ thuật là "đầu hàng chủ nghĩa", và yêu cầu tập trung phê phán "kẻ cầm đầu chủ nghĩa xét lại đi theo đường lối tư bản không chịu hối cải". Giang Thanh còn bịa đặt, chế tạo ra một công thức: những cán bộ

lão thành tức là phái dân chủ, phái dân chủ tức là "phái tư bản", để hòng đánh đổ các cán bộ lão thành vừa mới được "giải phóng".

Trong vòng công kích mới của phong trào phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích "làn gió hữu khuynh lật án" này, cục diện mới của sự ổn định và nền kinh tế nhích dần lên trong chỉnh đốn toàn diện đã bị phá hủy hoàn toàn, tất cả những chính sách và biện pháp rất chính xác được đề xuất thực hiện trong chỉnh đốn toàn diện hoàn toàn bị thủ tiêu và bị phê phán, những tên đầu sỏ của phái tạo phản cùng những kẻ sống bằng đấu đá bị điều đi nay lại tiếp tục quay trở lại, nên khói lửa đánh đấm lẫn nhau giữa các bè phái lại bùng lên. Rất nhiều địa phương, tình hình xã hội lại rơi vào hỗn loạn, xí nghiệp công nghiệp lại không hoàn thành nghĩa vụ, kế hoạch sản xuất, xưởng máy ngừng việc, thậm chí tiền lương của công nhân cũng không có để cấp phát. Một số mạng lưới giao thông đường sắt lại rơi vào bệnh hoạn mới, giao thông đình đốn, hàng hóa cần vận chuyển bị tích đống lại, tàu bè đến ga trễ giờ. Toàn quốc lại chìm ngập vào một cuộc đại động loạn mới, chìm ngập vào công cuộc phê phán.

Một số những cán bộ lãnh đạo ở Trung ương kiên quyết chấp hành cuộc chỉnh đốn toàn diện của Đặng Tiểu Bình đều bị cách chức, bị tiếp tục phê phán trở lại. Vạn Lý, Hồ Diệu Bang, Hồ Kiều Mộc bị bãi quan và bị phê phán. Bộ trưởng Giáo dục Chu Vinh Hàm bị bắt buộc phải viết kiểm điểm và hàng ngày phải chịu những cuộc phê phán đấu tố tàn bạo. Vào ngày 12/4/1976, trong một đại hội "truy xét" đã bị đấu tố, bức hại đến chết.

Một ánh sáng le lói vừa xuất hiện sau khi tiến hành chỉnh đốn toàn diện, nhưng chỉ trong nháy mắt đã bị những đám mây đen độc hại đầy trời xồng xộc kéo tới che lấp mất. Nhân dân Trung Quốc đã từng khốn khổ khốn nạn trong gần mười năm Cách mạng Văn hóa, biết đến bao giờ mới thoát ra khỏi được đám mây mù này, lúc nào mới lại được nhìn thấy trời xanh!

Phong trào Ngày 5 Tháng 4 vĩ đại

Sau khi chính thức phát động phong trào "phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh lật án", tuy Mao Trạch Đông nói rằng, Đặng Tiểu Bình vẫn thuộc về vấn đề mâu thuẫn nội bộ nhân dân, nhưng cha tôi đã sẵn sàng chuẩn bị cho một tình thế xấu hơn. Chúng tôi đã sát cánh với cha tôi, rèn luyện trong phong trào Cách mạng Văn hóa gần mười năm trời, cho nên toàn thể lớn bé trong nhà chúng tôi, đều sớm đã trở thành những "vận động viên" lão luyện. Chúng tôi biết rõ hiểm cảnh đang bày ra trước mặt cha tôi, nên cũng giống như cha tôi, chúng tôi đã sẵn sàng chuẩn bị cho một cuộc chiến mà cha tôi bị đánh đổ hoàn toàn.

Tháng 3/1976, cha tôi quyết định dọn nhà từ số 17 ngõ Đông Giao Dân về trở lại ngôi nhà cũ nằm ở phố Rộng trong nội thành. Trong suốt cuộc Cách mạng Văn hóa, chúng tôi đã dọn nhà không biết bao nhiêu lần. Từ Trung Nam Hải bị đuổi về Phương Hồ Trai, từ Bắc Kinh dọn về Giang Tây, rồi lại từ Giang Tây trở lại Bắc Kinh. Từ thôn Hoa Viên dọn về phố Rộng, rồi dọn tiếp ra ngõ Đông Giao Dân. Lần này lại dọn từ ngõ Đông Giao Dân trở lại phố Rộng. Trong Cách mạng Văn hóa, chính trị là hàng đầu, đến việc dọn nhà cũng có liên quan mật thiết tới chính trị. Trong mười năm, mỗi lần dọn nhà đều mang đậm ý nghĩa chính trị, hoặc là tình hình đen tối đi, hoặc tình hình sáng dần ra. Dọn nhà mà cũng có kinh nghiệm chính trị là vậy. Lần này chúng tôi chủ động dọn nhà về phố Rộng, chứng tỏ rằng cả nhà tôi đã nhìn thấy trước một cuộc ác chiến chính trị đang ập tới.

Sau khi Chu Ân Lai qua đời là bắt đầu ngay cuộc "phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh lật án", đã làm cho lòng dân mất ổn định. Lòng dân không ổn định, những lời "đồn" liền bung ra khắp nơi. Khi đó phố to, ngõ hẻm của Bắc Kinh, những thành phố lớn, thành phố nhỏ, tin bay tới tấp, bàn tán xôn xao. Những tin "đồn" đó, sau này bị lũ bốn tên tra xét, phần lớn đều nói về Giang Thanh. Người ta nói rằng, vào những năm 30, ở Thượng Hải, Giang Thanh thuộc hạng ngôi sao điện ảnh loại ba (ý nói loại phim tầm thường, dung tục, rẻ tiền - N.D), nói về những chuyện lăng nhăng trăng gió với người chồng lúc đó của mụ là Đường Nạp, nói Giang Thanh đã phản bội, và nói đủ các thứ chuyện về đời sống trụy lạc và những hành vi quái đản trăm khoang tứ đốm của Giang Thanh. Chẳng biết những chuyện đó đúng sai, thật giả thế nào, chỉ cần

chuyện có dính dáng tới Giang Thanh là người ta tin bằng hết, rồi người này nói với người kia, người kia nói với người nọ, những chuyện "nhảm nhí", những lời "đồn đại châm chọc", những mẩu "giai thoại giễu cợt", những "luận đàm quạt mo", đều không chân mà biết chạy. Nhân dân trăm họ, đàm tiếu Giang Thanh chẳng phải tại lòng hiếu kỳ hay để mua vui. Trong hoàn cảnh chính trị ngặt nghèo như những đám mây đen đè trĩu trên đầu, mọi người chỉ còn có một cách duy nhất đó để bày tỏ sự khinh bỉ, lòng căm ghét lũ bốn tên Giang Thanh.

Nỗi đau thương vì Chu Ân Lai qua đời, vẫn còn thắt chặt trái tim mọi người. Cơn cuồng phong "phê phán Đặng Tiểu Bình" lại làm cho những con người có thần kinh nhạy bén càng thêm căng thẳng. Lũ bốn tên đẩy nhanh nhịp độ "phê phán Đặng Tiểu Bình". Ngày 14/2, báo *Nhân dân* cho in bài "Xây dựng thế giới mới trong phê phán thế giới cũ" để phê phán "làn gió hữu khuynh lật án" trong giới giáo dục. Cùng ngày, tạp chí *Học tập và phê phán ở* Thượng Hải cho đăng bài phê phán Đặng Tiểu Bình trong chỉnh đốn mang tính bè phái, dùng lại những cán bộ cũ. Ngày 16/2/1976 Giang Thanh, Trương Xuân Kiều chỉ thị cho báo *Nhân dân* in bài phê phán mang tựa đề "Đại Cách mạng Văn hóa rèn đúc ra một lớp người mới". Tiếp đó, tập phim thời sự mới, mang tên "Kiên quyết đối đầu với Đặng Tiểu Bình" được đưa vào sản xuất. Ngày 20/2/1976, trong thời gian họp hội nghị nhắc nhở, Giang Thanh đã tổ chức một cuộc nói chuyện với đoàn đại biểu Thượng Hải, công kích Đặng Tiểu Bình, mụ nói: "Lão ta là độc tài, là vương quốc độc lập, là phát xít". Mụ hò hét kêu gọi: "Cần tập trung hỏa lực, vạch tội phê phán Đặng Tiểu Bình, năm ngoái lão ta đã đấu tôi tới mấy tháng trời. Tôi là người bị nhốt trong cũi, bây giờ được ra ngoài rồi, đã được nói rồi, tôi sẽ tố cáo hắn". Ngày 23/2/1976, trong hội nghị do Trung ương triệu tập, Trương Xuân Kiều công kích quyết định của Quốc vụ viện cho nhập thiết bị toàn bộ từ nước ngoài vào là "giai cấp tư sản mại bản". Ngày 24/2/1976, xã luận nhật báo *Nhân dân* mang tiêu đề: "Nắm chắc đấu tranh giai cấp, đẩy mạnh vụ xuân", công bố bài nói chuyện của Mao Trạch Đông phê bình việc "lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh". Ngày 29/2/1976, báo *Nhân dân* cho in một bài đã được Diêu Văn Nguyên đích thân sửa chữa. Bình việc "Lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh", phê phán Đặng Tiểu Bình đã đề xuất lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh, và nói rằng: "phái đi theo đường lối tư bản vẫn cứ đi, chúng ta đấu tranh chống bọn đi theo đường lối tư bản là lâu dài, là liên tục". Tháng 2, Vương Hồng Văn bắt tay vào viết bài nói chuyện ở hội nghị Quân ủy Trung ương, công kích, cho rằng Đặng Tiểu Bình "lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh" là chống lại việc lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh của Mao Chủ tịch. Trong khi tham gia hội nghị nhắc nhở, Trương Xuân Kiều nói chuyện với những đại biểu của Thượng Hải rằng: "Cái đám

người Đặng Tiểu Bình ấy chính là giai cấp tư sản mại bản". Lão ta còn nói, cả đám cán bộ cũ ấy, tính bè phái còn mạnh mẽ hơn giai cấp tư bản cũ nhiều, đó là "kẻ địch" của ta. Trì Quần, Mao Viễn Tân ở Bắc Kinh, Liêu Ninh và ở một số nơi khác, trong các trường đại học, các học viện chuyên ngành đã ra sức cổ vũ, bồi dưỡng lớp người dám chống lại "những kẻ đi theo tư bản". Ngày 1/3/1976, tạp chí *Cờ đỏ* cho in bài "chống xét lại, cần phải phê phán Khổng Tử", đem những tư tưởng và hành động "uốn nắn tả khuynh" của Chu Ân Lai năm 1972 ra phê phán, và vu cáo là muốn phục hồi chủ nghĩa tư bản. Ngày 2/3/1976, báo *Nhân dân* cho in lại bài "Từ phái dân chủ của giai cấp tư sản đến phái đi theo tư bản" của tạp chí *Cờ đỏ* do đích thân Diêu Văn Nguyên đã sửa chữa rất công phu, để vu khống Đặng Tiểu Bình không chịu hối cải, vẫn đi theo tư bản, nói rằng phe đi theo tư bản trong đảng không chịu sửa chữa lỗi lầm chính là bắt nguồn từ căn nguyên giai cấp, căn nguyên tư tưởng của làn gió hữu khuynh lật án. Giang Thanh trong một lần nói chuyện, mụ ta nói: "Có tới 75% cán bộ cũ là phái dân chủ, mà phái dân chủ phát triển thành phái đi theo tư bản là quy luật khách quan tất yếu. Ngày 4/3, nhật báo *Nhân Dân* in lại bài của tạp chí *Cờ đỏ* "Kiên trì văn nghệ cách mạng, phản kích làn gió hữu khuynh lật án". Ngày 6/3/1976, nhật báo *Quang Minh* in bài "Khép mình vào kỷ cương, phê phán thêm nữa", trong áng văn chương này, ngoài việc phê phán Đặng Tiểu Bình, còn mang một ẩn ý móc máy, công kích Hoa Quốc Phong. Ngày 7/3/1976, Diêu Văn Nguyên vu cáo Đặng Tiểu Bình đã bịa tạc lời đồn "lão Chín không bỏ đi được" là của Mao Trạch Đông, để kích động những phần tử trí thức trong Cách mạng Văn hóa bị khoác cho cái tên là lão Chín đòi lật án. Ngày 10/3/1976, báo *Nhân dân* in bài xã luận do Diêu Văn Nguyên sửa chữa và duyệt: "Lật án không được lòng người". Ngày 14/3/1976, tạp chí *Học tập và phê phán* đã viết một bài văn do sự gợi ý và thúc giục của Trương Xuân Kiều với tên là: "Từ cái đuôi sam của ông lớn Bảy Triệu, nghĩ tới cái đuôi sam nhỏ bé của A.Q, Tiểu D., rồi bàn về cái đuôi sam to của phái đi theo tư bản trong đảng không chịu hối cải". Ngày 14 đến ngày 24/3/1976, Bộ trưởng Văn hóa Vu Hội Vịnh nhận lệnh của Trương Xuân Kiều, Giang Thanh, viết tác phẩm văn nghệ để đấu tranh với "phái đi theo tư bản".

Theo như cách nói của Giang Thanh, kể từ khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi công tác cho đến lúc bấy giờ, lũ bốn tên hoàn toàn bị giam trong cũi, bây giờ coi như họ đã được tháo cũi sổ lồng, coi như đã được ăn được nói. Bọn chúng cần phải phục thù, cần phải phun cả một luồng khí độc dồn nén từ lâu trong lòng ra. Những lời nói của lũ bốn tên, giống như một đám hề biểu diễn trên sân khấu, những hành vi cuồng bạo, những giọng lưỡi đanh đá, như thế là bị lộ rõ dưới ánh mặt trời không có gì che đậy được nữa, lộ rõ ra trước mắt nhân dân Trung Quốc.

Thủ tướng qua đời đã là nỗi đau thương cùng cực, sự ngỗ ngược, tàn bạo "phê phán Đặng Tiểu Bình" của lũ bốn tên khiến ngọn lửa căm thù trong lòng nhân dân càng rực cháy hơn lên. Ngọn lửa phẫn nộ ấy sắp sửa bùng lên, cháy cao cháy to hơn nữa, và chỉ trong nháy mắt đã ngút ngàn, hừng hực, lem lém, lan tỏa khắp đại địa Trung Hoa.

Bắt đầu từ tháng 2, những đốm lửa đã bắt đầu lóe sáng từ bốn phía đất Thần Châu.

Ngày 23/2/1976, Lưu Tông Lợi ở Phúc Kiến dán bài báo chữ to: "Tiếng kêu của A Đẩu",[125] vạch tội lũ bốn tên. Ngày 26/2/1976, giáo sư trường đại học Phúc Châu Lệ Hải Thanh dán ra một bài từ: "Cái chết của bầy tiên", tỏ rõ lòng căm giận đối với Lâm Bưu và lũ bốn tên. Ngày 2/3/1976, ngoài phố thành phố Vũ Hán, xuất hiện những biểu ngữ chữ lớn như "Kế thừa ý chí của Thủ tướng, thực hiện bốn hiện đại hóa". Ngày 9/3/1976, tại thành phố Quý Dương, tỉnh Quý Châu có bảy thanh niên công nhân, dán ra bài báo chữ to: "Mấy cách nhìn đối với tình hình trước mắt và nhiệm vụ mới" phẫn nộ quật roi vào Giang Thanh, Trương Xuân Kiều v.v… đồng thời tự chịu cước phí vận tải đem tới Trịnh Châu, Trường Sa và những thành phố khác để dán và phát tán. Ngày 11/3/1976, Triệu Đại Trung tại thành phố Tam Minh tỉnh Phúc Kiến cho dán bài báo chữ to: "Phê phán Trương Xuân Kiều, phái cầm quyền trong đảng đi theo đường lối tư bản". Ngày 20/3/1976, Dương Chấn Hán, công nhân ở huyện Thuận Đức tỉnh Quảng Đông, viết thư cho Mao Trạch Đông phê phán tà thuyết của Trương Xuân Kiều. Ngày 25/3/1976, ở thành phố Vũ Hán xuất hiện những tờ truyền đơn in rônêô với tựa đề: "Tuyệt đối không khom lưng quỳ gối trước bọn dã man tư sản". Ngày 26/3/1976, hơn hai trăm công nhân xưởng Lò Hơi, thành phố Vũ Hán, tập trung mít tinh, công khai vạch mặt chỉ tên Giang Thanh, Trương Xuân Kiều để phê phán. Một số những địa phương khác cũng liên tục xuất hiện những báo chữ to, biểu ngữ và truyền đơn phản đối lũ bốn tên. Nhân dân, quần chúng đã bằng những hành động thực tế của mình với khí phách gan góc, dũng cảm, tiến hành cuộc đấu tranh vĩ đại, sáp lá cà với lũ bốn tên.

Ngày 5/3/1976 báo *Văn hối ở* Thượng Hải cho đăng một bài báo đưa tin mới về kỷ niệm và học tập Lôi Phong lấy từ Tân Hoa xã, nhưng những lời đề từ của Thủ tướng Chu Ân Lai tặng Lôi Phong đã hoàn toàn bị lược bỏ. Ngày 25/3/1976, báo này lại cho in một bài văn mang tựa đề: "Phải đi theo tư bản vẫn đi tiếp, chúng ta phải đấu chúng", và dùng những ngôn từ cực kỳ hiểm độc để phê phán Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình: "Kẻ đi theo tư bản trong đảng đã vực dậy đưa

lên đài một kẻ đi theo tư bản khác cho đến nay vẫn chưa chịu hối cải". Những hành động tội ác như vậy, giống như ném đá ào ào xuống nước, chỉ trong nháy mắt đã làm nổi lên muôn nghìn con sóng. Nhân dân phẫn nộ, chỉ ít ngày, trong toàn quốc đã đùng đùng nổi lên một làn sóng phản đối bằng thư tín và điện báo, có tới 421 bức gửi tới báo *Văn hối*, còn điện thoại gọi đến để phản kháng lên tới hơn 1.000 cuộc. Những lời lẽ nghiêm khắc, chính nghĩa, xôn xao gọi tới: "Chống Thủ tướng Chu Ân Lai là không được lòng người," đồng thời chất vấn: "Báo *Văn hối* là báo của nhà nào vậy?" Họ kiên quyết đòi hỏi báo *Văn hối* phải "trình bày cho rõ chân tướng về sự kiện này trước nhân dân Trung Quốc". Nỗi đau thương của nhân dân đã biến thành sức mạnh, ngọn lửa phẫn uất của nhân dân đã biến thành hành động.

Tiết Thanh Minh là một tiết lễ truyền thống của nhân dân Trung Quốc. Tiết Thanh Minh, mọi người đều tắm gội thay áo, vun vén mồ xanh, tế lễ tiên tổ, truy niệm vong linh. Tiết Thanh Minh năm 1976 cũng đã tới gần, tiết Thanh Minh năm đó, người mà nhân dân Trung Quốc cần truy niệm và tế lễ chính là ông Thủ tướng tốt của họ: Thủ tướng Chu Ân Lai.

Khi Thủ tướng qua đời, lũ bốn tên không cho phép nhân dân làm lễ truy điệu. Nhưng lòng kính trọng cùng sự hoài niệm Thủ tướng vẫn nằm sâu trong tâm thức mỗi người. Tiết Thanh Minh còn chưa tới, nhưng mọi người đã sớm có những cuộc tế lễ của mình. Ngày 19/3/1976, học sinh trường tiểu học phường Ngưu, quận Triệu Dương, thành phố Bắc Kinh, là những người đầu tiên đặt vòng hoa tưởng niệm kính dâng lên người Thủ tướng tốt của nhân dân trước bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân tại quảng trường Thiên An Môn. Bắt đầu từ vòng hoa tưởng niệm đầu tiên của các cháu nhỏ, đã bùng lên một phong trào đấu tranh quyết liệt vĩ đại của nhân dân với lũ bốn tên, mà nó sẽ được ghi vào trong sử sách đời đời, vô cùng hoành tráng.

Ngày 24/3/1976, quần chúng thành phố Nam Kinh, khênh những vòng hoa tới Vũ Hoa đài cử hành lễ tưởng niệm Chu Ân Lai, vô cùng long trọng, đồng thời để phản đối lũ bốn tên. Ngày 28, sinh viên đại học của thành phố Nam Kinh khênh một bức ảnh to của Chu Ân Lai, cùng những vòng hoa lớn, tổ chức mít tinh, diễu hành, thị uy, phản đối lũ bốn tên. Ngày 29/3/1976, chỉ trong chốc lát, cả thành phố Nam Kinh từ phố lớn đến ngõ nhỏ, đã được dán dày đặc những biểu ngữ lớn phản đối lũ bốn tên, họ còn dán đầy cả những toa xe của những chuyến tàu chạy từ thành phố Nam Kinh tới các thành phố lớn khác trong toàn quốc. Những học sinh Nam Kinh với sự phẫn nộ của mình, họ đã dùng sơn dầu và hắc ín viết lên những biểu ngữ lớn mà lau không sạch, cọ không hết: "Hãy tróc nã những bóng

đen nấp sau báo *Văn hối*!”, “Ai chống đối Thủ tướng Chu Ân Lai sẽ đánh đổ người đó!” Ngày 31/3/1976, công nhân viên chức xưởng ô-tô Nam Kinh dán một biểu ngữ lớn, đập vào mắt mọi người ở phố Trung Sơn Đông thành phố Nam Kinh: “Đả đảo tên đại dã tâm, đại âm mưu Trương Xuân Kiều!”

Ngày 30/3/1976, Vương Hồng Văn nổi quạu nói: “Tính chất của sự kiện Nam Kinh là nhằm vào Trung ương”. Lại nói: “Những kẻ dán báo chữ to là tạo dư luận cho bọn phản cách mạng ngóc đầu dậy”.

Ngày 1/4/1976, Bộ Chính trị Trung ương thảo luận về các hoạt động truy niệm ở Nam Kinh và các nơi khác. Trong ngày hôm đó, Trung ương ra thông cáo bằng điện thoại nói: “Mấy ngày gần đây tại Nam Kinh đã xuất hiện báo chữ to, biểu ngữ lớn, và mũi giáo là chỉ vào những đồng chí lãnh đạo Trung ương, đây là sự kiện chính trị làm chia rẽ Trung ương Đảng do Mao Chủ tịch dẫn đầu, làm chuyển dịch một phương hướng lớn là phê phán Đặng Tiểu Bình”. Yêu cầu phải lập tức dùng ngay những biện pháp hữu hiệu để dập tắt toàn bộ, đồng thời còn phải triệt để truy xét những kẻ đứng đằng sau xúi giục” cùng “những tên bịa đặt tin đồn” của sự kiện chính trị này.

Sự uy hiếp cùng sự trấn áp của lũ bốn tên vẫn không sao ngăn chặn được những hoạt động truy niệm của quần chúng. Những hoạt động đó không những không bị ngừng lại, mà phạm vi ngày càng được mở rộng ra, thanh thế cũng càng ngày càng lớn. Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4, nhân dân quần chúng ở các thành phố Hàng Châu, Trịnh Châu, Tây An, Thái Nguyên, Phúc Châu v.v… đột phá lệnh cấm của lũ bốn tên đổ xuống đường, tiếp tục làm lễ truy niệm Chu Ân Lai.

Tại Bắc Kinh, kể từ ngày 19/3/1976, bắt đầu bằng việc các em học sinh đặt vòng hoa, nhân dân thủ đô đã tự phát đến tập trung tại quảng trường Thiên An Môn, tập trung xung quanh bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân. Nhân dân tự động đem những vòng hoa, lẵng hoa, cắm những bông hoa giấy trắng như tuyết lên cành cây tùng cây bách trắng xung quanh quảng trường. Nhân dân quần chúng tới đó tưởng niệm Chu Ân Lai mỗi ngày một đông hơn. Những người mang hoa tới xếp hàng thành đội ngũ đứng dọc phố Trường An đông và Trường An tây, xếp thành hàng bên cửa Tiền (Tiền Môn), xếp hàng trước Thiên An Môn. Những bông hoa trắng cắm trên cành cây, tầng tầng lớp lớp, che hết tất cả bức tường bằng cây tùng, chứa hết tất cả những cành cây bách, giống như tuyết trắng tinh khiết, lớp tuyết trắng sáng long lanh, không phải là thứ “tuyết tháng 6”[126] coi như ông trời oan uổng giáng họa xuống trần gian, mà là “tuyết của Thanh minh”

được kết tinh bằng những nỗi u uất phẫn nộ của nhân dân quần chúng.

Nhìn những vòng hoa ngày càng to, càng đặt càng nhiều, càng xếp càng cao, những vòng hoa do chính đôi tay của nhân dân quần chúng đan kết lại, như níu kéo, như xiết chặt lại cùng nhau, giống như lớp lớp mây, thành cuồng nộ, làm cho bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân cao vút đến tận mây xanh.

Ngày 30/3/1976, tổ lý luận công nhân của công đoàn thành phố Bắc Kinh, bao gồm 29 vị viên chức, đã chính thức dán bài điếu từ Chu Ân Lai đầu tiên đặt ở mặt nam bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân, công khai vạch tội lũ bốn tên. Từ đó, những bài điếu từ, những biểu ngữ, những tờ báo chữ to, báo chữ nhỏ, thơ ca, trang nọ nối trang kia dán kín bia kỷ niệm và quảng trường Thiên An Môn, không sao đếm xuể nữa.

"Thủ tướng kính yêu, Người hãy trở lại đi, chúng tôi ngày đêm tưởng nhớ Người".

"Suốt đời phấn đấu, thay đổi bộ mặt một Trung Hoa", "Tro xương trải khắp, gọi dậy mùa xuân cả sơn hà", "Thề sẽ huyết chiến tới cùng với giai cấp tư bản trong và ngoài đảng".

Một bài thơ ngũ ngôn đã làm rung động lòng người:

Chợt buồn, nghe quỷ thét.
Ta khóc, sói lang cười
Gạt lệ, tế hào kiệt,
Trừng mắt, gươm sáng ngời.

Trước cửa Thiên An, dưới chân bia kỷ niệm, những người đến viết điếu văn, những người đến chép điếu văn và những câu thơ, càng ngày càng nhiều, càng ngày càng thêm đông. Trong biển người tuôn chảy đó, nhân dân quần chúng vai kề sát vai, dâng tấm lòng son của mình làm lễ viếng Chu Ân Lai, và chỉ ngọn giáo phẫn nộ, chiến đấu của mình thẳng vào lũ bốn tên.

Khi quần chúng nhân dân tự phát cử hành những hoạt động truy điệu và cả những hoạt động phản kháng trước quảng trường Thiên An Môn và trước bia kỷ niệm, thì cũng là lúc những bài điếu văn, những câu thơ trên quảng trường nhanh chóng được nhân dân chuyền nhau đọc, rồi cùng truyền bá đi, và đã trở thành đầu đề của những câu chuyện sốt dẻo trong những cơ quan trường học, trong nhà máy công xưởng, trong những phố lớn ngõ hẻm của thành phố Bắc Kinh. Đồng thời dân chúng còn chuyền tay nhau bản "di chúc của Thủ tướng", những bài "thơ và từ của Thủ tướng gửi Chủ tịch" v.v… để biểu đạt nguyện vọng của nhân

dân. Nỗi đau thương, bi phẫn, cảm khái, hưng phấn… khiến tình cảm của nhân dân tuôn chảy tràn trề, hòa cùng với những lời châm chọc, chế giễu, được thoải mái tuôn trào, khiến cho toàn bộ thành Bắc Kinh trở thành một thủ đô không ngủ.

Những hoạt động truy điệu đại quy mô của nhân dân quần chúng, cùng những bài văn xung trận nhằm thẳng vào lũ bốn tên, khiến lũ bốn tên không thể không giật mình, kinh hoàng hoảng sợ; lũ bốn tên biết rằng tình thế đã vô cùng nghiêm trọng, nên đã trăm mưu nghìn kế tiến hành trấn áp. Ngày 2/4/1976, lũ bốn tên lấy danh nghĩa là Trung ương, bắt các đơn vị phải truyền đạt thông cáo ngày 1/4/1976, điều khiển dân binh, cảnh sát ngăn chặn mọi hoạt động tưởng niệm của nhân dân, cử những cảnh sát mặc thường phục đi theo dõi và bắt giam những người tham gia hoạt động truy điệu. Đồng thời cho truyền đạt "chỉ thị" của Diêu Văn Nguyên, bảo rằng "Tiết Thanh Minh là tết của ma quỷ", "dâng vòng hoa" là một trong "bốn hủ tục tai hại cũ", cấm không cho quần chúng tới quảng trường Thiên An Môn để cử hành lễ truy điệu. Nhưng hoạt động phản kháng của nhân dân quần chúng đã như một ngọn núi lửa bùng nổ tuôn trào, bất cứ người nào, bất cứ lực lượng nào, đều không có cách gì ngăn cản nổi. Hãy đọc những bài thơ, bài từ được dán cao trên quảng trường Thiên An Môn mà xem, đó là tiếng con tim của nhân dân:

Ai bảo Thanh Minh là "bốn hại"?
Ai bảo Thanh Minh là hủ bại?
Hằng năm tế lễ, giỗ tổ tiên,
Lấy lý do gì là chặn lại?
Chớ giương đuốc quỷ theo Văn hối,

Tự dân viết lấy trang sử mới.
Lời trái Ma Vương, đầy cuồng điên,
Chớ học Lâm Bưu tự chuốc tội.

109 công nhân viên chức ở bệnh viện Trung Y, dựng lên bốn cột thơ ở bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân, trên đó viết lên những dòng đầy khí khái:

Lòng son đã kết, thắng lợi quả,
Máu đỏ lại bừng, cách mạng hoa.
Nếu như quỷ quái phun nọc độc
Ắt hẳn có người bắt tà ma.

Trong phong trào nhân dân tự phát với thanh thế cực kỳ to lớn này, bắt đầu từ lễ truy điệu Chu Ân Lai, rồi phát triển một mạch tiến tới việc vạch trần thế lực tội ác lũ bốn tên: ý nghĩa của nó chẳng còn phải chỉ vào một việc một người, mà rõ ràng là mũi giáo đấu tranh đã trực tiếp chỉ thẳng vào Đại Cách mạng Văn hóa

- cuộc chém giết tàn bạo, đầy xương máu trên thế gian này.

Thanh thế của những hoạt động truy điệu ngày càng rộng lớn tại quảng trường Thiên An Môn, và những hoạt động chống đối mà mũi giáo đã chỉ thẳng vào lũ bốn tên đã làm xúc động, rung cảm trái tim mỗi con người, cũng làm xúc động, rung cảm trái tim của cha tôi và chúng tôi. Quần chúng nhân dân truy điệu Chu Ân Lai, bày tỏ niềm thông cảm với nỗi đau của gia đình chúng tôi. Quần chúng nhân dân vạch tội lũ bốn tên, chứng tỏ rằng lời gào thét của họ là cùng một giai điệu với gia đình chúng tôi. Trên các cành cây tùng xung quanh quảng trường Thiên An Môn, quần chúng nhân dân đã treo rất nhiều những chiếc bình nhỏ (tiểu bình), họ đã dùng lối ẩn dụ rất tượng hình kiểu Trung Quốc để thốt lên "Tiểu Bình", "Tiểu Bình"… Trong những ngày đầy xúc động lòng người đó, ở Bắc Kinh những người có thể bước đi được, đều đổ xô về quảng trường Thiên An Môn. Họ đến để dâng hoa, để viết thơ, làm từ, để chép thơ và từ, thậm chí chỉ là để được chứng kiến cái quang cảnh hoành tráng đầy hào hùng đó. Chỉ duy có chúng tôi - những người trong gia đình Đặng Tiểu Bình là không thể đến được quảng trường Thiên An Môn, không thể đích thân chứng kiến, tham gia phong trào vĩ đại đó của nhân dân. Lũ bốn tên đang đi mò những "kẻ hậu đài", bọn họ nói rằng, trong phong trào này, chính Đặng Tiểu Bình là một "đại hậu đài". Nếu như bắt được người nhà của Đặng Tiểu Bình ở chính quảng trường Thiên An Môn, thì đấy đúng là "tang vật" họ đã cấy vào nhà người ta để vu vạ. Cha tôi ra lệnh cho toàn gia chúng tôi, không ai được bén mảng tới quảng trường Thiên An Môn trong cái giờ phút nghiêm trọng ấy, không thể để lũ bốn tên biến mình thành một cái cớ. Cả gia đình chúng tôi đều phục tùng đại cục, tôn trọng mệnh lệnh của cha tôi. Chúng tôi không thể đến quảng trường Thiên An Môn, liều nhất chỉ cưỡi xe đạp lướt qua phố Trường An, và từ nơi xa xa đó, nhìn vào cảnh quan hùng tráng, xúc động lòng người.

Thực ra, mọi người đều biết rằng, phong trào chống đối vĩ đại của nhân dân này, tuy chẳng phải do Đặng Tiểu Bình trực tiếp chỉ huy, nhưng từ bất cứ góc độ nào mà nói, Đặng Tiểu Bình là "người hậu đài" không bóng không hình. Đó chính là sau khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi công tác, rồi đao to búa lớn, tiến hành chỉnh đốn toàn diện, là cái nhuệ khí chiến đấu không nhân nhượng, không chùn bước trước lũ bốn tên, đã khiến nhân dân toàn quốc nhìn rõ tiền đồ, đem lại hy vọng cho nhân dân toàn quốc, làm tăng thêm dũng khí cho toàn thể nhân dân Trung Quốc tiến hành đấu tranh với thế lực tội ác của lũ bốn tên. Đặng Tiểu Bình hiểu biết một cách sâu sắc rằng: trong phong trào này, ông có thể lại bị đánh đổ một lần nữa. Nhưng ông cũng lại hiểu sâu sắc rằng: những điều ông đã

làm, đã hành động, sự hy sinh của bản thân ông sẽ là một liều thuốc xúc tác tốt nhất, làm cho nhân dân Trung Quốc tỉnh ngộ ra, đem đến một khởi điểm mới. Ông tin tưởng chắc chắn rằng, bất chấp vận mệnh chính trị của ông ra sao, nhưng ông đã nghe thấy tiếng gào thét phẫn nộ của nhân dân Trung Quốc tức là ông nhìn thấy một cách hết sức rõ ràng tiền đồ cùng hy vọng của đất nước Trung Quốc này.

Là người trong gia đình Đặng Tiểu Bình, chúng tôi vọng nhìn về quang cảnh bi tráng trên quảng trường Thiên An Môn, mà trong con người chúng tôi cũng cảm nhận được bầu máu nóng đang sục sôi trong huyết quản. Nhưng chúng tôi phải phục tùng đại cục. Chúng tôi biết rằng, tình thế chính trị đã phải tiến tới bước khẩn cấp. Chúng tôi biết rằng, việc cha tôi bị đánh đổ lần thứ hai đã hiện diện trước mắt. Nhưng đã từng trải qua gần mười năm trong Cách mạng Văn hóa, đã từng trải qua kiếp lênh đênh, chìm nổi trong sóng to gió cả, và học được từ cha tôi cách đối phó với sự biến ảo khôn lường của chính trị. Đặc biệt là đã trải qua một cuộc sống đầy biến thiên hoán đổi sau ba năm trở lại Bắc Kinh, cha của chúng tôi, một nhà chính trị có đầy đủ bản lĩnh, làm cho mọi người tín phục, chúng tôi kiêu hãnh vì cha tôi là một người có ý chí kiên cường không sợ hiểm nguy, chúng tôi tự hào vì phẩm cách vì đất nước, vì nhân dân của cha chúng tôi. Cha tôi đã chọn con đường không thỏa hiệp, không tính tới sự được mất, chúng tôi nguyện đi chung lối với ông. Chúng tôi tuy chẳng bén mảng tới quảng trường Thiên An Môn, nhưng hàng ngày, mỗi tin tức được truyền tới, mỗi bài thơ bài từ làm xúc động lòng người, cũng đều làm chúng tôi xúc động vô cùng. Trái tim của những người trong gia đình Đặng Tiểu Bình cùng một nhịp đập với trái tim của nhân dân quần chúng trên quảng trường Thiên An Môn.

Ngày 4/4/1976, là năm Bính Thìn theo nông lịch của Trung Quốc và cũng là tiết Thanh Minh năm Rồng. Những hoạt động truy điệu Chu Ân Lai của nhân dân thủ đô đã lên tới cao trào. Số người tập trung ở quảng trường Thiên An Môn đạt tới con số hơn hai triệu. Tinh thần của quần chúng ở quảng trường sôi sục, kích động, thanh thế chưa từng thấy. Ai ai cũng biết rằng ở trên quảng trường lúc bấy giờ đã có rất nhiều cảnh sát mặc thường phục do “lũ bốn tên” phái tới, để bám sát, theo dõi và chụp ảnh họ, song mọi người hầu như không biết sợ hãi là gì, vẫn tiếp tục đưa các vòng hoa tới, cứ tiếp tục buộc những bông hoa trắng lên cành tùng, tiếp tục đem những bài thơ, bài từ đã viết xong, dán lên. Trong sự kháng nghị của quần chúng, có người đã trích máu tươi của mình để viết lên bài điếu văn, có người công khai đứng ra biện hộ bênh vực Đặng Tiểu Bình, có người trực tiếp phê phán đích danh Giang Thanh, có người quá xúc động đã cất

cao giọng hát, hát bài “Quốc tế ca”. Có người đến quảng trường, trèo lên cột đèn, rồi vừa khóc vừa cất cao giọng của mình đọc những lời kháng nghị lũ bốn tên. Quần chúng càng thêm sục sôi chí khí, đã rầm rộ hô những khẩu hiệu, khi trầm khi bổng. Phong trào nhân dân của hơn hai triệu người trên quảng trường Thiên An Môn hòa cùng với những hoạt động truy điệu phản kháng, đã viết lên bài chính khí ca với khí thế hào hùng và thôi thúc lòng người.

Hai “Nghị quyết” và Đặng Tiểu Bình lại bị đánh đổ một lần nữa

Những hoạt động truy điệu, những hoạt động phản kháng trước bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân và quảng trường Thiên An Môn làm cho lũ bốn tên vô cùng hoang mang lo sợ. Cuộc đấu tranh của nhân dân nhằm thẳng vào họ với thanh thế to lớn như thế, bọn chúng không thể chỉ giương mắt ếch lên nhìn, mà chẳng thấy gì, không thể không giật mình thon thót, không thể không biết nhảy xô ra, đàn áp.

Ngày 2/4/1976, với bàn tay bố trí của lũ bốn tên, ở góc đông nam quảng trường Thiên An Môn, trong một ngôi nhà nhỏ ba tầng màu xám, đã thành lập một “Bộ chỉ huy liên hợp” bao gồm có dân quân, cảnh sát và bộ đội khu Vệ Nhung của thủ đô, họ đã điều động ba nghìn dân quân và cảnh sát cùng một số bộ đội đã được chuẩn bị sẵn sàng để kịp thời hành động. Ngay buổi chiều hôm đó, “Bộ chỉ huy” đã lập xong kế hoạch: “Biện pháp xử lý đối với những vấn đề xuất hiện tại quảng trường Thiên An Môn”, đã chọn ra những biện pháp cụ thể tiến hành đàn áp quần chúng.

4 giờ 40 phút sáng sớm ngày 2/4, Vương Hồng Văn một “chuyên gia” chuyên chế tạo ra những cuộc vũ đấu, đích thân tới quảng trường Thiên An Môn quan sát. Bọn họ sợ bị quần chúng phát hiện, nên phải dùng đèn pin, lén lén lút lút đi lẫn trong bóng tối, quan sát một vòng xung quanh bia kỷ niệm và xem xét những vòng hoa. Bọn họ thấy những vòng hoa dày đặc như non như biển, cùng với những bài thơ, bài tứ, câu đối phúng viếng, với niềm nộ khí ngất trời, đã khiến Vương Hồng Văn tức giận đến điên cuồng, liền gọi điện thoại cho những kẻ thân tín ở Bộ Công an nặng lời khiển trách họ, chỉ thị cho Bộ Công an lập tức phái người tới chụp ảnh những bài thơ, bài từ “phản động”, để sau này còn có “chứng cớ đình án”. Theo “chỉ thị” của Vương Hồng Văn, Bộ Công an lập tức cử những cảnh sát mặc thường phục đến quảng trường chụp ảnh làm chứng cứ, đồng thời bắt đầu cho bắt bớ. Đến mười giờ đêm hôm đó, số người bị bắt tại quảng trường Thiên An Môn đã lên tới 26 nghìn người. Cuộc đàn áp đã diễn màn giáo đầu. Tối ngày 4/4/1976, Hoa Quốc Phong chủ trì triệu tập hội nghị Bộ Chính trị. Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm “bị ốm”, nên không tham gia. Giang Thanh cùng tả hữu của mình, trong hội nghị đã biến những hoạt động có tính chất truy điệu tại quảng trường Thiên An Môn thành sự kiện do “bọn phản cách mạng tổ chức”,

đó là sự hình thành do "Đặng Tiểu Bình đã chuẩn bị trong thời gian dài". Sau hội nghị, Mao Viễn Tân đem mọi tình hình thảo luận trong hội nghị Bộ Chính trị báo cáo bằng văn bản với Mao Trạch Đông. Trong báo cáo viết: "Lần này là sự phản phúc mang tính chất phản cách mạng", "là tổ chức có kế hoạch", "năm ngoái Đặng Tiểu Bình có nói: 'Phê phán Lâm Bưu, Khổng Tử là chống Thủ tướng', năm nay lại đưa cái vở Thủ tướng ra bảo rằng: 'Công kích, phản kích làn gió hữu khuynh lập án là phản kích Thủ tướng, lợi dụng người chết để áp đặt người sống'". Mao Trạch Đông: duyệt.

Ngày 5/4/1976, cuộc đàn áp đại quy mô bắt đầu. Từ 1 giờ đến 2 giờ sáng ngày 5, tất cả những vòng hoa trên quảng trường bị dẫm nát và dọn sạch. Những vòng hoa trên quảng trường nhiều như núi như biển, thực tế là rất nhiều, vòng nọ nối vòng kia, vòng này chồng lên vòng khác, phải dùng tới hai trăm chuyến xe ô-tô tải mới mang đi hết được. Trong quá trình chở các vòng hoa đi, 57 người có mặt trên quảng trường bị khám xét, bảy người bị bắt. Năm giờ sáng, Vương Hồng Văn đích thân tới căn gác của "Bộ chỉ huy", tự bố trí, đốc thúc cụ thể việc đàn áp.

Trời sáng, mặt trời mỗi lúc lên một cao, quần chúng tới quảng trường ngày càng đông, họ thấy những vòng hoa đã bị dẫm nát và dọn đi, ai nấy đều vô cùng phẫn nộ. Thế là mọi người mặc xác lệnh cấm, tiếp tục đưa những vòng hoa phúng viếng tới quảng trường. Tất cả những con đường đổ về quảng trường đều đã bị người canh gác, và còn được thành lập một cái trạm, gọi là "Trạm khuyên can". Phải đối diện với hiểm nguy, nhưng mọi người vẫn chẳng thấy sợ, họ đột phá các vòng vây, kiên cường đưa từng vòng hoa vào một, vào đặt tại bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân. Lúc đó, một bên ngang ngược, cưỡng chế, ngăn chặn, một bên lại bất chấp tất cả, ra sức khênh hoa và đặt hoa, nên toàn bộ quảng trường Thiên An Môn đã bắt đầu trở thành chiến trường xung đột. Quần chúng càng ngày càng đông, biển người càng chật ních. Một cảnh sát mặc thường phục trà trộn trong quần chúng đã bị mọi người nhận mặt, anh ta hoảng sợ vội co cẳng chạy vào giữa tiếng gào theo om sòm của đám đông, anh ta chạy về phía đại lễ đường Nhân dân. Thấy anh cảnh sát mặc thường phục đã bỏ chạy, mọi người hô hoán nhau đuổi theo bên ngoài phía cửa đông của đại lễ đường, chỉ trong nháy mắt đã có tới mấy chục vạn người tập trung ở đó. Mấy chục vạn người này chẳng phải là những người đi xem chung chung, mà tất cả đều đang hừng hực bốc cháy một ngọn lửa giận dữ trong lòng.

"Bộ chỉ huy" của lũ bốn tên cũng bắt đầu tăng cường điều động người của họ. Tám giờ sáng, một chiếc ô-tô phát thanh do "bộ chỉ huy" phái tới quảng trường,

tiếng nói vang lên qua những chiếc loa công suất cao: “Tiết Thanh Minh đã qua, việc truy điệu đã xong, xin mời các đồng chí cách mạng hãy rời khỏi quảng trường, cần phải hết sức cảnh giác với một nhóm kẻ thù của giai cấp hoạt động phá hoại”. Tiếng loa chọc vào màng nhĩ, như kích động thêm tinh thần của quần chúng trên quảng trường. Mọi người liền xông tới, giận dữ lật đổ chiếc ô-tô phát thanh, đập bẹp nát những chiếc loa có công suất cao mà lũ bốn tên đã dùng nó để chọc vào tai mỗi người. Quần chúng nhân dân đứng trước cửa đại lễ đường, mấy chục vạn người cùng cất cao tiếng hô: “Trả lại cho tôi những vòng hoa, trả lại cho tôi người chiến hữu”. Những lời hô phẫn nộ ấy như vang lên tận chín tầng mây. Những quần chúng đó đã bắt đầu có những cuộc xung đột với nhân viên của “Bộ chỉ huy” phái tới ngăn chặn họ.

Giữa trưa, quần chúng bao vây ngôi gác nhỏ màu xám đã không còn “bộ chỉ huy” ở đó, đồng thời cử đại diện tới can thiệp, yêu cầu trả lại những vòng hoa đã bị mang đi, đòi phải thả ngay những quần chúng bị bắt, đòi phải bảo đảm quyền của nhân dân được phép truy điệu Chu Ân Lai. Người của “bộ chỉ huy”, lạnh lùng đe dọa, cự tuyệt yêu cầu chính đáng của dân, quần chúng đã nổi khùng đốt chiếc ô-tô con sang trọng của bọn cầm đầu “bộ chỉ huy” vẫn đi. Vào khoảng ba giờ chiều, thêm một lần nữa quần chúng phẫn nộ đốt tiếp mấy chiếc xe ô-tô của “Bộ chỉ huy”. Cùng ngọn lửa bốc cao, tiếng hò hét của quần chúng cũng cao không kém. Vào lúc sau 5 giờ chiều, một bộ phận quần chúng xông thẳng vào ngôi nhà nhỏ màu xám của “bộ chỉ huy”, châm lửa thiêu cháy trung tâm “chỉ huy” tội ác này. “Bộ chỉ huy” vội vã, khẩn cấp nghiên cứu kế hoạch “phản kích”, quyết định thành lập trạm chỉ huy đặt trong công viên Trung Sơn, đồng thời hạ lệnh, đến tối cầm vũ khí sẵn sàng, có thể mang theo côn và khóa. Lũ bốn tên cùng phe cánh của chúng đã làm xong công việc chuẩn bị cuối cùng cho cuộc đàn áp đại quy mô. Sáu giờ 30 phút tối ngày 5/4/1976, những chiếc loa công suất cao ở quảng trường Thiên An Môn được mở hết công suất, Bí thư thứ nhất Thành ủy Bắc Kinh Ngô Đức phụng mệnh đọc một bài diễn văn qua loa phóng thanh, tuyên bố, sự kiện tại quảng trường Thiên An Môn là “sự kiện phản cách mạng”, yêu cầu quần chúng có mặt tại quảng trường phải lập tức rời khỏi quảng trường ngay. Chín giờ 30 phút tối, một vạn dân quân và ba nghìn cảnh sát tiến vào quảng trường, bao vây tất cả quần chúng còn đang có mặt tại quảng trường, rồi vung côn vung gậy đánh quần chúng tới tấp. Ngay tối hôm đó đã có không ít quần chúng bị đánh tàn bạo đến thành thương, 35 người bị bắt và tống giam vào ngục.

Ngày 5/4/1976, là một ngày bi thương trong lịch sử nước cộng hòa, cái đêm

đen dài dằng dặc của cuộc khủng bố trắng đó đã che đậy không nổi tội trạng tanh máu của lũ bốn tên.

Sang sáng ngày 6/4/1976, một bộ phận Ủy viên Bộ Chính trị nghe báo cáo tình hình Sự kiện Thiên An Môn, hội nghị đã đặt tên cho Sự kiện Thiên An Môn là: "Một sự kiện phản cách mạng rõ ràng". Ba giờ sáng ngày hôm đó, Mao Viễn Tân báo cáo tình hình hội nghị Bộ Chính trị với Mao Trạch Đông. Mười một giờ trưa hôm đó, Mao Trạch Đông bút phê: "Sĩ khí đã khơi dậy, tốt, tốt, tốt".

Quảng trường Thiên An Môn trải qua một cuộc hỏa chiến và tắm máu đã trở nên tiêu điều, thê lương, ảm đạm. Trước bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân chan hòa những vũng máu loang lổ, một không khí khủng bố khiếp đảm dã man bao phủ lên toàn bộ quảng trường. Nhưng khoảng chín giờ sáng ngay ngày hôm đó, khi mặt trời đã lên cao, một đoàn gồm mấy chục công nhân tổ chức thành đội ngũ đã khênh vòng hoa do chính bàn tay họ làm ra, nghiễm nhiên đi vào quảng trường Thiên An Môn. Giữa cả một quảng trường rộng rãi to lớn ấy, đoàn người dâng hoa phúng viếng này nổi bật hẳn lên. Đoàn công nhân với lòng đau thương khôn tả, đã khênh vòng hoa trịnh trọng đặt tại mặt phía bắc của bia kỷ niệm Anh hùng nhân dân. Sáu giờ chiều, mấy chục chiếc ô-tô tải chở dân quân lại tiến vào quảng trường Thiên An Môn. Trong sắc nắng chiều hôm quảng trường mênh mang đầy trầm tịch, hàng trăm con người vẫn bồi hồi quanh quẩn bên bia kỷ niệm, tất cả mọi người đều trầm lặng không nói một câu, nhưng chẳng có một ai muốn rời khỏi khu vực ấy. Vòng hoa duy nhất bên bia kỷ niệm, trong cái gió lạnh mùa xuân vẫn bất khuất ngang nhiên đứng đó. Bảy giờ tối, toàn bộ quảng trường Thiên An Môn bước vào lệnh giới nghiêm, những người cuối cùng còn lưu lại đó bị đuổi đi hết.

Tám giờ linh năm phút sáng ngày 7/4/1976, Mao Viễn Tân đem khẩu đại pháo do đích thân Diêu Văn Nguyên chế tạo là "Tin tức hiện trường Sự kiện Thiên An Môn", báo cáo với Mao Trạch Đông về tình hình tiến triển, và ý kiến xử lý Sự kiện Thiên An Môn. Cái gọi là "tin tức hiện trường" đó, đã bịa tạc vu khống những hoạt động truy điệu Chu Ân Lai là hoạt động "phản cách mạng", nói rằng "Sự kiện Thiên An Môn là công khai phất một ngọn cờ ủng hộ Đặng Tiểu Bình, liều mạng một cách bệnh hoạn dám chỉ thẳng mũi giáo vào Mao chủ tịch, lãnh tụ vĩ đại, chia rẽ Trung ương Đảng do Mao Chủ tịch dẫn đầu, mù quáng mong chuyển dịch phương hướng lớn trước mắt là phê phán Đặng Tiểu Bình và phản kích làn gió hữu khuynh lật án sang chiều khác". Mao Trạch Đông vốn tuổi già suy nhược lại phải nghe Mao Viễn Tân báo cáo đến hơn một giờ đồng hồ, nên đã chỉ thị như sau: "Căn cứ vào đó cách tuột hết mọi chức vụ của

Đặng Tiểu Bình, giữ lại đảng tịch, để xem xét sau. Căn cứ vào, thứ nhất Thủ Đô, thứ hai Thiên An Môn, thứ ba: Đốt cháy, ba luận đó đánh hay. Tính chất đã thay đổi, căn cứ vào đó, tống cổ!" "Hoa Quốc Phong làm Thủ tướng, đề nghị để Hoa Quốc Phong làm Phó Chủ tịch thứ nhất của đảng. Đồng ý cho công khai phổ biến văn bản tin tức chiến trường".

Trưa ngày 7/4/1976, lũ bốn tên mở tiệc rượu ăn mừng tại đại lễ đường Nhân dân mừng thắng lợi. Giang Thanh vênh vang tự đắc nói: "Chúng ta thắng lợi rồi! Xin chúc mừng quý vị". Trương Xuân Kiều nhân có hơi men cũng hung hăng nói: "Cả lũ viết những bài thơ phản động, là muốn đẩy Đặng Tiểu Bình làm Nagy,[127] kẻ cầm đầu sự kiện phản cách mạng của Hung-ga-ri".

Buổi chiều, trong sảnh Giang Tây của đại lễ đường Nhân dân, Bộ Chính trị Trung ương họp hội nghị thảo luận chỉ thị mới nhất của Mao Trạch Đông về Sự kiện Thiên An Môn.

Tại hội nghị lũ bốn tên kêu gào, diệt danh, đổ tội cho Đặng Tiểu Bình là tổng hậu đài của Sự kiện Thiên An Môn, đồng thời còn nói rằng đích thân Đặng Tiểu Bình cưỡi ô-tô đến tận quảng trường Thiên An Môn trực tiếp chỉ huy. Giang Thanh và Trương Xuân Kiều còn nói, cần phải có một sự chuẩn bị đầy đủ về tư tưởng, vì rất có khả năng "quần chúng" sẽ đột kích Đặng Tiểu Bình, bắt Đặng Tiểu Bình đi. Hoa Quốc Phong là người điều khiển hội nghị. Đối với việc lũ bốn tên nói rằng Đặng Tiểu Bình đích thân cưỡi ô-tô tới quảng trường Thiên An Môn trực tiếp chỉ huy, Hoa Quốc Phong nói, cần phải hỏi qua Đặng Tiểu Bình một câu, cho tiện việc đối chiếu. Đối với ý kiến đó của Hoa Quốc Phong, lũ bốn tên không thèm để ý tới. Nhưng lúc bấy giờ Hoa Quốc Phong đã được đích thân Mao Trạch Đông chỉ định chủ trì điều khiển công tác, nghe theo, thực bụng chẳng muốn tý nào, không nghe ư, cũng không được. Thế là họ đã cử một người đi gặp Đặng Tiểu Bình để xét hỏi. Chẳng ai chịu nhận đi làm cái công việc đầu sai ấy, bản thân Giang Thanh chẳng dám đi, cuối cùng mụ nói: "Để Uông Đông Hưng đi vậy".

Kể từ khi Giang Thanh và Trương Xuân Kiều nói trước hội nghị rằng có thể có người sẽ đi đột kích Đặng Tiểu Bình, đã làm cho Uông Đông Hưng có phần lưu ý. Hồi đầu Cách mạng Văn hóa, khi Giang Thanh khống chế Ban Cách mạng Văn hóa Trung ương, mụ đã từng một lần tổ chức cho "quần chúng" đi bắt Bành Chân và phê đấu Bành Chân. Lần này, lũ bốn tên liệu có đem vở cũ ra tân trang rồi cho diện lại, lấy danh nghĩa quần chúng đi bắt Đặng Tiểu Bình? Uông Đông Hưng thấy sự việc có thể nổ to, nên cho rằng việc này cần phải đi thỉnh thị Mao

Trạch Đông. Uông Đông Hưng từ đại lễ đường đi ra, không trực tiếp đi tìm Đặng Tiểu Bình trao đổi mà lại cho ngoặt xe về Trung Nam Hải nơi gần kề gang tấc.

Khi gặp được Mao Trạch Đông, Uông Đông Hưng đã báo cáo với Mao Trạch Đông về hội nghị khẩn cấp của Bộ Chính trị thảo luận về Sự kiện Thiên An Môn và vấn đề Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông nói: “Rước lấy họa từ lá thư của Lưu Băng, chĩa mũi giáo vào tôi, bây giờ thì muộn rồi”.

Uông Đông Hưng lại báo cáo với Mao Trạch Đông về việc có thể có người đột kích bắt Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông nói, không thể đi đột kích được nữa, cũng không thể bắt đi được. Ông ta hỏi Uông Đông Hưng có biện pháp gì không. Uông Đông Hưng kiến nghị, chuyển Đặng Tiểu Bình đi nơi khác. Mao Trạch Đông đáp, cũng được.

Mao Trạch Đông chỉ thị không cho người đột kích Đặng Tiểu Bình, Uông Đông Hưng lập tức ra tay bố trí, lệnh cho Cục bảo vệ Trung ương phải sửa sang và chuẩn bị ngay ngôi nhà ở ngõ Đông Giao Dân. Uông Đông Hưng lại cho gọi Đàng Hòa Tùng đến giao nhiệm vụ phải lập phương án bảo vệ ngay, bởi nghe nói sẽ có người đột kích Đặng Tiểu Bình, phải di chuyển Đặng Tiểu Bình tới ngõ Đông Giao Dân. Sau khi dặn dò công việc bảo vệ xong, Uông Đông Hưng liền cho người thông báo với thư ký của Đặng Tiểu Bình là Vương Thụy Lâm, nói là cần gặp Đặng Tiểu Bình trao đổi. Đồng thời Uông Đông Hưng báo cho Đông Phương, trưởng Ban bảo vệ thuộc Cục bảo vệ, để Đông Phương đi kiếm lấy một chiếc ô-tô xoàng xoàng, không bắt mắt, đến phố Rộng đón Đặng Tiểu Bình đưa đến ngõ Đông Giao Dân. Sau khi đã bố trí mọi việc đâu vào đấy, Uông Đông Hưng vội vã đến ngõ Đông Giao Dân đợi Đặng Tiểu Bình để trao đổi.

Sự kiện Thiên An Môn đã phát triển tới bước ấy, cha tôi và chúng tôi đều biết rất rõ. Cuối cùng giờ phút quyết định vận mệnh cha tôi đã tới. Chúng tôi cũng đã chuẩn bị tư tưởng sẵn sàng chờ đón cái kết quả xấu nhất, nên trong lòng chúng tôi chẳng còn điều gì đáng sợ nữa.

Ba giờ chiều ngày 7/4/1976, Vương Thụy Lâm thư ký của cha tôi nhận được điện thoại, thông báo rằng Uông Đông Hưng muốn gặp Đặng Tiểu Bình để trao đổi, sẽ có người của Cục bảo vệ đưa xe tới đón, không được mang theo thư ký, cũng không được mang theo bảo vệ. Nhận được thông báo đó, liền biết ngay rằng giờ phút nghiêm trọng đã tới, cả nhà chúng tôi không những không hề có một chút hoảng loạn nào, ngược lại, vô cùng trấn tĩnh là khác. Hơn ba giờ, Đông Phương ở Cục bảo vệ Trung ương tới. Tất cả mọi người lớn bé trong nhà chúng tôi, người trẻ dìu người già, người lớn bế trẻ con, gần mười người, cùng tiễn cha

tôi ra đi. Đặng Nam nhạy cảm, vào cái giờ phút cuối cùng ấy, chợt nghĩ ra, chị bỏ vào trong túi bộ quần áo Tôn Trung Sơn của cha tôi một cỗ tú lơ khơ. Cả gia đình tôi đưa cha tôi đi qua phòng khách, rồi qua sân, đi thẳng ra đến cổng. Chúng tôi đứng nhìn cha tôi bước lên xe ô-tô với nét mặt trầm tĩnh, nhìn ô-tô đi ra khỏi cổng, nhìn cánh cổng lớn màu xám khép chặt lại, mà nước mắt đầy tròng. Có thể đây chính là giờ phút vĩnh biệt cha tôi. Cái không khí cương cường trước mắt quân thù vừa qua, trong nháy mắt đã được thay thế bằng không khí bi thương không sao kìm nén nổi. Đặng Lâm không giữ nổi nỗi đau đớn trong lòng, đã bật lên thành tiếng khóc. Tôi nói với Đặng Lâm: “Khóc lóc cái gì! Càng trong những giờ phút thế này, càng không nên khóc!”

Sau khi cha tôi bị đưa đi, Văn phòng Trung ương cử người tới kiếm tìm tài liệu, văn kiện. Người phụ trách việc lục xét đến phòng làm việc của cha tôi, hắn nhìn ngược nhìn xuôi, nhìn trái nhìn phải, xem chừng chẳng có cái gì có thể thu nhập, nhặt nhạnh mang đi được, hắn liền giật đứt dây điện thoại, rồi mỗi tay một chiếc, xách hai chiếc máy điện thoại được bảo mật đó đem đi. Đại khái, thế cũng được coi như xong chuyện khám nhà. So sánh với sự lục xét khi Cách mạng Văn hóa mới bắt đầu, việc khám nhà lần này thật chẳng đáng kể.

Sau khi cha tôi ra đi, khoảng độ năm giờ chiều, Cục bảo vệ Trung ương lại cho người đến đón mẹ tôi đi. Khi một mình cha tôi bị đem đi, quả thực không biết ông bị mang đi đâu, cũng chẳng biết tình hình ông ra sao, chúng tôi đã muôn phần lo lắng. Nay mẹ tôi lại đến chỗ cha tôi, đối với cha tôi mà nói, bất kể sự thể ra sao, cũng là một việc tốt. Như vậy, ít ra cha mẹ tôi cũng cùng được ở một chỗ với nhau, dựa vào nhau, cùng chia nhau hoạn nạn. Nhưng chuyến ra đi này, cuối cùng là lành là dữ, cảnh tình trước mắt khó mà đoán biết được. Chúng tôi ngậm lệ, thu xếp hành trang cho mẹ tôi. Chúng tôi cố kiết nhét cho thật nhiều đồ dùng cá nhân của mẹ tôi, nhiều được chừng nào hay chừng nấy, sao cho hai ông bà già, dù phải sống trong hoàn cảnh ác nghiệt tồi tệ đến thế nào, cũng không đến nỗi phải rét mướt, khổ cực.

Mẹ tôi đi rồi, lòng dạ chúng tôi càng thêm bi thảm, cũng có thể chuyến ra đi này là vĩnh biệt, không bao giờ trở lại. Sau khi cha mẹ chúng tôi đi rồi, chúng tôi càng thương cha, càng nhớ mẹ, càng lo lắng cho hiểm cảnh của ông bà. Cả nhà chúng tôi ngồi lại bàn bạc với nhau, thấy rằng cần có một người đi cùng cha mẹ để chăm nom đời sống của hai ông bà già, đồng thời làm hai ông bà đỡ cô đơn, trống vắng. Trong đám chúng tôi ai cũng tình nguyện xin đi, nhưng Đặng Lâm và Đặng Nam đều có con nhỏ cần phải chăm nom nuôi dưỡng, cho nên tôi đã giành lấy việc đi cùng cha mẹ. Tôi bàn bạc kỹ với Hạ Bình, nếu như được phép

đi cùng cha mẹ, đối với cha mẹ mà nói, đó là một việc tốt lành, nhưng nếu tình thế ngày một xấu đi có thể là có cả tôi trong đó, sẽ không còn trở về được nữa. Được Hạ Bình đồng lòng ủng hộ, tôi cũng hạ quyết tâm, dứt khoát phải có mặt bên cạnh cha mẹ tôi, dù có phải trèo núi đá tai mèo, lội qua biển lửa hồng tôi cũng phải có mặt bên cạnh cha mẹ. Tôi viết cho Uông Đông Hưng một lá thư đề đạt nguyện vọng tha thiết, mãnh liệt, cho tôi được đến bên cha mẹ tôi để chăm sóc sức khỏe cho hai ông bà. Thư gửi đi rồi, tôi cứ chờ, chờ mãi, mong mỏi sao cho nguyện vọng ấy sớm được phê chuẩn. Cuối cùng, tôi cũng đã nhận được thông báo của cấp trên: Không cho phép. Sự trả lời đó không những làm chúng tôi vô cùng thất vọng, mà còn làm cho chúng tôi lo lắng thêm cho hoàn cảnh của cha mẹ chúng tôi. Cha tôi, mẹ tôi hiện giờ đang ở nơi nào. Cảnh ngộ của hai ông bà già ra làm sao? Liệu có phải bị chịu đựng đấu tố không? Sự lo lắng đó quấn chặt lấy mỗi con người chúng tôi…

Phía chân trời, bóng tịch dương sắp rụng. Cái bóng đen ngòm nặng nề ấy lập tức bao trùm lên mặt đất. Ôi cái đêm đen thăm thẳm, đến một ngôi sao cũng chẳng nhìn ra được…

Ở ngõ Đông Giao Dân, Đặng Tiểu Bình gặp Uông Đông Hưng. Uông Đông Hưng đã nói những chuyện có liên quan tới ông và hỏi có phải ông đã ngồi ô-tô đến Thiên An Môn để “chỉ huy”. Đặng Tiểu Bình nói chỉ có một lần ông đi ô-tô đến khách sạn Bắc Kinh (Bắc Kinh phạn điếm) để cắt tóc, đâu phải chuyện đi “chỉ huy”.

Uông Đông Hưng cho người đi đón Trác Lâm tới; đợi sau khi Trác Lâm đã tới, Uông Đông Hưng nói với Đặng Tiểu Bình rằng có thể có người tới đột kích ông, không nên đi ra ngoài, có đi dạo cũng chỉ quanh quẩn trong sân nhà thôi.

Sau khi trò chuyện với Đặng Tiểu Bình xong, Uông Đông Hưng rời khỏi ngõ Đông Giao Dân, quay trở về Trung Nam Hải báo cáo mọi việc vừa làm với Mao Trạch Đông.

Khi Uông Đông Hưng làm xong mọi việc đúng ý kiến của Mao Trạch Đông, quay trở về đại lễ đường Nhân dân, trời cũng đã tối. Trong thời gian đó, Bộ Chính trị cũng đã thông qua được “hai nghị quyết”, đem báo cáo với Mao Trạch Đông, cũng đã được Mao Trạch Đông phê chuẩn. Lúc đó, những người dự hội nghị cũng đã ăn xong cơm tối, hội nghị chuyển sang sảnh Tô Châu tiếp tục họp. Giang Thanh và một số người hỏi Uông Đông Hưng về việc đi gặp Đặng Tiểu Bình ra sao? Uông Đông Hưng cứ theo đúng sự thực trả lời: Đặng Tiểu Bình chỉ đi đến khách sạn Bắc Kinh một lần để cắt tóc. Trương Xuân Kiều không hài

lòng, đòi Uông Đông Hưng phải viết tường thuật. Uông Đông Hưng nổi cáu lên, nói: “Bảo các người đi, các người chẳng ai chịu đi. Tôi không viết tường thuật. Bận sau đừng có bảo tôi đi nữa, các người tự đi lấy”. Uông Đông Hưng làm đúng những lời Mao Trạch Đông đã dặn dò, nên không mang chuyện Đặng Tiểu Bình đã di chuyển tới ngõ Đông Giao Dân ra nói với bất kỳ người nào. Về sau, trong những hội nghị của Bộ Chính trị, Giang Thanh có nhắc tới mấy lần nói: “Không biết Đặng Tiểu Bình đi đâu, đã có người tới chỗ lão ta ở để xem, nhưng không thấy lão ta có nhà”. Xem ra, sau đó lũ bốn tên sai người đi “đột kích” Đặng Tiểu Bình là có thật.

Tám giờ tối ngày 7/4/1976, đài phát thanh Nhân dân Trung ương đưa tin ra toàn quốc rằng: Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua hai nghị quyết. Nội dung của nghị quyết thứ nhất là: “Căn cứ vào đề nghị của Mao Chủ tịch lãnh tụ vĩ đại, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhất trí thông qua: “Đồng chí Hoa Quốc Phong nhậm chức Phó Chủ tịch thứ nhất của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”. Nội dung của nghị quyết thứ hai là: “Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thảo luận về sự kiện phản cách mạng xảy ra tại quảng trường Thiên An Môn, cùng với những biểu hiện gần đây của Đặng Tiểu Bình, thấy rằng tính chất của vấn đề Đặng Tiểu Bình đã trở thành mâu thuẫn đối kháng. Căn cứ vào đề nghị của Mao Chủ tịch lãnh tụ vĩ đại, Bộ Chính trị nhất trí thông qua; bãi miễn hết tất cả mọi chức vụ trong cũng như ngoài đảng của Đặng Tiểu Bình, giữ lại đảng tịch, để xem xét sau”.

Ngày 8/4/1974, báo *Nhân dân* và tất cả các báo chí chủ yếu trên toàn quốc đều in trên trang nhất hai nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, và toàn văn bài sự kiện chính trị phản cách mạng tại quảng trường Thiên An Môn. Một phong trào nhân dân đáng cười đáng khóc đã xảy ra tại quảng trường Thiên An Môn, Bắc Kinh, thủ đô nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc, hoàn toàn bị đàn áp. Những hoạt động truy điệu Chu Ân Lai trong toàn quốc cũng hoàn toàn bị đè bẹp, sập xuống. Đặng Tiểu Bình, một con người đã từng mang lại cho nhân dân Trung Quốc những hy vọng mới, cùng với những đồng chí kề vai sát cánh chiến đấu với ông, lại bị đánh đổ thêm một lần nữa. Lũ bốn tên cùng những con tốt của chúng ngang dọc hoành hành, khiến cả nước chìm vào trong một cuộc khủng bố trắng. Tuy những hoạt động truy điệu và phản kháng bị đàn áp, nhưng trong những năm tháng gió dập mưa vùi đó, trong lòng mỗi người vẫn có một ngọn lửa chính nghĩa bừng bừng cháy, không gì có thể

dập tắt nó đi được. Ngày 7/4/1974, khi buổi phát thanh về hai nghị quyết vừa tắt sóng, ở Cục sự nghiệp phát thanh Trung ương đã có ngay một cán bộ lập tức múa bút viết hai biểu ngữ lớn "Bọn Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên (sói độc) chống đối Thủ tướng Chu Ân Lai sẽ không có lối thoát, chết cũng chẳng được yên", "Đả đảo Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên, Trương Xuân Kiều". Một tiểu đoàn phó bộ đội Bắc Kinh, dán một bài báo chữ nhỏ lên cây bạch dương ở ngã tư đường phố gần doanh trại của mình, nhiếc mắng Giang Thanh, Trương Xuân Kiều cùng những kẻ giả chủ nghĩa Mác-Lê khác, tán dương "Phó Chủ tịch Đặng Tiểu Bình là người thiết thân của chúng tôi", hiệu triệu mọi người hãy học tập những người anh hùng trên quảng trường Thiên An Môn. Học viện ngoại ngữ số hai ở Bắc Kinh cũng dán biểu ngữ lớn "Kẻ nào chống đối Thủ tướng Chu Ân Lai sẽ sống mái với kẻ đó", "Đả đảo Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên".

Sau khi các báo lớn in hai "nghị quyết" ra, sáng sớm ngày 8, ở Thượng Hải, có một thanh niên công nhân đã đem một lá cờ bằng lụa trắng trên đó có khâu ảnh Chu Ân Lai cùng những lời điếu văn, buộc vào dây cột cờ ở giữa quảng trường Nhân dân rồi từ từ kéo cao lên tận đỉnh cột cờ. Một thanh niên công nhân ở Quảng Châu có thư gửi tới báo *Nhân dân* và tạp chí *Cờ đỏ,* trong thư viết một khẩu hiệu: "Ủng hộ Đặng Tiểu Bình! Đả đảo Trương Xuân Kiều! Đả đảo Diêu Văn Nguyên! Đả đảo Giang Thanh! Thủ tướng Chu Ân Lai kính yêu sống mãi trong lòng nhân dân cách mạng!" Bắt đầu từ ngày 8, báo *Nhân dân* tới tấp nhận được những cú điện thoại và thư tín phản đối "tin tức" bóp méo sự thật Sự kiện Thiên An Môn. Trong thư nhân dân vẫn tiếp tục truy điệu Chu Ân Lai, tiếp tục vạch tội lũ bốn tên, tiếp tục bày tỏ sự ủng hộ Đặng Tiểu Bình tới tối đa.

Sau Sự kiện Thiên An Môn, về bề nổi mà nói đó là sự thắng lợi của lũ bốn tên cùng chân tay nanh vuốt, những cuộc đấu tranh kháng nghị của nhân dân đã bị đàn áp. Nhưng đắc chí một thời đâu đã phải là tiêu biểu cho thắng lợi cuối cùng. Lũ bốn tên có thể đắc ý đến vênh váo, rồi đến khi tĩnh lắng lại, suy nghĩ kỹ trước sau, cũng nhận ra được còn có khá nhiều vấn đề đang ẩn náu ở những tầng sâu hơn.

Thứ nhất: kết quả của Sự kiện Thiên An Môn là sự suy tính rất kỹ càng, cẩn thận của Mao Trạch Đông, sau đó mới chính thức xác lập Hoa Quốc Phong làm người kế cận của mình. Mặc dù lũ bốn tên chạy đông chạy đoài, bận rộn trăm công nghìn việc, mà cuối cùng vẫn là việc chỉ đi "may áo cưới cho người". Quyết định của Mao Trạch Đông làm cho lũ bốn tên ngã ngửa ra, bất mãn. Thứ hai: Đặng Tiểu Bình, kẻ thù chính trị "truyền kiếp", tuy cuối cùng cũng bị đánh

đổ, nhưng một điều không sao tưởng tượng nổi là đến như vậy rồi, mà Mao Trạch Đông vẫn cho Đặng Tiểu Bình "giữ lại đảng tịch", mà lại còn để xem xét sau, vẫn lưu lại một chút "tình riêng" như thế. Quyết định đó của Mao Trạch Đông rõ ràng đã đem tới cho lũ bốn tên thêm rất nhiều "tâm bệnh". Thứ ba: Phong trào đại quy mô của quần chúng tại quảng trường Thiên An Môn về bề nổi tuy đã bị đàn áp xong, nhưng sự thể không phải vì thế mà đã gọi được là sóng yên biển lặng, bởi trên toàn quốc các loại "sự kiện" vẫn rầm rộ nảy nở, khiến cho bọn họ hết sức bàng hoàng, ăn ngủ không yên. Đối với lũ bốn tên mà nói, bảo rằng thắng lợi, quả là còn quá sớm. Trước mắt đã nhìn thấy Mao Trạch Đông càng ngày càng đi gần tới cõi chết, thời gian chẳng chịu đợi ta. Lũ bốn tên biết rõ hơn ai hết rằng cần phải nắm chặt lấy thời gian, cần phải tiếp tục tăng cường đấu Đặng Tiểu Bình, cần phải tiếp tục tăng cường đàn áp, song điều quan trọng nhất là làm sao nhanh chóng đoạt được quyền bính. Một khi đại quân đã nắm được trong tay, thì, thì… thì nào là Đặng Tiểu Bình, nào là Hoa Quốc Phong, nào là hoạt động phản kháng, tất cả, tất tật… chẳng còn điều gì phải nói nữa.

Sau Sự kiện Thiên An Môn, lũ bốn tên đẩy mạnh những hành động cuối cùng là đoạt quyền. Trước hết, họ tiếp tục thổi cho bùng to hơn cuộc phê phán đại quy mô Đặng Tiểu Bình trên toàn quốc. Trên báo chí toàn quốc họ liên tục cho đăng những bài báo "phê phán Đặng Tiểu Bình", ở Bắc Kinh tiếp tục mở những đại hội hàng vạn người tham dự, trong phạm vi toàn quốc họ cưỡng bức quần chúng phải tiếp tục "phê phán Đặng Tiểu Bình". Tiếp đó họ truy xét, bắt bớ những người tham gia và những người chỉ huy Sự kiện Thiên An Môn, tra xét bắt bớ những người tung "tin đồn", những người truyền tụng "ca dao", đem xét xử các vụ án "phản cách mạng". Cơ quan, trường học, công xưởng, nông thôn nơi nơi đều phải tiến hành "truy xét". Chỉ trong một thời gian ngắn mà người người bị truy xét, người người phải khai báo, thẩm vấn, trên cả nước là một màn khủng bố trắng. Cùng lúc đó, họ vẫn tiếp tục bắt những người tham gia tiến hành một cuộc đàn áp đại quy mô. Những kẻ thân tín của lũ bốn tên trong Sở Công an thành phố Bắc Kinh đã thu được 583 văn bản gốc các bài thơ, bài từ và điếu văn, cưỡng bức quần chúng giao nộp những bức ảnh chụp điếu văn, những bức ảnh chụp hiện trường, tất cả lên tới hơn mười vạn tám nghìn tấm. Lũ bốn tên chọn từ trong số đó ra hơn sáu trăm tấm ảnh quan trọng, biên tập thành một tập sách: "Tập chứng cứ tội lỗi sự kiện phản cách mạng tại quảng trường Thiên An Môn", rồi thêm dấm thêm ớt, tổng kết lập ra 1.984 vụ án, tính cả việc bắt bớ trong khi xảy ra Sự kiện Thiên An Môn và sau đó, số quần chúng bị bắt giam lên tới 388 người. Còn những người gọi là bị cách ly, làm rõ, nói chuyện trong khi tra xét, là

một con số không thể tính toán được, chỉ riêng tại thành phố Bắc Kinh, những người liên quan bị gọi tới là con số tính bằng vạn.

Áp lực lớn về chính trị trong cuộc đại phê phán, đại trấn áp của lũ bốn tên không khuất phục nổi những người đã được thức tỉnh, họ vẫn dùng phương thức có thể có được của mình, tiếp tục truy điệu Chu Ân Lai, chống lại việc phê phán Đặng Tiểu Bình, chống lại cuộc truy xét, phản đối những hành động tàn bạo của lũ bốn tên.

Đại địa Thần Châu chìm ngập dưới sự khủng bố trắng nhưng ngọn lửa phản kháng vẫn bất khuất bừng bừng cháy.

Sóng gió không sờn

Trong ngôi nhà số 17 ngõ Đông Giao Dân, cha mẹ tôi lại thêm một lần nữa bị giam cầm. Lần cấm cố này, vừa mang tính bảo vệ, vừa mang tính xử lý chính trị.

Ngày 7/4, hai nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc được phát thanh. Ngày 8 cha tôi liền viết thư gửi Uông Đông Hưng, trong thư ông trình bày với Trung ương Đảng và Mao Trạch Đông: Thứ nhất, ủng hộ Hoa Quốc Phong là Phó Chủ tịch thứ nhất của đảng và làm thủ tướng Quốc vụ viện. Thứ hai, ông tỏ lòng cám ơn với việc giữ lại đảng tịch cho ông. Sau khi xảy ra cơn cuồng phong chính trị kinh hồn bạt vía này, Mao Trạch Đông đã xác lập Hoa Quốc Phong vào vị trí kế cận, mà không đem đại quyền về đảng, về chính quyền, về quân đội giao cho lũ bốn tên. Với quyết định quan trọng có liên quan tới tiền đồ vận mệnh của đất nước Trung Quốc này của Mao Trạch Đông, cha tôi thực lòng ủng hộ. Thử nghĩ xem, nếu sau khi xảy ra Sự kiện Thiên An Môn, Mao Trạch Đông đem giao quyền bính cho lũ bốn tên, thì cả đảng và đất nước phải đứng trước một hiểm cảnh khó thể tưởng tượng ra được, nhân dân quần chúng chúng ta sẽ đắm chìm vào một tai nạn thăm thẳm. Trong khi cận kề với cái chết, Mao Trạch Đông còn giữ được một chút tỉnh táo, không thể không nói rằng thật vô cùng may mắn trong bất hạnh.

Khi Cách mạng Văn hóa đánh đổ Đặng Tiểu Bình lần thứ nhất, Mao Trạch Đông bảo lưu đảng tịch cho Đặng Tiểu Bình. Trong lần thứ hai bị đánh đổ này Mao Trạch Đông vẫn bảo lưu đảng tịch cho Đặng Tiểu Bình. Thái độ của Mao Trạch Đông với Đặng Tiểu Bình, rõ ràng là vô cùng phức tạp. Trước cuộc Cách mạng Văn hóa, Mao Trạch Đông đã xác định, Đặng Tiểu Bình là một trong những người kế cận, trong Cách mạng Văn hóa lại phục hồi công tác cho Đặng Tiểu Bình và lại sắp xếp vào hàng ngũ những người kế cận. Điều đó chứng tỏ rằng, Mao Trạch Đông nhận thấy Đặng Tiểu Bình có tư tưởng chính trị vững vàng, một nhân tài khó kiếm, biết đánh giặc nên ông ta quý trọng và gửi gắm nhiều hy vọng. Nhưng chỉ vì cách đánh giá Cách mạng Văn hóa của Đặng Tiểu Bình lại khác chiều ngược lối với Mao Trạch Đông, điều đó khiến Mao Trạch Đông không thể không thất vọng. Loại thất vọng này rất buồn phiền, rất đau đớn, thậm chí là bi thương nữa. Đặng Tiểu Bình sau khi được phục hồi công tác, tiến hành chỉnh đốn toàn diện, thực tế là dùng hành động, phủ nhận Cách mạng Văn hóa. Do đó Mao Trạch Đông phê bình Đặng Tiểu Bình, song lại không nghĩ

sẽ đánh đổ Đặng Tiểu Bình lần thứ hai. Mao Trạch Đông vẫn giữ một lối suy nghĩ cho rằng Đặng Tiểu Bình sẽ thừa nhận "sai lầm", sẽ hồi tâm chuyển ý. Thật không ngờ rằng, thái độ của Đặng Tiểu Bình lần này so với hồi đầu Cách mạng Văn hóa lại khác nhau đến thế. Trong tình thế ấy, lại nảy sinh ra Sự kiện Thiên An Môn, cơn phong ba chính trị kinh hồn bạt vía, trong tình thế đó, Mao Trạch Đông phải đưa ra quyết định đánh đổ Đặng Tiểu Bình một lần nữa. Cùng với việc đưa ra quyết định đánh đổ Đặng Tiểu Bình, ông ta lại thêm một lần nữa bảo vệ Đặng Tiểu Bình, tránh việc hạ độc thủ của lũ bốn tên, đồng thời cũng lại thêm một lần nữa giữ lại đảng tịch cho Đặng Tiểu Bình. Có lẽ Mao Trạch Đông tự biết rằng, "đại hạn" của ông ta không còn xa xôi gì nữa, trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời mình, ông đã dùng một cách thức rất đặc thù, cố tình lưu giữ lấy Đặng Tiểu Bình. Với sự từng trải cuộc đời hơn 80 năm, với kinh nghiệm chính trị hơn nửa thế kỷ, ông ta hoàn toàn biết rằng, Trung Quốc sau khi ông ta chết, không những không phải là một đất nước "thái bình thịnh trị", mà còn có cuộc ác đấu chính trị vô cùng to lớn. Có thể ông ta cũng nghĩ tới rằng, cuộc ác đấu đó sẽ xảy ra giữa Hoa Quốc Phong v.v… và lũ bốn tên. Cuộc ác đấu đó sẽ kết thúc ra sao, thực tại là chuyện thế sự khó bàn. Có lẽ, chỉ là có lẽ, đó là cái có lẽ không biết được, là cái có lẽ Mao Trạch Đông nhìn không ra, nhưng bằng vào cái có lẽ này, Mao Trạch Đông đã đưa ra quyết định bảo lưu đảng tịch cho Đặng Tiểu Bình. Trong những năm tháng không sao suy đoán được tương lai ấy, Đặng Tiểu Bình bằng vào phẩm cách đặc biệt độc đáo, bằng vào sinh mệnh chính trị quật cường của mình, ông sẽ không chịu chìm nghỉm mất tăm, có lẽ rồi đến một giờ phút nào đó, trong một hoàn cảnh, một điều kiện đặc biệt nào đó, lịch sử còn có thể giao phó cho ông một cơ hội, thắp lại được ngọn lửa sinh mệnh chính trị không bao giờ tắt của ông. Quyết định của Mao Trạch Đông giữ lại đảng tịch cho Đặng Tiểu Bình, đã có tác dụng phục hồi công tác một lần nữa đối với Đặng Tiểu Bình duy không phải là yếu tố quyết định, nhưng cũng không thể xem thường.

Đối với cha tôi mà nói, quyết định của Mao Trạch Đông vừa đánh đổ ông lại vừa giữ lại ông có thể đã nằm ngoài dự kiến của ông. Phục hồi sau Cách mạng Văn hóa, ông đã hoạt động quá nhiều, thái độ của ông lại không chịu thỏa hiệp. Sau Sự kiện Thiên An Môn, ông vốn đã chuẩn bị cho hoàn cảnh xấu nhất của mình, không ngờ, khi bước tới cửa quan cuối cùng, Mao Trạch Đông lại bỗng nhiên giữ lại cho ông đảng tịch. Đối với Mao Trạch Đông, cha tôi hiểu rất rõ ông ta. Trong toàn bộ quá trình sử dụng ông, phê phán ông, cho đến hạ bệ ông, không phải không có sự băn khoăn trăn trở, quặn đau chín khúc, theo đúng bản tính của Mao Trạch Đông, rồi mới đành ôm mối thất vọng không có gì cứu vãn nổi đối xử với ông. Cha tôi hoàn toàn thông hiểu rằng, sau khi phục hồi công tác,

nếu như ông có thể "xu thời" một chút, Mao Trạch Đông sẽ hoàn toàn bảo vệ ông. Nhưng trong giờ phút phải đương đầu với quốc nạn ấy, làm sao ông lại có thể cố giữ lấy thân mình, mà bỏ mất cơ hội ngăn cơn sóng dữ, làm sao có thể chỉ vì sự an nguy của bản thân mình mà vứt bỏ chính nghĩa và nguyên tắc. Ông không hề do dự, chọn lấy con đường không có lối trở về, đầy phong ba bão tố. Đến bây giờ tuy đã lại bị đánh đổ một lần nữa, tuy ngày ngày vẫn phải nhận lấy những trận phê phán om sòm, nhưng lòng ông thảnh thơi, yên ổn. Ông làm tất cả những điều cần phải làm, ông được nhân dân toàn quốc ủng hộ và yêu mến, ông không phải tự thẹn với lòng mình trên cõi đời này.

Trong hoàn cảnh chẳng lấy gì làm xa lạ ở số nhà 17 ngõ Đông Giao Dân, trong tình trạng cách ly hoàn toàn với những tiếng ý ới của người nhà, con cái, cha mẹ tôi lại dựa vào nhau bắt đầu một cuộc sống giam cầm thêm một lần nữa. Lúc ban đầu, hai ông bà già tự quét dọn nhà cửa, giặt giũ áo quần và tự tay cơm nước, Đằng Hòa Tùng, người phụ trách bảo vệ, mua giúp cho rau gạo. Sau mấy hôm, Đằng Hòa Tùng, qua thỉnh thị, đã tìm bác Lý, vốn là đầu bếp cũ của gia đình tôi tới. Từ đó về sau ngày ngày bác Lý tới ngõ Đông Giao Dân làm giúp cha mẹ tôi hai bữa cơm trưa, tối. Cha mẹ tôi không phải tự nấu lấy cơm nữa, nên cũng thảnh thơi được nhiều. Sau nữa, theo yêu cầu của cha mẹ tôi, Cục Bảo vệ lại cho một người họ hàng là Đặng Chí Thanh, vốn là người trông trẻ trong nhà chúng tôi tới ngõ Đông Giao Dân để giúp cha mẹ tôi một số công việc quét dọn, giặt giũ. Sau khi Đặng Chí Thanh tới, tại ngôi nhà số 17 ở ngõ Đông Giao Dân, cha mẹ tôi không những chỉ có một người giúp việc mà còn có thêm cả hai người. Nhân viên bảo vệ có bốn người, Đằng Hòa Tùng là người có nhiều thâm niên ở Cục Bảo vệ, trước đây đã từng đi công cán với cha tôi, rất quen thuộc với gia đình nhà tôi, và cũng rất có cảm tình với cha tôi. Ông là người phụ trách ở đây, ngoài công tác bảo vệ an toàn ra, ông còn phụ trách trông nom đời sống cho vợ chồng Đặng Tiểu Bình, mua rau, lấy thuốc, khám bệnh, kể cả việc chuyển thư từ giúp Đặng Tiểu Bình, giúp được không ít công việc trong ngôi nhà ấy. Vì trước kia đã từng quen biết, nên cha mẹ tôi rất tin tưởng Đằng Hòa Tùng. Những việc trong đời sống nhờ ông giúp, chẳng nói làm gì, đến việc đưa thư cho Trung ương, việc liên quan tới chính trị, cha tôi cũng đều nhờ Đằng Hòa Tùng giúp đỡ.

Ở ngõ Đông Giao Dân, tuy phải sống trong nghịch cảnh, cha tôi vẫn giữ đúng quy luật thức dậy hằng ngày, ông dùng phương pháp trấn định tâm linh để đối phó với cuộc sống gian khổ khô cằn, cô quạnh. Ngọn sóng "phê phán Đặng Tiểu Bình" mỗi ngày một dâng cao, mở báo chí, bật máy thu thanh, tất cả đều chỉ là những lời gào thét, "phê phán Đặng Tiểu Bình". Đối với những lời huyên náo

hỗn tạp inh tai nhức óc mỗi ngày một nâng cấp, cha tôi nghe vô tư, không thèm chấp. Sau khi công bố "hai nghị quyết", gia đình tôi ở phố Rộng nhận được thông báo, tất cả mọi người đều không được tự động đi ra khỏi nhà (ngay đến trường học văn hóa cũng không được phép), mà phải mở "lớp học tập" ở ngay nơi cư trú. Ban thư ký của Văn phòng Trung ương cử hai nhân viên tới phố Rộng, tổ chức "lớp học" cho chúng tôi. Trong khu nhà chúng tôi, ngoài gia đình nhà tôi ra, còn có thư ký Vương Thụy Lâm, nhân viên bảo vệ Trương Bảo Trung, lái xe Trình Vân Cửu, ông cần vụ già Ngô Hồng Tuấn, cùng những nhân viên công tác cũ. Họ bắt chúng tôi tập trung "học tập phê phán", hằng ngày chúng tôi theo đúng giờ, tập trung. Nội dung đầu tiên của "lớp học" là để chúng tôi cùng vạch tội cha tôi và bắt buộc mỗi người phải nói cho thật rõ ràng là khi xảy ra Sự kiện Thiên An Môn, có lúc nào đi tới quảng trường Thiên An Môn không. Mục đích của cuộc truy vấn truy xét này rất rõ ràng, dễ thấy, tức là, "tổng hậu đài" Đặng Tiểu Bình của Sự kiện Thiên An Môn có thông qua con cái đến Thiên An Môn để "chỉ huy" không. Với cuộc truy vấn truy xét này, chúng tôi kiên quyết chống lại, tất cả mọi người, bất kể là có tới Thiên An Môn hay không, đều chỉ một mực trả lời rằng: Không đi tới đó. Chúng tôi nói rằng, không những chúng tôi không ai đi, mà cha tôi đã từng ra lệnh rất dứt khoát cấm không một ai trong nhà được phép lai vãng tới đó. Tất cả những người tham gia "lớp học tập", bất kể là người trong gia đình hay nhân viên công tác thái độ đều rất kiên quyết, chúng tôi hiểu được sự nghiêm trọng của vấn đề, nên tuyệt đối không để một kẽ hở nào cho chúng có thể lợi dụng được, những ngày xét hỏi từng người cũng đã xong, khi hết phần truy vấn truy xét, liền bước sang cuộc "học tập phê phán" hàng ngày. Mười năm Cách mạng Văn hóa tiến hành đấu tranh giai cấp, cũng tức là học tập phê phán, ngày ngày học, năm năm tập, ngày ngày phê, năm năm phán, tất cả mỗi người chúng tôi đều đã trở thành "vận động viên", chúng tôi sớm đã thuộc làu làu những ngôn ngữ cùng "kỹ thuật phê phán" và "học tập"! Cần nói rằng, Cách mạng Văn hóa quả thật là một "cái lò tôi luyện" con người. Quanh năm suốt tháng phê phán đi, phê phán lại, làm cho tất cả mọi người đều thành tinh. Cha tôi bị đánh đổ lần này, chúng tôi đã chuẩn bị đầy đủ về tinh thần, và cũng sớm có cho mình thái độ "bằng bất cứ giá nào", do đó mà bảo phê phán thì phê phán, bảo nói thì cứ nói, mọi người đều sẵn sàng ứng phó với mọi chuyện. Trong khi hội họp, người này bảo cần vào toa lét, người kia lại bảo con quấy khóc cần đi dỗ, cũng có người bảo, giờ ăn tới rồi, đi ăn thôi, mọi người đều tìm hết cớ này đến cớ khác để chuồn khỏi đó trong chốc lát. Chỉ cần nghĩ qua cũng biết, học tập như thế quả là một trò cười. Trong cái lớp "học phê phán" rất nghiêm túc ấy, cũng có đến lắm trò vui. Có một lần đến lượt nhân viên bảo vệ

Trương Báo Trung nói. Anh tỏ vẻ rất nghiêm trang, trước hết là nhấp mấy hớp nước, húng hắng ho mấy tiếng lấy giọng, sau đó mới phê. Anh nói rất nhiều, nước uống cũng nhiều, lời còn chưa nói hết, nước đã cạn. Rồi anh cứ tiếp tục nói, vừa nói vừa đi ra giữa nhà rót thêm nước. Hạ Bình ngồi bên cạnh anh, nhìn thấy một sợi len của chiếc quần anh mặc trong thòi ra bên ngoài quần ngoài. Nhân lúc anh đi rót thêm nước, Hạ Bình bèn nhè nhẹ túm lấy sợi len ấy, rồi nhè nhẹ kéo, kéo dần kéo dần từng tý một. Càng kéo sợi len tuột càng dài. Một sợi len dài thườn thượt, sợi len lủng lẳng sau lưng anh như một cái đuôi. Tất cả mọi người có mặt đều nhìn thấy, nhưng chỉ riêng anh vẫn chẳng biết gì, vẫn cứ vừa đi rót nước, vừa nói thao thao bất tuyệt. Những người tham dự lớp học vốn mang bộ mặt cực kỳ nghiêm túc, nhưng thấy thế, không nhịn được cười, nên cùng cười lên ha hả. Trận cười ấy, ôi chao tất cả những gì gọi là "học tập", những gì gọi là phê phán đều bay vút lên tận chín tầng mây. Tất cả mọi người vẫn cứ cười, cười nghiêng cười ngửa, cười đến đau thắt cả bụng. Chúng tôi cười một trận thật sảng khoái, bởi thật khó mà có một cơ hội được cười đùa bỡn cợt dưới cái bầu không khí áp đặt chính trị ấy. Thái độ chống đối kiểu như thế đã thể hiện đầy đủ sự khinh miệt của chúng tôi đối với việc "phê phán Đặng Tiểu Bình". Những nhân viên công tác, phụ trách tổ chức "lớp học tập" cho gia đình Đặng Tiểu Bình trong khoảng gần mười ngày, rồi cũng biến mất tăm mất dạng. Trong khi có "lớp học" trong nhà, không ai trong số chúng tôi được phép ra khỏi nhà, lương thực, thực phẩm, rau cỏ, nói chung đều nhờ người mua về hộ, chỉ cần mọi người được no cái bụng là chẳng còn vấn đề gì. Song trứng gà lúc ấy chỉ được cung cấp theo định lượng, bình thường cũng đã rất khó kiếm, huống hồ vào lúc đó. Trong nhà có hai đứa trẻ, Miên Miên bốn tuổi và Manh Manh hai tuổi, không có lương ăn, biết tính sao đây? Có một hôm, Vương Thụy Lâm len lén gọi tôi vào phòng làm việc của ông. Ông đưa cho tôi một chiếc hộp giấy đựng giầy. Tôi cầm lấy chiếc hộp, thấy nặng nặng. Mang về phòng riêng, mở ra, một hộp đầy trứng gà. Thì ra Vương Thụy Lâm thấy hai đứa nhỏ không có trứng gà ăn, ông đã đem toàn bộ số trứng gà, phát cho ông ăn đêm khi còn làm việc, mang đến cho chúng tôi.

Ở trong nhà này, hai đứa cháu nhỏ được cha mẹ tôi cùng cả nhà cưng chiều, yêu quý nhất. Cha tôi bị đánh đổ, những người lớn chúng tôi cũng chẳng làm sao, dù sao cũng chỉ giống như cha mẹ tôi, chúng tôi đã chẳng tính đến tính mạng của mình từ lâu rồi. Nhưng trong nhà còn có hai đứa bé, vạn nhất mà những người lớn chúng tôi có mệnh hệ nào, hai đứa trẻ này sẽ ra sao. Thường ngày chúng tôi nhìn hai đứa trẻ chưa hiểu một chút lẽ đời này tung tăng nhảy nhót, mà thấy lòng như thắt lại. Đặng Lâm và Đặng Nam đã có lúc nói: "Chúng ta sống trong gia cảnh này, quả thật là không nên sinh con". Hai bà chị tôi đã

từng bàn bạc với nhau, nếu tình hình còn xấu thêm đi nữa, sẽ nghĩ cách đem gửi con về quê, hoặc nơi người họ hàng nào đó. Người lớn, dù sao cũng chẳng kể gì, song dù trong bất cứ tình huống nào cũng phải bảo vệ lấy tính mạng cho những đứa trẻ. Trong cái thời buổi gió táp mưa sa, đe dọa rập rình, lũ chúng tôi, những đứa con của Đặng Tiểu Bình, có thể bị bắt vào bất cứ lúc nào.

Cha tôi bị đánh đổ, bằng vào cả chuỗi kinh nghiệm của Cách mạng Văn hóa, chúng tôi biết rằng, chẳng bao lâu nữa, chúng tôi sẽ bị tống cổ ra khỏi căn nhà ở phố Rộng này. Nên ngay từ khi có "lớp học tập", chúng tôi đã thu vén, nhặt nhạnh đồ đạc trong những giờ nghỉ. Quả nhiên, chẳng bao lâu sau, một cán bộ trong Văn phòng Trung ương đã tới "lớp học tập" của chúng tôi, thông báo chúng tôi phải dọn ra khỏi ngôi nhà đó. Chúng tôi hỏi: "Dọn đi, chúng tôi ở vào đâu?" Người đó lạnh lùng, khô khốc đáp: "Ở đơn vị công tác, ở trường học. Tôi không biết". Đã có được sự "tôi luyện rèn giũa" trong Cách mạng Văn hóa, chúng tôi đã quyết một lòng, không biết sợ là gì. Bọn họ hung hăng, chúng tôi còn hung hăng hơn bọn họ. Bọn họ lắm điều, chúng tôi còn đanh đá hơn họ. Chúng tôi cũng to tiếng quát nạt: "Chúng tôi còn có trẻ con, còn có bà chúng tôi, đơn vị công tác của chúng tôi không phân nhà cho chúng tôi. Bắt chúng tôi dọn nhà, đâu có chuyện dễ thế. Phải tìm chỗ cho chúng tôi ở, mà phải là một ngôi nhà đủ chỗ cho tất cả mọi người trong gia đình! Nếu không tìm nhà cho chúng tôi, chúng tôi quyết không dọn đi đâu hết. Nếu không tin, các anh cứ thử coi, thử xem các anh có dám trói cả nhà chúng tôi lại mà dắt đi không?" Nhớ lại năm 1967, khi đuổi chúng tôi ra khỏi Trung Nam Hải, chúng tôi chỉ có vài ba người, mà lại là lũ học trò mới mười mấy tuổi đầu nên cung cúc răm rắp nghe theo mệnh lệnh xua đuổi của bọn chúng. Bây giờ chúng tôi đã có ngót mười người, người nào cũng cao lớn đẫy đà, lại có đầy kinh nghiệm "thể thao", muốn đuổi chúng tôi đi, đâu có chuyện dễ dàng như họ tưởng! Trong thời gian Cách mạng Văn hóa, những người nhà trong nhà chúng tôi giống như những chiếc lá vàng mùa thu bị những cơn lốc cuốn đi tứ tán khắp nơi, nếm đủ mọi nỗi cơ khổ trên cõi đời này, rồi đến hôm nay, chúng tôi lại bị đuổi đi, nghĩ tới những điều đó, trái tim chúng tôi bùng lên mọi mỗi bi thương và thù hận. Chúng tôi cãi lộn với những người của Văn phòng Trung ương, cãi lộn từ trong nhà ra tới sân, cãi lộn từ ngoài sân trước đến sân sau, cãi lộn cho ra đến tận phố sát cửa nhà, Đặng Lâm, Đặng Nam và tôi vừa chảy nước mắt vừa lớn tiếng tranh cãi. Thấy chúng tôi quá xúc động, những anh chiến sĩ Giải phóng quân đứng gác bên ngoài cũng nhìn chúng tôi bằng cặp mắt cảm thông. Những người của văn phòng Trung ương thấy chẳng làm gì được hơn, nên cũng đành lặng lẽ biến. Cuộc đấu tranh tuy tạm thời có thắng lợi, nhưng chúng tôi biết rằng, sớm muộn gì chúng tôi

cũng phải cút khỏi ngôi nhà này. Ngay tối hôm đó, chúng tôi vội vã thu xếp nhặt nhạnh đồ đạc, chuẩn bị. Quả nhiên khi "lớp học tập" vừa kết thúc, chúng tôi nhận được thông báo, tổng cục quản lý của Văn phòng Trung ương đã tìm được cho chúng tôi một căn nhà nhỏ trong ngõ Dục Quân, phía sau nhà triển lãm Mỹ thuật, hạ lệnh cho chúng tôi, bắt buộc trong ba ngày phải dọn đi. Thời hạn ba ngày là cái quái gì mới được chứ, chúng tôi đã chẳng từng có kinh nghiệm phải "cút đi" trong hai giờ đồng hồ rồi đó sao. Ba ngày, thừa sức. Chúng tôi đã có nhiều kinh nghiệm dọn nhà, tất cả chúng tôi bắt tay vào việc, nhanh cực kỳ. Mọi người đều bận rộn thu xếp đồ đạc, nhưng còn hai tên oắt thì tính sao đây?

Vào đúng lúc đó, thật may, tôi có người anh em họ tên là Chàng Béo, đến Bắc Kinh chữa bệnh đang ở nhờ trong nhà chúng tôi, chúng tôi liền giao hai đứa trẻ cho anh có nhiệm vụ trông nom. Chàng Béo là con trai của cô hai tôi, tên cúng cơm là Trương Hải Giang. Cái tên nghe ngang tàng khí phách thật đấy, nhưng lúc đó vẫn chỉ là một anh con trai mười sáu tuổi. Vậy là một đứa bé lớn trông hai đứa bé con, suốt ngày ngồi trên chiếc ghế mây đặt ở sân. Đứa bé lớn kể chuyện cổ tích, đứa bé nhỏ ngồi nghe. Đến lúc ấy cậu ta mới lộ chân tướng thật của mình, anh Chàng Béo, bình thường lầm lầm lì lì, im như thóc, vậy mà không biết lôi từ đâu ra lắm thứ chuyện thế, mỗi ngày, bắt đầu từ sáng kể chuyện tới đêm, cứ như có một kho chuyện vô tận vậy. Hai bà chị tôi khen anh chàng là tài giỏi, anh chàng đáp: "Thì còn có cách nào khác, toàn kể bịa lung tung ấy mà, vậy mà hai tên vẫn rất thích nghe". Thích nghe là được, bởi vì trong khi chúng tôi bận bịu đến quýnh chân quýnh tay, lại có được một lao động nhỏ bé trông nom chu đáo lũ trẻ, cũng là chuyện trời giúp. Lần này chúng tôi dọn nhà còn phiền toái hơn những lần trước rất nhiều. Bạn thử nghĩ xem, cha mẹ chúng tôi vắng mặt, trong khi lũ chúng tôi đều đã lấy chồng, có con, còn thêm đến mười mạng người. Vả lại, lần dọn nhà này, tất cả những thứ gì có thể mang đi được chúng tôi dọn cho bằng hết, không để lại một thứ gì cả. Chúng tôi tự ra lệnh cho mình đem hết những đồ đạc dụng cụ gia đình đi theo, nhưng cấp trên không đồng ý. Họ không đồng ý, song chúng tôi cũng không chịu kém, nên lại gây những vụ cãi lộn tung hoăng với bọn họ. Cuối cùng bọn họ đành phải cho chúng tôi mang theo những chiếc giường gỗ, cùng những đồ đạc cũ mà gia đình chúng tôi đã sử dụng từ những năm 50. Thời hạn dọn nhà cũng sắp hết, vội vã đến cơm cũng chẳng kịp ăn, ngủ cũng không thèm ngủ, mà cứ một mạch thu xếp mọi thứ. Cho đến tận đêm khuya mới chợt nhớ ra hai đứa trẻ giao cho Chàng Béo trông nom. Chạy ra sân xem, Chàng Béo vẫn còn ngồi nguyên đó kể chuyện cổ tích. Vội vàng bế hai đứa trẻ vào nhà, mới phát hiện ra rằng, vì ngồi ngoài sân suốt ngày, người hai đứa bé đen nhẻm đen nhèm, bẩn y như hai hòn than.

Hôm dọn nhà, chúng tôi thông thốc khênh vác mọi thứ gia tư của nả lên chiếc xe vận tải. Khi đã dọn dẹp hết, chúng tôi đứng ở sân nhìn lại ngôi nhà. Nhớ lại, chúng tôi đã sống trong ngôi nhà này được hai năm, khi chúng tôi mới dọn tới, sân vườn còn trụi thùi lụi, vậy mà bây giờ khắp nơi là cây xanh cỏ biếc và hoa tươi. Những giò hoa nguyệt quý chúng tôi trồng hai năm trước, bây giờ đang nở rộ, năm sắc khoe tươi. Chúng tôi không hẹn mà cùng thốt lên: "Hoa đẹp thế này, ta mang đi nốt". Thế là chúng tôi cùng nhau bắt đầu đào bới, chúng tôi tìm được một chiếc xe nhỏ bằng sắt chuyên dùng vào việc chở than, đào được gốc nào chúng tôi đặt lên gốc ấy. Xếp đầy xe là đẩy thẳng từ phố Rộng đến nhà mới của chúng tôi, chúng tôi đào hoa nguyệt quý, đào hoa ngọc trâm, đào hoa thược dược, từng chuyến từng chuyến chẳng nề hà gì, tất cả được vận chuyển tới ngõ Dục Quần.

Ngôi nhà mà Cục quản lý Bộ Tham mưu tìm cho chúng tôi ở ngõ Dục Quần là một ngôi nhà nhỏ nằm ở sân trước, còn ngôi nhà nằm ở sân sau là một vị lão Hồng Quân tên là Đàm Quán Tam ở. Ngôi nhà sân trước, có ba gian nhà chính ở phía bắc, với ba gian nhà ngang ở phía đông. So với hồi năm 1967, chúng tôi bị đuổi từ Trung Nam Hải về Phương Hồ Trai với hai gian phòng nhỏ thì đây sang trọng hơn nhiều. Khi chúng tôi lắp đặt xong giường chiếu, đồ đạc cũng xếp sắp xong, rồi tất cả lò bễ, nồi xoong chảo muôi thìa cũng bày đặt đâu vào đấy trong nhà bếp, ngôi nhà này, theo cách nói của người Bắc Kinh là tề toàn đầy đủ. Nhưng còn những cây hoa chúng tôi chẳng nề gian khổ chuyển từ phố Rộng về đây thì tính sao? Phi Phi lại giở vai trò lao động chính, trai tráng từ ngày đi cắm chốt ở nông thôn ra, cầm cái cuốc, nhảy ra giữa sân cuốc xới, chỉ một lát sau đã vun vén thành một vườn hoa ra trò. Phi Phi vừa vung cuốc cuốc đất, vừa vung tay lau mô hôi, vừa đọc mấy câu:

Ai làm cho gia đình giàu có.
Vinh quang thuộc về người đó.
Ai cam chịu phận nghèo khó,
Người đó là con gấu chó!

Câu đó là một câu nói, đang bị phê phán trong một bộ phim, vậy mà bây giờ Phi Phi lại đem nó dùng như một câu hò lao động. Trong mảnh sân chỉ bé bằng bàn tay của ngôi nhà trong ngõ Dục Quần, hoa nguyệt quý năm sắc, hoa ngọc trâm trăng thanh khiết như ngọc, cùng đua nở, khiến ai ai nhìn cũng lâng lâng thanh thản.

Trong cuộc Cách mạng Văn hóa, chúng tôi đã phải dọn nhà quá nhiều lần, nghĩ lại, những nơi chúng tôi đã trú chân thật chẳng khác nào những trạm dịch

dọc đường, mà những kẻ lang thang phiêu bạt lần lượt tạm dừng gót giang hồ một đêm trên con đường vô định của mình. Cho nên ngôi nhà nhỏ trong ngõ Dục Quần này chẳng qua cũng là một trạm dịch mới trên lữ trình chính trị, không nhìn thấy điểm cuối cùng. Khi chúng tôi đã tạm sống yên ổn trong ngôi nhà mới đó, vào những đêm sâu thanh tĩnh, tất cả mọi người trong nhà tôi đều nghĩ: Không biết cha mẹ tôi đã lưu lạc nơi đâu?

Dọn xong nhà, chúng tôi lại quay về với công việc thường nhật của mình, người đi làm, đi làm, người đi học, đi học. Khi đó trên toàn quốc đang bận rộn căng thẳng với việc "phê phán Đặng Tiểu Bình", với việc tra vấn, xét hỏi về Sự kiện Thiên An Môn. Đơn vị trường học của chúng tôi, công tác và học tập hoàn toàn ngừng hẳn, hàng ngày chỉ làm có một công việc duy nhất là phê phán và tra hỏi. Bắc Kinh là nơi nảy sinh ra Sự kiện Thiên An Môn, không khí tra xét, truy vấn ở các đơn vị cực kỳ căng thẳng, ngặt nghèo, gần như những cuộc lục soát, khám xét, tra hỏi những người qua cửa ải. Tuy phong trào phản kháng của nhân dân ở quảng trường Thiên An Môn đã bị đàn áp, khủng bố, nhưng đối với việc "phê phán Đặng Tiểu Bình", việc "truy xét", quần chúng vẫn dùng những biện pháp chống đối rất rõ ràng. Không phải chỉ có quần chúng chống đối, mà ngay những người phụ trách nhiều đơn vị cũng chỉ làm cho xong chuyện, thường là khi phê phán người nào cũng đôi câu ba điều cho qua, khi truy xét cũng chỉ lào thào tầm phơ cho hết việc. Khi chúng tôi trở lại đơn vị, tiếp xúc với quảng đại cán bộ và quần chúng, chúng tôi vô cùng mừng rỡ phát hiện ra rằng, tuyệt đại đa số đối xử với chúng tôi vô cùng tốt, ngay cả những người bình thường vốn không quen thuộc cũng rất nhiệt tình giơ tay vẫy gọi chúng tôi. Là con cái của Đặng Tiểu Bình, đương nhiên chúng tôi là những đối tượng bị truy vấn, tra xét gay gắt nhất. Lãnh đạo và quần chúng trong đơn vị đã tự phát bảo vệ chúng tôi, biện hộ thay cho chúng tôi một cách hết sức tự động. Đã có lần, khi đến đơn vị, tôi thấy có một mảnh giấy nằm trên bàn làm việc của tôi, trên đó viết những lời ủng hộ và an ủi. Thấy lập trường của nhân dân quần chúng rõ ràng như thế ngay dưới cái áp lực khủng khiếp của chính trị, chúng tôi vô cùng cảm động. Chúng tôi kiêu hãnh vô vàn vì nhân dân của chúng tôi. Hạ Bình vẫn luôn ở trong nhà tôi. Anh gửi rể, anh đã cùng chúng tôi sống qua những ngày gian nan đặc biệt này. Kể từ khi xảy ra Sự kiện Thiên An Môn, anh vẫn quần tụ với chúng tôi ở nhà này, lâu lắm anh không về nhà cha mẹ. Anh cũng rất thương nhớ cha mẹ anh, mãi cho đến khi được phép ra khỏi ngôi nhà ở phố Rộng, anh mới đạp xe đạp về thăm cha mẹ.

Ông Hạ Bưu bố chồng tôi và bà Trần Khải mẹ chồng tôi, năm 1972 từ trường

cải tạo cán bộ của Bộ Y tế tận Giang Tây trở lại Bắc Kinh, vẫn sống trong một căn hộ khu nhà tầng trong ngõ Hòa Bình do Quốc vụ viện phân phối. Bố chồng tôi bị đánh thành "kẻ đi theo tư bản" khi ông làm Thứ trưởng Bộ Y tế, tuy đã trở lại Bắc Kinh, nhưng ông vẫn chưa được giao bất cứ công việc nào. Mẹ chồng tôi là cán bộ cũ từ thời Hồng Quân, từ trường cải tạo cán bộ ở Giang Tây trở về cũng chẳng được phân phối công tác nào. Bố chồng tôi nguyên là cán bộ y tế, chiến sĩ Hồng quân thuộc phương diện quân số 2, ông là người không khéo ăn khéo nói, nhưng tính tình rất cương trực thẳng thắn. Trong Cách mạng Văn hóa vì đấu tranh cãi lộn với bọn tạo phản, nên bị đánh suýt gãy lưng. Rồi cũng giống như tất cả những người cán bộ lão thành khác, ông bị hạ bệ, bị đấu tố, bị đi trường cải tạo cán bộ, bị cưỡng bức lao động, cuối cùng trở về Bắc Kinh. Tuy đã phải trải qua bao cảnh mưa gió dập vùi, tính cách ông vẫn cương trực thẳng băng như cũ. Từ khi có Sự kiện Thiên An Môn đến nay, cả hai ông bà đều rất quan tâm đến tình hình thời cuộc ngày đêm sống trong lo lắng. Chẳng phải ông bà lo lắng cho người con trai mình, mà lo lắng cho thông gia - lo lắng cho gia đình và những người trong nhà Đặng Tiểu Bình. Sau khi có "hai nghị quyết", ông bà không có tin tức gì về gia đình Đặng Tiểu Bình, lòng như lửa đốt, mất ăn mất ngủ. Hôm đó, thấy con trai đột ngột trở về, ông bà túm chặt lấy cậu con trai, hỏi ngược hỏi xuôi về gia đình Đặng Tiểu Bình. Nghe nói vợ chồng Đặng Tiểu Bình đã bị đưa đi, cho đến nay vẫn bặt tin, hai ông già ứa nước mắt khóc. Bố chồng tôi nói với Hạ Bình: "Con không nên lưu lại đây lâu, con phải về ngay đưa Phi Phi lại đây". Hạ Bình nghe lời cha mẹ trở về ngay, gọi tôi và Phi Phi, rồi cùng đạp xe đến ngõ Hòa Bình.

Kể từ khi tôi vào làm dâu nhà họ Hạ, tình cảm giữa tôi và bố mẹ chồng tôi đều rất tốt, lần này được gặp lại sau bao nhiêu hoạn nạn, thấy ông bà già quá lo lắng về tinh thần, rồi lại nhìn mái tóc bạc của mẹ chồng, trong lòng tôi không khỏi những ngậm ngùi. Tôi cố nén dòng nước mắt, cố gắng làm bộ mặt tươi cười. Tôi biết rằng, hai ông bà già đã quá phần lo lắng, tôi không thể mang thêm đến cho ông bà những buồn phiền.

Nhìn thấy Phi Phi, ông vô cùng xúc động, nói hết sức trịnh trọng: "Bình Bình, Mao Mao, Phi Phi, các con hãy nghe cha nói đây: cha có ba người con trai, Bình Bình đã kết hôn với Mao Mao, cũng có nghĩa là, cha đã giao người con trai này cho nhà họ Đặng. Nay gia đình họ Đặng gặp nạn, nên bắt đầu từ ngày hôm nay, Bình Bình coi như con trai trong nhà họ Đặng rồi. Bình Bình, con chẳng phải lo gì cho cha mẹ cả, con cứ việc theo nhà họ Đặng; sống, cùng sống với gia đình họ Đặng, chết, cùng chết với gia đình họ Đặng". Ông nói mà nước mắt chảy ròng

ròng. Ông nói tiếp: “Gia đình nhà các con hiện nay đang trong tình trạng vô cùng nguy hiểm, lũ bốn tên xấu xa ấy, việc gì chúng cũng dám làm, kể cả việc hãm hại các con. Nhà họ Đặng chỉ có hai người con trai, một người đã bị chúng làm cho thành tàn phế, đến nay chỉ còn một mình Phi Phi vẫn nguyên vẹn. Bây giờ phải đưa giấu về Hồng Hồ, Hồ Bắc, quê cũ của cha thôi. Chúng ta sẽ bảo vệ lấy giọt máu của nhà họ Đặng”.

Nghe tới đây tôi và mẹ chồng tôi đều sụt sịt khóc. Phi Phi hoàn toàn hiểu được tấm lòng cao cả của bố chồng tôi. Nhưng trong những giờ phút khắc nghiệt như thế này, em tôi làm sao có thể bỏ nhà ra đi, để tìm lấy sự an toàn cho riêng bản thân mình? Phi Phi nói với bố chồng tôi: “Bác ơi, cháu vô cùng cảm ơn bác. Cháu không đi như thế được, cháu phải có mặt cùng gia đình nhà cháu”. Bố chồng tôi khẩn thiết nói, còn Phi Phi vẫn cố chối từ. Rời khỏi ngõ Hòa Bình, chúng tôi chậm rãi đạp xe đạp quay về. Chúng tôi ngoảnh đầu nhìn lại, từ rất xa, rất xa, tôi vẫn nhìn thấy bố mẹ chồng tôi, hai ông bà già còn đứng ở bậc lên xuống của tòa nhà, nhìn theo chúng tôi bằng cặp mắt vô cùng quyến luyến. Trong nắng quái chiều hôm, mái tóc bạc phơ của hai ông bà già chừng như càng nổi bật hơn lên.

Mao Trạch Đông, vĩ nhân một đời, ra đi

Tình hình Mao Trạch Đông vào lúc xảy ra động đất đã được nhân viên công tác quanh mình tường thuật lại như sau:

> Ngày 28/7/1976 xảy ra động đất lớn ở Đường Sơn; vào khoảng hơn ba giờ sáng hôm đó, sóng động đất lan tới Bắc Kinh. Tháng 6, vì tắc cơ tim, Chủ tịch đã phải cấp cứu một lần, sang tháng 7, bệnh tình mới thuyên giảm được ít nhiều. Phòng ngủ của ông rất nhỏ, dụng cụ y tế không có chỗ đặt, ngay đến chỗ quay người của nhân viên điều trị cũng không có, nên phải di chuyển chiếc giường lớn của ông vào thư viện, đó chính là nơi Chủ tịch thường hay tiếp khách mà nhân dân vẫn hay nhìn thấy trên màn ảnh nhỏ, sau khi xảy ra động đất, thậm chí ông vẫn tỉnh táo, cũng biết rằng có động đất, nhưng nói không thành tiếng, chỉ lấy tay phẩy phẩy, đại khái muốn nói rằng, không nên hoảng hốt. Chúng tôi đang ngủ, trận động đất đã làm tỉnh dậy, chạy vội vào thư viện, vào tới nơi, tôi thấy Chủ tịch nằm trên giường; có bốn người, căng bốn góc một chiếc chăn lớn, các trên mặt giường, đề phòng những thứ ở trên cao sụp xuống. Trời sáng, sau khi được các bác sĩ đồng ý, chúng tôi di chuyển Chủ tịch sang phòng chống địa chấn ở bên cạnh. Những tin tức của Tân Hoa xã về tai họa động đất ở Đường Sơn được đăng trên các báo chí lớn và những bản tin tham khảo nội bộ, Chủ tịch nằm trên giường, đọc từng chữ, từng chữ một. Sau những cơn bệnh nặng, tai ông không còn nghe được gì nữa. Trước đây, khi mắt ông không nhìn được gì, các văn kiện đều do tôi đọc cho ông nghe. Mùa hè năm 1975, ông mổ một bên mắt, đeo kính lên cũng đã lờ mờ nhận được nét chữ, nhưng thính lực lại giảm sút. Sau khi đọc xong báo cáo, đích thân ông phúc duyệt đồng ý để Hoa Quốc Phong tới vùng tai nạn, xem xét, nắm tình hình và úy lạo nạn nhân.

Trong tháng 8, Trung ương đã phải gửi điện báo khẩn ba lần đến các cơ quan lãnh đạo có liên quan thông báo tình hình khẩn cấp về bệnh trạng của Mao Trạch Đông. Ngày 28/8/1976, con gái Mao Trạch Đông là Lý Mẫn, sau khi được Ban Thường vụ cho phép, đã tới bên giường bệnh cha mình. Mao Trạch Đông hơi hé hé mắt, sau khi nhìn rõ đó là con gái mình, bèn nắm chặt lấy tay Lý Mẫn, nhắm mắt lại không nói gì. Đến ngày 2/9/1976, bệnh tình của Mao Trạch Đông càng trầm trọng hơn. Ngày 8/9/1976, Mao Trạch Đông bước vào cơn hấp hối.

Tình trạng bệnh tật của Mao Trạch Đông từ trầm trọng bước sang hấp hối, cả gia đình nhà tôi hoàn toàn không biết một tý gì. Gia đình nhà tôi cũng giống y như những gia đình thị dân khác ở Bắc Kinh, hàng ngày chỉ còn có một việc tất bật lo lắng sắp xếp chỗ ăn chỗ ở.

Đúng vào hôm động đất, trời giáng một trận mưa như trút nước, cái giàn ni

lông của chúng tôi đổ sập. Ban ngày, mọi người còn trú tạm ở hành lang, nhưng đêm xuống, mười mấy nhân mạng của toàn gia đình không dám đặt chân vào nhà, vậy thì ngủ vào đâu? Bắt buộc cả nhà tôi phải động não, nghĩ cách. Sau một hồi nghĩ ngợi thiết kế, chúng tôi xếp dựng đứng một hàng bàn loại ba ngăn kéo lên ở trong phòng khách, rồi lại dựng một lượt bàn khác tạo thành một khoảng trống giữa hai dãy bàn, lấy gỗ gác lên giữa hai dãy bàn đó trải lót dưới đất những tấm gỗ khác, chúng tôi trải đệm bên trên những tấm gỗ lót, rồi trải chăn, đặt gối, ôi chao, cái giường mặt đất ấy trông cũng oách ra dáng, không những trông gọn mắt, mà còn rất phù hợp với nguyên lý lực học chống rung, vô cùng an toàn. Giả dụ như nếu có còn dư chấn, cây hoành, cây xà có rơi xuống cũng chẳng việc gì. Chúng tôi kéo điện, đặt chiếc đèn bàn bên cạnh đệm, như vậy vừa có nguồn sáng, lại còn có thể đọc sách được. Chúng tôi còn cắt lượt nhau canh gác đêm, đề phòng có động đất lớn, còn kịp thời báo động.

Một cuộc sống chống động đất đã được sắp xếp có tổ chức, có kế hoạch, bắt đầu đi vào nề nếp. Tối đến cả nhà từ ngoài sân vào nhà. Lớn bé già trẻ tất tật đều chui hết xuống dưới gầm bàn. Khoái nhất vui nhất vẫn là những đứa trẻ nhỏ, cứ như là "đi chúc Tết" vậy. Chúng cười cười, nói nói, vui vẻ hết sức. Những người lớn chúng tôi cũng cảm thấy vô cùng thoải mái, tất cả nhà thà ngủ chung trên một chiếc đệm trải trên mặt đất, cũng thảnh thơi nói cười vui vẻ. Nhưng "thức giả, trăm lo, vẫn một sai", mọi việc như an toàn, thoải mái, chiếu sáng, chúng tôi đều nghĩ tới được cả, nhưng chẳng ngờ loại bàn ba ngăn kéo đó lại quá thấp, bọn thanh niên chúng tôi chui vào một cái là xong, chẳng có vấn đề nhưng đối với ông bà già như bà tôi, cha mẹ tôi, chui vào được cũng thành chuyện khó khăn. Nhất là cha tôi, đã gần 72 tuổi rồi, chân tay đều cử động khó khăn, chui ra chui vào rất vướng, tốn sức. Lúc đầu thật tình, chúng tôi chẳng tìm được biện pháp chống động đất nào hay hơn, được thế cũng là hay rồi. Đến tối, đến đêm, khi tất cả mọi người đều đã chui vào túp lều chống động đất: xoay trở rất khó khăn. Nhưng do ban ngày phải làm quá nhiều công việc, nên mọi người đặt mình xuống là thiếp đi ngay, có người còn "kéo gỗ" khò khò nữa. Dưới ánh sáng của chiếc đèn bàn, người ngồi canh vừa đọc sách, vừa nghe ngóng động tĩnh bên ngoài. Đêm thanh đã tịnh, vạn vật đều im hơi lặng tiếng. Qua một ngày bận rộn tất bật, sau khi trời long đất lở, chẳng ngờ rằng lại có được sự yên tĩnh như thế.

Sau ba đêm ngủ đất, chúng tôi thấy như vậy cũng không ổn. Vấn đề là ở cha tôi. Cha tôi bị u xơ tuyến tiền liệt, mỗi đêm phải đi tiểu đến mấy lần. Mỗi lần vào toa lét, chui từ trong gầm bàn ra, đều phải cúi đầu, khom lưng, kéo lê chân, rất vất vả. Tốn một tý sức lực cũng chẳng có chuyện gì, nhưng đôi khi bị vấp đến

bươu đầu. Chúng tôi thấy tội nghiệp cha tôi quá, nhưng chẳng ai làm gì thay cho ông được. Như vậy là không ổn rồi. Xem ra ở ngoài sân vẫn là tiện lợi hơn. Ban đầu, chúng tôi khênh ra ngoài trời mấy chiếc giường gỗ rồi dùng những cây sào màn bằng tre cùng với ni-lông làm một chiếc mái lều đơn giản, nhưng cái mái lều bằng ni lông đó không chống được gió, mỗi khi có một trận gió thổi, ni-lông lại bị giật rách hoặc bị hất tốc ngược lên, ngày nào cũng phải chữa chữa, vá vá. Vừa may, lúc đó Văn phòng Trung ương lại mang đến cho hai tấm bạt quân dụng chuyên dùng che phủ ô-tô tải, quả thật là rất đắc dụng. Mọi người tập trung trí tuệ, càng nghĩ càng sáng ra, phương pháp được tuyển chọn càng ngày càng nhiều tiên tiến. Sau hàng loạt những sửa chữa, cải tiến, chiếc lều mới chống động đất cũng được dựng xong. Cần phải nói, chiếc lều mới này trông cũng không đến nỗi xoàng. Mấy chiếc giường gỗ kê sát vào nhau, bốn xung quanh chôn bốn chiếc cọc gỗ, ở chính giữa chôn một chiếc cọc cao, to, vững chắc, chống vào giữa tấm vải bạt, coi như chóp lều. Để chống mưa hắt, chúng tôi lấy ni lông buộc chắc vào bốn mép lều, cho rủ xuống tới sát đất, không có một chút gió mưa nào lọt vào được, vững vàng một thế trận nghiêm chỉnh. Chúng tôi mắc màn lên trên giường, không còn sợ ruồi muỗi gì nữa. Chúng tôi thật đúng là những người được nồi muốn tôi thêm rế, cuối cùng không những mắc cả đèn điện vào lều, mà bê cả ti vi vào đó. Tối đến, cả nhà rúc hết vào trong lều, cha tôi ngồi đọc sách dưới ánh đèn, mẹ và bà tôi chui vào màn ngồi, vừa quạt vừa chuyện phiếm. Miên Miên và Manh Manh đùa nghịch, còn bọn chúng tôi, người xem ti vi, người đem mạt chược, hoặc bài tú lơ khơ, chia trên giường, ngồi đánh. Cả nhà gói gọn vào trong chiếc lều đó, nó chẳng còn là một cái lều chống động đất nữa, mà là một cái "lều trại" của bọn trẻ con đi cắm trại mùa hè. Doanh trại thiên binh vạn mã của Thành Cát Tư Hãn "hiên ngang chọc trời khuấy nước" ngày xưa, chắc cũng chỉ đến thế mà thôi, ít nhất, họ cũng chẳng có ti vi mà xem. Sau nữa, Văn phòng Trung ương còn đưa đến một chiếc lều bạt hẳn hoi, tuy lều cũng đã được dựng lên, nhưng chẳng ai chịu vào đấy ở cả. Những ngày Tam Phục nóng bức, dưới ánh sáng mặt trời gay gắt, nhiệt độ trong lều mới đó lên tới 40 độ, ngột ngạt, khó thở, quả thật là kém xa chiếc lều chống động đất vừa thông nóng, vừa thông gió của chúng tôi.

Ngày 22/8/1976, cha tôi đại thọ 72 tuổi. Cứ theo như tình hình lúc bấy giờ, cha tôi vừa bị đánh đổ, nhân dân lại vừa bị tai họa động đất, chẳng nên tổ chức sinh nhật mới phải. Nhưng chúng tôi lại nghĩ, cha tôi tuổi rồng, năm nay lại là năm rồng, năm bản mệnh của cha tôi, đại thọ năm bản mệnh nhất định là phải làm thôi. Càng trong lúc gian nan, chúng tôi lại càng phải chúc thọ cha tôi. Lễ chúc thọ này không những phải làm, mà còn phải làm cho thật vui. Để chứng

minh cái thành quả rèn luyện của Cách mạng Văn hóa, chúng tôi không để cho vị chuyên gia là bà tôi mó tay vào mà do ba chị em gái chúng tôi làm đầu bếp. Theo điều kiện hiện có lúc bấy giờ, trước hết nghiêm chỉnh chọn ra một thực đơn, mọi người thẩm duyệt, không ai còn ý kiến gì nữa, chúng tôi bèn đeo tạp dề lên, bắt đầu nổi lửa trong bếp, xào nấu. Đầu bếp chính, phụ trách kỹ thuật nấu nướng là tôi, nhặt rau thái rau là Đặng Nam, món xa lát do Đặng Lâm làm. Món xào đã xong, món canh đã chín, chúng tôi bưng lên, bày chật một bàn. Cha tôi khen "khá", mẹ tôi bảo: "Lòng hiếu đễ của các cô con gái mà", bà tôi lại lạnh lùng như không, nói: "Còn xem xào nấu, mắm muối có ra làm sao không đã chứ!" Mười mấy con người trong cả gia đình chúng tôi vui vẻ chúc mừng đại thọ 72 của cha tôi. Thôi thì phê phán cũng được, "đánh đổ" cũng được, động đất cũng được, chúng tôi đều bình tĩnh đối phó, lạc quan chủ nghĩa trong hoàn cảnh khó khăn, vĩnh viễn là lạc quan chủ nghĩa, đó là đặc điểm rất hiển nhiên, rất đáng tự hào trong gia đình chúng tôi.

Ngôi nhà ở phố Rộng của chúng tôi có một mảnh sân, chúng tôi sống ở đó sau ngày động đất cũng có thể gọi là đàng hoàng. Nhưng đại đa số thị dân ở Bắc Kinh, đâu có được dễ dàng như thế. Chỉ cần ra khỏi cửa một cái, là đã nhìn thấy người đầy phố đầy hẻm. Nhà nào nhà nấy khênh giường khênh phản ra đường ra phố. Nhưng ngay ở những phố lớn cũng đã quá chật chội, nên mảnh đất chiếm được cũng rất hạn hẹp. Cần chống động đất, chống nóng, dân chúng chẳng còn một cách nào khác là dựng những lều tán bằng ni lông lên trên mặt những chiếc giường. Ban ngày nắng như thiêu như đốt, trong lều ni lông càng thêm ngột ngạt bức bối. Tối đến chỉ có một chiếc giường mà chẳng biết bao nhiêu người ngủ, nếu không, phải người ngồi người nằm, thay nhau nghỉ ngơi. Thực phẩm ngày thường việc cung cấp đã gay go rồi, lại ập thêm trận động đất này nữa, thực phẩm càng khan hiếm hơn. Khổ nhất vẫn là những đứa trẻ, đừng nói gì đến chuyện sữa bò, trứng gà, mà có nghĩ cũng không nên nghĩ tới. Từ người lớn đến con trẻ, cứ miễn sao no được cái bụng đã là quý lắm rồi, ngủ nghê không ổn, ăn uống sút kém, trúng nắng sinh bệnh là chuyện phổ biến, nhưng trong lúc bấy giờ, đi khám bệnh cũng chẳng phải là một chuyện dễ. Trong nhà chúng tôi có hai đứa trẻ, chẳng mua được trứng, cả nhà nhốn nháo đi khắp nơi tìm kiếm. Vương Hưng và Trương Cửu Cửu là bạn của gia đình chúng tôi, nghe nói lũ trẻ nhà tôi không có trứng gà ăn đã về tận dưới quê mua được mấy cân, nhắn gia đình tôi đến lấy. Tôi và Hạ Bình nói với vợ chồng Vương Hưng và Cửu Cửu: "Thật là cảm ơn anh chị quá". Cả hai vợ chồng đều nói: "Tôi xưa ở Giang Tây, ông nhà còn cho chúng tôi than với củi đun cơ đấy". Nhận được trứng từ nhà Vương Hưng, tôi với Hạ Bình vui như hội và phóng xe đạp như bay trở về Rộng. Thấy

có được trứng, cả nhà đều vui tưng bừng.

Lại nói về gia đình nhà bố chồng tôi, do mẹ chồng tôi quán xuyến, cả nhà lớn bé già trẻ đều sống trong chiếc lều chạy động đất ở bên ngoài ngôi nhà cao tầng, khổ cực, vất vả lắm, nhưng được cái an toàn, nhưng đối với ông bố chồng tôi, con người trực tính mạnh mẽ ấy, dù trời có sụp, đất có lở, sét có đánh ngang tai, ông vẫn vững như đồng, dứt khoát không chịu dọn ra ở bên ngoài căn phòng của mình. Bà, cháu bà có chạy cứ việc chạy, còn tôi, tôi vẫn cứ ở trong gian phòng trên tầng hai này. Anh con trai cả, Hạ Đẩu, vốn là một bác sĩ, theo đội y tế đi cấp cứu ở vùng bị nạn Đường Sơn. Anh hai Hạ Tranh lại công tác ở Tề Tề Cáp Nhĩ tận đông bắc. Bà mẹ chồng tôi thấy ông lão như vậy nên sợ hết hồn, nhờ tôi và Hạ Bình thuyết phục ông lão. Nhưng tôi và Hạ Bình có nói đến gãy lưỡi mòn răng, cũng chẳng làm sao lay chuyển được ông lão. Cũng may mà sau đó không còn xảy ra trận dư chấn to nào. Thực ra ở Bắc Kinh, những ông già không sợ chết như ông bố chồng tôi kể cũng có nhiều. Trong khi đại nạn ập xuống đầu, có người kinh hoàng hoảng hốt, có người chẳng biết sợ là gì, có người lại tranh địa bàn, cướp vị trí, có người quên mình cứu người, xả thân giúp đỡ hỗ trợ, kiểu nào cũng có cả.

Vào mùa hè sau trận động đất lớn năm 1976 đó, nhân dân quần chúng đều khốn khổ, cơ cực, chẳng thoát một ai. Nhưng có một sự việc, có thể coi như "trong họa có phúc", tức là mọi người đều lao vào công việc chống động đất, cứu nạn, trong các cơ quan, các trường học, các công xưởng, những cái gọi là "học tập", gọi là "phê phán Đặng Tiểu Bình", tất cả đều đem quẳng hết ra sau lưng.

Cái trận động đất khủng khiếp đến rùng rợn kia, cái mùa hạ không dám ngoảnh đầu nhìn lại kia, rồi cũng ngày nọ nối tiếp ngày kia qua đi. Đến tháng 9, trời đã bắt đầu dịu mát, đất cũng chẳng còn động lại nữa, lòng người cũng bớt đi được nhiều nỗi lo lắng. Ban ngày mọi người đã trở lại ngôi nhà cũ của mình, nhưng đêm đêm vẫn phải sống ngoài trời cho được an toàn.

Vào cái hôm 9/9/1976, bắt đầu từ trưa, đài phát thanh nhắc đi nhắc lại nhiều lần: "Vào bốn giờ chiều hôm nay, đài sẽ phát một tin tức vô cùng quan trọng". Chúng tôi hoàn toàn mù tịt về tin tức, vả lại trong thời buổi Cách mạng Văn hóa ấy, thiếu gì những tin tức vô cùng quan trọng, cho nên đối với tin lớn kiểu ấy, chúng tôi chẳng để ý làm gì.

Khoảng gần bốn giờ chiều, đám trẻ có đứa còn ngủ, cha tới ngồi ở phòng khách đọc sách, trong nhà thanh lặng. Tôi còn đang lúi húi ở ngoài sân, chợt trên

không trung, từ nơi xa vẳng lại giống những bản nhạc. Tôi lắng nghe, đó là những bản nhạc buồn! Chắc hẳn là đã có chuyện gì xảy ra rồi. Tôi vội vã chạy vào nhà nói lại với cha mẹ tôi. Chúng tôi bật máy thu thanh, đột ngột nghe được tin Mao Trạch Đông đã qua đời.

"Chủ tịch Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, người sáng lập và cũng là người lãnh đạo nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Mao Trạch Đông, vào lúc không giờ mười phút ngày 9/9/1976, đã khép chặt đôi mắt, vĩnh biệt cõi đời…"

Mao Trạch Đông qua đời, phản ứng đầu tiên của nhân dân là kinh ngạc. Mao Trạch Đông ra đi, đất nước Trung Quốc rồi sẽ ra sao đây? Nhân dân Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông đã thu được thắng lợi trong chiến tranh, dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông đã xây dựng được xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông đã tiếp tục cách mạng, không có Mao Trạch Đông nữa, Trung Quốc biết làm gì? Nhân dân Trung Quốc đã hô to "Mao Chủ tịch muôn năm" từ 26 năm nay rồi, nhân dân yêu mến ông ta, sùng bái ông ta, tin tưởng ông ta vô hạn, nay bỗng chốc không còn Mao Chủ tịch nữa, Trung Quốc biết làm gì? Mao Trạch Đông còn trên cõi đời này, dù tốt dù xấu, dù đúng dù sai chúng tôi đều dựa vào ông ta, nay Mao Trạch Đông không còn nữa, chúng tôi biết dựa vào ai? Chu Ân Lai đã ra đi, Chu Đức đã qua đời, Đặng Tiểu Bình bị hạ bệ, Hoa Quốc Phong vừa mới lên làm người kế cận, lại còn lũ bốn tên chỉ biết hung hăng càn rỡ. Trung Quốc trong tương lai biết tính sao đây? Ở đất nước này, rồi đây đại quyền của đảng, của quân đội, biết giao cho ai? Trung Quốc trong tương lai, biết tính sao đây? Cái vũ đài chính trị rối ren ấy, liệu Hoa Quốc Phong có giữ vững được? Liệu lũ bốn tên có chịu khoanh tay cung kính mà nhường quyền lực hay không?

Mao Trạch Đông qua đời, hàng loạt những vấn đề cùng sự âu lo tràn ngập trái tim con người. Sự âu lo của mọi người đã vượt quá xa tình cảm đau thương.

Nhạc tang, nhạc buồn vẫn luẩn quẩn trên bầu trời, lá quốc kỳ treo rủ trên cột khe khẽ phất phơ. Thành phố, nông thôn, khắp nơi trên toàn quốc, mỗi địa phương, mỗi đơn vị đều tiến hành lễ truy điệu, đều tưởng nhớ Mao Trạch Đông, vĩ nhân một đời của Trung Quốc trong thế kỷ 20.

Mao Trạch Đông ra đi, Bộ Chính trị mà ông ta sắp đặt khi còn sống đã lập tức xuất hiện một vết nứt khổng lồ.

Ngay khi Mao Trạch Đông sắp rơi vào cõi chết, lũ bốn tên đã bắt đầu ra sức

tiến hành những âm mưu tranh quyền đoạt lực. Bọn họ đã tiến hành bắt liên lạc với những chân tay thân tín trong khắp các tỉnh, thành trong toàn quốc, đã bố trí phê phán cái gọi là "những kẻ mới và cũ đi theo tư bản" trong đảng, trong chính quyền và quân đội, đồng thời đã tuyên bố là sẽ bắt sạch sẽ "những kẻ đại diện cho phái đi theo tư bản".

Giữa tháng 7 và tháng 8, Vương Hồng Văn đến Thượng Hải, đã đặt vấn đề cần phải "cảnh giác với chủ nghĩa xét lại xuất hiện ở Trung ương Đảng, phải chuẩn bị lên núi đánh du kích, Thượng Hải nhanh chóng, thêm một bước, đưa số súng đạn tồn kho, trang bị cho cuộc vũ trang lần thứ hai".

Trong tháng 8, đã có bảy vạn khẩu súng, ba trăm cỗ pháo, một triệu viên đạn các loại được phát xuống các tổ chức cơ sở của dân quân Thượng Hải hết sức nhanh chóng. Khi Mao Trạch Đông cáo bệnh rút lui, lũ bốn tên đã tăng cường chuẩn bị đoạt quyền ngay sau lưng Mao Trạch Đông. Giang Thanh cử người vội vã viết một tài liệu với nội dung: "Sau khi Hán Cao Tổ Lưu Bang[128] chết, Lữ Hậu đã lần lượt tiêu diệt tất cả các vương hầu như thế nào". Giang Thanh không còn kịp đợi chờ gì nữa, mụ chờ Mao Trạch Đông chết để mụ lên làm "nữ hoàng".

Bệnh tình Mao Trạch Đông nguy cấp, mụ đã quên hẳn nhiệm vụ của người vợ phải chăm sóc bên giường bệnh của chồng như thế nào, mà đổ hết tâm trí sức lực vào việc đi khắp nơi hoạt động. Giờ này mụ đến nhà in Tân Hoa, lát nữa đã tới Đại học Thanh Hoa, sau đó lại tới đại học Bắc Kinh, lại còn buộc báo chí đưa tin là mụ "thay mặt" Mao Trạch Đông để trông nom, chăm sóc nhân dân thủ đô. Ngày 28/8, Giang Thanh đến trang Tiểu Cận ở Thiên Tân, ngoác miệng nói láo, chửi bới Đặng Tiểu Bình là "tổng giám đốc công ty Tin Vịt", lại còn liều lĩnh lăng nhăng, trường giang đại hải, nói về xã hội mẫu hệ, nói bừa rằng "nam cần phải nhường quyền, nữ cần phải chấp chính", mụ còn nói: "Trong xã hội thị tộc, là do nữ quán xuyến việc nhà. Theo sự phát triển của xã hội, rồi đây, quản lý quốc gia phải là các nữ đồng chí". Mụ còn nói không biết nhục rằng: "Đàn bà cũng có thể lên ngôi hoàng đế, đến cộng sản chủ nghĩa cũng vẫn còn nữ hoàng".

Ngày 30/8/1976, với bộ mặt vênh vang, mụ đến một đơn vị quân đội để "thị sát". Hãy xem điệu bộ và kiểu cách điểm trang của mụ như thế nào. Mụ mặc một bộ quân phục rung rúc, trên vai đeo chéo một chiếc túi dết quân dụng, trên miệng túi dết còn buộc thêm một chiếc khăn mặt trắng. Mụ uốn éo, điệu bộ đi trước hàng quân, miệng toang toác nói không biết ngượng: "Chủ tịch không còn, tôi trở thành quả nhân", mụ trực tiếp phong cho mình cái danh xưng chỉ có

hoàng đế mới được dùng.

Ngày 2 và 3/9/1976, bệnh tình của Mao Trạch Đông càng tồi tệ hơn. Giang Thanh bất chấp sự phản đối của Mao Trạch Đông, mụ nằng nặc đòi đi Đại Trại ở Sơn Tây, ở đó mụ lại huênh hoang giở giọng: "Trong xã hội mẫu hệ, người đàn bà nắm quyền bính, đến xã hội cộng sản vẫn còn có nữ hoàng, cũng lại vẫn do đàn bà chấp chính". Là một người vợ, đối với Mao Trạch Đông, mụ hoàn toàn vô cảm. Cho mãi đến tối ngày 5/9/1976, Trung ương điện khẩn cấp, thúc giục, Giang Thanh mới trở về Bắc Kinh; trước khi lên đường, mụ vẫn bình thản tìm người cho đủ chân, chơi tú lơ khơ. Về đến Bắc Kinh, mụ cũng chẳng quanh quẩn bên giường bệnh của Mao Trạch Đông, mà chuồn ngay xuống nhà in Tân Hoa, rộng miệng, lớn tiếng, nói chuyện: "Tần Thủy Hoàng[129] vi hành, gặp một người dâng ngọc, trên đó có khắc chữ: năm nay Rồng tổ chết".

Giang Thanh thèm làm nữ hoàng đến phát rồ phát dại, hình như mụ mong cho Mao Trạch Đông chết càng sớm càng tốt. Trở về bên cạnh Mao Trạch Đông mụ cũng chẳng yên chân yên tay, lúc mụ lau lưng cho Mao Trạch Đông, lúc nắn nắn làm chân tay Mao Trạch Đông co duỗi, bất chấp mọi sự can gián của bác sĩ. Ngày 8/9/1976, Mao Trạch Đông rơi vào tình trạng hấp hối, Giang Thanh lại lẻn xuống nhà in Tân Hoa, nói chuyện "quan văn đoạt quyền". Trước khi Mao Trạch Đông chết, Giang Thanh lại không nghe theo lời bác sĩ, dứt khoát trở người cho Mao Trạch Đông, rồi lục lọi, tìm kiếm khắp nơi, xem xem Mao Trạch Đông có để lại di chúc hay không.

Ngày 16/9/1976, trước lễ truy điệu Mao Trạch Đông, lũ bốn tên chỉ thị cho nhật báo *Nhân dân*, tạp chí *Cờ đỏ*, báo *Giải phóng quân* in bài xã luận: "Mao Trạch Đông sống mãi trong lòng chúng ta", bịa ra lời di chúc lúc lâm chung, rằng: "Cứ theo phương châm đã có mà làm". Thực ra, ngày 30/4/1976, Mao Trạch Đông chỉ dặn dò Hoa Quốc Phong có ba câu: Một là, "Cứ từ từ, không nên vội vã". Hai là, "Cứ làm theo phương châm cũ". Ba là, "Ông làm việc, tôi yên tâm". Lũ bốn tên đã thay đổi căn nguyên của câu nói, bịa đặt ra rằng, đó là di chúc, muốn hóa trang cho mình thành người "kế cận chính thức" do Mao Trạch Đông đích thân chỉ định.

Ngày 18/9/1976, trong lễ truy điệu Mao Trạch Đông, trang nghiêm và long trọng, Giang Thanh mặc áo đen, đầu đội sa đen, đúng là trang điểm của một vị vong nhân, nhưng trên mặt lại chẳng có một chút buồn thảm thê lương nào. Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên vẫn nguyên bộ mặt gian giảo, nham hiểm, Vương Hồng Văn vươn dài cổ nhìn chòng chọc vào Hoa Quốc Phong đang đau

khổ đọc điếu văn. Trước ống kính truyền hình trực tiếp, tám trăm triệu nhân dân Trung Quốc, vừa rõ ràng vừa uất hận, nhìn thẳng vào những nét mặt xấu xa bẩn thỉu của lũ bốn tên.

Sau lễ truy điệu, lũ bốn tên càng tăng cường âm mưu hoạt động. Vào ngày hôm sau lễ truy điệu, lũ bốn tên đòi phải họp hội nghị Ban Thường vụ Trung ương khẩn cấp, trong hội nghị, Giang Thanh đã ngỗ ngược đòi phải giao tất cả các văn kiện, sổ sách của Mao Trạch Đông cho mụ cùng Mao Viễn Tân bảo quản và xử lý. Trong hội nghị này, Giang Thanh đã quấy phá hội nghị suốt bốn năm tiếng đồng hồ, mà thực chất là gây khó khăn cho Hoa Quốc Phong. Dưới sự bố trí của lũ bốn tên, Bộ chỉ huy dân quân Thượng Hải tiến hành "diễn tập quân sự", để chuẩn bị cụ thể phát động cuộc phản loạn có vũ trang.

Ngày 21/9/1976, Trương Xuân Kiều ở Bắc Kinh nghe báo cáo tình hình cấp tốc chuyển giao vũ khí ở Thượng Hải, đã dặn dò lũ tốt biên ở Thượng Hải rằng: "Cần chú ý tới phương hướng đấu tranh giai cấp".

Ngày 23/9/1976, Vương Hồng Văn gọi điện thoại cho chân tay thân tín ở Thượng Hải nhắc nhở: "Cuộc đấu tranh còn chưa kết thúc, bọn đi theo tư bản trong đảng chưa cam tâm chịu thất bại, thế nào rồi cũng có người khênh rước Đặng Tiểu Bình ra".

Ngày 27/9/1976, Trương Xuân Kiều chỉ thị cho nanh vuốt ở Thượng Hải: "Cần cảnh giác với chủ nghĩa xét lại sẽ xuất hiện ở Trung ương".

Ngày 28/9/1976, Trương Xuân Kiều gửi tín hiệu miệng tới Thượng Hải: "Thượng Hải có khảo nghiệm lớn, phải đánh trận".

Ngày 29/9/1976, lũ bốn tên đại náo hội nghị Bộ Chính trị suốt mấy giờ đồng hồ liền, từ quá nửa đêm cho tới gần sáng. Giang Thanh mếu máo khóc lóc cố lưu Mao Viễn Tân ở lại Bắc Kinh, không phải trở về Liêu Ninh khi nhiệm vụ "liên lạc viên" của hắn kết thúc.

Ngày 1/10/1976, Giang Thanh đến nói chuyện ở trường Đại học Thanh Hoa, nói rằng, còn có người muốn lật lại bản án cho Đặng Tiểu Bình, mà người đại diện cho nhóm này trong Bộ Chính trị mụ muốn ám chỉ là Hoa Quốc Phong, mụ còn gào thét đòi khai trừ Đặng Tiểu Bình ra khỏi đảng.

Ngày 2/10/1976, Vương Hồng Văn chụp ảnh "chân dung", chuẩn bị cho treo trong toàn quốc sau khi đăng quang. Ngày 3/10/1976 Vương Hồng Văn đến huyện Bình Cốc, thuộc thành phố Bắc Kinh nói chuyện, trong bài nói hắn thâm

độc chỉ rõ: “Nếu Trung ương có chủ nghĩa xét lại lộng hành, các đồng chí phải làm như thế nào. Đánh đổ chúng!” Hắn trực diện chĩa mũi dùi vào Hoa Quốc Phong. Cũng trong ngày hôm đó, lũ bốn tên âm mưu bàn bạc chuẩn bị kịp thời cho xe tăng tràn vào thành phố Bắc Kinh khi đến lúc. Vương Hồng Văn tự động cho thiết lập tại Trung Nam Hải một “phòng trực ban” riêng, đồng thời mạo danh nghĩa của Văn phòng Trung ương Đảng, để gửi thông tri đi khắp các nơi: nếu có việc gì quan trọng phải kịp thời báo cáo và xin chỉ thị của bọn chúng. Lũ bốn tên bố trí cho những người thân tín của chúng ở các đơn vị như Đại học Thanh Hoa, đại học Bắc Kinh, Tân Hoa xã v.v… viết thư gửi Giang Thanh, “thư tín nhiệm” và “thư tiến cử”, trong đó có những lá thư công khai đề cử Giang Thanh nhậm chức Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Quân ủy Trung ương.

Giang Thanh giao cho thành phố Thiên Tân, đặc biệt thiết kế chế tạo sắm sửa cho mụ bộ “lễ phục lên ngôi”. Lũ bốn tên còn phao tin thắng toàn xã hội rằng: “Trong ngày 8, 9, 10/10/1976, sẽ có tin mừng lớn”.

Mao Trạch Đông mới qua đời chưa tròn một tháng, cục diện chính trị mà ông ta đã lao tâm khổ tứ, sắp đặt thu xếp, nay đã sụp đổ tanh bành. Lũ bốn tên cho rằng cướp đoạt chính quyền mà chúng khát vọng từ lâu, đã đi vào giây phút cuối cùng.

Đập tan hoàn toàn lũ bốn tên

Đối với dã tâm đoạt quyền của lũ bốn tên cùng đồng bọn, đặc biệt là đối với những hành động ngang ngược, trắng trợn của Giang Thanh, Hoa Quốc Phong và những người lãnh đạo ở Trung ương đều đã nhìn thấy hai năm rõ mười. Họ đã thấy rõ ràng trong đầu trong dạ rằng, sau khi Mao Trạch Đông ra đi, họ sẽ phải có một trận giao đấu sống mái với lũ bốn tên.

Một số các cán bộ lão thành cũng biết rằng, sau khi Mao Trạch Đông chết, đảng và nhà nước sẽ phải giáp mặt với một cuộc đấu tranh vừa nguy hiểm vừa khắc nghiệt. Đã nhìn rõ được tình thế ấy, những nhà cách mạng tiền bối, lão thành như Trần Vân, Đặng Dĩnh Siêu, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn, Vương Chấn v.v… đều thấy rất âu lo. Tuy các ông đang phải sống trong nghịch cảnh, nhưng vẫn tìm ra được những kênh liên lạc để thông tin cho nhau, và từng người tìm cách gặp cho được Diệp Kiếm Anh.

Diệp Kiếm Anh, Nguyên soái của nước Cộng hòa, thân chinh bách chiến từ thời kỳ khởi nghĩa Nam Xương "Bát nhất" (1-8),[130] là một trong những người đã xây dựng nên quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc.

Sau khi Lâm Bưu bị ngã đài, Mao Trạch Đông đã tin tưởng giao lại quyền điều khiển công tác thường nhật của Quân ủy Trung ương cho ông. Với tài ba mưu lược của mình, hàng loạt những cán bộ đức cao vọng trọng của quân đội đã trở về được các đơn vị lãnh đạo cũ, nên lại đặt được quân đội nằm dưới sự lãnh đạo của đảng. Sự cống hiến trọng đại đó đã đưa được đất nước đang trong cơn nguy khốn trở lại ổn định, mà tác dụng của nó là vô cùng to lớn. Sau khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi công tác, chính ông đã đặc cử Đặng Tiểu Bình vào chức vụ Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương, sau đó ông lại mạnh mẽ ủng hộ Đặng Tiểu Bình trong công cuộc chỉnh đốn toàn diện. Sau khi Đặng Tiểu Bình lại bị thêm một lần phê phán nữa, Diệp Kiếm Anh cũng bị tuyên bố là "lâm bệnh", đình chỉ việc điều khiển công tác thường nhật ở Quân ủy Trung ương. Khi đó, bề ngoài Diệp Kiếm Anh tuy đã bị mời "ngồi chơi xơi nước", nhưng Trần Tích Liên, người thay thế Diệp Kiếm Anh điều khiển công tác của Quân ủy Trung ương lại vô cùng tôn trọng ông. Đại quyền trong quân đội trên thực tế vẫn do Diệp Kiếm Anh điều khiển. Hơn nữa Diệp Kiếm Anh vẫn còn là Phó Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, là ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng quân sự Trung ương, và Bộ trưởng Quốc

phòng, vẫn tham gia các hội nghị của Ban Thường vụ Bộ Chính trị, và hội nghị của Bộ Chính trị. Sau khi Mao Trạch Đông qua đời, vị thế và tác dụng của Diệp Kiếm Anh, nhất cử nhất động của Diệp Kiếm Anh đều có liên quan quan trọng tới đại sự.

Cho nên khi các đồng chí lão thành cách quãng âu lo cho đất nước, họ đều nghĩ tới ông và đi tìm Diệp Kiếm Anh để bàn bạc. Trần Vân lên Tây Sơn tìm Diệp Kiếm Anh nói chuyện thâu đêm, Vương Chấn tìm Diệp Kiếm Anh nói chuyện thâu đêm, nhiều vị tướng lĩnh quân đội cao cấp trong quân đội tìm Diệp Kiếm Anh nói chuyện thâu đêm. Diệp Kiếm Anh hoàn toàn nắm bắt được mức độ nguy hiểm trước mắt, ông cũng lại hoàn toàn biết rằng, nếu không có một cuộc giao đấu sinh tử với lũ bốn tên, về không thể có được thắng lợi cuối cùng. Trách nhiệm nặng nề của lịch sử đã rơi vào con người Diệp Kiếm Anh, "trời trao trách nhiệm vào tay", Diệp Kiếm Anh thấy không thể trốn tránh trách nhiệm được. Ông tìm Hoa Quốc Phong bàn bạc, ông đi thẳng vào đề, nói với Hoa Quốc Phong: "Hiện nay bọn họ càn rỡ muốn cướp đoạt quyền hành không cần chờ đợi một hai gì nữa. Chủ tịch không còn, nên ông phải đứng ra đấu tranh với họ thôi". Nguyên soái Diệp Kiếm Anh nói hết những điều gan ruột của mình để thức tỉnh trong lòng của Hoa Quốc Phong. Hoa Quốc Phong suy tính. Ông biết rằng, tình hình đã rơi vào thế vô cùng cấp bách, bắt buộc ông phải tính. Lũ bốn tên đã hai lần đại náo ở hội nghị của Bộ Chính trị. Xem thế cũng thấy dã tâm của bọn đó lộ rõ ra rồi, chẳng cần phải nghi ngờ gì nữa. Trong khi trò chuyện bàn bạc với Diệp Kiếm Anh, Hoa Quốc Phong chẳng có một thái độ nào ngay tức khắc, nhưng trong lòng Hoa Quốc Phong đã quyết định phải có một cuộc đấu tranh với lũ bốn tên, nhưng dù sao mình cũng chỉ mới nhậm chức được ít lâu, không thể có kinh nghiệm chính trị và niềm tin tất thắng như Diệp Kiếm Anh được, ông vẫn cần phải suy tính.

Thái độ của Hoa Quốc Phong đương nhiên là vô cùng quan trọng, nhưng muốn chiến thắng được lũ bốn tên, còn phải có tác dụng của một người mà nhất cử nhất động đều có quan hệ đến toàn cục. Người đó chính là ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng: Uông Đông Hưng. Uông Đông Hưng là người lính Hồng quân già, đã từng trải qua cả cuộc trường chinh, nắm trong tay Cục bảo vệ Trung ương, ông trung thành với Mao Trạch Đông, oán hận những hành vi tội ác của lũ bốn tên. Diệp Kiếm Anh đích thân tới Trung Nam Hải tìm Uông Đông Hưng khẩn thiết bàn bạc. Ngay trong cuộc trao đổi, Uông Đông Hưng đã bày tỏ thái độ của mình: "Tôi nghe theo lời của Thủ tướng Hoa Quốc Phong và Phó Chủ tịch Diệp Kiếm Anh, đồng

thời còn đề nghị với Diệp Kiếm Anh rằng: “Sự việc là to, nhưng phạm vi lại không nên to, cần phải tuyệt đối giữ bí mật”.

Ngày 21/9/1976, Hoa Quốc Phong tìm Lý Tiên Niệm trao đổi, bày tỏ rất rõ thái độ của mình: “Xem ra, một cuộc đấu tranh giữa ta và bọn họ là không thể tránh khỏi”. Hoa Quốc Phong đề nghị Lý Tiên Niệm tới chỗ Diệp Kiếm Anh, chuyển giúp lời của ông tới chỗ Nguyên soái, đề nghị ông tìm biện pháp để giải quyết.

Hoa Quốc Phong đã chính thức có thái độ, bây giờ đến lượt Diệp Kiếm Anh phải dốc toàn bộ sức lực ra suy tính, quyết định vấn đề dùng phương thức nào. Dùng phương thức hợp pháp ư? Không kịp nữa rồi. Dùng vũ lực giải quyết ư? Cũng chẳng hay ho gì. Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Uông Đông Hưng, sau khi bàn bạc, cuối cùng quyết định dùng phương thức: “Cơ mưu bắt sống”.

Phương án cụ thể như sau: sẽ triệu tập họp hội nghị Ban Thường vụ Bộ Chính trị với lý do là học tập cuốn 5 của “Mao Trạch Đông tuyển tập”, kéo Diêu Văn Nguyên tham gia, trong hội nghị sẽ lập tức bắt ba tên Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều và Diêu Văn Nguyên, riêng Giang Thanh, xử lý theo cách khác. Thời gian hành động được định vào ngày 6/10. Đây là cuộc chiến đấu một sống một chết, một còn một mất. Để đảm bảo bí mật, nâng cao cảnh giác, tránh con mắt nhòm ngó của Vương Hồng Văn, trước khi hành động, Diệp Kiếm Anh sẽ tùy thời tùy lúc thay đổi chỗ ở, khiến lũ bốn tên không sao mò ra hành tung của ông được. Đồng thời Nguyên soái Diệp Kiếm Anh sẽ có những bố trí thích ứng với quân đội.

Ngày 6/10/1976 đó đã đến. Thời gian hội nghị quyết định sẽ bắt đầu từ 8 giờ tối. Nguyên soái Diệp Kiếm Anh và Hoa Quốc Phong sẽ tới Hoài Nhân Đường trước một giờ đồng hồ. Uông Đông Hưng sẽ làm công tác bố trí cụ thể cùng với nhân viên cảnh vệ chờ sẵn ở đại sảnh. Trong phòng hội nghị, Nguyên soái Diệp Kiếm Anh và Hoa Quốc Phong ngồi trầm lặng trên ghế bành chờ đợi. Kim đồng hồ vẫn tích tắc, tích tắc đều đặn, thời gian cứ nhích dần từng phút một, từng giây một. Đã sắp 8 giờ. Người đầu tiên của lũ bốn tên tới hội trường là Vương Hồng Văn. Sau khi đặt chân vào Hoài Nhân Đường, thấy tình hình có biến, Vương Hồng Văn liền giở các kiểu mà hắn vẫn thường dùng trong võ đấu từ hồi còn ở Thượng Hải, tay đấm chân đá, quyết liệt chống lại. Nhưng một chút võ nghệ còm đó liệu có ích gì, nên chỉ một lát sau Vương Hồng Văn đã bị nhân viên cảnh vệ khống chế. Sau khi Vương Hồng Văn bị đưa vào phòng họp, hắn nhìn thấy Diệp Kiếm Anh và Hoa Quốc Phong đã ngồi sẵn ở đó, hắn lao tới như một con

dã thú. Những nhân viên cảnh vệ thấy tình hình như vậy đã đẩy hắn ngã bổ chửng ra trên mặt đất. Sau khi Vương Hồng Văn nghe Hoa Quốc Phong đọc quyết định, hắn lồng lộn kêu gào: "Ta không ngờ lại nhanh đến vậy".

Tên thứ hai tới đó là Trương Xuân Kiều. Khi hắn bước chân vào hội trường, nhân viên cảnh vệ túc trực tại đó không cho người bảo vệ mà hắn mang theo vào trong hội trường, lúc đó Trương Xuân Kiều mới phát hiện ra sự bất thường. Hắn căn vặn: "Thế là thế nào?" Trương Xuân Kiều bước vào đến hội trường, đã thấy Hoa Quốc Phong tuyên bố nghiêm túc với hắn: "Trương Xuân Kiều, anh hãy nghe đây, anh cùng với bè lũ Giang Thanh, Vương Hồng Văn v.v… phản đảng, phản xã hội chủ nghĩa, phạm vào những tội lỗi không sao tha thứ được". Sau đó Hoa Quốc Phong trịnh trọng tuyên bố, hắn bị "cách ly để điều tra", thi hành ngay lập tức. Nghe tới đó, cái uy phong thường ngày của vị quân sư, và cái "túi khôn" của Trương Xuân Kiều đã biến ngay mất tăm mất dạng, chỉ còn lại đôi chân run cầm cập, sau đó liền bị nhân viên cảnh vệ dẫn đi. Khệnh khạng đến muộn là Diêu Văn Nguyên, giải quyết một kẻ "thư sinh nho nhã" như hắn, quả thật là "dùng dao mổ trâu để giết gà". Hắn ngồi trong phòng nghỉ, chỉ có một mình cục phó Cục Cảnh vệ Trung ương đọc cho hắn nghe quyết định. Nghe xong, tên "côn đồ văn chương" và tên "thầy đề kiện cáo" lập tức ngã lăn đùng ra mặt đất, cuối cùng phải có người dìu hắn mới lê nổi bước chân.

Kẻ cần được giải quyết đơn lẻ là Giang Thanh. Trong gian phòng ngủ số 201 ở Trung Nam Hải, mụ đang mặc chiếc áo ngủ bằng đoạn, vừa ngồi xem những băng hình nhập từ nước ngoài vào, vừa đọc "văn kiện". Tổ hành động của Cục Cảnh vệ Trung ương đã đột nhập vào nhà, mà mụ vẫn còn không hiểu chuyện gì, nên mụ hách dịch quát hỏi những người mới tới: "Chúng mày đến đây làm gì hả?" Khi họ tuyên bố cho mụ biết quyết định, Giang Thanh mới tá hỏa lên, lập bập hỏi: "Tại sao? Tại sao?" Những người mới đến đáp: "Bà cứ đi rồi sẽ biết!" Lúc ấy Giang Thanh mới hiểu ra mọi chuyện. Mụ đòi đi toa lét. Mụ ở lại trong phòng vệ sinh có tới mười lăm phút đồng hồ, cuối cùng cũng đành chịu để hai nữ cảnh vệ "hộ tống", và lảo đảo bước đi. Người cần phải giải quyết cuối cùng trong lần hành động này là Mao Viễn Tân. Mao Viễn Tân là nhân vật trung kiên tham gia vào việc cướp quyền của lũ bốn tên. Người được giao nhiệm vụ đi giải quyết hắn là Lý Liên Khánh, người vệ sĩ già của Mao Trạch Đông. Nơi ở tạm thời của Mao Viễn Tân, nằm ở phía sau Niên đường, trong Trung Nam Hải, Lý Liên Khánh đọc cho hắn nghe quyết định của Trung ương. Tên "liên lạc viên" đầu sai nhưng lại mang đầy vẻ "thái tử", này bị tịch thu một khẩu súng ngắn, và bị dẫn đi mà không hề có một chút phản kháng nào.

Cuộc Đại Cách mạng Văn hóa được chính thức phát động vào tháng 5/1966, cho đến tháng 10/1976, sau 10 năm tập đoàn Giang Thanh tùy tiện ngỗ ngược hoành hành, đã kết thúc trong một giờ đồng hồ, đã được giải quyết triệt để, thu dọn sạch sẽ, không tốn một viên đạn. Sau hành động đó, Hoa Quốc Phong và Diệp Kiếm Anh cử quân đội đến tiếp quản Đài phát thanh Nhân dân vốn đã bị lũ bốn tên khống chế từ lâu, đồng thời cũng tiếp quản luôn Tân Hoa xã cùng với một số đơn vị báo chí tân văn, cũng ngay lập tức triệu tập hội nghị khẩn cấp, bao gồm các Ủy viên Bộ Chính trị có mặt tại Bắc Kinh tới họp tại nơi ở của Diệp Kiếm Anh tại Tây Sơn. Mười giờ đêm 6/10/1976, Hoa Quốc Phong cùng với Diệp Kiếm Anh nắm tay nhau, tươi cười bước ra gặp mặt những người dự hội nghị. Hoa Quốc Phong nghiêm trang nhắc lại quá trình đập tan lũ bốn tên. Hội trường bỗng sôi động hẳn lên, tiếng nói đã bị những tiếng vỗ tay không ngừng át đi mất. Trong bầu không khí phấn khởi tưng bừng, cuộc họp kéo dài đến tận sáng bạch. Hội nghị khẩn cấp của Bộ Chính trị ra quyết định: Hoa Quốc Phong nhận chức chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc, chủ tịch Quân ủy Trung ương, và quyết định ra thông báo về việc đập tan lũ bốn tên, bắt đầu từ ngày 7/10, trong phạm vi toàn quốc, nơi nơi trên dưới đều mở hội nghị "nhắc nhở".

Việc chính thức truyền đạt tin tức là theo từng cấp, từng cấp, nhưng tin tức lan truyền đi còn nhanh hơn nhiều. "Lũ bốn tên đã bị bắt!", tin vui mừng đặc biệt đó không chân mà chạy rất nhanh. Trong thời tiết thu vàng cực kỳ tươi đẹp này, cả đại địa Thân Châu cùng tưng bừng phấn khởi.

Gia đình chúng tôi ở phố Rộng, vì phải sống trong tình trạng bán phong tỏa, nên tin tức tương đối bị bịt lối. Trong khi Trung ương đang lập kế hoạch đập tan lũ bốn tên, thì cả gia đình tôi vẫn còn đang sống trong tình trạng bồi hồi lo lắng vì âm mưu cướp đoạt quyền lực của lũ bốn tên càng ngày càng lộ rõ như ban ngày. Nếu như lũ bốn tên cướp được chính quyền thật, đó sẽ là một đại họa ngút trời của lịch sử Trung Quốc. Đến lúc đó tính mệnh của cha tôi và của cả gia đình tôi chẳng còn phải tính toán gì nữa, chẳng phải nói gì nữa, nhưng trên cả đất nước Trung Hoa sẽ có không biết bao nhiêu đầu rơi máu chảy. Ngay cả khi cha tôi bị phê phán, chúng tôi cũng chẳng đến nỗi lo lắng như thế. Sau Sự kiện Thiên An Môn, cha tôi bị đánh đổ thêm một lần nữa, chúng tôi cũng chẳng đến nỗi lo lắng như vậy. Nhưng sau khi Mao Trạch Đông qua đời, mắt nhìn thấy rõ tình thế càng trở nên nguy cấp hơn, sự lo lắng trong lòng cũng mỗi ngày một tăng, một nhiều. Cha tôi càng trầm lặng hơn. Chính trong khi cha tôi không nói năng gì như vậy, chúng tôi càng nhìn rõ muôn vàn mối âu sầu phiền muộn đè xuống lòng ông. Mao Trạch Đông qua đời, Bộ Chính trị có một vết nứt khổng lồ, đấu tranh

chỉ có thể càng thêm kịch liệt. Họa chăng, phúc chăng, trong lòng hoàn toàn không biết được. Mắt nhìn thấy đảng và nhà nước có thể càng ngày càng lún sâu vào tình thế xấu nhất, là một người đã bị "đánh đổ", cha tôi không được tự do hành động, ông hoàn toàn bất lực. Điều duy nhất ông có thể làm được là bình tĩnh, im lặng đợi chờ xem sự đi tới của tình hình.

Tin Trung ương đập tan được lũ bốn tên nhanh chóng bung ra. Ngày 7/10/1976, tức là ngày thứ hai, sau khi Trung ương đập tan lũ bốn tên, một vị lão đồng chí của ông thân sinh Hạ Bình, công tác trong quân đội, lao đến nhà họ Hạ, báo ông chạy ngay đến phố Rộng báo tin cho gia đình nhà tôi. Cha Hạ Bình liền gọi Hạ Bình đang từ nơi công tác, về nhà, bảo anh lập tức về phố Rộng, báo tin cho toàn gia đình tôi biết. Hạ Bình nhảy lên xe đạp phóng như bay về phố Rộng. Vừa bước vào nhà, anh đã nói toang toang: "Lại đây! Lại đây mau!" Cả nhà thấy anh mồ hôi mồ kê nhễ nhại, biết ngay rằng có một chuyện gì đó rất to lớn đã xảy ra. Khi đó, trong nhà chúng tôi có giấu thiết bị nghe trộm, cho nên hễ có việc gì quan trọng, đều dùng cách thức chống nghe trộm là nói nhỏ với nhau. Tất cả nhà tôi, cha mẹ, Đặng Lâm lúc đó cũng đang có mặt ở nhà, tôi và Đặng Nam cùng chạy vào trong toa lét, đóng chặt cửa, mở cho vòi nước chảy thật to. Rồi trong miệng xối ào ào, chúng tôi quây quanh lấy Hạ Bình, nghe anh tường thuật lại việc đánh tan lũ bốn tên. Cha tôi tai kém, miệng vòi nước lại chảy quá to, nên nhiều lúc không nghe thấy gì, đành cứ phải hỏi lại: "Lũ bốn tên bị đập tan rồi ư? Có thật không?" Chúng tôi hầu như không dám tin đấy là sự thật. Nghe đến những đoạn ly kỳ gay go, ba đứa con gái chúng tôi vui mừng cứ nhảy cỡn lên! Tim chúng tôi cứ thình thịch đập liên hồi, to đến mức độ chính tai mình còn nghe thấy được, bàng hoàng, xúc động, căng thẳng, và vui điên cuồng, tất cả mọi thứ tình cảm hỷ nộ ai lạc, đều bốc hết lên đầu. Cha tôi vô cùng xúc động, điếu thuốc lá ông kẹp ở tay cứ bần bật rung lên. Cả nhà chúng tôi trong gian phòng vệ sinh ấy, bên cạnh tiếng nước chảy ào ào, chúng tôi hỏi han, chúng tôi nói năng, chúng tôi bàn luận, khe khẽ hoan hô, chửi bới cho bõ tức, hình như chẳng có phương cách nào có thể giúp chúng tôi biểu lộ niềm vui và phấn chấn.

Ngày 10/10/1976, khi tin tức đã được chứng minh thêm lần nữa, cha tôi trịnh trọng cầm lấy ngọn bút, viết thư, gửi tới Uông Đông Hưng nhờ chuyển cho Hoa Quốc Phong và Trung ương, biểu thị lòng kiên quyết ủng hộ hành động quả cảm của Trung ương đã đánh tan lũ bốn tên trong chốc lát. Cuối thư cha tôi đã dùng những từ ngữ mà cha tôi chưa từng bao viết: "Tôi cũng như nhân dân toàn quốc, đối với sự thắng lợi của cuộc đấu tranh vĩ đại này, tự trong đáy lòng, cảm thấy muôn vàn sung sướng, tôi cũng không thể không hô to lên rằng: Muôn năm,

muôn năm, muôn muôn năm!”

Muôn năm! Muôn năm! Muôn năm!

Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc được sống lại. Đó là thắng lợi của đảng. Đó là thắng lợi của nhân dân.

Muôn năm! Muôn năm! Muôn muôn năm!

Ngày 16/10/1976, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức, công khai công bố tin tức về việc đập tan lũ bốn tên. Ngày 21/10/1976, một triệu rưỡi nhân dân quần chúng thành phố Bắc Kinh, không nén giữ nổi sự xúc động, vui mừng tự phát, từ trong nhà đổ xuống, từ cơ quan, từ các trường học, từ các xí nghiệp đổ ra, từ nông thôn kéo vào, tập hợp tại quảng trường Thiên An Môn, và phố Trường An, biến thành một cuộc diễu hành hùng vĩ hiên ngang, khí thế ngút trời, mừng vui cuồn cuộn. Hôm đó chúng tôi cũng tham gia. Dưới cái nắng thu óng ả, chúng tôi đi lẫn vào trong đội ngũ của quần chúng, chúng tôi cười, chúng tôi hát, chúng tôi hô to những khẩu hiệu. Chốc chốc lại chợt “đùng” một tiếng, có ai đó phấn khởi đốt một quả pháo, khiến mọi người lại càng hứng khởi, hò reo vang dội. Tiếng thanh la ấy, tiếng trống ấy, tiếng pháo ấy, tiếng hò reo vang dội ấy, chính là tiếng lòng của quần chúng nhân dân khi giành được tự do, khi giành được giải phóng. Hạ Bình người cao lớn, nên được đơn vị anh giao cho nhiệm vụ đốt pháo. Anh khoác hai chiếc túi dết quân dụng to, trong đựng toàn pháo, mà toàn loại pháo “Nhị Thích Cước” nổ rất giòn. Anh đi trong lòng ngũ, cầm những bánh pháo giơ cao, đốt xả láng, đối pháo suốt một ngày như thế, tuy đã đi găng tay bằng vải bạt dầy cộp, nhưng tay anh vẫn bị sứt sẹo, còn mùi thuốc pháo trên người mấy ngày hôm sau vẫn chưa hết.

Đập tan lũ bốn tên là một ngày hội lớn của toàn thể nhân dân Trung Quốc. 29 thành phố, khu, tỉnh liên tục tổ chức những cuộc mít tinh, diễu hành tưng bừng, khí thế. Nhân dân quần chúng trong suốt mười năm trời bị không khí chính trị của Cách mạng Văn hóa ép trên đầu trên cổ nặng nề, nay được thảnh thơi thoải mái, tha hồ biểu lộ những tình cảm vui sướng của mình, trong nhiều thành phố những loại thức ăn ngon đều bị mua vét nhẵn nhụi. Tháng 10, mùa thu vàng, chính là thời vụ cua béo, cúc vàng, họa sĩ nổi danh Hoàng Vĩnh Ngọc múa bút vẽ bức tranh “Bắt cua”, đem đến tặng cho con người có công trạng huy hoàng, thành tích vĩ đại, Nguyên soái Diệp Kiếm Anh. Liền đó, việc bắt cua, ăn cua lập tức trở thành một cái mốt thời đại. Phàm những ai mua được cua, đều đi mua thêm rượu, mua cua, ai ai cũng đòi mua cho bằng được “ba ông một bà” (ba cua đực một cua cái - N.D), để cho thỏa những nỗi bực tức trong lòng.

Năm 1976, đúng là một năm mà phong vân biến đổi, trời cao sụt thấp, buồn vui lớn. Trong vòng một năm ấy, đã nảy sinh bao nhiêu sự kiện kinh hồn bạt vía, rung động can tràng. Tháng giêng, Chu Ân Lai qua đời. Tháng 2, Trung ương truyền đạt chỉ thị của Mao Trạch Đông, phát động cuộc phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích "làn gió hữu khuynh lật án". Tháng 3, toàn quốc dấy lên ngọn triều truy điệu Chu Ân Lai. Tháng 4, tiết Thanh Minh, bùng nổ Sự kiện Thiên An Môn làm chấn động cả trong lẫn ngoài nước, và đã bị đàn áp; Trung ương tung ra "hai nghị quyết", bổ nhiệm Hoa Quốc Phong làm Phó Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, và Thủ tướng Quốc vụ viện, cùng với việc bãi nhiệm tất cả mọi chức vụ trong và ngoài đảng của Đặng Tiểu Bình, tiếp theo đó thổi bùng lên một cuộc phê phán Đặng Tiểu Bình đại quy mô. Tháng 7, khai quốc công thần, Nguyên soái Chu Đức từ trần. Khu vực Đường Sơn bị một trận động đất lớn, thiệt hại, thảm thê không sao tả xiết. Tháng 9, Mao Trạch Đông, vĩ nhân một đời, ra đi. Lũ bốn tên đẩy mạnh âm mưu hoại đảng, cướp đảng, đoạt quyền. Tháng 10, Trung ương quả cảm, anh minh, đập tan lũ bốn tên trong chốc lát. Tháng 10/1976, là tháng 10 huy hoàng, một tháng 10 hạnh phúc. Năm 1976 là năm luẩn quẩn lòng vòng nhất, là năm lận đận vấp váp nhất trong lịch sử của nước Trung Quốc mới, và cũng là năm đáng viết ra những pho sách to, dầy nhất.

Cái năm Rồng Bính Thìn ấy, bây giờ nghĩ lại, vẫn khiến người ta phải nắm tay nhau than thở, năm buồn vui lẫn lộn, không quên được!

Đập tan "lũ bốn người", đó là một thắng lợi huy hoàng dành được sau một cuộc tranh đấu anh dũng gian khổ tuyệt vời của nhân dân Trung Quốc. Lấy việc đập tan "lũ bốn người" làm chuẩn, thì cuộc Đại Cách mạng Văn hóa kéo dài liên tục tới mười năm trời, đến hồi cáo chung, kết thúc. Mười năm Cách mạng Văn hóa là một cuộc đại động loạn, đại tai hại trong phạm vi toàn quốc, được phát động từ trên xuống. Cuộc chém giết tàn bạo của Cách mạng Văn hóa đối với nhà nước ta, đối với đảng ta, đã gây ra những tổn thất nặng nề không sao cân đong đo đếm được. Trong thời gian Cách mạng Văn hóa, chính trị rối ren, xã hội hỗn loạn, sản xuất bị phá hoại, đời sống nhân dân khó khăn, kinh tế đã đứng bên bờ vực thẳm suy sụp. Trong Cách mạng Văn hóa, hàng loạt cán bộ lão thành từ trên xuống dưới bị đánh đổ, bị hãm hại, số người trong các giới, các địa phương trên toàn quốc bị vu cáo, bị liên quan vào các loại tội danh, là một con số khó tính toán. Kể từ khi Cách mạng Văn hóa bắt đầu vào tháng 10/1966, chỉ trong vòng chưa đầy nửa năm những người bị xếp vào loại "trâu ma, rắn quỷ", rồi bị đuổi từ thành phố về nông thôn lên tới hơn 397 nghìn người. Từ hạ tuần tháng 8 đến cuối tháng 9/1966, chỉ trong vòng hơn bốn chục ngày, riêng một thành phố Bắc

Kinh đã có hơn 85 nghìn người bị đuổi về quê cũ, 1.772 người bị đánh chết, hơn 33 nghìn hộ bị lục soát, khám xét nhà cửa. Trong vòng hơn 4 năm từ năm 1967 đến năm 1971, những cán bộ lãnh đạo cao cấp bị tống giam vào ngục tối ở thành phố Bắc Kinh là trên 500 người, trong đó số bị hành hạ dày vò đến chết là 43 người, bị mang thương tật, tàn phế trên 20 người, những người bị mắc bệnh tâm thần là trên 60. Trong suốt cuộc Cách mạng Văn hóa, các mặt chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa, giáo dục v.v… đều bị phá hoại nghiêm trọng, tất cả những tinh thần cao thượng tốt đẹp được vun đắp từ sau khi xây dựng đất nước đều bị vu cáo, dẹp bỏ, phê phán, đều bị phá vỡ nghiêm trọng. Toàn bộ tư tưởng xã hội bị cấm đoán, không khí chính trị bị đè nặng, dưới cuộc "đấu tranh giai cấp" liên tục, không ngừng không nghỉ với danh nghĩa "cách mạng", người dân bị chà đạp, dày vò méo mó đến thân tàn ma dại. Lịch sử đã chứng minh rằng, cuộc Cách mạng Văn hóa nhân tạo được phát động, rồi được thúc đẩy cũng do nhân tạo này, là một cuộc chém giết khủng khiếp trong lịch sử Trung Quốc, bất kể là về mặt lý luận, hay về mặt thực tiễn đều là một sai lầm cực đoan từ đầu tới cuối, từ cuối tới đầu. Cuộc Cách mạng Văn hóa kéo dài trong thời gian dằng dặc 10 năm, với sai này chồng lên sai khác, với lầm này chồng lên lầm kia, về mặt phản diện, nó đã thức tỉnh được lòng dân Trung Quốc, và tự tạo cho nó người đào huyệt. Nhân dân Trung Quốc trải qua mười năm khốn đốn tai họa, họ đã dùng chính nghĩa của họ, dũng khí của họ, để cuối cùng chiến thắng được lầm lỗi, bắt đầu đi sâu vào, hướng tới con đường quang minh chính đại của chân lý và hy vọng.

Sự phục hồi trong vòng sáng huy hoàng

Đập tan lũ bốn tên rồi, cuộc Đại Cách mạng Văn hóa mà nhân loại kinh tởm khủng khiếp, đã kết thúc. Nhưng Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc muốn đứng dậy được từ sự hoang tàn đổ nát kéo dài đã lâu ngày, còn cần phải khắc phục vô vàn những khó khăn, nếu muốn bước được ra khỏi tư tưởng bị cầm tù, nền kinh tế suy sụp, quyết không phải là một sớm một chiều đã đạt được mục tiêu, còn cần phải tháo dỡ những ràng buộc trên con đường chân lý, lại càng cần phải có muôn vàn những cuộc mò mẫm thăm dò đầy gian nan.

Đập tan lũ bốn tên rồi, nhưng vận mệnh chính trị của cha tôi ngay trong lúc đó vẫn nằm yên bất động. Sau khi đập tan lũ bốn tên, Trung ương vẫn còn chưa xem xét lại "việc phê phán Đặng Tiểu Bình", vẫn chưa minh oan cho Sự kiện Thiên An Môn, đồng thời còn đưa ra hai cái "phàm là", nó cũng có nghĩa là: "Phàm là những quyết sách do Mao Chủ tịch đề xuất, chúng ta phải kiên quyết ủng hộ. Phàm là chỉ thị của Mao Chủ tịch, chúng ta đều trước sau như một, tôn trọng". Tuy lũ bốn tên đã bị đập tan, tuy Cách mạng Văn hóa đã kết thúc, nhưng ảnh hưởng "tả khuynh" đã hình thành từ rất lâu nay chẳng phải chỉ một đêm mà mây tan khói tạnh được. Dù sao Mao Trạch Đông cũng là một đời vĩ nhân, dù sao cũng là đại diện cho thời đại mới kể từ xây dựng đất nước đến nay, dù sao cũng đã bị thần thánh hóa, thành tô-tem sùng bái cá nhân, có trung thành với Mao Trạch Đông hay không, lúc đó vẫn còn là vật chuẩn duy nhất mà một số người dùng để cân đong đo đếm. Cách thức suy nghĩ ấy chẳng phải cá nhân một con người nào quyết định, mà nó được hình thành qua một thời kỳ dài dằng dặc trong điều kiện lịch sử đặc thù. Với bầu không khí tư tưởng kiểu đó, nếu muốn minh oan được cho Sự kiện Thiên An Môn, muốn cho Đặng Tiểu Bình tái xuất hiện, vẫn cần phải có một quá trình. Quá trình đó là một quá trình tất yếu của lịch sử, và cũng không thể cướp đường của quá trình lịch sử được.

Khi đó cả gia đình tôi vẫn ở trong nhà nơi phố Rộng. Với đại tiền đề chính trị là "tiếp tục phê phán Đặng Tiểu Bình", cha tôi vẫn sống trong tình trạng bị giam lỏng. Đến tháng 10, vì trời đã chuyển sang rét, chúng tôi đã cho phá dỡ túp lều chống động đất ngoài sân. Dư chấn tuy không xảy ra, nhưng trận động đất lớn kia vẫn còn để lại trong lòng mỗi người một nỗi khiếp sợ kinh hoàng, chưa tiêu tan đi được. Tuy mọi người đã dọn vào ở trong nhà, nhưng vẫn còn chọn lựa các biện pháp chống cuộc động đất khác. Gia đình tôi cũng giống như mọi gia đình ở

Bắc Kinh, cũng làm một cái khung gỗ che trên giường, tính rằng, có phòng bị vẫn hơn. Tình cảm sôi sục đối với việc đập tan lũ bốn tên vẫn còn rực cháy trong lòng mỗi con người, nhưng luận điệu "tiếp tục phê phán Đặng Tiểu Bình" lại làm cho mọi người cảm thấy ngỡ ngàng, bất ổn và chán chường. Trong dư luận xã hội, mọi người đang quan tâm tới vận mệnh của Đặng Tiểu Bình, mong mỏi Đặng Tiểu Bình tái xuất hiện, và nó đã thành đầu đề của các câu chuyện sôi nổi ở khắp phố phường. Nhưng với tiền đề lớn là tiếp tục duy trì hai cái "phàm là" và "phê phán Đặng Tiểu Bình", việc đó vẫn còn là con đường dài đằng đẵng, "xa xôi hề!"

Ngày 4/11, bệnh u xơ tiền liệt tuyến của cha tôi làm ông bí tiểu nghiêm trọng. Bệnh viện 301 cử bác sĩ đến tận nhà khám bệnh, và thông tiểu tạm thời cho cha tôi. Trước khi các bác sĩ trở về có để lại một số thuốc tiêm cho cha tôi. Tôi học y, nên biết tiêm; Đặng Nam muốn tỏ lòng hiếu đễ, nên chị cũng học tiêm, nhưng làm sao có thể đem cha tôi ra làm vật thí nghiệm được. Đặng Lâm bèn tình nguyện. "Chị không sợ đau, cứ thử chọc kim vào người chị đây này". Chúng tôi tiêm thuốc cho cha tôi, nhưng đó chỉ hoàn toàn là tạm thời. Ngày 9/12/1976, thấy bệnh tình của cha tôi càng nghiêm trọng. Do chúng tôi yêu cầu đòi hỏi, nên sau 11 giờ đêm 10/12/1976, cha tôi được đưa vào bệnh viện 301 nằm điều trị. Bệnh viện 301 đã chuẩn bị hết sức chu đáo để đưa Đặng Tiểu Bình vào nằm viện. Khi đó cả tầng năm ở phía nam dành cho khoa ngoại, vừa lắp đặt xong thiết bị còn chưa đưa vào sử dụng, lại do Đặng Tiểu Bình còn đang trong trạng thái bị cách ly chính trị, khi vào viện cũng không được tiếp xúc với người khác, nên đưa Đặng Tiểu Bình vào nằm ở tầng năm phía nam là tiện nhất. Sau khi Đặng Tiểu Bình vào nằm viện, phía hành lang bên này có người gác, phía hành lang bên kia là cầu thang, cửa lên xuống được khóa chặt, để đề phòng tin tức "lọt ra ngoài". Khi đó khu nhà phía nam đó còn mới tinh khôi, lũ chúng tôi được chiếm lĩnh cả một tầng năm, thật là quá xa xỉ. Mới đầu, chỉ có mẹ tôi và Đặng Nam đem theo Miên Miên vào ở trong bệnh viện chăm nom, về sau thấy giám đốc bệnh viện cùng các bác sĩ và hộ lý đối xử rất nhiệt tình với chúng tôi, tôi cũng chui vào đó. Cả một tầng lầu, có bao nhiêu là phòng trống, thừa đủ để cho gia đình nhà tôi vào ở trong đó. Thấy mọi người trong bệnh viện đối xử tử tế, nên chúng tôi cũng liều lĩnh "lạm dụng" một tý, không những cả nhà vào ở, mà còn đem theo bếp điện, nồi lửa cơm nước, gần như dọn tuốt cả nhà vào đó sinh sống vậy.

Ngày 12 và 13/12/1976, bệnh viện đã hai lần mời Ngô Giai Bình, chuyên gia tiết niệu của Trung Quốc tới khám cho cha tôi, đồng thời quyết định tiến hành

mổ.

Khi đó, việc đập tan lũ bốn tên đã được hơn hai tháng rồi sự đòi hỏi Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại càng ngày càng cao, càng rộng, có rất nhiều đồng chí lão thành cách mạng chạy đây chạy đó hoạt động để tranh thủ đưa Đặng Tiểu Bình trở lại làm việc càng sớm càng tốt.

Diệp Kiếm Anh cùng với một số những người khác cũng ra sức vận động, làm việc, để đưa Đặng Tiểu Bình xuất hiện trở lại. Việc trở lại của Đặng Tiểu Bình đã trở thành nguyện vọng của quần chúng với sức mạnh không gì ngăn nổi, vấn đề duy nhất còn lại là thời cơ và cách thức mà thôi.

Ngày 1/12/1976, Trung ương ra quyết định phục hồi cho Đặng Tiểu Bình được đọc các văn kiện. Số văn kiện đầu tiên được đưa vào bệnh viện, nội dung là: “Tài liệu đầu tiên về những tội trạng của Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều, Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên” mà Trung ương đã cho phát xuống dưới. Trên giường bệnh, sau khi cha tôi đã đọc hết những văn kiện đó, vừa đặt văn kiện xuống, cha tôi đã trịnh trọng nói: “Thế này đã quá đủ rồi, việc gì cần đến thứ hai, thứ ba nữa. Thực quá đủ để định tội rồi”. Thực ra chẳng phải chỉ có một mình cha tôi có nhận định như vậy. Thực tế lũ bốn tên đã mắc quá nhiều tội ác to lớn, chỉ bằng vào “tài liệu đầu tiên” này thôi, vấn đề đã được vạch ra quá rõ, đủ sức để buộc tội. Nhân dân toàn quốc mong ngóng sớm đem những tên tội phạm lịch sử này ra trước vành móng ngựa. Ngày 16/12/1976, Hoa Quốc Phong và Uông Đông Hưng bút phê đồng ý cho bệnh viện tiến hành phẫu thuật chữa bệnh cho Đặng Tiểu Bình. Ngày 24/12/1976, bệnh viện 301 mổ cắt u xơ tiền liệt tuyến cho cha tôi. Cuộc mổ được tiến hành rất thuận lợi. Sau mổ, cha tôi phục hồi rất nhanh.

Việc Đặng Tiểu Bình đi nằm bệnh viện tuy gọi là giữ bí mật, nhưng cái “mật” này lại không bị bí. Tầng năm của khu nhà cao tầng phía nam, đèn sáng suốt đêm, khiến nhiều người tò mò đoán định. Đó là ai, tại sao lại ở đó một cách thần bí như vậy? Chỉ ít lâu sau, phong thanh đã lọt ra ngoài. Tin Đặng Tiểu Bình nằm bệnh viện không cánh mà bay. Bình thường, ở tầng năm có người canh gác, cửa vào hành lang lại đóng kín và khóa chặt. Rất nhiều người đến thăm Đặng Tiểu Bình nhưng không vào được. Về sau có người tìm hiểu được quy luật, mỗi khi nhân viên y vụ đi ăn cơm, cửa vào hành lang không khóa, họ lừa cơ hội đó mà vào. Người đầu tiên đến “xông đất” là Dư Thu Lý. Tôi còn nhớ, hôm đó, lão tướng quân Dư Thu Lý, một cánh tay đã để lại chiến trường, vung cánh tay còn lại lên nói to: “Mặc ai cấm không cho thăm, nhưng tôi vẫn cứ đến thăm đây”.

Nói xong liền cao chân bước thẳng vào cửa. Trên giường bệnh, cha tôi được gặp Dư Thu Lý làm ông sung sướng vô cùng. Tất cả bọn tôi đều xúm xít lại, thoải mái chuyện trò không còn biết gì đến trời đất nữa. Khi nói tới câu chuyện vô cùng vui mừng phấn khởi là chuyện đập tan lũ bốn tên, vốn dĩ rất thân thiết xưa nay, nên chẳng phải giữ gìn gì, chúng tôi tuồn tuột nói ra rằng: “Chú ơi! Người ta bảo rằng, khi họp để truyền đạt tin vui đập tan lũ bốn tên, mọi người đều vỗ tay cả, nhưng có một người không vỗ tay, đó là chú có phải không ạ?” Chú Dư Thu Lý cười khanh khách nói to: “À thì ra cái lũ chúng mày, toàn đem chú mày ra mà chọc chơi. Chú chỉ có một tay, không vỗ được thực đấy. Nhưng chú cũng có cách thức của chú chứ, chú lấy một tay đập đập lên bàn”. Câu nói của chú Dư Thu Lý làm mọi người lại cười ồ. Khi chú Dư Thu Lý ra về, chú nói với cha tôi: “Đồng chí Tiểu Bình này, mọi người chúng tôi đang mong ngóng đồng chí ra làm việc lại đấy”. Sau khi Dư Thu Lý đến thăm, tin tức không sao bịt kín được nữa rồi, cách ly cũng đã hết cách ngăn. Sau đó hai vị lão Nguyên soái đức cao vọng trọng, Từ Hướng Tiền và Nhiếp Vinh Trăn, lần lượt đích thân vào thăm cha tôi, Đặng Tiểu Bình, người lão đồng chí. Hai ông cũng bày tỏ một khát khao cháy bỏng, mong cha tôi sớm trở lại công tác.

Bệnh cha tôi đã chữa xong; vốn cũng đã định sơm sớm xuất viện, nhưng ngôi nhà ở phố Rộng của chúng tôi đã bị trận động đất làm cho hư hại nghiêm trọng, không thể tiếp tục về ở đó được nữa, nên cha tôi phải ở thêm lại trong bệnh viện một thời gian. Trong thời gian này, rất nhiều cán bộ quân đội làm việc trong bệnh viện đều đến thăm cha tôi. Tin tức truyền đi, càng có nhiều người từ bên ngoài bệnh viện kéo tới chỉ có một việc là thăm viếng Đặng Tiểu Bình, tầng năm ngôi nhà ở phía nam đã trở thành nơi hẹn hò tấp nập của người đi kẻ đến.

Tết năm 1977, cả nhà tôi ăn Tết tại bệnh viện 301.

Ngày 3/2/1977, sau 55 ngày nằm viện, cha tôi khỏe mạnh về nhà.

Sau khi xuất viện, đích thân Nguyên soái Diệp Kiếm Anh thu xếp để cha tôi vào ở một ngôi lầu mang số 25 thuộc quân ủy Tây Sơn nằm ở ngoại ô Bắc Kinh. Ngôi nhà lầu này, Vương Hồng Văn đã từng ở. Chúng tôi bước vào nhà xem mà thấy cảm giác rất khác lạ. Phòng ốc thật tuyệt vời, chẳng nói làm gì, bên trong có cả một đại sảnh chuyên dùng vào việc xem chiếu bóng, thì ra, các ngài Cách mạng Văn hóa tân tiến sang trọng cũng rất biết hưởng thụ. Ngôi nhà lầu mang số 25 đó nằm ở chỗ cao nhất của trái núi, đi lần theo con đường xe chạy, xuống phía dưới, sẽ đến ngôi nhà lầu mang số 15, mà Nguyên soái Diệp Kiếm Anh ở. Có một buổi tối, trong lúc cả nhà tôi đang ăn cơm, cậu Đâu Đâu con trai nhỏ của

Diệp Kiếm Anh tới. Cậu ta khe khẽ nói với chúng tôi, cậu ta được lệnh đến đón "ông Lão" nhà tôi, tới gặp "ông Lão" nhà cậu. Nghe xong, cha tôi vội vã đi ngay.

Xe của Đâu Đâu đỗ ngay bên ngoài cổng lớn, cha tôi lên xe, ngồi ở ghế sau, tôi và Đâu Đâu ngồi ở hàng ghế trước. Đâu Đâu lái xe. Chẳng hiểu vì cơn cớ gì mà lại cho xe đến đón cha tôi tới gặp Nguyên soái Diệp Kiếm Anh ở ngay ngôi lầu số 15. Cha tôi xuống xe, bước nhanh vào bên trong cổng lớn. Vừa bước vào cổng, từ xa, cha tôi đã nhìn thấy Nguyên soái đang có người dìu đi ra, Nguyên soái Diệp Kiếm Anh thân hành ra đón khách. Cha tôi gọi to "ông anh" (Lão huynh), rồi bước gấp về phía trước. Cha tôi và Nguyên soái Diệp Kiếm Anh cùng bước tới, hai người nắm tay nhau thật chặt, mãi không buông nhau ra. Sau đó, người nọ dìu người kia, cùng bước vào phòng. Cửa phòng đóng chặt, hai ông nói chuyện với nhau rất lâu, thật lâu…

Ngày 10/4/1977, cha tôi cầm bút viết thư cho Trung ương. Trong thư ông minh bạch phê bình quan điểm của "hai cái phàm là". Trong thư ông nói rõ, chúng ta phải đời đời kiếp kiếp vận dụng tư tưởng Mao Trạch Đông một cách chuẩn xác, hoàn chỉnh để chỉ đạo toàn đảng, toàn quân và toàn dân chúng ta, đẩy mạnh sự nghiệp của đảng và xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phong trào Cộng Sản quốc tế tiến tới thắng lợi. Trong thư đó, cha tôi cũng minh bạch đề xuất vấn đề phải lý giải tư tưởng Mao Trạch Đông một cách chính xác và hoàn chỉnh.

Ngày 3/5/1977, Trung ương cho truyền phát thư đó của Đặng Tiểu Bình, và khẳng định rằng ý kiến đó của Đặng Tiểu Bình là chính xác. Ngày 24/5/1977, khi Đặng Tiểu Bình chuyện trò trao đổi với hai vị lãnh đạo Trung ương, ông lại minh bạch nêu rõ: "hai cái phàm là" không phù hợp với chủ nghĩa Mác. Ông nói: "Đem việc đồng chí Mao Trạch Đông nói về vấn đề này chuyển dịch sang vấn đề khác, nói ở địa điểm này lại đem chuyển dịch sang địa điểm khác, nói trong thời gian này lại đem chuyển dịch sang thời gian khác, nói trong điều kiện này lại chuyển sang điều kiện khác, làm như vậy là không ổn rồi". Ông chỉ rõ: "Đây là vấn đề lý luận rất quan trọng, đây có phải là vấn đề theo đuổi chủ nghĩa duy vật lịch sử hay không đâu, Mác, Ăng-ghen chưa từng bao giờ nói 'phàm là', Lê-nin, Stalin cũng chưa từng bao giờ nói 'phàm là', bản thân đồng chí Mao Trạch Đông cũng chưa từng bao giờ nói 'phàm là'". Ông nhấn mạnh: "Tư tưởng Mao Trạch Đông là một hệ thống tư tưởng". "Chúng ta giương cao ngọn cờ này, tức là chúng ta phải học tập và vận dụng cả một hệ thống tư tưởng đó".

Trong thời gian ấy, có một số người ở Trung ương đã từng đề nghị ông viết một bản kiểm điểm, và thừa nhận Sự kiện Thiên An Môn là "Sự kiện phản cách

mạng”. Cha tôi kiên quyết chối từ, bảo rằng sẽ không viết kiểm điểm nữa. Đối với Sự kiện Thiên An Môn, ông nói: “Việc tôi không xuất hiện trở lại làm việc chẳng có gì quan trọng, nhưng Sự kiện Thiên An Môn là một ‘hành động cách mạng’”.

Với sự thúc đẩy của Diệp Kiếm Anh, Trần Vân, Lý Tiên Niệm, Vương Chấn và một số đồng chí lão thành khác, với sự thúc giục mạnh mẽ của quần chúng, nhân dân toàn quốc, chín tháng sau khi đập tan lũ bốn tên, vào tháng 7/1977, cuối cùng Đặng Tiểu Bình đã xuất hiện trở lại.

Sự xuất hiện trở lại lần này là sự xuất hiện trở lại do nguyện vọng của quần chúng đòi hỏi, là sự xuất hiện khi tiền đồ và vận mệnh của Trung Quốc đã đứng trước cửa quan biên ải, là sự xuất hiện trong vầng hào quang huy hoàng.

Lời kết và lời cảm tạ

Mười năm Cách mạng Văn hóa đã kết thúc từ lâu. Cuộc chém giết chính trị tàn bạo trên đại địa Trung Quốc trong thế kỷ XX đã sớm trở thành những ký ức xa vời vợi, đã chìm sâu vào trong hồi ức của mỗi người. Song, tuy Cách mạng Văn hóa đã kết thúc hơn 20 năm rồi, nhưng mỗi con người đã phải trải qua những năm tháng đó đều có những ký ức khắc cốt ghi xương. Năm tháng cứ dần dần trôi đi, quang âm một đi không trở lại, nhưng cái dấu ấn đã khắc sâu vào trong tâm khảm mỗi người sẽ không bao giờ phai nhạt.

Mười năm Cách mạng Văn hóa là một trang sử rất đặc thù trong lịch sử Trung Quốc, đủ để cho thiên niên vạn đại nghiên cứu và nếm lại cái dư vị của những năm tháng này. Mười năm Cách mạng Văn hóa là một cơn đại hồng thủy, mang tính bột phát, và phát triển tới những sai lầm cực đoan, là sự vòng vèo luẩn quẩn, cực kỳ phức tạp của cả một quá trình lịch sử, đồng thời cũng lại là một giai đoạn phát triển khách quan của lịch sử không sao thay đổi được. Cái mà Cách mạng Văn hóa để lại, chẳng phải chỉ là những thống khổ, thương vong, mà còn là một bài học lịch sử để lấy đó mà suy nghĩ, mà cảnh giác, mà làm tấm gương soi.

Tuy trong mười năm Cách mạng Văn hóa, sự tổn thất của đảng, sự tổn thất của quốc gia, sự tổn thất của nhân dân là vô cùng to lớn, vô cùng thê thảm, nhưng sự sai lầm lú lẫn của nó cũng cho được con người ta những bài học và những cảnh tỉnh rất quan trọng. Có thể cho rằng, nếu không có bài học thê thảm của Cách mạng Văn hóa, thì nhà nước và nhân dân của chúng ta, đặc biệt là đảng ta, có khả năng là không dễ dàng vì đó mà bước ra khỏi đám mây mù, có khả năng là sẽ không có quyết tâm nghiến răng lại, chịu đau đớn để đổi mới, có thể là mò mẫm ra một cách thức nào đó khác, nhưng sẽ là những bước đi vô cùng chậm chạp.

Mọi người đều nói rằng, khi Cách mạng Văn hóa kết thúc, Đặng Tiểu Bình đã khai sáng ra một tiến trình lịch sử mới, đó là mở cửa, cải cách. Nhưng Đặng Tiểu Bình đã khai sáng ra một lịch trình hoàn toàn mới này do có liên quan mật thiết tới những bài học đã thu nhận được từ trong Cách mạng Văn hóa của nhà nước, của nhân dân và của đảng, nó có liên quan mật thiết tới những suy tư, khảo nghiệm và từng trải trong Cách mạng Văn hóa. Ngay trong khi tiến hành Cách mạng Văn hóa, Đặng Tiểu Bình và quảng đại cán bộ cùng quần chúng đã nhìn thấy hết sức rõ ràng sự đối chọi của chân lý và tà thuyết, đã nhìn thấy hết sức rõ

ràng những vấn đề mà trước kia chưa nhìn thấy, nhận ra, hoặc còn rất mù mờ, điều nhận thức được đầu tiên là buộc phải cởi trói, cởi bỏ mọi sự cấm đoán, giam cầm, triệt để giải phóng tư tưởng, rồi mới bắt đầu suy tính đến khai sáng con đường xã hội chủ nghĩa hoàn toàn mới như thế nào.

Trong Cách mạng Văn hóa, Đặng Tiểu Bình ngồi suy tính, những nhân sĩ có kiến thức cũng ngồi suy tính. Chính vì phải nếm trải sự thống khổ đến tột cùng như thế, chính vì có những suy tư sâu sắc như thế, Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc mới đặt chân lên được con đường xã hội chủ nghĩa hoàn toàn mới.

Người ta thường hay nhắc tới con đường sỏi son, do chính đôi bàn chân Đặng Tiểu Bình dẫm thành hồi còn ở Giang Tây, gọi nó là "đường mòn Đặng Tiểu Bình", coi như một nét tượng trưng cho sự suy ngẫm của Đặng Tiểu Bình. Thực ra, sự suy ngẫm của Đặng Tiểu Bình đối với lịch sử, đối với tương lai, là sự xuyên suốt cả cuộc đời ông. Những sự suy ngẫm ấy xuyên suốt cả cuộc sống chính trị dài hơn 70 năm của ông, không đứt đoạn bao giờ.

Trong thực tiễn, trước và sau Cách mạng Văn hóa, đặc biệt là thực tiễn trong Cách mạng Văn hóa, dứt khoát có thể nói rằng ông đã suy ngẫm rất nhiều, thật nhiều. Qua những thực tiễn suy ngẫm ấy, cuối cùng ông đã tìm ra được một mục tiêu rất chính xác, tìm ra được một con đường chính xác. Khi ông được phục hồi xuất hiện lần thứ hai, ông cùng các đồng chí, dẫn dắt nhân dân Trung Quốc, tiến hành một cuộc tìm kiếm mới, cuộc tìm kiếm đó chẳng nhẹ nhõm, dễ dàng gì, nhưng đã thành công.

Nếu như nói, Đặng Tiểu Bình qua thực tiễn của Cách mạng Văn hóa suy ngẫm được những gì, tôi nghĩ có mấy điểm trọng yếu sau đây:

- Thứ nhất: Tổng kết bài học của Cách mạng Văn hóa, không thể chỉ luận công và tội của một người, mà phải xuất phát từ góc độ chủ nghĩa duy vật lịch sử, rạch ròi phải trái, rút ra bài học, với mục đích là tiếp tục tiến tới. Sau Cách mạng Văn hóa, khi cần phải đưa ra một kết luận lịch sử, điểm đặt của Đặng Tiểu Bình đã đặt đúng vào tiêu điểm lớn của lịch sử, đặt đúng vào vị trí lịch sử của người sau kế thừa sự nghiệp của người đi trước. Quan trọng nhất là với Mao Trạch Đông, con người vĩ đại của lịch sử, nhưng vào tuổi vãn niên lại toàn mắc những sai lầm - đưa ra một sự đánh giá vừa có trách nhiệm vừa có sự toàn diện của lịch sử. Khi đó hai trào lưu tư tưởng song song tồn tại, một loại là vì đã chịu ảnh hưởng truyền thống lâu đời, kiên định duy trì địa vị của Mao Trạch Đông đã được mọi người thần thánh hóa. Còn một loại kia, tuy đã phá bỏ được những trói buộc tinh thần cũ, nhưng lại phủ nhận tất cả. Đặng Tiểu Bình chính là chỗ hợp

dòng của hai trào lưu tư tưởng đó, Đặng Tiểu Bình không thanh toán những món nợ lịch sử cũ, cũng không đi tính toán ân oán của mọi người, mà giữ vững cái thước đo của đại cục, giữ vững thước đo chính trị, giữ vững thước đo của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Lịch sử một quốc gia, lịch sử một dân tộc, vẫn một dòng tuôn chảy kế thừa nhau dù rằng trong đó có lúc đầy phong ba bão tố, có vinh có nhục. Lịch sử không cho phép bất kỳ người nào tùy tiện bóp méo đi được, và cũng chẳng cho phép người nào tùy tiện cắt xén đi hoặc làm đứt đoạn. Tổng kết lịch sử, đánh giá nhân vật lịch sử, vì hiện tại mà cũng là vì cả tương lai nữa. Khi Đặng Tiểu Bình điều khiển công tác đảng của chúng ta đã đưa ra được nghị quyết về một số vấn đề lịch sử của đảng kể từ khi kiến quốc đến nay, đã toàn diện, khách quan, chính xác, tổng kết lịch sử, làm cho mọi người trút bỏ được gánh nặng lịch sử nặng nề, giải thoát được những tư tưởng trói buộc đã có từ lâu, để toàn đảng, toàn dân nhất tề đổi mới cả tinh thần lẫn diện mạo, cùng bước lên chặng đường dài lịch sử mới, đặt nền móng cho cơ sở tư tưởng cơ bản.

- Thứ hai: Trước Cách mạng Văn hóa, đặc biệt là trong Cách mạng Văn hóa, thể chế chính trị đang thực hành lúc đó đã bộc lộ ra quá nhiều tật bệnh. Trung Quốc là một đất nước có lịch sử phong kiến chuyên chế kéo dài tới hơn hai nghìn năm, tuy nhiên năm 1911, Tôn Trung Sơn đã lãnh đạo một cuộc cách mạng dân chủ tư sản, nhưng cuộc cách mạng đã kết thúc bằng thất bại, nhanh chóng thay vào đó là cuộc hỗn chiến của quân phiệt và cá nhân độc tài. Cho mãi đến trước khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, Trung Quốc chưa hề có lúc nào thực hiện được chủ nghĩa dân chủ hiện đại theo đúng với ý nghĩa chân chính của nó. Trong điều kiện lịch sử khách quan ấy, sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, tuy Trung Quốc tiến nhanh vào thời kỳ lịch sử hoàn toàn mới, nhưng tiến trình dân chủ hóa, chế độ hóa, pháp luật hóa của đảng và nhà nước, ngược lại, vẫn còn chưa được hoàn thiện và phát triển, lại do ảnh hưởng của rất nhiều nhân tố bất lợi ở trong nước cũng như trên quốc tế, sai lầm bắt đầu nảy sinh và không ngừng nặng thêm, ngay cả tình hình dân chủ trong nội bộ đảng cũng ngày một sa sút, cá nhân độc đoán chuyên chế và sùng bái cá nhân phát triển tới chỗ cực đoan, lại cũng chính vì thế mà dẫn tới hàng loạt những sai lầm nghiêm trọng hơn. Sau khi Cách mạng Văn hóa kết thúc, Đặng Tiểu Bình cùng với các đồng chí của ông, đồng thời với việc cải cách về phương diện thể chế kinh tế, còn hết sức coi trọng việc cải cách thể chế chính trị của đảng và nhà nước, mặc dù trong hoàn cảnh cực kỳ phức tạp, đã tiến hành hàng loạt những cải cách thể chế chính trị quan trọng, trong đó có những việc như phế bỏ chế độ cán bộ lãnh đạo nắm chức quyền suốt đời, xây dựng và kiện toàn chế độ dân chủ tập trung trong nội bộ đảng, hoàn thiện và kiện toàn chế độ đại hội đại biểu nhân dân

toàn quốc, xây dựng và kiện toàn hệ thống pháp luật nhà nước, trong đó bao gồm hiến pháp, luật cơ bản cho đến các loại pháp luật, pháp quy, đưa nhà nước vào đúng quỹ đạo bình thường của pháp luật hóa và thể chế hóa. Có thể nói, chỉ đến lúc này Trung Quốc mới dấn bước vào tiến trình lịch sử hiện đại hóa theo đúng ý nghĩa của nó, xây dựng một xã hội phát triển phù hợp với hiện đại và xây dựng một thể chế chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa, phù hợp với tình hình Trung Quốc.

- Thứ ba: Đồng thời với việc tiến hành chuẩn bị tư tưởng và chuẩn bị chính trị, phải mạnh bạo kiên quyết tiến hành ngay việc cải cách thể chế kinh tế. Mao Trạch Đông là một con người vĩnh viễn theo đuổi cách mạng, ông ta tìm một thế giới tinh thần của sự cách mạng liên tục. Cùng với việc đi truy tìm lý tưởng, thì ông ta cũng thoát ly dần ra khỏi quỹ đạo thực tế và quy luật khách quan. Trong việc xử lý vấn đề quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, ông ta đã tập trung, dồn hết sức mình vào không ngừng cải tạo, và điều chỉnh quan hệ sản xuất, mà ông ta đã rất coi nhẹ sự phát triển sức sản xuất. Một mặt, ông ta đã sai lầm đem áp đặt cách thức đấu tranh giai cấp và quan điểm đấu tranh giai cấp trong những năm chiến tranh kéo dài liên tục tới thời kỳ xây dựng, kiến thiết sau giải phóng, làm cho quan hệ sản xuất bị méo mó một cách nghiêm trọng. Mặt khác, ông ta đã nhận thức và giải thích một cách không chính xác, nên đã gây ra sự hạn chế, và làm trở ngại đến sự phát triển của sức sản xuất. Sau khi Cách mạng Văn hóa kết thúc, tiến hành cải cách thể chế kinh tế, có nghĩa là tiến hành song song cả hai mặt: Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Đồng thời với việc không ngừng theo dõi và điều chỉnh quan hệ sản xuất, phải có những nhận thức mới, đánh giá mới đối với việc phát triển lực lượng sản xuất, và cuối cùng phải xác định việc xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm giai đoạn đầu của xã hội chủ nghĩa. Một tiền đề lớn khi tiến hành cải cách thể chế kinh tế là phải tỉnh táo để nhận thức được rằng, Trung Quốc đang đứng trong điều kiện lịch sử khách quan là giai đoạn đầu của xã hội chủ nghĩa. Trong khi trình độ của lực lượng sản xuất thấp, khoa học kỹ thuật phát triển kém cỏi, đời sống nhân dân bị bế tắc, lại còn cả sự trói buộc của thể chế kinh tế cũ đang hiện hành, nên muốn cải cách cần phải mạnh dạn, lại phải tuần tự nhích dần, dùng đao to búa lớn, nhưng lại phải vô cùng thận trọng, không để mất thời cơ, nhưng lại phải tìm kiếm đường tiến, không ngừng thâm nhập, đi sâu, nhưng phải dám mở đường đi trước. Trải qua 20 năm thực tiễn cải cách thể chế kinh tế, cuối cùng Trung Quốc cũng đã tìm được cho mình con đường phát triển đáng có trong lịch sử, đã tìm được địa vị đáng có trong thế giới phát triển ngày hôm nay.

Tôi không đủ khả năng kể hết sự phát triển và thay đổi sau Cách mạng Văn hóa của Trung Quốc, đặc biệt là trong giai đoạn cải cách mở cửa cho tới nay. Điều tôi cần nói là: Đặng Tiểu Bình với tinh thần không biết mệt mỏi của cả cuộc đời đi tìm chân lý ngay từ khi còn trẻ, với lòng trung thành và niềm tin vào đảng, với kinh nghiệm mấy chục năm trong lịch trình cách mạng, với sự suy ngẫm và thực tiễn trong Cách mạng Văn hóa, ông đã tạo dựng nên một thời kỳ mới, đó là nền tảng vững chắc cho một cống hiến rực rỡ đối với tổ quốc và nhân dân mà ông yêu quý hết sức sâu sắc. Trong cả cuộc đời ông, trong thực tiễn của sự nghiệp cách mạng và xây dựng mà ông tiến hành, ông vẫn một lòng một dạ, không biết mệt mỏi kiếm tìm, tức là làm cho Trung Quốc mau chóng cường thịnh lên, nhân dân Trung Quốc nhanh chóng giàu có lên. Trong trăm nghìn sự việc, trong muôn vạn suy tư, tấm lòng của Đặng Tiểu Bình bao giờ cũng đặt đất nước và nhân dân lên cao hơn tất cả. Ông đã đem toàn bộ tinh thần và tâm huyết của cả cuộc đời mình gửi gắm vào đất nước và nhân dân, cuối cùng ông đề xuất: Xem xem nó có lợi cho sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa hay không, xem xem nó có lợi cho sự tăng cường sức mạnh tổng hợp của các quốc gia xã hội chủ nghĩa hay không, xem xem có lợi cho việc nâng cao đời sống của nhân dân lên không, và lấy những cái đó để làm tiêu chuẩn đánh giá công tác là được là mất, là phải là trái. Tư tưởng căn bản của ông là lấy nước lấy dân làm gốc, đã được nhân dân Trung Quốc công nhận và ủng hộ. Có rất nhiều người đang đi sâu thảo luận, tìm nguyên nhân thành công việc cải cách mở cửa của Trung Quốc. Thực ra, cái nguyên nhân ấy, bảo rằng phức tạp kể cũng rất phức tạp, bảo rằng giản đơn nó cũng vô cùng giản đơn. Như vậy là có ý nói: Nguyện vọng cải cách mở cửa đã thấm sâu vào lòng nhân dân, những biện pháp cải cách mở cửa phù hợp với tình hình của đất nước, cải cách mở cửa được quảng đại quần chúng nhân dân ủng hộ và thực hiện. Không có nhân dân ủng hộ, thì bất kỳ người nào cũng đều không thể đẩy con tàu cải cách mở cửa lên đường ra khơi được.

Vào dịp sinh nhật lần thứ 95 của cha tôi, thực ra tôi chỉ có ý định viết một cái gì đó về sự trải nghiệm của cha tôi trong những năm tháng Cách mạng Văn hóa để tưởng nhớ tới Người. Nhưng không ngờ, đặt bút viết, lại viết dài như thế này. Cách mạng Văn hóa là một lịch trình lịch sử phức tạp, trong khi cha tôi lại là một nhân vật lịch sử quá trọng yếu, cho nên chỉ với năm câu ba điều thì không có khả năng làm cho rõ ràng được. Điều tôi viết, là nói về những nếm trải của cha tôi trong Cách mạng Văn hóa, đồng thời cũng là sự nếm trải của cả gia đình tôi trong Cách mạng Văn hóa. Trong quá trình viết lách, cả gia đình tôi đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Cứ sau khi viết xong một chương, tôi lại đưa cho cả gia đình

xem. Tất cả mọi người trong nhà đều góp ý, gợi ý cho tôi nhớ lại những sự thật, những chi tiết, giúp tôi bổ sung sửa chữa, giúp tôi đối chiếu lại bản thảo. Đặc biệt là mẹ tôi, năm nay đã 83 tuổi, vẫn còn chịu khó đọc lại giúp tôi từng câu, giúp tôi sửa chữa từng chữ. Nếu mà những điều tôi vừa viết phản ảnh được phần nào về cha tôi và gia đình tôi trong Cách mạng Văn hóa, thì hoàn toàn phải cảm ơn mẹ tôi và các anh chị em tôi - Đặng Lâm, Đặng Phác Phương, Đặng Nam, Đặng Chất Phương, và còn cả chồng tôi nữa, anh Hạ Bình. Không có sự giúp đỡ của anh, chỉ bằng một sức lực tôi, thực ra chẳng thể nào hoàn thành công việc này được.

Hồi tưởng lại, gần như không dám tin rằng, cha tôi đã đi xa được ba năm rồi, thật là ngày tháng như thoi đưa. Trong khi ngồi viết về đoạn thời gian Cách mạng Văn hóa, tiếng nói, tiếng cười, nét mặt của cha tôi vẫn thường hiển hiện trước mắt tôi. Trong giấc ngủ, trong mơ, hình ảnh cha tôi vẫn ở quanh tôi. Trong tâm khảm tôi, vẫn luôn cảm thấy một cách hết sức rõ ràng rằng, cha tôi chưa rời xa chúng tôi mà ra đi. Ông vẫn còn đang quanh quẩn bên cạnh chúng tôi, đang cùng ngồi đoàn tụ với gia đình, nghe chúng tôi nói, nhìn chúng tôi cười, vẫn như xưa chẳng nói năng gì, tận hưởng tình thân và niềm vui êm ấm nhất trên cõi thế gian này.

Cha ơi? Chúng con thương nhớ cha.

Lời cảm tạ

Để viết được tập sách này, tôi đã tham khảo nhiều tài liệu lưu trữ và thư tịch có liên quan, đã gặp gỡ nhiều người biết chuyện, và đã được những người đó hết lòng ủng hộ. Đồng chí Lực Bình ở phòng nghiên cứu Văn Hiến Trung ương đã đọc thẩm định cho toàn bộ tập sách, và đã cho những chỉ dẫn quan trọng. Những đồng chí ở tổ nghiên cứu Đặng Tiểu Bình thuộc phòng nghiên cứu Văn Hiến Trung ương, đặc biệt là đồng chí Chu Lập Bình, đã cung cấp cho nhiều tài liệu cũng như những chỉ dẫn quý báu. Ở đây, tôi xin gửi tới những đồng chí đã từng giúp đỡ, chỉ dẫn cho tôi, lời cảm ơn chân thành.

HẾT

Chú thích

[1] Diêu Văn Nguyên khi đó làm việc tại phòng Nghiên cứu chính sách của Thành ủy Thượng Hải.

[2] Ngô Hàm: nhà sử học nổi tiếng, khi đó là Phó Thị trưởng thành phố Bắc Kinh.

[3] Bành Đức Hoài: Nguyên soái của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đã từng là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện kiêm Bộ trưởng Quốc phòng. Năm 1962, tại hội nghị Lư Sơn, Mao Trạch Đông đã phát động cuộc phê phán Bành Đức Hoài. Năm 1962 Bành Đức Hoài đệ trình lên Trung ương bản tường trình minh oan khá dài. Mao Trạch Đông cho rằng đây là hoạt động đòi lật đổ lại bản án cũ, không thể sửa sai cho ông được. Sau khi kết thúc Cách mạng Văn hóa, trong Đại hội toàn thể lần thứ Ba khóa 11 Đảng Cộng sản Trung Quốc đã sửa sai, minh oan, phục hồi danh dự cho ông.

[4] Giang Thanh, vợ Mao Trạch Đông. Về danh nghĩa là Cục trưởng Cục điện ảnh thuộc Bộ tuyên truyền của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, trên thực tế thường ốm đau không làm việc.

[5] Trương Xuân Kiều: Bí thư Ban bí thư thành ủy Thượng Hải.

[6] Bành Chân là Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, bí thư Ban Bí thư Trung ương, Bí thư thứ nhất thị ủy thành phố Bắc Kinh kiêm Thị trưởng thành phố Bắc Kinh.

[7] Mã Liên Lương: diễn viên kinh kịch nổi tiếng.

[8] Kiều bài, một lối đánh bài của Trung Quốc. Bốn người chơi bằng cỗ bài tú-lơ-khơ chia hai người một phe. (ND)

[9] Khang Sinh: Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng.

[10] Lý Phú Xuân: Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Ban kế hoạch nhà nước.

[11] Bạc Nhất Ban: Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện kiêm Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế nhà nước

[12] Trần Bá Đạt: ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ nhiệm Phòng nghiên cứu chính trị Trung ương Đảng, tổng biên tập tạp chí Cờ đỏ, bí thư của Mao Trạch Đông

[13] Khơ-rut-sốp: từng là ủy viên Đoàn chủ tịch Đảng Cộng sản Liên xô, là bí thư Trung ương. Sau khi Stalin qua đời, tháng 9/1953 được cử làm Bí thư thứ nhất. Tháng 3/1958 lại kiêm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Tại đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XX, đã phản đối Stalin đem lại những ảnh hưởng tiêu cực nhất định cho phong trào cộng sản quốc tế lúc bấy giờ.

[14] Trần Nghị: Nguyên soái nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương.

[15] Diệp Kiếm Anh: Nguyên soái nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, bí thư Ban Bí thư Trung ương, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương.

[16] Từ Hướng Tiền: Nguyên soái nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương.

[17] Nhiếp Vinh Trăn: Nguyên soái nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương.

[18] Lý Tiên Niệm: Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện. (Nguyên chú)

[19] Chấn Lâm: Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện.

[20] Dư Thu Lý: Phó Chủ nhiệm thứ nhất kiêm thư ký trưởng Ủy ban Kế hoạch nhà nước.

[21] Cốc Mục: Chủ nhiệm Ủy ban xây dựng nhà nước.

[22] An Tứ Văn: đã từng là Trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng.

[23] Phùng Ngọc Tường, tướng lãnh cao cấp của Quốc Dân đảng, nổi tiếng là người yêu nước tiến bộ. Năm 1927, Đặng Tiểu Bình đã được phái tới quân đội của Phùng Ngọc Tường làm giáo viên giảng dạy chính trị.

[24] Đằng Đại Viên: đã từng là phó Tư lệnh quân khu Tán, Dục, Lỗ, Dự (tên khác của các tỉnh Sơn Tây, Hà Bắc, Sơn Đông, Hà Nam - N.D) và là Thường vụ Trung ương cục bốn tỉnh nói trên, là cấp dưới của Đặng Tiểu Bình.

[25] Viên Nhiệm Viên: đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa Bách Sắc do Đặng Tiểu Bình và một số người khác lãnh đạo, từng là trưởng khoa hành chính tổng hợp phòng chính trị quân đoàn Hồng quân số 7, kiêm Chủ nhiệm phòng chính trị trung đội số 2 và ủy viên chiến trường.

[26] Mạc Văn Hoa: đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa Bách Sắc do Đặng Tiểu Bình và một số người khác lãnh đạo. Đã từng là tham mưu Ban sơ yếu Quân đoàn Hồng quân số 7.

[27] Thái Sướng: mùa đông năm 1919 sang Pháp vừa học vừa làm, năm 1922 với Đặng Tiểu Bình cùng tuyên thệ gia nhập đoàn Thanh niên xã hội chủ nghĩa, năm 1923 chuyển sang Đảng Cộng sản Trung Quốc.

[28] Lưu Lan Đào: đã từng là bí thư dự bị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, phó bí thư Ban Kiểm tra Trung ương Đảng, bí thu thứ nhất cục Tây Bắc của Đảng Cộng sản.

[29] Lý Sở Ly: đã từng là ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương, phó Ban tổ chức Trung ương.

[30] Tiêu Hoa: đã từng là Chủ nhiệm tổng cục chính trị quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc.

[31] Vương Tòng Ngô: đã từng là phó bí thư Ban Kiểm tra Trung ương.

[32] Tiến Anh: đã từng là phó bí thư Ban Kiểm tra Trung ương.

[33] Phan Hán Niên: đã từng là trưởng Ban Xã hội cục Hoa Đông của Trung ương.

[34] Liêu Chí Cao: đã từng là bí thư của Ban bí thư cục Tây Nam của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bí thư thứ nhất tỉnh uý Tứ Xuyên Đảng Cộng sản Trung Quốc.

[35] Khuất Vũ, bạn học của Đặng Tiểu Bình ở trường đại học Trung Sơn tại Mat-xcơ-va.

[36] Tiêu Tam: đã từng cùng với Đặng Tiểu Bình vừa học vừa làm tại Pháp.

[37] Giang Trạch Dân: đã từng cùng với Đặng Tiểu Bình vừa học vừa làm ở Pháp.

[38] Phó Chung: đã từng cùng với Đặng Tiểu Bình vừa học vừa làm tại Pháp.

[39] Tăng Tam: đã từng là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, trưởng phòng hồ sơ Trung ương.

[40] Lý Chất Trung: đã từng là cục trưởng cục Cơ yếu Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng.

[41] Đặng Điển Đào: Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc kiêm trưởng phòng hành chính cơ quan văn phòng.

[42] Phạm Nhược Ngu: đã từng làm hiệu phó trường đảng Trung ương.

[43] Trương Chấn Cầu: đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa Bách Sắc do Đặng Tiểu Bình và một số người khác lãnh đạo, đã từng là đội trưởng đội tuyên truyền phòng chính trị quân đoàn Hồng quân số 7.

[44] Đặng Tốn Luân: đã từng là Chủ nhiệm chính trị Ban hậu cần của Dã chiến quân thứ 2.

[45] Tạ Tĩnh Nghi trong Cách mạng Văn hóa đã từng là Phó Chủ nhiệm ủy ban Cách mạng trường đại học Thanh Hoa, Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Cách mạng thành phố Bắc Kinh, Bí thư Thành ủy Bắc Kinh.

[46] Chu Đức: Nguyên soái nước CHND Trung Hoa, từng là Phó Chủ tịch Trung ương Đảng, trong đại hội lần thứ nhất của khóa 9 được chọn vào làm Ủy viên Bộ Chính trị.

[47] Đổng Tất Vũ: đã từng là Phó Chủ tịch nước CHND Trung Hoa, trong đại hội lần thứ nhất của khóa 9 được chọn làm Ủy viên Bộ Chính trị.

[48] Vương Chấn: từng là Bộ trưởng Bộ Khai hoang, trong Đại hội 9 được bầu làm Ủy viên Trung ương.

[49] Hoàng Tiên khi đó là Phó Chủ nhiệm ủy Ban Cách mạng tỉnh Giang Tây.

[50] Trình Thế Thanh lúc đó là Chủ nhiệm ủy ban Ban Cách mạng tỉnh Giang Tây, chính ủy thứ nhất tỉnh đội Giang Tây.

[51] Vương Giá Tường đã từng là bí thư Ban Bí thư Trung ương, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Vụ trưởng Vụ Quan hệ quốc tế Trung ương.

[52] Tam ngôn: chỉ ba bộ sách văn học cổ điển: Cảnh thế thông ngôn, Du thế minh ngôn, Tính thế hàng ngôn

[53] Nhị phách: Sơ khác phách án kinh kỳ

[54] Lý Cảnh Tuyền: đã từng là Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, bí thư thứ nhất cục Tây Nam của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

[55] Tôn Quyền tức Ngô Đại Đế, thời Tam Quốc là người sáng lập ra nước Ngô.

[56] Tào Tháo: một chính trị gia, quân sự gia thời Tam Quốc. Hán Hiến đế đã từng phong làm Thừa tướng. Khi con Tào Tháo là Tào Phi xưng đế, được truy tôn là Ngụy Vũ đế.

[57] Lưu Tuấn Tú: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Cách mạng tỉnh Giang Tây.

[58] Lương Đức Trung: cục phó Cục bảo vệ Trung ương, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng.

[59] Trương Văn Thiên: được bầu làm ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị tại Đại hội toàn thể Trung ương lần thứ nhất của khóa 8. Năm 1959, bị phê phán sai lầm ở hội nghị Lư Sơn năm 1959.

[60] Ô Lan Phu: tại hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ nhất của khóa 8 được bầu làm ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

[61] Bánh chẻo giống như bánh gối của nhưng nhỏ hơn nhiều, không rán mà đem hấp trong vỉ như hấp bánh bao. (N.D)

[62] Liêu Thừa Chí: từng làm chủ nhiệm Ban Hoa Kiều của Quốc vụ viện.

[63] Tăng Hy Thánh: từng là Bí thư thứ nhất tỉnh An Huy.

[64] Tưởng Nam Tường: đã từng là Bộ trưởng Bộ Giáo dục cao đẳng của Quốc vụ viện Trung Quốc.

[65] Trần Chính Nhân: đã từng là Bộ trưởng Bộ Cơ khí Công nghiệp thứ 8 Quốc vụ viện Trung Quốc.

[66] Tăng Sơn từng giữ Chức vụ Bộ trưởng Nội vụ Quốc vụ viện.

[67] Đặng: tức là Đặng Tiểu Bình, khi đó là bí thư huyện ủy Hội Xương của Đảng Cộng sản, lãnh đạo công tác ba huyện Hội Xương, Tâm Ô, An Định. Mao: chỉ Mao Trạch Đàm, khi đó là bí thư huyện ủy Vĩnh (Phong), Cát (An), Thái (Hòa). Tạ: là Tạ Duy Tuấn, lúc đó là Tư lệnh quân khu 2 của quân khu tỉnh Giang Tây kiêm sư trưởng sư độc lập số 5. Cố: là Cố Bách, khi đó là ủy viên chính phủ Xô-viết và bí thư đảng đoàn tỉnh Giang Tây. Tháng 3/1933 họ bị coi là những kẻ "đặt ra đường lối La Minh ở Giang Tây", bị chỉ trích nặng nề và bị cách chức.

[68] Địa khu là đơn vị hành chính trên huyện, dưới tỉnh.

[69] Khởi nghĩa Thu Thâu, có người đọc là Thu Thu, cuộc khởi nghĩa này nổ ra vào vụ thu hoạch mùa thu (nên có tên thế), tức là tháng 9/1927, do Mao Trạch Đông lãnh đạo (N.D).

[70] Vương Nhược Phi: năm 1919 sang Pháp vừa học vừa làm, từng là phó Tham mưu trưởng Bát Lộ quân, bí thư trưởng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tháng 4/1946, từ Trùng Khánh về Diên An đã hy sinh vì tai nạn máy bay.

[71] Trần Độc Tú: một trong những người lập ra Đảng Cộng sản Trung Quốc và lãnh đạo đảng vào thời kỳ đầu. Vào thời kỳ cuối của cuộc đại cách mạng, đã đi theo đường lối hữu khuynh, đầu hàng chủ nghĩa, khiến cho cách mạng bị tổn thất nặng nề. Sau đã có những hoạt động phản đảng, và bị khai trừ ra khỏi đảng.

[72] Kỷ Đăng Khuê: trong Đại hội toàn Trung ương lần thứ nhất của khóa 9 được bầu làm ủy viên dự khuyết của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, khi đó đang là bí thư Tỉnh ủy tỉnh Hà Nam.

[73] Vi Quốc Thanh: khi đó là Chủ nhiệm Ban chấp hành Ủy ban Cách mạng Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây.

[74] Hoa Quốc Phong: trưởng Ban nghiệp vụ Quốc vụ viện.

[75] Vương Hồng Văn: Bí thư Thành ủy Thượng Hải.

[76] Vương Hải Dung: thân thích của Mao Trạch Đông, lúc đó là trợ lý cho Ngoại trưởng, sau làm Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

[77] Đường Văn Sinh: khi đó là cục phó Cục nước Mỹ của Bộ Ngoại giao.

[78] Dương là chỉ Dương Thành Vũ, đã từng là quyền Tổng Tham mưu trưởng Nhân dân Giải phóng quân Trung Quốc. Dư là chỉ Dư Lập Kim, từng là chính ủy không quân. Phó là chí Phó Sùng Bích, từng là Tư lệnh khu Vệ Nhung Bắc Kinh. Tháng 3/1968, bị tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu, Giang Thanh, vu cáo và đánh đổ.

[79] Trì Quần: lúc đó là Bí thư Đảng ủy trường đại học Thanh Hoa, Chủ nhiệm Ủy ban Cách mạng.

[80] Tống Khánh Linh: vợ góa của nhà cách mạng dân chủ Trung Quốc Tôn Trung Sơn. Bà đã từng là Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

[81] Nhà tứ hợp: bốn khu nhà xây ở bốn phía một khu đất, quay mặt vào một sân chung ở giữa, khu nhà nọ đi sang khu nhà kia đều phải đi qua khu sân chung này, thường thấy ở Bắc Kinh. (N.D)

[82] Nguyên văn từ bản text đã có là “mươi vạn”. Người làm ebook không có bản sách giấy để đối chiếu.

[83] Tô Chấn Hoa: Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, ủy viên chính trị thứ nhất binh chủng hải quân.

[84] Mã Thiên Thuỷ: khi đó là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Cách mạng Thượng Hải, là Bí thư Thành ủy Thượng Hải.

[85] Trang Tác Đống: lúc đó là Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao nhà nước.

[86] Hạ Thành: Đã từng là viện trưởng Viện Y học quân sự quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc.

[87] Phó Liên Chương: Đã từng là Thứ trưởng Bộ Y tế, cục phó Cục Y tế Tổng cục Hậu cần quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc.

[88] Hồ Kiều Mộc: Đã từng là thư ký cho Mao Trạch Đông, thư ký Bộ Chính trị Trung ương Đảng, phó thư ký trưởng Trung ương Đảng, bí thư dự khuyết Ban Bí thư Trung ương.

[89] Ngô Lãnh Tây: Đã từng là xã trưởng Tân Hoa xã, tổng biên tập *Nhân dân nhật báo*.

[90] Hồ Thắng: Đã từng là Phó Chủ nhiệm phòng nghiên cứu chính trị Trung ương Đảng, phó tổng biên tập tạp chí *Cờ Đỏ*.

[91] Hùng Phúc: Đã từng là xã trưởng Tân Hoa xã.

[92] Vu Quang Viễn: Từng là ủy viên Ủy ban khoa triết học xã hội của Ủy ban khoa học nhà nước, và là Phó Chủ nhiệm Ủy ban khoa học nhà nước.

[93] Đặng Lực Quần: Từng là phó tổng biên tập tạp chí *Cờ đỏ*.

[94] Hồ Diệu Bang: Đã từng là Bí thư thứ nhất của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản, bí thư thứ hai cục Tây Bắc của Trung ương Đảng Cộng sản, Bí thư thứ nhất tỉnh ủy Thiểm Tây.

[95] Lý Xương: Đã từng là phó Bí thư Đảng ủy Học viện khoa học và là phó viện trưởng viện này.

[96] Hoàng Côn: Đã từng là giám đốc Sở nghiên cứu chất bán dẫn thuộc Học viện khoa học Trung Quốc.

[97] Uông Đức Chiêu: Đã tùng là giám đốc Sở nghiên cứu Thanh Học của Học viện khoa học Trung Quốc.

[98] Ngô Trọng Hoa: Đã từng là phó giám đốc Sở nghiên cứu Lực học, giám đốc Sở nghiên cứu vật lý Công trình Nhiệt của Học viện khoa học Trung Quốc.

[99] Đàm Cảo Hành: Đã từng là phó giám đốc Sở nghiên cứu Lực học của Học viện khoa học Trung Quốc.

[100] Dương Nhạc: Chuyên viên Sở nghiên cứu Toán học của Học viện khoa học Trung Quốc.

[101] Đường Hiếu Uy: Chuyên viên Sở nghiên cứu Vật lý năng lượng cao của Học viện khoa học Trung Quốc.

[102] Trần Cảnh Nhuận: một nhà toán học nổi tiếng.

[103] Lão Chín: thời Đại Cách mạng Văn hóa, “lũ bốn tên” đã xếp trí thức vào loại thứ chín, sau địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phần tử xấu, phái hữu, phản bội, đặc vụ và theo tư bản. Bị coi là “đối tượng chuyên chính thứ chín” và bị khinh rẻ gọi là “Lão Chín thối”.

[104] Tỉnh, địa: đơn vị hành chính của Trung Quốc.

[105] Thủy Hử: truyện tiểu thuyết dài ở thời nhà Minh, cả bộ tiểu thuyết viết về chuyện Tống Giang và

những người nông dân khởi nghĩa về tụ nghĩa ở Lương Sơn.

[106] Tống Giang: Đầu lĩnh của các hảo hán Lương Sơn trong tiểu thuyết Thủy Hử, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân thời Bắc Tống.

[107] Tiều Cái: Thủ lĩnh của hảo hán Lương Sơn trong tiểu thuyết Thủy Hử.

[108] Trần Vĩnh Quý: Khi đó là ủy viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng, là Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, phụ trách nông nghiệp.

[109] Ba pho sách cũ là chỉ ba tác phẩm của Mao Trạch Đông: "Phục vụ nhân dân", "Kỷ niệm Bethune", "Ngu Công dời núi".

[110] Năm pho sách cũ: là chỉ năm tác phẩm của Mao Trạch Đông: "Phục vụ nhân dân", "Kỷ niệm Bethune", "Ngu Công dời núi", "Về vấn đề uốn nắn tư tưởng sai lầm trong đảng", "Chống chủ nghĩa tự do".

[111] *Tam quốc diễn nghĩa* và *Hồng Lâu Mộng* là hai bộ tiểu thuyết lịch sử dài nổi tiếng của Trung Quốc.

[112] Cao Cầu: Một viên quan thời kỳ Bắc Tống với chức Thái úy.

[113] Phương Tạp: Lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân thời Bắc Tống.

[114] Lỗ Tấn: Nhà văn, nhà tư tưởng, nhà cách mạng vĩ đại của Trung Quốc hiện đại.

[115] Tiểu Tạ: một cách gọi khác của Tạ Tĩnh Nghi (N.D)

[116] Lưu Khánh Đường: diễn viên, nanh vuốt của "bè lũ bốn tên" ở Bộ Văn hóa.

[117] Đoàn Hoàn Hương: nguyên chỉ tổ chức võ trang địa chủ của Quốc Dân đảng trong những năm chiến tranh. Ở đây có ý nói tới các cán bộ cũ đã được phục hồi công tác.

[118] La Thanh Trường: Đã từng là phó Ban thư ký Quốc vụ viện, phó Ban thư ký của Ban Thường vụ đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc.

[119] Sescu: Lúc đó là Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Anbani, bí thư Ban Bí thư Trung ương. Alia: Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Anbani, bí thư Ban Bí thư Trung ương.

[120] Mi-ki Tha-kê-ô: Khi đó là tổng tài Đảng Tự do Dân chủ Nhật Bản, là Thủ tướng nội các.

[121] Bà Bandalanaicơ: Lúc đó là Thủ tướng Sri Lanca.

[122] Hàn Niệm Long khi đó là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

[123] Võ Tắc Thiên: nữ hoàng thời Đường của Trung Quốc.

[124] Lữ Hậu: hoàng hậu thời Hán của Trung Quốc.

[125] A Đẩu: Con trai Lưu Bị, thời Tam Quốc, tượng trưng cho những kẻ bất tài.

[126] Tuyết tháng 6: Trong vở kịch nổi tiếng "Nỗi oan nàng Đậu Nga" của kịch tác gia tài ba Quan Hán Khanh thời Nguyên, ông Trời thấy nàng Đậu Nga bị oan nên đã giáng một trận tuyết tháng 6 giữa mùa hè.

[127] Nagy Imre: đã từng là người lãnh đạo Hungary. Năm 1956 lãnh đạo cuộc chính biến ở Hungary.

[128] Lưu Bang: Hoàng đế khai quốc triều nhà Hán của Trung Quốc ở thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên.

[129] Tần Thủy Hoàng: Hoàng đế khai quốc triều Tần của Trung Quốc. Ở thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên.

[130] Cuộc khởi nghĩa Nam Xương năm 1927 là sự khởi đầu cho các cuộc vũ trang cách mạng do Đảng Cộng sản độc lập lãnh đạo. Nên lấy ngày 1-8 (Bát Nhất) làm ngày thành lập Quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc.

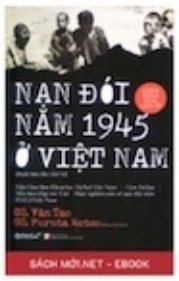

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

Mục lục

Năm 1966 lắm chuyện

Tai họa từ trong nhà mà ra

Nã pháo vào Bộ Tư lệnh

Phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình

Tổng tiến công vào "kẻ cầm quyền đi theo con đường chủ nghĩa tư bản"

Đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Đào Chú

Một lá thuyền đơn trong sóng cả

Thành lập Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình

Đại hội toàn Trung ương mở rộng lần thứ 12 của khóa VIII

Tháng năm khủng khiếp

Tai họa từ ngang trời giáng xuống

Thanh la não bạt diễn trò Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình

Đại hội 9 và "tiếp tục cách mạng"

Sơ tán, chuẩn bị chiến tranh

Chuyến bay đơn độc về phương Nam

Giang Tây, những ngày đầu

Lao động

Về nhà rồi đây!

Phi Phi về đây rồi

Biến số trong bất biến

Sóng gió ở Hội nghị Lư Sơn

Những ngày bình lặng không yên ổn

Cảnh ngộ Phác Phương

Trời chẳng phụ lòng người

Vật đổi sao dời

Giang Nam, xuân đến sớm

Uốn nắn lại những cung cách cực tả
Giải tỏa giam cầm, lên tỉnh Cương Sơn
Thăm lại đất xưa
Chào nhé trường bộ binh
Trở lại làm việc
Đại hội khóa 10 của Đảng, kiên trì đường lối Cách mạng Văn hóa
Vào Quân ủy, Bộ Chính trị
Sóng gió trong chuyến đi dự Hội nghị đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp Quốc
Cuộc đấu tranh về "tổ chức nội các" trong Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khóa bốn
Ý vị sâu xa của Đại hội Đại biểu Nhân dân khóa IV
Màn giáo đầu của chỉnh đốn toàn diện
Cuộc đọ sức chỉnh đốn ngành đường sắt
Mao Trạch Đông phê bình "bè lũ bốn tên"
Chỉnh đốn toàn diện
Ba văn kiện chỉnh đốn toàn diện
Thành tựu vĩ đại
"Bình Thủy Hử" và những ngày cuối cùng của Chu Ân Lai
Kẻ ác đi kiện trước
Thời buổi khó khăn
Cuộc tuẫn nạn bi tráng
Phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh lấn át
Phong trào Ngày 5 Tháng 4 vĩ đại
Hai "Nghị quyết" và Đặng Tiểu Bình lại bị đánh đổ một lần nữa
Sóng gió không sờn
Mao Trạch Đông, vĩ nhân một đời, ra đi
Đập tan hoàn toàn lũ bốn tên
Sự phục hồi trong vòng sáng huy hoàng

Lời kết và lời cảm tạ
Lời cảm tạ